

TỤNG VII. KỆ

30. TƯƠNG ƯNG TỖ KHEO¹

KINH 966. THIỆN SINH²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Tôn giả Thiện Sanh³ vừa mới cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà; đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Này các Tỳ-kheo. Hãy biết thiện nam tử Thiện Sanh này có hai chỗ xinh đẹp:⁴ một là cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín, xuất gia học đạo, sống không nhà; hai là đã tận trừ các hữu lậu, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại tự biết tác chứng:⁵ ‘Ta, sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sinh đời sau nữa.’”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Tịch tĩnh, sạch các lậu,
Tỳ-kheo đẹp rứt rỡ;
Ly dục, đoạn các kết,
Niết-bàn, không tái sinh.
Mang thân tôi hậu này,
Hàng phục giặc ma oán.*

¹ Tương ưng Tỳ kheo, Tụng VII, gồm các kinh Đại chánh, kinh 1062-1083 (trọn quyển 38 & 3 kinh đầu quyển 39). Ấn Thuận *Hội biên*, “Tụng viii. Tám chúng. 17. Tương ưng Tỳ kheo”. *Quốc dịch*, quyển 32, “Tụng vii. Kệ. 1. Tương ưng Tỳ kheo”, 2 phẩm, 22 kinh. *Phật quang*, quyển 38, kinh 1050-1068. Tương đương Pāli, S. 21. Bhikkhusaṃyutta.

² Đại chánh, quyển 38, kinh 1062. Pāli, S. 21. 5. Sujāto. Biệt dịch, No 100(1).

³ Thiện Sanh 善生. Pāli: Sujāta.

⁴ Hán: nhị xứ đoạn nghiêm 二處端嚴. Pāli; *ubhayena ... sobhati*, sáng chói với hai điều.

⁵ Hán: tự tri tác chứng 自知作證. Pāli: *sayam abhiññā sacchikatvā*, bằng thẳng trí mà tự mình chứng nghiệm (chứng ngộ)

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 967. XÚ LẬU⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Tỳ-kheo⁷ hình tướng xấu xí khó coi, bị các Tỳ-kheo khinh mạn, đi đến chỗ Phật. Khi ấy bốn chúng đang vây quanh bên Thế Tôn, thấy Tỳ-kheo này đến, tất cả đều có ý khinh mạn, nói với nhau rằng: “Tỳ-kheo đang đến kia là ai? Hình tướng xấu xí, khó coi, bị mọi người khinh mạn vậy?”

Bấy giờ, đức Thế Tôn biết được tâm niệm của các Tỳ-kheo nên bảo các Tỳ-kheo:

“Các người có thấy Tỳ-kheo đang đến kia, hình tướng thô xấu, khó coi đang đi đến đây, bị mọi người khinh mạn không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Vâng, [276b] chúng con đã thấy vậy.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Đối với Tỳ-kheo này, các người chớ có khởi ý tưởng khinh mạn. Vì sao? Tỳ-kheo này đã tận trừ các lậu, những việc cần làm đã làm xong, đã vất bỏ gánh nặng, đã đoạn tận các hữu kết, chánh trí, tâm thiện giải thoát. Nay các Tỳ-kheo, các người chớ xét đoán lầm người. Chỉ có Như Lai mới có khả năng xét đoán người.”

Tỳ-kheo này đi đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật rồi ngồi xuống một bên.

Bấy giờ Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

“Các người có thấy Tỳ-kheo này cúi đầu đánh lễ rồi ngồi xuống một bên không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Vâng, chúng con đã thấy.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

⁶ Đại chánh, kinh 1063. Pāli, S. 21. 6. Bhaddi. Biệt dịch, No 100(2).

⁷ S. 21. 6: [Lakunḍaka]Bhdddiya.

“Đôi với Tỳ-kheo này, các người chớ có ý khinh mạn,... cho đến các người chớ xét đoán lầm người. Chỉ có Như Lai mới có khả năng biết được người.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Chim bay cùng thú chạy,
Tất cả sợ sự tử.
Sự tử vua loài thú,
Không có loài nào bằng.*

*Cũng vậy, người trí tuệ,
Tuy nhỏ nhưng mà lớn.
Chớ chấp thân tướng họ,
Mà sinh tâm khinh mạn;*

*Nào cần thân to lớn,
Thịt nhiều không trí tuệ.
Trí tuệ hiển thắng này,
Chính là bậc thượng sỹ.*

*Ly dục, đoạn các kết,
Niết-bàn, không tái sinh.
Mang thân tối hậu này,
Hàng phục các ma quân.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 968. ĐỀ-BÀ⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà,, tại thành Vương Xá. Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa⁹ có được lợi dưỡng từ A-xà-thế con bà Ti-đề-hi,¹⁰ vua nước Ma-kiệt-đà.¹¹ Hằng ngày cùng đoàn thị tùng với năm

⁸ Đại chánh, kinh 1064. Pāli, S. 17. 36. Ratha. Cf. A. 4. 68. Davadatta. Biệt dịch, No 100(3).

⁹ Đề-bà-đạt-đa 提婆達多. Pāli: Devadatta.

¹⁰ Ma-kiệt-đà vương A-xà-thế Tỳ-đề-hy-tử 摩竭陀王阿闍世毘提希子. S. 17. 36: Ajātasattukumāro, Vương tử Ajātasattu, chưa làm Vua.

¹¹ A-xà-thế Tỳ-đề-hy-tử 阿闍世毘提希子. S. 17. 36: gọi là Vương tử Ajātasattu, vì chưa làm Vua.

trăm cỗ xe đến chỗ Đê-bà-đạt-đa; hằng ngày đem năm trăm cỗ đồ ăn cúng dường Đê-bà-đạt-đa. Đê-bà-đạt-đa dẫn năm trăm người thành nhóm riêng¹² nhận sự cúng dường này.

Lúc bấy giờ có nhiều Tỳ-kheo khóac y, ôm bát vào thành Vương Xá khát thực, nghe Đê-bà-đạt-đa có những lợi dưỡng như vậy,... *cho đến* nhóm riêng năm trăm người hưởng thụ sự cúng dường này. Khát thực xong, họ trở về tinh xá cất y bát, rửa chân, rồi đi đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sáng sớm chúng con khóac y, ôm bát [276c] vào thành Vương Xá khát thực, nghe Đê-bà-đạt-đa có lợi dưỡng như vậy,... *cho đến* dẫn nhóm riêng năm trăm người hưởng thụ sự cúng dường này.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Các người chớ nói Đê-bà-đạt-đa đang được lợi dưỡng. Vì sao? Đê-bà-đạt-đa này nếu hưởng thụ lợi dưỡng riêng thì đời này tự hoại và đời sau cũng bị hoại. Ví như cây chuối, lau, tre sinh quả liền chết, năm sau cũng hư hoại. Cũng vậy, Đê-bà-đạt-đa nếu thụ nhận sự cúng dường này, đời này bị hoại, đời sau cũng bị hoại. Thí như con la¹³ mang thai thì chết; cũng như vậy Đê-bà-đạt-đa nếu thụ nhận các lợi dưỡng thì đời này bị hoại, đời sau cũng bị hoại. Đê-bà-đạt-đa ngu si kia sẽ tùy theo thời gian nhiều ít hưởng thụ lợi dưỡng này mà phải lâu dài chịu khổ, không lợi ích. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy học như vậy: ‘Dù có lợi dưỡng đến, tôi cũng không sinh tâm nhiễm trước.’”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Chuối sinh quả liền chết,

Lau tre cũng như vậy.

La mang thai thì chết;

Người vì tham mà chết.

Thường làm điều phi nghĩa,

Biết nhiều không khỏi ngu;

Pháp lành ngày tổn giảm,

¹² Biệt chúng 別眾; một số Tỳ-kheo trong Tăng tách thành nhóm riêng sinh hoạt biệt lập.

¹³ Hán: cự hư 馿驢; giống thú hình như ngựa (Tù hải). Pāli: *assatara*, giống lừa lai ngựa.

Cành khô, rễ cũng tàn.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng.

KINH 969. TƯỢNG THỦ¹⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nước Xá-vệ có Thủ Tỳ-kheo¹⁵ là người họ Thích, mạng chung tại nước Xá-vệ.

Lúc ấy, sáng sớm có nhiều Tỳ-kheo khóac y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực, nghe Thủ Tỳ-kheo họ Thích mạng chung ở nước Xá-vệ. Sau khi vào thành Xá-vệ khát thực trở về, họ cất y bát, rửa chân xong, rồi đi đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sáng sớm hôm nay các Tỳ-kheo khóac y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực, nghe Thủ Tỳ-kheo dòng họ Thích mạng chung ở nước Xá-vệ. Thế nào, bạch Thế Tôn, Thủ Tỳ-kheo mạng chung sẽ sinh về nơi nào? Thọ sinh thế nào? Đời sau ra sao?”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thủ Tỳ-kheo này thành tựu ba pháp bất thiện. Hễ khi mạng chung sẽ sinh vào địa ngục, đường dữ. Những gì là ba pháp bất thiện? Tham dục, sân nhuế và ngu si. Ba pháp bất thiện này trói buộc tâm. Thủ Tỳ-kheo dòng họ Thích sẽ sinh vào địa ngục, đường dữ.”

[277a] Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Tham dục, sân nhuế, si,
Trói buộc tâm con người;
Phát từ trong, tự hại.
Như lau, tre ra hoa.*

*Tâm không tham, nhuế, si,
Đó là tuệ sáng suốt;
Phát từ trong, không hại,
Đó gọi là thắng sỹ¹⁶.*

¹⁴ Đại chánh, kinh 1065. Biệt dịch, No 100(4).

¹⁵ Thủ Tỳ kheo 手比丘. Biệt dịch: Tượng Thủ Tỳ kheo'. Pāli, hoặc Hattha (Tay), hoặc Hatthi (Voi).

*Cho nên hãy trừ tham,
Tâm tối si, sân nhuế;
Tỳ-kheo trí tuệ sáng,
Khổ tận, bát-niết-bàn.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 970. NAN-ĐÀ (1)¹⁷

Như Thủ Tỳ-kheo, kinh Nan-đà cũng nói như vậy.

KINH 971. NAN-ĐÀ (2)¹⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bảy giờ Tôn giả Nan-đà con Di mẫu của Phật,¹⁹ thích mặc áo nhuộm, chải chuốt bóng láng, mang giữ bát tốt, thích bốn cột, vừa đi vừa cười đùa. Lúc ấy có nhiều Tỳ-kheo đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Tôn giả Nan-đà là con Di mẫu của Phật, thích mặc áo nhuộm, chải chuốt bóng láng, mang giữ bát tốt, thích bốn cột, vừa đi vừa cười đùa.”

Bảy giờ Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

“Ngươi đến chỗ Tỳ-kheo Nan-đà nói Nan-đà rằng: ‘Đại Sư cho gọi ngươi.’”

Tỳ-kheo kia vâng lời Thế Tôn dạy đến nói với Nan-đà:

“Thế Tôn cho gọi thầy.”

Nan-đà nghe bảo liền đi đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên. Phật bảo Nan-đà:

“Có thật ngươi thích mặc áo nhuộm, chải chuốt bóng láng, mang giữ bát tốt, thích bốn cột, vừa đi vừa cười đùa không?”

Nan-đà bạch Phật:

¹⁶ Đê bản: thắng xuất 勝出. TNM: thắng sỹ 勝士. No 100(4): thắng trượng phu 勝丈夫.

¹⁷ Đại chánh, kinh 1066. S. 21. 8. Nanda. No 100(5).

¹⁸ Đại chánh, kinh 1067. No 100(6); cf. No 125(18.6). Cf. Pāli, S. 21. 8. Nando.

¹⁹ Nan-đà 難陀佛姨母子. Pāli: Nando Bhagavato mātucchāputto.

“Thật vậy, bạch Thế Tôn.”

Phật bảo Nan-đà:

“Người là con Di mẫu của Phật, dòng quý tộc xuất gia, không nên mặc y phục đẹp, chải chuốt bóng láng, mang giũ bát tốt, thích bốn cột, vừa đi vừa cười đùa. Người nên tự nghĩ như vậy: ‘Ta là con bà Di mẫu của Phật, dòng quý tộc xuất gia. Hãy trú ở a-lan-nhã, đi khát thực, thọ trì y phấn tảo, luôn luôn tán thán sự thọ trì y phấn tảo, ưa ở chỗ núi, khe, không tham luyến ái dục.’”

Sau khi vâng lời Phật dạy, Nan-đà trú ở a-lan-nhã, đi khát thực, mặc y phấn tảo, luôn luôn khen ngợi sự thọ trì phấn tảo, ưa ở chỗ núi, khe, không tham luyến ái dục.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

[277b] *Nan-đà, Ta muốn người,
Tu tập a-lan-nhã;
Đi khát thực từng nhà,
Thân trì y phấn tảo.
Thích ở chỗ núi khe,
Không tham luyến ngũ dục.*

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Nan-đà nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 972. ĐÊ-SA²⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Đê-sa²¹ tự nghĩ: “Ta là anh em con cô của Thế Tôn. Hãy không tu tập phải cung kính, không cần quan tâm, cũng cần phải sợ nể, không chịu để can gián.” Lúc ấy có nhiều Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Tôn giả Đê-sa tự nghĩ mình là anh em con cô của Thế Tôn nên không tu tập cung kính, không cần quan tâm, cũng không cần sợ nể, không chịu để can gián.”

²⁰ Đại chánh, kinh 1068. Pāli, S.21.9. Tisso. No 100(7).

²¹ Đê-sa 低沙. No 100(7): Trát-sư 室師. Pāli: Tôn giả Tissa, con trai của Bá mẫu (*pitucchāputto*) của Thế Tôn

Bấy giờ Thế Tôn bảo một vị Tỳ-kheo:

“Ngươi hãy đến chỗ Tỳ-kheo Đề-sa nói rằng: ‘Đại Sư cho gọi ngươi.’”

Tỳ-kheo kia vâng lời Phật dạy đến chỗ Tỳ-kheo Đề-sa nói:

“Thế Tôn cho gọi thầy.”

Tỳ-kheo Đề-sa liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ Phật và lui ngồi một bên. Phật bảo Đề-sa:

“Có thật ngươi nghĩ rằng: Ta là anh em con cô của Thế Tôn nên không tu tập cung kính, không cần quan tâm, không phải sợ nể, không chịu để can gián chăng?”

Tỳ-kheo Đề-sa bạch Phật:

“Thật vậy, bạch Thế Tôn.”

Phật bảo Tỳ-kheo Đề-sa:

“Ngươi không nên nghĩ thế. Ngươi phải nghĩ rằng: ‘Ta là anh em cô của Thế Tôn nên phải cung kính, sợ nể, nhẫn chịu sự can gián.’”

Lúc ấy Thế Tôn liền nói kệ:

*Lành thay, ngươi Đề-sa!
Trừ sân nhuế là tốt;
Chớ sinh tâm sân hận.
Người sân giận không tốt.
Nếu hay lia sân mạn,
Tu hành tâm khiêm hạ;
Sau đó ở nơi Ta,
Tu tập các phạm hạnh.*

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Đề-sa nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 973. TỖ-XÁ-KHU²²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Tỳ-xá-khur Bát-xà-lê Tử²³ tụ họp ở

²² Đại chánh, kinh 1069. Pāli, S. 21. 7. Visākho; cf. A. 4. 48. Visākho. Biệt dịch, No 100(8).

²³ Tỳ-xá-khur Bát-xà-lê Tử 毘舍佉般闍梨子. Pāli: Visākho Pañcālaputto.

[277c] nhà cúng dường,²⁴ thuyết pháp cho số đông các Tỳ-kheo, ngôn từ hoàn hảo, giọng tốt trong trẻo cú vị rõ ràng, chính xác, lời nói phù hợp với trí tuệ; thính giả thích nghe, lời nói lưu loát, hiển bày ý nghĩa sâu xa, khiến các Tỳ-kheo nhất tâm lắng nghe.

Khi ấy Thế Tôn đang nhập chánh thọ ban ngày,²⁵ với thiên nhĩ thanh tịnh hơn tai người thường, nghe tiếng thuyết pháp. Ngài xuất định, đi đến giảng đường, ngồi trước đại chúng và nói với Tỳ-kheo Tỳ-xá-khu Bán-xà-lê Tử:

“Lành thay, lành thay, Tỳ-xá-khu! Ngươi có thể ở nơi nhà cúng dường này mà thuyết pháp cho các Tỳ-kheo, với ngôn từ hoàn hảo, *cho đến*, hiển hiện ý nghĩa sâu xa, khiến các Tỳ-kheo chuyên tinh, kính trọng. Ngươi hãy thương xuyên thuyết pháp như vậy cho các Tỳ-kheo, khiến các Tỳ-kheo chuyên tinh kính trọng, nhất tâm ưa nghe, sẽ được ích lợi lâu dài, sông an lạc. “

Bấy giờ Thế Tôn liền nói bài kệ:

Nếu không có thuyết pháp,

Khó phân rõ ngu, trí.

“Đây ngu! Đây trí tuệ!”

Không do đâu hiển hiện.

Khéo nói pháp thanh lương,

Nhờ thuyết, trí mới tỏ.

Thuyết pháp là sáng chiếu,

Sáng chói cờ Đại Tiên.

Phật nói Kinh này xong; Tỳ-xá-khu Bán-xà-lê Tử nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ rồi lui.

KINH 974. NIÊN THIẾU²⁶

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có số đông Tỳ-kheo ở nhà cúng dường, tụ tập cùng nhau may y. Lúc đó có một Tỳ-kheo trẻ tuổi, xuất gia chưa bao lâu, mới vào pháp luật, không muốn phụ giúp các Tỳ-kheo may y.

²⁴ Cúng dường 供養堂. Pāli: *upaṭṭhānasālā*, giảng đường, thị giả đường, càn hành đường; thường dùng làm phòng cho các Tỳ-kheo trong Răng viện.

²⁵ Trú chánh thọ 晝正受, chỉ sự nghỉ trưa. Bản Pāli: *Sāyaṇhasamayam patisallāna*.

²⁶ Đại chánh, kinh 1070. Pāli, S. 21. 4. Navo. Biệt dịch, No 100(9).

Bấy giờ các Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ Phật, lui ngồi một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, các Tỳ-kheo tụ tập ở nhà cúng dường để may y. Có một Tỳ-kheo trẻ tuổi, xuất gia chưa bao lâu, mới vào pháp luật, không muốn phụ giúp các Tỳ-kheo may y.”

Bấy giờ đức Phật hỏi vị Tỳ-kheo trẻ ấy:

“Có thật người không muốn giúp đỡ các Tỳ-kheo may y chăng?”

Tỳ-kheo trẻ kia bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, tùy theo khả năng của con mà con phụ giúp.”

Thế Tôn khi đó biết được tâm niệm của Tỳ-kheo trẻ tuổi, mới bảo các Tỳ-kheo:

“Các người chớ nói với²⁷ Tỳ-kheo trẻ này. **[278a]** Vì sao? Vì Tỳ-kheo này được bốn pháp tăng tâm,²⁸ đang chánh thọ hiện pháp lạc trú²⁹, chẳng phải do cố gắng mà được. Tỳ-kheo ấy theo bản tâm của mình, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, xuất gia học đạo, tăng tiến tu học, ngay trong hiện tại tự biết tự tác chứng: ‘Ta, sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’”

Khi ấy Thế Tôn liền nói kệ:

*Kém nỗ lực, đức mỏng,
Trí tuệ ít: không thể
Hướng thẳng đến Niết-bàn,
Thoát khỏi gông phiền não.*

*Hiền hơn trẻ tuổi này,
Sớm được chỗ thượng sĩ;
Ly dục tâm giải thoát,
Niết-bàn dứt tái sinh.
Mang thân tối hậu này,*

²⁷ Pāli: *mā ... etassa bhikkhuno ujjhāyittha*, các người chớ hiềm trách Tỳ kheo này.

²⁸ Bốn pháp tăng tâm 四增心法; hay bốn tăng thượng tâm. Pāli: *catunam jhānānam ābhicetasikānam*, bốn thiền tăng thượng tâm.

²⁹ Chánh thọ hiện pháp an lạc trú 正受現法安樂住. Pāli: *diṭṭhadhamma-sukhavihārānam nikāmalābhī*, tùy ý mà đạt được hiện pháp lạc trú (trạng thái an lạc do bốn thiền).

Hàng phục các ma quân.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 975. TRƯỞNG LÃO³⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Tỳ-kheo tên Thượng Tọa,³¹ sống một mình tại một nơi, cũng thường hay khen ngợi người sống một mình, đi khát thực một mình, khát thực xong trở về một mình, và một mình ngồi thiền tư.

Bấy giờ, trong chúng có nhiều Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, có Tôn giả tên là Thượng Tọa sống một mình, cũng thường hay khen ngợi người sống một mình, đi khát thực một mình, khát thực xong trở về một mình, và một mình ngồi thiền tư.”

Khi đó Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

“Ông hãy đến chỗ Tỳ-kheo Thượng Tọa nơi rằng: ‘Đại sư cho gọi người.’”

Tỳ-kheo ấy vâng lời Phật dạy, đến nói lời như trên với Tỳ-kheo Thượng Tọa. Tỳ-kheo Thượng Tọa vâng lời đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ Phật, rồi lui ngồi một bên. Thế Tôn bảo Tỳ-kheo Thượng Tọa:

“Người có thật sống một mình nơi chỗ vắng, khen ngợi người sống một mình, đi khát thực một mình, ra khỏi làng một mình, ngồi thiền tư một mình chăng?”

Tỳ-kheo Thượng Tọa bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, thật như vậy.”

Phật bảo Tỳ-kheo Thượng Tọa:

“Này Tỳ-kheo, người như thế nào sống một mình, khen ngợi người sống một mình, một mình đi khát thực, một mình trở về chỗ ở, và một mình ngồi thiền tư?”

Tỳ-kheo Thượng Tọa bạch Phật:

³⁰ Đại chánh, kinh 1071. Pāli, S. 21. 10. Theranāmo. Biệt dịch, No 100(10).

³¹ Pāli: Theranāma.

“Con chỉ ở một mình nơi vắng vẻ, khen ngợi người sống một mình, đi khát thực một mình, ra khỏi làng một mình, ngồi thiền tư một mình.”

Phật bảo Tỳ-kheo Thượng Tòà:

[278b] “Ngươi là kẻ sống một mình, Ta không nói là chẳng phải sống một mình. Nhưng lại có lối sống một mình thắng diệu hơn. Sao gọi là lối sống một mình thắng diệu? Đó là Tỳ-kheo phía trước thì khô cần, phía sau thì diệt tận, ở giữa thì không tham hỷ.³² Đó là Bà-la-môn tâm không còn do dự, đã xả ưu hối, lìa các hữu ái, đoạn các kết sử. Đây gọi là sống một mình không có lối sống nào thắng diệu hơn nữa.”

Khi ấy Phật nói kệ:

*Chiếu sáng khắp tất cả,
Biết khắp các thế gian;
Chẳng chấp tất cả pháp,
Lìa hết tất cả ái.
Ai thích sống như vậy,
Ta nói là độc trụ.*

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Thượng Tòà nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ cáo từ.

KINH 976. TĂNG-CA-LAM³³

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Tôn giả Tăng-ca-lam³⁴ du hành nhơn gian ở Câu-tát-la, tới nước Xá-vệ, rừng cây Kỳ-đà, trong vườn Cấp Cô Độc. Tỳ-kheo Tăng-ca-lam kia có vợ cũ đang ở trong nước Xá-vệ, nghe tin Tỳ-kheo Tăng-ca-lam du hành trong nhơn gian, từ Câu-tát-la đến nước Xá-vệ, đang ở trong rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Nghe vậy, cô liền mặc y phục đẹp, trang điểm hoa anh lạc, ôm con đi thẳng đến Kỳ-hoàn, đến trước phòng Tỳ-kheo Tăng-ca-lam.

³² Pāli: *yam atītaṃ taṃ pahīnaṃ, yaṃ anāgataṃ paṭinissaṭṭhaṃ, paccuppannesu attabhāvapaṭilābhesu chandarāgo suppaṭiviniṭo*, đoạn tận cái đã qua, khước từ cái chưa đến, khéo chế ngự tham dục trong những lợi dưỡng cho bản thân.

³³ Đại chánh, kinh 1072. Pāli, cf. Ud. 1.8. Bodhi-vagga. Biệt dịch, No 100(11).

³⁴ Tăng-ca-lam 僧迦藍. Pāli: Saṅgāmaji.

Trong lúc Tôn giả Tăng-ca-lam ra khỏi phòng đi kinh hành ngoài đất trống, người vợ cũ kia tiến đến trước mặt Tôn giả và nói:

“Đứa bé này còn nhỏ quá, anh bỏ con thơ đi tu, ai sẽ nuôi dưỡng nó?”

Tỳ-kheo Tăng-ca-lam không nói chuyện với nàng. Người vợ ba lần nói như vậy, Tỳ-kheo cũng không nói gì. Người vợ lại nói:

“Tôi đã nói cho anh biết ba lần như vậy mà anh chẳng nói với tôi, chẳng ngó ngang tới, bây giờ tôi sẽ bỏ đứa bé này.”

Người vợ liền bỏ đứa nhỏ ngay đầu đường kinh hành mà đi và nói:

“Này Sa-môn, đây là con của ông. Ông hãy tự nuôi nấng. Nay tôi bỏ nó mà đi.”

Tôn giả Tăng-ca-lam cũng chẳng nhìn đến đứa bé. Người vợ ấy lại nói:

“Sa-môn này chẳng để ý gì đến đứa nhỏ. Chắc có lẽ ông đã được chỗ khó được của bậc Tiên nhơn. Lành thay! Sa-môn chắc hẳn đã được giải thoát.”

Thiếu phụ không toại nguyện, đành ôm con đi.

Bấy giờ, Thế Tôn đang nhập chánh thọ ban ngày, với thiên nhĩ siêu việt hơn người thường, Ngài nghe được những lời của người vợ cũ của Tôn giả Tăng-ca-lam, liền nói kệ:

*Thấy đến: chẳng hoan hỷ,
Thấy đi: cũng chẳng buồn;
[278c] Những tụ hội thế gian,
Giải thoát chẳng nhiễm trước.
Ta nói Tỳ-kheo kia,
Chơn thật Bà-la-môn.*

*Thấy đến: chẳng hoan hỷ,
Thấy đi: cũng chẳng buồn.
Không nhiễm cũng không buồn,
Hai tâm đều vắng lặng;
Ta nói Tỳ-kheo này,
Là chơn Bà-la-môn.*

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Tăng-già-lam nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ làm lễ rồi đi.

KINH 977. A-NAN³⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn già A-nan một mình ở chỗ vắng suy nghĩ: “Có ba thứ hương chỉ bay theo chiều gió, không thể bay ngược chiều gió. Những gì là ba? Đó là hương rễ cây, hương thân cây, và hương của hoa. Có chăng loại hương nào bay theo chiều gió, cũng bay ngược gió, cũng bay vừa thuận gió ngược gió?”

Suy nghĩ như thế, buổi chiều hôm đó sau khi từ thiền tịnh giác, A-nan đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ Phật, và lui đứng một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con một mình ở chỗ vắng tự nghĩ thầm: Có ba thứ hương chỉ bay theo chiều gió, không thể bay ngược chiều gió. Những gì là ba? Đó là hương rễ cây, hương thân cây, và hương của hoa. Có chăng loại hương nào bay theo chiều gió, cũng bay ngược gió, cũng bay vừa thuận gió ngược gió?”

Phật bảo Tôn già A-nan:

“Đúng thế! Đúng thế! Có ba thứ hương chỉ bay theo chiều gió, không thể bay ngược chiều gió. Những gì là ba? Đó là hương rễ cây, hương thân cây, và hương của hoa.

“Này A-nan, cũng có hương bay theo chiều gió, bay ngược gió, và cũng bay thuận gió ngược gió. Này A-nan, hương bay theo chiều gió, bay ngược gió, và cũng bay theo thuận gió ngược gió, đó là: thiện nam tử hay người thiện nữ sống ở thành ấp, tụ lạc, thành tựu pháp chân thật, suốt đời không sát sinh, không trộm cướp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu. Người thiện nam người thiện nữ như vậy đều được người thiện trong tám phương, cùng phương trên, phương dưới, thấy đều tán thán rằng: ‘Ồ phương kia, làng kia, có người thiện nam, người thiện nữ trì giới thanh tịnh, thành tựu pháp chơn thật, suốt đời không sát sinh... cho đến không uống rượu.’ Này A-nan, đây gọi là thứ hương hoa bay theo chiều gió, bay ngược chiều gió và cũng bay thuận gió và ngược gió.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

³⁵ Đại chánh, kinh 1073. *Quốc dịch*, “1. Tương ưng Tỳ kheo. Phẩm 2.” Pāli, A. 3. 79. Gandha. Biệt dịch, No 100(12), No 116, No 117, No 125(23.5).

*Chẳng phải hương rễ, cành,
Có thể bay ngược gió.
Chỉ có hương tịnh giới,
Của thiện nam thiện nữ;
[279a] Ngược, thuận bay các phương,
Không đâu không nghe biết.*

*Đa-ca-la,³⁶ chiêm-đàn,
Ưu-bát-la, mật-lợi;
So sánh các mùi hương,
Giới hương là hơn hết.*

*Hương thơm như chiêm-đàn,
Lan tỏa có giới hạn;
Chỉ có hương giới đức,
Xông ngát tận cõi trời.*

*Hương thơm của tịnh giới,
Chánh thọ, không phóng dật;
Chánh trí và giải thoát,
Ma đạo không thể vào.*

*Đây là đạo an ổn,
Đạo này rất thanh tịnh;
Hướng thẳng diệu thiên định,
Bứt dây trói của ma.*

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ làm lễ rồi đi.

KINH 978. OANH PHÁT³⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật du hành trong nhơn gian ở nước Ma-kiết-đề, cùng với một ngàn vị Tỳ-kheo. Xưa kia họ là những người xuất gia bện

³⁶ Đa-ca-la 多迦羅. Pāli: *tagara*, cây cam tùng, cách hương.

³⁷ Đại chánh, kinh 1074. Cf. No 26(62): Tần-tì-sa-la vương nghinh Phật, phần đầu. Pāli, Cf. Luật tạng, Mahāvagga, Vin. i. 35 (Seniya Bimbisāra). Biệt dịch, No 100(13).

tóc,³⁸ nay đều đả quả A-la-hán, các lậu đã diệt tận, việc làm đã xong, xả bỏ các gánh nặng, chóng được tự lợi, sạch các hữu kết, chánh trí thiện giải thoát. Phật cùng các Tỳ-kheo đi đến tại rừng Trượng lâm, tháp Thiện kiến lập.³⁹

Bình-sa⁴⁰ vua nước Ma-kiệt-đề, nghe Thế Tôn du hành trong nhơn gian tại nước Ma-kiệt-đề, đang đến ở trong rừng Trượng lâm, tháp Thiện kiến lập. Vua cùng với các Tiểu vương, quần thần và đoàn tùy tùng, xe cộ một muôn hai nghìn chiếc, ngựa một muôn tám nghìn, người đi bộ theo đông vô số. Các Bà-la-môn, Gia chủ trong nước Ma-kiệt-đề đều đi theo.

Vua rời khỏi thành Vương Xá, đi đến chỗ Thế Tôn, cung kính cúng dường. Tới đầu đường, Vua xuống xe đi bộ. Lúc tiến vào đến cửa trong, Vua dẹp bỏ năm thứ nghi trọng, dỡ mũ, dẹp bỏ lọng, quạt, dao, gươm, cởi giày da. Vua đến trước Phật, sửa lại y phục tề chỉnh, trật vai áo bên phải, đánh lễ Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng, tự xưng danh tánh và, bạch Phật:

“Thế Tôn, con là Bình-sa, vua nước Ma-kiệt-đề.”

Phật nói với Bình Sa vương:

“Đại vương, ngài là Bình-sa. Mời Đại vương an tọa.”

Bình-sa vương lại lễ dưới chân Phật, từ tôn ngồi xuống một bên. Lúc bấy giờ Uất-tì-la Ca-diếp⁴¹ cũng đang ngồi tại đấy. Trong khi đó các Gia chủ Bà-la-môn nghĩ rằng: “Có phải Đại Sa-môn này theo [279b] Uất-tì-la Ca-diếp tu phạm hạnh, hay là Uất-tì-la Ca-diếp theo Đại Sa-môn tu phạm hạnh?”

Thế Tôn biết được tâm niệm của các Gia chủ, Ngài liền nói kệ hỏi:

*Uất-tì-la Ca-diếp,
Thấy lợi gì nơi đây,
Bỏ sự phụng thờ xưa,
Thờ lửa và các việc?*

³⁸ Oanh phát xuất gia 榮髮出家. Pāli: *jaṭṭila*. Đây chỉ các anh em Uruvela-Kassapa (Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp) và các đệ tử của họ.

³⁹ Thiện kiến lập chi-đề Trượng lâm 善建立支提杖林. No 100(13): Thiện trụ thiên từ, lâm trung 善住天寺祠祀林中. Pāli: *Latṭivane Suppatṭha-cetiya*.

⁴⁰ Ma-kiệt-đề Vương Bình-sa 摩竭提王瓶沙. Pāli: *rājā Magadho Seniyō Bimbīāro*.

⁴¹ Uất-bề-la Ca-diếp 鬱鞞羅迦葉. Pāli: *Uruvela-Kassapa*.

*Nay hãy nói nghĩa kia:
Vì sao bỏ thờ Lửa?*

Uất-ti-la Ca-diếp nói kệ bạch Phật:

*Tiền tài thức ăn ngon,
Nữ sắc, quả ngũ dục;
Quán sát vị lai thọ,
Đầy đều là cái bản.
Thế nên đều ném bỏ,
Sự thờ lửa trước kia.*

Thế Tôn lại nói kệ hỏi:

*Ông chẳng đả thế gian,
Năm dục tiền, vị, sắc...;
Sao lại bỏ Trời, Người?
Ca-diếp, tùy nghĩa nói.*

Ca-diếp lại nói kệ đáp Thế Tôn:

*Thấy đạo là hữu dư,
Lối Vô dư tịch diệt,
Vô sở hữu, bất trước,
Không đường khác, đạo khác.
Thế nên đều ném bỏ,
Lối tu thờ lửa trước.*

*Hành đại tế các thứ,
Phụng thờ nước, hoặc lửa.
Ngu si chìm trong đó,
Chỉ cầu đạo giải thoát.
Mù, không mắt trí tuệ,
Hương sinh, già, bệnh, chết.
Chẳng thấy con đường chánh,
Trọn là nẻo sinh tử.*

*Nay mới nhờ Thế Tôn,
Được thấy đạo vô vi,
Lực mà Đại long nói,
Được qua bên bờ kia.*

*Mâu-ni rộng cứu giúp,
An úy vô lượng chúng,*

*Nay mới biết Cù-đàm,
Bạc siêu xuất chơn đế.*

Đức Phật lại nói kệ khen Ca-diếp:

*Lành thay! Nay Ca-diếp,
Trước suy xét phi ác,
Kể phân biệt tìm cầu,
Mới đến nơi tốt đẹp.*

“Này Ca-diếp, Ông nên an úy tâm đồ chúng của Ông.”

Khi ấy Uất-tì-la Ca-diếp [279c] liền nhập chánh thọ, do sức thần túc, hướng về phương Đông, bay lên hư không, hiện ra bốn thứ thần biến: đi, đứng, nằm, ngồi. Vào trong lửa tam-muôi, toàn thân rỗng sáng tỏa ra sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, pha lê, sắc hồng. Trên thân ra nước, dưới thân ra lửa, trở lại thiêu đốt thân. Trên thân ra nước để tưới nước lên thân. Hoặc trên thân ra lửa để đốt thân kia; dưới thân tuôn nước để tưới ướt thân. Hiện bày các thứ thần thông biến hóa xong, Ca-diếp cúi đầu lễ Phật và bạch:

“Bạch Thế Tôn, Phật là Thầy của con. Con là đệ tử.”

Phật bảo Ca-diếp:

“Ta là Thầy của Ông. Ông là đệ tử. Ông hãy ngồi xuống trở lại chỗ ngồi thích hợp.”

Tôn giả Uất-tì-la Ca-diếp ngồi lại chỗ cũ. Các Gia chủ Bà-la-môn xứ Ma-kiệt-đề đều nghĩ thầm: “Uất-tì-la Ca-diếp đã quyết định theo Đại Sa-môn tu hành phạm hạnh.”

Phật nói kinh này xong. Bình-sa Vua xứ Ma-kiệt-đề, cùng các Gia chủ Bà-la-môn sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ rồi cáo từ.

KINH 979. ĐÀ-PHIÊU (1)⁴²

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại thành Vương Xá, trong vườn Trúc, Ca-lan-đà,, có Đà-phiêu Ma-la Tử,⁴³ quê cũ ở thành Vương Xá, lo việc Tăng chúng, phân chia thức ăn uống và các vật dụng: giường nằm, chỗ ngồi, ... và

⁴² Đại chánh, kinh 1075. Pāli, Pāli, cf., Luật tạng, Cullavagga, Vin. ii. 74ff. Biệt dịch, No 100(14). Cf. *Tứ phần 4, Ngũ phần 3, Tăng kì 7, Thập tụng 4.*

⁴³ Đà-phiêu Ma-la Tử 陀驪摩羅子. Pāli: Dabba Mallaputta.

xếp đặt phiên thứ sai thình rất chu đáo. Lúc đó, có Tỳ-kheo Từ Địa⁴⁴ trải qua ba lần nhận thức ăn thô dở. Trong khi ăn, lòng cảm thấy khó chịu, cay đắng nghĩ thầm: “Quái lạ thay! Khổ thay! Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử chắc cố tình đem thức ăn thô dở để là xúc não ta, khiến ta khi ăn cảm thấy cực khổ. Ta phải làm sao gây bất lợi cho y mới được?”

Tỳ-kheo Từ Địa có một cô em gái là Tỳ-kheo-ni tên Mật-đa-la⁴⁵ đang ở trong chúng Tỳ-kheo-ni nơi vườn của vua thuộc thành Vương Xá. Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la đi đến chỗ Tỳ-kheo Từ Địa, cúi đầu lễ chân Từ Địa rồi đứng một bên. Tỳ-kheo Từ Địa không nhìn đến cũng không mở lời.

Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la nói với Tỳ-kheo Từ Địa:

“A-lê!⁴⁶ Vì sao không ngó ngang và chẳng nói chuyện với tôi?”

Tỳ-kheo Từ Địa nói:

“Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử nhiều lần đem thức ăn thô dở để làm xúc não tôi, khiến tôi khi ăn cảm thấy cực khổ. Còn cô thì cứ bỏ mặc tôi.”

Tỳ-kheo-ni nói:

“Làm gì bây giờ?”

Tỳ-kheo Từ Địa nói:

“Cô hãy đến Thế Tôn bạch như vậy: ‘Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử là kẻ phi pháp, không ra gì, đã cùng con làm điều trái phạm, phạm tội ba-la-di.’ Tôi sẽ làm chứng và nói: [280a] ‘Bạch Thế Tôn, đúng như lời em gái con đã nói.’”

Tỳ-kheo-ni nói:

“A-lê! Làm sao tôi lại đem tội ba-la-di để vu báng cho Tỳ-kheo phạm hạnh?”

Tỳ-kheo Từ Địa bảo:

“Nếu cô không làm như thế, tôi và cô từ nay chấm dứt tình anh em. Cô đừng lui tới đây để chuyện trò, thăm hỏi nhau nữa.”

⁴⁴ Từ Địa 慈地. Pāli: Mettiya-bhummajaka.

⁴⁵ Mật-đa-la 蜜多羅. Pāli: Mettiyā.

⁴⁶ A-lê 阿梨; Ấn Thuận sửa lại, đọc là A-xà-lê (Pāli: *ācariya*), mà Hán dịch là giáo thọ sư hay quỹ phạm sư. Nhưng đây là phiên âm từ Skt. *ariya* (Pāli: *ayya*): “Thưa Ngài/ Thưa Đức Ông” Từ xưng hô của người nhỏ đối với người lớn.

Tỳ-kheo-ni im lặng một hồi, suy nghĩ rồi nói:

“A-lê khiến tôi làm như thế, tôi sẽ vâng theo lời dạy.”

Tỳ-kheo Từ Địa bảo:

“Cô hãy đợi tôi đi đến Thế Tôn trước, cô sẽ đi theo sau.”

Tỳ-kheo Từ Địa đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ rồi lui đứng một bên. Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la đi theo sau, đánh lễ Phật rồi lui ngồi một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, có một việc không đẹp thay! Thật phi lý thay!⁴⁷ Đà-phiêu Ma-la Tử đã làm điều phi phạm hạnh với con, phạm tội Ba-la-di!”

Tỳ-kheo Từ Địa lại bạch Phật:

“Như lời nói của em gái con, trước đây con đã biết.”

Bấy giờ, Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử đang ở giữa đại chúng.

Thế Tôn nói với Tỳ-kheo Đà-phiêu-ma-la Tử:

“Ông có nghe lời nói này không?”

Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử bạch:

“Bạch Thế Tôn, con đã nghe.”

Phật bảo Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử:

“Hôm nay nguoi như thế nào?”

Tỳ-kheo Đà-phiêu-ma-la Tử bạch Phật:

“Như Thế Tôn đã biết! Như Thiện thế đã biết!”

Phật bảo Tỳ-kheo Đà-phiêu-ma-la Tử:

“Nguoi nói như Thế Tôn đã biết, nay chẳng hợp thời. Bấy giờ nguoi có nhớ thì nói nhớ, không nhớ thì nói không nhớ.”

Tỳ-kheo Đà-phiêu-ma-la Tử bạch:

“Con không tự nhớ.”⁴⁸

Trong lúc đó Tôn giả La-hầu-la đang đứng phía sau cầm quạt hầu Phật, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Không đẹp thay! Thật phi lý thay! Tỳ-kheo-ni này nói: ‘Tôn giả Đà-phiêu Ma-la Tử cùng với con làm điều phi phạm

⁴⁷ Hán: bất thiện bất loại 不善不類, Pāli: *nacchannaṃ nappaṭṭipam*.

⁴⁸ Bất ức niệm 不憶念; danh từ Luật, nghĩa là “không phạm tội.”

hạnh. Tỳ-kheo Từ Địa lại nói: ‘Bạch Thế Tôn, Đúng thế! Trước đây con đã biết như em con đã nói.’”

Phật bảo La-hầu-la:

“Bây giờ, Ta hỏi La-hầu-la, tùy ý người đáp lời Ta. Nếu Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la đến nói với Ta rằng: ‘Thật Không đẹp thay! Thật phi lý thay! La-hầu-la cùng con làm điều phi phạm hạnh, phạm tội Ba-la-di.’ Tỳ-kheo Từ Địa lại bạch với Ta: ‘Thưa đúng như vậy, trước đây con đã biết, như lời em gái con nói.’ Người sẽ làm thế nào?”

La-hầu-la bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Nếu con nhớ con sẽ nói nhớ, nếu không nhớ sẽ nói không nhớ.”

Phật bảo La-hầu-la:

“Này người ngu si! Người còn nói được những lời này, huống chi Đà-phiêu Ma-la Tử là Tỳ-kheo thanh tịnh, [280b] cơ sao không nói được những lời như vậy?”

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tác pháp ức niệm⁴⁹ đối với Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la Tử. Với Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la, hãy tác pháp tự ngôn diệt.⁵⁰ Với Tỳ-kheo Từ Địa, Tăng thực hiện tích cực giáo giới can gián và khiển trách:⁵¹ ‘Người thấy gì? Thấy ở đâu? Do nhân duyên gì đến để thấy?’”

Thế Tôn dạy như vậy xong, Ngài rời chỗ ngồi đứng lên vào phòng tọa thiền. Khi ấy các Tỳ-kheo để cho Tỳ-kheo Đà-phiêu tự ức niệm. Với Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la, cho pháp diệt tránh bằng tự nhận. Với Tỳ-kheo Từ Địa, Tăng tích cực giáo giới can gián và khiển trách: ‘Người thấy gì? Thấy ở đâu? Do nhân duyên gì đến để thấy?’ Trong khi can ngăn như thế, Tỳ-kheo Từ Địa nói rằng: “Đà-phiêu Ma-la Tử không làm chuyện phi phạm hạnh; không phạm ba-la-di. Đà-phiêu-ma-la Tử đã ba phen cho tôi thức ăn tẻ, đáng sợ, khiến tôi khi ăn cảm thấy cực khổ.

⁴⁹ Danh từ Luật: đây chỉ pháp diệt tránh, bằng ức niệm tỳ-ni, để Taqung phápn quyết Tỳ kheo vô tội. Pāli: *sati-vinayo*.

⁵⁰ Tự ngôn diệt 自言滅; hay tự ngôn trị, danh từ Luật, chỉ pháp diệt tránh bằng phán quyết của Tăng với sự tự nhận của người phạm giới. Pāli: *paṭiññātakara*.

⁵¹ Cực thiện ha gián 極善呵諫, từ luật: yết-ma ha gián, áp dụng trường hợp Tỳ kheo phạm Tăng già bà-thi-sa, sau ba lần khiển trách, mới áp dụng luật trị phạt.

Hãy tôi đối với Tỳ-kheo Đà-phiêu-ma-la Tử mà có sự thiên vị, giận hờn, ngu si, sợ hãi. Hãy cố ý nói như thế. Nhưng thật sự Đà-phiêu Ma-la Tử là người thanh tịnh, vô tội.”

Chiều hôm ấy, Thế Tôn từ thiên đình ra, đến trước đại chúng trải tòa, ngồi xuống.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, chúng con đã cho Tỳ-kheo Đà-phiêu-ma-la Tử tự ức niệm. Với Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la cho pháp diệt tránh bằng tự nhận. Với Tỳ-kheo Tử Địa thì tích cực giáo giới can gián. Tỳ-kheo ấy nói rằng: ‘Đà-phiêu Ma-la Tử thanh tịnh vô tội..’”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Vì sao ngu si, chỉ vì việc ăn uống, mà cố ý vọng ngữ?”

Lúc ấy, Thế Tôn liền nói kệ:

*Nếu hay xả một pháp,
Biết mà cố vọng ngữ;
Chẳng kể gì đời sau,
Điều ác nào chẳng làm.*

*Thà ăn viên sắt nóng,
Như lửa than cháy hừng;
Không vì phạm giới cấm,
Ăn của thí cho Tăng.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 980. ĐÀ-PHIÊU (2)⁵²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn trúc Ca-la-đà, tại thành Vương Xá. Bấy giờ, Tôn giả Đà-phiêu Ma-la Tử đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ Phật, rồi lui đứng một bên, bạch Phật:

Bạch Thế tôn, con xin vào Bát-niết-bàn NGAY trước Phật .”

Thế Tôn im lặng, Tôn giả ba lần bạch như vậy. Phật bảo Đà-phiêu Ma-la Tử:

“Các pháp hành hữu vi đều như vậy cả.”

⁵² Đại chánh, kinh 1076. Pāli, cf. Ud. 8. 9. Pāṭaḷigāmiya-vagga. No 100(15).

Khi ấy, [280c] Tôn giả Đà-phiêu Ma-la Tử liền ngay trước Phật nhập tam-muội. Bàn chánh thọ như vậy, hướng về phương Đông, Tôn giả bay lên hư không hiện bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi, nhập vào tam-muội lửa, dưới thân phát ra lửa, cả thân rực sáng; ánh sáng chiếu khắp các màu xanh, vàng, đỏ, trắng, pha lê, hồng. Dưới thân ra lửa, trở lại thiêu thân. Trên thân ra nước rưới ướt trên thân. Hoặc trên thân ra lửa thiêu đốt thân, dưới thân ra nước rưới ướt trên thân. Khắp cả mười phương hiện bày các sự biến hóa xong, Tôn giả liền ở trong hư không, trong thân phát ra lửa tự thiêu thân, vào Vô dư Niết-bàn giới, tiêu tận, tịch diệt, khiến không còn sót một mảy bụi, ví như trong hư không thấp cây đèn, dầu, tìm đều hết. Đà-phiêu Ma-la Tử ở trong hư không đã nhập diệt, thân tâm đều bật hết cũng như thế.

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ:

*Ví như đốt hòn sắt,
Lửa bùng sáng rực rỡ;
Sức nóng dần dần tắt,
Nào biết đi về đâu?*

*Cũng thế, sự giải thoát,
Vượt bùn lầy phiền não;
Đã cắt đứt các dòng,
Nào biết đi về đâu?*

*Chóng đắc dấu bất động,
Nhập Vô dư Niết-bàn.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 981. TẠC⁵³

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại nước Ưong-cù-đa-la⁵⁴ du hành nhân gian. Khi đi qua trong rừng Đà-bà-xà-lê-ca,⁵⁵ Ngài gặp những người chăn bò, người chăn dê, người nhặt củi, cỏ và các người làm việc khác. Họ trông thấy Thế tôn đang đi trên đường, đều vội vàng bạch Phật:

⁵³ Đại chánh, kinh 1077. Pāli, cf. M. 86. Aṅgulimāla-sutta. Biệt dịch, No 100(16). No 125(38.6).

⁵⁴ Ưong-cù-đa-la 央瞿多羅. Không rõ địa danh này.

⁵⁵ Đà-bà-xà-lê-ca 陀婆闍梨迦. No 100(16): Đào hà thọ lâm 桃河樹林.

“Bạch Thế Tôn, chớ đi theo con đường này. Phía trước có tên cướp Ưong-cù-lị-ma-la⁵⁶ chuyên môn khùng bố người.”

Đức Phật nói với các người này:

“Ta không sợ.”

Nói xong, Ngài cứ theo đường mà đi. Họ nói ba lần, đức Phật vẫn cứ đi. Từ xa Phật trông thấy Ưong-cù-lị-ma-la, tay cầm dao chạy thẳng đến. Thế Tôn dùng thần lực hiện thân đi từ từ, khiến cho Ưong-cù-lị-ma-la chạy như bay cũng không kịp. Chạy theo đến mệt đuối, Ưong-cù-lị-ma-la từ xa nói với Thế Tôn:

“Đứng lại, đứng lại, chớ đi!”

Thế Tôn vừa đi vừa đáp:

“Ta luôn dừng. Người không tự dừng đó thôi.”

Lúc ấy Ưong-cù-lị-ma-la nói kệ:

*Sa-môn vẫn rảo nhanh,
Lại nói ‘Ta luôn dừng.’
[281a] Nay tôi mệt, dừng nghỉ.
Sao nói ‘Người chẳng dừng.’?*

Thế Tôn lại nói kệ đáp:

*Ưong-cù-lị-ma-la,
Ta nói Ta thường dừng:
Vớ tất cả chúng sanh,
Đã dừng mọi đao trượng.
Người khùng bố chúng sanh,
Nghiệp ác không chịu dừng.
Vớ tất cả côn trùng,
Ta dứt dùng đao gậy.
Vớ côn trùng bé nhỏ,
Ông bức bách đe dọa;
Có tạo nghiệp hung ác,
Trọn chẳng lúc nào thôi.
Ta đối mọi sinh vật,⁵⁷*

⁵⁶ Ưong-cù-lị-ma-la 央瞿利摩羅. Pāli: Aṅgulimāla.

*Dừng thôi mọi đao, gậy.
Ông đối với các thần,
Luôn làm khổ, bức bách.
Tạo tác ác nghiệp đen,
Đến nay không dừng nghĩ.*

*Ta dừng nơi chính mình,⁵⁸
Hoàn toàn không buông lung.
Ông chẳng thấy Bốn Đế,
Nên chẳng dừng buông lung.*

Ương-cù-li-ma-la nói kệ bạch Phật:

*Lâu mới gặp Mâu-ni,
Nên theo đường chạy đuổi;
Nay nghe lời vi diệu,
Sẽ bỏ điều ác xưa.*

*Nói ra như thế rồi,
Liên buông bỏ đao gậy;
Dập đầu dưới chân Phật,
Xin cho con xuất gia.*

*Phật đầy lòng từ bi,
Đại Tiên tràn thương xót;
Gọi Tỳ-kheo, thiện lai!
Xuất gia thọ cụ túc.*

Ương-cù-li-ma-la sau khi xuất gia, thường một mình ở chỗ vắng, chuyên tâm tư duy lý do khiến thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chánh tín xuất gia, học đạo, sống không nhà, tinh tấn tu phạm hạnh, ngay trong hiện tại tự biết tác chứng: ‘Ta, sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’ Lúc ấy Ương-cù-li-ma-la đắc quả A-la-hán, giác ngộ, giải thoát, hỷ lạc, Tôn giả liền nói kệ:

Vốn mang tên ‘Bất hại’⁵⁹

⁵⁷ Nguyên Hán: Thần 神. Đoạn kệ này không có Pāli tương đương. Đây chắc là dịch từ *bhūta*, quỷ thần, cũng chỉ các loại thảo mộc.

⁵⁸ Đề bản: tức pháp 息法. TNM: tự pháp. No 100(16): ngã lạc ư kỹ pháp 我樂於己法.

⁵⁹ Bất Hại 不害. Pāli: Ahimsa, tên của Aṅgulimāla do cha mẹ đặt.

Mà lại sát hại nhiều.
Nay được tên 'Kiến Đế',
Xa lìa sự sát hại.

[281b] Thân không giết, không hại,
Miệng, ý cũng như thế;
Nên biết 'chơn bất sát',
Chẳng bức bách chúng sanh.

Rửa sạch tay vấy máu,
Gọi Ương-cù ma-la;
Trôi nổi giữa dòng sâu,
Tam quy làm dừng bắt.

Đã quy y Tam bảo,
Xuất gia được cụ túc;
Thành tựu được tam minh,
Làm xong điều Phật dạy.

Trị bò, dùng gậy đánh,
Luyện voi, dùng móc sắt;
Bậc huấn luyện Trời, Người,
Chẳng dùng đến dao gậy.

Dao bén nhờ đá mài,
Tên thẳng nhờ lửa ám;
Chặt gậy nhờ búa rìu,
Tự chế, nhờ trí tuệ.

Người trước kia buông lung,
Sau đó tự kềm chế,
Người ấy chiếu thế gian
Như mây tan trăng hiện.

Người trước kia buông lung,
Sau biết tự chế ngự,
Nơi dòng đời ân ái,
Chánh niệm mà vượt ra.

Người tuổi trẻ xuất gia,
Siêng tu lời Phật dạy;
Sẽ soi sáng thế gian,

Như mây tan trăng hiện.

*Người tuổi trẻ xuất gia,
Siêng tu lời Phật dạy;
Nơi dòng đời ân ái,
Bằng chánh niệm vượt qua.*

*Ai sống bằng nghiệp ác,
Nhờ thiện nay trừ diệt;
Người ấy chối thế gian,
Như mây tan trăng hiện.*

*Người trước gây nghiệp dữ,
Nhờ thiện nay trừ diệt;
Trong dòng đời ái ân,
Chánh niệm mà siêu xuất.*

*Tôi đã làm nghiệp ác,
Chắc hướng đến đường dữ;
Đã nhận lấy báo ác,
Nợ trước vay đã trả.*

*Những ai thù ghét tôi,
Mong nghe chánh pháp này,
Được pháp nhãn thanh tịnh,
Vớ tôi tu hành nhẫn.
Chẳng còn khởi tranh cãi,
Nhờ ân lực của Phật.*

*Kẻ oán tôi hành nhẫn,
Cũng thường khen ngợi nhẫn.
Tùy thời được nghe pháp,
Nghe rồi tu hành theo.*

[281c] Phật nói kinh này xong, Ương-cù-li-ma-la nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 982. TÁN-ĐẢO-TRA⁶⁰

Tôi nghe như vậy:

⁶⁰ Đại chánh, kinh 1078. Pāli, S. 1. 20. Samiddhi. Biệt dịch, No 100(17)

Một thời đức Phật ở trong vườn trúc Ca-la-đà, tại thành Vương Xá. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo kia, lúc sáng sớm đi ra bên bờ sông Thấp-bồ,⁶¹ cỡi y phục để trên bờ, xuống sông tắm rửa. Tắm xong, ông lên bờ khoác sơ một cái y đợi thân khô.

Khi ấy có một thiên tử từ thân tỏa ra ánh sáng, chiếu sáng bên sông Thấp-bồ, bảo Tỳ-kheo rằng:

“Ông trẻ tuổi xuất gia, tươi trắng, tóc đen, đang ở vào lứa tuổi tráng thịnh đẹp đẽ. Đáng nên hưởng thụ ngũ dục, trang nghiêm chuỗi ngọc, xúc dầu thơm, đeo tràng hoa, tự vui sướng với năm dục. Nhưng sao bây giờ lại trái với người thân, quay lưng với thế tục, khiến họ phải khóc lóc biệt ly; cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà? Sao lại bỏ cái vui hiện tiền mà tìm cái lợi phi thời?”⁶²

Tỳ-kheo đáp:

“Tôi không xả bỏ cái lạc hiện tại, để tìm cầu cái lạc phi thời. Thật sự chính tôi đang xả bỏ cái lạc phi thời, được lạc hiện tiền.”

Thiên tử hỏi Tỳ-kheo:

“Thế nào là xả bỏ cái lạc phi thời, được lạc hiện tiền?”

Tỳ-kheo đáp:

“Như Thế Tôn nói, dục là phi thời,⁶³ vị ngọt ít mà khổ nhiều; ít lợi nhiều nạn. Tôi nay trong các pháp hiện thực đã lìa sự thiêu đốt, chẳng đợi thời tiết, hay tự thông đạt, hiện tiền quán sát, duyên tự tâm mà tri giác.⁶⁴ Nay Thiên tử, như thế gọi là xả bỏ cái lạc phi thời, được niềm lạc hiện tiền.”

Thiên tử lại hỏi Tỳ-kheo:

⁶¹ Thấp-bồ hà 揚補河. Pāli: Tapodā, tên hồ lớn ngoại thành Vương xá.

⁶² Pāli: *mā sandiṭṭhikaṃ hitvā kālikaṃ anudhāvīti*, chớ xả bỏ cái hiện thực, mà chạy theo cái lệ thuộc thời gian. Chỉ sự tu tập đòi hỏi nhiều thời gian. Bản Hán doc *akālika*. Cf. No 100(17): sao không hưởng thụ ngũ dục, mà phi thời xuất gia?

⁶³ Pāli: *kālikā hi āvuso kāmā*, dục vọng vốn lệ thuộc thời gian.

⁶⁴ Pāli: *sandiṭṭhiko ayam dhammo akāliko ehipassiko opaneyyiko paccattaṃ veditabbo viññhīti*, “Phap này (của Phật) là hiện thực (được thấy ngay hiện tại), không lệ thuộc thời gian, hãy đến để thấy (là pháp thực chứng), có khả năng hướng dẫn (đến Niết-bàn), được chứng biết từ nội tâm bởi kẻ Trí.

“Điều mà Như Lai nói là thế nào, rằng dục là phi thời, ít vui, nhiều khổ? Điều mà Như Lai nói là thế nào, rằng lợi lạc trong đời hiện tại,...*cho đên*, tự giác tri?”

Tỳ-kheo đáp:

“Tôi trẻ tuổi, mới xuất gia, không thể nói rõ hết ý nghĩa chánh pháp luật của Như Lai. Thế tôn đang ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, gần đây. Ông có thể đến hỏi Thế Tôn điều nghi ngờ. Thế Tôn sẽ nói, tùy sự ghi nhớ mà lãnh thọ.”

Thiên tử lại nói:

“Này Tỳ-kheo, nơi chỗ Như Lai đang có nhiều chư Thiên oai lực vây quanh. Tôi trước chưa hỏi, không dễ gì đến được. Tỳ-kheo, nếu có thể vì tôi bạch trước Thế Tôn, tôi sẽ đi theo.”

Tỳ-kheo đáp:

“Tôi sẽ vì ông mà đi đây.”

Thiên tử thưa với Tỳ-kheo:

“Vâng, Tôn giả đi. Tôi đi theo sau Tôn giả.”

Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ Phật, lui đứng một bên; rồi tường thuật lại đầy đủ cuộc vấn đáp với Thiên tử cho Thế Tôn nghe, và bạch:

“Bạch Thế Tôn, vị Thiên tử này nếu là người thành thật chốc lát sẽ đến. [282a] Nếu không thành thật tất sẽ không đến.”

Lúc ấy vị Thiên tử kia từ xa nói vọng lại với Tỳ-kheo:

“Tôi đã ở đây. Tôi đã ở đây.”

Bây giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Chúng sanh theo ái tưởng,*⁶⁵

Do ái tưởng mà trụ.

Vì chẳng biết rõ ái,

*Nên bị chết tùy tiện.*⁶⁶

Phật bảo Thiên tử:

“Ông giải thích bài kệ này rồi mới có thể hỏi.”

⁶⁵ Ái tưởng 愛想. Pāli: *akkheyyasaññino sattā*, chúng sinh có tưởng về danh (tên gọi người và vật)

⁶⁶ Pāli: *akkheyyam apariññāya, yogamāyanti maccuno*, do không biết rõ danh nên bị Từ thần trôi đi.

Thiên tử bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con không hiểu! Bạch Thiện thế, con không hiểu!”

Đức Phật nói kệ và bảo Thiên tử:

*Nếu biết cái được yêu,
Ở đó không sinh yêu.
Người không có sự này,
Người khác không thể nói.⁶⁷*

Phật bảo Thiên tử:

“Ông hiểu nghĩa này rồi có thể hỏi câu khác.”

Thiên tử bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con không hiểu! Bạch Thiện thế, con không hiểu!”

Đức Phật lại nói kệ:

*Ai thấy: bằng, hơn, kém,
Ắt có ngôn luận sinh.
Ba việc chẳng khuyh động:
Không yếu mẽ, trung, thượng.⁶⁸*

Phật bảo Thiên tử:

“Hiểu được nghĩa này thì có thể hỏi.”

Thiên tử bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con không hiểu! Bạch Thiện thế, con không hiểu!”

Đức Phật lại nói kệ:

*Đoạn ái và danh sắc,⁶⁹
Trừ mạn, không ràng buộc;
Tịch diệt, đừng sân nhuế,
Lìa kết, bất dục vọng.
Chẳng thấy nơi Trời, Người,
Đời này, và đời khác.⁷⁰*

⁶⁷ Pāli: *akkheyyaṅca pariññāya, akkhātāraṃ na maññati; taṅca tassa na hoti, yena naṃ vajjā na tassa atthi*, do biết rõ cái bị gọi tên, nó không suy tưởng đến tên gọi. Ai không có điều này, người đó không có lầm lỗi.

⁶⁸ Pāli: *tīsu viḍhāsu avikampamāno, samo vīsē ti na tassa hoti*, ai không dao động trong ba sự này, người đó không có ý nghĩ hơn, kém.

⁶⁹ Pāli: *acchehi taṇhaṃ idha nāmarūpe*, hãy đoạn trừ ái nơi danh sắc

Phật bảo Thiên tử:

“Ông hiểu nghĩa này rồi mới nên hỏi.”

Thiên tử bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Con đã hiểu. Thưa Thiện thế! Con đã hiểu.”

Đức Phật nói kinh này xong, Thiên tử nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ biến mất.

KINH 983. BẠT-CHẤN⁷¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà,, tại thành Vương Xá. Bảy giờ, có Tỳ-kheo kia⁷² cuối đêm đến bên bờ sông Thấp-bổ, cỡi y phục để trên bờ, xuống sông tắm rửa, tắm xong lên bờ khoác sơ một cái y đợi thân khô. Khi ấy có một thiên tử từ thân tỏa ra ánh sáng, chiếu sáng bên sông Thấp-bổ, bảo Tỳ-kheo rằng:

“Tỳ-kheo! Tỳ-kheo! Đây là gò mả,⁷³ ban đêm bốc khói, ban ngày bốc lửa. Người Bà-la-môn kia thấy vậy, nói rằng: ‘Hãy phá cái gò mả này đi! Hãy đào lên, người trí! Hãy cầm lấy gươm đao!’ Lại thấy con rùa lớn.⁷⁴ Bà-la-môn thấy rồi nói: ‘Trừ đi con rùa này đi. [282b] Hãy đào lên, người trí! Hãy cầm lấy gươm đao!’ Lại thấy có cái cù lâu,⁷⁵ Bà-la-môn thấy rồi nói: ‘Trừ đi cái cù lâu này. Hãy đào lên, người trí! Hãy cầm lấy gươm đao!’ Lại thấy có miếng thịt.⁷⁶ Bà-la-môn thấy rồi nói: ‘Trừ đi miếng thịt này. Hãy đào lên, người trí! Hãy cầm lấy gươm đao!’ Lại thấy chỗ giết chóc.⁷⁷ ‘Trừ đi chỗ giết chóc này. Hãy đào lên,

⁷⁰ Không thể tìm thấy vị ấy nơi trời, người...

⁷¹ Đại chánh, kinh 1079. Pāli, cf. M. 23. Vammīka. Biệt dịch, No 100(18), No 125(39.9).

⁷² Pāli: Tôn giả Kumārakassapa, sống trong rừng Andhavana (Ám lâm).

⁷³ Hán: khâu trũng 丘塚. Pāli: *vammīka*, ổ kiến hay gò mồi.

⁷⁴ Bản Pāli, đào lần đầu, thấy cái then cửa (*laṅgi*).

⁷⁵ Cù lâu 毳毼. Không hiểu ý. Pāli, đào lên lần thứ hai: *uddhumāyika*, thầy sinh (hay con nhái?).

⁷⁶ Nhục đoạn 肉段. Pāli, lần thứ ba: *dvidhāpatha*, hai con đường.

⁷⁷ Đồ sát xứ 屠殺處. Pāli, lần thứ tư: *caṅgavāraṃ*, chiếc thuyền (khúc gỗ được moi ruột).

người trí! Hãy cầm lấy gươm đao!’ Lại thấy cái lăng-kỳ,⁷⁸ Bà-la-môn thấy rồi nói: ‘Trừ đi cái lăng kỳ này. Hãy đào lên, người trí! Hãy cầm lấy gươm đao!’ Lại thấy có hai đường. Bà-la-môn thấy rồi nói: ‘Trừ đi hai đường này. Hãy đào lên, người trí! Hãy cầm lấy gươm đao!’ Lại thấy có một cánh cửa. Bà-la-môn thấy rồi nói: ‘Trừ đi cánh cửa này. Hãy đào lên, người trí! Hãy cầm lấy gươm đao!’ Lại thấy có con rồng lớn.⁷⁹ Bà-la-môn thấy rồi nói: ‘Dừng lại, chớ bỏ qua con rồng to. Phải nên cung kính.’

“Này Tỳ-kheo! Ông hãy đem luận này đến hỏi Thế Tôn. Như lời Phật dạy, ông theo đó thọ trì. Vì sao? Tôi không thấy ai trong thế gian này, Chư thiên, Ma, Phạm, Sa môn, Bà la môn nào mà có thể làm hài lòng đối với luận này. Trừ Như Lai, và các Đệ tử, hay những người nghe từ đó rồi nói lại.”

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo sau khi nghe luận này từ Thiên tử ấy, liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ Phật, rồi lui ngồi một bên. Tỳ-kheo đem các luận của Thiên tử kia hỏi Thế Tôn:

“Bạch Thế Tôn, thế nào là gò mả? Thế nào là đêm thi bốc khói? Thế nào là ngày thi lửa cháy? Thế nào là Bà-la-môn? Thế nào là đào lên? Thế nào là người trí? Thế nào là gươm đao? Thế nào là con rùa lớn? Thế nào là cù lâu? Thế nào là miếng thịt? Thế nào là chỗ giết chóc? Thế nào là lăng-kỳ? Thế nào là hai đường? Thế nào là cánh cửa? Thế nào là con rồng lớn?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Gò mả là cái thân sắc gồm sắc đại thô phù của chúng sanh, bầm thọ đi thể của cha mẹ, ăn uống, y phục che chở, tắm rửa trau chuốt, nuôi dưỡng. Tất cả đều là pháp biến hoại, ma diệt. Ban đêm bốc khói nghĩa là giữa đêm có người thức dậy mà trầm tư suy tính.⁸⁰ Ban ngày lửa cháy nghĩa là thực hành theo lời dạy tạo các nghiệp thân, miệng.⁸¹ Bà-la-môn nghĩa là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Đào lên,

⁷⁸ Lăng-kỳ 楞耆. Pāli: laṅgi, cái then cửa. Bản Pāli, lần thứ năm: *kummo*, con rùa.

⁷⁹ Đại long 大龍. Pāli: *nāga*, con rắn hổ mang.

⁸⁰ Tùy giác tùy quán 隨覺隨觀. Pāli: *anuvitakketi anuvicāreti*, truy tầm, suy tưởng.

⁸¹ Pāli: *rattim anuvitakketvā anuvicāretvā divā kammante payojeti kāyena vācāya*, sau khi ban đêm suy tầm, suy tưởng, ban ngày thực hiện công việc bằng thân hay miệng.

nghĩa là nỗ lực tinh tấn. Người trí nghĩa là đa văn Thánh đệ tử. Gương đao là gương đao trí tuệ. Con rùa lớn nghĩa là năm triền cái.⁸² Cù lâu⁸³ nghĩa là phần hận. Khúc thịt là bốn xén tật đố. Giết chóc nghĩa là [282c] công năng năm dục.⁸⁴ Lãng-kỳ nghĩa là vô minh. Hai đường là nghi hoặc. Cánh cửa là ngã mạn. Con rồng to là bậc lậu tận A-la-hán.

“Nhu vậy, này Tỳ-kheo, những điều mà Đại Sư cần làm cho đệ tử, đó là do thương yêu, do nghĩ tưởng đến, vì lợi ích an ủi. Những điều cần làm cho các người, Ta đã làm rồi. Các người hãy làm những việc cần làm. Hãy ở chỗ vắng trong rừng, trong nhà trống, chỗ núi non, nơi hẻo lánh, trong hang núi .v.v... trải cỏ hoặc lá cây để ngồi, tư duy thiền định, không khởi buồn lung, chớ để sau này phải hối tiếc. Đó là giáo huấn của Ta.”

Phật liền nói kệ:

*Nói thân là gò má,
Tâm tứ: đem bốc khói;
Nghệp là lửa ban ngày.
Bà-la-môn: Chánh giác.
Tinh tấn: chăm khai quật,
Người trí tuệ sáng suốt,
Dùng gương bén trí tuệ.
Bậc thẳng tiến, chán lìa.
Năm triền cái; rùa lớn,
Phần hận là cù lâu;
Xan tật là khúc thịt,
Năm dục, nơi giết chóc.
Vô minh là lãng-kỳ,
Nghi hoặc là hai đường;
Cánh cửa hiện ngã mạn,
Rồng, La-hán lậu tận.
Cứu cánh dứt các lậu,
Nên Ta nói như vậy.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

⁸² Tức năm triền cái. Pāli, con rùa, chỉ cho năm thủ uẩn.

⁸³ Pāli: *uddhumāyika*.

⁸⁴ Pāli: *asisūnā*.

KINH 984. TÀM QUÝ⁸⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Lộc uyển, trú xứ của Tiên nhơn, tại nước Ba-la-nại. Bấy giờ, sáng sớm Thế Tôn khoác y ôm bát vào thành Ba-la-nại khát thực. Lúc ấy có một Tỳ-kheo kia không trụ tâm, tâm tán loạn, không gìn giữ các căn. Tỳ-kheo kia sáng sớm khoác y ôm bát vào thành Ba-la-nại khát thực, từ xa trông thấy Thế Tôn, vội thu nhiếp các căn, nhìn thẳng mà đi. Thế Tôn nhìn thấy Tỳ-kheo kia nhiếp trì các căn, nhìn thẳng rảo bước đi. Sau khi thấy vậy, Phật vào thành. Khát thực xong, Ngài trở về tinh xá cát y, bát, rửa chân xong, vào phòng tọa thiền.

Chiều hôm ấy, sau khi từ thiền tịnh dậy, Ngài vào trong Tăng chúng, trải tọa cụ ngồi trước đại chúng, bảo các Tỳ-kheo:

“Sáng nay Ta khoác y, ôm bát vào thành Ba-la-nại khát thực thấy có một vị Tỳ-kheo vì không trụ tâm nên tâm tán loạn, các căn buông thả, cũng khoác y, ôm bát vào thành khát thực. Tỳ-kheo ấy từ xa thoáng trông thấy Ta liền vội vàng tự nhiếp trì, đây là ai vậy?”

Khi ấy vị Tỳ-kheo kia từ chỗ ngồi đứng lên sửa lại y phục, đến trước Phật, trật vai áo bên hữu, chấp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con sáng sớm vào thành khát thực, tâm tán loạn, không thu nhiếp các căn. Con đang đi thoáng thấy Thế Tôn từ xa, con liền tự thúc liễm tâm, nhiếp trì các căn.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Ngươi thấy Ta rồi, có thể tự thúc liễm tâm và nhiếp trì các căn. Nay Tỳ-kheo, pháp này phải nên như vậy. Nếu gặp Tỳ-kheo cũng nên tự nhiếp trì. Nếu lại gặp Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cũng nên nhiếp trì các căn như vậy sẽ được lợi ích, an ổn, khoái lạc, lâu dài.”

Bấy giờ, trong chúng có một Tỳ-kheo khác nói kệ khen ngợi:

*Với tâm kia mê loạn,
Không chuyên trụ hệ niệm;
Sáng sớm mang y bát,
Vào thành áp khát thực.*

⁸⁵ Đại chánh, kinh 1080. Biệt dịch, No 100(19).

*Dọc đường thấy Đại sư,
Đầy oai đức, dung nghi;
Vui mừng sinh tâm quý,
Liên nhiếp trì các căn.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.⁸⁶

Kinh 985. KHỔ CHỪNG⁸⁷

Tôi nghe như vậy.

Một thời đức Phật ở trong vườn Lộc dã, tại nước Ba-la-nại. Bấy giờ, sáng sớm Thế Tôn khoác y, ôm bát vào thành Ba-la-nại khát thực. Lúc ấy, cũng có Tỳ-kheo khoác y, ôm bát vào thành khát thực, đứng dưới gốc cây bên đường, vì nường vào ác tham nên sinh giác tưởng bất thiện. Thế Tôn thấy Tỳ-kheo kia đứng dưới gốc cây, y chỉ vị ngọt ác tham⁸⁸ nên sinh ra giác tưởng bất thiện,⁸⁹ bảo rằng:

“Này Tỳ-kheo! Tỳ-kheo! Chớ gieo trồng hạt giống đặng,⁹⁰ để rồi xông lên mùi thối, nước rỉ chảy ra. Nếu Tỳ-kheo nào gieo trồng hạt giống đặng, để rồi xông lên mùi thối, nước rỉ chảy ra, mà muốn cho ruồi nhặng không tranh nhau bu lại, thì điều đó không thể có được.”

Lúc đó Tỳ-kheo kia tự nghĩ: “Thế Tôn đã biết được niệm ác trong tâm ta.” Chợt lòng cảm thấy sợ hãi, [283b] toàn thân lông dựng đứng.

Bấy giờ, Thế Tôn sau khi vào thành khát thực, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, rồi vào phòng tọa thiền. Chiều hôm ấy, từ thiền tịnh dậy, Ngài vào trong Tăng, trải tòa ngồi trước đại chúng, và bảo các Tỳ-kheo:

⁸⁶ Bản Hán, hết quyển 38.

⁸⁷ Đại chánh, quyển 39, kinh 1081. *Quốc dịch*, quyển 33, “Tụng vii. Kệ. 1. Tương ưng Tỳ kheo” tiếp theo. Pāli, A. 3. 126. Kaṭuviya. Biệt dịch, No 100(20).

⁸⁸ Hán: y ác tham thị 依惡貪嗜. Pāli: *rittassādaṃ bāhirassādaṃ*, (hường thọ) vị trống không, vị ngoại giới.

⁸⁹ Pāli: *muṭṭhassatiṃ asampajñaṃ asamāhitaṃ vibhantacittaṃ pākantindriyaṃ*, mắt chánh niệm, không tỉnh giác, không tập trung, tâm loạn động, các căn phóng túng.

⁹⁰ Pāli: *mā... attānaṃ kaṭuvīyaṃ akāsi*, đừng làm tự thân hư thối. Pāli: *kaṭuvīyaṃ*: đồ thối nát, thối rữa, đồ ăn dư thiu thối (*ucchiṭṭhakato*), trong bản Hán là *kaṭuka*, đấng, khổ.

“Sáng sớm nay, Ta khoác y ôm bát vào thành khát thực thấy một Tỳ-kheo đứng dưới gốc cây, nương vào ác tham dục, phát sinh giác tưởng bất thiện. Khi Ta Thấy vậy liền bảo rằng: ‘Tỳ-kheo! Tỳ-kheo! Chớ gieo trồng hạt giống đặng, để rồi xông lên mùi thối, nước rỉ chảy ra. Nếu Tỳ-kheo nào gieo trồng hạt giống đặng, để rồi xông lên mùi thối, nước rỉ chảy ra, mà muốn cho ruồi nhặng không tranh nhau bu lại, thì điều đó không thể có được.’ Lúc đó, Tỳ-kheo kia liền tự nghĩ: ‘Phật đã biết được tâm niệm của ta.’ Lòng cảm thấy hổ thẹn, sợ hãi đến nổi lông dựng cả lên, rồi theo đường mà đi.”

Khi ấy, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai áo bên hữu, chấp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, thế nào là hạt giống đặng? Thế nào là sinh hôi thối? Thế nào là nước rỉ chảy? Thế nào là ruồi nhặng?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Phần nộ, phiền oán gọi là hạt giống đặng.⁹¹ Công đức ngũ dục gọi là sinh hôi thối. Đối với sáu xúc nhập xứ không nhiếp luật nghi gọi là chất nước rỉ chảy. Khi đã không nhiếp xúc nhập xứ, các tâm ác bất thiện, tham ưu tranh nhau sinh ra, đó gọi là ruồi nhặng.”⁹²

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Tai mắt không phòng hộ,
Tham dục theo đó sinh;
Đó gọi là giống đặng,
Hôi thối, nước rỉ chảy
Các mùi vị tầm tở,
Y ác tham nếm thưởng.*

*Nơi làng xóm, chỗ vắng,
Ban ngày hoặc ban đêm,
Viễn ly, tu phạm hạnh,
Cứu cánh biên tế khổ.*

*Nếu nội tâm tịch tĩnh,
Quyết định biết chân thật.*

⁹¹ Pāli: *abhiijhā kaṭuvīyam*, tham chấp là thối rửa.

⁹² Pāli: *abhiijhā... kaṭuvuyam vyāpādo amāgndho pāpakā akusalā vitakkā makkhikā*, tham là thối nát, sân là mùi hôi thối, tầm cầu ác bất thiện là ruồi nhặng.

*Thức ngủ thường an lạc,
Ruồi nhặng ác tận diệt.*

*Thân cận bậc chánh sĩ,
Khéo nói đường Hiền thánh;
Biết rõ tám chánh đạo,
Không tái sinh thân sau.*

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 986. SANG VU⁹³

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, sáng sớm Thế Tôn khoác y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Khất thực xong Thế Tôn trở về tinh xá, rửa chân rồi vào rừng An-đà tọa thiền.

[283] Khi ấy có một Tỳ-kheo cũng sáng sớm khoác y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Khất thực xong trở về tinh xá, rửa chân rồi vào rừng An-đà nhập chánh thọ ban ngày,⁹⁴ dưới một bóng cây. Khi Tỳ-kheo này nhập chánh thọ ban ngày, vì nương vào tâm nếm vị tham dục nên khởi lên giác tướng ác bất thiện. Khi ấy có thiên thần đang ở tại rừng An-đà tự nghĩ: “Tỳ-kheo này, thật không tốt đẹp, không thích hợp, ngồi thiền ở trong rừng An-đà mà tâm nếm vị ác tham, khởi lên giác tướng bất thiện. Ta nên đến quở trách.” Nghĩ xong liền đến nói với Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo! Tỳ-kheo! Đang nổi nhọt, bấu phải không?”

Tỳ-kheo đáp:

“Tôi sẽ trị cho khỏi.”

Thiên thần bảo Tỳ-kheo:

“Bệnh nhọt như cái vạc sắt, làm sao có thể bình phục được?”

Tỳ-kheo bảo:

“Chánh niệm, chánh trí đủ có thể bình phục.”

Thiên thần bạch rằng:

⁹³ Đại chánh, kinh 1082. Biệt dịch, No 100(21).

⁹⁴ Tức nghi trưa.

“Tốt thay! Lành thay! Đó là cách trị bệnh nhọt chơn thật của Hiền Thánh. Trị bệnh nhọt như vậy, cuối cùng có thể bớt, mà không bao giờ còn phát tác nữa.”

Chiều hôm ấy, Thế Tôn từ thiền tịnh dậy, trở về vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, vào trong Tăng, trải tòa ngồi trước đại chúng và bảo các Tỳ-kheo:

“Sáng sớm nay Ta khước y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực, khát thực xong trở về rừng An-đà tọa thiền, nhập chánh thọ ban ngày. Có một Tỳ-kheo cũng sáng sớm khước y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Khát thực xong trở về tinh xá, rửa chân rồi vào rừng An-đà nhập chánh thọ ban ngày, dưới một bóng cây. Khi Tỳ-kheo này nhập chánh thọ ban ngày, vì nương vào tâm nếm vị tham dục nên khởi lên giác tướng ác bất thiện. Khi ấy có thiên thần đang ở tại rừng An-đà tự nghĩ: ‘Tỳ-kheo này, thật không tốt đẹp, không thích hợp, ngồi thiền ở trong rừng An-đà mà tâm nếm vị ác tham, khởi lên giác tướng bất thiện. Ta nên đến quở trách.’ Nghĩ xong liền đến nói với Tỳ-kheo: ‘Tỳ-kheo! Tỳ-kheo! Đang nổi nhọt, bước phải không?’ Nói đầy đủ như trên... cho đến như vậy Tỳ-kheo: ‘Tốt thay! Hay thay! Đó là cách trị bệnh của Hiền thánh.’”

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

*Con người nổi nhọt, bước,
Tự sinh ra bệnh khổ;
Mong cầu dục thế gian,
Tâm nương vào ác tham.*

*Vì sinh ra nhọt, bước,
Ruồi nặng tranh nhau đến;
Nhọt, bước là tham cầu,
Ruồi nặng là ác giác.
Cùng các tâm tham nếm,
Thảy đều từ ý sinh;
Đục khoét tâm con người,
Để cầu hoa danh lợi.*

*Lửa dục càng hùng hực,
Vọng tướng giác bất thiện ;
Thân tâm ngày đêm suy.
Xa lìa đạo tịch tĩnh.*

*Nếu nội tâm vắng lặng,
Trí quyết định sáng suốt;
[284a] Không còn nhọt bướu kia,
Thấy Phật, đường an ổn .
Con đường chánh sĩ đi,
Hiền thánh khéo tuyên nói;
Con đường trí sáng biết,
Không còn thọ các hữu.*

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 987. NGÃU CĂN⁹⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở nơi giảng đường Trùng các, bên ao Di hầu, tại nước Tì-xá-li. Bấy giờ sáng sớm, có nhiều Tỳ-kheo khoác y, ôm bát vào thành Tì-xá-li khát thực. Khi đó, cũng có một Tỳ-kheo tuổi trẻ, xuất gia chưa bao lâu, không quen rành pháp luật. Hãy lúc khát thực không biết thứ tự trước sau; các Tỳ-kheo khác thấy vậy, nói với vị ấy:

“Thầy tuổi còn trẻ, mới xuất gia, chưa biết pháp luật: không được đi vượt qua, không được đi ngang hàng. Đi khát thực mà trước sau không theo thứ tự, thì lâu dài sẽ chịu khổ và không bao giờ được lợi ích.”

Tỳ-kheo tuổi trẻ thưa:

“Các Thượng tọa cũng vượt thứ lớp, không theo trước sau, đâu phải chỉ một mình tôi.”

Đã ba lần như vậy, họ vẫn không thể làm cho vị ấy dừng lại. Các Tỳ-kheo đi khát thực xong, trở về tinh xá cất y bát, rửa chân xong, đến chỗ Phật đánh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sáng sớm chúng con khoác y, ôm bát vào thành Tì-xá-li khát thực. Có một Tỳ-kheo tuổi trẻ, xuất gia nơi pháp luật này chưa bao lâu, khi đi khát thực không theo thứ tự trước sau, lại đi ngang hàng. Các Tỳ-kheo đã ba lần can gián nhưng vẫn không chịu, mà nói rằng: ‘Các Thượng tọa cũng không có thứ tự, sao lại rầy tôi?’ Các Tỳ-kheo chúng con đã ba lần răn nhắc, vẫn không chịu nghe nên

⁹⁵ Đại chánh, kinh 1083. Pāli, S. 20. 9. Nāgo. Biệt dịch, No 100(22).

chúng con đến bạch Thế Tôn. Cúi xin Thế Tôn vì thương xót mà dẹp trừ điều phi pháp.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nhu trong đầm không, có hồ nước lớn, có một voi đực⁹⁶ to lớn ở trong đó, nhổ những củ rễ, rửa sạch bùn đất sau đó ăn chúng. Ăn rồi, thân thể nó mập mạp, sung sức và nhiều an lạc. Vì lý do này nên luôn luôn sống với hỷ lạc. Có một con voi thuộc chủng tộc khác, hình thể gầy yếu, bắt chước con voi đực kia, nhổ củ rễ, nhưng rửa không sạch, còn để lẫn bùn đất mà ăn. Ăn vào không tiêu, thân thể không mập mạp mà trở thành gầy yếu, vì vậy nên gần kề đến chết, hoặc giống cái khổ của chết.

“Cũng vậy, Tỳ-kheo tôn túc, đức độ, học đạo lâu ngày, không ưa thích hí tiếu, vì tu phạm hạnh đã lâu, được Đại Sư thường khen ngợi; cũng được các vị đồng phạm hạnh có minh trí khác lại càng khen ngợi hơn. Các Tỳ-kheo này nương nơi thành ấp, làng xóm; sáng sớm khóac y, ôm bát [284b] vào thành khát thực, khéo giữ gìn thân miệng, khéo nhiếp các căn, chuyên tâm cột niệm, có thể khiến cho người nào không tin phát lòng tin, người đã có lòng tin sẽ không biến đổi. Khi được tài lợi, y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men; họ không nhiễm, không đắm, không tham, không ham, không mê, không đeo đuổi; mà thấy được lỗi lầm, tai hại, thấy sự xuất ly chúng, sau đó mới dùng. Ăn xong, thân tâm đều đượm vẻ an lạc, sắc được tươi, sức được khỏe. Vì nhân duyên này Tỳ-kheo luôn luôn được an lạc.

“Tỳ-kheo tuổi trẻ kia xuất gia chưa bao lâu, chưa quen rành pháp luật, y theo các bậc trưởng lão, nương vào nơi làng xóm. Khi khóac y, ôm bát vào thôn khát thực, mà không khéo hộ thân, không gìn giữ các căn, không chuyên cột niệm, không thể khiến cho người chưa tin phát lòng tin, và người đã tin không thay đổi. Nếu được tài lợi, y phục, đồ ăn thức uống, ngọc cụ, thuốc men, mà sinh nhiễm, đắm, tham lam, đeo đuổi, không thấy lỗi lầm, tai hại, không thấy sự thoát ly; vì tâm tham nếm thức ăn này. Hãy không thể làm cho thân vui tươi, an ổn, sung sướng được. Vì ăn như vậy nên đi dần cái chết, hoặc khổ giống như chết. Nói là chết có nghĩa là xả giới, hoàn tục, mất chánh pháp, chánh

⁹⁶ Hán: long tượng 龍象.

luật. Khô giống như chết nghĩa là phạm chánh pháp luật, không biết tội tướng, không biết trừ tội.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Long tượng nhỏ rễ sen,
Nước rửa sạch rồi ăn.
Voi giống khác bắt chước,
Ăn rễ dính lẫn bùn.
Vì ăn nhâm bùn đất,
Gây yếu bệnh đến chết.*

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

31. TƯƠNG ƯNG MA¹

KINH 988. TRƯỜNG THỌ²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở giữa bãi tha ma trong rừng Lạnh,³ thành Vương Xá. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Mệnh sống rất ngắn, chỉ thoáng đã trở thành đời sau. Vậy hãy nên siêng tu tập pháp thiện, tu các phạm hạnh. Không có gì sinh mà không chết. Nhưng người thế gian không siêng năng, nỗ lực chuyên tu pháp thiện, tu hiền, tu nghĩa.”

Lúc ấy, ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Sa-môn Cù-đàm đang trú giữa nghĩa địa trong rừng Lạnh, thành Vương Xá, vì các Thánh vẫn nói pháp như vậy. Mệnh sống con người rất ngắn, ... *cho đến* không tu hiền, tu nghĩa. Nay ta nên đến làm nhiễu loạn.’

Ma Ba-tuần liền hóa thành một thiếu niên, đến trước Phật mà nói kệ:

*Thường bức bách chúng sanh,
Nhưng người đời trường thọ;
[284c] Mê say tâm phóng dật,
Cũng không đến chỗ chết.*

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: ‘đây là ác ma đến làm nhiễu loạn.’ Liền nói kệ:

*Thường bức bách chúng sanh,
Mạng sống thật ngắn ngủi.
Nên tinh tấn cần tu,
Như cứu lửa cháy đầu.
Chớ lười dù chốc lát,
Khiến ma chết chột đến.
Biết người là ác ma,
Mau đi khỏi nơi đây.*

¹ Tương ưng Ma, gồm cách kinh Đại chánh, kinh 1084-1103. (quyển 38&39). *Quốc dịch*, “Tụng vii. Kệ. 2. Tương ưng Ma” gồm 2 phẩm, 21 kinh. Ấn Thuận *Hội biên*, “Tụng viii. Tám chúng. 18. Tương ưng Ma” 20 kinh.

² Đại chánh, kinh 1084. *Quốc dịch*, phẩm 1. Pāli, S. 4. 9. Āyu. No 100(23).

³ Hàn lâm 寒林.

Thiên ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.’ liền hổ thẹn, ưu sầu, biến mất.

KINH 989. THỌ MẠNG⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở giữa nghĩa địa trong rừng Lạnh, tại thành Vương Xá. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tất cả hành là vô thường, tất cả hành không thường hằng, bất an, là pháp biến dịch, không nghỉ ngơi⁵ ... *cho đến* nên đình chỉ tất cả hành hữu vi, yếm ly, không ưa thích, giải thoát.”

Lúc ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Nay Sa-môn Cù-đàm đang trú trong rừng Lạnh, tại thành Vương Xá, vì các Thánh văn nói pháp như vậy: ‘Tất cả hành là vô thường, không thường hằng, bất an, là pháp biến dịch, không nghỉ ngơi ... *cho đến*. Hãy đình chỉ tất cả hữu vi, yếm ly, không ưa thích, giải thoát.’ Ta sẽ đến đó làm nhiễu loạn.” Liền hóa ra một thiếu niên, đi đến chỗ Phật, đứng trước Phật mà nói kệ:

*Mạng sống qua ngày đêm,
Không lúc nào cùng tận.
Mạng sống đến rồi đi,
Giống như bánh xe lăn.*

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: ‘Đó là Ác ma muốn làm nhiễu loạn.’ Liền nói kệ:

*Ngày đêm luôn đổi dời,
Mạng cũng theo đó giảm.
Mạng người tạm tiêu mất,
Giống như dòng nước nhỏ.
Ta biết người ác ma,
Hãy tự tiêu mất đi.*

Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.’ liền hổ thẹn, ưu sầu, biến mất.

KINH 990. MA PHƯỚC⁶

Tôi nghe như vậy:

⁴ Đại chánh, kinh 1085. Pāli, S. 4. 10. Āyu. Biệt dịch, No 100(24).

⁵ Tô tức 穌息.

⁶ Đại chánh, kinh 1086. Ma trời. Pāli, S. 4. 15. Mānassa.

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, tại thành Vương Xá. Bấy giờ, ban đêm, Thế Tôn dậy đi kinh hành. Đến cuối đêm, Thế Tôn rửa chân, [285a] rồi vào phòng ngồi ngay thẳng, chuyên tâm cột niệm. Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Giờ Sa-môn Cù-đàm đang ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Ban đêm Thế Tôn dậy đi kinh hành. Đến cuối đêm rửa chân, vào phòng ngồi ngay thẳng, chuyên tâm cột niệm thiền tư. Bấy giờ, ta sẽ đến làm nhiễu loạn.” Nó liền hóa ra một thiếu niên, đứng trước Phật mà nói kệ:

*Tâm ta ở không,
Cầm dây dài buông xuống;
Nhằm muốn trói Sa-môn,
Khiến người không thoát được.*

Bấy giờ, Thế Tôn nghĩ: ‘Ác ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn.’ Liền nói kệ:

*Ta nói ở thế gian,
Năm dục, ý thứ sáu;
Ta đã lia tất cả,
Tất cả khổ đã dứt.
Ta đã ly dục kia,
Tâm ý thức cũng diệt;
Ba-tuần, Ta biết người,
Mau đi khỏi nơi đây.*

Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.’ Liền hổ thẹn, ưu sầu, biến mất.

KINH 991. MIÊN⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, vào lúc ban đêm Thế Tôn dậy đi kinh hành. Đến cuối đêm, Thế Tôn rửa chân, rồi vào phòng, nằm nghiêng bên phải, cột niệm vào tướng ánh sáng, chánh niệm, chánh trí, nghĩ tưởng đến thức.

Khi ấy, Ma Ba-tuần nghĩ: “Giờ Sa-môn Cù-đàm đang ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, tại thành Vương Xá... *cho đến* nghĩ tưởng đến thức. Bấy giờ, ta sẽ đến để gây trở ngại.” Nó liền hóa ra một thiếu niên, đứng trước Phật mà nói kệ:

⁷ Đại chánh, kinh 1087. Năm ngũ. Pāli, S. 4. 1. 7. Suppati. Biệt dịch, No 100(26).

*Ngủ sao, vì sao ngủ?
Đã diệt, sao còn ngủ?
Nhà trống, làm sao ngủ?
Ra được, sao lại ngủ?*

Bấy giờ, Thế Tôn nghĩ: ‘Ác ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn.’ Liên nói kệ đáp:

*Vì lưới ái nên nhiễm.
Không ái, ai kéo đi?
Hết tất cả hữu dư,
Chỉ Phật được ngủ yên.
Ngươi Ác ma Ba-tuần,
Nói những gì ở đây?*

Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.’ Liên hồ then, **[285b]** ưu sầu, biến mất.

KINH 992. KINH HÀNH⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành Vương Xá. Bấy giờ, vào lúc ban đêm, trời mưa bụi, có tia chớp lóe lên. Thế Tôn ra khỏi phòng, đi kinh hành.

Khi ấy, Ma Ba-tuần nghĩ: “Giờ Sa-môn Cù-đàm đang ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành Vương Xá. Đêm tối, trời mưa bụi, vài tia chớp lóe lên, Sa-môn Cù-đàm ra khỏi phòng, đi kinh hành. Bây giờ, ta sẽ đến để gây trở ngại.” Nó cầm một khối đá to, đùa giỡn trên hai tay. Khi đến trước Phật, nó bóp nát thành bụi nhỏ.

Bấy giờ, Thế Tôn nghĩ: ‘Ác ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn.’ Liên nói kệ:

*Dù núi Kỳ-xà-quật,
Trước Ta, bị bóp nát;
Thì chừ Phật giải thoát,
Cũng không động mây lông.
Giả sử trong bốn biển,
Khiến tất cả núi non;
Và thân tộc phóng dật,*

⁸ Đại chánh, kinh 1088.Pāli, S. 4. 11. Pāsāṇa. Biệt dịch, No 100(27).

*Khiến nát thành vi trần,
Cũng không làm lay động,
Một sợi tóc Như Lai.*

Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.’ Trong lòng ưu sầu, liền biến mất.

KINH 993. ĐẠI LONG⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành Vương Xá. Bảy giờ, ban đêm, Thế Tôn dậy đi kinh hành. Cho đến cuối đêm, Thế Tôn rửa chân, rồi vào phòng, thân ngồi ngay thẳng, cột niệm ở trước.

Khi ấy, Ma Ba-tuần nghĩ: “Giờ Sa-môn Cù-đàm đang ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành Vương Xá. Ban đêm Thế Tôn dậy đi kinh hành cho đến cuối đêm, rửa chân vào phòng, thân ngồi ngay thẳng, cột niệm ở trước. Bây giờ, ta sẽ đến để gây trở ngại.” Nó liền hóa ra con rồng to,¹⁰ quấn quanh Phật bảy vòng, cất đầu đến trên đánh Phật, thân như chiếc thuyền to, đầu như cái buồm lớn, mắt như lò đồng, lưỡi như điện chớp, hơi thở dữ dội như tiếng sấm. Khi ấy, Thế Tôn nghĩ: ‘Ác ma Ba-tuần muốn làm nhiều loạn.’ Liền nói kệ:

*Giống như ngôi nhà trống,
Tâm Mâu-ni rỗng lặng;
Chuyển xoay ở trong đó,
Thân Phật cũng như vậy.*

*Vô lượng rồng hung ác,
Muỗi, ruồi, rệp, côn trùng;
Tụ lại ăn thân kia,
Cũng không động lông, tóc.*

*Dù phá nát hư không,
Nghiêng úp cả đại địa;
[285c] Tất cả loài chúng sanh,
Đều đến gây kinh sợ.
Gươm, mâu, đao, tên bén,
Cũng đến hại thân Phật;*

⁹ Đại chánh, kinh 1089. Pāli, S. 4. 6. Sappa. Biệt dịch, No 100(28).

¹⁰ Hán: đại long 大龍. Pāli: *mahanta sapparājā*, đại xà vương.

*Mọi bạo hại như vậy ,
Cũng không tổn mảy lông.*

Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.’ Trong lòng nó cảm thấy ưu sầu, liền biến mất.

KINH 994. THUY MIÊN¹¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong thất đá, núi Tì-bà-la trong rừng Thất diệp thọ,¹² thành Vương Xá. Bấy giờ, ban đêm, Thế Tôn dậy, nơi đất trống hoặc ngồi, hoặc đi kinh hành. Đến cuối đêm, Thế Tôn rửa chân, rồi vào thất, nằm yên nghỉ, nghiêng hông bên phải sát đất, hai chân chồng lên nhau, cột niệm vào tướng ánh sáng, chánh niệm, chánh trí, nghĩ tưởng đến thức.

Khi ấy, Ma Ba-tuần nghĩ: ‘Giờ Sa-môn Cù-đàm đang ở trong thất đá, núi Tì-bà-la trong rừng Thất diệp thọ, thành Vương Xá. Bấy giờ, ban đêm, Thế Tôn dậy, nơi đất trống, hoặc ngồi, hoặc đi kinh hành. Đến cuối đêm, rửa chân, vào thất, nằm yên nghỉ, nghiêng hông bên phải sát đất, hai chân chồng lên nhau, cột niệm vào tướng ánh sáng, chánh niệm, chánh trí, nghĩ tưởng đến thức. Bấy giờ, ta sẽ đến để gây trở ngại.’ Ma Ba-tuần hóa ra một thiếu niên đến đứng trước Phật, mà nói kệ:

*Nhân vì ta nên ngủ?
Hay là vì đời sau?
Có nhiều tiền, của báu,
Có sao chọn ở rừng?
Một mình không bè bạn,
Mà mê đắm ngủ nghỉ?*

Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: ‘ Ác ma Ba-tuần muốn làm nhiều loạn.’ liền nói kệ :

*Không bởi người mà ngủ,
Không phải vì đời sau.
Cũng không nhiều tiền của.
Chỉ gom báu vô ưu.*

¹¹ Đại chánh, kinh 1090. Pāli, S. 4. 13. Sakalika. Biệt dịch, No 100(29).

¹² Vương xá thành Tì-bà-la sơn Thất diệp thọ lâm thạch thất 王舍城毘婆羅山七葉樹林石室. Đây chỉ hang Sattapaṇṇiguhā, trên sườn núi Vebhāra, thành Rājagaha.

*Vì thương xót thế gian,
Nên nằm nghiêng hông phải;
Thức cũng không nghỉ hoặc,
Ngủ cũng không sợ hãi.*

*Hoặc ngày, hoặc lại đêm,
Không tăng cũng không giảm.
Vì thương chúng sanh ngủ,
Nên không có tổn giảm.*

*Dù dùng trăm mũi nhọn,
Xuyên thân, luôn khuấy động;
Vẫn được ngủ an ổn,
Vi lià gươm bên trong.*

Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.’ trong lòng **[286a]** cảm thấy ưu sầu, liền biến mất.

KINH 995. CÙ-ĐỀ-CA¹³

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở nơi thát đá núi Tỳ-bà-la trong rừng Thất diệp thọ, thành Vương Xá. Bấy giờ, có Tôn giả Cù-đề-ca¹⁴ cũng ở thành Vương Xá, trong hang Đá Đen¹⁵ bên sườn núi Tiên nhơn,¹⁶ một mình tư duy, tu hạnh không phóng dật, tự được nhiều lợi ích, tự thân chứng ngộ thời ái tâm giải thoát,¹⁷ nhiều lần bị thối chuyển. Lần thứ nhất, thứ hai, ba, bốn, năm, sáu, trở đi, trở lại; sau khi tự thân tác chứng tâm giải thoát nhất thời, chẳng bao lâu lại thối chuyển.

Tôn giả Cù-đề-ca tự nghĩ: “Một mình ta ở chỗ vắng tư duy, hạnh không phóng dật, tinh tấn tu tập để tự được lợi ích; khi tự thân chứng ngộ tâm thời ái giải thoát, mà nhiều lần lại còn thối chuyển, cho đến

¹³ Đại chánh, kinh 1091. Pāli, S. 4. 23. Godhika. Biệt dịch, No 100(30).

¹⁴ Cù-đề-ca 瞿低迦. *Câu-xá 25* (tr. 130b11): Kiêu-đề-ca 喬底迦. Pāli: Godhika.

¹⁵ Hắc thạch thát 黑石室. Pāli: Kālasilā.

¹⁶ Tiên nhơn sơn, 仙人山. Pāli: Isigili-passa.

¹⁷ Đề bản: thời thọ (nên sửa lại: *ái*) ý giải thoát 時受意解脫; tức thời giải thoát hay thời ái tâm giải thoát, trường hợp A-la-hán chứng tâm giải thoát tùy thuộc hoàn cảnh; khi nghịch duyên, có thể bị thối thất. Xem, *Câu-xá 25*, tr. 129a 19, 130b 16 Pāli: *sāmāyikaṃ cetovimuttiṃ*.

sáu lần vẫn còn thối chuyển lại. Bây giờ, ta nên dùng đao tự sát chớ để cho thối chuyển lần thứ bảy.”¹⁸

Khi ấy, ma Ba-tuần tự nghĩ: “Hiện tại Sa-môn Cù-đàm đang ở nơi thất đá núi Tỳ-bà-la trong rừng Thất diệp thọ, tại thành Vương Xá, có đệ tử là Cù-đề-ca cũng ở thành Vương Xá, trong hang Đá đen bên sườn núi Tiên nhơn, một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh tư duy, khi tự thân tác chứng thời ái tâm giải thoát, qua sáu lần thối chuyển. Ông tự nghĩ: ‘Ta đã qua sáu lần phản thối mới trở lại được, chớ để cho thối chuyển lần thứ bảy. Ta hãy dùng đao tự sát chớ để thối chuyển lần thứ bảy.’ Nếu Tỳ-kheo kia dùng đao tự sát, ta chớ để tự sát, mà ra khỏi cảnh giới của ta. Bây giờ ta nên đến báo Đại sư ông ấy.”

Bấy giờ, ma Ba-tuần cầm cây đàn tỳ bà bằng lưu ly, đến chỗ Thế Tôn, vừa khảy đàn vừa nói kệ:

*Đại trí đại phương tiện,
Tự tại thần lực lớn;
Được đệ tử sáng chói,
Mà nay muốn chết đi.
Đại Mâu-ni nên ngăn,
Chớ để Ông tự sát;*

*Sao để đệ tử Phát
Theo học Chánh pháp luật,
Học nhưng không chứng đắc,
Chỉ muốn chết cho xong?*

Ma Ba-tuần nói kệ xong, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Ba-tuần, loài phóng dật,
Vì việc mình mà đến.
Bậc đã được kiên cố,
Thường trụ diệu thiên định.
Ngày đêm chuyên tinh tấn,
Không nghĩ đến tánh mạng.*

*Thấy ba cõi đáng sợ,
Đoạn trừ ái dục kia.
Đã chiết phục quân ma,
Cù-đề bát-niết-bàn.*

¹⁸ Xem kinh Đại chánh 1265, về trường hợp Bạt-ca-lê.

*Tâm Ba-tuần ưu sầu,
Tỳ bà rơi xuống đất.
Lòng ôm ấp ưu sầu,
Liền biến mất không hiện.*

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người hãy cùng Ta đến hang Đá đen bên sườn núi Tiên nhơn, xem Tỳ-kheo Cù-đê-ca dùng đao tạt sát.”

Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo đến hang Đá đen bên sườn núi Tiên nhơn, thấy Tỳ-kheo Cù-đê đã tạt sát nằm trên đất, bảo các Tỳ-kheo:

“Các người có thấy Tỳ-kheo Cù-đê-ca tạt sát, thân thể nằm trên đất không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thưa vâng Thế Tôn, đã thấy.”

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người có thấy chung quanh thân thể Tỳ-kheo Cù-đê-ca bốc khói đen lan đầy khắp bốn phía không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đã thấy.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Đó là ác Ma Ba-tuần ở bên thân thiện nam Cù-đê-ca, đang quanh quẩn tìm thức thân. Nhưng Tỳ-kheo Cù-đê-ca với tâm vô trụ¹⁹ mà cầm đao tạt sát!”

Bấy giờ, Thế Tôn vì Tỳ-kheo Cù-đê-ca thọ ký đệ nhất.

Lúc ấy, Ma Ba-tuần nói kệ:

*Trên dưới cùng các phương,
Tìm khắp thân thức kia;
Đều không thấy nơi này,
Cù-đê-ca ở đâu?*

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ:

*Bậc kiên cố như vậy,
Không thể tìm thấy đâu.*

¹⁹ Hán: bất trụ tâm 不住心. Pāli: *appatiṭṭhitena viññānena*, bằng thức vô trụ (không trụ xứ).

*Nhỏ sạch gốc ân ái,
Cù-đê bát-niết-bàn.*

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 996. MA NỮ²⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở dưới gốc cây Bồ-đề, tại làng Uất-tì-la bên bờ sông Ni-liên-thiên, thành đạo chưa lâu. Bấy giờ, Ma Ba-tuần nghĩ: ‘Hiện tại Sa-môn Cù-đàm đang ở dưới cây Bồ-đề, tại làng Uất-tì-la bên bờ sông Ni-liên-thiên, thành đạo chưa lâu. Ta sẽ đến đó làm chướng ngại.’

Ma Ba-tuần hóa ra một thiếu niên, đến trước Phật mà nói kệ:

*Một mình vào chỗ vắng,
Thiền tư, tĩnh tư duy;
Đã bỏ nước, tài bảo,
Ở đây lại cầu gì?

Nếu cầu lợi xóm làng,
Sao không gần gũi người?
Đã không gần gũi người,
Rốt cuộc được gì nào?*

Thế Tôn tự nghĩ: ‘Ma Ba-tuần muốn làm nhiều loạn.’ Liên nói kệ:

*Đã được tài lợi nhiều,
Tri túc, an tịch diệt;
Điều phục bọn quân ma,
Không đắm vào sắc dục.

Một mình riêng thiền tư,
Ném vị thiền diệu lạc;
Cho nên không cùng người,
Quanh quẩn gần gũi nhau.*

Ma lại nói kệ:

*Cù-đàm nếu tự biết,
Đường Niết-bàn an ổn;*

²⁰ Đại chánh, kinh 1092. Pāli, S. 4.24. Sattavassa; S. 4. 25. Dhītarō. Biệt dịch, No 100(31).

*Riêng mình lạc vô vi,
Cần gì gương dạy người?*

Phật lại nói kệ đáp:

*Ai không bị Ma chế,
Đến hoi bờ bên kia;
Ta giải đáp chơn chánh,
Khiến người đắc Niết-bàn.
Kịp thời, không phóng dật,
Không bị Ma chế ngự.*

Ma lại nói kệ:

*Có đá như mỡ đặc,
Con chim muốn đến ăn.
Cuối cùng không được vị,
Trượt mỏ, trở về không.
Nay ta cũng như chúng,
Uổng nhọc về thiên cung.*

Ma nói vậy xong, trong lòng cảm thấy ưu sầu, tâm bỗng tiếc nuối, hối hận, cúi đầu sát đất, dùng ngón tay vẽ lên đất.²¹

Ma có ba người con gái: người thứ nhất tên là Ái Dục, người thứ hai tên là Ái Niệm, người thứ ba tên là Ái Lạc²² đi đến chỗ Ma Ba-tuần nói kệ:

*Cha đang ưu sầu gì?
Con người, đáng gì lo ?
Con dùng dây ái dục,
Trói chúng như điều voi.
Lôi đem đến trước cha,
Tùy ý cha sai khiến.*

Ma đáp lại con gái:

*Kia đã là ân ái,
Không dục nào lôi được;
Đã ra khỏi cảnh Ma,
Cho nên ta ưu sầu.*

²¹ Pāli: *kaṭṭhena bhūmiṃ vilikhanto*, dùng que vạch lên đất.

²² Ái lạc 愛欲, Ái niệm 愛念, Ái dục 愛樂. Pāli: *Taṇhā* (Khát ái), *Arati* (Bất mãn), *Rāga* (tham).

Bấy giờ, ba con gái Ma từ thân phóng ra ánh sáng lóe lên như những tia chớp trong mây, đến chỗ Phật, [287a] đánh lễ sát chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

“Nay con trở về dưới chân Thế Tôn, để giúp đỡ hậu hạ, xin Ngài sai khiến.”

Bấy giờ, Thế Tôn không ngó ngang đến. Biết Như Lai đã lia các ái dục, tâm thiện giải thoát. Hai ba phen nói như vậy, sau đó ba gái Ma tự bảo với nhau rằng:

“Đàn ông có những loại ái dục tùy theo hình tướng. Bấy giờ chúng ta mỗi người sẽ biến hóa ra những loại này, thành trăm thứ sắc của đồng nữ, trăm thứ sắc của thiếu nữ mới lấy chồng, trăm thứ sắc của phụ nữ chưa sinh, trăm thứ sắc của phụ nữ đã sinh, trăm thứ sắc của phụ nữ trung niên, trăm thứ sắc của phụ nữ đứng tuổi. Hóa ra những loại hình như vậy rồi, chúng ta đi đến Sa-môn Cù-đàm nói rằng: ‘Hôm nay tất cả đều về dưới chân Thế Tôn, hiến dâng cho Ngài sai sử.’”

Bàn bạc với nhau xong, chúng liền biến hóa ra những hình loại như đã nói trên, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, đứng lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế tôn, bọn chúng con hôm nay về dưới chân Thế Tôn, hiến dâng cho Ngài sai sử.”

Bấy giờ, Thế Tôn cũng không hề để ý đến.

“Pháp của Như Lai là lia các ái dục.”

Phật lặp lại như vậy ba lần.

Bấy giờ, ba Ma nữ lại bảo với nhau:

“Nếu đàn ông chưa ly dục mà trông thấy các hình thể tuyệt diệu của chúng ta, tâm sẽ bị mê loạn, dục khí dồn nén bốc lên, lồng ngực muốn vỡ, máu nóng đỏ bừng trên mặt. Nhưng hiện tại Sa-môn Cù-đàm không hề để ý đến chúng ta. Nên biết, Như Lai đã lia dục, giải thoát, được thiện giải thoát tướng. Bấy giờ chúng ta mỗi người nên nói kệ để cất vấn.”

Ba Ma nữ trở lại trước Phật, đánh lễ sát chân Phật, đứng lui qua một bên. Thiên nữ Ái Dục liền nói kệ:

*Một mình vào chỗ vắng,
Thiền tư, tinh tư duy;
Đã bỏ nước, tài bảo,*

Ở đây lại cầu gì?
Nếu cầu lợi xóm làng,
Sao không gần gũi người?
Đã không gần gũi người,
Rốt cuộc được gì nào?

Thế Tôn nói kệ đáp:

Đã được tài lợi nhiều,
Tri túc, an tịch diệt;
Điều phục bọn quân ma,
Không đắm vào sắc dục.

Một mình riêng thiền tư,
Ném vị thiền diệu lạc;
Cho nên không cùng người,
Quanh quẩn gần gũi nhau.

Thiên nữ Ái Niệm lại nói kệ:

Tu nhiều thiền diệu gì,
Để thoát dòng ngũ dục?
Lại nhờ phương tiện nào,
Vượt qua biển thứ sáu?

Đối các dục sâu rộng,
Làm sao tu diệu thiền;
Để qua được bờ kia,
Mà không bị ái giữ?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Thân được lạc tịch tĩnh,
Tâm được thiện giải thoát;
Vô vi, không tạo tác,
Chánh niệm không dao động.

Biết rõ tất cả pháp,
Không khởi các loạn giác;
Ái, nhuế, thụy miên, phú,
Tất cả đều đã là.

Tu tập nhiều như vậy,
Thoát khỏi được năm dục;
Như qua biển thứ sáu,

*Tất qua được bờ kia.
Tu tập thiền như vậy,
Nơi các đục sâu rộng;
Đều qua được bờ kia,
Không bị chúng giữ lại.*

Khi ấy, Thiên nữ Ái Lạc lại nói kệ:

*Đã đoạn trừ ân ái,
Chát chưa đục sâu dày;
Người nhiều đời tịnh tín,
Vượt qua được biển đục.
Mở ra trí tuệ sáng,
Vượt qua cảnh tử ma.*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Đại Phương tiện, rộng độ,
Vào pháp luật Như Lai;
Những người này đã độ,
Người trí còn lo gì?*

Bấy giờ, chí nguyện ba Ma nữ chưa được thỏa mãn, trở lại chỗ Ma Ba-tuần, cha của chúng. Khi ấy Ma Ba-tuần vừa trông thấy các con gái đến, liền nói kệ trêu họ:

*Các con, này ba đứa,
Tự khoe mình kham năng;
Toàn thân phóng lửa sáng,
Như làn chớp trong mây.*

*Đến chỗ Đại Tinh tấn,
Mỗi người phô sắc đẹp.
Ngược lại đều bị phá,
Như gió lùa bông gòn.*

*Dùng móng tay phá núi,
Dùng răng cắn hòn sắt;
Hay muốn dùng tóc, tơ,
Di chuyển hòn núi lớn?*

*Người đã thoát hoà hiệp,
Mà mong loạn tâm kia.
Muốn buộc dính chân gió,*

*Khiến trăng rơi giữa không.
[287c]Dùng tay khuấy biển lớn,
Hà hơi động núi tuyết.*

*Đã giải thoát hoà hợp
Để gì làm dao động.
Ở giữa biển sâu rộng,
Mà tìm đất đặt chân.*

*Như Lai, đối tất cả,
Hòa hợp tất giải thoát.
Trong biển lớn chánh giác,
Tìm dao động cũng vậy.*

Ma Ba-tuần trêu ba cô con gái, rồi biến mất.

KINH 997. TỊNH BẤT TỊNH²³

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật mới thành đạo, ở dưới cây Bồ-đề lớn bên bờ sông Ni-liên-thiên, tại xứ Uất-tì-la. Thiên Ma Ba-tuần nghĩ: ‘Sa-môn Cù-đàm mới thành đạo, đang ở dưới gốc cây Bồ-đề, bên bờ sông Ni-liên-thiên, xứ Uất-tì-la. Nay ta sẽ đến làm chướng ngại.’ Tức thì nó tự biến thân mình thành trăm thứ sắc tịnh và bất tịnh, đi đến chỗ Phật. Từ xa, đức Phật trông thấy một trăm thứ sắc tịnh và bất tịnh của Ma Ba-tuần liền nghĩ: ‘Ác ma Ba-tuần biến trăm thứ sắc tịnh và bất tịnh là muốn làm nhiều loạn.’ Liền nói kệ:

*Lâu dài trong sinh tử,
Làm sắc tịnh bất tịnh;
Vì sao người làm vậy?
Không vượt khổ, bờ kia.*

*Nếu thân, miệng, và ý,
Không làm chướng ngại người;
Không bị Ma sai sử;
Không bị Ma khống chế.
BIẾT ác ma như vậy,
Ma liền tự biến mất.*

²³ Đại chánh, kinh 1093. Pāli, S. 4. 2. Nāga; 4. 3. Subha.

Khi ấy ma Ba-tuần nghĩ: ‘Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.’ trong lòng cảm thấy ưu sầu, liền biến mất.

KINH 998. KHỔ HÀNH²⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật mới thành đạo, ở dưới cây Bồ-đề lớn bên bờ sông Ni-liên-thiên, tại xứ Uất-tì-la. Bấy giờ, Thế Tôn một mình ở chỗ yên tĩnh chuyên tâm thiền định tư duy, tự nghĩ như vậy: “Nay Ta khéo thoát ly khổ hạnh.²⁵ Lành thay! Nay Ta khéo thoát ly khổ hạnh. Ta trước tu chánh nguyện, ngày nay đã được quả Vô thượng Bồ-đề.”

Khi ấy Ma Ba-tuần nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm mới thành Chánh giác, đang ở dưới cây Bồ-đề, tại xứ Uất-tì-la, bên bờ sông Ni-liên-thiên. Nay ta sẽ đến làm chướng ngại.” Nó liền biến thành một thiếu niên, đến trước Phật mà nói kệ:

*Chỗ tu đại khổ hạnh,
Thường khiến được thanh tịnh.
[288a] Nay ngược lại, vất bỏ,
Ở đây tìm những gì?
Muốn cầu tịnh ở đây,
Tịnh cũng không thể được.*

Bấy giờ Thế Tôn tự nghĩ: ‘Ma Ba-tuần này muốn làm nhiều loạn.’
Liền nói kệ:

*Biết các tu khổ hạnh,
Thấy đều không có nghĩa;
Hoàn toàn không được ích,
Như cung bặt có tiếng.²⁶

Giới, định, văn, tuệ, đạo,
Ta đều đã tu tập;
Được thanh tịnh bậc nhất,
Tịnh này không gì hơn.*

Khi đó Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.” Trong lòng nó cảm thấy ưu sầu, liền biến mất.

²⁴ Đại chánh, kinh 11094. *Quốc dịch*, phẩm 2. Pāli, S. 4. 1. Tapokammañca.

²⁵ Khổ hạnh . Pāli: dukkarakārikāya, đây chỉ sáu năm khổ hạnh của Phật.

²⁶ Pāli: như bánh lái của chiếc thuyền trên cạn.

KINH 999. KHÁT THỰC²⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở tại làng Sa-la²⁸ của Bà-la-môn. Bấy giờ, sáng sớm Thế Tôn khoác y, ôm bát vào làng Sa-la khát thực.

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Nay Sa-môn Cù-đàm sáng sớm khoác y, ôm bát vào làng Sa-la khát thực. Bấy giờ ta sẽ đến trước, vào nhà họ, nói với những Gia chủ Bà-la-môn tín tâm, để cho Sa-môn Cù-đàm ôm bát trống ra về.”

Lúc ấy, Ma Ba-tuần chạy theo sau Phật kêu lên:

“Sa-môn! Sa-môn! Không được thức ăn sao?”

Thế Tôn nghĩ: ‘Ác ma Ba-tuần muốn làm não loạn.’ Liên nói kệ:

*Ngươi đối với Như Lai
Tự phạm vô lượng tội.
Ngươi bảo rằng Như Lai,
Chịu mọi khổ não ư?*

Khi ấy, Ma Ba-tuần nói: “Cù-đàm hãy trở lại làng xóm. Tôi sẽ khiến cho Ngài được thức ăn.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Dù thật không có gì,
Vẫn an lạc tự sống;
Như trời Quang âm kia,
Hỷ lạc là thức ăn.*

*Dù thật không có gì,
Vẫn an lạc tự sống.
Hỷ lạc là thức ăn,
Không nương vào có thân.*

Khi đó Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.” Trong lòng nó cảm thấy ưu sầu, liền biến mất.

KINH 1000. THẰNG SÁCH²⁹

Tôi nghe như vậy:

²⁷ Đại chánh, kinh 1095. Pāli, S. 4. 1 8. Piṇḍa.

²⁸ Sa-la bà-la-môn tự lạc 娑羅婆羅門聚. Pāli: Pañcasālāyaṃ brāhmaṇagāme.

²⁹ Đại chánh, kinh 1096. Pāli, S. 4. 4-5 Pāsa.

Một thời đức Phật ở trong vườn Lộc dã, [288b] tại trú xứ của các Tiên nhơn, nước Ba-la-nại. Bây giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta đã giải thoát dây trói buộc trời, người. Các người lại cũng đã giải thoát dây trói buộc trời, người. Các người nên đi vào nhơn gian, đi qua nhiều chỗ, lợi ích nhiều nơi, an lạc cho trời, người. Không cần bạn đồng hành, mỗi người tự đi riêng. Bây giờ, ta cũng du hành trong nhơn gian, đến trú xứ Uất-tì-la.”

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm đang ở trong vườn Lộc dã trú xứ của Tiên nhơn, tại nước Ba-la-nại, nói với các Thánh văn như vậy: ‘Ta đã giải thoát dây ràng buộc Trời, người. Các người lại cũng đã’ ... Các người, riêng mỗi người đi vào nhơn gian giáo hóa, ... cho đến Ta cũng du hành trong nhơn gian, đến trú xứ Uất-tỳ-la.’ Bây giờ, ta sẽ đến làm chướng ngại.” Nó liền biến thành một thiếu niên đứng trước Phật mà nói kệ:

*Không thoát, nghĩ tưởng thoát,
Tự hô giải thoát rồi;
Lại buộc thêm càng chặt,
Nay ta quyết không tha.*

Bây giờ Thế Tôn tự nghĩ: “Ma Ba-tuần muốn làm nhiều loạn.” Liền nói kệ:

*Ta thoát tất cả rồi,
Mọi trói buộc trời, người;
Đã biết người Ba-tuần,
Hãy tự diệt, mất đi.*

Khi đó Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.” Trong lòng nó cảm thấy ưu sầu, liền biến mất.

KINH 1001. THUYẾT PHÁP³⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở tại nhà Thạch Chủ³¹ họ Thích, trong làng họ Thích. Bây giờ, trong làng Thạch Chủ họ Thích có nhiều người chết vì bệnh dịch. Dân chúng mọi nơi hoặc nam hoặc nữ này, từ bốn phương đến thọ trì tam quy. Những bệnh nhân nam nữ hoặc lớn hoặc nhỏ này đều là những người nhân đến tự xưng tên họ: ‘Chúng con tên xin

³⁰ Đại chánh, kinh 1097. Pāli, S. 4. 14. Paṭirūpa.

³¹ Thạch Chủ 石主. Pāli: Kosalesu Ekasālāyaṃ brāhmaṇagāme.

quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo Tăng.’ Cả thôn cả ấp đều như vậy.

Bây giờ, Thế Tôn vì hàng Thinh văn mà ân cần thuyết pháp. Lúc ấy, những người tín tâm quy y Tam Bảo đều được sinh vào trong cõi trời, hay người. Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Hiện tại, Sa-môn Cù-đàm đang ở trong nhà Thạch Chủ họ Thích trong làng họ Thích ân cần thuyết pháp cho bốn chúng. Bây giờ, ta hãy đến làm chướng ngại.” Nó liền biến thành một thiếu niên đến đứng trước Phật nói kệ:

*Vì sao siêng thuyết pháp,
Giáo hóa cho mọi người?
[288c] Trái nghịch, không trái nghịch:
Không khỏi bị xua đuổi
Vì còn bị trời buộc,
Nên vì họ thuyết pháp.³²*

Bây giờ, Thế Tôn nghĩ: ‘Ác ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn.’ Liền nói kệ:

*Dạ-xoa, người nên biết,
Chúng sanh sanh tập quần;
Những người có trí tuệ,
Ai mà không thương xót?
Vì có lòng thương xót,
Không thể không giáo hóa;
Thương xót mọi chúng sanh,
Lẽ tự nhiên như vậy.³³*

Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.” Trong lòng nó cảm thấy ưu sầu, liền biến mất.

KINH 1002. TÁC VƯƠNG³⁴

Tôi nghe như vậy:

³² Pāli: *netam tava paṭiṇṇam, tad aññam anusāssasi, anurodhavirodhesu, mā sajjittho tad ācāran ti*, “Thật không thích hợp để Ngài giáo hoá người khác. Chớ đi giữa những người tán thành và những người chống đối.

³³ Pāli: *hitānukampī sambuddho, yad aññam anusāssati; anurodhavirodhehi vipparamutto Tathāgato ti*, “Đấng Chanh giác giáo hoá mọi người do lòng thương tưởng, lân tuất. Như lai đã giải thoát ngoài những tán thành và chống đối.

³⁴ Đại chánh, kinh 1098. Pāli, S. 4. 2. 10 Rajja.

Một thời đức Phật ở tại nhà Thạch Chủ họ Thích, trong làng họ Thích. Bấy giờ, Thế Tôn một mình ở chỗ yên tĩnh, thiền định tư duy, tự nghĩ: “Có thể nào làm vua mà không sát sinh, không khiến người sát sinh, một mực thi hành chánh pháp, mà không thi hành phi pháp chăng?”

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Hiện tại, Sa-môn Cù-đàm đang ở trong nhà Thạch Chủ họ Thích trong làng họ Thích, một mình ở chỗ yên tĩnh, thiền định tư duy, tự nghĩ: ‘Có thể nào làm vua mà không sát sinh, không khiến người sát sinh, một mực thi hành chánh pháp, mà không thi hành phi pháp chăng?’ Bấy giờ, ta hãy đến đó vì họ mà nói pháp. Liền biến thành một thiếu niên đến đứng trước Phật nói rằng:

“Nhu vậy, Thế Tôn ! Nhu vậy, Thiện thế ! Có thể được làm vua mà không sát sinh, không khiến người sát sinh, một mực thi hành chánh pháp, không thi hành phi pháp. Thế Tôn, nay hãy làm vua ! Thiện thế, nay hãy làm vua ! Có thể sẽ được như ý.”

Bấy giờ Thế Tôn nghĩ: “Ác ma Ma Ba-tuần muốn làm nhiều loạn.” Nó liền nói với Ma rằng:

“Ma Ba-tuần, vì sao ngươi nói: ‘Thế Tôn, hãy làm vua ! Thiện thế, hãy làm vua ! Có thể sẽ được như ý’?”

Ma bạch Phật:

“Chính tôi nghe từ Phật nói như vậy: ‘Nếu bốn như ý túc được tu tập, tu tập nhiều rồi, thì muốn khiến cho núi Tuyết chúa biến ra vàng ròng tức thì làm được, không khác.’ Nay, Thế Tôn đã có bốn như ý túc, tu tập, tu tập nhiều, có thể khiến cho núi Tuyết chúa biến ra vàng ròng như ý, không khác. Cho nên tôi bạch: ‘Thế Tôn, hãy làm vua ! Thiện thế, hãy làm vua ! Có thể sẽ được như ý.’”

Phật bảo Ba-tuần:

“Ta không có tâm muốn làm vua. **[289a]** Vì sao phải làm? Ta cũng không có tâm muốn núi Tuyết biến ra vàng ròng. Tại sao phải biến?”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Dù thật có vàng ròng,
Giống như núi Tuyết chúa;
Một người được vàng này,
Cũng còn không biết đủ.
Cho nên người trí tuệ,
Vàng đá coi như nhau.*

Khi đó Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.” Trong lòng nó cảm thấy ưu sầu, liền biến mất.

KINH 1003. CHÚNG ĐA³⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở tại nhà Thạch Chủ họ Thích, trong làng họ Thích. Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo tụ tập ở nhà cúng dường để may y.

Lúc đó, Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Hiện nay Sa-môn Cù-đàm đang ở tại nhà Thạch Chủ họ Thích, trong làng họ Thích. Có số đông các Tỳ-kheo tụ tập ở nhà cúng dường để may y. Bấy giờ, ta nên đến làm chướng ngại.’ Nó liền biến thành một thanh niên Bà-la-môn, quần búi tóc to, mặc áo da thú, tay cầm gậy cong, đến nhà cúng dường. Đứng im lặng trước chúng Tỳ-kheo, trong giây lát, nó nói với các Tỳ-kheo:

“Các ông tuổi trẻ xuất gia, da trắng tóc đen, tuổi đang lúc sung sức; nên hưởng thụ ngũ dục, trang điểm tự lạc. Vì sao trái nghịch thân tộc, khiến họ khóc lóc chia lìa, chí tín không nhà, xuất gia học đạo? Tại sao lại phải bỏ cái lạc hiện tại mà đi tìm cái lạc phi thời của đời khác?”

Các Tỳ-kheo nói với Bà-la-môn:

“Chúng tôi không bỏ cái lạc hiện tại mà đi tìm cái lạc phi thời của đời khác, Nhưng là bỏ cái lạc phi thời để thành tựu cái lạc hiện tại.”

Ma Ba-tuần lại hỏi:

“Thế nào là bỏ cái lạc phi thời để thành tựu cái lạc hiện tại?”

Tỳ-kheo đáp:

“Nhu Thế Tôn đã dạy: ‘Cái lạc của đời khác thú vị ít mà khổ nhiều, lợi ít mà hại nhiều.’ Thế Tôn đã nói: ‘Cái lạc hiện tại là xa lìa các nhiệt não, không đợi thời tiết, có thể tự thông đạt, duyên vào tự tâm mà giác tri.’ Nay Bà-la-môn, đó gọi là cái lạc hiện tại.”

Khi ấy Bà-la-môn ám ớ, lắc đầu ba lần, cầm gậy xuống đất rồi biến mất.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sinh lòng sợ hãi, lông trong người dựng đứng, tự hỏi: ‘Đó là hạng Bà-la-môn nào, đến đây rồi biến mất?’ Họ liền đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

³⁵ S. 4. 21. Sambahulā.

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo chúng con đang ở nhà cúng dường đê may y. Có một thanh niên Bà-la-môn quần búi tóc to, đến chỗ chúng con nói rằng: ‘Các ông tuổi trẻ xuất gia ... *Nói đầy đủ như trên cho đến*: âm ở lác đầu ba lần, cảm gây xuống đất biến mất. Chúng con sinh lòng sợ hãi, lộng trong người dựng đứng. Đó là hạng Bà-la-môn nào mà đến đây rồi biến mất?’”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Đó không phải là Bà-la-môn, là Ma Ba-tuần đến chỗ các ngươi, muốn nhiễu loạn.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Phàm sanh các khổ nã,
Đều do nơi ái dục.
Biết đời là kiếm nhon,
Ai còn ưa thích dục?*

*Biết thế gian hữu dư,
Tất cả là kiếm nhon;
Cho nên người trí tuệ,
Phải luôn tự điều phục.*

*Tích tụ vàng ròng nhiều,
Giống như núi Tuyết chúa;
Chỉ một người thọ dụng,
Ý còn không biết đủ.
Cho nên người trí tuệ,
Phải tu quán bình đẳng.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1004. THIỆN GIÁC³⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở tại nhà Thạch Chủ họ Thích, trong làng họ Thích. Bấy giờ, có Tôn giả Thiệm Giác³⁷ sáng sớm khoác y, ôm bát vào làng Thạch Chủ họ Thích khát thực. Sau khi khát thực, ông trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, cầm tọa cụ vắt lên vai phải, vào trong rừng ngồi

³⁶ Đại chánh, kinh 1100. Pāli, S. 4. 3. 2. Samddhi.

³⁷ Thiệm Giác 善覺. Pāli: Samiddhi.

dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày, tự nghĩ: “Ta được điều lợi ích! Đã xuất gia học đạo ở trong chánh pháp luật. Ta được điều lợi ích! Đã may mắn gặp Đại sư Như Lai Đẳng Chánh giác. Ta được điều lợi ích! Đã được ở trong đại chúng phạm hạnh, trì giới đầy đủ, đức độ, hiền thiện chân thật. Nay ta sẽ được mạng chung một cách an lành. Ở đời vị lai cũng được an lành.”

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Hiện nay, Sa-môn Cù-đàm đang ở nhà Thạch Chủ làng họ Thích, có đệ tử Thanh văn tên là Thiện Giác, khoác y, ôm bát ... *nói đầy đủ như trên, cho đến* sẽ được mạng chung một cách an lành. Ở đời vị lai cũng được an lành. Giờ ta sẽ đến làm chướng ngại.’ Nó liền hóa thân to lớn, sức lực khỏe mạnh, ai thấy cũng sợ. Sức mạnh này có thể lật úp đại địa, rồi đi đến chỗ Tỳ-kheo Thiện Giác.

Tỳ-kheo Thiện Giác vừa trông thấy thân to lớn, sức lực khỏe mạnh, liền sanh lòng sợ hãi, từ chỗ ngồi đứng dậy đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân, ngồi lui qua **[289c]** một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sáng sớm con khoác y, ôm bát ... *nói đầy đủ như trên cho đến* sẽ được mạng chung một cách an lành. Ở đời vị lai cũng được an lành. Con thấy có người thân to lớn, sức lực dũng mãnh có thể lay động quả đất. Thấy vậy, trong lòng con sinh sợ hãi. Sợ hãi đến dựng đứng cả lông!”

Phật bảo Thiện Giác:

“Đó không phải là người thân to lớn, là Ma Ba-tuần muốn làm nhiều loạn. Ngươi hãy đi trở lại, nương vào dưới gốc cây tu tập tam-muội như trước, động tác Ma kia, để nhờ đó thoát khổ.”

Khi ấy Tôn giả Thiện Giác liền trở về chỗ cũ. Sáng sớm, khoác y ôm bát vào nhà Thạch Chủ, làng họ Thích khát thực; khát thực xong trở về tinh xá. *Nói đầy đủ như trên, ... cho đến* sẽ được mạng chung một cách an lành. Ở đời vị lai cũng được an lành.

Lúc ấy, Ma Ba-tuần lại nghĩ: ‘Hiện nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nhà Thạch Chủ, làng họ Thích. Có đệ tử Thanh văn tên là Thiện Giác khoác y, ôm bát. *Nói đầy đủ như trên, ... cho đến* sẽ được mạng chung một cách an lành. Ở đời vị lai cũng được an lành. Bây giờ, ta sẽ đến làm chướng ngại.’ Nó lại hóa ra thân to lớn, sức dũng mãnh, có thể lay động quả đất, đến đứng trước Thiện Giác. Tỳ-kheo Thiện Giác vừa trông thấy Ma đi đến, liền nói kệ:

*Ta chánh tín không nhà,
Đề xuất gia học đạo;
Nơi Phật, vô giá bảo,³⁸
Chuyên buộc tâm chánh niệm.*

*Mặc ngời hóa hình sắc,
Tâm ta không dao động.
Biết ngời là huyền hóa,
Từ đây hãy mất đi.*

Khi đó Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.” Trong lòng nó cảm thấy ưu sầu, liền biến mất.

KINH 1005. SU’ TỬ³⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Lộc dã, tại trú xứ của các Tiên nhơn, tại nước Ba-la-nại. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

“Thanh văn của Như Lai rống lên tiếng rống sư tử, nói là: Đã biết! Đã biết điều chưa biết! Thanh văn của Như Lai đã biết những pháp gì; mà do đã biết nên rống lên tiếng rống sư tử, rằng ‘Thánh đế Khổ, Thánh đế về sự tập khởi Khổ, Thánh đế về sự diệt tận Khổ, Thánh đế về con đường đưa đến diệt Khổ.’”

Khi ấy Thiên Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm ở trong vườn Lộc dã, chỗ ở của Tiên nhơn, tại nước Ba-la-nại, vì các Thanh văn thuyết pháp, *cho đến* đã biết bốn Thánh đế. Bấy giờ ta hãy đến làm chướng ngại.” Nó liền hóa ra một thiếu niên, đứng trước Phật nói kệ:

[290a] *Vì sao giữa đại chúng,
Sư tử rống, không sợ;
Bảo rằng: ‘không ai địch’,
Mong điều phục tất cả?*

Bấy giờ Thế Tôn nghĩ: ‘Ác ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn.’ Liền nói kệ:

*Như Lai đối tất cả,
Phương tiện sư tử rống
Chánh pháp luật sâu xa,*

³⁸ Vô giá bảo. Bản Tổng Nguyên Minh: Pháp Tăng bảo.

³⁹ Đại chánh, kinh 1101. Pāli, S. 4. 1 2. Sīha.

*Nơi pháp không sợ hãi.
Nếu người có trí tuệ,
Có sao còn lo sợ?*

Khi đó Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.” Trong lòng cảm thấy ưu sầu, liền biến mất.

KINH 1006. BÁT⁴⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại thành Vương Xá, trong cánh đồng trống nơi mà nhiều người dẫm đạp, giảng pháp cho năm trăm Tỳ-kheo. Khi ấy có năm trăm bình bát để giữa sân.

Bấy giờ, Thế Tôn lại vì năm trăm Tỳ-kheo nói về năm thủ uẩn là pháp sinh diệt. Khi ấy Thiên ma Ba-tuần nghĩ: ‘Sa-môn Cù-đàm đang ở tại thành Vương Xá, trong cánh đồng trống nơi mà nhiều người dẫm đạp, giảng pháp cho năm trăm Tỳ-kheo ... *cho đến* nói về năm thủ uẩn là pháp sinh diệt.’ Bấy giờ ta nên đến làm chướng ngại.” Nó liền hóa ra một con trâu lớn, đi đến chỗ Phật, vào ngay chỗ để năm trăm bình bát. Các Tỳ-kheo vì muốn bảo vệ các bình bát, liền đuổi đi.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Đó không phải là trâu, là Ma Ba-tuần muốn làm nhiều loạn.” Ngài liền nói kệ:

*Sắc, thọ, tưởng, hành, thức,
Không phải ngã, ngã sở;
Nếu biết nghĩa chân thật,
Không đấm trước nơi chúng.*

*Tâm không đấm trước pháp,
Thoát khỏi sắc ràng buộc;
Thấu rõ khắp mọi nơi,
Không trụ cảnh giới Ma.*

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

⁴⁰ Đại chánh, kinh 1102. Pāli, S. 4. 16. Patta.

KINH 1007. NHẬP XÚ⁴¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại thành Vương Xá, trong cánh đồng trống nơi mà nhiều người dẫm đạp, cùng với sáu trăm Tỳ-kheo. Bấy giờ, Thế Tôn lại vì các Tỳ-kheo nói về sáu xúc nhập xứ,⁴² sáu xúc tập, sáu xúc diệt. Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm ở tại thành Vương Xá, trong cánh đồng trống nơi mà nhiều người dẫm đạp, cùng với sáu trăm Tỳ-kheo, đang giảng cho các Tỳ-kheo về sáu xúc nhập xứ, nói đây là pháp tập, đây là pháp diệt. Bấy giờ ta nên đến làm chương ngại.” Nó liền hóa ra một thanh niên thân to lớn, sức lực dũng mãnh có thể lay động quả đất, rồi đi đến chỗ Phật.

Các Tỳ-kheo kia vừa trông thấy thanh niên to lớn, dũng mãnh, sinh lòng sợ hãi, lông trong người dựng đứng, nói với nhau rằng:

“Kia là ai mà hình dáng đáng sợ vậy?”

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Đó là Ác ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Và thứ sáu: các pháp;
Niệm, ái, thích, vừa ý,
Thế gian chỉ có vậy.*

*Đây là tham ác nhất,
Thường trói buộc phạm phu.
Người vượt những thứ này,
Là Thánh đệ tử Phật;
Vượt qua cảnh giới Ma,
Như mặt trời không mây.*

Khi đó Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.” “ Trong lòng cảm thấy ưu sầu, liền biến mất.”⁴³

⁴¹ Đại chánh, kinh 1103. Pāli, S. 4.1 7. Āyatana.

⁴² Xúc nhập xứ 觸入處. Pāli: *phassāyatana*.

⁴³ Bản Hán, hết quyển 39.

32. TƯƠNG ƯNG ĐẾ THÍCH¹

KINH 1008. BẢY THỌ²

[290b19] Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn trúc Ca-lan-đà, thành Vương-xá.

Bấy giờ, Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ai có thể thọ trì bảy thọ;³ nhờ nhân duyên này, người ấy sẽ được sinh lên cõi Thiên-đế Thích. Thiên-đế Thích xưa kia lúc còn làm người thường phụng dưỡng cha mẹ; cúng dường các bậc tôn trưởng; lời nói dịu dàng; không nói dữ;⁴ không nói hai lưỡi; thường nói chân thật; đối với thế gian keo kiệt, tuy sống tại gia nhưng không keo lẩn, hành giải thoát thí,⁵ siêng bố thí, thường ưa hành bố thí, mở hội bố thí cúng dường, bố thí bình đẳng tất cả.”

Bấy giờ Thế tôn, liền nói kệ:

*Phụng dưỡng cho cha mẹ,
Và tôn trưởng gia tộc ;
Lời nhu hòa, cung kính;
Tránh lời thô; hai lưỡi;
Điều phục tâm keo kiệt;
Thường nói lời chân thật.*

[290c] *Trời Tam Thập Tam kia,
Thấy người hành bảy pháp;
Tất cả đều nói rằng,
Tương lai sinh cõi này.*

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

¹ Tương ưng Đế thích, gồm các kinh Đại chánh, kinh 1104-1228 (quyển 40 và phần đầu quyển 41). *Quốc dịch*, quyển 34, “Tụng vii. 3. Tương ưng Đế Thích” 2 phẩm. Ấn Thuận *Hội biên*, “Tụng viii. Tám chúng. 19. Tương ưng Đế Thích” 22 kinh: 1207-1228. *Phật quang*, quyển 40. Tương đương Pāli, S. 11. Sakkasamyyutta.

² Đại chánh, kinh 1104. *Quốc dịch*, Phẩm 1. Pāli, S. 11. 11. Vatapada. Biệt dịch, No 100(33).

³ Thất chủng thọ 七種受. Pāli: *satta vatapadāni*, bảy cấm giới.

⁴ No 100(33): không khởi sân nhuế. S.11.11: *akkodhano*.

⁵ Giải thoát thí 解脫施. Pāli: *muttacāga*, huệ thí một cách rộng rãi.

KINH 1009. MA-HA-LY⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở giảng đường Trùng các, bên ao Di hầu, tại nước Tì-xá-li.

Bấy giờ, có người dòng Li-xa tên là Ma-ha-li,⁷ đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế tôn, Thế Tôn có thấy Thiên-đế Thích không?”

Phật đáp:

“Thấy.”

Li-xa lại hỏi:

“Thế tôn có thấy có con quỷ giống hình Thiên-đế Thích không?”⁸

Phật bảo Li-xa:

“Ta biết Thiên-đế Thích. Cũng biết có quỷ giống Thiên-đế Thích. Cũng biết pháp Thiên-đế Thích kia, nhờ duyên thọ trì những pháp này nên được sinh chỗ Thiên-đế Thích. Nay Li-xa, Đế Thích xưa kia khi còn làm người hay phụng dưỡng cha mẹ, ... *cho đến* hành xả bình đẳng.”

Bấy giờ, Thế tôn liền nói kệ:

*Phụng dưỡng cho cha mẹ,
Và tôn trưởng gia tộc ;
Lời nhu hòa, cung kính;
Tránh lời thô; hai lưỡi;
Điều phục tâm keo kiệt;
Thường nói lời chân thật.*

*Trời Tam Thập Tam kia,
Thấy người hành bảy pháp;
Tất cả đều nói rằng,
Tương lai sinh cõi này.*

⁶ Đại chánh, kinh 1105. Pāli, S. 11. 13. Mahāli. Biệt dịch, No 100(34).

⁷ Li-xa Ma-ha-li 離車名摩訶利. Pāli: Mahāli Licchavī.

⁸ Pāli: *so hi nūna... sakkapatirūpako bhavissati; duddaso hi sakko devānam indo*, „không phải Đế Thích đâu, mà chỉ là giống Đế Thích thôi; Thiên đế Thích khó thấy lắm.“

Phật nói kinh này xong, Li-xa Ma-ha-lợi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

KINH 1010. HÀ NHÂN⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở giảng đường Trùng các, bên ao Di hầu, tại nước Tì-xá-li.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, đứng lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế tôn, do nhân gì, duyên gì mà Thích Đề-hoàn Nhon được gọi là Thích Đề-hoàn Nhon ?”¹⁰

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Thích Đề-hoàn Nhon xưa kia khi làm người hành thí nhiệt thành; bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, người bần cùng khốn khổ, người đi đường, người xin ăn, bằng các thứ đồ ăn, thức uống, tiền của, thóc gạo, lụa là, hoa hương, vật dụng trang sức, giường nằm, đèn đuốc. Vì có khả năng làm như vậy. Hãy gọi là Thích Đề-hoàn Nhon.”¹¹

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

“Bạch Thế tôn, do nhân gì, duyên gì mà Thích Đề-hoàn Nhon được gọi là Phú-lan-đà-la?”¹²

Phật nói với Tỳ-kheo:

“Thích Đề-hoàn Nhon xưa kia khi còn làm người thường hay hành thí y phục, đồ ăn thức uống, ... *cho đến* đèn đuốc. [291a] Vì những nhân duyên này. Hãy gọi là Phú-lan-đà-la.”¹³

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

“Nhân gì, duyên gì mà được gọi là Ma-già-bà?”¹⁴

⁹ Đại chánh, kinh 1106. Pāli, S. 11. 12. Sakkanāma. Biệt dịch, No 100(35).

¹⁰ Thích Đề-hoàn Nhon 釋提桓因. Pāli: Sakko Devānaṃ Indo.

¹¹ Định nghĩa của Pāli: *sakkaccaṃ dāna adāsi tasmā kko ti vuccati*, vì bố thí một cách cung kính (*sakkaccaṃ*), nên được gọi là Sakka (Thích).

¹² Phú-lan-đà-la 富蘭陀羅. Pāli: Purindado.

¹³ Định nghĩa của Pāli: *pure dānam adāsi tasmā purindado ti vuccati*, do bố thí nơi thị tứ (*pura*) nên được gọi là Purindado.

¹⁴ Ma-già-bà 摩伽婆. Pāli: Maghavā.

Phật nói với Tỳ-kheo:

“Thích Đề-hoàn Nhơn xưa kia khi còn làm người tên là Ma-già-bà,¹⁵ do đó Ma-già-bà là tên cũ của Thích Đề-hoàn Nhơn.”

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

“Nhân gì, duyên gì mà lại có tên là Bà-sa-bà?”¹⁶

Phật nói với Tỳ-kheo:

“Thích Đề-hoàn Nhơn xưa kia khi còn làm người luôn luôn đem áo bà-tiên-hòa¹⁷ bố thí, cúng dường, vì nhân duyên này nên Thích Đề-hoàn Nhơn có tên là Bà-sa-bà.”

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

“Bạch Thế tôn! Nhân gì, duyên gì mà Thích Đề-hoàn Nhơn lại có tên là Kiều-thi-ca?”¹⁸

Phật nói với Tỳ-kheo:

“Thích Đề-hoàn Nhơn xưa kia khi còn làm người, là người dòng họ Kiều-thi.¹⁹ Vì nhân duyên này. Hãy Thích Đề-hoàn Nhơn lại có tên là Kiều-thi-ca.”

Tỳ-kheo hỏi Phật:

“Bạch Thế tôn, do nhân gì, duyên gì mà Thích Đề-hoàn Nhơn được gọi là Xá-chỉ-bát-đê?”²⁰

Phật nói với Tỳ-kheo:

“Nữ A-tu-la Xá-chỉ là đệ nhất thiên hậu của Thiên-đế Thích. Cho nên Đế Thích được gọi là Xá-chỉ-bát-đê?”

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

¹⁵ Pāli: *pubbe manussabhūto samāno gho nāma māṇavo ahoṣi*, trước kia, khi còn là loài người, ông là thiếu niên tên là Magha.

¹⁶ Bà-sa-ba 婆娑婆. Pāli: Vāsava.

¹⁷ Bà-tiên-hòa 婆洗和. Bản Cao-ly: 屠私. Pāli: *āvasatha* (nhà ở), bản Hán hiệu là *vasana* (y phục). Định nghĩa của Pāli: *pubbe... āvasatham adāsi tasamā Vāsavo ti vuccati*, trước kia, do bố thí nhà ở (*āvasatha*), nên được gọi là Vāsava.

¹⁸ Kiều-thi-ca 橋尸迦. Pāli: Kosiya (Kosika).

¹⁹ Pāli: Kosiya.

²⁰ Xá-chỉ-bát-đê 舍脂鉢低. Pāli: Sujampati, “chồng của Bà Sujā.”

“Bạch Thế tôn, do nhân gì, duyên gì mà Thích Đề-hoàn Nhơn lại có tên là Thiên Nhân?”²¹

Phật nói với Tỳ-kheo:

“Thích Đề-hoàn Nhân xưa kia khi còn làm người, thông minh trí tuệ, ngồi một chỗ mà suy nghĩ cả nghìn thứ nghĩa, xem xét, cân nhắc. Vì nhân duyên này nên Thiên-đế Thích còn gọi là Thiên Nhân.”

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

“Nhân gì, duyên gì mà Thích Đề-hoàn Nhân còn có tên là Nhơn-đề-lị?”²²

Phật nói với Tỳ-kheo:

“Thiên-đế Thích kia Tam Thập Tam là vua, là chủ nơi trời Tam Thập Tam; do nhân duyên này nên Thiên-đế Thích được gọi là Nhơn-đề-lị.”

Phật lại nói với Tỳ-kheo:

“Song Thích Đề-hoàn Nhân xưa kia khi còn làm người, thọ trì bảy thứ thọ; do nhân duyên này nên được làm Thiên-đế Thích. Những gì là bảy thọ? Thích Đề-hoàn Nhân xưa kia khi còn làm người, phụng dưỡng cha mẹ ... *cho đến* hành thí. Đó là bảy thứ thọ. Do nhân duyên này nên được làm Thiên-đế Thích.”

Bấy giờ, Thế tôn liền nói kệ:

Nói đầy đủ như trên.

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1011. DẠ-XOA²³

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở giảng đường Trùng các, bên ao Di hầu, tại nước Tì-xá-li.

Bấy giờ, Thế tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Vào đời quá khứ có một con quỷ Dạ-xoa²⁴ xấu xi ngồi trên chỗ ngồi trống của Đế Thích. [291b] Khi chư thiên Tam Thập Tam thấy con

²¹ Thiên nhân 千眼. Pāli: Sahassakkha, hay Sahassaneta.

²² Nhơn-đề-lị 因提利. Phiên âm từ Skt. Indra (= Pāli: Inda).

²³ Đại chánh, 1107. Pāli, S. 11. 2 2. Dubbaṇṇiya. Biệt dịch, N0 100(36).

²⁴ Dạ-xoa 夜叉鬼. Pāli: Yakkha.

quỷ xấu xí này ngồi trên chỗ ngồi trống của Đế Thích, hết thấy đều nổi sân. Lúc chư thiên nổi sân như vậy; họ càng nổi sân bao nhiêu, thì dung mạo của con quỷ kia càng dần dần trở nên xinh đẹp bấy nhiêu. Khi ấy chư Thiên Tam Thập Tam đến chỗ Đế Thích, tâu Đế Thích rằng: ‘Kiền-thi-ca. Hãy biết cho, có một con quỷ xấu xí, ngồi trên chỗ ngồi trống của Thiên vương. Khi chư thiên chúng tôi thấy con quỷ xấu xí, ngồi trên chỗ ngồi trống của thiên vương, chúng tôi vô cùng tức giận. Nhưng chúng tôi càng nổi sân bao nhiêu, thì dung mạo của con quỷ kia càng dần dần trở nên xinh đẹp bấy nhiêu.’”

Thích Đề-hoàn Nhơn nói với chư thiên Tam Thập Tam:

“Chính sự sân nhuế kia là sự đối trị của con quỷ này.”

Rồi Đế Thích tự thân đến chỗ con quỷ kia, sửa lại y phục, bày vai hũ, chấp tay xưng tên ba lần, rằng:

“Nhơn giả, tôi là Thích Đề-hoàn Nhơn.”

Thích Đề-hoàn Nhân càng tỏ sự cung kính khiêm hạ như vậy bao nhiêu, con quỷ kia cũng theo đó dần dần trở lại xấu xí bấy nhiêu. Nó liền biến mất.

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhơn trở lại chỗ ngồi, rồi nói kệ:

Người chớ nên sân hận.

Bị sân chớ đáp sân.

Chớ sinh ác trả ác.

Nên phá hoại kiêu mạn.

Không sân cũng không hại,

Là sống chúng Hiền Thánh.

Tội ác khởi sân hận,

Cứng chắc như núi đá.²⁵

Nên nén cơn giận lại,

Như điều xe ngựa sống;

Ta nói người khéo điều,

Chẳng phải người cầm dây.

Phật nói với các Tỳ-kheo:

²⁵ No 100(37): “Những ai nổi sân nhuế, sân chướng nặng như núi.”

“Thích Đề-hoàn Nhơn là Vua tự tại ở trời Tam Thập Tam khen ngợi không sân nhuế. Cũng vậy, các người chánh tín, xuất gia học đạo, không nhà, cũng nên khen ngợi không sân nhuế. Hãy học như vậy.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1012. HÀNH NHÃN NHỤC²⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ sáng sớm, Thế tôn khoác y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Sau khi khát thực xong, Thế Tôn trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, rồi cầm tọa cụ vắt lên vai phải, vào rừng An-đà, trải tọa cụ ngồi dưới một gốc cây, nhập chánh thọ ban ngày.

Khi ấy trong tinh xá Kỳ-hoàn có hai Tỳ-kheo tranh chấp. Một người mạ lỵ, một người im lặng. Người mạ lỵ liền [291c] hỏi cái đến xin lỗi vị kia, mà Tỳ-kheo kia không nhận sự sám hối của vị này. Vì không nhận sự sám hối. Hãy trong tinh xá khi ấy các Tỳ-kheo cùng đến khuyên can; lớn tiếng, ồn ào.

Bấy giờ, Thế tôn do thiên nhĩ thanh tịnh hơn tai người, nghe trong tinh xá Kỳ-hoàn đang lớn tiếng ồn ào. Nghe vậy, từ thiền tịnh dậy, Thế Tôn trở về tinh xá, trải tòa ngồi trước đại chúng, nói với các Tỳ-kheo:

“Sáng nay Ta đi khát thực về, vào rừng An-đà tọa thiền, nhập chánh thọ ban ngày, nghe trong tinh xá cao tiếng, lớn tiếng, lộn xộn, ồn ào. Rốt cuộc là ai vậy?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Trong tinh xá này có hai Tỳ-kheo tranh chấp. Một người mắng, một người làm thinh. Khi ấy Tỳ-kheo mắng đến sám hối, vị kia không nhận. Vì không nhận nên nhiều người khuyên can, cho nên mới có lớn tiếng, cao tiếng, ồn ào.”

Phật nói với Tỳ-kheo:

“Thế nào, Tỳ-kheo ngu si? Người đến sám hối mà không nhận sự sám hối của người ta. Nếu có người sám hối mà người nào đó không nhận, thì đó là ngu si, lâu dài bị khổ não, không được lợi ích.”

²⁶ Đại chánh, kinh 1108. Pāli, S. 11.24. Akodha. Biệt dịch, No 100(37).

“Này các Tỳ-kheo, vào thời quá khứ, có chư thiên Tam Thập Tam tranh chấp nhau. Thích Đề-hoàn Nhơn nói kệ răn dạy rằng:

*Với người, tâm không hại,
Sân cũng không trói buộc.
Không ôm lòng hận lâu,
Không trụ nơi sân nhuế.*

*Giả sử nổi giận dữ,
Cũng không phát lời thô;
Không tìm yếu điểm người,
Nêu cái dở của người.²⁷
Luôn luôn tự phòng hộ,
Bên trong tỉnh xét nghĩ.*

*Không giận cũng không hại,
Luôn sống theo Hiền Thánh.
Nếu cùng chung người ác,
Ngang ngạnh như núi đá.
Tự nén cơn giận lại;
Như điều xe ngựa sống,
Ta nói người khéo điều,
Chẳng phải người cầm dây.*

Phật nói với các Tỳ-kheo:

“Thích Đề-hoàn Nhơn là Vua tự tại của trời Tam Thập Tam thường hành nhẫn nhục, cũng lại khen ngợi người hành nhẫn nhục. Tỳ-kheo các người chánh tín, xuất gia học đạo, không nhà, cũng nên hành nhẫn nhục, và khen ngợi người hành nhẫn nhục. Hãy học như vậy.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1013. THIỆN LUẬN NGHỊ²⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. **[292a]** Bấy giờ, Thế tôn nói với các Tỳ-kheo:

²⁷ No 100(37): không xúc phạm điều húy kỵ của người.

²⁸ Đại chánh, kinh 1109. Pāli, S. 11. 5. Subhāsitaṃjaya. Biệt dịch, No 100(38).

“Vào thời quá khứ chư Thiên và A-tu-la bày trận sắp đánh nhau, Thích Đề-hoàn Nhơn nói với vua A-tu-la là Tì-ma-chất-đa-la²⁹:

“Chúng ta không được sát hại nhau. Chỉ nên luận nghị. Ai bị khuất lý phải phục.”

Vua A-tu-la Tì-ma-chất-đa-la nói:

“Giả sử cùng nhau luận nghị, nhưng ai sẽ làm chứng để biết lý đó là thông suốt hay bế tắc?”

Thiên-đế Thích trả lời:

“Trong chúng chư thiên có người trí tuệ sáng suốt, sẽ ghi nhận điều này. Trong chúng A-tu-la cũng có người sáng suốt ghi nhận.”

A-tu-la Tì-ma-chất-đa-la nói:

“Được vậy.”

Thích Đề-hoàn Nhơn nói:

“Các ông có thể lập luận trước. Sau tôi sẽ theo đó lập luận. Không có gì khó khăn.”

Khi ấy, vua A-tu-la là Tì-ma-chất-đa-la liền nói kệ lập luận:

*Nếu tôi hành nhẫn nhục,
Thì việc này thiếu sót.
Người ngu si sẽ nói:
Vì sợ nên nhẫn nhục.*

Thích Đề-hoàn Nhơn nói kệ đáp:

*Giả sử người ngu si,
Nói: vì sợ nên nhẫn.
Và kẻ không nói kia,
Tổn thương gì đến lý?
Nên tự xét nghĩa này,
Cũng nên xét nghĩa người;
Ta, người đều được an,
Nhẫn nhục là tối thượng.*

A-tu-la Tì-ma-chất-đa-la lại nói kệ:

*Nếu không chế ngu si,
Thì ngu si hại người.
Giống như trâu hung dữ,*

²⁹ Tì-ma-chất-đa-la 毘摩質多羅. Pāli: Vepacitta Asurinda.

*Chạy xông theo húc người.
Cầm roi mà áp chế,
Vì sợ, sẽ khuất phục.
Cho nên giữ chặt roi,
Chiết phục kẻ ngu kia.*

Đế Thích lại nói kệ:

*Tôi thường xét điều đó,
Chiết phục kẻ ngu kia.³⁰
Người ngu nổi sân nhuế,
Người trí giữ điềm tĩnh.*

*Không sân cũng không hại,
Luôn luôn theo Hiền Thánh.
Nếu cùng chung người ác,
Ngang ngạnh như núi đá;
Tự nén cơn giận lại;
Như điều xe ngựa sống,
Ta nói người khéo điều,
Chẳng phải người cầm dây.*

[292b] Bây giờ, trong chúng trời có vị trời trí tuệ, trong chúng A-tu-la cũng có vị A-tu-la trí tuệ, suy xét bài kệ này, cân nhắc, quan sát, suy nghĩ: “Bài kệ của A-tu-la Tì-ma-chất-đa-la nói cuối cùng lúc nào cũng chỉ khởi lên chiến đấu, tranh tụng. Nên biết, vua A-tu-la Tì-ma-chất-đa-la luôn luôn dạy người chiến đấu tranh tụng. Còn bài kệ của Thích Đề-hoàn Nhơn cuối cùng lúc nào cũng muốn dứt chiến đấu, tranh tụng. Nên biết trời Đế Thích luôn luôn dạy người đừng chiến đấu, tranh tụng. Nên biết, Đế Thích khéo lập luận thù thắng.”

Phật nói với các Tỳ-kheo:

“Thích Đề-hoàn Nhơn nhờ nghị luận thiện³¹ nên hàng phục được A-tu-la. Nay các Tỳ-kheo, Thích Đề-hoàn Nhơn là vua Tự tại của cõi trời Tam Thập Tam, luận nghị thiện, khen ngợi những luận nghị thiện. Cũng nên như vậy, Tỳ-kheo các người chánh tín, xuất gia, học đạo, không nhà cũng nên lập luận đúng và khen ngợi những luận cứ đúng. Hãy học như vậy.”

³⁰ No 100(39): “Ta xét thấy, đề chế ngự người ngu, không gì bằng nhẫn, im lặng.”

³¹ Thiện luận nghị. Pāli: *subhāsitena jayo ahosi*, chiến thắng bằng thiện ngữ.

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1014. NGŨ PHUỘC³²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Vào thời quá khứ, Thiên-đế Thích và A-tu-la bày trận sắp đánh nhau. Lúc ấy Thích Đề-hoàn Nhơn nói với chư Thiên trời Tam Thập Tam:

“Hôm nay, chư Thiên cùng A-tu-la đánh nhau. Nếu chư thiên thắng, A-tu-la bại, hãy bắt sống vua A-tu-la Tì-ma-chất-đa-la, trói chặt năm chỗ đem về Thiên cung.”

A-tu-la Tì-ma-chất-đa-la nói với các A-tu-la:

“Hôm nay, chư Thiên cùng A-tu-la đánh nhau, nếu A-tu-la thắng, chư Thiên bại, hãy bắt sống Thích Đề-hoàn Nhơn, trói chặt năm chỗ, đem về cung A-tu-la.”

Đang lúc họ đánh nhau, chư Thiên đắc thắng, A-tu-la bị bại. Khi ấy chư thiên kia bắt được vua A-tu-la Tì-ma-chất-đa-la, lấy dây trói lại năm chỗ đem về Thiên cung, cột dưới cửa, trước điện Đoán pháp³³ của Đế Thích. Khi Đế Thích ra vào cửa này, A-tu-la Tì-ma-chất-đa-la bị cột ở bên cửa tức giận, mạ lỵ. Lúc đó người hầu cận của Đế Thích thấy vua A-tu-la thân bị trói năm chỗ, cột bên cửa, thấy Đế Thích ra vào thì nổi giận mạ lỵ, liền làm bài kệ:

[292c] *Nay Đế Thích sợ nó,
Vì không đủ sức chằng?
Hay nhân A-tu-la,
Mãng chưởi trước mặt mình?*

Đế Thích liền đáp:

*Không vì sợ nên nhân.
Không phải sức không đủ.
Có người trí tuệ nào
Tranh luận với kẻ ngu?*

³² Đại chánh, kinh 1110. Pāli, S. 11. 1. 4. Vepacitti. Biệt dịch, No 100(39); No 125(34.8)

³³ Đoán pháp điện 斷法殿. Pāli: Sudhammasabha, Thiện pháp đường.

Người hầu cận lại tâu:

*Nếu chỉ hành nhĩ nhục,
Sự việc tất thiếu sót.
Kẻ ngu si sẽ nói:
Vì sợ nên nhĩ nhục.
Cho nên phải khố trị,
Dùng trí chế ngu si.*

Đế Thích đáp:

*Ta thường xét điều đó,
Chế ngự kẻ ngu kia.
Thấy người ngu nổi sân,
Trí dùng tĩnh chế phục.*

*Không sức mới dùng sức,
Là sức kẻ ngu kia.
Ngu si trái nghịch pháp,
Chẳng có đạo lý gì.*

*Giả sử có sức mạnh,
Nhưng nhĩ nhĩ người yếu;
Thì nhĩ này tối thượng.
Không sức, sao có nhĩ?*

*Bị người mạ nhục quá,
Người sức mạnh hay nhĩ.
Đó là nhĩ tối thượng.
Không sức làm sao nhĩ?*

*Với mình và với người,
Khéo làm chủ sợ hãi.
Biết kia nổi sân nhuế,
Mình lại giữ an tĩnh.
Cả hai nghĩa đều đủ,
Lợi mình cũng lợi người.*

*Gọi là kẻ ngu phu,
Do vì không thấy pháp.
Ngu nói với mình thắng nhĩ,
Càng tăng thêm ác khẩu;
Chưa biết nhĩ người mắng,*

*Thường cho đắc thắng người,
Nhẫn nhịn người hơn mình,
Đó là nhân do sợ.*

*Nhẫn nhịn người bằng,
Đó là nhẫn tranh chấp.
Nhẫn nhịn người kém mình,
Đó là nhân tối thượng.*

Phật nói với các Tỳ-kheo:

“Thích Đề-hoàn Nhân là Vua Tự tại của trời Tam Thập Tam thường hành nhẫn nhục, khen ngợi nhẫn nhục. Tỳ-kheo các người chánh tín, sống không nhà, [293a] xuất gia học đạo, cũng nên nhẫn nhục như vậy, và khen ngợi nhẫn nhục. Hãy học như vậy.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1015. KINH PHẬT³⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Vào thời quá khứ, Thích Đề-hoàn Nhân muốn đi thăm công viên, sai người đánh xe sửa soạn cỗ xe nghìn ngựa để đi thăm vườn. Người đánh xe vâng lệnh liền sửa soạn cỗ xe nghìn ngựa, rồi đến tâu với Đế Thích:

“Thưa Câu-thi-ca, đã sửa soạn xe cỗ xong, xin Vua biết thời.”

Đế Thích liền bước xuống điện Thường thắng,³⁵ hướng về phía Đông chấp tay lễ Phật. Bấy giờ, người đánh xe thấy vậy liền sinh lòng kinh hãi, lông dựng đứng, roi ngựa rớt xuống đất. Đế Thích thấy người đánh xe sinh lòng kinh hãi, lông dựng đứng, roi ngựa rớt xuống đất, liền nói kệ:

*Người thấy gì mà sợ,
Đế roi ngựa rớt đất?*

Người hầu cận nói kệ tâu Đế Thích:

Thấy vua Thiên-đế Thích,

³⁴ Đại chánh, kinh 1111. Pāli, S. 11. 1 9. Sattthāravandana. Biệt dịch, No 100(40).

³⁵ Thường thắng điện 常勝殿. Pāli: Vejayantapāsādo, cung điện Chiên thắng.

Là chồng của Xá-chỉ;³⁶
Cho nên sinh sợ hãi,
Roi ngựa rớt xuống đất!

Thường thấy Thiên-đế Thích,
Được toàn thể đại địa,
Vua lớn nhỏ, trời, người,
Cùng bốn Chúa hộ thế,³⁷
Thiên chúng Tam Thập Tam,
Thấy đều lễ cung kính.

Còn nơi nào tôn hơn,
Đáng tôn đối Đế Thích?
Mà nay hướng về Đông,
Chấp tay để kính lễ?

Đế Thích nói kệ đáp:

Ta thật được tất cả,
Vua lớn nhỏ thế gian,
Cùng bốn Chúa hộ thế,
Thiên Chúng Tam Thập Tam,
Thấy đến cung kính lễ,
Vì Chúa tối tôn của họ.
Nhưng thế gian lại có,
Đấng Chánh giác tùy thuận,
Là Thầy cả chư Thiên,
Nên ta cúi đầu lễ.

Người đánh xe lại tâu:

Đó chắc hơn thế gian,
Nên khiến Thiên đế Thích;
[293b] Cung kính mà chấp tay,
Cúi đầu lễ hướng Đông.
Nay con cũng nên lễ,
Đấng vua Trời đã lễ.

Khi ấy Đế Thích, chồng của Xá-chỉ, nói kệ lễ Phật như vậy, rồi lên xe nghìn ngựa đến dạo xem vườn.

³⁶ Xá-chỉ phu 舍脂之夫; một tên khác của Đế Thích. Pāli: Sūjampati.

³⁷ Hộ thế chúa 護世主; chỉ bốn Đại Thiên vương.

Phật nói với các Tỳ-kheo:

“Thiên-đế Thích kia là vua Tự Tại của Trời Tam Thập Tam còn cung kính Phật, cũng lại khen ngợi sự cung kính Phật. Tỳ-kheo các người chánh tín, xuất gia học đạo, sống không nhà, cũng nên cung kính Phật như vậy, cũng nên khen ngợi sự cung kính Phật. Hãy học như vậy.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1016. KÍNH PHÁP³⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. *Nói đầy đủ như trên nhưng chỉ có sự sai khác là:*

Bấy giờ, Thiên-đế Thích bước xuống điện Thường thắng chấp tay hướng về hướng Đông kính lễ Tôn pháp ... *cho đến* Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1017. KÍNH PHÁP (2)³⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. *Nói đầy đủ như trên nhưng chỉ có sự sai khác là:*

Bấy giờ, Thiên-đế Thích nói kệ trả lời người đánh xe:

*Ta thật được cõi đất,
Vua lớn nhỏ thế gian;
Và bốn Chúa hộ thế,
Thiên chúng Tam Thập Tam.
Hết cả thấy như vậy,
Đều tôn trọng cung kính.
Nhưng vị tịnh giới kia,*

³⁸ Đại chánh, kinh 1112. cf. S. 11. 18. Gahaṭṭhavandana. Biệt dịch, N0 100(41).

³⁹ Đây là một kinh riêng biệt, nhưng bản Đại chánh không ghi số. Án Thuận phân thành kinh riêng. Quốc dịch phân thành kinh riêng và ghi tên kinh là “Kính pháp.” Nội dung kinh này là kính pháp như giới thiệu trong kinh số 1112. Có lẽ Có lẽ nguyên thủy không có. Người sau, tìm thấy nội dung ở đâu đó nên bổ túc vào cho đủ tán Tam bảo.

*Từ lâu nhập chánh thọ,
Với chánh tín xuất gia,
Rôt ráo các phạm hạnh;
Nên ta đối vị ấy,
Tôn trọng cung kính lễ.*

*Vị điều phục tham, nhuế,
Vượt cảnh giới ngu si;
Tu học không buông lung,
Ta kính lễ vị ấy.*

*Tham dục, sân nhuế, si,
Đều dứt hẳn không đấm;
Lậu tận, A-la-hán,
Ta kính lễ vị ấy.*

*Nếu người sống tại gia,
Phụng trì giới thanh tịnh;
Đúng như pháp bố-tát,⁴⁰
Cũng lại nên kính lễ.*

Người đánh xe tâu Đệ Thích:

[293c] *Người này chắc hơn đời,
Nên Thiên vương kính lễ.
Tôi cũng nên như vậy,
Kính lễ theo Thiên vương.*

“Này các Tỳ-kheo, Thiên-đế Thích chồng của Xá-chỉ kia kính lễ Pháp, Tăng, cũng còn khen ngợi người kính lễ Pháp, Tăng. Các người đã chánh tín, xuất gia học đạo, không nhà, cũng nên kính lễ Pháp, Tăng, và khen ngợi người kính lễ Pháp, Tăng như vậy.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1018. KÍNH TĂNG⁴¹

Tôi nghe như vậy:

⁴⁰ Pāli: (...) *dhammena dāraṃ posenti*, (những Ưu-bà-tắc) như pháp nuôi dưỡng vợ. Bản Hán hiểu *posenti* (nuôi dưỡng) như là (*u*)*posatha* (bố-tát).

⁴¹ Đại chánh, kinh 1113. Pāli: S. 11. 20. Gahaṭṭhavandana. No 100(42).

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nói với các Tỳ-kheo:

“Vào thời quá khứ, Thích Đề-hoàn Nhân muốn đi thăm công viên, sai người đánh xe sửa soạn cỗ xe nghìn ngựa để đi thăm vườn. Người đánh xe vâng lệnh liền sửa soạn cỗ xe nghìn ngựa, rồi đến tâu với Đế Thích:

“Thưa Câu-thi-ca, đã sửa soạn xe cộ xong, xin Vua biết thời.”

Đế Thích liền bước xuống điện Thường thắng, hướng về phía Đông chấp tay lễ. Bấy giờ, người đánh xe thấy vậy liền sinh lòng kinh hãi, lông dựng đứng, roi ngựa rớt xuống đất. Khi ấy Đế Thích thấy người đánh xe sinh lòng kinh hãi, lông dựng đứng, roi ngựa rớt xuống đất, liền nói kệ:

*Các phương chỉ có người,
Do thai sinh, xú uế;
Thần ở trong thân thối,
Đói khát thường thiêu đốt.
Tại sao Kiều-thi-ca,
Tôn trọng người không nhà?
Vì tôi nói nghĩa này,
Khao khát xin muốn nghe.*

Thiên-đế Thích nói kệ đáp:

*Ta chân thành kính lễ,
Người xuất gia, không nhà;
Tự tại dạo khắp nơi,
Không kể nơi đi, ở;
Chốn thành ấp, quốc độ,
Không thể lụy tâm kia.
Không chứa chất tư hữu,
Một đi, không cố định.
Bước đi không mong cầu,
Chỉ vô vi là vui;
Khi nói, chỉ nói thiện,
Khi không nói, tịch định.
Chư Thiên, A-tu-la,
Luôn luôn kinh chống nhau.*

*Nhân gian tranh giành nhau,
Nghịch nhau cũng như vậy.
Chỉ có người xuất gia,
Không tranh giữa người tranh.*

[294] *Với tất cả chúng sanh,
Buông bỏ mọi đao gậy.
Vắt bỏ mọi tài sắc,
Không say, không mê đắm;
Xa lìa tất cả ác.
Ta kính lễ vị ấy.*

Lúc ấy, người đánh xe lại nói kệ:

*Người được Thiên vương kính,
Chắc là bậc hơn đời;
Nên từ hôm nay, con,
Sẽ lễ người xuất gia.*

Nói như vậy rồi, Thiên-đế Thích kính lễ tất cả Tăng ở các phương, xong rồi leo lên xe ngựa dạo xem vườn rừng.

Phật nói với các Tỳ-kheo:

“Thiên-đế Thích kia là Vua Tự tại của Trời Tam Thập Tam mà thường cung kính chúng Tăng, cũng thường khen ngợi công đức cung kính Tăng. Tỳ-kheo các người chánh tín, xuất gia học đạo, sống không nhà, cũng nên cung kính chúng Tăng và cũng nên khen ngợi công đức cung kính chúng Tăng như vậy.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1019. TÚ-TÌ-LÊ⁴²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Vào thời quá khứ, vua A-tu-la khởi bốn binh chủng là tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh, muốn đánh nhau với chư Thiên trời Tam Thập Tam. Lúc ấy Thích Đề-hoàn Nhân nghe vua A-tu-la khởi bốn

⁴² Đại chánh, kinh 1114. Quốc dịch, phẩm 2. Pāli, S. 11. 1. Suvīra. Biệt dịch, No 100(43).

binh chủng là tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh, muốn đến gây chiến; liền nói với Thiên tử Tú-tì-lê: ⁴³

“Bố⁴⁴ biết không, A-tu-la đem bốn binh chủng là tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh muốn gây chiến với trời Tam Thập Tam! Bố hãy ra lệnh chư Thiên trời Tam Thập Tam đem bốn binh chủng là tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh, cùng đánh với A-tu-la kia.”

Bấy giờ, Thiên tử Tú-tì-lê vâng lệnh Đế Thích trở về Thiên cung. Nhưng ông biếng nhác, lơ lửng, không nỗ lực chuẩn bị. Quân A-tu-la đã ra đường lộ. Đế Thích nghe như vậy, lại nói với với thiên tử Tu-tỳ-lê:

“Này Bố, quân A-tu-la đã ra giữa đường lộ, Bố hãy cấp tốc ra lệnh khởi bốn binh chủng ra đánh với A-tu-la.”

Thiên tử Tú-tì-lê vâng lệnh Đế Thích trở lại Thiên cung; biếng nhác, lơ lửng. Khi ấy vua A-tu-la đem quân áp sát. Thích Đề-hoàn Nhân nghe quân A-tu-la đã áp sát, lại nói với với Thiên tử Tú-tì-lê:

[294b] “Bố có biết chăng? Quân A-tu-la đã áp sát. Bố hãy cấp tốc ra lệnh chư Thiên hưng khởi bốn binh chủng.”

Khi ấy Thiên tử Tú-tì-lê liền nói kệ:

*Nơi nào không cần gắng,⁴⁵
Vô vi mà an vui;
Người được chỗ như vậy,
Không làm, cũng không lo.⁴⁶
Hãy cho tôi chỗ ấy,
Để tôi được an ổn.*

Đế Thích nói kệ đáp lại:

*Nơi nào không cần gắng,
Vô vi mà an vui;
Nếu người được chỗ ấy,*

⁴³ Tú-tì-lê thiên tử 宿毘梨天子. Pāli: Suvīra-devaputta.

⁴⁴ Hán: a công 阿公. Pāli; *tāta Suvīra*, từ xưng hô, gọi người lớn tuổi hơn, coi như cha. Cũng có thể gọi người nhỏ hơn: Con thân yêu! Có lẽ nên hiểu theo nghĩa sau.

⁴⁵ Bất khởi xứ 不起處. Pāli: *anuṭṭhahaṃ*, biếng nhác, không hăng hái. (do động từ *uṭṭhahati* = *uṭṭhāti*: đứng dậy, phấn khởi, hay hăng hái).

⁴⁶ Pāli: *anuṭṭhahaṃ, avāyāmaṃ, sukhaṃ yātrādhigacchati*, nó đến nơi nào mà ở đó không cần hăng hái, không cần nỗ lực, nhưng an vui.

*Không làm, cũng không lo.
Nếu ông được chỗ ấy,
Hãy đưa ta đến đó.*

Thiên tử Túc-tỳ-lê lại nói kệ:

*Nơi không cần nỗ lực,⁴⁷
Không gắng, mà vui an;
Nếu ai được chỗ ấy,
Không làm, cũng không lo.
Hãy cho tôi chốn ấy,
Để tôi được an ổn.*

Đế Thích lại nói kệ đáp:

*Nơi không cần nỗ lực,
Không gắng, mà vui an;
Nếu ai được chỗ ấy,
Không làm, cũng không lo.
Nếu ông được chỗ ấy,
Hãy đưa ta đến đó.*

Thiên tử Tú-tì-lê lại nói kệ:

*Nếu nơi không buông lung,
Không gắng, mà vui an;
Nếu ai được chỗ ấy,
Không làm, cũng không lo.
Nên cho tôi nơi ấy,
Để tôi được an ổn.*

Đế Thích lại nói kệ:

*Nếu nơi không buông lung,
Không gắng, mà vui an;
Nếu ai được chỗ ấy,
Thì không tạo, không lo.
Nếu ông được chỗ ấy,
Hãy đưa ta đến đó.*

Tú-tì-lê lại nói kệ:

*Biếng nhác, không phán khởi,
Không biết làm, đã làm;*

⁴⁷ Hán: vô phương tiên 無方便. Pāli: *avāyāmaṃ*, không nỗ lực.

*Nhưng hành dục hội đủ:
Hãy cho tôi chỗ ấy.*

Đế Thích lại nói kệ:

[294c] *Biếng nhác, không phấn khởi,
Mà rớt ráo an vui :
Nếu ông được chỗ ấy,
Hãy đưa ta đến đó.*

Thiên tử Tú-tì-lê lại nói kệ:

*Vô sự, vẫn an vui,
Không làm, cũng không lo:
Hãy cho tôi chỗ ấy,
Để tôi được an vui.*

Đế Thích lại nói kệ:

*Thấy hoặc nghe nơi nào,
Chúng sanh không làm gì:
Nếu ông được chỗ ấy,
Hãy đưa ta đến đó.
Nếu sợ việc cần làm,
Chẳng nghĩ đến hữu vi;
Hãy nhanh chóng dọn sạch
Đường dẫn đến Niết-bàn.⁴⁸*

Khi ấy, Thiên tử Tú-tì-lê chinh bị bốn binh là tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh, cùng đánh với A-tu-la, diệt hết quân A-tu-la. Chư Thiên đắc thắng trở về cung trời.

Phật nói với các Tỳ-kheo:

“Thích Đề-hoàn Nhân khởi bốn binh cùng chiến đấu với A-tu-la, nhờ tinh cần nên thắng trận. Nay các Tỳ-kheo, Thích Đề-hoàn Nhân là vua Tự tại của trời Tam Thập Tam, thường nhờ phương tiện tinh cần, cũng thường khen ngợi đức tinh cần. Tỳ-kheo các người chánh tín, xuất gia, học đạo, sống không nhà cũng nên tinh cần tinh tấn, và khen ngợi tinh cần.”

⁴⁸ Pāli: *sace atthi akammena, koci kvaci na jīvati; nibbānassa hi so maggo, suvīra tattha gacchāhi*, nếu không có hành nghiệp, không có bất cứ ai tồn tại bất cứ đâu; con đường đó dẫn đến Niết-bàn. Suvīra, hãy đi đến đó.

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1020. TIÊN NHƠN⁴⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Vào thời quá khứ, một tụ lạc nọ, có các Tiên nhơn dùng nghỉ tại khu rừng ngoài biên tụ lạc ấy. Lúc đó chư thiên và A-tu-la đang bày trận đánh nhau cách tụ lạc không xa. Bấy giờ, Vua A-tu-la là Tì-ma-chất-đa-la đẹp đi năm loại trang sức,⁵⁰ bỏ mũ thiên quan, dẹp dù lọng, bỏ gươm đao, vút quạt báu, cởi giày dép, đến chỗ ở các Tiên nhơn kia. Vào trong cửa, nhìn khắp mà không ngó ngang các Tiên nhơn, cũng không chào hỏi. Nhìn rồi trở ra.

“Khi ấy có một Tiên nhơn từ xa trông thấy Vua A-tu-la Tì-ma-chất-đa-la đẹp đi năm thứ trang sức vào trong vườn, quan sát xong rồi trở ra. Thấy vậy, vị này nói với các Tiên nhơn rằng: ‘Đây là những loại người gì mà dung sắc không trần tĩnh, không giống như hình người, không đúng pháp oai nghi, giống như [295a] con nhà đồng ruộng, không phải là con nhà trưởng giả; đẹp đi năm thứ trang sức, vào cửa vườn, nhìn quanh cao ngạo, mà không ngó ngang hỏi thăm các Tiên nhơn?’

Có một Tiên nhơn đáp rằng:

“Đó là Tì-ma-chất-đa-la, Vua A-tu-la, đẹp đi năm thứ trang sức, vào xem xét rồi đi.”

Tiên nhơn kia nói:

“Đây không phải hiền sĩ, không tốt, bất thiện, không phải Hiền Thánh, phi pháp, đẹp đi năm thứ trang sức đi vào trong cửa vườn nhìn quanh rồi ra về, cũng không hề để ý chào hỏi các Tiên nhơn. Do đó mà biết Thiên chúng tăng trưởng; A-tu-la sút giảm.’

⁴⁹ Đại chánh, kinh 1115. Pāli, S. 11. 9. Araññāyatana-isi; S. 11. 10. Samudaka. Biệt dịch, No 100(44)

⁵⁰ Bản Pāli: mang nguyên cả dày, kiềng... mà vào. Bản Hán có thể nhầm, vì trái với thái độ được mô tả trong đoạn tiếp theo.

“Trong lúc ấy, Thích Đề-hoàn Nhân cởi bỏ năm thứ trang sức, đi vào trú xứ của Tiên nơn, cùng với các Tiên nơn chào kính, thăm hỏi an úy nhau, sau đó trở ra. Lại có Tiên nơn thấy Thiên đế Thích cởi bỏ năm thứ trang sức mà đi vào trong cửa vườn, thăm hỏi khắp cả. Thấy vậy, vị này hỏi các Tiên nơn: ‘Đây là người gì, có đúng sắc trần tĩnh, dáng vẻ đáng ưa, có vẻ oai nghi, không phải con nhà đồng ruộng, tợ như con nhà trưởng giả; vào trong vườn rừng cởi bỏ năm thứ trang sức, đi vào cửa vườn thăm hỏi khắp cả, sau đó mới trở ra?’

“Có Tiên nơn đáp: ‘Đây là Thiên đế Thích, cởi bỏ năm thứ trang sức, vào trong cửa vườn thăm hỏi khắp cả rồi sau đó trở ra.’

“Tiên nơn kia nói: ‘Đây là bậc hiền sĩ, thiện, tốt, chân thật, oai nghi, phép tắc, cởi bỏ năm thứ trang sức, vào trong cửa vườn thăm hỏi khắp cả rồi sau đó mới trở ra. Vì vậy. Hãy biết Thiên chúng tăng, chúng A-tu-la giảm.’

“Lúc ấy, Vua A-tu-la Tì-ma-chất-đa-la nghe Tiên nơn kia khen ngợi chư thiên. Nghe thế, nổi giận đùng đùng. Lúc này, có vị Tiên nơn ở chốn hư không nghe vua A-tu-la nổi giận đùng đùng, liền đến chỗ A-tu-la vương Tì-ma-chất-đa-la nói kệ:

*Tiên nơn có đến đây,
Xin cho sự vô úy;⁵¹
Nếu người cho vô úy,
Ban ân giáo Mâu-ni.*

“Tì-ma-chất-đa-la dùng kệ đáp:

*Cho Tiên nơn các ông,
Không có thí vô úy.
Vì chống A-tu-la,
Mà gần gũi Đế Thích.
Thay vì cho vô úy,
Ta sẽ cho sợ hãi.*

Tiên nơn lại nói kệ:

*Ai gieo hạt giống gì,
Sẽ sinh loại quả đó.
[295b] Ta cầu xin vô úy,*

⁵¹ Thí vô úy 施無畏. Pāli: *abhayadakkhiṇa*; các Tiên nhân này đến A-tu-la cầu xin cho mình sự an toàn.

*Chỉ lại cho kinh sợ.
Ngươi sẽ sợ vô cùng,
Vì geo giống kinh sợ.*

“Các Tiên nhơn ngay trước mặt Vua A-tu-la Tì-ma-chất-đa-la sau khi đọc chú xong, bay lên hư không đi mất. Ngay đêm ấy Vua A-tu-la Tì-ma-chất-đa-la lòng cảm thấy sợ hãi, ba phen chỗi dậy, trong giấc ngủ nghe âm thanh dữ rằng: ‘Thích Đề-hoàn Nhân sẽ cất bốn binh chủng đánh nhau với A-tu-la.’ Sau khi thức dậy, trong lòng ông cảm thấy kinh hoàng, sợ hãi, lo lắng là chắc chắn sẽ chiến bại, đành phải rút lui chạy về cung A-tu-la.

“Bấy giờ, địch quân đã rút lui, đắc thắng rồi, Thiên-đế Thích đi đến trú xứ các Tiên nhơn nơi khu rừng, lễ sát chân các Tiên nhơn, rồi lui ra bốn phía trước các Tiên nhơn, hướng về Đông ngồi xuống. Lúc ấy gió Đông khởi lên, có một Tiên nhơn liền nói kệ:

*Nay các ẩn sĩ này,
Xuất gia đã lâu ngày;
Nách rịn mồ hôi bán.
Chớ ngồi trước chiều gió.
Thiên Nhân đổi chỗ ngồi,
Ở đây hôi khó chịu.*

“Thiên-đế Thích nói kệ đáp:

*Dùng mọi thứ hương hoa,
Kết lại làm tràng hoa;
Nay hương tôi gửi được,
Còn hơn cả hương kia.
Dù ít người hương này,
Nhưng chưa từng ghê, chán.”*

Phật nói với các Tỳ-kheo:

“Thiên-đế Thích là vua Tự Tại của cõi trời Tam Thập Tam mà cung kính người xuất gia, cũng thường khen ngợi người xuất gia, cũng thường khen ngợi đức cung kính. Tỳ-kheo các người chánh tín, xuất gia học đạo, sống không nhà, thường nên cung kính các bậc phạm hạnh, cũng nên khen ngợi đức cung kính.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1021. DIỆT SÂN⁵²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ sáng sớm, Thiên-đế Thích đi đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật. Do thần lực của Đế Thích, ánh sáng từ thân tỏa ra chiếu khắp tinh xá Kỳ thọ. Khi ấy Thích Đề-hoàn Nhân nói kệ hỏi Phật:

*Vì giết hại những gì,
Mà ngủ được an ổn?
Vì giết hại những gì,
Mà được không lo sợ?
[295c] Vì sát hại những gì,
Được Cù-đàm khen ngợi?*

Bấy giờ, Thế tôn nói kệ đáp:

*Hại sân nhuế, hung ác,
Mà ngủ được an ổn.
Hại sân nhuế, hung ác,
Tâm được không lo sợ.
Sân nhuế là rễ độc,⁵³
Hạt giống đắng tương ngọt;⁵⁴
Diệt trừ hạt giống đắng,
Nên được không lo sợ.
Người kia diệt giống đắng,
Nên được Hiền Thánh khen.*

Thích Đề-hoàn Nhân sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, Tùy hỷ, đánh lễ ra về.

KINH 1022. NGUYỆT BÁT NHẬT⁵⁵

Tôi nghe như vậy:

⁵² Đại chánh, kinh 1116. Pāli, S. 11. 21. Chetvā. Biệt dịch, No 100(45).

⁵³ Độc căn 毒根. TNM: độc xà. Pāli: *kodhassa visamūlassa*, sân hận là rễ cây độc hại.

⁵⁴ Đề bản: diệt bi khổ chủng tử 滅彼苦種子. Bản khác: ngã diêm bi chủng tử. Pāli: (...) *madhuragassa*, (rễ đắng mà cho là) vị mật ngọt tối thượng.

⁵⁵ Đại chánh, kinh 1117. Pāli, A. 3. 37. Rājā. Biệt dịch, No 100(46).

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bảy giờ, Thế tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Vào ngày mùng tám mỗi tháng,⁵⁶ bốn Đại Thiên vương ra lệnh cho các Đại thần đi xem xét nhân gian, xem những ai cúng dường cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, tôn kính tôn thân, làm các phước đức; thấy ác đời này lo sợ tội đời sau, bỏ thí làm phước, thọ trì trai giới; vào các ngày mùng tám, mười bốn, mười lăm mỗi tháng, và tháng thần biến,⁵⁷ thọ giới, bố-tát.⁵⁸

“Đến ngày mười bốn⁵⁹ sai Thái tử xuống quán sát nhân gian, những người nào phụng dưỡng cha mẹ ... cho đến thọ giới, bố-tát.

“Đến ngày mười lăm,⁶⁰ bốn Đại Thiên vương đích thân xuống thế gian xem xét chúng sanh, xem những ai phụng dưỡng cha mẹ ... *cho đến* thọ giới, bố-tát.

“Này các Tỳ-kheo, lúc bảy giờ thế gian không có nhiều người phụng dưỡng cha mẹ ... *cho đến* thọ giới, bố-tát. Bảy giờ, bốn Đại Thiên vương đến giảng đường Tập pháp,⁶¹ cõi trời Tam Thập Tam, thưa với Thiên-đế Thích:

“ - Tâu Thiên vương, nên biết, ngày nay thế gian không có nhiều người phụng dưỡng cha mẹ ... *cho đến* thọ giới, bố-tát.

“Khi ấy Thiên chúng cõi trời Tam Thập Tam nghe như vậy không vui, nói chuyện với nhau:

“ - Người thế gian bây giờ không hiền, không thiện, không tốt, không xứng đáng, không hành chơn thật, không phụng dưỡng cha mẹ ... *cho*

⁵⁶ Đây chỉ thánh 15 ngày theo lịch cổ Ấn. Nếu theo tháng 30 ngày, thì đây gồm ngày mùng 8 và ngày 23. Pāli: *aṭṭhamiyam pakkhassa*, ngày mùng 8 mỗi (nửa) tháng.

⁵⁷ Tháng thần biến 神變月(Pāli: *iddhimasā*?); các tháng Giêng, tháng Năm và tháng Chín, bốn Thiên vương hiện thân thông đi quan sát nhân gian. Bản Pāli không thấy nói các tháng này.

⁵⁸ Bố-tát, Pāli: *uposatha*; đây hiểu là trai giới, không ăn chiều tối.

⁵⁹ Pāli: *cātuddasim pakkhassa*, ngày thứ 14 mỗi (nửa) tháng, tức gồm ngày 14 và 29, hay 28 nếu tháng thiếu.

⁶⁰ Pāli: *uposathe pannarase*, vào ngày trai giới, ngày thứ 15, tức ngày 15 và 30 hay 29 nếu tháng thiếu.

⁶¹ Tập pháp giảng đường 集法講堂; cũng gọi là Thiên pháp đường hay Chánh pháp đường. Pāli: *Sudhamma-sabhā*.

đến không thọ giới, bố-tát. Vì tội ấy nên chúng chur Thiên giảm, và chúng A-tu-la càng ngày càng tăng thêm.

“Này các Tỳ-kheo, thế gian lúc ấy nếu lại có nhiều người phụng dưỡng cha mẹ, ... *cho đến* thọ giới, bố-tát; bốn Thiên vương bèn đến giảng đường Tập pháp, cõi trời Tam Thập Tam, tâu Thiên-đế Thích:

“ - Tâu Thiên vương, nên biết, thế gian ngày nay có nhiều người phụng dưỡng cha mẹ, ... *cho đến* thọ giới, bố-tát.”

“Khi ấy tâm chur thiên cõi Tam Thập Tam đều vui mừng, lại nói với nhau :

“Ngày nay, các thế gian đều hiền thiện chơn thật như pháp, có nhiều người [296a] phụng dưỡng cha mẹ, *cho đến* thọ giới, bố-tát. Nhờ phước đức này nên chúng A-tu-la giảm, chúng chur thiên tăng thêm.

“Bấy giờ Thiên-đế Thích biết các chúng chur thiên đều vui mừng, liền nói kệ:

*Những ai ngày mồng tám,
Mười bốn, ngày mười lăm;
Và đến tháng thần biến,
Thọ trì trai tám chi.
Như ta đã từng tu,
Họ cũng tu như vậy.”*

Bấy giờ Thế tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Bài kệ mà Thiên-đế Thích kia đã nói, rằng:

*Những ai ngày mồng tám,
Mười bốn, ngày mười lăm;
Và đến tháng thần biến,
Thọ trì trai tám chi.
Như ta đã từng tu,
Họ cũng tu như vậy.*

“Những lời này không phải phải là khéo nói. Vì sao? Thiên-đế Thích kia còn có tham, sân, si nên không thoát khỏi sinh, già, bệnh chết, ưu, bi, khổ, não. Tỳ-kheo A-la-hán, các lậu đã tận, việc cần làm đã làm xong, lia các gánh nặng, đoạn các hữu kết, tâm khéo giải thoát, vị ấy nói kệ này:

*Những ai ngày mồng tám,
Mười bốn, ngày mười lăm;
Và đến tháng thần biến,*

*Thọ trì bát trai giới.
Như ta đã từng tu,
Họ cũng tu như vậy.*

“Những lời nói như vậy mới là lời khéo. Vì sao? Tỳ-kheo A-la-hán đã lìa tham, sân, si, đã thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Cho nên bài kệ này là những lời nói khéo.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1023. BỆNH⁶²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Vào thời quá khứ, Vua A-tu-la Tì-ma-chất-đa-la bị bệnh rất nặng, đi đến chỗ Thích Đề-hoàn Nhân, nói với Thích Đề-hoàn Nhân rằng: ‘Kiều-thi-ca, nên biết, hiện nay tôi đang bị bệnh rất nặng. Xin vì tôi trị liệu cho được an ổn.’

“Thích Đề-hoàn Nhân nói với vua A-tu-la Tì-ma-chất-đa-la: ‘Ông hãy trao huyền pháp⁶³ cho ta, ta [296b] sẽ trị bệnh cho ông được an ổn.’

“A-tu-la Tì-ma-chất-đa-la nói với Đế Thích: ‘Tôi sẽ trở về hỏi chúng A-tu-la. Nếu họ bằng lòng, tôi sẽ trao huyền pháp của A-tu-la cho Đế Thích.’

“Lúc ấy, A-tu-la Tì-ma-chất-đa-la trở về trong chúng A-tu-la, nói với các A-tu-la: ‘Mọi người nên biết, nay ta bị bệnh nặng. Ta đến chỗ Thích Đề-hoàn Nhân nhờ trị bệnh. Đế Thích nói ta rằng: ‘Ông hãy trao huyền pháp của A-tu-la cho ta, sẽ trị bệnh cho Ông được an ổn.’ Bấy giờ ta sẽ đi nói huyền pháp của A-tu-la cho Đế Thích.’

“Khi ấy có một A-tu-la trá ngụy nói với với A-tu-la Tì-ma-chất-đa-la: ‘Thiên đế Thích kia là người chất trực, trọng tín, không hư dối. Chỉ nói với ông ta rằng: ‘Thiên vương, nếu người nào học huyền pháp của A-tu-la, nó sẽ đọa địa ngục, chịu tội vô lượng trăm nghìn năm.’ Thiên-

⁶² Đại chánh, kinh 1118. Pāli, S.11.23. Māyā. Biệt dịch, No 100(47).

⁶³ Pāli: Sambarimāyā, huyền thuật của Sambara (tên khác của Vepacitta, A-tu-la vương).

để Thích kia chắc chắn sẽ thôi, không còn ý muốn học nữa, và ông ta sẽ nói: ‘Ông hãy đi. Mong cho bệnh ông thuyên giảm, được an ổn.’

“Vua A-tu-la Tì-ma-chất-đa-la lại đi đến chỗ Đệ Thích nói kệ rằng:

*Bậc Thiên vương Thiên Nhân,
Huyền thuật A-tu-la;
Đều là pháp giả dối,
Khiến người đoạ địa ngục.
Vô lượng trăm nghìn năm,
Chịu khổ không dừng nghỉ.*

“Lúc ấy, Thiên-đế Thích nói với A-tu-la Tì-ma-chất-đa-la: ‘Thôi, thôi, huyền thuật như vậy không phải là pháp ta cần. Ông hãy trở về. Mong cho thân bệnh của ông được lành, được an ổn khỏe mạnh.’”

Phật nói với các Tỳ-kheo:

“Thích Đề-hoàn Nhân là vua Tụ tại nơi cõi trời Tam Thập Tam luôn luôn chơn thật, không hư, không ngụy, hiền thiện, chất trực. Tỳ-kheo các người, chánh tín, xuất gia học đạo, sống không nhà, cũng nên không hư, không ngụy, hiền thiện, chất trực. Hãy học như vậy.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1024. BÀ-TRÌ⁶⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Một hôm, Thiên-đế Thích cùng với Bà-trĩ A-tu-la vương, con trai của Tì-lô-xá-na⁶⁵ có diện mạo tuyệt đẹp, sáng sớm cả hai đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. [296c] Các ánh sáng từ thân Thiên-đế Thích và Bà-trĩ A-tu-la vương, con trai của Tì-lô-xá-na, lúc ấy tỏa ra chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc.”

Khi ấy Bà-trĩ A-tu-la vương, con trai của Tì-lô-xá-na, nói kệ bạch Phật:

⁶⁴ Đại chánh, kinh 1119. Pāli, S. 11. 8. Verocana-asurinda. Biệt dịch, No 100(50).

⁶⁵ Tì-lô-xá-na-tử Bà-trĩ A-tu-la vương 鞞盧闍那子婆稚. Cf. D.ii. 259: satañca Baliputtānaṃ sabbe Verocanāmakā, một trăm con trai của Bali tất cả đều có tên là Vero (=Verocana).

*Con người cần siêng năng,
Để thỏa mãn điều lợi.
Lợi này đã đủ rồi,
Cần gì phải siêng năng?⁶⁶*

Thiên-đế Thích lại nói kệ:

*Nếu người cần siêng năng,
Để thỏa mãn điều lợi.
Lợi này đã đủ rồi,
Tu nhân không gì hơn.*

Nói kệ xong, cả hai cùng bạch Phật:

“Bạch Thế tôn, bài kệ nào được khéo nói?”

Thế tôn nói với:

“Những điều các ông nói, cả hai đều nói khéo. Nhưng bây giờ các vị hãy lắng nghe Ta nói:

*Tất cả loài chúng sanh,
Thấy đều cầu tự lợi.
Mỗi mỗi chúng sanh kia,
Đều mong điều mình cần.
Các hòa hợp thế gian ,
Cùng với đệ nhất nghĩa;⁶⁷
Nên biết hòa hợp đời,
Vốn là pháp không thường.
Nếu người cần siêng năng,
Để thỏa mãn điều lợi;
Lợi này thỏa mãn rồi,
Tu nhân không gì hơn.*

“Thiên-đế Thích cùng với vua A-tu-la Bề-lư-xá-na sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.”

Lúc bấy giờ, Thế tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Thích Đề-hoàn Nhân là vua Tự Tại của trời Tam Thập Tam, tu hạnh nhẫn, khen ngợi nhẫn. Tỳ-kheo các người chánh tín, xuất gia học đạo, sống không nhà, cũng nên tu hạnh nhẫn, khen ngợi nhẫn như vậy.”

⁶⁶ Pāli: *nippannasobhano attho*, mục đích được sáng chói khi đã được hoàn tất.

⁶⁷ Pāli: *saṃyogaparamā tveva sambhogā*, các thức ăn được chế biến (Hán: hòa hiệp) thượng diệu (Hán: đệ nhất nghĩa) .

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1025. THỆ ƯỚC⁶⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Thời quá khứ, có vị Thiên-đế Thích bạch Phật rằng: ‘Bạch Thế tôn, hôm nay con thọ giới như vậy: Cho đến khi Phật pháp còn tồn tại ở thế gian, suốt đời con, [297a] nếu có người nào xúc não con, con sẽ không xúc não lại người kia.’”

“Lúc ấy A-tu-la vương Tì-ma-chất-đa-la nghe Thiên-đế Thích thọ giới như vậy: Cho đến khi Phật pháp còn tồn tại ở thế gian, suốt đời con, nếu có người nào xúc não con, con sẽ không xúc não lại người kia.’ Nghe vậy, ông bèn xách gươm bén, ngược đường đi tới. Lúc ấy, Thiên-đế Thích từ xa trông thấy vua A-tu-la Tì-ma-chất-đa-la cầm gươm bén ngược đường đi tới, liền từ xa nói: A-tu-la đứng lại! Ông đã bị trói, không được cử động!.’ Vua A-tu-la Tì-ma-chất-đa-la liền không cử động được; bèn nói với Đế Thích: ‘Há không phải ông đã thọ giới như vậy: Nếu Phật pháp tồn tại ở thế gian, suốt đời con nếu có người nào xúc não con, con sẽ không xúc não lại người kia?’”

“Thiên-đế Thích đáp: ‘Tôi thật có thọ giới như vậy. Nhưng người tự đứng lại chịu trói.’”

“A-tu-la nói: ‘Bây giờ hãy thả tôi ra.’”

“Thiên-đế Thích đáp: Nếu ông hứa thề không làm loạn, ta sẽ buông tha ông.’ A-tu-la nói: ‘Thả tôi ra, sẽ làm đúng như pháp.’”

“Đế Thích đáp: ‘Trước hết, ông phải làm đúng như pháp, sau đó thả ông ra.’”

“Vua A-tu-la Tì-ma-chất-đa-la liền nói kệ:

*Nơi tham dục rơi vào,
Nơi sân nhuế rơi vào;
Nơi vọng ngữ rơi vào,
Nơi phạm Thánh rơi vào:
Nếu ta gây não loạn,*

⁶⁸ Đại chánh, kinh 1120. Pāli, S. 11. 1. 7. Nadubbiya. Biệt dịch, No 100(48).

Ta sẽ rơi vào đó.

“Thích Đề-hoàn Nhân lại nói: ‘Tha cho ông đi, tùy ý được an ổn.’

“Thiên-đế Thích, sau khi bắt buộc vua A-tu-la phải ước thề xong, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“ - Bạch Thế tôn. Con ở trước Phật thọ giới như vậy: ‘Cho đến Phật pháp tồn tại thế gian, suốt đời con nếu có người nào xúc não con, con sẽ không xúc não lại người kia.’ Vua A-tu-la Ti-ma-chất-đa-la nghe con thọ giới, tay xách gươm bén theo đường tới. Con trông thấy từ xa và nói với: ‘A-tu-la. Đứng lại. Đứng lại. Ông đã bị trói. Không được cử động.’ A-tu-la kia nói: ‘Ông không có thọ giới sao?’ Con liền đáp: ‘Tôi thật có thọ giới. Nay ông hãy đứng im. Ông đã bị trói, không được cử động.’ Vua A-tu-la xin được cứu thoát. Con nói với y: ‘Nếu ước thề là không gây nhiều hại thì người sẽ được cứu thoát.’ A-tu-la nói: ‘Hãy thả tôi ra, tôi hứa sẽ thề.’ Con liền nói: ‘Nói lời thề ước trước, sau đó thả ông.’ A-tu-la liền nói kệ ước thề:

Chỗ tham dục rơi vào,

Chỗ sân nhuế rơi vào;

Chỗ vọng ngữ rơi vào,

Chỗ phạm Thánh rơi vào:

[297b] *Nếu ta gây nhiễu loạn,*

Ta sẽ rơi vào đó.

“Như vậy, bạch Thế tôn, con muốn khiến vua A-tu-la phải nói lời ước thề, vậy có đúng pháp không? A-tu-la kia có gây nhiều hại nữa không?

“Phật nói với Thiên-đế Thích:

“ - Lành thay! Lành thay! Ông muốn A-tu-la nói lời ước thề như vậy, là đúng pháp, không trái. A-tu-la cũng không dám làm nhiều hại nữa.

“Thiên-đế Thích sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ ra về.”

Thế tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Thiên-đế Thích kia là vua Tự Tại của trời Tam Thập Tam, không bị nhiễu hại, cũng thường khen ngợi pháp không nhiễu hại. Tỳ-kheo các người chánh tín, xuất gia học đạo, sống không nhà, cũng nên không nhiễu loạn, cũng nên khen ngợi pháp không nhiễu hại như vậy.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.⁶⁹

KINH 1026. TỔ CHIM⁷⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Vào thời quá khứ, chư Thiên và A-tu-la dàn trận đánh nhau; A-tu-la thắng, chư Thiên thua. Lúc ấy, quân của Thiên-đế Thích thua, thối lui tan rã, nên rất sợ hãi, quay xe chạy theo hướng Bắc, trở về cung trời, qua đường tắt trong rừng rậm dưới chân núi Tu-di. Nơi đây có một ổ kim sí điểu,⁷¹ có nhiều chim con cánh vàng. Lúc ấy Đế Thích sợ xe ngựa đi qua sẽ cán chết những chim con, liền bảo người đánh xe rằng: “Hãy quay xe lại, chớ giết những chim con!”

Người đánh xe tâu vua:

“Quân A-tu-la đang đuổi theo người phía sau, nếu quay xe lại sẽ bị khốn.”

Đế Thích bảo:

“Thà nên quay lại bị A-tu-la giết, chứ không để quân lính dẫm chết chúng sanh.”

Người đánh xe, quay xe trở lại hướng Nam. Quân A-tu-la từ xa trông thấy xe Đế Thích quay lại, cho rằng đó là chiến sách nên vội rút lui lại. Quân lính rất sợ hãi, thua trận chạy tán loạn trở về cung A-tu-la.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thiên-đế Thích kia là vua Tự Tại của trời Ba mươi ba, nhờ từ tâm nên có oai lực đẹp được quân A-tu-la, và cũng thường tán thán công

⁶⁹ Bản Hán, hết quyển 40.

⁷⁰ Đại chánh, kinh 1222. Phật quang, quyển 41. Ấn thuận, Tụng viii, «19. Tương ưng Đế Thích» tiếp theo (*Hội biên*, kinh 1225-1228). Quốc dịch, quyển 35, Tụng vii, «3. Tương ưng Đế Thích» tiếp theo. Tương đương Pāli, S. 11. 1. 6. *Kulāvaka*. Biệt dịch, No 100(49).

⁷¹ Kim súy điểu 金翅鳥. (Pāli: garuḷa); S. ibid. *kulāvakā simbalismiṃ*, có nhưng tổ chim trên cây bông gòn.

đức từ tâm. Tỳ-kheo các người chánh tín xuất gia học đạo, không nhà, phải tu tập từ tâm, và cũng nên tán thán công đức từ tâm.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1027. NGƯỜI NGHÈO⁷²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn trúc Ca-lan-đà, tại thành Vương Xá. Bấy giờ, trong thành Vương Xá có một người bần cùng, khổ cực, nhưng tin⁷³ Phật, Pháp và Tăng, giữ gìn cấm giới, học rộng nghe nhiều, ra sức bố thí, thành tựu chánh kiến. Người này sau khi mạng chung được sinh lên trời. Sau khi sinh về cõi trời Ba mươi ba, có ba điểm thù thắng hơn những vị trời Ba mươi ba khác. Những gì là ba? Đó là được tuổi thọ trời, sắc đẹp trời, tiếng khen trời. Các trời Ba mươi ba thấy Thiên tử này có ba đặc biệt hơn về tuổi thọ trời, sắc đẹp trời, tiếng khen trời; họ thấy rồi, bèn đến chỗ Thiên-đế Thích, nói như vậy:

“Kiền-thi-ca nên biết! có một Thiên tử vừa sinh cõi trời này; đối với những vị Thiên tử cũ, có ba đặc thù hơn là tuổi thọ trời, sắc đẹp trời, tiếng khen trời.”

Khi ấy Thiên-đế Thích nói với Thiên tử này rằng:

“Chư nhơn giả! Tôi biết người này trước đây làm một người bần cùng nghèo khổ ở thành Vương Xá, nhưng đối với pháp luật của Như lai, rất có lòng tin,... cho đến thành tựu chánh kiến. Cho nên, khi thân hoại mạng chung được sinh lên cõi trời này, và có điểm thù thắng hơn những vị trời Ba mươi ba khác, là tuổi thọ trời, sắc đẹp trời, tiếng khen trời.”

Rồi Thiên-đế Thích liền nói kệ:

Chánh tín đối Như lai,
Nhất định không dao động;
Thọ trì giới chơn thật,

⁷² Đại chánh, kinh 1223. Pāli, S. 11. 2. 4. *Daliddo*. Biệt dịch, No 100(51).

⁷³ Bản Cao-ly: 苾芻; bản Tống Nguyên Minh: 住。Có thể đọc là tín 信. Pāli: *tathāgatappaveditadhammavinaye saddham samādiyī*, duy trì tín tâm nơi pháp luật được Như lai tuyên thuyết.

Không nhàm chán Thánh giới.

Đôi Phật tâm thanh tịnh,

Đôi chánh kiến thành tựu;

Nên biết không nghèo khổ,

Tự sống không vô ích.

Nên đôi Phật, Pháp, Tăng,

Khởi lòng tin thanh tịnh;

Trí tuệ càng sáng hơn,

Nhớ nghĩ lời Phật dạy.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1028. ĐẠI TẾ TỰ (1)⁷⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn trúc Ca-lan-đà, tại thành Vương Xá. Bấy giờ, dân chúng thành Vương Xá mở đại hội rộng rãi, mời hết các đạo khác nhau.

Có một người ngoại đạo Giá-la-ca⁷⁵ tự nghĩ: ‘Nay ta thỉnh vị Trời ngoại đạo là Giá-la-ca⁷⁶ làm phước điền trước.’ Hoặc những người theo ngoại đạo xuất gia; hoặc người theo đạo Ni-kiền Tử; hoặc người theo đạo Lão đệ tử; hoặc theo đệ tử đạo thờ lửa. Trong đó có những người theo Tăng đệ tử Phật, tự nghĩ: ‘Nay hãy trước hãy thỉnh Tăng mà đứng đầu là Phật⁷⁷ để làm ruộng phước.’

Bấy giờ, Thiên-đế Thích tự nghĩ: ‘Chớ để cho dân chúng thành Vương – xá bỏ Tăng đứng đầu là Phật mà đi thờ những đạo khác để cầu phước điền. Ta nên nhanh chóng đến vì người thành Vương Xá mà kiến lập phước điền.’ Liên hoá ra một Đại Bà-la-môn, tướng mạo nghiêm chỉnh, đi xe ngựa trắng, có các thiếu niên Bà-la-môn hộ tống trước

⁷⁴ Đại chánh, kinh 1224. Pāli, S. 11. 2. 6. *Yajamānam*. Biệt dịch, No 100(52).

⁷⁵ Giá-la-ca 遮羅迦 (Pāli: *caraka*), tu sỹ lang thang, thuộc nhóm hành trì theo *Yajur-veda* (Tế tự Vê-đà). Pāli, S. ibid. không có chi tiết này.

⁷⁶ Giá-la-ca 遮羅迦 (Pāli: *Caraka*), tên một ân sỹ cũng là y sỹ, truyền Āyur-Veda, thường đi lang thang khắp nơi để trị bệnh cho người đời.

⁷⁷ Cf. Sn. 111, Jā iii. 51: *buddha-pamukhaṃ bhikkhūaṅghaṃ nimantetvā*.

sau, cầm dù lọng cán vàng đến thành Vương Xá, đi khắp mọi nơi trong hội chúng. Bấy giờ, tất cả nam nữ thành Vương Xá đều tự nghĩ: ‘Phải nhìn xem nơi phụng sự của vị Bà-la-môn này, rồi ta sẽ theo họ để cúng dường cầu ruộng phước tốt trước nhất.’

Lúc này Thiên-đế Thích biết rõ tất cả ý nghĩ của nam nữ thành Vương Xá, bèn đánh xe dẫn đầu, theo đường hẹp đến núi Kỳ-xà-quật, đến ngoài cửa, bỏ hết năm thứ trang sức, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

Khéo phân biệt hiền bày,
Hết thầy pháp bờ kia;
Qua khỏi mọi sợ hãi,
Nên kính lễ Cù-đàm.
Mọi người mở hội khắp,
Muốn cầu công đức lớn;
Người người mở đại thí,
Thường cầu quả hữu dư.
Xin Ngài nói ruộng phước,
Khiến người thí được quả.

Ở núi Kỳ-xà-quật,
Đức Đại sư trả lời,
Điều hỏi của vua trời,
Đế Thích đại Tự Tại.
Mọi người mở hội khắp,
Muốn cầu công đức lớn;
Người người mở đại thí,
Thường cầu quả hữu dư.
Nay nói về ruộng phước,
Bố thí được quả lớn;
Chánh hướng gồm có bốn,⁷⁸

⁷⁸ Chỉ Dữ lưu hướng cho đến A-la-hán hướng. Pāli: *cattāro ca paṭipannā*.

Trụ Thánh quả cũng bốn.⁷⁹
Gọi là Tăng ruộng phước .
Minh hạnh, định đầy đủ;
Ruộng phước Tăng thêm rộng,
Vô lượng vượt biển cả.
Đệ tử Điều Ngự Sư,
Sáng soi bày chánh pháp;
Khéo cúng dường nơi này,
Cúng Tăng, phước điền tốt.
Tăng là ruộng phước tốt,
Phật nói được quả lớn;
Vì Tăng lia năm cái,
Thanh tịnh, đáng tán thán;
Cúng Tăng, ruộng tối thượng,
Cúng ít, thâm lợi nhiều.
Vậy hết thấy mọi người,
Nên cúng ruộng phước Tăng;
Pháp thắng diệu càng được ,
Minh hạnh, định tương ưng.
Cúng Tăng trên bảo này,
Tâm thí chủ hoan hỷ;
Phát sinh ba thứ tâm,
Thí y phục, ẩm thực.
Lìa kiếm nhọn trần cấu ,
Vượt qua các đường ác;
Tự thân đi mời thỉnh,
Tự tay cúng bình dâng.
Tự lợi cũng lợi người,
Thí này được lợi lớn;

⁷⁹ Bốn Thánh quả, từ Dự lưu, cho đến A-la-hán. Pāli: *cattāro ca phale thitā*.

Người trí thí như vậy,
Tịnh tín tâm giải thoát.

Thí an lạc không tội,
Nương trí vãng sinh kia.

Sau khi Đê Thích nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ lễ Phật rồi
biến mất.

Bấy giờ, dân chúng thành Vương Xá liền từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại
y phục, lễ Phật, chấp tay bạch Phật:

“Thưa Thế tôn! Cúi xin Thế tôn và đại chúng nhận sự cúng dường của
chúng con.”

Bấy giờ, Thế tôn im lặng nhận lời.

Dân chúng thành Vương Xá biết Thế tôn đã im lặng nhận lời mời của
họ rồi, làm lễ ra về. Họ về các nơi đại hội, chuẩn bị thức ăn và sắp xếp
bàn ghế. Sáng sớm, sai người đến bạch Phật: ‘Đã đến thời! Xin Ngài
biết cho.’

Bấy giờ, Thế tôn và đại chúng đắp y, ôm bát đến chỗ đại hội, trải toà
ngồi trước đại chúng. Nhân dân thành Vương Xá biết Phật đã ngồi
yên, tự làm đồ ăn thức uống tươi tốt. Thọ trai rồi, rửa bát, xĩa răng
xong, họ trở về chỗ cũ nghe Phật nói pháp. Bấy giờ, Thế tôn vì dân
chúng thành Vương Xá thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, và
làm cho hoan hỷ xong, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

KINH 1029. ĐẠI TẾ TỰ (2)⁸⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành Vương Xá. Nói
đầy đủ như kinh trên, chỉ có một vài sai biệt là:

Lúc ấy, Thiên-đế Thích nói bài kệ khác hỏi Phật:

Nay xin hỏi Cù-đàm,

Tuệ vi diệu sâu kín;

Thế tôn đã thể nhập,

Thấy biết không chướng ngại.

⁸⁰ Đại chánh, kinh 1225. Tham chiếu kinh 1224.

Dân chúng thiết lập đại hội khắp, nói đầy đủ như trên ... cho đến vì dân chúng thành Vương Xá mà thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ xong, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

33. TƯƠNG ƯNG CÂU-TÁT-LA¹

KINH 1030. TAM-BỒ-ĐỀ²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở tại nước Câu-tát-la, du hành trong nhơn gian, đến vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-dà, nước Xa-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc nghe Thế Tôn ở Câu-tát-la du hành trong nhơn gian, đang đến ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-dà, nước Xá-vệ. Nghe vậy, Vua liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con nghe Thế Tôn tự ký thuyết đã chứng Vô thượng Bồ-đề³ mà mọi người đã loan truyền; điều này không phải hư vọng và nói quá chăng? Nói như thuyết, nói như pháp, nói tùy thuận pháp chăng? Chẳng phải là bị người khác làm tổn thương đồng pháp chăng? Trong khi hỏi đáp, không bị rơi vào chỗ yếu kém chăng?”⁴

Phật bảo Đại vương:

“Những điều họ nói như vậy là lời nói chơn thật, chẳng phải là hư vọng, nói như thuyết, nói như pháp, nói tùy thuận pháp. Chẳng phải là bị người khác làm tổn thương đồng pháp. Trong khi hỏi đáp, không bị rơi vào chỗ yếu kém. Vì sao? Nay Đại vương, Ta nay thật sự đã đắc Vô thượng Bồ-đề.”

¹ Tương ưng Câu-tát-la, gồm các kinh Đại chánh 1145-1150 (đầu quyển 42) và 1226-1240 (quyển 46, trừ 4 kinh đầu). *Quốc dịch*, quyển 36, “Tụng vii. Kệ. 4. Tương ưng Câu-tát-la”. Ấn Thuận, “Tụng viii. Tám chúng. 20. Tương ưng Sát-lợi” Phật quang, quyển 42. Tương đương Pāli, S. 3. Kosalasamyutta.

² Đại chánh, quyển 46, kinh 1226. Tương kinh Câu-tát-la, phần II, từ kinh 1226-1240, Hội biên và Quốc dịch đều đề lên đầu Tương ưng, phù hợp với Pāli, S. 3. Kosalasamyutta. Biệt dịch No 100 cũng đề các kinh này lên phần đầu. Nhưng đây theo thứ tự trong Đại chánh nên thuận tiên đề lại thành phần sau. Pāli, S. 3. 1. Daharo. Biệt dịch, No 100(53).

³ Nguyên Hán: a-nậu-đa-la tam-miêu-tam-bồ-đề 阿耨多羅三藐三菩提. Pāli: *anuttaram sammāsambodhim*.

⁴ So sánh câu văn có nội dung tương tự, kinh Đại chánh 113 (tr. 38a16): Không có sai lầm chăng? Không hư hỏng Thế Tôn chăng? Nói như thuyết chăng? Nói như pháp chăng? Không bị người khác chất vấn khiến rơi vào bế tắc chăng?

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

“Tuy Thế Tôn đã nói như vậy, nhưng con vẫn còn chưa tin. Vì sao? Vì trong đây còn có nhiều vị Sa-môn, Bà-la-môn tôn túc, trọng vọng, như Phú-lan-na Ca-diếp, Mặc-già-lợi Cù-xá-lê Tử, San-xà-da Tì-la-chi Tử, A-ki-đa Chỉ-xá-khâm-bà-la, Ca-la-câu-đà Ca-chiên-diên, Ni-kiền-đà Nhã-đề Tử. Những vị đó không [335a] tự tuyên bố đã chứng Vô thượng Bồ-đề. Sao Thế Tôn còn trẻ, tuổi còn nhỏ, xuất gia chưa bao lâu, mà lại tự nói chứng đắc Vô thượng Bồ-đề?”

Phật bảo Đại vương:

“Có bốn thứ tuy trẻ, nhưng không thể xem thường. Những gì là bốn? Vương tử Sát-lị, tuổi tuy trẻ nhỏ, nhưng chớ xem thường. Rồng con,⁵ tuổi tuy trẻ nhỏ, nhưng chớ xem thường. Đóm lửa tuy nhỏ, nhưng chớ xem thường. Tỳ-kheo tuổi tuy trẻ nhỏ, nhưng chớ xem thường.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Đủ hình tướng Sát-lị,
Danh tiếng, dòng quý tộc;
Tuy tuổi còn trẻ nhỏ,
Người trí không thể khinh.
Tất sẽ ở ngôi vua,
Nhớ lại, sinh oán hại.
Cho nên khó thể khinh;
Phải sinh lòng đại kính.
Người khéo biết tự hộ,
Hãy giữ kỹ mạng mình;
Bình đẳng mà tự hộ,
Tránh xa để hộ mạng.

Nơi làng xóm, chỗ vắng,
Nếu gặp rồng con kia;
Chớ cho là rắn nhỏ,
Mà sinh lòng coi thường.
Mình rồng nhỏ nhiều màu,
Cũng nên để yên ổn;
Nam hay nữ khinh rắn,*

⁵ Hán: long tử 龍子, rồng con. Đoạn sau, cũng nói là tiểu xà 小蛇. Pāli: *urago*, con rắn.

Đều bị độc làm hại.
Cho nên, để tự hộ,
Hày giữ kỹ mạng mình;
Vì khéo tự hộ này,
Tránh xa để hộ mạng.

Mãnh hoả khi xâm thực ,
Dù ít nhưng không hạn;
Đuốc nhỏ có thể thiêu,
Khắp nơi, nếu củi đủ.
Thiêu từ nhỏ dần lên,
Tận xóm làng thành ấp.;
Cho nên, để tự hộ,
Nên như hộ mạng mình.
Vì khéo tự hộ này,
Tránh xa để tự hộ.
Bị lửa dũ thiêu đốt,
Trăm thứ cỏ cháy rụi.
Tắt rồi, không có rút;
Lửa tắt cỏ lại sinh.

Nếu khinh huỷ Tỳ-kheo,
Người giữ lửa tịnh giới.
Thì đốt mình, con cháu,
Tai nạn lưu trăm đời.
Như đốt cây đa-la,
Không bao giờ sinh lại.
Cho nên phải tự hộ,
Như tự hộ mạng mình;
Vì khéo tự hộ này,
Tránh xa để hộ mạng.

Đủ hình tướng Sát-lị,
Rắn con và đóm lửa;
Đủ tịnh giới, Tỳ-kheo,
Không nên sinh coi thường.
Cho nên phải tự hộ,
Như tự hộ mạng mình;
Vì khéo tự hộ này,

Tránh xa để hộ mạng.

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tu-nặc kia, nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ rồi ra về.

KINH 1031. TỎ MẪU⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tu-nặc có bà nội, người mà vua rất kính trọng, bỗng nhiên mạng chung.⁷ Vua đưa ra ngoài thành hoả táng, cúng dường xá-lợi xong, mặc áo tang, tóc bù xù, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên.

Thế Tôn hỏi vua Ba-tu-nặc:

“Đại vương từ đâu lại, mặc đồ tang, tóc bù xù vậy?”

Vua Ba-tu-nặc thưa:

“Bạch Thế Tôn, con đã mất bà nội mà con rất kính trọng. Bà đã bỏ con ra đi. Con đã đưa ra ngoài thành để hoả táng, cúng dường xong, rồi đến Thế Tôn.”

Phật bảo:

“Đại vương thương kính bà nội lắm phải không?”

Vua Ba-tu-nặc bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con rất kính trọng, thương mến. Bạch Thế Tôn, nếu đem những gì có được ở trong nước như voi, ngựa, bảy báu, cho đến ngai vàng, đem bố thí hết cho người mà có thể cứu sống bà nội thì con sẽ bố thí hết. Nhưng vĩnh viễn đã không thể cứu được. Kể sống người chết mãi mãi xa lìa; nhớ thương, buồn khổ, không tự mình vượt nổi. Con đã từng nghe Thế Tôn nói: ‘Tất cả chúng sanh, tất cả côn trùng, cho đến tất cả quỷ thần, có sinh đều phải chết, rốt cùng cũng phải chấm dứt, không có ai sinh ra mà không chết.’ Hôm nay con mới nhận thấy lời Thế Tôn nói đúng.”

Phật bảo Đại vương:

⁶ Đại chánh, kinh 1227. Pāli, S. 3. 22. Ayyakā. Biệt dịch, No 100(54), No 125(26.7).

⁷ Bản Pāli, bà sống 120 tuổi.

“Quả thật vậy! Quả thật vậy! Tất cả chúng sanh, tất cả côn trùng, cho đến tất cả quỷ thần, có sinh đều phải chết, rốt cùng cũng phải chấm dứt, không có ai sinh ra mà không chết.”

Phật bảo Đại vương tiếp:

“Cho dù dòng họ Bà-la-môn, Sát-ly, hay Gia chủ, nếu có sinh thì đều phải chết, không ai không chết. Cho dù là Đại vương Sát-ly, ở ngôi Quán đánh, làm vua bốn thiên hạ, được sức tự tại; đối với các địch quốc đều hàng phục, cuối cùng không ai là không chết. Lại nữa, Đại vương, dù sinh trời Trường thọ, làm vua Thiên cung, tự tại khoái lạc, **[335c]** cuối cùng cũng phải chấm dứt. Lại nữa, Đại vương, Tỳ-kheo A-la-hán các lậu đã hết, đã lia các gánh nặng, việc cần làm đã làm xong, đã được lợi mình, diệt tận các hữu kết, chánh trí, tâm khéo giải thoát, vị ấy cũng phải chấm dứt, xả thân vào Niết-bàn. Lại nữa, hàng Duyên Giác, khéo điều phục, khéo tịch tĩnh, khi hết thân mạng này, cuối cùng cũng vào Niết-bàn. Chư Phật Thế Tôn đầy đủ mười lực, bốn vô sở úy, hơn tiếng rống sư tử, cuối cùng cũng xả thân vào Bát-niết-bàn. Vì vậy, Đại vương nên biết, tất cả chúng sanh, tất cả côn trùng, cho đến tất cả quỷ thần, có sinh đều phải chết, rốt cùng cũng phải chấm dứt, không có ai sinh ra mà không chết.”

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ:

*Tất cả loài chúng sanh,
Có mạng đều phải chết;
Chúng đi theo nghiệp mình,
Tự nhận quả thiện ác.*

*Nghiệp ác vào địa ngục,
Làm lành lên trên trời;
Tu tập đạo thắng diệu,
Lậu tận, Bát-niết-bàn.*

*Như Lai và Duyên giác,
Thanh văn Đệ tử Phật;
Đều phải bỏ thân mạng,
Huống là người phạm phu.*

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ rồi ra về.

KINH 1032. TỰ NIỆM⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tu-nặc một mình ở nơi chỗ yên tĩnh thiền tứ tư duy, tự nghĩ: ‘Thế nào là tự thương yêu mình, thế nào là không tự thương yêu mình?’ Lại nghĩ: ‘Nếu người nào thân hành ác hạnh, khẩu hành ác hạnh, ý hành ác hạnh, nên biết những người này không tự thương yêu mình. Nếu người nào thân hành thiện hạnh, khẩu hành thiện hạnh, ý hành thiện hạnh, nên biết những người này tự thương yêu mình.’

Sau khi từ thiền tịnh dậy, vua đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con một mình ở chỗ yên tĩnh tư duy, tự nghĩ: ‘Thế nào là tự thương yêu, thế nào là không tự thương yêu mình?’ Rồi lại nghĩ: ‘Nếu người nào thân hành ác hạnh, khẩu hành ác hạnh, ý hành ác hạnh, nên biết những người này không tự thương yêu mình. Nếu người nào thân hành thiện hạnh, khẩu hành thiện hạnh, ý hành thiện hạnh, nên biết những người này tự thương yêu mình.’”

Phật bảo Đại vương:

“Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương! Nếu người nào thân hành **[336a]** ác hạnh, khẩu hành ác hạnh, ý hành ác hạnh, nên biết những người này không tự thương yêu. Dầu cho họ tự nói, tự thương yêu, nhưng thật ra không phải tự thương yêu. Vì sao? Vì không có điều xấu ác nào mà người bạn xấu ác làm cho không phải là điều không là thân thương đối với người mà nó không thân thương, không phải là điều được yêu mến đối với người mà nó không yêu mến.¹⁰ Cho nên những người này không phải tự yêu thương mình.

⁸ Đại chánh, kinh 1228. Pāli, S. 3. 4. Piya.

⁹ ...tự niệm,...bất tự niệm 云何為自念云何為不自念. Pāli: *kesam nu kho piyo attā, kesam appiyo attā ti*, “đối với ai ta (tự ngã) là thân yêu? Đối với ai, ta (tự ngã) không là thân yêu?”

¹⁰ So sanh Pāli: *yañhi appiyo appiyassa kareyya, tam te attanāva attano karonti; tasmā téam appiyo attā*, “Điều gì mà người không thân thương (=kẻ thù) có thể làm cho người không thân thương (=kẻ thù), điều đó ta (tự ngã) làm cho ta (tự ngã) cũng vậy; vì vậy, đối với chúng, tự ngã không phải là thân thương (=kẻ thù).”

“Lại nữa, Đại vương, người nào thân hành thiện hạnh, khẩu hành thiện hạnh, ý hành thiện hạnh, nên biết những người này tự thương yêu mình. Dầu cho những người này tự nói không tự thương tiếc thân mình, nhưng thực ra những người này tự thương yêu mình. Vì sao? Vì không có điều tốt nào mà người bạn tốt làm không phải là đáng thân đối với người mà nó thân, không phải là đáng yêu đối với người mà nó yêu. Cho nên những người này là người tự thương yêu mình.”

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

*Bảo rằng tự thương mình,
Không nên tạo ác hạnh;
Vì nhân không ác hạnh,
Nên đã được an lạc.*

*Bảo rằng tự thương mình,
Quyết không tạo ác hạnh;
Người tạo mọi nghiệp thiện,
Nên đã được an lạc.*

*Nếu ai tự yêu mình,
Khéo hộ mà tự hộ;
Như vua khéo giữ nước,
Ngoài, canh phòng biên giới.*

*Nếu ai tự yêu mình,
Khéo tự giữ báu vật;
Như vua khéo giữ nước,
Trong, canh giữ thành quách.*

*Như tự giữ bảo vật,
Sát-na không gián đoạn;
Sát-na nếu thiếu lo,
Đường ác chịu khổ mãi.*

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tu-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tuý hỷ đánh lễ rồi ra về.

KINH 1033. TỰ HỘ¹¹

Tôi nghe như vậy:

¹¹ Đại chánh, kinh 1229. Pāli, S. 3. 5. Attānurakkhita. Biệt dịch, No 100(56).

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc một mình ở nơi chỗ yên tĩnh tư duy, tự nghĩ: ‘Thế nào là tự hộ, thế nào là không tự hộ?’¹² Lại nghĩ: ‘Nếu người nào thân hành ác hạnh, khẩu hành ác hạnh, ý hành ác hạnh, nên biết những người này là không tự hộ. Nếu người nào thân hành thiện hạnh, khẩu hành thiện hạnh, ý hành thiện hạnh, nên biết những người này là tự hộ.’

Sau khi từ thiền tịnh dậy, [336b] vua đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con một mình ở chỗ yên tĩnh tư duy, tự nghĩ: ‘Thế nào là tự hộ, thế nào là không tự hộ?’ Rồi lại nghĩ: ‘Nếu người nào thân hành ác hạnh, khẩu hành ác hạnh, ý hành ác hạnh, nên biết những người này là không tự hộ. Nếu người nào thân hành ác hạnh, khẩu hành ác hạnh, ý hành ác hạnh, nên biết những người này là tự hộ.’”

Phật bảo Đại vương:

“Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương! Nếu người nào thân hành ác hạnh, khẩu hành ác hạnh, ý hành ác hạnh, nên biết những người này là không tự hộ, mà nói là hay tự phòng hộ. Tuy nói là tự phòng hộ bằng quân voi, ngựa, xe, bộ, dùng chúng để tự phòng hộ, nhưng thực ra không phải là tự phòng hộ. Vì sao? Vì tuy phòng hộ bên ngoài, nhưng không phòng hộ bên trong. Cho nên, Đại vương! Đó gọi là không tự phòng hộ.

“Đại vương, nếu người thân hành thiện hạnh, khẩu hành thiện hạnh, ý hành thiện hạnh, nên biết những người này là tự phòng hộ. Tuy họ không dùng quân voi, ngựa, xe, bộ để tự phòng hộ, nhưng thực ra là tự phòng hộ. Vì sao? Vì phòng hộ bên trong. Đó gọi là khéo tự phòng hộ, chẳng cần phòng hộ bên ngoài.”

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ:

*Khéo phòng hộ thân, khẩu,
Và tất cả ý nghiệp;
Tự hộ bằng tâm quý,
Đó là khéo phòng hộ.*

¹² Pāli: *kesam nu kho rakkhito attā, kesam arakkhito attā ti*, “Đối với những ai tự ngã được thủ hộ? Đối với những ai tự ngã không được thủ hộ?”

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tu-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ rồi ra về.

KINH 1034. TÀI LỢI¹³

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tu-nặc một mình ở nơi chỗ yên tĩnh tư duy, tự nghĩ: ‘Thế gian ít có người được tài lợi thắng diệu mà không phóng dật, không tham đắm, không tạo những ác hạnh đối với chúng sanh. Nhưng thế gian có nhiều người được tài lợi thắng diệu là hay sanh ra phóng dật, tăng trưởng tham đắm chúng, khởi lên các tà hạnh.’ Nghĩ vậy rồi, đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con một mình ở chỗ yên tĩnh tư duy, tự nghĩ: ‘Thế gian ít có người được tài lợi thắng diệu, và đối với tài lợi đó không sinh ra phóng dật, không sinh ra tham đắm, không tạo ra tà hạnh. Nhưng thế gian có nhiều người được tài lợi thắng diệu là hay sinh ra phóng dật, sinh ra tham đắm, khởi lên các tà hạnh.’”

Phật bảo vua Ba-tu-nặc:

“Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương! Thế gian ít có người được tài lợi thắng diệu [336c] mà không tham đắm, không sinh ra phóng dật, không khởi lên những tà hạnh. Nhưng thế gian có nhiều người được tài lợi thắng diệu, và đối với tài lợi phóng dật, mà khởi lên tham đắm, khởi lên các tà hạnh.’ Đại vương nên biết, những người thế gian kia được tài lợi thắng diệu, đối với tài lợi mà phóng dật, mà khởi tham đắm, làm các tà hạnh; đó là những người ngu si, sẽ chịu khổ lâu dài, không lợi ích. Đại vương, giống như người thợ săn, học trò thợ săn, giăng lưới bắt giết nhiều thú vật, trong rừng hoang vắng; hại chúng sanh khôn khổ, nghiệp ác tăng trưởng. Cũng vậy, người thế gian được tài lợi thắng diệu, đối tài lợi sinh phóng dật, khởi lên tham đắm, tạo các tà hạnh; người ngu si này sẽ chịu khổ não lâu dài, không được lợi ích.”

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ:

*Tham dục nơi tài vật,
Bị tham làm mê say;*

¹³ Đại chánh, kinh 1230.S. 3. 6. Appakā. Biệt dịch, No 100(58)

*Cuồng loạn không tự biết,
Giống như người thợ săn.
Vì sự phóng dật này,
Nên chịu báo khổ lớn.*

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ rồi ra về.

KINH 1035. THAM LỢI¹⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc đang ngự trên chánh điện,¹⁵ tự mình xem xét những việc của quốc vương, thấy giai cấp Sát-ly, Bà-la-môn, Gia chủ, vì tham lợi nên hay dối trá, vọng ngữ, liền tự nghĩ: ‘Hãy ngưng việc xét đoán này, đừng việc xét đoán này. Ta không còn đích thân xét đoán việc nữa. Ta có người con hiền, sẽ bảo nó xét đoán. Làm sao ta có thể nhìn những dòng họ sang cả này, giai cấp Sát-ly, Bà-la-môn, Gia chủ, vì tham lợi nên hay dối trá, vọng ngữ?’ Khi vua Ba-tư-nặc nghĩ vậy xong, liền đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con đang ngự trên chánh điện, để tự xét đoán những việc của quốc vương, thấy các giai cấp Sát-ly, Bà-la-môn, Gia chủ, vì tham lợi nên hay dối trá, vọng ngữ. Bạch Thế Tôn, con nhận thấy được điều này rồi, tự nghĩ: ‘Từ nay ta hãy ngưng việc xét đoán này, đừng việc xét đoán này. Ta có người con hiền, sẽ bảo nó xét đoán. Ta không có thể chính mình nhìn những dòng họ sang cả này, giai cấp Sát-ly, Bà-la-môn, Gia chủ, vì [337a] tham lợi nên hay dối trá, vọng ngữ.’”

Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

“Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương! Các dòng họ sang cả kia, giai cấp Sát-ly, Bà-la-môn, Gia chủ kia, vì tham lợi nên hay dối trá, vọng ngữ. Họ là những người ngu si, sẽ chịu khổ lâu dài, không được lợi ích. Giống như người chài lưới và đệ tử của chài lưới thả câu, giăng lưới nơi sông, suối, khe, rạch giết hại chúng sanh tạo ra khổ lớn. Cũng vậy, Đại vương, các giai cấp Sát-ly, Bà-la-môn, Gia chủ vì tham

¹⁴ Đại chánh, kinh 1231. S. 3. 7. Atthakaraṇa. Biệt dịch, No 100(57).

¹⁵ Chánh điện 正殿. Pāli: *atthakaraṇa*, công đường hay pháp đường.

lợi nên hay dối trá, vọng ngữ. Họ sẽ chịu khổ mãi mãi, không được lợi ích lâu dài.”

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ:

*Khởi tham muốn tài sản,
Tham dục làm say mê;
Cuồng loạn không tự giác,
Giống như người bắt cá.
Do vì nghiệp ác này,
Nên chịu báo khổ lớn.*

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ rồi ra về.

KINH 1036. XAN LẤN¹⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nước Xá-vệ này có gia chủ Ma-ha-nam,¹⁷ giàu có nhiều của cải, kho chứa vàng ròng có đến trăm nghìn ức, huống là những của khác. Bạch Thế Tôn, gia chủ Ma-ha-nam giàu có như vậy, nhưng đồ ăn chỉ dùng những thứ như: ăn gạo tám thô sơ, canh đậu, gừng cũ nát; còn mặc thì áo vải thô, mang giày da đơn; đi thì xe cũ kỹ, đội nón lá cây. Chưa từng nghe ông ta cúng dường, bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, hay thấy ông ấy cung cấp giúp đỡ cho những người nghèo khổ, những người lỡ đường thiếu thốn, nhưng người ăn xin. Khi ăn thì đóng cửa, không để cho các Sa-môn, Bà-la-môn nào hay những người bạn cùng, những người lỡ đường, những người ăn xin, trông thấy.”

Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

¹⁶ Đại chánh, kinh 1232. S. 3. 19. Aputtaka. Biệt dịch, No. 100(59), No. 125(23.4).

¹⁷ Ma-ha-nam 摩訶男. S. ibid., *sāvattiyam setṭhi gahapati kālaṅkato*, một gia chủ giàu có ở Sāvatti đã chết.

“Đại vương, gia chủ này không phải là chánh sĩ,¹⁸ được tài lợi thắng diệu mà không tự thọ dụng, không biết phụng dưỡng cha mẹ, cung cấp cho vợ con, bà con quyến thuộc, đoái nghĩ đến tôi tớ, giúp đỡ cho người quen biết, không biết tùy thời cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, để gieo trồng vào ruộng phước thù thắng, để hướng đến chỗ cao quý, hưởng thụ an lạc lâu dài, đời sau sinh về cõi trời. Được những tài vật thù thắng mà không biết cách dùng rộng rãi để thâm lợi lớn.

“Đại vương, thí như nước được tích chứa trong ao hồ ở giữa đồng hoang, mà không có người dùng đến để uống ăn, tắm rửa, [337b] nước ngay trong đầm bị nung khô tiêu hết. Cũng vậy, kẻ sĩ bất thiện¹⁹ được tài vật thắng diệu, ... *cho đến* không chịu dùng rộng rãi để thâm lợi lớn, thì cũng giống như hồ nước kia vậy.

“Đại vương, có thiện nam tử²⁰ được tài lợi thắng diệu, sung sướng mà thọ dùng, phụng dưỡng cha mẹ, cung cấp vợ con bà con quyến thuộc, nghĩ đến tôi tớ, giúp đỡ người quen biết, thường xuyên cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, gieo trồng vào ruộng phước thù thắng, để hướng đến chỗ cao quý, đời sau sinh về cõi trời; được tiền của thù thắng, biết cách thọ dụng rộng rãi để thu lợi lớn gấp bội. Đại vương, giống như bên cạnh thành ấp, làng xóm, có ao nước trong sạch mát mẻ, cây cối che mát, khiến mọi người yêu thích, nhiều người chịu dùng, cho đến loài cầm thú. Cũng vậy, thiện nam tử kia được tài lợi thắng diệu, tự cúng dường tùy thích, phụng dưỡng cha mẹ, ... *cho đến* gieo trồng ruộng phước thù thắng, thu lợi rộng lớn.”

Bây giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Hồ nước nơi đồng hoang,
Dù trong mát sạch sẽ;
Mà không người thọ dụng,
Rồi nó cũng khô hết.*

*Cũng vậy của thắng diệu,
Mà ở nơi người ác;*

¹⁸ Chánh sĩ 正士. Pāli: *asappuriso*, con người không cao thượng, không phải chân nhân, không phải thượng nhân.

¹⁹ Bất thiện sỹ phu 不善士夫. Đồng nhất với phi chánh sỹ trên. Pāli: *asappuriso*.

²⁰ Thiện nam tử 善男子. Trái với phi chánh sỹ hay bất thiện sỹ phu ở trên. Pāli: *sappuriso*.

*không thể tự thọ dụng,
Cũng không thương giúp ai.
Luống tự gom góp khổ,
Chứa rồi tự tiêu tán.*

*Người trí được của nhiều,
Tự mình vui thọ dụng;
Thí khắp làm công đức,
Giúp đỡ cho thân thuộc;
Tuỳ chỗ cần cung cấp,
Như trâu chúa lãnh đàn.*

*Bố thí cùng thọ dụng,
Không mất cơ hội cần;
Theo lẽ thọ mạng chung,
Sinh thiên hưởng phước lạc.*

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ rồi ra về.

KINH 1037. VÔ TỬ²¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nước Xá-vệ có gia chủ Ma-ha-nam mạng chung, nhưng không có con cháu. Vua Ba-tư-nặc mới đem tài sản không có con, không có thân thuộc nhập hết về nhà vua. Vua Ba-tư-nặc hằng ngày phải đi xem xét tài sản, thân thể dính bụi bặm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ Thế Tôn hỏi vua Ba-tư-nặc:

“Đại vương từ đâu đến, thân thể dính [337c] bụi bặm và có vẻ mệt nhọc?”

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, gia chủ Ma-ha-nam nước này mạng chung, để lại tài sản nhưng không con, nên tất cả phải nhập về nhà vua. Con phải trông coi, liệu lý nên bụi bặm dính vào người và mệt nhọc. Từ nhà đó con đến đây.”

²¹ Đại chánh, kinh 1233. S. 3. 20. Aputtaka. Biệt dịch, No 100(60).

Phật hỏi vua Ba-tư-nặc:

“Gia chủ Ma-ha-nam kia giàu có nhiều của lắm sao?”

Vua đáp:

“Bạch Thế Tôn, rất giàu. Tiền của rất nhiều, tiền vàng của báu có đến trăm nghìn ức, hưởng lại là những của khác. Bạch Thế Tôn, ông Ma-ha-nam kia lúc còn sống mặc thô sơ, ăn uống cực khổ. *Nói đầy đủ như trên.*”

Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

“Ông Ma-ha-nam kia vào thời quá khứ, gặp Bích-chi-phật Đa-la-ca-thi²² có cúng dường một bữa ăn, nhưng không có tín thanh tịnh, không cung kính cúng dường, không tự tay cúng dường. Sau khi cúng rồi, lại hối tiếc, nói rằng: ‘Cơm này ta có thể cho những tôi tớ của mình. Không tội gì lại đem cho Sa-môn!’ Nhờ phước bố thí này, bảy lần được sinh lên trời Tam Thập Tam, và bảy lần sinh vào nước Xá-vệ này thuộc dòng họ tối thắng, tiền của giàu có bậc nhất. Nhưng vì khi cúng dường vị Bích-chi-phật kia với tín không thanh tịnh, không cung kính cúng dường, không tự tay cúng dường; sau khi cúng dường rồi lại hối tiếc, nên dù nơi khi sinh ra tuy được giàu có, nhưng phải thọ dụng quần áo thô sơ, ăn uống khổ cực, ngoạ cụ, nhà cửa, xe cộ thô sơ cũ kỹ. Ngay từ đầu chưa ném qua được sắc, thanh, hương, vị, xúc tốt đẹp để tự an thân. Lại nữa, Đại vương!

“Lại nữa, Đại vương, trước kia gia chủ Ma-ha-nam đã giết người anh khác mẹ của mình để chiếm lấy tài sản. Vì tội này nên trải qua trăm nghìn năm phải đọa vào địa ngục. Tội báo ấy còn sót nên sinh vào nước Xá-vệ bảy lần thọ thân mà thường không có con; tài sản bị tịch thu về nhà vua. Đại vương, gia chủ Ma-ha-nam nay mạng chung, phước báo bố thí quá khứ đã hết, mà đời này ông lại keo kiệt, tham lam, buông lung đối với tài sản, nhân tạo tội ác, sau khi mạng chung ở đây sẽ đọa địa ngục, chịu nhiều khổ não.”

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, gia chủ Ma-ha-nam sau khi mạng chung sẽ đọa vào địa ngục chịu khổ đau phải không?”

²² Đa-ca-la-thi-khí Bích-chi-phật 多迦羅尸棄辟支佛. Pāli: Tagarasikhim pacceka-sambuddham. Cf. M.iii. 69.

Phật đáp:

“Đúng vậy, Đại vương! Đã đọa vào địa ngục.”

Bấy giờ, vua Ba-tu-nặc nghĩ đến ông mà rơi lệ, lấy áo lau nước mắt, nói kệ:

*Của cải, kim bảo thật,
Voi ngựa đồ dùng tốt;
Nô bộc, trẻ hầu hạ,
Cùng nhà cửa ruộng nương.
Tất cả đều bỏ lại,
Thần thức đi một mình;*

[338a] *Vận phước số đã hết,
Vĩnh viễn bỏ thân người.
Nay họ sở hữu gì?
Đem theo được những gì?
Vớ cái gì không bỏ,
Như bóng đi theo hình?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Chỉ có nghiệp tội, phước,
Người nào đã tạo ra;
Thì đó là sở hữu,
Họ sẽ thường mang theo.
Sống chết chưa từng lìa,
Giống bóng đi theo hình.*

*Như người ít tư lương,
Đi xa gặp nạn khổ.
Người không tu công đức,
Phải qua khổ đường ác.*

*Như người nhiều tư lương,
Đi xa được an lạc.
Người tu đức thuần hậu,
Luôn hưởng vui cõi lành.*

*Như người đi chơi xa,
Lâu năm về an ổn.
Người thân và bằng hữu,
Tụ tập đón mừng vui;*

*Người khéo tu công đức,
Chết đây sinh nơi khác.
Những thân quyến của họ,
Gặp nhau tâm hoan hỷ.*

*Cho nên phải tu phước,
Tích tụ thành vĩnh cửu.
Phước đức hay vì người,
Kiến lập vui đời khác;*

*Phước đức được trời khen,
Vì tu hành chân chánh.
Hiện tại người không chê,
Chết sinh lên cõi trời.*

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tuy ý đánh lễ rồi ra về.

KINH 1038. TẾ TỰ²³

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc tổ chức đại tế hội²⁴ rộng lớn. Vì đại tế hội nên đem cả nghìn con trâu đực²⁵ cột vào trụ, và những đồ vật cúng tế. Cho mời hết các ngoại đạo khác nhau, từ xa đến tụ tập đông đủ nơi đại tế hội của vua Ba-tư-nặc.

Lúc ấy, có nhiều Tỳ-kheo, sáng sớm khóac y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực, nghe vua Ba-tư-nặc mở đại tế hội rộng lớn. *Nói đầy đủ như trên, ... cho đến các ngoại đạo, tất cả đều đến tập họp.* Nghe rồi, sau khi khát thực xong, các vị trở về tinh xá cát y bát, rửa chân, rồi đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát [338b] chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

²³ Đại chánh, kinh 1234. S. 3. 9. Yañña. Biệt dịch, No 100(61).

²⁴ Đại hội 大會. Pāli: *mahāyañño paccupaṭṭhito*, tổ chức đại tế đàn, lễ hiến tế sinh vật cho thần linh.

²⁵ Đặc ngưu 特牛. Pāli: *pañca ca usabhasatāni, pañca ca vacchatarasatāni, pañca ca vacchatarisatāni, pañca ca ajasatāni, pañca ca urabhasatāni*, 500 bò đực, 500 bê đực, 500 bê cái, 500 sơn dương, 500 con cừu.

“Bạch Thế Tôn, sáng sớm hôm nay, các Tỳ-kheo chúng con khoác y , ôm bát vào thành Xa-vê khất thực, nghe vua Ba-tư-nặc mở đại hội rộng rãi. *Nói đầy đủ như trên, ... cho đến các ngoại đạo khác đều tập họp đến chỗ đại hội.*”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Tháng tháng²⁶ mở đại hội,
Cho đến số trăm nghìn;²⁷
Không bằng chánh tín Phật,
Bằng một phần mười sáu.*

*Cũng vậy, tín Pháp, Tăng,
Từ tâm với chúng sanh;
Phước của đại hội kia,
Không bằng phần mười sáu.*

*Nếu người ở thế gian,
Ức năm²⁸ tạo nghiệp phước;
Không bằng một phần bốn.
Kính lễ vị trực tâm.²⁹*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành

²⁶ Các bản Tống-Nguyên-Minh: *nhật nhật*: ngày ngày. Ấn thuận, Phật quang đọc là *nguyệt nguyệt*: tháng tháng 月月.

²⁷ Bài kệ này không có trong S. ibid., nhưng, cf. Dh. 106: *māse māse sahasena, yo yajetha satam samam, ekañca bhāvitattānaṃ muhuttampi pūjaye*, mỗi tháng với trăm nghìn, tế tự cho đến trăm năm, không bằng chỉ một lần cúng dường người tự mình tu tập.

²⁸ Bản Cao-ly & Ấn thuận đọc là ức niên 億年; Phật quang đọc là cánh niên 竟年, theo bản Thánh, và dẫn Biệt dịch: mãn túc nhất niên trung 滿足一年中.

²⁹ Trực tâm 直心. Pāli: *ujjapātīpanna*, trực hành hay chất trực hành, chỉ Tăng, đệ tử Phật, thực hành Thánh đạo tám chi. Cf. *Pháp uẩn 3*, tr. 463a. Cf. Dh. 108: *yam kiñci yīṭṭha va hutam va loke, saṃvaccharam yajetha puññapekkho; sabbampi tam na catubhāgameti abhivādanā ujjagatesu seyyo*, trong đời này, vì mong cầu phước đức mà tế tự hay hiến tế cả trăm năm, tất cả không bằng một phần tư của sự kính lễ đối với vị Chất trực hành bậc nhất.

KINH 1039. HỆ PHỤỚC³⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tur-nặc nổi giận, bắt nhiều người trong nước bỏ tù, gồm các Sát-lị, nào Bà-la-môn, Tì-xá, Thủ-đà-la, Chiên-đà-la, trì giới hay phạm giới, tại gia hay xuất gia đều bị trói, bị xiềng xích, bị cùm, hoặc bị cột dây. Bấy giờ sáng sớm, có các Tỳ-kheo khác y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực, nghe vua Ba-tur-nặc bắt giữ nhiều người, ... *cho đến* xiềng xích, cột trói. Sau khi khát thực xong, các Tỳ-kheo trở về tinh xá cất y bát, rửa chân xong, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, hôm nay các Tỳ-kheo chúng con vào thành khát thực, nghe vua Ba-tur-nặc bắt giữ nhiều người, ... *cho đến* xiềng xích, cột trói.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Chẳng phải dây, cùm, xích,

Là trói buộc kiên cố.

Tâm ô nhiễm, luyến tiếc

Của báu, tiền, vợ con:

Dây trói bền lâu nhất;

Tuy lỏng nhưng khó thoát.

Người trí không luyến tiếc

Lạc thú ngũ dục đời.

Đó là dứt được trói,

An ổn siêu xuất thế.³¹

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1040. CHIẾN ĐẤU (1)³²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. **[338c]** Bấy giờ, vua Ba-tur-nặc và vua A-xà-thế con bà

³⁰ Đại chánh, kinh 1235. S. 3. 10. Bandhana. Biệt dịch No 100(62).

³¹ Cf. Dh. 345-346.

³² Quốc dịch, phẩm 2. S. 3. 14. Saṅgāma. Biệt dịch, No 100(63).

Vi-đề-hi nước Ma-kiệt-đà chống đối nhau. Vua Ma-kiệt-đề A-xà-thế khởi bốn thứ quân: voi, ngựa, xe, bộ, kéo đến nước Câu-tát-la. Vua Ba-tư-nặc nghe bốn thứ quân của vua A-xà-thế con bà Vi-đề-hi kéo đến, cũng tập hợp bốn thứ quân voi, ngựa, xe, bộ ra nghinh chiến. Bốn thứ quân của vua A-xà-thế đắc thắng, bốn thứ quân của vua Ba-tư-nặc thua, tán loạn thối lui. Một mình một, vua xe chạy trở về thành Xá-vệ.

Bấy giờ sáng sớm, có các Tỳ-kheo, khoác y ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực, nghe vua Ma-kiệt-đà A-xà-thế con bà Vi-đề-hy đem bốn thứ quân đến nước Câu-tát-la; vua Ba-tư-nặc khởi bốn thứ quân ra nghinh chiến. Bốn thứ quân của vua Ba-tư-nặc thua, tán loạn rút lui, vua Ba-tư-nặc khôn đốn sợ hãi, một mình một xe chạy trở về thành Xá-vệ. Nghe rồi, khát thực xong, các Tỳ-kheo trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Hôm nay các Tỳ-kheo chúng con vào thành Xá-vệ khát thực, nghe vua Ba-tư-nặc và vua A-xà-thế con bà Vi-đề-hy khởi bốn binh. *Nói đầy đủ như trên, ... cho đến* một mình một xe chạy trở về thành Xá-vệ.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Chiến thắng thêm oán thù,
Bại khổ nằm không yên;
Thắng bại bỏ cả hai,
Nằm yên vui tịch tịnh.³³*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1041. CHIẾN ĐẤU (2)³⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc và vua Ma-kiệt-đề A-xà-thế con bà Vi-đề-hi chống đối nhau. Vua Ma-kiệt-đề A-xà-thế con bà Vi-đề-hi khởi bốn thứ quân kéo đến nước Câu-tát-la. Vua Ba-tư-nặc khởi bốn thứ quân gấp đôi ra nghinh chiến. Bốn thứ quân của vua Ba-tư-nặc đắc thắng, bốn thứ quân của vua A-xà-thế thua, khiếp phục tán loạn. Vua

³³ Cf. Dhp. 201.

³⁴ Đại chánh, kinh 1237. S. 3. 15. Saṅgāma. Biệt dịch, No 100(64).

Ba-tu-nặc bắt sống vua A-xà-thế, và thu được tiền tài, bảo vật, xe cộ, ngựa voi. Bắt sống vua A-xà-thế, vua khiến chở cùng xe, đi đến chỗ Phật. Sau khi cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, vua Ba-tu-nặc bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đây là [339a] vua A-xà-thế, con bà Vi-đề-hi, mà con không bao giờ oán hận. Nhưng người này lại gây oán kết; đối với người tốt mà tạo điều không tốt. Song người này là con của bạn con. Con sẽ thả ra, cho trở về nước.”

Phật bảo vua Ba-tu-nặc:

“Lành thay, Đại vương! Thả cho người đi, bệ hạ sẽ được an ổn lợi ích lâu dài.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Cho dù sức tự tại,

Thường hay xâm lược người;

Sức tăng thì càng oán,

Bội thu lợi mình người.³⁵

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tu-nặc và vua A-xà-thế, con bà Vi-đề-hy, nghe những gì Phật dạy hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ rồi ra về.

KINH 1042. BÁT PHÓNG DẬY (1)³⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tu-nặc một mình ở nơi chỗ yên tĩnh tư duy, tự nghĩ: ‘Chánh pháp của Thế Tôn, là pháp hiện tiền, xa lìa sự thiêu đốt, không đợi thời tiết, thông suốt đến nơi, được thấy ngay trong hiện tại, bằng tự giác mà chứng biết.³⁷ Pháp này là thiện tri thức, thiện bạn đồng, chẳng phải ác tri thức, ác bạn đồng.’ Nghĩ vậy rồi, đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

³⁵ Cf., Pāli, S. *ibid.*, *vilumpateva puriso, yāvassa upakappati; yadā caññe vilumpanti, so vilutto viluppati*, con người vì lợi mình mà cướp đoạt người khác; khi cướp đoạt người khác, thì người cướp đoạt cũng bị cướp đoạt.

³⁶ Đại chánh, kinh 1238. S. 3. 18. Appamāda. Biệt dịch, No 100(65).

³⁷ cf. Saṅgīti, D.iii. 227: Tham chiếu, *Tập dị 7* (tr. 393b)

“Bạch Thế Tôn, con một mình ở chỗ yên tĩnh, tự nghĩ: Chánh pháp của Thế Tôn, là pháp hiện tiền, xa lìa sự thiêu đốt, không đợi thời tiết, thông suốt đến nơi, được thấy ngay trong hiện tại, bằng tự giác mà chứng biết. Pháp này là thiện tri thức, thiện bạn đồng hành, chẳng phải ác tri thức, ác bạn đồng hành”

Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

“Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương! Chánh pháp của Thế Tôn, là pháp hiện tiền, xa lìa sự thiêu đốt, không đợi thời tiết, thông suốt đến nơi, được thấy ngay trong hiện tại, bằng tự giác mà chứng biết. Pháp này là thiện tri thức, thiện bạn đồng hành, chẳng phải ác tri thức, ác bạn đồng hành.’ Vì sao? Ta là thiện tri thức, khiến chúng sanh có pháp sinh được giải thoát khỏi sanh; chúng sanh có pháp già, bệnh, chết, ưu, bi, não, khổ, đều giải thoát khỏi tất cả.

“Đại vương, có một thời Ta ở tại tinh xá Sơn cốc, thành Vương Xá.³⁸ Khi ấy Tỳ-kheo A-nan-đà một mình ở nơi yên tĩnh, tự suy tư nghĩ: ‘Một nửa phạm hạnh là thiện tri thức, thiện bạn đồng hành, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đồng hành.’ Nghĩ như vậy rồi, đến chỗ Ta, cúi đầu lễ sát chân Ta, ngồi lui qua một bên, bạch Ta rằng:

“ - Bạch Thế Tôn, con một mình ở nơi chỗ yên tĩnh, tự suy tư nghĩ: ‘Một nửa phạm hạnh là thiện tri thức, thiện bạn đồng hành, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đồng hành.

“Lúc ấy Ta bảo rằng:

“A-nan, đừng nói những lời như vậy: **[339b]** ‘Một nửa phạm hạnh là thiện tri thức, thiện bạn đồng hành, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đồng hành.’ Vì sao? Phạm hạnh thanh bạch, thuần nhất, mãn tịnh này, chính là thiện tri thức, thiện bạn đồng hành, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đồng hành. Vì sao? Ta thường vì các chúng sanh làm thiện tri thức. Vì những chúng sanh này có sinh, nên biết, chánh pháp của Thế Tôn ngay trong đời này khiến thoát khỏi sự sanh; đối chúng sanh có già, bệnh, chết, ưu, bi, não, khổ, lìa các nhiệt não, khiến cho thoát khỏi não, không đợi thời tiết, hiện tại, thông suốt dẫn đến, bằng tự giác mà chứng biết; thì đó gọi là thiện tri thức, thiện bạn đồng hành, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đồng hành.”

³⁸ Sơn cốc tinh xá 山谷精舍. Bản Pāli, giữa những người họ Thích, một thị trấn của người Thích-ca, gọi là Nagaraka.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Khen ngợi không buông lung,
Đó là chánh giáo Phật;
Tu thiền không buông lung,
Mau đạt được lậu tận.*

Phật nói kinh này xong. Vua Ba-tư-nặc sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ đánh lễ rồi ra về.

KINH 1043. BÁT PHÓNG DẠT (2)³⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc một mình ở nơi chỗ yên tĩnh tư duy, tự nghĩ: ‘Có hay không một pháp mà được tu tập, tu tập nhiều, trong hiện tại được sở nguyện đầy đủ, đời sau cũng được sở nguyện đầy đủ; sở nguyện cả đời này và đời sau đều được đầy đủ?’ Nghĩ vậy rồi, đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, một mình con ở chỗ yên tĩnh, tự nghĩ: Có hay không một pháp mà được tu tập, tu tập nhiều, trong hiện tại được sở nguyện đầy đủ, đời sau cũng được sở nguyện đầy đủ; sở nguyện cả đời này và đời sau đều được đầy đủ?”

Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

“Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương! Có một pháp mà được tu tập, tu tập nhiều, trong hiện tại được sở nguyện đầy đủ, đời sau cũng được sở nguyện đầy đủ; sở nguyện cả đời này và đời sau đều được đầy đủ. Đó là pháp thiện không buông lung. Pháp thiện không buông lung mà được tu tập, tu tập nhiều, trong hiện tại được sở nguyện đầy đủ, đời sau cũng được sở nguyện đầy đủ; sở nguyện cả đời này và đời sau đều được đầy đủ.

“Đại vương, thí như những công trình gì được làm ở thế gian, chúng đều nương vào đất mà được kiến lập. Pháp thiện không buông lung cũng như vậy, được tu tập, tu tập nhiều thì trong hiện tại được sở nguyện đầy đủ, đời sau cũng được sở nguyện đầy đủ; sở nguyện cả đời này và đời sau đều được đầy đủ.

³⁹ S.3 .2. 7. *Appamāda*. Biệt dịch, No 100(66), No 26(141).

“Nhu lực, cũng vậy, hạt giống, rễ, lõi, loài đi trên bộ, đi dưới nước, sư tử, nhà cửa,⁴⁰ cũng nói như vậy.

“Cho nên, Đại vương, [339c] nên trụ không buông lung; nên nương vào không buông lung. Nếu Đại vương an trụ không buông lung, nương vào không buông lung, Phu nhơn sẽ nghĩ: ‘Đại vương đã trụ không buông lung, nương vào không buông lung, thì nay ta cũng nên như vậy, trụ vào không buông lung, nương vào không buông lung.’ Phu nhơn đã như vậy, đại thần, thái tử, mãnh tướng cũng như vậy. Cũng vậy, nhân dân trong nước cũng sẽ nghĩ: ‘Đại vương đã trụ không buông lung, Phu nhơn, đại thần, thái tử, mãnh tướng đã trụ vào không buông lung, nương không buông lung, chúng ta cũng như vậy, nên trụ vào không buông lung, nương vào không buông lung.’ Đại vương, nếu người nào trụ vào không buông lung, nương vào không buông lung, người có thể tự hộ. Phu nhơn, thể nữ cũng có thể tự bảo vệ, và kho tàng của báu sẽ tăng lên thật nhiều.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Xung tán không buông lung,
Chê bai sự buông lung,
Đế Thích không buông lung,
Làm Chúa Trời Đạo-lợi.*

*Xung tán không buông lung,
Chê bai sự buông lung,
Có đủ không buông lung,
Thâu giữ gồm hai nghĩa.*

*Một hiện tại được lợi,
Hai đời sau cũng vậy.
Đó gọi là hiện quán,
Của người trí sâu xa.⁴¹*

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tu-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, đánh lễ rồi ra về.

⁴⁰ Bản Pāli, chỉ nêu một thí dụ: cũng như dấu chân của tất cả mọi loài thú bộ hành đều lọt vào trong dấu chân voi. Vì chân voi lớn nhất. Cũng vậy... không buông lung...

⁴¹ Pāli: *athābhisamayā dhīro paṇḍitoti pavuccati*, do chiêm nghiệm ý nghĩa này, người khôn ngoan được gọi là bậc hiền trí.

KINH 1044. TAM PHÁP⁴²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tu-nặc một mình ở nơi chỗ yên tĩnh tư duy, tự nghĩ: ‘Có ba pháp mà tất cả thế gian không yêu, không mến. Những gì là ba? Đó là già, bệnh, chết. Như vậy là ba pháp mà tất cả thế gian không yêu, không mến. Nếu không có ba pháp mà thế gian không yêu, không mến này, thì chư Phật Thế Tôn cũng không xuất hiện ở đời, và thế gian cũng không biết có pháp mà chư Phật Như Lai đã giác ngộ rồi vì con người điên nói rộng rãi. Vì có ba pháp này mà tất cả thế gian không yêu, không mến này là già, bệnh, chết; nên chư Phật Như Lai mới xuất hiện ở đời, và thế gian biết có pháp mà chư Phật Như Lai đã giác ngộ rồi vì con người điên nói rộng rãi.’ Vua Ba-tu-nặc nghĩ vậy rồi, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, đem những điều suy nghĩ kia bạch Thế Tôn.

Phật bảo vua Ba-tu-nặc:

“Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, [340a] Đại vương! Đây có ba pháp mà thế gian không yêu, không mến là già, bệnh, chết, ... *cho đến* thế gian biết có pháp mà chư Phật Như Lai đã giác ngộ rồi vì con người điên nói rộng rãi.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Xe báu của vua đi,
Cuối cùng cũng hư hoại.
Thân này cũng như vậy,
Biến chuyển sẽ về già.⁴³*

*Chỉ chánh pháp Như Lai,
Không có tướng suy, già.
Người nhận chánh pháp này,
Luôn đến chỗ an ổn.*

*Phàm phu luôn suy yếu,
Hình tướng tẻ, xấu xí;
Suy già đến tàn lụn,*

⁴² Đại chánh, kinh 1240. S. 3. 3. Rājā. Biệt dịch, No 100(67), No 125(26.6).

⁴³ Cf. Dh. 151.

Người ngu tâm mê muội.

Nếu người sống trăm tuổi,

Thường lo chết theo đến;

Già bệnh đuổi theo nhau,

Dò xét liền gia hại.

Phật nói kinh này xong. Vua Ba-tư-nặc sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ rồi ra về.⁴⁴

KINH 1045. ỪNG THÍ⁴⁵

[304a1] Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc⁴⁶ đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nên thí cho những người nào?”

Phật đáp:

“Đại vương, tùy vào sở thích của tâm.”

Vua Ba-tư-nặc lại bạch Phật:

“Nên thí chỗ nào để được quả báo lớn?”

Phật đáp:

“Đại vương, đây là câu hỏi khác. Câu hỏi, ‘Nên thí chỗ nào.’ Đây là một câu hỏi khác. Lại hỏi, ‘Thí chỗ nào sẽ được quả báo lớn.’ Đây lại là câu hỏi khác.

“Bây giờ Ta hỏi Đại vương, và cứ tùy ý trả lời Ta:

“Này Đại vương, giả sử nước này, khi lâm trận chiến đấu, tập hợp các chiến sĩ, trong đó có một người con trai của Bà-la-môn từ phương Đông đến, tuổi nhỏ, ấu trĩ, yếu ớt, xinh đẹp, da trắng, tóc đen, không tập võ nghệ, không học sách lược chiến thuật, sợ hãi rút lui, khiếp nhược không thể tự an được, không dám nhìn kẻ địch; hoặc đâm hay bắn, đều không có phương tiện, không thể tổn thương địch. Thế nào, Đại vương, người như vậy Đại vương có thưởng không?”

Vua bạch Phật:

⁴⁴ Đại chánh, hết quyển 46.

⁴⁵ Đại chánh, kinh 1145. Pāli, S. 3. 3. Issatta. Biệt dịch, N0 100(68).

⁴⁶ Ba-tư-nặc 波斯匿. Pāli: Pasenadi.

“Bạch Thế Tôn, không thưởng.”

“Cũng vậy, Đại vương, có đồng tử Sát-lị từ phương Nam đến. Đồng tử Tì-xá từ phương Tây tới. Đồng tử Thủ-đà-la từ phương Bắc tới, không có võ thuật, giống như con trai của Bà-la-môn từ phương Đông. Vua có thưởng không?”

Vua bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không thưởng.”

Phật hỏi Đại vương:

“Khi nước này tập hợp quân vào trận chiến đấu, có đồng tử Bà-la-môn từ phương Đông đến, trẻ tuổi, xinh đẹp, da trắng tóc đen, giỏi võ nghệ, biết cách chiến đấu, dũng cảm không sợ hãi, khổ chiến không rút lui, đứng yên xem xét tình hình, múa đao cự địch, có thể làm thương tổn, phá hoại. Thế nào, Đại vương, người như vậy Đại vương có trọng thưởng không?”

Vua bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con sẽ trọng thưởng.”

“Cũng vậy, Đại vương, có đồng tử Sát-lị từ phương Nam đến. Đồng tử Tì-xá từ phương Tây tới. Đồng tử Thủ-đà-la từ phương Bắc tới, trẻ tuổi, xinh đẹp, da trắng tóc đen, giỏi võ nghệ, biết cách chiến đấu, dũng cảm không sợ hãi, khổ chiến cự địch, đều như những đồng tử Bà-la-môn từ phương Đông đến. Những chiến sĩ như vậy, nhà vua có thưởng không?”

Vua bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con sẽ trọng thưởng.”

Phật nói:

“Này Đại vương, cũng vậy, Sa-môn, Bà-la-môn, xa lìa năm chi, thành tựu năm chi, kiến lập phước điền; nếu ai bỏ thí vào ruộng phước này thì được phước lợi lớn, được quả báo lớn. Những gì là lìa bỏ năm chi? Tham dục cái, sân nhuế, ngu si, trạo hối, nghi cái đã đoạn, đã biến tri. **[304b]** Đó gọi là lìa bỏ năm chi. Những gì là thành tựu năm chi? Thành tựu vô học giới thân, vô học định thân, tuệ thân, giải thoát thân, giải thoát tri kiến thân. Đó gọi là thành tựu năm chi.

“Này Đại vương, người nào lìa bỏ năm chi, thành tựu năm chi, kiến lập phước điền; thí vào ruộng phước này sẽ được quả báo lớn.”

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ:

Múa kiếm chiến đấu giỏi,
Là dũng sĩ kham năng;
Vì sự chiến đấu ấy,
Nên theo công trọng thưởng.
Không thưởng dòng danh tiếng,
Người khiếp nhược, yếu hèn.

Nhẫn nhục tu hiền lương,
Thấy Đế, lập phước điền.
Đủ luật nghi Hiền Thánh,
Thành tựu trí thâm diệu.
Dù dòng họ thấp hèn,
Kham làm ruộng phước thí.

Y thực, tiền của báu,
Giường nằm cùng các loại;
Đều nên thí cung kính,
Do trì giới thanh tịnh.

Mé rìng vắng, xa người,
Đào giếng, cấp bộ hành.
Bắc cầu qua khe suối.
Làm quán trọ đường xa:
Chúng đa văn giới đức,
Đi đường có chỗ nghỉ.

Thí như mây dày giăng,
Sấm chớp vọng vang rền;
Mưa rơi khắp mặt đất,
Trăm cỏ chen rau vươn;
Cầm thú thấy vui vẻ,
Nông phu cũng vui mừng.
Cũng vậy, tâm tịnh tín,
Văn, tuệ, xả keo bản;
Tiền của, ăn uống đủ,
Thường thí ruộng phước tốt.

*Lớn tiếng, càng khuyến khích,⁴⁷
Như mưa sấm ruộng tốt;
Công đức chảy nhưàn khắp,
Thấm ướt tâm thí chủ.
Được nổi tiếng, giàu có,
Và quả lớn Niết-bàn.*

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tur-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ rồi ra về.

KINH 1046. SÁNG TỐI⁴⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tur-nặc đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“ Bạch Thế Tôn, Bà-la-môn chết rồi có [304c] sinh trở lại dòng Ba-la-môn hay sinh vào nhà Sát-lị, Tỳ-xá, Thủ-đà-la?”

Phật nói:

“ Đại vương, sao được như vậy! Đại vương, nên biết, có bốn loại người. Những gì là bốn? Có một loại người từ tối vào tối; có một loại người từ tối vào sáng; có một loại người từ sáng vào tối; và có một loại người từ sáng vào sáng.

“Đại vương, thế nào là loại người từ tối vào tối? Có người sinh vào nhà dòng thấp hèn, như sinh vào nhà Chiên-đà-la, nhà người săn bắn, bắt cá, làm đồ tre, nhà người kéo xe, và những nhà làm nghề nghiệp công xảo hạ tiện khác; bản cùng, đoản mạng, hình thể tiêu tụy, mà lại hành theo nghề nghiệp thấp kém, làm sai dịch hạ tiện cho người. Đó gọi là tối. Ở trong chỗ tối này, thân lại làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác. Vì những lý do này, khi thân hoại mạng chung, sẽ sinh vào đường ác, rơi vào trong địa ngục. Giống như người từ tối vào tối,

⁴⁷ Đề bản: cao xướng tăng hoan ái 高唱增歡愛. Bản khác: cao xướng tăng khuyến thọ. Cf. No 100(68): khuyến nhượng ích tiến dữ 勸讓益進與. Pāli: *āmodamāno pakireti detha dethāti bhāsati*, phát tán với tâm hoan hỷ, nói rằng: các người hãy bố thí! các người hãy bố thí!

⁴⁸ Đại chánh, kinh 1146. Pāli, S. 3.21. Puggala. Biệt dịch, No 100(69).

từ nhà xí vào nhà xí, lấy máu rửa máu, bỏ ác lấy ác. Người từ tối vào tối cũng lại như vậy, cho nên gọi là từ tối vào tối.

“Thế nào là từ tối vào sáng? Người sinh vào nhà thấp hèn, *cho đến* làm sai dịch hạ tiện cho người. Đó gọi là tối. Nhưng người ở trong tối này, thân làm việc lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành. Do những hành vi này, khi thân hoại mạng chung, người ấy sinh vào đường lành, được hóa sinh cõi trời. Thí như người lên giường,⁴⁹ cỡi ngựa, từ ngựa tiến lên voi; từ tối vào sáng cũng lại như vậy. Đó gọi là người từ tối vào sáng.

“Thế nào là người từ sáng vào tối? Có người đời sinh vào gia đình giàu sang khoái lạc như nhà dòng lớn Sát-lị, dòng lớn Bà-la-môn, nhà dòng lớn trưởng giả, cùng sinh vào những gia đình giàu có khoái lạc khác, có nhiều tiền bạc, của cải, nô tỳ, người sai khiến, nhóm họp nhiều người thân quen, thân thể xinh đẹp, thông minh trí tuệ. Đó gọi là sáng. Ở trong chỗ sáng này, người ấy thân làm điều ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác. Vì lý do này, khi thân hoại mạng chung, nó sinh vào đường ác, rơi vào trong địa ngục. Giống như có người từ lầu cao, rơi xuống cõi voi lớn, xuống voi lớn cỡi ngựa, xuống ngựa đi xe, xuống xe ngồi giường, xuống giường đi đất, từ đất rơi xuống hầm hố. Người từ sáng vào tối lại cũng như vậy.

“Thế nào là có người từ sáng vào sáng? Có người sinh vào nhà giàu sang vui vẻ, ... *cho đến* [305a] hình tướng xinh đẹp. Đây gọi là sáng. Ở trong chỗ sáng này, người ấy thân làm việc lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành. Vì lý do này, khi thân hoại mạng chung, nó sinh lên đường lành, được hóa thân cõi trời. Giống như có người từ lầu quán đến lầu quán; ... *cho đến* từ giường đến giường, người từ sáng vào sáng cũng lại như vậy. Đó gọi là từ sáng vào sáng.”

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

*Người bản cùng khôn khổ,
Không tín, thêm sân hận;
Tưởng tà ác, xan tham,
Si mê không cung kính.
Gặp Sa-môn, đạo sĩ,*

⁴⁹ Hán: đăng sàng 登床. Pāli: *pathaviyā pallāṅkam āroheyya*, “người từ đất nhảy lên kiệu.”

Người đa văn, tri giới;
Hủy báng, không khen ngợi,
Ngăn người cho và nhận.
Những người như vậy đó,
Từ nay đến đời khác,
Sẽ đọa vào địa ngục;
Là từ tối vào tối.

Nếu có người bản cùng,
Tin tâm, ít sân hận;
Thường sinh tâm tâm quý,
Bồ thí lia keo bản.
Gặp Sa-môn, Phạm chí,
Người đa văn, tri giới;
Khiêm cung mà thưa hỏi,
Tùy nghi khéo cúng cấp.
Khuyên người nên bồ thí,
Khen người cho và nhận.
Người tu thiện như vậy,
Từ nay đến đời khác.
Sinh đường lành cõi trời,
Là từ tối vào sáng.

Người giàu có khoái lạc,
Không tín, nhiều sân hận;
Tướng ác, xan tham, tật,
Tà mê không cung kính.
Gặp Sa-môn, Phạm chí,
Hủy báng không khen ngợi;
Cản trở người bồ thí,
Và ngăn người đến nhận.
Những người ác như vậy,
Từ nay đến đời sau,
Rơi vào khổ địa ngục;
Là từ sáng vào tối.

Nếu người giàu của cải,
Tín tâm, không sân hận;
Thường sinh tâm tâm quý,

*Bồ thí, lìa sân nhuế.
Gặp Sa-môn, Phạm chí,
Người đa văn, trì giới,
Trước nghinh tiếp thừa hỏi,
Tùy nghi cấp vật cần.
[305b] Khuyên người nên cúng dường,
Khen người cho và nhận.
Những người như thế đó,
Đời này đến đời sau,
Sinh cõi Tam Thập Tam,
Là từ sáng vào sáng.*

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, đánh lễ rồi ra về.

KINH 1047. NÚI ĐÁ⁵⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ sáng sớm,⁵¹ vua Ba-tư-nặc thân dính đầy bụi bặm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên.

Phật hỏi:

“Đại vương từ đâu đến?”

Vua đáp:

“Bạch Thế Tôn, con từ pháp của Quán đánh vương,⁵² tự tại trong loài người,⁵³ tinh cần phương tiện, thống lĩnh cõi đất, thống lý vương sự, đã đi xem xét mọi nơi; rồi đến đây.”

Phật bảo Đại vương:

⁵⁰ Đại chánh, kinh 1147. Pāli, S. 3. 25. Pabbatūpamā. Biệt dịch, N0 100(70).

⁵¹ Bản Cao-ly, Ấn Thuận: *nhật nhật* 日日; mỗi ngày. Biệt dịch: *nhật trung*, giữa trưa. Phật quang: *bạch nhật*, ban ngày. Pāli: *divā divassa*, buổi sáng sớm. Các bản Hán phân tích từ lập lại *diva* khác nhau.

⁵² Quán đánh vương. Pāli: *Khattiya-muddhāvasitta-rājan*, Vua thuộc dòng sát-đế-lị, đăng quang bằng phép quán đánh.

⁵³ Pāli: *issariyamadamattam*, kiêu hãnh với vương quyền.

“Nay Ta hỏi Đại vương, cứ tùy ý trả lời Ta. Thí như có người từ phương Đông lại, có tín, có duyên,⁵⁴ chưa từng giả dối, đến tâu với vua rằng: ‘Tôi từ phương Đông lại, thấy một núi đá, rất vuông vức to lớn, không bị đục thủng, không bị phá hoại, cũng không xói lở, đang nghiền đất mà đến. Tất cả cây cỏ và sinh vật đều bị nghiền nát.’ Từ phương Nam, Tây, Bắc cũng có người đến, có tín, có duyên, chưa từng giả dối, đến tâu với vua rằng: ‘Tôi thấy một núi đá rất vuông vức to lớn, không bị đục thủng, không bị phá hoại, cũng không xói lở, đang nghiền đất mà đến. Tất cả cây cỏ và sinh vật đều bị nghiền nát.’ Ý Đại vương thế nào? Sự việc khủng bố, hiểm ác, chết chóc lớn lao như vậy xảy đến; vận của chúng sanh đã hết; sinh làm người thật khó. Đại vương sẽ phải tính sao?”

Vua bạch Phật:

“Nếu như vậy, không còn cách tính nào khác, chỉ còn cách tu thiện, chuyên tâm phụng sự pháp luật của Phật .”

Phật bảo Đại vương:

“Cớ sao lại nói là những chuyện hiểm ác khủng bố xảy đến cho đời, sát hại hết chúng sanh, thân người khó được, chỉ còn phải thực hành theo pháp, hành nghĩa, hành phước, phải chuyên tâm phụng sự pháp luật của Phật? Vì sao không nói địa vị của Quán đảnh vương, đứng đầu trên mọi người, uy quyền tự tại, thống lãnh đại địa, sự vụ, nhân dân để đối phó sự việc ấy?”

Vua bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đó là nói khi thanh bình, thì vương vị Quán đảnh là đứng đầu mọi người, thống lãnh cõi đất, để doanh lý mọi việc. Dùng tài sản đấu tài sản. Dùng voi đấu voi. Dùng xe đấu xe. Dùng bộ đấu bộ. **[305c]** Hoặc thắng hoặc bại, ngay lúc đó không thể tự chủ. Cho nên, con nói đến khi sự việc hiểm ác khủng bố xảy đến, chúng sanh vận cùng, thân người khó được; khi đó không có kế nào khác, mà chỉ còn có thực hành theo pháp, hành nghĩa, hành phước, chuyên tâm quay về nương tựa nơi pháp luật của Phật.”

Phật nói với Đại vương:

⁵⁴ Hán: hữu tín, hữu duyên 有信有緣. Pāli: *saddhāyiko paccayiko*, người thân tín, đáng tin cậy.

“Quả thật vậy! Quả thật vậy! Thường xuyên bị nghiền nát, nghĩa là kiếp ác, già, bệnh, chết, khổ, não, nghiền nát chúng sanh, sẽ phải làm sao? Chính là phải tu nghĩa, tu phước, tu thiện, tu từ, ở trong Phật pháp tinh cần phương tiện.”

Bấy giờ, Phật nói kệ:

*Như có núi đá lớn,
Cao rộng không hoại khuyết;
Khắp từ bốn phương đến,
Nghiền nát đại địa này.*

*Không binh mã, chú thuật,
Sức mạnh để phòng ngự.
Kiếp ác, già, bệnh, chết,
Thường nghiền nát chúng sanh.*

*Bốn chủng tộc, dòng lớn,
Thợ săn, Chiên-đà-la,
Tại gia và xuất gia,
Ngươi trì giới, phạm giới.
Tất cả bị nghiền nát,
Không ai cứu hộ được.*

*Cho nên người trí tuệ,
Quán sát lợi tự mình.
Xác lập tín thành tịnh,
Tín Phật, Pháp, Tăng bảo;
Thân, khẩu, ý thanh tịnh,
Tùy thuận theo chánh pháp.
Đời này được tiếng khen,
Mạng chung sinh lên trời.*

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tu-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, đánh lễ rồi ra về.

KINH 1048. XÀ-KỠ-LA⁵⁵

Tôi nghe như vậy:

⁵⁵Đại chánh, kinh 1148, Pāli, S. 3. 11. Jaṭila. Biệt dịch, No 100(71).

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên.

Khi ấy có bảy người Ni-kiền Tử, bảy người Xà-kì-la,⁵⁶ bảy người Nhất-xá-la,⁵⁷ thân thể thô lớn, đang đi lượn quanh, rồi đứng trước cửa tinh xá Kỳ-hoàn. Vua Ba-tư-nặc từ xa trông thấy họ đang lượn quanh ngoài cửa, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi ra trước cửa, chấp tay thưa hỏi, và tự xưng tên ba lần: “Tôi là vua Ba-tư-nặc, vua xứ Câu-tát-la.”

Bấy giờ, Phật hỏi vua:

“Vì có gì, hôm nay bệ hạ lại cung kính những người đó, chấp tay thưa hỏi, ba lần xưng tên họ?”

Vua bạch Phật:

“Con tự nghĩ, ở thế gian nếu có những vị A-la-hán, [306a] thì chính họ là những vị đó.”

Phật dạy nói với vua Ba-tư-nặc:

“Này bệ hạ, thôi đủ rồi! Chính bệ hạ cũng không phân biệt được đó có phải là A-la-hán thật, hay không phải là A-la-hán, vì không có được tha tâm trí. Vả lại cần phải gần gũi, xem xét giới hạnh của họ,⁵⁸ một thời gian lâu mới có thể biết được; chớ tự quyết vội vàng. Hãy xem xét kỹ, không chỉ hỏi hột,⁵⁹ hãy dùng trí tuệ, chớ không phải vô trí. Phải kinh qua các khổ cực khó khăn, mới có khả năng tự mình biện biệt,⁶⁰ đối chiếu so sánh, thật giả sẽ phân biệt được. Thấy lời nói mới biết sự sáng suốt,⁶¹ chớ không thể phân biệt vội vàng, cần phải dùng trí tuệ tư duy quán sát.”

⁵⁶ Xà-kỳ-la 闍祇羅. Pāli: *jaṭila*, đạo sỹ bện tóc.

⁵⁷ Nhất-xá-la 一舍羅. Pāli: *ekasāṭaka*, ngoại đạo một y (khoác một mảnh vải duy nhất).

⁵⁸ Pāli: *saṃvāsena ... sīlam veditabbam*, bằng sự sống chung mà biết được giới hạnh của một người.

⁵⁹ Pāli: *saṃvohārena ... soceyyam veditbbam*, bằng nghiệp vụ chung mới biết được sự thanh tịnh của một người.

⁶⁰ Pāli: *āpadāsu ... thāmo veditabbo*, trong những khổ nạn mới biết sức chịu đựng của một người.

⁶¹ Hán: kiến thuyết tri minh 見說知明. Pāli: *sācacchāya ... paññā viditabbā*, cùng đàm luận mới biết trí tuệ của một người.

Vua bạch Phật:

“Kỳ diệu thay, Bạch Thế Tôn, Lý này được kheo nói. Phải tiếp xúc chuyện trò một thời gian lâu, quán sát giới hạnh của họ ... *cho đến* thấy sự nói năng hiểu biết rõ ràng.

“Con có người nhà cũng đi xuất gia. Mang hình tướng cũng như những người này, đi khắp các nước. Rồi khi trở về lại, khi cởi bỏ y phục kia, là trở lại hưởng thọ ngũ dục. Cho nên, nên biết, Thế Tôn nói đúng. Hãy cùng họ sống chung để xem xét giới hạnh của họ, ... *cho đến* nói năng mà biết có trí tuệ.”

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

*Không do thấy hình tướng,
Biết thiện ác của người.
Không phải vừa gặp nhau,
Mà cùng đồng tâm chí.*

*Điều kín hiện thân, miệng,
Tâm tục không kèm thúc;
Giống như miếng đồng xi,⁶²
Thếp lên lớp vàng ròng.
Trong ôm lòng tạp mọn,
Ngoài hiện oai nghi Thánh;
Đi khắp các quốc độ,
Lừa dối khắp thế gian.*

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, đánh lễ rồi ra về.

KINH 1049. THẮT VƯƠNG⁶³

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, đứng đầu Vua Ba-tư-nặc cùng bảy vị Quốc vương⁶⁴ và các vị Đại thần cùng họp nhau, [306b] bàn luận như vậy:

⁶² Đại chánh: 鋳石銅? Án Thuận, Phật quang: thau thạch đồng 鑄石銅, loại đồng đỏ. Pāli: *patirūpako mattikakuṇḍalo*, hoa tai bằng đất sét được thếp vàng.

⁶³ Đại chánh, kinh 1149. Pāli, S. 3. 12. Pañcāājāno. Biệt dịch, No 100(72); No 125(33.1.).

⁶⁴ Pāli: năm vua.

“Trong ngũ dục, cái nào nhất?”

Có người nói:

“Sắc là nhất.”

Lại có người nói:

“Thanh, hương, vị, xúc là nhất.”

Trong đó có người nói:

“Chúng ta mỗi người đều cho của mình là nhất, rốt cùng không thể phân định. Hãy cùng nhau đến Thế Tôn, hỏi về nghĩa này. Cứ theo lời dạy Thế Tôn, sẽ cùng nhau ghi nhớ thọ trì.”

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc dẫn đầu bảy vị Quốc vương và các Đại thần, quyến thuộc, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, chúng con bảy vị Quốc vương, và các Đại thần, bàn luận như vậy: ‘Công năng năm thứ dục lạc, thứ nào hơn hết?’ Trong số này, có người nói sắc là hơn hết; có người nói thanh là hơn hết; có người nói hương là hơn hết; có người nói vị là hơn hết; có người nói xúc là hơn hết. Cuối cùng không thể quyết định. Nên chúng con đến hỏi Thế Tôn, rốt cùng cái nào hơn hết?”

Phật nói với các vua:

“Mỗi người đều nói lên theo ý thích của mình, còn Ta thì nói khác. Vì lý do này, Ta nói về công năng của ngũ dục. Nhưng đối với sắc, có người tự vừa ý, chỉ yêu mến một thứ sắc, là thỏa mãn chí nguyện của mình. Giả sử có những sắc đẹp hơn, nhưng không phải sở ái của họ, thì sẽ không đụng đến, không ngó ngang đến. Nên chỉ nói thứ sắc sở ái của mình là nhất không còn sắc nào vượt lên trên nó. Như người yêu mến sắc; thanh, hương, vị, xúc cũng đều như vậy; những gì mình sở ái, liền cho đó là tối thắng, rồi hoan hỷ, ưa đắm. Cho dù có thứ vượt trên thứ đó nữa, nhưng vì không phải là sở dục của họ, nên họ không đụng đến, không ngó ngang đến. Chỉ có những gì ta yêu là tối thắng tối diệu, không gì so sánh, không gì trên được.”

Bấy giờ giữa chúng có một Ưu-bà-tắc tên là Chiên-đàn⁶⁵ từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai hữu, chấp tay bạch Phật rằng:

“Thế Tôn, con muốn nói rõ! Thiện thế, con muốn nói rõ!”

⁶⁵ Chiên-đàn ưu-bà-tắc 梅檀優婆塞. Pāli: Candanaṅgaliko upāsako.

Phật nói với Ưu-bà-tắc:

“Chiên-đàn, hãy nói rõ đi! Chiên-đàn, hãy nói rõ đi!”

Khi ấy Ưu-bà-tắc Chiên-đàn liền nói kệ rằng:

*Vua Ương-già quý tộc,
Đeo ngọc, chuỗi anh lạc.
Dân Ma-kiệt vui hợp:
Như Lai hiện nước này.
Tiếng đồn vang khắp nơi,
Như núi chúa Tuyết sơn;
Như hoa sen thanh tịnh,
Trong sạch không vết nhơ,
Nở theo ánh mặt trời,
Hương thơm xông khắp nước.
Hiện sáng nước Ương-kỳ,⁶⁶
Như mặt trời giữa không.
Quán tuệ lực Như Lai,
Như đêm đốt đuốc sáng;
Là mát, ánh sáng lớn,
Đến Người để quyết nghi.*

Khi ấy các Quốc vương đều khen rằng:

“Ưu-bà-tắc Chiên-đàn khéo nói!”

Bấy giờ, bảy vị quốc vương cởi bảy cái áo báu tặng cho Chiên-đàn.

Bảy vị quốc vương sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Khi Ưu-bà-tắc Chiên-đàn biết các vị quốc vương đã đi rồi, liền rời chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai phải, chấp tay bạch Phật:

“Hôm nay bảy vị quốc vương để lại cho con bảy cái áo thượng hảo hạng này, xin Thế Tôn vì lòng thương xót mà nhận bảy cái áo này.”

Bấy giờ, Thế Tôn vì lòng thương xót nên nhận bảy cái áo đó. **[306c]** Ưu-bà-tắc Chiên-đàn hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ rồi ra về.

⁶⁶ Hán: Ương-kỳ quốc minh hiển 央耆國明顯 . Pāli: *anḅīrasaṃ passamvirocamānaṃ*, “hãy xem Anḅīrasa ánh sáng chói lọi.” Trong Pāli, Anḅīrasa là xưng hiệu thường dùng để chỉ Phật, vì dòng họ Gotama nguyên thủy thuộc bộ tộc Anḅīrasa. Bản Hán hiểu đây là tên một nước.

KINH 1050. SUYỀN TỨC⁶⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Vua Ba-tu-nặc, với thân thể mập lớn, mỡ hôi ướt đầm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, hơi thở hỗn hển.

Bấy giờ, Thế Tôn nói vua Ba-tu-nặc:

“Đại vương, thân thể mập quá!”

Đại vương bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Quả thật vậy! Con đang lo về cái thân quá mập, và thường rất khổ sở, nhơm chán, hổ thẹn, vì cái thân mập béo này.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Người nên tự cột niêm,
Khi ăn biết tiết độ;
Thì các thọ sẽ giảm,
Yên ổn mà sống lâu.*

Khi ấy có một thiếu niên tên là Uất-đa-la⁶⁸ ngồi giữa hội chúng. Vua Ba-tu-nặc nói với Uất-đa-la rằng:

“Khanh có thể ghi nhớ bài kệ vừa được nói này từ Thế Tôn. Rồi đến mỗi bữa ăn, hãy đọc lên cho ta được không? Nếu được; ta sẽ ban cho mười vạn tiền vàng, và sẽ thường xuyên ban cho thức ăn.”

Uất-đa-la tâu vua:

“Xin vâng lời dạy. Tôi sẽ đọc!”

Sau khi vua Ba-tu-nặc nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ rồi ra về.

Khi ấy Uất-đa-la biết vua đã đi rồi, đến trước Thế Tôn xin nhận bài kệ Phật đã nói. Khi Vua ăn, cứ mỗi bữa vua ăn đều tụng lên, tâu rằng “Đại vương! Đức Như Lai Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Tri giả, Kiến giả, đã nói bài kệ này:

*Người nên tự cột niêm,
Khi ăn biết tiết độ;
Thì các thọ sẽ giảm,*

⁶⁷ Đại chánh, kinh 1150. Pāli, S. 3. 13. Doṇapāka. Biệt dịch, No 100(73).

⁶⁸ Uất-đa-la 鬱多羅. Pāli: Sudassano māṇavo.

Yên ổn mà sống lâu.”

Như vậy, từ đó trở đi, vua Ba-tư-nặc thân thể gầy thon lại, tướng mạo xinh đẹp. Ở trên lầu, hướng về chỗ Phật ở, Vua cung kính chấp tay quỳ sát đất, nói ra ba lần như vậy:

“Nam mô kính lễ Thế Tôn, Như Lai Ứng Cúng, Đấng Chánh Giác.
Nam mô kính lễ Thế Tôn, Như Lai Ứng Cúng, Đấng Chánh Giác.
Nam mô kính lễ Thế Tôn, Như Lai Ứng Cúng, Đấng Chánh Giác. Đã ban cho con những lợi ích trong hiện tại và đời sau. Đời này, đời sau được lợi ích do biết tiết độ ăn uống.”

34. TƯƠNG ƯNG BÀ-LA-MÔN¹

KINH 1051. A-TU-LA²

[306c26] Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại nước Xa-vệ.

Khi ấy có một thiếu niên A-tu-la³ đi đến chỗ Phật, ở trước Phật dùng những lời bất thiện, thô ác, sân si, mạ lị, chỉ trích Phật.⁴

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Không giận, thẳng sân nhuế,

Lấy thiện phục bất thiện;

[307a] *Bố thí phục keo kiệt,*

Nói thật diệt nói dối.

Không mắng cũng không ngược,

Luôn trụ tâm Thánh Hiền.

Người ác ôm sân hận,

Bất động như núi đá.

Kềm giữ sân nhuế khởi,

Hơn giữ xe ngựa cuồng;

Ta nói đánh xe giỏi,

Không phải người cầm cương.

Bấy giờ, Thiếu niên A-tu-la, bạch Phật rằng:

“Bạch Cù-đàm, con xin hỏi lỗi! Con thật ngu, thật si, không biết phân biệt, bất thiện, ở trước mặt Cù-đàm mà nhiếc mắng hủy nhục.”

¹ Tương ưng Bà-la-môn, gồm các kinh Đại chánh, 1151-1163 (nửa sau quyển 42), 88-102 (quyển 4), 1178-1187 (hơn nửa đầu quyển 44). *Quốc dịch*, quyển 36, phần cuối, “Tụng vii. Kệ. 5. Tương ưng Bà-la-môn,” 2 phẩm. Ấn Thuận, “Tụng viii. Tám chúng. 21. Tương ưng Bà-la-môn” 38 kinh: 1250-1287. Tương đương Pāli, S. 7. Brāhmaṇasaṃyutta.

² Đại chánh, quyển 42, kinh 1151. Quốc dịch, phẩm 1. Pāli, S. 7. 3. Asurinda. Biệt dịch, No 100(74).

³ Niên thiếu A-tu-la 年少阿修羅. No 100(74): A-tu-la-diêm 阿脩羅鹽. Pāli: người Bà-la-môn tên là Asurindaka Bhāradvāja.

⁴ S. 7. 3: Nghe tin anh mình xuất gia theo Phật, Asurindaka giận dữ, đến mắng Phật.

Sám hồi như vậy xong, A-tu-la nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ rồi ra về.

KINH 1052. TÂN-KÌ-CA⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có một thiếu niên bà-la-môn tên Tân-kì-ca,⁶ đến chỗ Phật, ở trước mặt Thế Tôn dùng những lời bất thiện, thô ác, sân si, mạ li, chỉ trích Phật.

Bấy giờ Thế Tôn nói với thiếu niên Tân-kì-ca:

“Vào những ngày tốt, anh có mời bà con thân thuộc hội họp không?”

Tân-kì-ca bạch Phật:

“Có, bạch Cù-đàm.”

Phật nói với Tân-kì:

“Nếu những người bà con thân tộc của anh không nhận vật thực, anh sẽ làm thế nào?”

Tân-kì bạch Phật:

“Nếu họ không nhận vật thực thì vật thực ấy trở về tôi.”

Phật nói với Tân-kì:

“Cũng vậy, ở trước mặt Như Lai, anh nói ra những lời mạ nhục, chỉ trích thô ác, bất thiện, cuối cùng Ta không nhận thì những lời trách mắng như vậy sẽ thuộc về ai?”

Tân-kì bạch Phật:

“Như vậy, thưa Cù-đàm, tuy họ không nhận, nhưng vì đã tặng nhau nên coi như đã cho rồi.”

Phật nói với Tân-kì:

“Như vậy, không gọi là quà tặng nhau, thì đâu được gọi là cho nhau?”

Tân-kì hỏi:

⁵ Đại chánh, kinh 1152. Pāli, S. 7. 2. Akkosa. Biệt dịch, No 100(75).

⁶ Tân-kì-ca bà-la-môn 寶耆迦婆羅門; phiên âm từ Bilaṅgika (?); xem kinh Đại chánh 1154. No 100(75): Ma-nạp tên Ti-nghi 摩納卑疑. Pāli: AkkosakaBhāradvājo brāhmaṇo; trong bản Pāli, người này là anh của người được đề cập trong kinh trên.

“Thế nào mới gọi là làm quà tặng nhau, gọi là cho nhau? Thế nào gọi là không nhận quà tặng nhau, không gọi là cho nhau?”

Phật nói với Tân-kì:

“Hoặc sẽ như vậy: mắng thì trả mắng, sân thì trả sân, đánh thì trả đánh, đấu thì trả đấu; gọi là làm quà tặng nhau, gọi là cho nhau. Lại nữa, Tân-kì, hoặc bị mắng mà không trả mắng, sân không trả sân, đánh không trả đánh, đấu không trả đấu; nếu như vậy thì không phải là làm quà tặng nhau, không gọi là cho nhau.”

Tân-kì bạch Phật:

“Bạch Cù-đàm! Tôi nghe chuyện xưa có vị trông lão Bà-la-môn, kỳ cựu, được trọng vọng, là bậc Đại sư hành đạo, nói: ‘Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác bị người mạ nhục, sân nhuế, chỉ trích trước mặt, vẫn không sân, không giận.’ Mà nay Cù-đàm [307b] có sân nhuế chẳng?”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Không sân sao có sân,
Chánh mạng để chế ngự;
Chánh trí, tâm giải thoát,
Người trí tuệ không sân.*

*Người lấy sân báo sân,
Thì chính là người ác.
Không lấy sân báo sân,
Chê ngự giặc khó chế.
Không sân thắng sân nhuế,
Ba kệ nói như trước.*

Bấy giờ, thiếu niên Tân-kì bạch Phật:

“Bạch Cù-đàm, con xin hỏi lỗi. Con thật ngu, thật si, không biết phân biệt, bất thiện, ở trước mặt Sa-môn Cù-đàm mà mới ra lời trách mắng, sân si, thô ác, bất thiện.”

Sau khi nghe những gì Phật nói, ông hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ rồi ra về.

KINH 1053. MẠ LỖY (1)⁷

Tôi nghe như vậy:

⁷ Đại chánh, kinh 1153. Pāli, S. 7. 2. Akkosa. Biệt dịch, No 100(76).

Một thời đức Phật ở trong giảng đường Lộc Tử mẫu, phía Đông nước Xá-vệ. Bấy giờ buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy, Thế Tôn đến dưới bóng mát giảng đường, đi kinh hành giữa khoảng đất trống. Khi ấy có Bà-la-môn Kiện Mạ Bà-la-đậu-bà-giá,⁸ đến chỗ Phật, trước mặt Phật thốt ra những lời thô ác, bất thiện, mạ lỵ, chỉ trích. Thế Tôn kinh hành. Ông đi theo sau Thế Tôn. Khi Thế Tôn đã kinh hành xong, dừng lại một chỗ, Bà-la-môn nói:

“Cù-đàm, bị thua chẳng?”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Người hơn liền thêm oán,
Người thua nằm không yên.
Hơn thua đều buông xả,
Là được ngủ an lành.*

Bà-la-môn bạch:

“Bạch Cù-đàm. con nay xin sám hối! Con thật ngu, thật si, không biết phân biệt, bất thiện, ở trước mặt Cù-đàm thốt ra những lời thô ác, bất thiện, mạ lỵ, chỉ trích!”

Bà-la-môn nghe sau khi những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ rồi ra về.

KINH 1054. MẠ LỖ (2)⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong giảng đường Lộc Tử mẫu, phía Đông nước Xá-vệ. Bấy giờ sáng sớm Thế Tôn khoác y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Khi ấy có Bà-la-môn Kiện Mạ Bà-la-đậu-bà-giá,¹⁰ vừa thấy Thế Tôn liền thốt ra những lời mắng nhiếc, sân si, thô ác, bất thiện; hốt bụi đất ném vào Phật. Khi ấy có gió ngược, thổi bụi bay trở lại, bụi này tự phản dính vào người ông.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

⁸ Kiện Mạ Bà-la-đậu-bà-giá 健罵婆羅豆婆遮. No 100(76): Bà-la-đột-la-xà 婆羅突邏闍. Pāli: Akkosa-Bhāradvāja. Biệt danh Akkosa (Kiện Mạ), vì đến nhiếc mắng Phật.

⁹ Pāli, S. 7. 4. Bilāṅgika. Biệt dịch, No 100(77).

¹⁰ Xem kinh Đại chánh 1153. No 100(77): Bà-la-môn Đột-la-xà 突邏闍. Bản Pāli: Bilāṅgika.

*Nếu người không sân hận,
Thì mạ nhục đến đâu,
[307c] Vẫn sạch không dính bản.
Ác kia trở lại mình;
Giống như người tung bụi,
Ngược gió hoàn tự bản.*

Lúc ấy, Bà-la-môn bạch Phật:

“Bạch Cù-đàm, con xin sám hối! Con thật ngu, thật si, không biết phân biệt, bất thiện, sao ở trước mặt Cù-đàm thốt ra những lời mạ li, quở trách, thô ác, bất thiện!”

Bà-la-môn sau khi nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, rời theo đường cũ mà đi.

KINH 1055. VI NGHĨA¹¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, đến vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Khi ấy có Bà-la-môn tên là Vi Nghĩa,¹² nghe Sa-môn Cù-đàm từ Câu-tát-la du hành trong nhân gian, đang đến ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Ông nghĩ: “Ta sẽ đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để nghe thuyết pháp và sẽ bẻ lại nghĩa.” Nghĩ như vậy rồi, ông liền đến tinh xá, tìm chỗ Thế Tôn. Bấy giờ, Thế Tôn đang nói pháp cho vô lượng quyến thuộc vây quanh. Thế Tôn vừa thấy Bà-la-môn Vi Nghĩa đến, liền ngồi im lặng.

Bà-la-môn Vi Nghĩa bạch Phật:

“Bạch Cù-đàm, hãy thuyết pháp đi. Tôi mong muốn nghe.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Bà-la-môn Vi Nghĩa,
Chưa thể hiểu nghĩa sâu.
Lòng giận hờn, ganh tị,
Muốn cản trở pháp thuyết.*

*Điều phục tâm chống đối,
Những ý dục bất tín;*

¹¹ Pāli, S. 7. 1 6. Paccanīka. Biệt dịch, No 100(78).

¹² Vi Nghĩa 違義. No 100(78): Phán Lê返戾. Pāli: Paccanīkasāta.

*Dứt các bản chương ngãn,
Mời hiểu lời thâm diệu.*

Khi ấy, Bà-la-môn Vi Nghĩa tự nghĩ: ‘Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.’ Sau khi nghe những gì Phật dạy, ông hoan hỷ, tùy hỷ từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

KINH 1056. BÁT HẠI¹³

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ sáng sớm Thế Tôn khoác y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Khi ấy có Bà-la-môn Bát Hại¹⁴ đến chỗ Phật, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, tên con là Bát Hại, có xứng với sự thật không?”

Phật nói với:

“Nhu thể này mới xứng với sự thật: nếu thân bắt hại, nếu miệng bắt hại, nếu tâm bắt hại thì mới xứng với sự thật.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Nếu thân không sát hại,
Cả khẩu, ý cũng vậy;
Đó chính là Bát Hại,
Không khùng bố chúng sanh.*

[308a] Phật nói kinh này xong. Bà-la-môn Bát Hại sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, theo đường cũ mà đi.

KINH 1057. HỎA DỮ¹⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bấy giờ buổi sáng Thế Tôn khoác y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Lần lượt đi khát thực, đến nhà Bà-la-môn Hỏa Dữ.¹⁶ Bà-la-môn vừa thấy Phật đến, liền bày đầy đủ các thức ăn ngon cúng dường đầy

¹³ Đại chánh, kinh 1156. Pāli, S. 7. 5. Ahimsaka. Biệt dịch, No 100(79); No 101(26).

¹⁴ Bát Hại 不害. No 100(79); Vô Hại ma-nạp 無害摩納. No 100(26); Bất Xâm Hành Giả 不侵行者. Pāli: Ahimsaka.

¹⁵ Đại chánh, kinh 1157. Pāli, S. 7. 12. Udaya. Biệt dịch, No 100(80).

¹⁶ Hỏa Dữ 火與. (Pāli: Aggidatta?). Nhưng, bản Pāli: Udaya.

bát Thế Tôn. Hai ba ngày như vậy, Thế Tôn lại đến nhà này khát thực. Bà-la-môn Hỏa Dữ vừa thấy Phật đến, nghĩ thầm: “Sa-môn đầu trọc sao lại đến mãi, vì tham thức ăn ngon chăng?”

Lúc ấy, Thế Tôn biết được ý nghĩ của Bà-la-môn Hỏa Dữ liền nói bài kệ:

*Trời ngày nào cũng mưa,
Nông phu ngày đêm cày;
Thường xuyên gieo giống lúa,
Ruộng thâu lúa luôn luôn.*

Như người thai nhiều.

*Bò sữa luôn nhớ ghé,
Thường luôn có người xin,
Lúc nào cũng bố thí.
Vì luôn mãi bố thí,
Nên luôn nổi tiếng lớn.*

Nhiều lần quăng thây chết,

*Nhiều lần khóc tiếc thương.
Nhiều lần sinh rồi chết,
Nhiều lần khổ ưu, bi;
Nhiều lần lấy lửa đốt,
Nhiều lần bị trùng ăn.*

Nếu được đạo Hiền Thánh,

*Không mãi thọ các hữu;
Cũng không mãi sinh tử,
Không mãi khổ ưu, bi.
Không luôn luôn lửa đốt,
Không mãi bị trùng ăn.*

Bà-la-môn Hỏa Dữ sau khi nghe Phật nói kệ, khởi tín tâm trở lại, bèn đem thức ăn cúng dường đầy bát Phật. Nhưng Thế Tôn không nhận, vì nhân bởi nói kệ mới được cúng. Thế Tôn lại nói kệ:

*Nhân vì nói kệ pháp,
Không nên nhận thức ăn.
Nên biết pháp của Ta,
Thuyết pháp, không nhận ăn.
Bà-la-môn nên biết,
Đó là tịnh chánh mạng.*

*Hãy cúng dường người khác,
Bậc Đại Tiên thuần tịnh.
[308b] Đã tận trừ hữu lậu,
Pháp uế đã đoạn tận:
Cúng dường các thức ăn,
Cho ruộng phước tốt này.
Người muốn cầu phước đức,
Thì ruộng Ta là tốt.*

Bà-la-môn Hỏa Dữ bạch Phật:

“Thức ăn này, bây giờ nên để chỗ nào?”

Phật nói với:

“Ta không thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên thần hay người đời nào có thể ăn đồ tín thí này mà thân được an lạc. Ông nên đem thức ăn này bỏ vào nước không trùng hay đất ít cỏ mọc.”

Khi ấy Bà-la-môn liền đem thức ăn này bỏ vào trong nước không trùng. Nước liền bốc khói, sôi thành tiếng xèo xèo. Giống như hòn sắt nung đỏ bỏ vào trong nước, nước liền bốc khói, sôi thành tiếng xèo xèo. Cũng như vậy, Bà-la-môn đem thức ăn này bỏ vào trong nước, nước liền bốc khói, sôi thành tiếng xèo xèo. Lúc đó, Hỏa Dữ Bà-la-môn tán thán rằng:

“Kỳ diệu thay! Cù-đàm đức độ lớn, thần lực lớn, có thể khiến thức ăn này hiện thần biến.”

Bấy giờ, Hỏa Dữ Bà-la-môn nhận thấy thức ăn thần biến này nên phát tâm kính tín, cúi đầu lễ sát chân Phật, đứng lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nay con có thể được xuất gia, thọ giới cụ túc, và tu phạm hạnh ở trong chánh pháp không?”

Phật nói với Bà-la-môn:

“Nay Ông có thể xuất gia, thọ cụ túc và tu phạm hạnh ở trong chánh pháp.”

Bà-la-môn liền xuất gia, rời tư duy đến mục đích mà những thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo Ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà ... *cho đến* đắc A-la-hán, tâm khéo giải thoát.

KINH 1058. BÀ-TÚ'-TRA¹⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nước Xá-vệ có một nữ Bà-la-môn là Bà-tứ-tra,¹⁸ tin Phật, Pháp, Tăng; quy y Phật, Pháp, Tăng. Đối với Phật, pháp, Tăng đã dứt hồ nghi; đối với Khổ, Tập, Diệt, Đạo cũng đã dứt nghi hoặc, thấy đế, đắc quả, được tuệ vô gián.¹⁹ Chồng của bà là Bà-la-môn thuộc dòng họ Bà-la-đậu-bà-giá²⁰. Mỗi khi bà làm công việc gì mà có chút ít nên hay hư, bà đều niệm: “Nam mô Phật,” hướng về phương nào mà ở đó Như Lai đang trụ, chắp tay nói ba lần: “Nam mô Đa-đà-a-già-độ A-la-ha Tam-miêu-tam-phật-đà,²¹ thân chói sáng như vàng ròng, sáng xa một tầm, thân tròn đầy như cây Ni-câu-luật, [308c] đáng Mâu-ni khéo nói diệu pháp, là thượng thủ Tiên Nhơn, là Đại Sư của con.”

Bấy giờ người chồng Bà-la-môn nghe vậy, sân hận không vui, nói với vợ:

“Bà bị quỷ ám chăng? Không có lý này. Bà đã bỏ các vị đại đức Bà-la-môn tam minh²² mà đi xưng tán lão Sa-môn đầu trọc, là bọn đen tối, mà đời không ai khen.²³ Bấy giờ tôi sẽ đến cùng tranh luận với Đại Sư của bà thì đủ biết ai hơn thua.”

Người vợ nói với chồng:

¹⁷ Đại chánh, kinh 1158. Pāli, S. 7. 1. Dhanañjanī. Biệt dịch, No 100(81).

¹⁸ Bà-tứ-tra 婆肆吒. No 100(81): Bà-tư-tra 婆私吒. Pāli: Dhanañjanī.

¹⁹ Vô gián tuệ 無間慧. TNM: vô văn tuệ.

²⁰ Bà-la-đậu-bà-giá 婆羅豆婆遮. No 100(81): Bà-la-đột-la-xà 婆羅突邏闍. Pāli: Bhāradvājagotta.

²¹ Nam mô Đa-đà-a-già-độ A-la-ha Tam-miêu-tam-phật-đà 南無多陀阿伽度阿 羅 呵三 藐三佛陀. Pāli: *Namo tassa Bhagavato Arahatō Sammāsambuddhassa.*

²² Tam minh đại đức Bà-la-môn 三明大德婆羅門; đây chỉ ba bộ Vệ-đa nguyên thủy. Cf. Pāli, Di. 88: *tiṇṇaṃ vedānaṃ pāragū*, (người Bà-la-môn) tinh thông ba tập Vệ-đa.

²³ Cf. Di.90, văn Pāli về những lời mà Bà-la-môn chửi Phật và đệ tử: *ye ca kho te ... muṇḍakā samaṇakā ibbhā kinhā bandhupādāpaccā*, “bọn chúng là những sa môn trọc đầu, ti tiện, đen đui. con cháu của bọn tiện ti.”

“Tôi không thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, các Thần, và người đời mà ai có thể cùng tranh luận với Thế Tôn, Như Lai Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, thân sắc vàng, chói sáng một tầm, thân tròn đầy như cây Ni-câu-luật, là bậc thượng thủ Tiên nhơn, khéo nói pháp vi diệu, là Đại Sư của tôi. Nhưng bây giờ thì ông cứ đến đó để tự biết.”

Lúc ấy, Bà-la-môn liền đi đến chỗ Phật. Thăm hỏi ủy lạo xong, ông ngồi lui qua một bên, nói kệ:

*Giết hại những thứ gì,
Mà giác ngủ an ổn?
Giết hại những thứ gì;
Khiến tâm không còn lo?
Giết hại những thứ gì,
Được Cù-đàm khen ngợi?*

Bây giờ, Thế Tôn biết ý nghĩ Bà-la-môn, Ngài nói kệ:

*Người giết hại sân hận,
Giác ngủ được an ổn.
Người giết hại sân hận,
Thì tâm không còn lo.*

Sân nhuế là rễ độc,

*Hay hại hạt giống ngọt;
Người nào giết hại chúng,
Được Thánh Hiền khen ngợi.
Nếu người nào hại chúng,
Tâm họ không còn lo.*

Khi ấy, Phật nói pháp tuần tự cho Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá nghe, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Ngài nói về bố thí, nói về trì giới, nói về pháp sinh thiên, nói về sự mê đắm dục vị là tai hoạn, phiền não; về thanh tịnh xuất yếu, viễn ly, tùy thuận phúc lợi thanh tịnh, phân biệt một cách rộng rãi. Giống như tấm vải trắng trong sạch dễ bị nhuộm màu, cũng vậy, Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá ngay tại chỗ ngồi, đối với tứ Thánh đế mà chứng đắc hiện quán,²⁴ thấy Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Bà-la-môn này thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, và nhập

²⁴ Đề bản: vô ngại đẳng 無閼等. Nên sửa lại: vô gián đẳng 無間等; Pāli: abhisamaya; đây chỉ hiện quán Thánh đế. Xem kinh 23.

pháp, vượt qua khỏi mọi nghi hoặc, không do người khác độ; đối với chánh pháp luật, được vô sở úy. Ông liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai bên hữu, [309a] chấp tay bạch Phật:

“Con đã được độ, bạch Thế Tôn, Con đã được độ, bạch Thiên thệ! Hôm nay con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo Tăng, suốt đời con nguyện làm Ưu-bà-tắc. Xin chứng tri cho con.”

Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá sau khi nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, là lẽ ra về.

Trở về nhà mình, vợ ông Ưu-bà-di vừa thấy chồng về, liền thưa rằng:

“Ông đã cùng luận nghị với Thầy tôi Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, có thân sắc vàng ròng, sáng xa một tầm, thân đầy đặn như cây Ni-câu-luật là thượng thủ Tiên nhơn, đáng Đại Mâu-ni khéo nói pháp phải không?”

Người chồng đáp:

“Tôi chưa từng thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, quý thần hay người đời mà có thể luận nghị với Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, thân sắc vàng ròng, sáng xa một tầm, thân đầy đặn như cây Ni-câu-luật, bậc Tiên nhơn thượng thủ, khéo nói diệu pháp, là đáng Mâu-ni, Đại sư của bà. Bây giờ bà may cho tôi một pháp y tốt để tôi đem đến chỗ Thế Tôn xin xuất gia học đạo.”

Lúc ấy, người vợ lấy xấp vải lụa trắng, sai may pháp y cho ông. Bà-la-môn cầm y đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nay con có thể xuất gia học đạo, tu phạm hạnh, ở trong pháp của Thế Tôn được không?”

Phật nói với Bà-la-môn:

“Nay, Ông có thể xuất gia học đạo, tu các phạm hạnh, trong pháp luật này.”

Ông liền xuất gia, một mình ở chỗ vắng suy tư về mục đích mà người thiện nam cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, ... *cho đến* đắc A-la-hán, tâm khéo giải thoát.

KINH 1059. MA-CÙ²⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn Ma-cù²⁶ đi đến chỗ Phật. Sau khi cùng nhau chào hỏi an úy xong, ông ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Cù-đàm, ở nhà con thường hay bố thí. Nếu một người đến thì bố thí cho một người. Nếu hai người, ba người cho đến trăm nghìn, tất cả con đều bố thí hết. Con bố thí như vậy có được nhiều phước không?”

Phật nói với Bà-la-môn:

“Ông bố thí như vậy, thật được phước lớn. Vì sao? Vì ở nhà ông thường làm việc bố thí. Một người đến xin liền thí cho một người. Hai người, ba người, cho đến trăm nghìn người đến xin, tất cả đều được thí cho, nên được phước lớn.”

Lúc ấy, Bà-la-môn Ma-cù liền nói kệ [309b] rằng:

*Tại gia thường tổ chức,
Bố thí cùng đại tế;
Bằng việc bố thí này,
Muốn cầu công đức lớn.*

*Nay xin hỏi Mâu-ni,
Sở kiến bằng Phạm thiên,
Xin phân biệt con rõ
Những điều con cần biết:*

*Làm sao để giải thoát,
Về đường lành thắng diệu?
Phương tiện nào để tu,
Được sinh lên Phạm thế?
Hoan hỷ bố thí gì,
Sinh Phạm thiên thù thắng?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Người lập đại hội thí,
Tùy sở thích bố thí kia,*

²⁵ Đại chánh, kinh 1159. Pāli, Sn. 3. 5. Māgha-sutta. Biệt dịch, No 100(82).

²⁶ Ma-cù 魔瞿. No 100(82): Ma-khur 摩佉. Pāli: Māgha māṇava.

*Tâm tịnh tín, hoan hỷ,
Duyên vào công đức lành.
Nhờ sự kiến lập đó,
Mong xa lìa lỗi ác.*

*Tránh xa nơi tham dục,,
Tâm kia khéo giải thoát.
Tu tập nơi tâm từ,
Công đức này vô lượng.
Hưởng lại thêm chí thành,
Mở đại hội thí khắp.*

*Nếu ở trong hội này,
Có được các tâm lành,
Hướng đến khéo giải thoát,
Hoặc đến đường thuần thiện.
Nhân thù thắng như vậy,
Được sinh về Phạm thiên;*

*Người bố thí như vậy,
Do tâm kia bình đẳng.
Nên sinh về Phạm thế,
Thọ mạng được lâu dài.*

Sau khi Bà-la-môn Ma-cù nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

KINH 1060. TRÌ KIM CÁI²⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn dẫn theo tùy tùng, cầm lọng hoa,²⁸ mang xá-lặc,²⁹ đi đến chỗ Phật, cùng nhau chào hỏi, an úy xong, ngồi lui qua một bên, mà nói kệ:

Nếu phi Bà-la-môn,

²⁷ Đại chánh. kinh 1160. Pāli, S. 7. 7. Suddhika. Bệt dịch, No 100(83).

²⁸ Bản Cao-ly: kim cái 金蓋. Bản TNM: hoa cái. Ấn Thuận và *Quốc dịch* đều đọc là kim cái: lọng có cán bằng vàng.

²⁹ Xá-lặc 舍勒; *Huyền úng âm nghĩa 16*: “Xá-lặc, đây nói là y; hoặc nói là nội y.” Túc cái quần (Pāli: *sāluka*). Bản Pāli không có các chi tiết này.

*Sở hành không thanh tịnh.*³⁰

Sát-lị dù tu khổ,

Cúng trái ngược với tịnh.

[309c] *Bà-la-môn Ba kinh.*³¹

Đây mới là thanh tịnh;

Người thanh tịnh như vậy,

Chúng sinh khác không có.

Thế Tôn nói kệ đáp:

Không biết đạo thanh tịnh,

Và các tịnh vô thượng;

Ai tìm tịnh nơi khác,

Cuối cùng không được tịnh.

Bà-la-môn bạch Phật:

“Bạch Cù-đàm, Ngài giảng về đạo thanh tịnh, thanh tịnh vô thượng chẳng? Thế nào là đạo thanh tịnh? Thế nào là thanh tịnh vô thượng?”

Phật nói với Bà-la-môn:

“Chánh kiến là đạo thanh tịnh. Tu tập, tu tập nhiều chánh kiến, sẽ đoạn trừ tham dục, đoạn trừ sân nhuế, đoạn trừ ngu si. Nếu Bà-la-môn nào đã đoạn hẳn tham dục, đã đoạn hẳn sân nhuế, si mê, dứt hẳn hết cả phiền não, thì gọi là thanh tịnh vô thượng. Chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định gọi là đạo thanh tịnh. Sau khi tu tập, tu tập nhiều chánh định, đoạn trừ tham dục, đoạn trừ sân nhuế, đoạn trừ ngu si, đoạn trừ hẳn tất cả phiền não, đó gọi là thanh tịnh vô thượng.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Bạch Cù-đàm, Ngài giảng về đạo thanh tịnh và thanh tịnh vô thượng chẳng? Bạch Cù-đàm, thế gian nhiều việc; nay tôi xin kiêu từ trở về.”

Phật nói với Bà-la-môn:

“Nên biết đúng thời.”

³⁰ Cf. Pāli, S. ibid.: *Na brāmaṇo sujjhati koci loke, sīlavā pi tapo karam*, không Bà-la-môn nào trong đời này được thanh tịnh, dù có trì giới, tu khổ hạnh (trừ phi vi ấy tinh thông ba bộ Vệ đà).

³¹ Tam điển Bà-la-môn 三典婆羅門; chỉ Bà-la-môn tinh thông ba bộ Vệ đà nguyên thủy.

Bà-la-môn, dẫn tù tùng cầm lọng hoa, mang xá-lặc, sau khi nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

KINH 1061. LA-HÁN PHÁP³²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn đi đến chỗ Phật. Sau khi cùng nhau chào hỏi ụy lạo xong, ông ngồi lui qua một bên, nói kệ:

Thế nào là thi-la³³?

Thế nào là oai nghi?

Thế nào là công đức?

Thế nào gọi là nghiệp?

Thành tựu những pháp nào,

Bà-la-môn La-hán?³⁴

Thế Tôn nói kệ đáp:

Trí nhớ biết túc mạng,

Thấy sinh thiên, đường dữ;

Các thọ sinh đã đoạn,

Mâu-ni minh quyết định.³⁵

Biết tâm khéo giải thoát,

Giải thoát tất cả tham;

[310a] *Đầy đủ cả ba minh,*

Ba minh Bà-la-môn.

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

KINH 1062. LÃO NAM NỮ³⁶

Tôi nghe như vậy:

³² Đại chánh, kinh 1161. *Quốc dịch*, phẩm 2. Biệt dịch, No 100(84).

³³ Thi-la, tức giới. Pāli: *sīla*.

³⁴ La-hán Bà-la-môn, đây hiểu là Thánh giả Bà-la-môn. No 100(84): tam minh Bà-la-môn.

³⁵ Minh, chỉ ba minh vừa nêu trên: túc mạng trí minh, sinh tử trí minh, lậu tận trí minh.

³⁶ Đại chánh, kinh 1162. Biệt dịch, No 100(85).

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ sáng sớm Thế Tôn khoác y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực, có Tôn giả A-nan đi theo sau Thế Tôn.

Khi ấy có hai lão nam nữ, là vợ chồng, tuổi đã cao, các căn đã chín, lưng còng như móc câu. Họ đến đầu ngõ hẻm, chỗ đốt phân rác, cùng ngồi chòm hóm hơi lửa. Thế Tôn thấy hai vợ chồng già này, tuổi đã cao, các căn đã chín, lưng còng như móc câu, giống như hai con hạc già nhìn nhau với tâm dục nhiễm, bèn nói với Tôn giả A-nan:

“Người có thấy hai vợ chồng kia, tuổi đã cao, các căn đã chín, lưng còng như móc câu, cùng ngồi chòm hóm hơi lửa, giống như hai con hạc già nhìn nhau với tâm dục nhiễm chăng?”

A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con có thấy.”

Phật nói với A-nan:

“Hai vợ chồng già này, vào thời thiếu niên, thân thể tráng kiện, nếu siêng năng tìm cầu tài vật, cũng có thể là gia chủ giàu có nhất trong thành Xá-vệ. Còn nếu họ cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà, tinh cần tu tập, cũng có thể chứng được thượng quả đệ nhất A-la-hán. Nếu ở giữa phần hai cuộc đời còn tráng kiện, siêng năng tìm cầu tài vật, cũng có thể trở thành người giàu thứ hai trong thành Xá-vệ. Nếu họ cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, không nhà, cũng có thể chứng được quả A-na-hàm. Nếu ở giữa phần ba trung niên, siêng năng tìm cầu tài vật cũng có thể là người giàu thứ ba trong thành Xá-vệ. Nếu họ cạo bỏ râu tóc mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, không nhà, cũng có thể chứng được quả Tu-đà-hàm. Nếu ở phần thứ tư, khi tuổi già, siêng năng tìm cầu tài vật cũng có thể là người giàu thứ tư trong thành Xá-vệ. Nếu họ cạo bỏ râu tóc mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, không nhà, cũng có thể chứng được quả Tu-đà-hoàn. Nhưng ngày hôm nay, họ tuổi già, các căn suy yếu, không có tiền của, không có phương tiện, không có khả năng làm gì; lại không thể kham năng nếu có tìm kiếm tiền của; cũng không có cách nào để chứng đức pháp thượng nhân được.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Phạm hạnh đã không tu;

Thiếu niên không tài sản.

Suy nghĩ việc xa xưa,

Ngủ đất như cung cong.

Phạm hạnh đã không tu;

Tránh niên³⁷ không tài sản.

Giống như chim hạc già,

Chờ chết nơi đầm hoang.

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, phụng hành.

KINH 1063. LÃO TỬ³⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. *Nói như trên chỉ có khác ở bài kệ.*

Hoại diệt bởi già chết,

Thân và cảm thọ diệt.

Chỉ có phước bố thí,

Là tư lương theo mình.

Nhiếp hộ nhờ tu thiện,

Và công đức tu thiện.

Tùy sức mà bố thí,

Tiền tài và ẩm thực.

Tỉnh thức giữa đám mê,

Sống cuộc đời không uống.

Phật nói kinh này xong. Bà-la-môn kia sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ đành lễ rồi ra về.³⁹

KINH 1064. HIẾU DƯỠNG⁴⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bảy giờ có Bà-la-môn trẻ tuổi tên là Uất-đa-la⁴¹ đi đến chỗ Đức Phật. Sau khi chào hỏi xong, ông lui qua ngòai một bên, bạch Phật rằng:

³⁷ Nguyên Hán: thiếu niên. Theo nội dung hai đoạn, nên sửa lại tránh niên. Cf. No 100(85): Trang niên, đã không tu phạm hạnh, cung không tích tụ tài sản.

³⁸ Đại chánh, kinh 1163. Pāli, A. 3. 51-52. Jinna. No100(86).

³⁹ Bản Hán, hết quyển 42.

⁴⁰ Đại chánh, kinh 88. Tương đương Pāli, S. 7. 19 Mātuposaka; Biệt dịch 100(88).

“Bạch Thế Tôn, con thường đi khát thực như pháp, đem cúng dường cho cha mẹ, khiến cho ông bà được an vui, xa lìa khổ. Bạch Thế Tôn, việc làm của con như vậy có nhiều phước không?”

Phật bảo Uất-đa-la:

“Thật có nhiều phước. Vì sao? Vì nếu có người nào khát cầu đúng pháp, để cúng dường cha mẹ, làm cho an vui, trừ khổ não, đó thật là người có phước lớn.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói bài kệ rằng:

*Như người đối cha mẹ,
Cung kính và cúng dường,
Đời này lưu tiếng thơm,
Khi chết được lên trời.*

[22c]Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1065. ƯU-BA-CA (1)⁴²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Bà-la-môn tuổi trẻ tên là Ưu-ba-ca⁴³ đến chỗ Đức Phật. Sau khi chào hỏi xong, lui ngồi qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Cù-đàm, các Bà-la-môn thường hay khen ngợi đại tế đàn⁴⁴. Còn Sa-môn Cù-đàm có khen ngợi đại tế đàn không?”

Phật bảo Ưu-ba-ca:

“Ta không khen ngợi một chiều. Hoặc có đại tế đàn Ta tán thán. Cũng có đại tế đàn Ta không tán thán.”

Ưu-ba-ca bạch Phật:

“Những đại hội tế đàn nào có thể được khen ngợi và những đại tế đàn nào không được khen ngợi?”

⁴¹ Uất-đa-la 鬱多羅; xem kinh 282. Pāli: Bà-la-môn tên là Mātupāsaka.

⁴² Đại chánh, kinh 89. Pāli, A.iv. 39 Ujjaya. Cf. Biệt dịch, 100 (89).

⁴³ Ưu-ba-ca 優波迦. Pāli: Bà-la-môn tên là Ujjaya.

⁴⁴ Da-thạnh đại hội 邪盛大會, phiên âm từ Pāli; (*mahā*)*yañña*, hoặc *yajna* (Skt. *yajña*); nhiều bản chép cho là dịch nghĩa nên đọc là *đại tế* 邪. No 100(89): đại tự 大祀.

Phật bảo Ưu-ba-ca:

“Nếu có đại tể đàn nào mà cột trói cả bầy nghé, bò đực, bò cái, những con dê và những chúng sanh nhỏ bé khác, tất cả đều bị sát hại; hành hạ áp bức những kẻ nô tỳ, người làm công, đánh đập bằng chịu roi vọt, làm cho sợ hãi, buồn khổ, khóc la, kêu gào, không hoan hỷ, không sướng, lao dịch khổ nhọc. Những đại tể đàn như vậy, Ta không khen ngợi, vì chúng gây nên tai nạn lớn.

“Nếu những đại tể đàn mà không trói cột các súc vật, cho đến không khiến chúng sanh phải lao dịch khổ nhọc; những đại tể đàn như vậy được Ta khen ngợi tán thán, vì nó không mang lại tai nạn lớn.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Đại hội như tể ngựa,⁴⁵
Gây nên tai họa lớn;
Các đại tể như vậy,
Đại tiên không khen ngợi.
Trói cột các chúng sanh,
Sát hại côn trùng nhỏ,
Chẳng phải lễ hội chánh,
Đại tiên không tùy thuận.
Nếu không hại chúng sanh,
Không gây các tai họa,
Được gọi lễ hội chánh,
Đại tiên thuận tán thán.
Bố thí và cúng dường,
Đúng pháp thiết đại tể;
Người thí, tâm thanh tịnh,
Phạm hạnh ruộng phước tốt;
Những đại hội như vậy,
Gọi lễ hội La-hán.
Hội này được quả lớn,
Chư Thiên đều hoan hỷ.
Tự mình cung kính thỉnh,
Tự tay ban phát cho,*

⁴⁵ Mã tỳ, loại tể đàn trong đó là vật hy sinh. A.iv. 39 liệt kê: *assamedham*, hy sinh ngựa; *purisanedham*, hy sinh người; *sammāpāsam*, lễ ném gậy; *vājapeyya*, lễ uống rượu (để thêm sức), *niraggaḷa*, vô già hội (lễ rút then).

[23a] *Mình người đều thanh tịnh;
Cho này được quả lớn.
Kẻ trí cho như vậy,
Tín tâm được giải thoát.
Cõi đời vui, không tội,
Người trí sanh nơi đó.*

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Ưu-ba-ca nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ mà lui.

KINH 1066. ƯU-BA-CA (2)⁴⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Đức Phật cũng nói đầy đủ như kinh trên, tuy nhiên có sự sai khác nơi bài kệ, Ngài đã nói:

*Vô vi, không các nạn,
Khi tế lễ thanh tịnh,
Thuận hành theo như pháp,
Giữ gìn các phạm hạnh,
Tiếng thơm khắp thế giới,
Vượt lên trên phạm tục.
Đối với tế đàn thiện,*

Phật khen ngợi lễ này.

*Bố thí và cúng dường,
Tế lễ phải tùy thời,
Tịnh tín, cho bình đẳng,
Phạm hạnh ruộng phước tốt,
Người ban cho như vậy,
Là cúng ruộng La-hán.
Cho rộng lớn như vậy,
Chư Thiên sẽ khen ngợi.
Tự mình cung kính thỉnh,
Tự tay ban phát cho,
Mình người đều thanh tịnh;
Cho này được quả lớn.
Kẻ trí cho như vậy,*

⁴⁶ Đại chánh, kinh 90. Pāli, A.iv. 40. Udāyi. Cf. Biệt dịch, No 100(90).

*Tín tâm được giải thoát.
Cõi đời vui, không tội,
Người trí sanh nơi đó.*

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Ưu-ba-ca nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ mà lui.

KINH 1067. UÁT-XÀ-CA⁴⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bảy giờ có Bà-la-môn tuổi trẻ tên là Uát-xà-ca⁴⁸ đi đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ sát chân Phật, rồi lui ngồi qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, người thế tục tại gia nên thực hành bao nhiêu pháp để được lợi ích hiện tại và an lạc ngay hiện tại⁴⁹?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Có bốn pháp giúp cho người thế tục tại gia được lợi ích hiện tại và an lạc ngay hiện tại. Đó là: phương tiện đầy đủ, thủ hộ đầy đủ, thiện tri thức đầy đủ, chánh mạng đầy đủ.

“Thế nào là phương tiện đầy đủ⁵⁰? Người thiện nam tự nuôi sống bằng các nghề nghiệp kỹ xảo, như làm ruộng, buôn bán, [23b] phục vụ vương sự, chép sách, toán thuật, hội họa. Đối với những nghề nghiệp kỹ xảo đó, luôn tinh tấn siêng năng trau dồi. Đó gọi là phương tiện đầy đủ.

“Thế nào là thủ hộ đầy đủ? Người thiện nam có tiền bạc, gạo lúa, do nỗ lực mà thu hoạch, tự tay mình làm ra, đúng như pháp mà có được, tích cực giữ gìn, không để cho vua, giặc, nước, lửa, tước đoạt, hay trôi, chìm, mất mát. Ngược lại, nếu không khéo giữ gìn sẽ tiêu mất; hay nếu không lưu tâm đến chúng, sẽ bị người khác chiếm lấy, cùng những tai nạn sẽ làm cho hư hỏng. Đó gọi là người thiện nam khéo thủ hộ.

⁴⁷ Đại chánh, kinh 91. Pāli, A. viii. 55. Ujjaya. Cf. Biệt dịch, No 100(91).

⁴⁸ Uát-xà-ca 鬱闍迦. Pāli, Ujjaya brāhmaṇa.

⁴⁹ Hán: hiện pháp an cập hiện pháp lạc 現法安及現法樂. Pāli: *diṭṭhadhammahitaya diṭṭhadhammasukhāya*.

⁵⁰ Hán: phương tiện cụ túc 方便具足. Pāli: *uṭṭhānasampāda*: thành tựu tinh cần.

“Thế nào là thiện tri thức đầy đủ? Có người thiện nam không mất điều độ, không buông lung, không dối trá, không hung hiểm. Những tri thức như vậy, có khả năng khéo léo an ủi; sự sầu khổ chưa sanh có thể khiến không sanh, sự sầu khổ đã sanh có thể khai mở, tỉnh giác; những điều vui thích chưa sanh có thể khiến sanh nhanh, những điều vui thích đã sanh khiến giữ gìn không để mất. Đó gọi là người thiện nam thiện tri thức đầy đủ.⁵¹

“Thế nào là chánh mạng đầy đủ? Người thiện nam có được những tiền của, trong việc chi thu cân đối, bảo quản chu tất, không để cho việc nhập nhiều mà xuất ít, hay xuất nhiều mà nhập ít; như người cầm cân ít thì phải thêm, nhiều thì phải bớt, cho đến lúc nào biết cân bằng thì mới thôi. Như vậy, người thiện nam đã cân đối được tài vật của mình trong khi xuất nhập ngang nhau, không khiến cho nhập nhiều xuất ít, hay xuất nhiều nhập ít. Nếu người thiện nam không có tiền của nhiều mà sử dụng rộng rãi quá trớn, thì do sự sinh hoạt này mà người ta nói là ‘quả ưu-đàm-bát không có hạt giống’⁵²; ham muốn ngu si, không biết nghĩ đến sau này. Hoặc có người thiện nam dư dật mà không dám tiêu dùng, mọi người ở gần đều nói: ‘Người ngu si này như con chó chết đói.’ Cho nên người thiện nam, những tiền của có được, nên tự mình cân đối, xuất nhập ngang nhau. Đó gọi là chánh mạng đầy đủ. Như vậy Bà-la-môn, đây là bốn pháp thành tựu lợi ích hiện tại và an lạc hiện tại.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, những người tại gia có bao nhiêu pháp để có thể làm cho lợi ích đời sau, an lạc đời sau?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Có bốn pháp có thể làm cho lợi ích đời sau, an lạc đời sau. Đó là: tín đầy đủ, giới đầy đủ, thí đầy đủ, tuệ đầy đủ.

⁵¹ Cf. Pāli: *kalyāṇamittā... saddhasampannā, sīlasampannā, cāgasampannā, paññā-sampannā*, bạn tốt... là những người có tín, có giới, có thí xả, có tuệ.

⁵² Bản Cao-li: ưu-đàm-bát quả 優曇鉢果; bản TNM: ưu-đàm-bát hoa. Bản Pāli: *udumbarakhādīvāyam kulaputto bhoge khādātī ti*, “thiện nam tử này thọ dụng như người ta ăn quả sung. Sớ giải: như người rung cây sung chín, làm rụng nhiều quả, nhưng chỉ ăn vài quả ăn được, còn thì vất bỏ hết.

“Thế nào là có tín đầy đủ? Đối với Như-lai, người thiện nam có tâm kính tin, gốc rễ tín vững chắc, mà chư Thiên, Ma, Phạm cùng với loài người⁵³ không thể phá hoại. Đó gọi là người thiện nam có Đức tin đầy đủ.

“Thế nào là có giới đầy đủ? Người thiện nam không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, [23c] không nói dối, không uống rượu. Đó gọi là có giới đầy đủ.

“Thế nào là có thí đầy đủ? Người thiện nam với tâm không vấy bẩn bởi sự keo kiệt, sống đời tại gia mà hành bố thí buông xả⁵⁴, thường tự tay mình cho, vui vẻ tu hạnh thí xả. Đó gọi là người thiện nam có thí đầy đủ.

“Thế nào là có tuệ đầy đủ? Người thiện nam biết như thật về Khổ Thánh đế; biết như thật về Tập, Diệt, Đạo Thánh đế. Đó gọi là người thiện nam có Tuệ đầy đủ.

“Nếu người thiện nam nào ở tại gia đình mà thực hành bốn pháp này, có thể thành tựu lợi ích hiện tại và an lạc hiện tại.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn, lại nói kệ rằng:

*Phương tiện⁵⁵, tạo dựng nghiệp,
Tích tụ phải giữ gìn,
Người thiện nam thân hữu,
Chánh mạng trong tự sống.
Tịnh tín, giới đầy đủ,
Bố thí lìa xan tật,
Thanh tịnh đường thẳng tiến⁵⁶,
Đời sau được an lạc.
Nếu sống đời tại gia,
Thành tựu tám pháp này,*

⁵³ Hán: cập dư thế nhân đồng pháp 及餘世人同法. Pāli: *sadevamanussa*, bản Hán hiểu tiền tố *sa-* (cùng với) là “đồng pháp”. Xem kinh Đại chánh 647 ở sau.

⁵⁴ Hán: giải thoát thí 解脫施. Pāli: *muttacāga*.

⁵⁵ Hán, phương tiện, đây nên hiểu “tinh cần”. Pāli: *uṭṭhātā kammadheyyesu*, hăng hái trong các sự nghiệp.

⁵⁶ Đề bản: tốc đạo 速道; bản Nguyên-Minh: mê đạo 迷道; Ấn Thuận cũng hiệu chính là “mê đạo”. Hiệu chính nhầm. Pāli: *niccaṃ maggam*, thường đạo. Đây chỉ con đường sinh thiên.

*Suy nghiệm lời Phật dạy,
Những điều Phật giác tri,
Thì hiện tại an ổn,
Sống hiện tại hỷ lạc,
Đời sau cũng hỷ lạc.*

Phật nói kinh này xong, Uất-xà-ca nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ rồi lui.

KINH 1068. KIÊU MẠN⁵⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật từ nước Câu-tát-la du hành trong nhân gian đến vườn Cấp Cô Độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ tại nước Xá-vệ có Bà-la-môn Kiêu Mạn⁵⁸, đang sống tại đây, dòng họ cha mẹ đều thuần tịnh không một tỳ vết nào đáng bị chê trách,⁵⁹ bảy đời nói tiếp nhau, tất cả đều thuần tịnh; là bậc thầy của các Bà-la-môn. Ngôn luận thông suốt; điễn tịch các luận, có hàng vạn tên, thầy đều biết rõ; hiểu pháp hơn thua, phân biệt⁶⁰ tự nghĩa,⁶¹ ghi nhớ từng câu; tướng mạo đoan chánh. Do tự cao về huyết thống, tự cao về dòng họ, tự cao về tướng mạo, tự cao về sự thông minh, tự cao về sự giàu sang; ông không kính trọng cha mẹ, các bậc tôn túc, sư trưởng. Khi ông nghe tin Sa-môn Cù-đàm đã từ nước Câu-tát-la du hành trong nhân gian đến vườn Cấp Cô Độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ này, ông liền nghĩ: “Ta sẽ đến chỗ Sa-môn Cù-đàm này. Nếu Sa-môn có nói gì, ta sẽ cùng Sa-môn bàn luận. Nếu không nói gì, ta sẽ im lặng ra về.”

Bấy giờ, Bà-la-môn Kiêu Mạn đi xe ngựa trắng, với các thiếu niên Bà-la-môn **[24a]** theo hầu trước sau, cầm lọng cán vàng, tay ôm bình vàng, đến gặp Đức Thế Tôn. Khi tới cửa vườn, ông xuống xe đi bộ

⁵⁷ Đại chánh, kinh 92. Pāli: S. 7. 35. Mānatthaddha. Cf. No 100(258).

⁵⁸ Kiêu mạn Bà-la-môn 憍慢婆羅門. Pāli: người Bà-la-môn tên là Mānatthaddha. No 100(258): Cực Mạn ma-nạp 極慢摩納.

⁵⁹ Nghĩa là, thuần chủng, không lai giống.

⁶⁰ Đề bản: phân minh 分明; TNM: phân biệt 分別.

⁶¹ Đề bản: chư cú cú ký thuyết 諸句句記說; sau chữ chư 諸, bản Nguyên Minh thêm: (chư) tự tất tri vạn sự cửu viễn, bản mạt nhân duyên (諸)字悉知萬事九遠本末因緣. “...biết rõ căn nguyên chung thủy, lịch sử lâu dài của vạn sự...”

vào. Lúc ấy, Đức Thế Tôn đang nói pháp cho đại chúng vây quanh. Thế Tôn không hề để ý đến Bà-la-môn Kiêu Mạn. Bà-la-môn Kiêu Mạn tự nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm không để ý đến ta.⁶² Thôi ta nên về.”

Bây giờ, Đức Thế Tôn biết tâm niệm của Bà-la-môn Kiêu Mạn, nên nói kệ rằng:

*Kiêu Mạn đã đến đây,
Bất thiện lại tăng trưởng.
Trước vì nghĩa mà đến,
Hãy tăng trưởng nghĩa ấy⁶³*

Bây giờ, Bà-la-môn Kiêu Mạn lại nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.” Rồi ông sửa soạn hành lễ.⁶⁴ Đức Thế Tôn bảo Bà-la-môn Kiêu Mạn:

“Thôi! Thôi! Không cần phải làm lễ. Tâm tịnh là đủ rồi⁶⁵.”

Lúc ấy, mọi người đều lớn tiếng xướng rằng:

“Kỳ diệu thay! Thế Tôn, là Bậc Đại đức, Đại lực. Nay, Bà-la-môn Kiêu Mạn này, do tự cao về huyết thống, tự cao về dòng họ, tự cao về tướng mạo, tự cao về sự thông minh, tự cao về sự giàu sang; nên không kính trọng cha mẹ, các bậc tôn túc, sư trưởng, mà nay đối trước Sa-môn Cù-đàm lại khiêm hạ, hạ mình, muốn lễ sát chân Phật.”

Bà-la-môn Kiêu Mạn trước mọi người lớn tiếng bảo lạng, rồi nói kệ rằng:

*Với ai chẳng khởi mạn?
Voiú ai khởi cung kính?
Thế nào khéo an ủi?
Thế nào khéo cúng dường?
Bây giờ, Đức Thế Tôn đáp kệ rằng:
Đối cha mẹ, huynh trưởng,
Hòa thượng, các sư trưởng,
Cùng các bậc tôn trọng,
Không nên sanh kiêu mạn.*

⁶² S. 7. 35: *nāyaṃ samaṇo gotamo kiñci jānati*, “Sa-môn Cù-đàm này chẳng biết gì.”

⁶³ Pāli: *yena atthena āgacchi, tam evam anubrūhaye*, “Ông hãy nói, đến đây với mục đích gì?”

⁶⁴ Pāli ibid.: Ông lễ dưới chân Phật và ôm hôn chân Phật.

⁶⁵ Pāli: *yato te mayi cittaṃ pasannaṃ*, “Do đâu ông có tâm tịnh tín đối với Ta?”

*Phải khéo lòng cung kính,
Khiêm hạ và hỏi thăm,
Tận tâm mà phụng sự,
Cùng các việc cúng dường.
A-la-hán lậu tận,
Tâm lìa tham, nhuế, si,
Chánh trí khéo giải thoát,
Điều phục tâm kiêu mạn;
Đối các Hiền Thánh này,
Chấp tay cúi đầu lễ.*

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì Bà-la-môn Kiêu Mạn thuyết pháp bằng nhiều phương tiện, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, khiến hoan hỷ. Đức Phật nói pháp theo tuần tự, nói về bố thí, trì giới, [24b] công đức sanh thiên, về vị ngọt, sự tai hại của ái dục, về sự phiền não, thanh tịnh, về xuất yếu viển ly, về các phần thanh tịnh; *nói rộng như vậy*. Như tấm vải trắng sạch, chưa bị nhuộm đen, thấm nhuộm màu nhanh chóng; Bà-la-môn Kiêu Mạn ngay tại chỗ ngồi hiểu rõ Bốn Thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo, chứng đắc hiện quán. Bấy giờ Bà-la-môn Kiêu Mạn, thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, chứng nhập pháp, vượt qua khỏi mọi nghi hoặc, mà không do người khác độ thoát, ở trong chánh pháp được vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, lễ Phật, rồi chấp tay bạch Phật:

“Nay, con có được phép ở trong chánh pháp, xuất gia thọ cụ túc chăng?”

Đức Phật bảo Bà-la-môn Kiêu Mạn:

“Nay, ông có thể ở trong chánh pháp xuất gia thọ cụ túc.”

Bà-la-môn kia liền xuất gia, một mình âm thầm tư duy về lý do người thiện nam cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không gia đình, *cho đến*, đắc A-la-hán, tâm khéo giải thoát.

KINH 1069. TAM HỎA⁶⁶[33]

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật từ Câu-tát-la du hành trong nhân gian đến vườn Cấp Cô Độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn Trường

⁶⁶ Đại chánh, kinh 93. Pāli, A.vii.44 Aggi. Cf. No 100(259).

Thân tổ chức đại tế đàn như vậy: đem bảy trăm con trâu đực sắp hàng cột vào trụ, còn những con trâu cái, trâu con, những con dê tơ, cùng những sanh vật nhỏ bé khác cũng đều bị trói cột. Rồi sửa soạn các món đồ ăn thức uống để bố thí một cách rộng rãi. Các nhóm ngoại đạo khác nhau từ nhiều nước khác nhau đều tụ tập trung đến đại tế đàn này.

Bấy giờ, Bà-la-môn Trường Thân⁶⁷ nghe Sa-môn Cù-đàm từ Câu-tát-la du hành trong nhân gian đến vườn Cấp Cô Độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ này, thì tự nghĩ: “Nay, ta tổ chức đại tế đàn, đem bảy trăm con bò đực sắp hàng cột vào trụ, cho đến những sanh vật nhỏ bé khác, tất cả đều bị trói cột. Các nhóm ngoại đạo khác nhau từ nhiều nước khác nhau đều tụ tập về dự đại tế đàn này. Nay, ta nên đến chỗ Sa-môn Cù-đàm hỏi về pháp tế tự, chớ để cho các phần số⁶⁸ trong đại tế đàn mà ta tổ chức bị thiếu sót.” Suy nghĩ như vậy rồi, đi xe ngựa trắng, dẫn theo trước sau nhiều thiếu niên Bà-la-môn, cầm lọng cán vàng, ôm bình nước vàng, ra khỏi thành Xá-vệ, đến chỗ Đức Thế Tôn, cung kính thừa sự. Khi đến cổng tinh xá, ông xuống xe, đi bộ đến trước Phật. Sau khi chào hỏi xong, ông lui ngồi qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Cù-đàm, nay tôi muốn tổ chức lễ hội lớn tế lễ, [24c] với bảy trăm con bò đực sắp hàng cột vào trụ, cho đến các loài sanh vật nhỏ bé khác, tất cả đều bị trói cột. Các nhóm ngoại đạo khác nhau từ nhiều nước khác nhau đều tụ tập về dự đại tế đàn này. Nay, tôi lại nghe Cù-đàm từ Câu-tát-la du hành trong nhân gian đã đến vườn Cấp Cô Độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ, nên tôi đến đây để thỉnh vấn Cù-đàm về pháp tế tự và phần số của các phẩm vật, không để cho các phần số trong đại tế đàn mà tôi tổ chức bị thiếu sót.”

Đức Phật bảo Bà-la-môn:

“Có một thứ đại tế đàn, tuy người chủ thực hành việc bố thí làm phước nhưng lại sanh ra tội, gặt hái quả báo bất thiện, bị đâm chém bởi ba thứ đao kiếm. Ba loại ấy là: đao kiếm bởi thân, đao kiếm bởi miệng, đao kiếm bởi ý.

⁶⁷ Trường Thân 長身. Pāli: Uggatasarīra.

⁶⁸ Tà thanh pháp 邪盛法 (Pāli: *tividham yaññasampadam*), chỉ ba nghi thức tế tự. Phần số 分數, chỉ mười sáu tư cụ hay đạo cụ cho tế tự (Pāli: *soḷasaparikkhāram*). Tham chiếu Pāli, Kūṭadantasutta, D. i. 129.

“Thế nào là đao kiếm bởi ý, sanh ra các quả báo khổ? Như có một người chủ tổ chức đại tế đàn, suy nghĩ: ‘Ta tổ chức đại hội tế tự, cần phải giết ngàn ấy bò đực mập mạnh, bò cái, trâu con, dê tơ, cùng nhiều loài sanh vật nhỏ bé khác.’ Đó gọi là đao kiếm bởi ý, sanh ra các quả báo khổ. Tuy người thí chủ có ý nghĩ là làm các việc bố thí và cúng dường như vậy, nhưng thật ra việc làm ấy sanh ra tội.

“Thế nào là đao kiếm bởi miệng, sanh ra các quả báo khổ? Có một người chủ tổ chức lễ hội lớn, bảo như vậy: ‘Nay, ta tổ chức lễ hội lớn tế lễ, các người phải giết ngàn ấy bò đực mập mạnh, cho đến ngàn ấy sanh vật nhỏ bé khác.’ Đó gọi là đao kiếm bởi miệng, sanh ra các quả báo khổ. Người chủ lễ hội lớn, tuy làm các việc bố thí, cúng dường, nhưng thật ra việc làm ấy sanh ra tội.

“Thế nào là đao kiếm bởi thân, sanh ra các quả báo khổ? Có người chủ lễ hội lớn, tự tay mình giết bò đực, cho đến giết hại các loài sanh vật bé nhỏ khác. Đó gọi là đao kiếm bởi thân sanh ra các quả báo khổ. Người chủ lễ hội lớn này, tuy nghĩ đến các việc bố thí, cúng dường, nhưng thật ra việc làm ấy sanh ra tội.

“Tuy nhiên, Bà-la-môn nào siêng năng tùy thời cúng dường ba thứ lửa, cung kính lễ bái, phụng sự, mang lại sự an lạc. Những gì là ba? Một là lửa căn bản, hai là lửa cư gia, ba là lửa phước điền.

“Thế nào là lửa căn bản, mà tùy thời cung kính, phụng sự, cúng dường, mang lại sự an lạc? Người thiện nam, nhờ phương tiện có được tiền của, hay do sự cần cù khó nhọc chân tay mà có được như pháp, đem phụng dưỡng cha mẹ, khiến cho họ được an lạc, đó gọi là lửa căn bản. Vì sao gọi là căn bản? Vì người thiện nam do cha mẹ sanh ra, [25a] nên cha mẹ được gọi là căn bản. Người thiện nam vì tôn sùng căn bản nên tùy thời cung kính, phụng sự, mang lại sự an lạc cho họ.

“Thế nào là lửa cư gia, mà người thiện nam tùy thời nuôi dưỡng, đem lại sự an lạc? Người thiện nam, nhờ phương tiện có được của cải, nhờ vào sự cần cù khổ cực của chân tay, có được như pháp, rồi đem cung cấp cho vợ con, bà con quyến thuộc, người giúp việc, khách thương, tùy thời mà cung cấp, với lòng tôn trọng, đem lại sự hạnh phúc cho họ. Đó gọi là lửa cư gia. Vì sao gọi là gia? Vì người thiện nam sống đời tại gia, vui thì cùng vui, khổ thì cùng khổ, mọi sinh hoạt trong gia đình đều tùy thuận lệ thuộc vào nhau, cho nên gọi là gia. Vì vậy,

người thiện nam nên tùy thời mà cung cấp và mang lại sự an lạc cho họ.

“Thế nào là lửa phước điền, mà người thiện nam tùy thời cung kính, tôn trọng cúng dường, mang lại sự an lạc? Người thiện nam, phương tiện có được của cải, nhờ vào sự cần cù khổ cực của chân tay, có được như pháp, rồi đem phụng sự, cúng dường cho các Sa-môn, Bà-la-môn nào đã khéo điều phục tham, nhuế, si. Cúng dường những Sa-môn, Bà-la-môn như vậy là kiến lập phước điền, càng lúc càng tăng tiến, hiện tại an vui được báo tốt, tương lai sẽ sanh về cõi trời. Đó gọi là lửa phước điền. Vì sao gọi là điền? Vì đó là đám ruộng phước của thế gian, là nơi đáng được cúng dường, cho nên gọi là điền. Do vậy, người thiện nam nên tùy thời cung kính, phụng sự, cúng dường và mang lại sự an lạc cho họ.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ rằng:

*Căn bản và cư gia,
Lửa ruộng phước xứng đáng;
Luôn cúng dường lửa này,
Vui an ổn sung túc.
Cõi đời vui, không tội,
Người tuệ sanh về đó,
Của như pháp mở hội,
Cúng dường nơi đáng cúng;
Vì cúng dường đúng chỗ,
Nên tiếng thơm, sanh Thiên.*

“Nhưng, này Bà-la-môn, người thiện nam, nay đối với với ba thứ lửa mà trước kia đã từng cúng dường, hãy đoạn trừ, dập tắt. Những gì là ba? Lửa tham dục, lửa sân hận, lửa ngu si. Vì sao? Vì lửa tham mà không được đoạn trừ, không bị dập tắt, thì sẽ tự mình hại mình, hại người; mình người đều bị hại; hiện tại mắc tội, đời sau mắc tội, hiện tại và đời sau đều mắc tội. Vì duyên vào những tội này nên sanh ra tâm pháp buồn lo, khổ não. Đối với lửa sân, lửa si cũng lại như vậy.

“Này Bà-la-môn, nếu người thiện nam phụng thờ thứ lửa do nhóm củi, thường xuyên phải khổ nhục, thường xuyên phải nhen nhóm, thường xuyên lửa tắt; vì những nhân duyên này mà chịu khổ.”

Bấy giờ, Trường Thân Bà-la-môn, [25b] ngồi im lặng. Lúc ấy, có người con của Bà-la-môn tên là Uất-đa-la đang ngồi trong hội. Trường Thân Bà-la-môn sau khi im lặng và suy giây lát, rồi bảo Uất-đa-la:

“Con trở về chỗ lễ hội tế lễ, hãy thả những con bò bị cột nơi trụ; cùng những sanh vật đã bị trói cột, tất cả đều thả ra hết và nói lại với chúng rằng: ‘Trường Thân Bà-la-môn cho phép các người tùy ý tự tại nơi núi đồi, đầm ao, đồng hoang... mặc sức ăn cỏ tươi, uống các dòng nước trong, gió mát bốn bề, hưởng thụ mọi sự khoái lạc.’”

Uất-đa-la bạch rằng:

“Con xin vâng theo lời thầy dạy.”

Uất-đa-la liền đi đến chỗ lễ hội tế lễ, thả hết mọi sanh vật và nói với chúng rằng: “Trường Thân Bà-la-môn đã cho phép các người tùy theo sở thích đối với núi đồi, đầm ao, đồng hoang... ăn cỏ, uống nước, gió mát bốn bề, tự theo ý thích.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết Uất-đa-la đã hoàn thành công việc xong, liền nói pháp cho Bà-la-môn Trường Thân, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, như cách thuyết pháp của các Đức Thế Tôn, theo thứ tự trước sau nói về việc trì giới, bố thí và công đức sanh lên cõi trời; về vị ngọt và sự tai hại của ái dục, về sự thanh tịnh của xuất ly, về sự thanh tịnh các phiền não; khai thị, tỏ bày. Giống như tấm lụa trắng sạch dễ thấm màu nhuộm, Trường Thân Bà-la-môn lại cũng như vậy, ngay nơi chỗ ngồi thấy được Bốn chân đế, chứng đắc hiện quán. Khi Trường Thân Bà-la-môn tự thân đã thấy pháp, đắc pháp, thâm nhập pháp, vượt qua khỏi những nghi hoặc, không do người khác độ thoát, ở trong chánh pháp đạt được vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trích áo vai hữu, chấp tay bạch Phật:

“Con đã được độ, bạch Thế Tôn. Con, từ ngày hôm nay cho đến suốt đời, xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo Tăng, làm Ưu-bà-tắc. Ngưỡng mong Ngài chứng tri cho con. Ngưỡng mong Đức Thế Tôn và đại chúng nhận bữa ăn con cúng dường.”

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời. Khi Trường Thân Bà-la-môn biết Phật đã nhận lời mời, làm lễ Phật, đi vòng bên hữu ba lần rồi lui. Trường Thân Bà-la-môn trở về lại chỗ tế lễ, sửa soạn đồ vật cúng dường thanh khiết, ngon lành và bố trí giường ghế, chỗ ngồi xong, sai người đến thỉnh Phật:

“Bạch Ngài đã đến giờ, xin Ngài biết cho!”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khoác y cầm bát cùng với đại chúng theo sau, đi đến chỗ lễ hội của Trường Thân Bà-la-môn. Ngài ngồi trước đại chúng. Khi Trường Thân Bà-la-môn biết Đức Thế Tôn đã ngồi an định rồi, tự tay dâng cúng các thứ đồ ăn thức uống. Khi Đức Phật và đại chúng ăn xong; rửa tay, rửa bát xong, ông ngồi riêng ngay ngắn trên một chiếc ghế thấp đặt trước đại chúng để nghe pháp.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì Trường Thân Bà-la-môn mà [25c] nói pháp bằng nhiều phương tiện, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

KINH 1070. NGUYỆT⁶⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Bà-la-môn tuổi trẻ tên là Tăng-ca-la đến chỗ Phật, cùng Đức Thế Tôn thăm hỏi sức khỏe lẫn nhau, rồi ngồi lui qua một bên bạch Phật rằng:

“Bạch Cù-đàm, làm sao để có thể biết người nam bất thiện?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Giống như trăng.”

Bà-la-môn lại hỏi:

“Làm sao để có thể biết người nam thiện?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Giống như trăng.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Thế nào là người nam bất thiện giống như trăng?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Nhu trăng cuối tháng⁷⁰, ánh sáng mất, màu sắc cũng mất, sờ hệ cũng mất, ngày đêm càng lúc càng tiêu giảm, cho đến không còn xuất hiện. Cũng vậy, có người đối với Như Lai mà tín tâm tịch tĩnh⁷¹, thọ trì tịnh

⁶⁹ Đại chánh, kinh 94. Cf. No 100(260); N 26. 148 (kinh Hà Khổ, đoạn cuối); No 125 (17.8); Cf. A.v. 31.

⁷⁰ Hán: nguyệt hắc phần 月黑分, phần tối của tháng, phần nửa sau của mỗi tháng.

Pāli: *kāla-pakkha*.

⁷¹ Đề bản: tín gia tâm 信家心. TNM: tín tịch tâm 信寂心. Đoạn dưới: tịnh tín 淨信

giới, khéo học, nghe nhiều, nhường bớt phần mình để bố thí, chánh kiến chân thật; nhưng sau đó lại thoái thất, tín tâm thanh tịnh đối với Như Lai, đối với sự trì giới, bố thí, nghe nhiều, chánh kiến chân thật ngay thẳng; đối với sự bố thí, trì giới, đa văn, chánh kiến, tất cả đều bị đánh mất; ngày đêm càng lúc càng tiêu giảm, cho đến trong khoảnh khắc tất cả đều bị quên mất. Lại nữa, này Bà-la-môn, nếu người thiện nam nào mà không thân quen gần gũi thiện tri thức, không thường xuyên nghe pháp, không suy nghĩ chân chánh, thân làm các hành vi ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ về những điều ác, thì vì những nhân duyên ác đã tạo ra này, nên khi thân hoại mạng chung sẽ bị đọa vào trong đường ác, địa ngục. Như vậy, này Bà-la-môn, người nam bất thiện được ví như trăng.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Thế nào là người nam thiện được ví như trăng?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Như trăng đầu tháng⁷², ánh sáng và màu sắc tươi sáng, ngày đêm càng lúc càng sáng dần, cho đến khi trăng đầy, hoàn toàn tròn đầy tươi sáng. Cũng vậy, người nam thiện đối với pháp luật của Như Lai mà có được tín tâm thanh tịnh, cho đến, chánh kiến chân thật, chân tịnh càng tươi sáng, giới tăng, thí tăng, đa văn tăng, tuệ tăng, ngày đêm càng lúc càng tăng. Rồi vào lúc khác, gần gũi thiện tri thức, nghe thuyết chánh pháp, bên trong suy nghĩ chân chánh, thân làm các việc lành, miệng nói những lời lành, ý nghĩ những điều lành; nhờ vào những nhân duyên này mà khi thân hoại mạng chung sẽ được hóa sanh lên cõi trời. Này Bà-la-môn, vì vậy cho nên người nam thiện được ví như trăng.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

*Như trăng trong không bọt,
Chu du khắp hư không;
Trong tất cả tinh tú,
Ánh trăng sáng hơn hết.*
[26a] *Tịnh tín cũng như vậy,
Giới, văn, rộng bố thí,
Lìa bỏ sên trong đời,
Bố thí này sáng ngời.*

⁷² Hán: nguyệt tịnh phần 月淨分, phần sáng của tháng. Pāli: *sukka-pakkha*.

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Tăng-ca-la nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ từ chỗ ngồi đứng dậy cáo lui.

KINH 1071. SANH VĂN⁷³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bảy giờ Bà-la-môn Sanh Văn đến chỗ Phật, cùng Thế Tôn thăm hỏi sức khỏe nhau, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Cù-đàm, tôi nghe Ngài nói rằng: ‘Chỉ nên cúng dường cho Ta, không nên cúng dường cho người khác; cúng dường cho Ta sẽ được quả báo lớn, không phải cúng dường cho người khác mà được quả báo lớn. Nên cúng dường cho đệ tử của Ta, không nên cúng dường cho đệ tử người khác; cúng dường cho đệ tử của Ta sẽ được quả báo lớn, không phải cúng dường cho đệ tử của người khác mà được quả báo lớn.’ Bạch Cù-đàm, thế nào, những lời nói ấy có phải là lời nói thật chăng? Chẳng phải là hủy báng Cù-đàm chăng? Nói đúng như thuyết, nói đúng như pháp, nói theo thuận thứ của pháp, không bị người khác dùng đồng pháp đến quở trách chăng?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Người nào nói những lời như vậy là hủy báng Ta; không nói đúng như thuyết, nói đúng như pháp, nói theo thuận thứ của pháp, bị người khác dùng đồng pháp đến quở trách. Vì sao? Vì Ta không nói như vậy: ‘Nên cúng dường cho Ta, không nên cúng dường cho người; cúng dường cho Ta sẽ được quả báo lớn, không phải cúng dường cho người khác là được quả báo lớn. Nên cúng dường cho đệ tử của Ta, cúng dường cho đệ tử của Ta sẽ được quả báo lớn; không phải cúng dường cho đệ tử của người khác mà được quả báo lớn.’ Nhưng này Bà-la-môn Ta nói như vậy, những lời nói như trên sẽ tạo ra hai thứ chướng ngại: chướng ngại cho việc cúng dường của người thí chủ và làm chướng ngại cho người nhận đồ cúng dường.

“Này Bà-la-môn, cho đến bất cứ người nào, chỉ cần đem thức ăn trong khi rửa bát chén còn lại, đổ ở trên đất sạch, khiến cho những sanh vật nơi đó được sự lợi lạc, thì Ta nói những người đó đã được vào cửa phước rồi, hướng chi là bố thí cho con người. Này Bà-la-môn, tuy

⁷³ Đại chánh, kinh 95. A. iii. 57 Vacchagotta. Hán, No 100(261).

nhiên Ta cũng nói, người nào cúng dường cho người tri giới, quả báo đó sẽ không đồng với sự bố thí cho người phạm giới.”

Bà-la-môn Sanh Văn bạch Phật rằng:

“Thưa Cù-đàm, đúng vậy, tôi cũng nói như vậy, cúng dường cho người tri giới sẽ được quả báo lớn, chứ không phải cúng dường cho người phạm giới.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

*Hoặc đen, hoặc trắng tinh,
Hoặc đỏ, hoặc có màu,
Màu tạp cùng vàng ròng,
Thuần vàng cùng màu xám,
[26b] Những bò cái như vậy,
Bò con đẹp đẽ này,
Đầy đủ sức cường tráng,
Khéo huấn luyện, đi nhanh,
Chỉ khiến chuyên chở nặng,
Không hỏi màu sắc nó.
Con người cũng như vậy,
Tùy thuộc vào nơi sanh,
Sát-ly, Bà-la-môn,
Tỳ-xá, Thủ-đà-la,
Hạ tiện Chiên-đà-la,
Nơi sanh thầy không đồng.
Giả sử giữ tịnh giới,
Lìa gánh nặng phiền não,
Thuần nhất tu phạm hạnh,
A-la-hán lậu tận,
Đấng Thiện Thệ trong đời:
Cúng các Ngài, quả lớn.
Người ngu không trí tuệ,
Chưa từng nghe chánh pháp:
Cúng kia không quả lớn,
Vì không gần bạn lành.
Nếu gần thiện tri thức,
Như Lai cùng Thanh văn,
Tín tịnh nơi Thiện Thệ,
Căn sanh, lực kiên cố,*

*Sẽ đi về đường lành,
Sanh vào dòng tôn quý,
Cứu cánh Bát-niết-bàn,
Đại Tiên nói như vậy.*

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Sanh Văn nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ làm lễ cáo lui.

KINH 1072. DI BÀ-LA-MÔN⁷⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, cây Kỳ-đà, Xá-vệ. Bấy giờ, vào buổi sáng, Đức Thế Tôn khóac y mang bát vào thành Xá-vệ khát thực. Lúc ấy, có Bà-la-môn tuổi già sức yếu, chống gậy, cầm bát, đi khát thực từng nhà một. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bà-la-môn:

“Nay ông đã tuổi già sức yếu rồi, sao lại còn phải chống gậy cầm bát đi khát thực từng nhà?”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Bạch Cù-đàm, bao nhiêu tài vật có được ở trong nhà tôi, tất cả tôi đều giao cho con trai, cưới vợ cho con trai. Nhưng sau đó chúng lại đuổi tôi ra khỏi nhà, nên phải chống gậy, cầm bát đi khát thực từng nhà.”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Ông có thể học thuộc lòng một bài kệ của Ta, rồi trở về nhà, ở giữa mọi người Bà-la-môn, đọc cho con trai của ông nghe được không?”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Bạch Cù-đàm, có thể được.”

Bấy giờ, Đức Phật liền nói bài kệ:

*Sanh con lòng vui mừng,
Vì con tích chứa của,
Rồi cưới vợ cho con.
Nhưng mình phải bỏ nhà.
Đưa con rùng rú kia,
Nghịch, phụ ân cha mẹ,
Thân người, tâm La-sát,
Xua đuổi bậc già cả.
Như ngựa già vô dụng,*

⁷⁴ Đại chánh, kinh 96. S. 7. 14 Mahāsāla. Biệt dịch, No 100(262).

*Bị cướp mất thóc lúa,
Con trẻ mà cha già,
Phải xin ăn từng nhà.
Gậy cong này hơn hết,
Ăn ái hơn con đê,
Vì ta ngựa trâu dũ,
Tránh đất hiểm, được an,
Xua đuổi loài chó dũ,
Giúp ta qua chỗ tối,
Tránh hàm sâu, giếng thẳm,
Cây cỏ và gai góc;
Nhờ sức oai cây gậy,
Đứng vững không té ngã.*

Sau khi nhận bài kệ từ Đức Thế Tôn, người Bà-la-môn liền trở về giữa đám đông Bà-la-môn, đọc lại cho con trai nghe. Trước hết ông cáo bạch mọi người: “Hãy nghe tôi nói.” Sau đó ông đọc lại bài kệ như trên. Người con trai vừa xấu hổ vừa sợ hãi, liền ôm choàng người cha mình đưa vào nhà, tắm rửa lau mình, mặc áo quần sạch sẽ và lập làm gia chủ.

Rồi thì, Bà-la-môn tự nghĩ: “Ta có được dòng họ tôn quý như hôm nay, là nhờ ân đức của Sa-môn Cù-đàm. Như kinh điển của ta đã dạy: ‘Là Thầy thì cúng dường như bậc Thầy; là Hòa thượng thì cúng dường như là Hòa thượng. Những gì ta đã được hôm nay đều nhờ vào oai lực của Sa-môn Cù-đàm. Ngài là Thầy của ta. Hôm nay ta sẽ đem chiếc y quý giá tốt đẹp nhất cúng dường cho Cù-đàm.’”

Bấy giờ, Bà-la-môn đem chiếc y quý giá nhất đến chỗ Đức Thế Tôn. Trước mặt Thế Tôn, cùng thăm hỏi sức khỏe rồi, sau đó ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Cù-đàm, ngày nay gia cư của con được thành tựu là nhờ vào oai lực của đức Cù-đàm. Như kinh điển bên con đã dạy: “Là Thầy thì cúng dường như là bậc Thầy, là Hòa thượng thì cúng dường như là Hòa thượng.” Ngày nay Cù-đàm là Thầy của con, xin thương xót con mà nhận chiếc y này.”

Vì thương xót mà Đức Thế Tôn đã nhận chiếc y.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì Bà-la-môn mà nói đủ các pháp, chỉ dạy, làm sáng tỏ, làm cho vui mừng.

Bà-la-môn nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ cáo lui.

KINH 1073. KHÁT THỰC⁷⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ vào buổi sáng sớm, Đức Thế Tôn khoác y cầm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Lúc ấy có một Bà-la-môn tuổi già sức yếu, chống gậy cầm bát đi khát thực từng nhà. Bà-la-môn này từ xa nhìn thấy Đức Thế Tôn liền [27a] tự nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm chống gậy bưng bát, đi khát thực từng nhà. Ta cũng chống gậy ôm bát đi khát thực từng nhà. Ta cùng Cù-đàm đều là Tỳ-kheo⁷⁶.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ để trả lời:

*Được gọi là Tỳ-kheo,
Chẳng chỉ vì khát thực.
Kẻ trì pháp tại gia,
Sao được gọi Tỳ-kheo?
Đã lìa dục tai hại,
Tu tập các chánh hạnh,
Tâm mình không sợ hãi,
Đó gọi là Tỳ-kheo.*

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn kia nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ làm lễ cáo lui.

KINH 1074. CANH ĐIỀN⁷⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật từ Câu-tát-la du hành trong nhân gian đến trụ trong rừng Nhất-na-la⁷⁸, tại tụ lạc Nhất-na-la. Bấy giờ Đức Thế Tôn khoác y mang bát vào tụ lạc Nhất-na-la khát thực. Rồi Thế Tôn nghĩ: “Nay trời còn quá sớm. Giờ Ta hãy đi đến chỗ phân phát ẩm thực⁷⁹”

⁷⁵ Đại chánh, kinh 97. S.7. 20. Bhikkhaka. Biệt dịch, No 100(263).

⁷⁶ Pāli: *Bhikkhako*, người ăn xin, hành khát. Bản Hán là *Bikkhu*.

⁷⁷ Đại chánh, kinh 98. S. 7. 11. Kasi; Sn. 14. Biệt dịch, No 100(264)

⁷⁸ Nhất-na-la 一那羅. Pāli: Ekanālā.

⁷⁹ Hán: tác ẩm thực xứ 作飲食處. Pāli: *parivesanā*, sự phân phối thực phẩm, hay sự dọn ăn.

của Bà-la-môn làm ruộng là Bà-la-đậu-bà-giá⁸⁰.” Bà-la-môn chuẩn bị đủ năm trăm cái cày, đang phân phát âm thực. Từ xa Bà-la-môn cày ruộng Bà-la-đậu-bà-giá nhìn thấy Đức Thế Tôn, bèn thưa rằng:

“Cù-đàm, nay tôi cày ruộng, gieo giống để cung cấp lương thực. Vậy, Sa-môn Cù-đàm cũng nên cày ruộng gieo giống để cung cấp lương thực!”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Ta cũng cày ruộng gieo giống, để cung cấp lương thực.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Tôi không thấy Sa-môn Cù-đàm sấm cái cày, cái ách, dây buộc, cái bừa, hay cái roi, mà nay Cù-đàm lại nói: Ta cũng cày ruộng, gieo giống, để cung cấp lương thực!”

Lúc ấy, Bà-la-môn cày ruộng Bà-la-đậu-bà-giá liền nói kệ rằng:

*Người tự nói cày ruộng,
Mà không thấy cái cày;
Lại bảo tôi cày ruộng.
Xin cho biết phép cày.*

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ đáp lại rằng:

*Tín tâm là hạt giống,
Khổ hạnh: mưa đúng mùa,
Trí tuệ là cày, ách,
Tâm quý là cán cày.
Tự gìn giữ chánh niệm,
Là người giỏi chế ngự.
Giữ kín nghiệp thân, miệng,
Nhu thực phẩm trong kho.
[27b] Chân thật là xe tốt,
Lạc trú,⁸¹ không biếng nhác,
Tinh tấn không bỏ hoang,
An ổn mà tiến nhanh,
Thẳng đến không trở lại,
Đến được chỗ không lo.*

⁸⁰ Hán: canh điền Bà-la-đậu-bà-giá 耕田婆羅豆婆遮. Pāli: kasi-bhāradvāja-brāhmaṇa.

⁸¹ Chỉ các thiền định.

*Người cày ruộng như vậy,
Chúng đắc quả Niết-bàn.
Người cày ruộng như vậy,
Không tái sinh các hữu.*

Bấy giờ, Bà-la-môn cày ruộng Bà-la-đậu-bà-giá bạch Phật rằng:
“Cù-đàm rất giỏi cày ruộng! Cù-đàm cày ruộng thật hay!”

Rồi thì, sau khi nghe Đức Thế Tôn nói kệ, tín tâm đối với ông càng tăng, Bà-la-môn cày ruộng Bà-la-đậu-bà-giá đem dâng cúng Phật một bát đầy đồ ăn thức uống thơm ngon. Đức Thế Tôn không nhận, vì có được là do nói bài kệ. Ngài bèn nói kệ rằng:

*Không vì việc nói pháp,
Nhận ăn thức ăn này.
Chỉ vì lợi ích người,
Nói pháp không thọ thực.*

Nói rộng như đã nói rộng với Hỏa chủng Bà-la-môn ở trước như vậy.

Bà-la-môn cày ruộng Bà-la-đậu-bà-giá bạch Đức Phật rằng:

“Bạch Cù-đàm, giờ con đem thức ăn này để chỗ nào?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Ta không thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, thiên thần, hay người thế gian nào, mà dùng thức ăn này được an ổn được. Nay Bà-la-môn, ông hãy đem thức ăn này để vào trong nước không có trùng hay chỗ đất nào ít cỏ tươi.”

Khi ấy, người Bà-la-môn này đem thức ăn đặt vào trong nước không có trùng, nước liền bốc khói, sôi bùng kêu xèo xèo. Như hòn sắt nóng được ném vào trong nước lạnh phát ra tiếng kêu xèo xèo; cũng vậy, thức ăn này được để vào trong nước không có trùng thì sôi bùng khói bốc lên và phát ra tiếng kêu xèo xèo. Bà-la-môn tự nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm thật là kỳ đặc, có oai đức lớn, có oai lực lớn nên mới có thể làm cho đồ ăn thức uống thần biến như vậy.” Khi Bà-la-môn thấy thức ăn hiện điềm lành, lòng tin của ông càng tăng, lại bạch Phật rằng:

“Bạch Cù-đàm, nay con có thể được phép ở trong chánh pháp xuất gia thọ cụ túc không?”

Đức Phật bảo Bà-la-môn:

“Nay ông có thể được phép ở trong chánh pháp, xuất gia thọ cụ túc; được làm Tỳ-kheo.”

Sau khi Bà-la-môn này xuất gia rồi, một mình lặng lẽ tư duy về lý do thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín, xuất gia, học đạo, sống không gia đình, cho đến đắc quả A-la-hán, tâm khéo giải thoát.

KINH 1075. TỊNH THIÊN⁸²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại thành Vương xá. Bấy giờ có Tôn giả [27c] tên là Tịnh Thiên⁸³, từ nước Ti-đề-ha du hành trong nhân gian đến trong vườn am-la⁸⁴ tại thành Di-hi-la. Sáng hôm ấy, Tôn giả Tịnh Thiên khoác y mang bát vào thành Di-hi-la khát thực, theo thứ tự khát thực, đi lần đến nhà cũ.

Cũng lúc ấy, mẹ của Tịnh Thiên, tuổi đã già, đang dâng lễ cúng thân Lửa tại nhà giữa để cầu sanh lên cõi Phạm thiên, mà không biết Tôn giả Tịnh Thiên đang đứng ngoài cửa. Bấy giờ, Ti-sa-môn Thiên vương đối với Tôn giả Tịnh Thiên sanh lòng kính tin cực kỳ. Ti-sa-môn Thiên vương, cùng với các hàng Dạ-xoa theo sau, đang nương vào hư không mà đi, thấy Tôn giả Tịnh Thiên đang đứng ngoài cửa; lại thấy trong nhà giữa mẹ Tôn giả đang bung đồ ăn thức uống dâng cúng thân Lửa, mà không thấy con mình đang đứng ngoài cửa. Thấy vậy, từ không trung hạ xuống, đến trước mặt mẹ Tịnh Thiên nói kệ rằng:

*Bà-la-môn-ni này,
Phạm thiên thật xa vời,
Vì muốn sanh nơi đó,
Ở đây thờ cúng lửa.
Chẳng phải đường Phạm thiên,
Thờ tự chi vô ích?
Này Bà-la-môn-ni,
Tịnh Thiên đứng ngoài cửa,
Cấu uế đã dứt sạch,
Là trời trong các trời.
Thông dong, không có gì,*

⁸² Đại chánh, kinh 99. S. 6. 3. Brahmadeva. Biệt dịch, No 100(265).

⁸³ Tịnh Thiên 淨天. S. 6. 3: con trai của một nữ Bà-la-môn, tên là Brahmadeva, đã xuất gia.

⁸⁴ Tức vườn xoài.

Một mình không tài sản,
 Vì khát thực, vào nhà,
 Là người đáng cúng dường.
 Tịnh Thiên khéo tu thân,
 Ruộng phước tốt Trời, Người,
 Xa lìa tất cả ác,
 Không hề nhiễm, bị nhiễm.
 Đức đồng với Phạm thiên;
 Thân tuy ở nhân gian,
 Mà không nhiễm pháp nào,
 Như rồng đã thuần thực⁸⁵.
 Tỳ-kheo sống chánh niệm,
 Tâm mình khéo giải thoát.
 Nên dâng nắm cơm đầu⁸⁶,
 Là ruộng phước tối cao.
 Nên đem tâm chánh tín,
 Kịp thời cúng dường nhanh.
 Nên dự lập hòn đảo,
 Khiến vị lai an lạc.
 Bà xem ản sĩ⁸⁷ này,
 Đã qua dòng biển khổ.
 Cho nên hãy tín tâm,
 Kịp thời cúng dường nhanh;
 Nên dự lập hòn đảo,
 Khiến vị lai an lạc.
 Thiên vương Tỳ-sa-môn,
 Chỉ bày, bỏ thờ Lửa.

[28a] Bấy giờ, Tôn giả Tịnh Thiên vì mẹ mình mà nói pháp bằng nhiều cách, soi sáng chỉ bày, làm cho an vui, rồi trở ra đường mà đi.

⁸⁵ Hán: thuần thực long 淳熟龍; nên hiểu là “voi chúa đã được khéo huấn luyện”.

Pāli: *nāgavo danto*.

⁸⁶ Nguyên bản: sơ Phật 初佛. Bản Tống: sơ đoàn 初揣.

⁸⁷ Nguyên Hán: mâu-ni 牟尼.

KINH 1076. PHẬT (1)⁸⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Bà-la-môn đến chỗ Phật, cùng thăm hỏi sức khỏe, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Cù-đàm, gọi là Phật, vậy thế nào là Phật? Là tên do cha mẹ đặt, hay là do Bà-la-môn đặt?”

Rồi Bà-la-môn liền nói kệ rằng:

*Phật là tên hơn hết,
Vượt lên cả thế gian,
Là do cha mẹ đặt,
Gọi đó là Phật chẳng?*

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng kệ đáp rằng:

*Phật thấy đời quá khứ,
Thấy vị lai cũng vậy,
Cũng thấy đời hiện tại,
Tất cả hành khởi diệt,
Trí sáng biết rõ ràng,
Điều cần tu đã tu,
Điều nên đoạn đã đoạn,
Cho nên gọi là Phật.
Nhiều kiếp tìm lựa chọn,
Thuần khổ không chút vui,
Có sanh ắt có diệt,
Xa lìa dút bụi nhơ,
Nhỏ gốc gai kết sử,
Đẳng giác gọi là Phật.*

Phật nói kệ xong, Bà-la-môn nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

KINH 1077. PHẬT (2)⁸⁹

Tôi nghe như vậy:

⁸⁸ Đại chánh, kinh 100. Biệt dịch, No 100(266).

⁸⁹ Đại chánh, kinh 101. A. 4. 36 Loke (Đoạn). Biệt dịch, No 100(267), No 125(38.3).

Một thời, Đức Phật ở tại nước Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, ngồi nghỉ trưa⁹⁰ dưới một bóng cây giữa hai thôn Hữu-tùng-ca-đế⁹¹ và Đọa-curu-la⁹². Lúc ấy có một Bà-la-môn thuộc dòng họ Đậu-ma⁹³ đang đi trên con đường kia, đến sau Phật. Ông thấy dấu chân Phật hiện ra như bánh xe ngàn căm, dấu chỉ rõ ràng, chỉ bên trong thì đều, vòng chỉ bên ngoài thì tròn, tất cả đều đẹp đẽ và đầy đặn. Thấy vậy, ông liền tự nghĩ: “Ta chưa từng thấy người thế gian nào mà có dấu chân như vậy. Giờ ta phải theo dấu mà tìm cho ra người này.”

Ông liền theo dấu chân đưa đến chỗ Phật, thấy Đức Thế Tôn đang ngồi nghỉ trưa dưới một gốc cây, dung mạo đoan nghiêm tuyệt thế, các căn vắng lặng, tâm Ngài an định tịch tĩnh, điều phục đệ nhất, thành tựu chánh quán, ánh sáng rực rỡ, giống như núi vàng.

Sau khi đã thấy vậy rồi, ông liền bạch:

“Ngài là [28b] Trời chăng?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Ta chẳng phải là Trời.”

Lại hỏi:

“Là Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân, Phi nhân chăng?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Ta chẳng phải Rồng ... *cho đến* Nhân, Phi nhân.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Nếu bảo rằng chẳng phải Trời, chẳng phải Rồng... *cho đến* chẳng phải Nhân, chẳng phải Phi nhân, vậy thì Ngài là ai?”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng kệ đáp rằng:

*Trời, Rồng, Càn-thát-bà,
Khẩn-na-la, Dạ-xoa,
A-tu-la không lành,*

⁹⁰ Đề bản: nhập tận chánh thọ 入盡正受. Theo bản Tổng, sửa lại: nhập trú... 入晝.

Pāli: divāvihāra.

⁹¹ Hữu-tùng-ca-đế 有從迦帝. Bản Tổng: Hữu-ti-ca-đế 有徙迦諦. A. 4. 36:

Ukkaṭṭha.

⁹² Đọa curu-la 墮鳩羅. Pāli: Setavya.

⁹³ Đậu-ma chủng tánh 豆磨種姓. Pāli: Bà-la-môn Doṇa.

*Những La-hầu-la-già,
Nhân cùng chẳng phải Nhân,
Đều do phiền não sanh.
Lậu hoặc phiền não này,
Tất cả, Ta đã bỏ,
Đã phá, đã diệt sạch,
Như hoa phân-đà-lợi,
Tuy sanh từ trong nước,
Nhưng chưa từng dính nước.
Ta tuy sanh thế gian,
Chẳng bị nhiễm thế gian.
Nhiều kiếp thường lựa chọn,
Thuận khổ không chút vui.
Tất cả hành hữu vi,
Thảy đều bị sanh diệt,
Trừ bản, không lay động,
Đã nhỏ sạch gai góc,
Cùng tốt bờ sanh tử,
Cho nên gọi là Phật.*

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Đâu-ma nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ, rồi tiếp tục mà đi.

KINH 1078. LÃNH QUẦN ĐẶC⁹⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ vào buổi sáng sớm, Đức Thế Tôn khoác y mang bát vào thành Vương xá khát thực, theo thứ tự khát thực, đến nhà Bà-la-môn Bà-la-đâu-bà-giá⁹⁵. Lúc ấy, Bà-la-môn tay cầm cái thìa gỗ đựng đầy thức ăn, sửa soạn cúng dường lửa, đang đứng ở bên cửa. Từ xa trông thấy Phật đi đến, ông liền gọi Phật rằng:

“Hãy dừng lại! Dừng lại! Đây gã tiện dân⁹⁶, chớ đến gần cửa tôi.”

Phật bảo Bà-la-môn:

⁹⁴ Đại chánh, kinh 102. Sn. 1.7. Vasala. Biệt dịch, No 100(268).

⁹⁵ Bà-la-đâu-bà-giá 婆羅豆婆遮. Pāli: Bhāradvāja thờ lửa.

⁹⁶ Nguyên Hán: lãnh quần đặc 領群特: gã chăn bò. Pāli: *vasalaka*, gã tiện dân, người hèn hạ. Bản Hán đọc là *vacchalaka*.

“Ông có biết tiện dân và pháp của tiện dân không?”

Bà-la-môn nói:

“Tôi không biết tiện dân và cũng không biết pháp của tiện dân. Vậy, Sa-môn Cù-đàm có biết tiện dân và pháp của tiện dân không?”

Phật bảo:

“Ta biết rõ về tiện dân và pháp của tiện dân.”

Ngay lúc đó Bà-la-môn để xuống những dụng cụ thờ lửa, vôi vàng trải giường ngồi, mời Đức Phật ngồi và thưa rằng:

“Bạch Cù-đàm, xin vì tôi mà nói về tiện dân và pháp của tiện dân.”

Đức Phật liền ngồi vào chỗ ngồi và nói kệ rằng:

*Tâm sân nhuế, ôm hận,⁹⁷
Che giấu các lỗi lầm,⁹⁸
Khởi ác kiến, phạm giới,
Dối trá không chân thật;
Những con người⁹⁹ như vậy,
Nên biết, là tiện dân.
Hung bạo, tham, bủn xỉn,
Ác dục, keo, trá ngụy,
Tâm không hổ, không thẹn,
Nên biết, là tiện dân.
Loài một sanh, hai sanh,¹⁰⁰
Tất cả đều sát hại,
Không có lòng thương xót,
Đó là hạng tiện dân.
Hoặc giết, trói, đánh, đập,
Thôn xóm cùng thành ấp,
Trách mắng cách vô đạo,¹⁰¹
Biết đó là tiện dân.*

⁹⁷ Phẫn và hận, tâm sở bất thiện.

⁹⁸ Phú hay phú tàng, tâm sot bất thiện.

⁹⁹ Nguyên Hán: sĩ phu 士夫.

¹⁰⁰ Nhất sanh, nhị sanh 一生二生. Pāli: *ekajam vā dvijam*; Số giải: trừ loài sanh trùng, còn lại là loài một (lần) sanh. Hai lần sanh, là loài sanh trùng.

¹⁰¹ Pāli: *niggāhako samaññāto*, kẻ được gọi là áp bức. Bản Hán hiểu *niggāhaka* là kẻ trách mắng

Ở, dừng và đi đường,
Dẫn đầu một nhóm đông,
Hành hạ người dưới tay,
Gây sợ hãi bức hiếp,
Thủ lợi về cho mình,
Biết đó là tiện dân.
Thôn xóm cùng đất trồng,
Vật có chủ, không chủ,
Chiếm đoạt làm của mình,
Biết đó là tiện dân.
Tự bỏ bê vợ mình,
Lại không vào nhà điếm,
Mà xâm đoạt vợ người,
Biết đó là tiện dân.
Những thân thuộc trong ngoài,
Thiện tri thức đồng tâm,
Xâm phạm vật họ yêu,
Biết đó là tiện dân.
Nói dối lừa gạt người,
Gạt lấy của không chúng,
Người đòi mà không trả,
Biết đó là tiện dân.
Vì mình cũng vì người,
Vì trách, hoặc vì tiền¹⁰²
Mà hòa theo lời người,
Nói dối, chứng cho người;
Người nói dối như vậy,
Biết đó là tiện dân.
Tạo nghiệp ác, bất thiện,
Không có người hay biết,
Ẩn giấu che tội ác,
Biết đó là tiện dân.
Nếu người hỏi nghĩa này,

¹⁰² Đê bản: (...) cập tài dữ 及財與: hoặc vì người cho tiền (mà làm chúng dối). Ấn Thuận theo TNM sửa lại là (...) cập vô trách 及無責 (không bị quả trách). Pāli: [dhanahetu](#).

Lại đáp bằng phi nghĩa,
Điên đảo lừa dối người,
Biết đó là tiện dân.
Thật trống, không có gì,
Mà khinh chê người trí,
[29a]Ngu si vì lợi mình,
Biết đó là tiện dân.
Cao mạn tự huênh hoang,
Đi chê bai người khác,
Kiêu mạn thật thấp hèn,
Biết đó là tiện dân.
Tự tạo các lỗi lầm,
Lại đổ lỗi người khác,
Nói dối chê thanh bạch,
Biết đó là tiện dân.
Trước nhận lợi dưỡng người,
Khi người ấy đến mình,
Không có lòng đền đáp,
Biết đó là tiện dân.
Sa-môn, Bà-la-môn,
Đến khát cầu như pháp,
Không cho mà quở trách,
Biết đó là tiện dân.
Khi cha mẹ tuổi già,
Khí lực trẻ đã suy,
Không chăm lo phụng dưỡng,
Biết đó là tiện dân.
Cha mẹ, bậc tôn trưởng,
Anh em, quyến thuộc thân.
Thật không phải La-hán,
Tự hiện đức La-hán,
Là giặc lớn thế gian,
Biết đó là tiện dân.
Sanh dòng họ tôn quý,
Học sách Bà-la-môn,
Mà ở trong chỗ đó,
Tập làm các nghiệp ác,

*Không vì sanh nơi quý,
Mà khỏi tội, thoát đường ác;
Hiện tại bị quả trách,
Đời sau vào đường ác.
Sanh nhà Chiên-đà-la,
Đời gọi Tu-đà-di¹⁰³,
Tiếng đồn khắp thiên hạ,
Mà Chiên-đà không có.
Bà-la-môn, Sát-lợi,
Đại tộc, thấy cúng dường.
Theo đường lên Tịnh thiên¹⁰⁴,
Sống bình đẳng chân thật;
Không vì chỗ sanh chướng,
Mà không sanh Phạm thiên.
Hiện tại tiếng đồn tốt,
Đời sau sanh cõi lành,
Hai đời ông nên biết,
Như Ta đã chỉ bày.
Không vì dòng họ sanh,
Mà gọi là tiện dân.
Không vì dòng họ sanh,
Mà gọi Bà-la-môn.
Hành nghiệp, thành tiện dân;
Hành nghiệp, Bà-la-môn.*

Bà-la-môn bạch Phật rằng:

[28b] *Đại Tinh Tấn, đúng vậy!
Đại Mâu-ni, đúng vậy!
Không vì chỗ sanh ra,
Mà gọi là tiện dân,
Không vì chỗ sanh ra,
Gọi là Bà-la-môn,
Hành nghiệp, thành tiện dân;*

¹⁰³ Tu-đà-di 須陀夷; có lẽ đồng nhất với Mātanga của Pāli: Bồ-tát sanh làm người Chiên-đà-la (giai cấp hạ tiện) tên là Mātanga, nhưng danh tiếng đồn vang, khiến các nhà đại tộc cũng phải cung kính. Xem Mātanga jātika (No 497).

¹⁰⁴ Tịnh thiên đạo 淨天道, tức đường dẫn lên Phạm thiên.

Hành nghiệp, Bà-la-môn.

Bấy giờ, Bà-la-môn thờ Lửa Bà-la-đậu-bà-giá càng được thêm tín tâm, bèn lấy bát đựng đầy thức ăn thượng hảo dâng lên Đức Thế Tôn. Thế Tôn không nhận, vì nói bài kệ này mà có được, *như bài kệ đã nói trên.*

Bấy giờ, Bà-la-môn thờ lửa Bà-la-đậu-bà-giá thấy thức ăn hiện ra điềm lạ (*như kinh 98*) lòng tin của ông càng tăng, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, nay con có được phép ở trong Chánh pháp luật xuất gia thọ cụ túc không?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Nay ông được phép ở trong Chánh pháp luật xuất gia thọ cụ túc.”

Sau khi được xuất gia rồi, một mình lặng lẽ tư duy (*như trước đã nói ... cho đến đắc quả A-la-hán, tâm khéo giải thoát*).

Khi Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá đã đắc A-la-hán, tâm khéo giải thoát rồi, tự biết được hỷ lạc, liền nói bài kệ rằng:

*Trái đạo, cầu thanh tịnh,
Cúng dường tế thân Lửa,
Không biết đạo thanh tịnh,
Như kẻ mù bám sinh.
Nay đã được an lạc,
Xuất gia thọ cụ túc,
Chúng đạt được ba minh.
Điều Phật dạy đã làm.
Trước Bà-la-môn khó,
Nay là Bà-la-môn,
Đã tắm, sạch bụi bẩn,
Vượt chur Thiên bờ kia.¹⁰⁵*

KINH 1079. BÀ-TÚ'-TRA¹⁰⁶

Tôi nghe như vậy:

¹⁰⁵ Bản Hán, hết quyển 4, “Trương ung Bà-la-môn” đến đây bị cắt ngang do sự rối loạn số quyển. Trương ung này được nối tiếp với kinh số 1178, quyển 44.

¹⁰⁶ Đại chánh, quyển 44, kinh 1178. Pāli, cf. Theri. 133. Vāsiṭṭhī. Biệt dịch, No 100(92).

Một thời đức Phật ở trong vườn Am-la, tại nước Di-hi-la.¹⁰⁷ Khi ấy, có thiếu phụ Bà-la-môn tên là Bà-tứ-tra,¹⁰⁸ có sáu người con qua đời liên tiếp. Vì nhớ con nên bà phát cuồng, trần truồng, xỏa tóc, cứ theo đường mà chạy,¹⁰⁹ đến trong vườn Am-la, Di-hi-la. Bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô lượng đại chúng vây quanh. Từ xa thiếu phụ Bà-la-môn Bà-tứ-tra trông thấy Thế Tôn. Vừa thấy, bỗng tỉnh tâm lại, thẹn thùng xấu hổ, nép mình ngồi xỏm xuống.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

“Lấy uất-đa-la-tăng của người đem cho thiếu phụ Bà-la-môn Bà-tứ-tra. Bao khoác vào mà nghe pháp.”

Tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy, lấy y đưa cho bà khoác vào. **[317c]** Sau khi được y, bà khoác vào, rồi đến trước Phật cúi đầu lễ Phật, ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn vì bà thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Như thường lệ, đức Phật thuyết pháp theo thứ lớp *cho đến* tín tâm thanh tịnh, thọ tam tự quy.

Sau khi nghe Phật thuyết pháp, bà hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ rồi ra về .

Sau đó người con thứ bảy của Ưu-bà-di Bà-tứ-tra này đột nhiên lại qua đời. Nhưng bà Ưu-bà-di này không còn ưu bi, khổ, não, khóc lóc nữa. Lúc bấy giờ, chồng của bà Ưu-bà-di Bà-tứ-tra làm kệ nói với bà rằng:

*Những đứa con trước chết,
Nhớ thương sinh ưu khổ;
Ngày đêm không ăn uống,
Cho đến phát cuồng điên.
Nay chôn đứa thứ bảy,
Mà không sinh ưu khổ!?*

Ưu-bà-di Bà-tứ-tra liền nói kệ đáp lại cho chồng rằng:

*Con cháu có cả nghìn,
Nhân duyên hoà hợp sinh;
Đã lâu thành quá khứ;
Tôi và ông cũng vậy.*

¹⁰⁷ Di-hi-la 彌絺羅. Pāli: Mithilā.

¹⁰⁸ Bà-tứ-tra 婆四吒. Pāli: Vāsetṭhī.

¹⁰⁹ Bà chạy từ Valī đến Mithilā.

*Con cháu và dòng họ,
Số này không hạn lượng,
Sinh nơi này, nơi kia;
Tàn sát, ăn thịt nhau.*

*Nếu biết cuộc sống ác,¹¹⁰
Sinh ưu khổ làm gì.
Tôi đã biết xuất ly,
Sự sống chết, còn mắt.
Không còn sinh ưu khổ,
Do nhập Chánh pháp Phật.*

Lúc ấy, người chồng của Ưu-bà-di Bà-tứ-trà làm kệ khen rằng:

*Pháp chưa từng được nghe,
Mà nay nghe bà nói.
Nghe nói pháp ở đâu,
Không ưu khổ nhớ con?*

Ưu-bà-di Bà-tứ-trà làm kệ đáp:

*Nay đáng Đấng chánh giác,
Tại nước Câu-hi-la;
Trong vườn cây Am-la,
Lìa hẳn tất cả khổ.
Diễn nói tất cả khổ,
Khổ tập, Khổ tịch diệt.
Bát chánh đạo Hiền Thánh,
An ổn hướng Niệt-bàn.
Đó là Thầy của tôi,
Hâm mộ chánh giáo Ngài.
Tôi đã biết chánh pháp,
Hay trừ khổ nhớ con.*

[318a] Người chồng là Bà-la-môn nói kệ đáp:

*Nay tôi cũng sẽ đến,
Vườn Am-la, Di-hi.
Đức Thế Tôn cũng sẽ,
Dạy bỏ khổ nhớ con.*

Ưu-bà-di lại nói kệ đáp:

¹¹⁰ Ác 要; Ân Thuận, Phật quang đọc là *yếu*. Các bản Tống Nguyên Minh đọc là *ác*.

*Nên quán Đẳng chánh giác,
Mềm mại thân sắc vàng;
Điều phục người khó điều,
Đưa khắp người qua bể.*

Bảy giờ, Bà-la-môn liền sửa soạn xe cộ; rồi lên xe ngựa đến vườn Am-la, Di-hi. Từ xa trông thấy Thế Tôn, lòng tin vui tăng lên, ông đến trước Đại sư. Khi ấy Đại sư vì ông mà nói kệ, khai mở pháp nhãn cho ông, thấy khổ, tập, diệt, đạo, thẳng đến Niết-bàn. Ông liền thấy pháp, thành tựu hiện quán. Sau khi biết pháp rồi, xin được phép xuất gia. Ngay lúc đó Bà-la-môn liền được xuất gia, rồi một mình ở chỗ yên tĩnh, tư duy ... *cho đến* đắc A-la-hán.

Thế Tôn đã ký thuyết là chờ vào đêm thứ ba, ông sẽ đắc tam minh. Sau khi đắc tam minh rồi, đức Thế Tôn bảo ông, sai người đánh xe hãy đem xe về nhà, cho Ưu-bà-di Bà-tứ-tra biết, để bà hoan hỷ; nói rằng: Ông Bà-la-môn đã đến gặp Thế Tôn; đã có được tín tâm thanh tịnh, đã kính thờ làm Thầy. Đại sư liền vì ông thuyết pháp, vì ông mà khai mở pháp nhãn; ông đã thấy Khổ Thánh đế, Khổ tập, Khổ diệt, tám chi đạo Hiền Thánh, an ổn thẳng đến Niết-bàn, thành tựu hiện quán. Sau khi biết pháp rồi, ông liền xin xuất gia. Thế Tôn đã ký thuyết là vào đêm thứ ba ông đắc tam minh đầy đủ.

Người đánh xe vâng lời, cho xe quay về nhà. Từ xa, Ưu-bà-di Bà-tứ-tra trông thấy người đánh xe đánh cỗ xe không trở về, liền hỏi:

“Ông Bà-la-môn có gặp được Phật không? Phật có vì ông thuyết pháp, khai thị pháp nhãn cho ông thấy Thánh đế không?”

Người đánh xe thưa:

“Ông Bà-la-môn đã đến gặp Thế Tôn; đã có được tín tâm thanh tịnh, đã kính thờ làm Thầy. Đại sư liền vì ông thuyết pháp, vì ông mà khai mở pháp nhãn, ông đã thấy Khổ Thánh đế, Khổ tập, Khổ diệt, tám chi đạo Hiền Thánh, an ổn thẳng đến Niết-bàn, thành tựu hiện quán. Sau khi biết pháp rồi, ông liền xin xuất gia. Thế Tôn đã ký thuyết là vào đêm thứ ba ông đắc tam minh đầy đủ.”

Khi ấy, Ưu-bà-di trong lòng vui vẻ, nói với người đánh xe:

“Tôi cho ông chiếc xe ngựa này, cộng thêm một trăm nghìn tiền vàng, vì ông đã truyền tin, nói là Bà-la-môn Tú-xá-đế¹¹¹ đã chứng tam minh, khiến lòng tôi vui vẻ.”

Người đánh xe đáp:

“Bây giờ con đâu cần xe ngựa, và vàng bạc làm gì? Xe ngựa vàng bạc, xin trả lại cho bà Ưu-bà-di. Nay con sẽ trở lại chỗ Bà-la-môn, theo ông xuất gia.”

Ưu-bà-di nói:

“Ý ông như vậy, thì hãy mau mau trở lại để theo ông chủ xuất gia, không bao lâu cũng sẽ được **[318b]** tam minh đầy đủ như ông chủ.”

Người đánh xe Bạch:

“Đúng vậy, thưa bà Ưu-bà-di. Như ông chủ xuất gia, con cũng sẽ như vậy.”

Bà Ưu-bà-di nói:

“Cha của con đã xuất gia. Con cũng xuất gia theo.¹¹² Ta nay không bao lâu cũng sẽ đi theo. Giống như con rồng lớn trong đồng trống lướt qua hư không mà du hành. Những con rồng khác, rồng con trai, rồng con gái, thầy đều bay theo. Ta cũng như vậy, sẽ mang bát, khốac y, sống đời dễ thỏa mãn.”

Người đánh xe thưa:

“Thưa bà Ưu-bà-di, nếu như vậy, sở nguyện của bà ắt sẽ thành tựu. Không bao lâu sẽ thấy bà Ưu-bà-di ít muốn, biết đủ, khốac y, mang bát, xin nhận những gì người ta bỏ đi mà ăn, cạo tóc, mặc áo nhuộm. Ở nơi uẩn, giới, nhập, mà đoạn trừ ái dục, xa lìa sự trói buộc của tham, và đoạn tận các hữu lậu.”

Ông Bà-la-môn, người đánh xe, bà Ưu-bà-di Bà-tứ-tra, và cô con gái là Tôn-đà-bàn-lê¹¹³ đều xuất gia, cứu cánh thoát khổ.

¹¹¹ Tú-xá-đế 宿闍諦. Pāli: Sujāta.

¹¹² Bản Hán có thể nhảy sót. Cf. No 100(92): sau khi hay tin cha đã xuất gia, cô con gái Tôn-đà-lị 孫陀利 cũng xin mẹ cho cô xuất gia theo cha. Đây là lời của bà nói với con gái.

¹¹³ Tôn-đà-bàn-lê 孫陀槃梨. Pāli: Sundarī.

KINH 1080. THẮT NGƯỜI¹¹⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong tinh xá Đại lâm, tại nước Tì-xá-li. Bấy giờ, có Bà-la-môn Tì-lê-da Bà-la-đậu-bà-giá,¹¹⁵ sáng sớm đi mua bò, chưa kịp trả tiền, ngay hôm đó mất bò. Sáu ngày không tìm thấy. Nhân tìm bò, Bà-la-môn đến tinh xá Đại lâm.

Từ xa trông thấy Thế Tôn đang ngồi dưới một gốc cây, dung nghi đĩnh đạc, các căn thanh tịnh, tâm Ngài vắng lặng, thành tựu chỉ quán. Thân Ngài sắc vàng chiếu sáng chói. Thấy vậy, ông liền đến trước Ngài, nói kệ:

*Thế nào, không sờ cầu,
Ở nơi trống vắng này?
Một mình nơi rừng vắng,
Mà tâm được an lạc?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Hoặc mắt, hoặc được lại,
Với Ta, tâm không loạn.
Bà-la-môn nên biết,
Chớ bảo, người như Ta.
Tâm chấp việc được mắt,
Tâm ấy không tự tại.*

Lúc ấy Bà-la-môn lại nói kệ:

*Chỗ Phạm chí hơn hết,
Đúng như Tỳ-kheo nói.
Nay hãy nghe tôi nói,
Sự thật ở nơi tôi.*

Sa-môn định chẳng phải

*Người sáng sớm mất bò,
Sáu ngày tìm không được;
Cho nên sống an lạc.*

Sa-môn định chẳng phải

¹¹⁴ Đại chánh, kinh 1179. Pāli, S. 7. 10. Bahudhīti. Biệt dịch, No 100(93).

¹¹⁵ Tì-lê-da Bà-la-đậu-bà-giá 毘梨耶婆羅豆婆遮. No 100(93): Uất-tầu-la đệt-la-xà 鬱湊羅突邏閣. Pāli: có một người bà-la-môn nợ thuộc dòng họ Bhāradvāja.

Người gieo trồng ruộng mè;
Lo cỏ hoang phủ mát;
Cho nên sống an lạc.

Sa-môn định chảng phải
Người trồng lúa, thiếu nước,
Sợ hoang khô mà chết;
Cho nên sống an lạc.

Sa-môn định chảng phải
Có bảy con gái góa,
Đều nuôi con mồ côi;
Cho nên sống an lạc.

Sa-môn định chảng phải
Có bảy con không yêu,
Phóng túng nhiều nợ nần;
Cho nên sống an lạc.

Sa-môn định chảng phải
Bị chủ nợ chặn cửa;
Đòi nợ lãi lâu ngày;
Cho nên sống an lạc.
Sa-môn định chảng phải,
Có chẵn dày bảy lớp,
Phải lo nhật sâu rạn;
Cho nên sống an lạc.

Sa-môn định chảng phải,
Vợ tóc vàng, mắt đỏ,
Ngày đêm nghe tiếng ác;
Cho nên sống an lạc.

Sa-môn định chảng phải,
Bò không, đàn chuột giỡn,
Thường lo lắng đầy, voi;
Cho nên sống an lạc.

Thế Tôn nói kệ đáp lại:

Ta cố nhiên không phải,
Người sáng sớm mất bò,
Sáu ngày tìm không ra;

Cho nên sống an lạc.

Ta cố nhiên không phải
Người gieo trồng ruộng mè,
Lo cỏ hoang phủ mát;
Cho nên sống an lạc.

Ta cố nhiên không phải
Người trồng lúa, thiếu nước,
Sợ hoang khô mà chết;
Cho nên sống an lạc.

Ta cố nhiên không phải
Có bảy con gái góa,
Đều nuôi con mồ côi;
Cho nên sống an lạc.

Ta cố nhiên không phải
Có bảy con không yêu,
Phóng túng nhiều nợ nần;
Cho nên sống an lạc.

Ta cố nhiên không phải,
Bị chủ nợ chặn cửa
Đòi nợ lãi lâu ngày;
Cho nên sống an lạc.

[319a]*Ta cố nhiên không phải,*
Có chần dày bảy lớp,
Phải lo nhặt sâu rận;
Cho nên sống an lạc.

Ta cố nhiên không phải,
Vợ tóc vàng, mắt đỏ;
Ngày đêm nghe tiếng ác;
Cho nên sống an lạc.

Ta cố nhiên không phải,
Bò không, đàn chuột giỡn,
Thường lo lắng đây, vơi;
Cho nên sống an lạc.

Không dứt yêu và ghét,

*Chúng sống không an lạc;
Đoạn dục, lìa ân ái,
Mà được sống an lạc.*

Bấy giờ, Thế Tôn vì tinh tấn Ba-la-môn Bà-la-đâu-bà-giá mà thuyết pháp khai thị, dạy dỗ, soi sáng, làm cho vui mừng. Như pháp thường của Phật, Ngài nói pháp thuận thứ, nói về bố thí, trì giới ... *cho đến* ở trong chánh pháp tâm không còn sợ hãi. Ông Bà-la-môn rồi liền từ chỗ ngồi đứng dậy chấp tay bạch Phật:

“Con nay có được xuất gia học đạo thành Tỳ-kheo, tu phạm hạnh ở trong chánh pháp luật không?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Nay ông có thể được xuất gia, thọ cụ túc giới, tu các phạm hạnh ở trong chánh pháp luật ...”

Chi tiết, cho đến đắc A-la-hán, tâm khéo giải thoát.

Bấy giờ tinh tấn Bà-la-môn Bà-la-đâu-bà-giá đắc A-la-hán, duyên tự tâm mà giác tri, được an lạc giải thoát, bèn nói kệ:

*Nay ta thật vui sướng,
Ở trong pháp Đại tiên;
Được vui lìa tham dục,
Không phí công gặp Phật.*

KINH 1081. TRÍ GIẢ¹¹⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong rừng cây Sa-la, tại tụ lạc Bà-la-môn.¹¹⁷ Bấy giờ sáng sớm Thế Tôn khoác y, mang bát vào tụ lạc Bà-la-môn khát thực, bắt chợt mây phi thời nổi lên. Bấy giờ, Thế Tôn nghĩ: ‘Nay, Ta nên đến trong nhà đại hội của trưởng giả Bà-la, tại tụ lạc Bà-la-môn.’¹¹⁸ Nghĩ vậy rồi, Ngài liền đến chỗ nhà hội lớn kia. Khi ấy các gia chủ Ba-la-môn đang hội họp trong nhà đó. Từ xa trông thấy Thế

¹¹⁶ Đại chánh, kinh 1180. Pāli, S. 7. 2 2. Khomadussa. Biệt dịch, No 100(94).

¹¹⁷ Pāli: sống giữa những người họ Thích, tại tụ lạc Khomadussa của họ Thích.

¹¹⁸ Bà-la-môn tụ lạc Bà-la trưởng giả 婆羅門聚落婆羅長者. Pāli: trong nhà hội của những gia chủ Bà-la-môn thuộc tụ lạc Khomadussa.

Tôn, họ cùng bảo với nhau: “Sa-môn cạo đầu kia cuối cùng biết pháp gì?”¹¹⁹

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Gia chủ Bà-la-môn tỳ lạc Bà-la kia rằng:

“Trong dòng Bà-la-môn có người biết pháp, có người không biết pháp; dòng Sát-lị hay Gia chủ, cũng có người biết pháp, có người không biết pháp.”

Thế Tôn liền nói kệ:

[319b] *Bạn không lán lướt bạn;
Vua không dùng kẻ ngang;
Vợ không cầu chồng phục,
Con nào không kính cha?
Không người trí: không hội.
Không trí: không lời pháp;
Tham, sân, si đoạn tận,
Đó gọi là người trí.*

Khi ấy gia chủ Bà-la-môn kia bạch Phật:

“Thiện sĩ Cù-đàm! Thiện sĩ phu! Mời Ngài vào nhà này mà ngồi.”

Sau khi Thế Tôn ngồi rồi, liền bạch rằng:

“Xin Cù-đàm thuyết pháp. Chúng tôi muốn nghe.”

Bấy giờ, Thế Tôn vì Gia chủ Bà-la-môn nơi đại hội này bằng nhiều phương tiện thuyết pháp khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ.

Rồi Ngài lại nói kệ:

*Ngu, trí cùng tỳ hội,
Không nói, biết ai sáng?
Hay nói đạo tịch tĩnh,
Nghe nói, biết kẻ trí.
Người nói, nêu chánh pháp,
Dựng ngọn cờ Đại tiên;
Khéo nói là cờ Tiên,
Pháp là cờ La-hán.*

¹¹⁹Pāli: *ke ca muṇḍakā samaṇakā, ke ca sabhādhammaṃ jānanti?* “Những sa-môn cạo đầu kia là ai? Sao họ không biết phép hội họp?”

Bấy giờ, Thế Tôn sau khi vì các Gia chủ Bà-la-môn nơi tụ lạc Bà-la kiến lập chánh pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ xong, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

KINH 1082. THIÊN TÁC¹²⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở Câu-tát-la, du hành trong nhơn gian. Rồi đến tụ lạc Phù-lê,¹²¹ trú trong vườn am-la của Bà-la-môn Thiên Tác.¹²² Khi ấy Tôn giả Ưu-ba-ma¹²³ làm thị giả. Bấy giờ Thế Tôn đang đau lưng,¹²⁴ bảo Tôn giả Ưu-ba-ma:

“Người cất y bát xong, đến nhà Bà-la-môn Thiên Tác.”

Lúc đó Bà-la-môn Thiên Tác đang ở trong nhà, sai người chải đầu và cạo râu, sửa tóc cho ông. thấy Tôn giả Ưu-ba-ma đang đứng ngoài cửa, ông nói kệ:

*Vì sao cạo râu tóc,
Mình khoác tăng-già-lê,¹²⁵
Đang đứng ngoài cửa đó,
Muốn cầu xin thứ gì?*

Tôn giả Ưu-ba-ma nói kệ đáp:

*Đấng Thiện thế La-hán,
Bị bệnh phong đau lưng;
Có thứ nước an lạc,¹²⁶
Tri bệnh Mâu-ni chẳng?*

Lúc ấy, Bà-la-môn Thiên Tác lấy ra một bát đầy bơ lỏng, một bình dầu, một bình mật mía, cùng bình nước nóng, rồi sai người bung đi, theo Tôn giả Ưu-ba-ma đến chỗ Thế Tôn. Lấy dầu xoa lên thân, dùng nước nóng rửa đi, xong đem bơ lỏng và mật mía làm nước uống. **[319c]** Sau đó, bệnh đau lưng Thế Tôn liền được an ổn. Sáng sớm

¹²⁰ Đại chánh, kinh 1181. Pāli, S. 7. 13. Devahita. Biệt dịch, No 100(95).

¹²¹ Phù-lê tụ lạc 浮梨聚落.

¹²² Thiên Tác 天作婆羅門. No 100(95): Thiên Kinh 天敬. Psali: Devahito brāhmaṇo.

¹²³ Ưu-ba-ma 優波摩. Pāli: Upavāṇa.

¹²⁴ Pāli: *vātehābādhiko*, phong bệnh. No 100(95): hơi bị phong động, đau ở lưng.

¹²⁵ Pāli: *muṇḍo saṅghātīpāruto*, trọc đầu, khoác tăng-già-lê.

¹²⁶ An lạc thủy 安樂水. Pāli: *uṇhodakaṃ*, nước nóng. Bản Hán đọc là *sukhodakaṃ*?

hôm sau Thiên Tác dậy thật sớm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

*Sao gọi Bà-la-môn,
Thí gì được quả lớn?
Thế nào là thời thí,¹²⁷
Sao gọi ruộng phước tịnh?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Nếu được trí túc mạng,
Thấy trời, định hướng sinh,¹²⁸
Diệt trừ các hữu lậu,
Mâu-ni khởi tam minh.
Biết rõ tâm giải thoát,
Giải thoát tất cả tham;
Đó gọi Bà-la-môn.
Thí kia được quả lớn.
Thí kia là thời thí,
Ruộng phước theo ý muốn.*

Bà-la-môn Thiên Tác sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ rồi ra về .

KINH 1083. ĐIỀN NGHIỆP¹²⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở tại Câu-tát-la du hành trong nhơn gian; một đêm nọ dừng chân lại trong rừng Sa-la.

Bấy giờ, cách rừng Sa-la không xa có một Bà-la-môn làm nghề nông.¹³⁰ Sáng sớm thức dậy, ông vào trong rừng Sa-la, từ xa nhìn thấy Thế Tôn đang ngồi dưới một gốc cây, tướng mạo oai nghi xinh đẹp,

¹²⁷ Thời thí 時施, bố thí đúng thời; nhưng ở đây chỉ trong lúc đang bố thí (hiểu theo phân từ hiện tại). No 100(95): thí thời 施時. Pāli: *kathañhi yajamānassa*, như thế nào, trong lúc hiến tế?

¹²⁸ Các bản đều đọc là định thú sinh 定趣生. Nên đọc là *ác thú sinh*, gần với bản Pāli. Pāli: *saggāpāyañca passati*, thấy sinh thiên, hay đọa lạc. No 100(95): thấy người, trời và ác thú.

¹²⁹ Đại chánh, kinh 1182. Pāli, S. 7. 17. Navakammika. Biệt dịch, No 100(96).

¹³⁰ Hán: doanh tác điền nghiệp 營作田業. No 100(96) cũn nói ông này làm ruộng. Bản Pāli: *navakammika*, thợ cắt nhà (hoặc thợ mộc)..

các căn thanh tịnh, tâm người tịch định, thành tựu đầy đủ chỉ quán đệ nhất; thân Ngài có sắc vàng, ánh sáng chiếu suốt. Thấy vậy, ông đến chỗ Ngài, bạch rằng:

“Bạch Cù-đàm, tôi làm nghề nông ở gần đây, nên thích rừng này. Bạch Cù-đàm có nghề nghiệp gì ở đây không, mà thích ở trong rừng này? Rồi nói kệ:

*Tỳ-kheo ở rừng này,
Vì có nghề nghiệp gì,
Nên một mình chỗ vắng,
Thích ở trong rừng này?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp lại:

*Vô sự ở rừng này,
Rễ rừng chặt từ lâu;
Nơi rừng, lìa thoát rừng,
Thiền tư, trừ bất lạc.*

Bà-la-môn sau khi nghe những gì Phật nói, hoan hỷ tùy hỷ, đánh lễ rồi ra về .

KINH 1084. THÁI TÂN¹³¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở tại Câu-tát-la du hành trong nhơn gian; một đêm nọ dừng chân lại trong rừng Sa-la.

Bấy giờ, có một Bà-la-môn ở bên cạnh rừng, cùng năm trăm thiếu niên Bà-la-môn ở chung. Bà-la-môn kia thường tán thán, [320a] mong mỗi, muốn gặp Thế Tôn, “Khi nào Ngài du hành đến rừng này, nhân đó ta đến gặp để hỏi về những chỗ còn nghi. Ngài có rảnh vì ta mà ký thuyết không?”

Khi ấy người đệ tử thiếu niên của Bà-la-môn kia nhân kiếm củi, nên vào trong rừng. Từ xa nhìn thấy Thế Tôn ngồi dưới gốc cây, dung nghi xinh đẹp, các căn vắng lặng, tâm ngài định tĩnh, thân như núi vàng ánh sáng chiếu suốt, thấy rồi tự nghĩ: “Thầy mình thường tán thán, kính ngưỡng và mong được gặp Ngài Cù-đàm để hỏi những điều nghi ngờ. Nay Sa-môn Cù-đàm này đến trong rừng này, ta phải nhanh

¹³¹ Đại chánh, kinh 1183. Pāli, 7. 18. Kaṭṭhahāra. Biệt dịch, No 100(97).

chóng về báo cho thầy ta biết.” Tức thì ôm bó củi nhanh chóng trở về nhà học. Bỏ bó củi xuống, nó đến chỗ thầy bạch rằng:

“Thầy nên biết, lâu nay thầy thường tán thán, kính ngưỡng muốn gặp Sa-môn Cù-đàm đến rừng này để hỏi những điều nghi. Nay Sa-môn Cù-đàm đã đến rừng này. Xin thầy biết thời.”

Khi ấy Bà-la-môn liền đến chỗ Thế Tôn. Sau khi thăm hỏi, uỷ lạo xong, ông ngồi lui qua một bên nói kệ:

*Một mình, chỗ kinh sợ,
Trong rừng rậm thâm sâu;
Đứng vững không dao động,
Khéo tu pháp chánh cần.
Không ca múa âm nhạc,
Tịch mặc trong rừng vắng.
Tôi chưa từng thấy ai,
Một mình vui rừng sâu.
Phải chăng là mong cầu
Làm Chủ tế thế gian?
Hay Tam Thập Tam thiên,
Cõi trời vui tự tại?
Cớ sao vào rừng sâu,
Khổ hạnh tự khô héo?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Mong cầu nhiều là khổ,
Đắm mê các cảnh giới;
Tất cả chúng đều là,
Cội rễ của ngu si.*

*Những mong cầu như vậy,
Ta trừ bỏ từ lâu.
Không cầu, không giả nguy,
Tất cả không xúc chạm.*

*Với tất cả các pháp,
Duy chỉ quán thanh tịnh;
Đắc vô thượng Bồ-đề,*

*Thiền tư tu bất lạc.*¹³²

Bà-la-môn lại nói kệ:

*Nay con kính lễ Ngài,
Đáng Mâu-ni tịch lặng;
[320b] Vi diệu tự tại¹³³ thiền,
Giác ngộ vô biên giác.*

*Như Lai cứu Trời, Người,
Vòi vọi như núi vàng;
Giải thoát khỏi rừng rậm,
Không dính mắc trong rừng.*

*Đã nhổ gai nhọn bén,
Trong sạch, không dấu vết.
Thượng thủ hàng luận sư,
Biện luận hơn tất cả.*

*Sư tử hùng loài người,
Rống động khắp rừng sâu;
Hiện hiện Khổ Thánh đế,
Tập, Diệt, tám Thánh đạo.*

*Diệt tận các tụ khổ,
Xuất ly, tịnh không nhờ;
Tự thoát tất cả khổ,
Cứu khổ khắp chúng sanh.*

*Vì an lạc chúng sanh,
Nên diễn nói chánh pháp;
Vội ân ái đã dứt,
Thoát ly lưới ái dục.*

*Đa đoạn trừ tất cả,
Kết phược của hữu ái;
Như hoa sen sống nước,
Không nhiễm dính nước bùn.*

¹³² Bất lạc 不樂. đồng nghĩa với ly dục. TNM: chánh lạc.No 100(97): ly dục. S. 7.

18: *visārado*, vô úy.

¹³³ Nguyên hán: diệu vương 妙王. Vương ở đây hiểu theo nghĩa là vị được tự tại. No 100(97): ư chư thiên tự tại 於諸禪自在, vị đã được tự tại trong các loại thiền.

*Như mặt trời giữa không,
Trong sáng không mây che;*

*Hôm nay con may mắn,
Đến rừng Câu-tát-la,
Được gặp bậc Đại sư,
Lưỡng Túc Tôn tối thắng.*

*Đại tinh tân, rừng sâu,
Rộng độ sanh bậc nhất.
Hàng đầu, Điều ngự sư,
Kính lễ đáng vô úy.*

Bà-la-môn sau khi nói đầy đủ kệ khen ngợi Phật, nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ ra về.

KINH 1085. TÔN-ĐÀ-LỊ (1)¹³⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật tại Câu-tát-la du hành trong nhơn gian, nghỉ đêm bên bờ sông Tôn-đà-lị.¹³⁵ Bấy giờ, Thế Tôn cạo tóc chưa lâu, vào cuối đêm, lấy y phủ lên đầu, ngồi kiết già, chánh thân tư duy, cột niệm ở trước.

Trong lúc ấy, có Bà-la-môn¹³⁶ đang sống ở bên sông Tôn-đà-lị. Ban đêm, ông thức dậy¹³⁷ đem những thức ăn cúng còn dư chưa hết, đem đến bờ sông, muốn tìm Bà-la-môn có đức lớn để cúng dường.

Khi ấy Thế Tôn nghe tiếng bà-la-môn bên bờ sông, bèn đứng hắng lên tiếng, và kéo y xuống để bày đầu. Bà-la-môn bên sông Tôn-đà-lị thấy Phật, liền nghĩ: “Đây là Sa-môn cạo đầu, chứ chẳng phải Bà-la-môn.” Ông định đem thức ăn trở về, nhưng Bà-la-môn này lại [320c] nghĩ: “Đầu phải chỉ có Sa-môn là những người cạo đầu. Trong hàng Bà-la-môn cũng có người cạo đầu. Ta hãy đến đó, hỏi chỗ sinh của ông ta.” Rồi người Bà-la-môn bên sông Tôn-đà-lị đi đến chỗ Thế Tôn, hỏi rằng:

“Ngài sinh thuộc dòng họ nào?”

¹³⁴ Đại chánh, kinh 1184. Pāli, S. 7. 9. Sundarika. Biệt dịch, No 100(99).

¹³⁵ Tôn-đà-lị 孫陀利河. Pāli: Sundarikā-nadī.

¹³⁶ Pāli: Bà-la-monn Sundarika dòng họ Bhāradvāja.

¹³⁷ Hán: dạ khởi 夜起. Theo các chi tiết đoạn sau, có lẽ bây giờ là hể đêm, trời sáng.

Thế Tôn liền nói kệ:

*Ông chớ hỏi chỗ sinh,
Mà nên hỏi chỗ hành.
Khắc cây dùi lấy lửa,
Cũng có thể sinh lửa.
Trong dòng họ hạ tiện,
Sinh Mâu-ni chắc thật;
Trí tuệ, có tầm quý,
Tinh tấn, khéo chế ngự.
Đạt tận cùng minh trí,
Tu phạm hạnh thanh tịnh;
Mà nay đã đúng thời,
Nên cúng thức ăn dư.*

Bà-la-môn bên sông Tôn-đà-lợi lại nói kệ:

*Nay ngày tốt của tôi,
Muốn cúng dường cầu phước;
May gặp được Đại sĩ,
Tôn quý nhất ba thời.
Nếu không gặp được Phật,
Thời đã cúng người khác.*

Bấy giờ, Bà-la-môn bên sông Tôn-đà-lợi càng tăng thêm lòng tin, liền đem thức ăn dư ấy phụng cúng Thế Tôn. Thế Tôn không nhận, vì đã nhờ nói bài kệ mà được. (Chi tiết như đã nói, vì nhờ thuyết pháp mà được đồ ăn.)

Bà-la-môn bên sông Tôn-đà-lợi bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, bây giờ thức ăn cúng này nên để chỗ nào?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Ta không thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên thần hay người đời nào có thể ăn thức ăn này mà khiến thân thể an ổn. Ông hãy đem thức ăn này bỏ vào trong nước không có trùng hay chỗ đất ít cỏ mọc.”

Bà-la-môn này liền đem thức ăn ấy bỏ vào trong nước không có trùng. Nước liền bốc khói sủi bọt sôi lên thành tiếng xèo xèo. Ví như nung hòn sắt, đem bỏ vào trong nước lạnh, bốc khói sủi bọt sôi lên phát ra tiếng xèo xèo. Thức ăn này cũng vậy. Bỏ vào nước không có trùng, bốc khói sủi bọt, sôi lên thành tiếng xèo xèo. Bà-la-môn bên sông

Tôn-đà-lị trong lòng kinh hãi, thân lông dựng lên hết, cho là tai biến, vội chạy lên bờ gom củi khô lại cúng dường đèn thờ Lửa để dứt sự tai quái. Thế Tôn thấy ông gom củi khô cúng dường đèn thờ Lửa để mong dứt sự tai quái, liền nói kệ:

*Bà-la-môn thờ lửa,
Thieu đốt cây cỏ khô;*

[321a] *Chớ cho là tịnh đạo,
Có thể dứt tai hoạn.
Đó là ác cúng dường,
Mà bảo tuệ sáng chói.
Tạo nhân duyên như vậy,
Chỉ tu tịnh bên ngoài.*

*Hãy bỏ lửa cần củi,
Thối bùng lửa bên trong;
Thường tu không phóng dật,
Lúc nào cũng cúng dường.
Bằng tịnh tín rộng lớn,
Thiết đại tế khắp nơi.*

*Tâm ý là bó củi,
Sân nhuế bốc khói đen.
Vọng ngữ là vị đời,
Miệng lưỡi là thìa gỗ;
Ngực là nơi đốt lửa,¹³⁸
Lửa dục thường cháy mạnh.
Khéo léo tự điều phục,
Người tiêu diệt ngọn lửa.*

*Chánh tín là sông lớn,
Bằng tịnh giới vượt sang.
Lắng trong sạch dòng nước,
Được người trí khen ngợi.*

*Sạch trong người: đức Trời,
Nên tắm rửa trong đó.
Lợi nước không dính mình,
An ổn qua bờ kia;*

¹³⁸ No 100(99): trá tim là hầm ủ lửa.

*Chánh pháp là ao sâu,
Phước đức là xuống đò.
Nước lắng trong tràn đầy,
Được người trí khen ngợi;*

*Sạch trong người: đức Trời,
Nên tắm rửa trong đò.
Lợi nước không dính mình,
An ổn qua bờ kia;
Chơn để khéo điều ngự,
Nhiếp hộ tu phạm hạnh.
Từ bi là khổ hạnh,
Tâm chơn thật thanh tịnh;
Dùng chánh pháp tắm rửa,
Được người trí xưng tán.*

Bà-la-môn bên sông Tôn-đà-lị sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, trở lại đường cũ mà đi.

KINH 1086. TÔN-ĐÀ-LỊ (2)¹³⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật tại Câu-tát-la du hành trong nhơn gian, ở trong rừng rậm bên sông Tôn-đà-lị. Lúc ấy, có Bà-la-môn đang ở bên sông Tôn-đà-lị, đến chỗ Phật, thăm hỏi, ủy lạo xong, ngồi lui qua một bên, hỏi Phật:

“Bạch Cù-đàm, Ngài có đến sông Tôn-đà-lị tắm rửa không?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Đến sông Tôn-đà-lị để tắm rửa để làm gì?”

Bà-la-môn bạch:

“Bạch Cù-đàm, sông Tôn-đà-lị được gọi là cứu độ, [321b] là an lành, là thanh tịnh. Nếu ai tắm rửa ở đó, có thể trừ hết mọi điều ác.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Chẳng sông Tôn-đà-lị,
Cũng chẳng Bà-hưu-đa;
Chẳng Già-da, Tát-la.*

¹³⁹ Đại chánh, kinh 1185. Pāli, M. 7. Vatthūpama-sutta. Biệt dịch, No 100(98); No 125(13.5). Cf. Trung No 26(93).

*Những con sông như vậy;
Không khiến người tạo ác
Có thể thành thanh tịnh.*

*Nhưng sông Tôn-đà-lợi,
Hằng hà, Bà-huru-đa;
Người ngu thường ở đó,
Không thể trừ hết ác.*

*Những người thanh tịnh kia,
Cần gì phải tắm rửa?
Những người thanh tịnh kia,
Cần gì phải bố-tát?*

*Nghiệp tịnh do mình tịnh,
Phát sanh bởi thọ trì
Không sát sinh, trộm cướp,
Không dâm, không nói dối;
Tín thí trừ keo bần,
Ở đó mà tắm rửa.*

*Đối tất cả chúng sanh,
Thường khởi lòng từ bi.
Nước giếng đủ để tắm,
Cần gì sông Già-da?*

*Trong tâm tự thanh tịnh,
Không đợi tắm bên ngoài;
Kẻ thấp hèn, rừng rú,
Thân thể nhiều bần thiu;
Dùng nước rửa bụi ngoài,
Không thể sạch ở trong.*

Bà-la-môn bên sông Tôn-đà-lợi sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

KINH 1087. OANH PHÁT¹⁴⁰

Tôi nghe như vậy:

¹⁴⁰ Đại chánh, kinh 1186. Pāli, S. 7. 6. Jaṭā. Biệt dịch, No 100(100).

Một thời đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bảy giờ, có Bà-la-môn búi tóc La-đậu-bà-giá,¹⁴¹ vốn là người quen biết của Phật lúc còn là người thế tục, đến chỗ Phật, thăm hỏi, ury lạo xong, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

*Người búi tóc ngoài thân,
Đó chỉ gọi búi tóc.
Người búi tóc bên trong,
Là chúng sanh trời buộc.
Nay xin hỏi Cù-đàm,
Làm sao gỡ búi tóc?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Nên thọ trì tịnh giới,
Trong tâm tu chánh giác;
[321c]Chuyên tinh cần phương tiện,
Thì gỡ được búi tóc.*

Bà-la-môn búi tóc sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

KINH 1088. OANH PHÁT (2)¹⁴²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bảy giờ, có Bà-la-môn búi tóc Bà-la-đậu-bà-giá, đến chỗ Phật, thăm hỏi ury lạo nhau xong, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

*Người búi tóc ngoài thân,
Đó chỉ gọi búi tóc;
Người búi tóc trong tâm,
Là chúng sanh trời buộc.
Nay tôi hỏi Cù-đàm,
Người búi tóc như vậy;
Nên dụng phương tiện gì?
Nơi nào gỡ búi tóc?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

Mắt, tai, cùng với mũi,

¹⁴¹ Bà-la-đậu-bà-giá 髻髻羅豆婆遮. No 100(100): Bà-la đọt-la-xà 婆羅突邏闍. Pāli: Bà-la-môn bện tóc dòng họ Bhāravāja.

¹⁴² Đại chánh, kinh 1187.

*Lưỡi, thân, ý nhập xứ;
Đối với danh sắc kia,
Diệt hết khiến không còn.
Các thức đã diệt hẳn,
Nơi đó dứt búi tóc.*

Phật nói kinh này xong Bà-la-môn búi tóc Bà-la-đậu-bà-giá sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

35. TƯƠNG ƯNG PHẠM THIÊN¹⁴³

KINH 1089. TÔN TRỌNG¹⁴⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở dưới gốc cây bồ-đề,¹⁴⁵ bên sông Ni-liên-thiên, tại tụ lạc Uất-tì-la, thành đạo chưa bao lâu. Bấy giờ, Thế Tôn một mình yên tĩnh tư duy, suy nghĩ rằng:

“Thật là khổ thay, ai không có cung kính, không có thứ lớp, không có người tự tại nào khác để nể sợ.¹⁴⁶ Người như vậy sẽ bị tổn thất đối với đại nghĩa lợi.¹⁴⁷ Ai có cung kính, có thứ tự, có người khác tự tại hơn, người ấy sẽ sống được an lạc. Ai có cung kính, có thứ tự, có người khác tự tại hơn, người ấy có đại nghĩa lợi được đầy đủ. Có ai trong chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Thần, Người mà có thể thành tựu hơn Ta về giới, tam-muội, trí tuệ, giải thoát, và giải thoát

¹⁴³ Tương ưng Phạm thiên, gồm các kinh Đại chánh, 1188-1197 (cuối quyển 44). *Quốc dịch*, quyển 38, phần cuối, “Tụng vii. Kệ. 6. Tương ưng Phạm thiên” 1 phẩm, 10 kinh. Ấn Thuận, “Tụng viii. 22. Tương ưng Phạm thiên” 10 kinh: 1288-1287. Tương đương Pāli, S. 6. Brahmaṣaṃyutta.

¹⁴⁴ Đại chánh, kinh 1188. Pāli, S. 6. 2. Gāraṇa; cf. A. 4. 21. Uruvelā. Biệt dịch, No 100(101).

¹⁴⁵ Pāli: *ajapālanigodhamūle*, dưới gốc cây Ajapāla-nigrodha.

¹⁴⁶ Pāli: *dukkhaṃ kho agāraṇo viharati appatisso*, “Khổ thay, sống mà không có sự kính trọng, không có sự thuận tòng.”

¹⁴⁷ Hán: đại nghĩa 大義; được hiểu hiểu là mục đích, hay ích lợi to lớn. No 100(101): vĩnh thất nghĩa lợi 永失義利.

tri, Ta sẽ cung kính tôn trọng, phụng sự cúng dường, nương vào người đó mà an trụ.”

Ngài lại nghĩ:

“Nhưng không có ai trong chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Thần, và Người mà có thể có đầy đủ giới, tam-muội, trí tuệ, giải thoát, và giải thoát tri kiến hơn Ta, [322a] để khiến Ta cung kính tôn trọng, phụng sự cúng dường, nương vào người đó mà an trụ. Duy chỉ có chánh pháp khiến Ta tự giác, thành tựu Bồ-đề. Ta hãy cung kính tôn trọng, phụng sự, cúng dường pháp ấy, nương vào đó mà an trụ. Vì sao? Chư Như Lai, Ứng cúng, Đẳng chánh giác quá khứ cũng cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường chánh pháp, nương vào đó mà an trụ. Chư Như Lai, Ứng cúng, Đẳng chánh giác vị lai cũng sẽ cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường chánh pháp, nương vào đó mà an trụ.”

Bấy giờ, Phạm Thiên vương, Chúa của thế giới Ta-bà, biết tâm niệm Thế Tôn. Nhanh như lực sĩ co duỗi cánh tay, ông biến mất khỏi Phạm thiên, đứng trước Phật, tán thán rằng:

“Lành thay, bạch Thế Tôn, Đúng vậy, bạch Thiện thế! Đúng vậy! Những người giải đãi không cung kính thì rất khổ ... (*nói chi tiết như trên, cho đến*) đại nghĩa lợi đầy đủ. Quả thực không có chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Thần, Người mà có thể có đầy đủ giới, tam-muội, trí tuệ, giải thoát, và giải thoát tri kiến hơn Thế Tôn, để khiến Thế Tôn cung kính tôn trọng, phụng sự cúng dường, nương vào đó mà sống. Chỉ có Chánh pháp, mà Như Lai tự ngộ thành Chánh đẳng Chánh giác, là chỗ mà Như Lai cung kính tôn trọng, phụng sự, cúng dường Chánh pháp, nương vào đó mà an trụ. Vì sao? Chư Như Lai, Ứng cúng, Đẳng chánh giác quá khứ đã cũng cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường Chánh pháp, nương vào đó mà an trụ. Chư Như Lai, Ứng cúng, Đẳng chánh giác vị lai cũng cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường Chánh pháp, nương vào đó mà an trụ. Thế Tôn cũng cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường Chánh pháp, nương vào đó mà an trụ.”

Bấy giờ Phạm Thiên vương lại nói kệ:

Chư Phật thời quá khứ,

Và chư Phật vị lai;

Phật, Thế Tôn hiện tại,

*Hay trừ chúng sanh ưu;
Hết thấy cung kính Pháp,
Nương chánh pháp an trụ.
Sự cung kính như vậy,
Là pháp chư Phật.*

Phạm Thiên vương sau nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ sát chân Phật rồi biến mất.

KINH 1090. PHẠM THIÊN (1)¹⁴⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở dưới gốc cây bồ-đề, bên sông Ni-liên-thiên, tại tu lặc Uất-tỳ-la, thành đạo chưa bao lâu.

Bấy giờ, Thế Tôn, một mình yên tĩnh tư duy như vậy:

“Có nhất thừa đạo¹⁴⁹ có thể làm cho chúng sanh thanh tịnh, thoát mọi ưu bi, diệt trừ khổ não, và được pháp chơn như.¹⁵⁰ Đó là bốn niệm xứ. Những gì là bốn?”

“Đó là niệm xứ quán thân trên thân, niệm xứ quán thọ, tâm, pháp trên pháp. Nếu có người nào không thích bốn niệm xứ thì sẽ không thích như Thánh pháp. Không thích như Thánh pháp thì sẽ không thích như Thánh đạo. Không thích như Thánh đạo thì sẽ không thích pháp cam lồ. Không thích pháp cam lồ thì sẽ không giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.

“Nếu người nào thích tu bốn niệm xứ thì sẽ thích tu như Thánh pháp. Thích tu như Thánh pháp thì sẽ thích như Thánh đạo. Thích như Thánh đạo thì sẽ thích pháp cam lồ. Thích pháp cam lồ thì được giải thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.”

Bấy giờ, Phạm Thiên vương, Chúa của thế giới Ta-bà, biết được tâm niệm của Phật. Nhanh như lực sĩ co duỗi cánh tay, ông biến mất khỏi cõi trời, và hiện đứng trước Phật, tán thán rằng:

¹⁴⁸ Đại chánh, kinh 1189. Pāli, S. 47. 18. Brahmā. Biệt dịch, No 100(102); No 101(4).

¹⁴⁹ Nhất thừa đạo 一乘道. Pāli: *ekāyano maggo*, con đường có một lối đi duy nhất, khác với *ekayāna*, nhất thừa, chỉ một cỗ xe duy nhất.

¹⁵⁰ Đắc chân như pháp 得真如法. Pāli: *ñāyassa adhigamāya, nibbānassa sacchikiriyāya*, để đạt đến Như lý, chứng ngộ Niết bàn.

“Đúng vậy, bạch Thế Tôn, Đúng vậy, bạch Thiện thế! Có nhất thừa đạo có thể làm cho chúng sanh thanh tịnh. Đó là bốn niệm xứ, ... cho đến giải thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.”

Lúc ấy, Phạm thiên vương lại nói kệ:

*Rằng có nhất thừa đạo,
Thấy đoạn tận hữu biên;¹⁵¹
Diễn nói nơi chánh pháp,
An ủi chúng sanh khổ.*

*Chư Thế Tôn quá khứ,
Nương đạo này vượt qua;
Chư Thế Tôn vị lai,
Cũng nương đạo này qua.
Đấng chánh giác hiện tại,
Nương đây qua biển cả,
Rốt ráo mé sinh tử,
Điều phục tâm thanh tịnh.*

*Dòng sinh tử lưu chuyển,
Vĩnh viễn đã cạn nguồn.
Biết tất cả cảnh giới,
Huệ nhãn tỏ chánh đạo.*

*Thí như nước sông Hằng,
Đều chảy về biển lớn;
Dòng nước xiết trôi xa,
Chánh đạo cũng như vậy.
Trí rộng khéo hiển bày,
Đạt được pháp cam lồ;*

*Bánh xe pháp tối thắng,
Vốn chưa từng được nghe,
Vì thương xót chúng sanh,
Vận chuyển vì chúng sanh.
Che chở chúng Trời, Người,
Khiến đưa qua bờ kia.*

¹⁵¹ Hán: kiến sinh chư hữu biên 見生諸有邊. Pāli: *jātikhayantadassī*, thấy sự sinh được đoạn tận.

[322c] *Cho nên các chúng sanh,
Đều cúi đầu đánh lễ.*

Phạm Thiên vương nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ cúi đầu lễ sát chân Phật rồi biến mất.

KINH 1091. PHẠM CHÚA¹⁵²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở dưới gốc cây bồ-đề, bên sông Ni-liên-thiên, tại tụ lạc Uất-tì-la,¹⁵³ thành đạo chưa bao lâu.

Bấy giờ, có Phạm Thiên vương, Chúa của thế giới Ta-bà,¹⁵⁴ với sắc thân tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

*Ở trong các chúng tánh,
Sát-lợi tôn quý nhất;
Bậc Minh hạnh đầy đủ,
Tối thắng trong loài Người.*

Phật đáp:

“Thật vậy, Phạm thiên! Thật vậy, Phạm thiên!

*Ở trong các chúng tánh,
Sát-lợi tôn quý nhất;
Bậc Minh hạnh đầy đủ,
Tối thắng trong loài Người.*

Phật nói kinh này xong. Phạm thiên vương chủ thế giới Ta-bà sau khi nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ cúi đầu lễ sát chân Phật rồi biến mất.

KINH 1092. KHÔNG NHÀN XỨ¹⁵⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở tại Câu-tát-la, du hành trong nhơn gian và dừng nghỉ tại một khu rừng không có tụ lạc,¹⁵⁶ cùng với các Tỳ-kheo nghỉ

¹⁵² Đại chánh, kinh 1190. Pāli, S. 6. 11. Saṃkumāra. Biệt dịch, No 100(103).

¹⁵³ Bản Pāli: trú tại Vương xá, bên bờ sông Sappnī.

¹⁵⁴ Pāli: Brahmā saṃkumāro, vị Phạm thiên thường xuyên dưới dạng hài đồng, Thường Đồng Hình Phạm thiên.

¹⁵⁵ Đại chánh, kinh 1191. Pāli, S. 6. 1 3. Andhakavinda. Biệt dịch, No 100(104).

đêm tại đó. Bấy giờ, Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói pháp tùy thuận A-lan-nhã.

Khi ấy Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà tự nghĩ rằng: “Hôm nay Thế Tôn đang ở tại Câu-tát-la, du hành trong nhơn gian, và dừng nghỉ tại một khu rừng không có tụ lạc, cùng với các Tỳ-kheo nghỉ đêm tại nơi hoang vắng đó. Bấy giờ, Thế Tôn đã vì đại chúng nói pháp tùy thuận không. Bấy giờ, ta nên đến tùy thuận mà tán thán.” Nghĩ vậy xong, nhanh như lực sĩ co duỗi cánh tay, ông biến mất khỏi cõi trời, và hiện đứng trước Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, mà nói kệ:

Thân cận nơi biên địa,¹⁵⁷

Đoạn trừ các phiền não;

Nếu không thích rừng vắng,

Nhập chúng, hãy phòng hộ.

Tự điều phục tâm mình,

Đi xin ăn từng nhà;

Nên giữ gìn các căn,

Chuyên tinh nhiếp tâm niệm.

Sau tập quen rừng vắng,

Ngồi nơi a-luyện-nhã;

Xa lìa các sợ hãi,

Trụ an ổn không sợ.

[323a] *Nếu có các hung hiểm,*

Rắn dũa, mọi độc hại;

Mây đen, lấm tối tâm,

Sấm sét loé sáng ngời;

Do nhờ lìa phiền não,

Nên ngày đêm an ổn.

Như pháp con đã nghe,

Cho đến không cứu cánh.

Một mình, tu phạm hạnh,

Không sợ nghìn ma chết.

¹⁵⁶ Bản Pāli: giữa những người Ma-kiệt-đà, trong làng Andhakavinda.

¹⁵⁷ Pāli: *sevetha pantāni senāsanāni*, các người hãy sống nơi hẻo lánh.

*Nếu tu hành giác đạo,
Số vạn chẳng sợ chi.
Tất cả Tu-đà-hoàn,
Hoặc đấng Tư-đà-hàm;
Cùng với A-na-hàm,
Số này cũng vô lượng.
Không thể tính số được,
Sợ ngườ bảo: nói dối.*

Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà sau khi nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ Phật rồi biến mất.

KINH 1093. TẬP HỘI¹⁵⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở tại rừng Ca-tỳ-la-vê, ở Ca-tỳ-la-vê,¹⁵⁹ cùng với năm trăm Tỳ-kheo, đều là những bậc A-la-hán, diệt tận các lậu, việc cần làm đã xong, bỏ các gánh nặng, đã được lợi mình, đoạn trừ hữu kết, chánh trí, tâm khéo giải thoát.

Bấy giờ, Thế Tôn vì đại chúng nói pháp tương ưng Niết-bàn. Khi ấy có đại chúng chư thiên oai lực từ mười phương thế giới, đều đến câu hội, cúng dường Thế Tôn và các Tỳ-kheo Tăng. Lại có các Phạm thiên vương ở tại Phạm thế nghĩ rằng: “Hôm nay Phật đang trú tại Ca-tỳ-la-vê, ... *nói đầy đủ như trên, cho đến* cúng dường Thế Tôn và đại chúng. Bấy giờ, chúng ta nên đến đó tán thán.” Nghĩ vậy rồi, nhanh như lực sĩ co duỗi cánh tay, họ biến mất khỏi cõi trời, và hiện đứng trước Phật.

Phạm Thiên thứ nhất nói kệ:

*Ở trong Đại lâm này,
Đại chúng đều vân tập;
Chúng chư Thiên mười phương,
Tất cả đến cung kính.
Từ xa con đến lễ,
Tăng nan phục, tối thắng.*

Phạm Thiên thứ hai lại nói kệ:

¹⁵⁸ Đại chánh, kinh 1192. Pāli, S. 1. 37. Samaya. Biệt dịch, No 100(105).

¹⁵⁹ Ca-tỳ-la-vê Ca-tỳ-la-vê lâm 迦毘羅衛迦毘羅衛林. Pāli: trong rừng Đại lâm, ở Kaplilavatthu.

*Chư Tỳ-kheo Tăng này,
Tinh tấn, tâm chân thật;
Ở trong Đại lâm này,
Cầu độ, nhiếp các căn.*

Phạm Thiên thứ ba nói kệ tiếp:

[323b] *Khéo tinh cần tiêu dung*

Ấn ái sâu, gai nhọn;

Kiên cố không dao động,

Như phướn Nhon-đà-la.¹⁶⁰

Vượt dòng nước hào sâu,

Thanh tịnh không cầu dục;

Đáng Đại sư khéo độ

Như voi chúa đã thuần.

Phạm Thiên thứ tư nói kệ tiếp:

Ai quy y nơi Phật,

Quyết không đọa đường đời;

Đã dứt thân làm người,

Được thân trời thọ lạc.

Mỗi vị nói kệ xong, bốn Phạm thiên liền biến mất.

KINH 1094. CÙ-CA-LÊ¹⁶¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, tại thành Vương Xá. Bấy giờ, có Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà, hằng ngày tinh cần đến chỗ Phật tôn kính cúng dường. Bấy giờ chủ thế giới Ta-bà nghĩ: “Sáng nay đến gặp Thế Tôn quá sớm. Chắc Thế Tôn còn đang nhập đại định. Ta hãy đến phòng Tỳ-kheo Cù-ca-lê,¹⁶² bạn đồng tu của Đề-bà-đạt-đa.” Nghĩ rồi, ông liền đến trước phòng Cù-ca-lê gõ cửa và nói rằng:

“Cù-ca-lê! Nên khởi tâm tín thanh tịnh nơi Tôn giả Xá-lợi-phất, và Mục-kiền-liên. Người chớ để chịu khổ lâu dài, không lợi ích.”

¹⁶⁰ Nhon-đà-la tràng 因陀羅幢. Cây phướn của Đế Thích.

¹⁶¹ Đại chánh, kinh 1193. Pāli, S. 6. 7-9. Kokālika. Biệt dịch, No 100(106); No 101(5).

¹⁶² Cù-ca-lê 瞿迦梨. Pāli: Kokālika.

Cù-ca-lê nói:

“Ông là ai?”

Phạm Thiên đáp:

“Là Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà.”

Cù-lê-ca nói:

“Thế Tôn không thọ ký cho ông đấng A-na-hàm phải không?”

Phạm thiên vương nói:

“Thật vậy, Tỳ-kheo!”

Cù-lê-ca nói:

“Có gì ông đến đây?”

Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà đáp, “Người này, không thể trị,” liền nói kệ:

*Ở nơi bậc vô lượng,
Sinh lòng muốn ước lượng:
Có người trí tuệ nào,
Lại sinh giác tưởng này?
Muốn lường bậc khôn lường:
Phàm phu bị che tối.*

Bấy giờ, Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, hằng ngày con thường siêng đến chỗ Phật gần gũi cúng dường. Con nghĩ rằng sáng nay đến gặp Thế Tôn còn quá sớm, chắc Thế Tôn còn đang nhập đại định, con bèn đến phòng Tỳ-kheo Cù-ca-lê bạn đảng của Đề-bà-đạt-đa, liền đứng trước phòng từ từ gõ cửa và nói rằng: ‘Cù-ca-lê! Cù-ca-lê! Nên khởi lòng tin thanh tịnh nơi Tôn giả Xá-lợi-phất, và Mục-kiền-liên là người trí tuệ, hiền thiện. Người chớ chịu khổ lâu dài, không lợi ích.’ Cù-ca-lê nói, ‘Ông là ai?’ Con liền đáp, ‘Là Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà.’ Cù-lê-ca nói, ‘Thế Tôn không thọ ký cho ông đấng A-na-hàm phải không?’ Con liền đáp, ‘Thật vậy! Bạch Cù-ca-lê.’ Lại hỏi, ‘Có gì ông đến đây?’ Con tự nghĩ, ‘Người này, không thể trị.’ Rồi nói kệ:

*Ở nơi không thể lường,
Muốn sinh lòng tính toán;
Đem vô lượng, muốn lường,
Là che lấp phàm phu.”*

Phật bảo Phạm thiên:

“Thật vậy! Thật vậy! Phạm thiên.

Ở chỗ không thể lường,

Muốn khởi tâm suy lường;

Có người trí tuệ nào,

Mà sinh vọng tưởng này.

Không thể lường, muốn lường,

Là che lấp phạm phu.”

Phật nói kinh này xong. Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy lễ Phật, rồi biến mất.

KINH 1095. PHẠM THIÊN (2)¹⁶³

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, tại thành Vương Xá. Bấy giờ, Đại Phạm thiên vương, và các Biệt Phạm thiên¹⁶⁴ khác cùng với Thiện-tí Biệt Phạm thiên,¹⁶⁵ hằng ngày dùng phương tiện đến gặp và cúng dường Thế Tôn. Khi ấy có Bà-cú Phạm thiên¹⁶⁶ thấy Biệt Phạm thiên, và Thiện Tí Phạm thiên tinh cần phương tiện như vậy bèn hỏi:

“Các ông muốn gì?”

Họ liền đáp:

“Muốn gặp Thế Tôn cung kính cúng dường.”

Lúc ấy, Phạm thiên Bà-cú liền nói kệ:

Kia bốn loại ngỗng trời,¹⁶⁷

Ba cung điện sắc vàng,¹⁶⁸

Năm trăm bảy mươi hai,

¹⁶³ Đại chánh, kinh 1194. Pāli, S. 6. 6. Pamāda. Biệt dịch, No 100(107).

¹⁶⁴ Biệt Phạm thiên 別梵天. Pāli: Pacceka-Brahmā. Không thấy các tài liệu giải thích. Có thể chỉ những Phạm thiên độc lập, không có thiên chúng.

¹⁶⁵ Thiện-tí Biệt Phạm thiên 善臂別梵天. Pāli, đề cập hai vị: Subrahmā va Suddhavāsa.

¹⁶⁶ Bà-cú Phạm thiên 婆句梵天. Pāli: Bako Brahmā

¹⁶⁷ Hán: học điều 鵠鳥. Pāli: *haṃsa*, thiên nga.

¹⁶⁸ Bản Pāli: *tayo supannā*, ba trăm chim cánh vàng (Kim suy điểu)

*Người tu hành thiên tu.*¹⁶⁹

*Thân sắc vàng rực rỡ,
Chiếu khắp cung Phạm thiên;
Ông hãy nhìn thân ta,
Cần đến đó làm gì?*

Khi ấy, Thiên Phạm vương, Biệt Phạm vương, và Thiện Tí Biệt Phạm vương lại nói kệ:

*Tuy có thân sắc vàng,
Chiếu khắp cung Phạm thiên;
Nhưng bậc có trí tuệ
Biết sắc có phiền não.*

[324a] *Người trí không đắm sắc,
Nên tâm được giải thoát.*

Bảy giờ, Thiện Phạm thiên,¹⁷⁰ Biệt Phạm thiên, Thiện Tí Biệt Phạm thiên đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, chúng con phương tiện muốn đến gặp Thế Tôn, cung kính cúng dường, có Bà-cú Phạm thiên thấy chúng con phương tiện như vậy nên đến hỏi chúng con rằng: ‘Hôm nay quý vị muốn phương tiện đi đâu?’ Chúng con liền đáp, ‘Muốn đến gặp Thế Tôn, lễ bái cúng dường.’ Bà-cú Phạm thiên liền nói kệ:

*Kia bốn loại ngỗng trời
Ba cung điện sắc vàng;
Năm trăm, bảy mươi hai,
Người tu hành thiên tu.
Thân sắc vàng rực rỡ,
Chiếu khắp cung Phạm thiên;
Ông hãy nhìn thân ta,
Cần đến đó làm gì?*

“Chúng con nói kệ đáp lại:

*Tuy có thân sắc vàng,
Chiếu khắp cung Phạm thiên;*

¹⁶⁹ Pāli: *vyagghinīsā pañcasatā ca jhāyino*, sáng rực với 500 hồ cái?

¹⁷⁰ Thiện Phạm thiên 善梵天. Pāli: Subrahmā, một trong hai vị Pacceka-Brahmā mà bản Hán trên kia không nhắc.

*Nhưng bậc có trí tuệ,
Biết sắc có phiền não.
Người trí giải thoát sắc,
Không còn ham nơi sắc.”*

Phật bảo Phạm thiên:

“Đúng vậy, Phạm thiên! Đúng vậy, Phạm thiên!

*Tuy có thân sắc vàng,
Chiếu khắp cung Phạm thiên;
Nhưng bậc có trí tuệ,
Biết sắc có phiền não.
Người trí giải thoát sắc,
Không còn ham nơi sắc.”*

Khi ấy những vị Phạm thiên kia vì Tỳ-kheo Ca-tra-vụ-dà-đê-sa¹⁷¹ mà nói kệ:

*Người sinh ở thế gian,
Búa bén ở trong miệng;
Trở lại chặt thân mình,
Do những ác ngôn này.*

*Điều đáng chê lại khen,
Điều đáng khen lại chê;
Ác khẩu tăng thêm lỗi,
Đời sống không an vui.*

*Cờ bạc, rượu tán tài,
Lỗi này còn quá nhẹ;
Ác tâm đối Thiện Thệ,
Đó là tội rất nặng.*

*Có trăm nghìn địa ngục,
Tên Ni-la-phù-đà,¹⁷²
Ba nghìn sáu trăm ngục,
Và năm A-phù-đà.¹⁷³
Chúng là ngục báng Phật,*

¹⁷¹ Ca-tra-vụ-dà-đê-sa 迦吒務陀低沙.

¹⁷² Ni-la-phù-đà 尼羅浮多. Pāli: Nirabbuda.

¹⁷³ A-phù-đà 阿浮陀. Pāli: abbuda.

Do ác nguyện miêng, ý.

[324b] Phật nói kinh này xong. Các Phạm thiên kia sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi biến mất.

KINH 1096. BÀ-CÚ PHẠM¹⁷⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, tại thành Vương Xá. Bấy giờ, có Bà-cú Phạm thiên¹⁷⁵ ở trên cõi Phạm thiên khởi ác tà kiến, nói rằng:

“Chỗ này thường hằng, không phải là pháp biến dịch, là nơi thuần nhất, là chỗ xuất ly.”

Bấy giờ, Thế Tôn biết tâm niệm của Bà-cú Phạm thiên rồi, bèn nhập tam-muội, với chánh thọ như vậy, biến mất khỏi thành Vương Xá và hiện ra nơi cõi Phạm thiên. Bà-cú Phạm thiên xa thấy Thế Tôn, liền nói kệ:

*Phạm thiên, bảy mươi hai:
Tạo tác các phước nghiệp;¹⁷⁶
Tự tại mà thường trụ,
Đã khởi sinh, già, chết.
Tôi đối các Minh luận,¹⁷⁷
Đã tu tập rất ráo.
Trong hàng chư thiên kia,
Chỉ có tôi trường tồn.*

Bấy giờ, Phật nói kệ đáp:

*Đời sống này rất ngắn,
Không phải là trường tồn;
Mà Bà-cú Phạm thiên,*

¹⁷⁴ Pāli, S. 6. 4. Bako-Brahmā. Biệt dịch, 100(108).

¹⁷⁵ Bà-cú Phạm thiên 婆旬梵天. Baka Brahmā.

¹⁷⁶ Hán: Phạm thiên thất thập nhị, tạo tác chư phước nghiệp 梵七二造作諸福業; văn cú đảo. Nên hiểu: “Các Phạm thiên đã tạo ra 72 loại phước nghiệp.” Tham chiếu Pāli: *dvāsattati Gotma puññakammā, vasavattino jātijaram atitā*, “bằng 72 phước nghiệp, chúng tôi có quyền uy siêu việt già và chết.”

¹⁷⁷ Minh luận 明論. Pāli: *Vedagū*, người thông thạo các Veda.

*Tự bảo là sống lâu.
Ngục Ni-la-phù-đa,
Tuổi thọ trăm nghìn năm;
Ta đều nhớ biết cả,
Ông tự bảo trường tồn.*

Bà-cú Phạm thiên lại nói kệ:

*Chỗ thấy Phật, Thế Tôn,
Số kiếp không bển bờ.
Sinh, già, chết, ưu, bi,
Tất cả là quá khứ.
Xin nói cho tôi biết,
Quá khứ đã từng qua:
Thọ trì giới nghiệp gì,
Mà được sinh ở đây?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Kiếp quá khứ lâu xa,
Giữa vùng đại hoang mạc,
Có các chúng tu hành,
Nhiều phạm hạnh Hiền Thánh.*

*Đói thiếu, không đủ ăn,
Ông đến cứu giúp họ.
Tâm từ giúp liên tục,
Trải nhiều kiếp không mất.*

*Đó là quá khứ ông,
Công đức được thọ trì.
Ta đều nhớ biết cả,
Xa, gần, như ngủ thức.*

[324c] *Quá khứ có thôn ấp,
Bị bọn giặc cướp bóc;
Khi ấy ông đến cứu,
Khiến họ được cứu thoát.*

*Đó là thời quá khứ,
Phước nghiệp được thọ trì.
Ta nhớ nhân duyên này,
Xa, gần, như ngủ thức.*

*Quá khứ có nhiều người,
Đi thuyền trên sông Hằng;
Ác long giữ thuyền kia,
Muốn hại hết mạng người.
Thời ông dùng thần lực,
Cứu họ được giải thoát.*

*Đó là quá khứ ông,
Phước nghiệp được thọ trì.
Ta nhớ nhân duyên này,
Xa, gần, như ngủ thức.*

Bà-cú Phạm thiên lại nói kệ:

*Quyết định đã biết tôi,
Việc thọ mạng xưa nay;
Cũng biết hết tất cả,
Đây là đấng Chánh giác.
Cho nên được thọ thân,
Ánh vàng chiếu rọi khắp;
Thân Ngài đứng ở đây,
Sáng khắp cả thế gian.*

Bấy giờ, Thế Tôn vì Bà-cú Phạm thiên khai thị, chỉ giáo, soi sáng, là cho hoan hỷ xong. Ngài nhập chánh thọ như vậy biến khỏi cõi Phạm thiên và trở về thành Vương Xá.

KINH 1097. TÀ KIẾN¹⁷⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có vị Phạm thiên ở trên cõi Phạm thiên khởi tà kiến nói như vậy:

“Cõi này thường hằng không biến dịch, thuần nhất, xuất ly. Chưa từng thấy có ai đến cõi này, hưởng là có người vượt lên trên cõi này.”

Bấy giờ, Thế Tôn biết được những sở niệm trong tâm của Phạm thiên này, liền nhập tam-muội, với chánh thọ như vậy, biến mất khỏi nước Xá-vệ và hiện nơi cung Phạm thiên. Ngài ngồi kiết già, chánh thân buộc niệm ở giữa hư không, ngay trên đỉnh Phạm thiên kia.

¹⁷⁸ Đại chánh, kinh 1196. Pāli, S. 6. 5. Aparā ditṭhi. Biệt dịch, No 100(109).

Bấy giờ, Tôn giả A-nhã-câu-lân nghĩ thầm: “Hôm nay Thế Tôn đang ở chỗ nào?” Bèn dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn mắt người, nhìn thấy Thế Tôn đang ở trên cõi Phạm thiên. Thấy rồi, ngài liền nhập tam-muội, với chánh thọ như vậy, biến mất khỏi nước Xá-vệ và hiện ra ở cõi Phạm thiên; ngồi kiết già ngay thẳng, buộc niệm, ngay dưới toà Phật và trên toà Phạm thiên, quay mặt về hướng Tây, hướng đến Phật.

Khi ấy, Tôn giả Đại Ca-diếp cũng nghĩ: “Hôm nay Thế Tôn đang ở chỗ nào?” Bèn dùng thiên nhãn [325a] thanh tịnh hơn mắt người, nhìn thấy Thế Tôn đang ở trên cõi Phạm thiên. Thấy rồi, ngài liền nhập tam-muội, chánh thọ như vậy, biến mất khỏi nước Xá-vệ và hiện ra ở cõi Phạm thiên, ngồi kiết già ngay thẳng, nhất tâm nhiếp niệm, ngay dưới toà Phật và trên toà Phạm thiên, quay mặt về hướng Bắc, hướng đến Phật .

Khi ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng nghĩ: “Hôm nay Thế Tôn đang ở chỗ nào?” Bèn dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn mắt người, nhìn thấy Thế Tôn đang ở trên cõi Phạm thiên. Thấy rồi, ngài liền nhập tam-muội, chánh thọ như vậy, biến mất khỏi nước Xá-vệ và hiện ra ở cõi Phạm thiên, ngồi kiết già ngay thẳng, nhất tâm nhiếp niệm, ngay dưới toà Phật và trên toà Phạm thiên, quay mặt về hướng Nam, hướng đến Phật .

Bấy giờ, Thế Tôn nói với Phạm thiên:

“Nay ông lại khởi kiến giải rằng: ‘Từ xưa đến nay chưa từng thấy có người nào vượt qua khỏi ta’ phải không?”

Phạm thiên bạch Phật:

“Hôm nay con không còn dám nói rằng: ‘Ta chưa từng thấy có người nào vượt qua khỏi ta.’ Mà chỉ thấy ánh sáng Phạm thiên bị ngăn che.”

Bấy giờ, Thế Tôn vì Phạm thiên kia thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, và làm cho hoan hỷ rồi, liền nhập tam-muội, với chánh thọ như vậy, biến mất khỏi cõi Phạm thiên, trở về nước Xá-vệ. Các Tôn giả A-nhã-câu-lân, Ma-ha Ca-diếp, Xá-lợi-phất cũng vì Phạm thiên kia thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, và làm cho hoan hỷ xong, liền nhập tam-muội, với chánh thọ như vậy, biến mất khỏi cõi Phạm thiên, trở về nước Xá-vệ. Chỉ có Tôn giả Mục-kiền-liên vẫn còn ở lại đó. Lúc này, Phạm thiên kia hỏi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

“Các vị đệ tử khác của Thế Tôn đều có đại đức đại lực như vậy không?”

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiên-liên liền nói kệ:

*Đại đức đử ba minh,
Thông đạt biết tâm người;
Các La-hán lậu tận,
Số ấy không thể lường.*

Lúc ấy, Tôn giả Đại Mục-kiên-liên vì Phạm thiên kia thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, và làm cho hoan hỷ xong, liền nhập tam-muội, với chánh thọ như vậy, biến khỏi cõi Phạm thiên, và [325b] trở về nước Xá-vệ.

KINH 1098. NHẬP DIỆT¹⁷⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong rừng Song thọ Kiên cố,¹⁸⁰ sinh địa của Lục sĩ, tại nước Câu-thi-na-kiệt. Bấy giờ, Thế Tôn sắp nhập Bát-niết-bàn, bảo Tôn giả A-nan rằng:

“Ngươi hãy trải giường dây xoay đầu hướng Bắc giữa song thọ kiên cố. Nửa đêm hôm nay Như Lai sẽ vào Vô dư Niết-bàn mà Bát Niết-bàn.”

Tôn giả A-nan vâng lời Thế Tôn dạy, ở giữa song thọ kiên cố vì Thế Tôn mà trải giường dây, xoay đầu về hướng Bắc, rồi trở lại chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, cn đã vì Như Lai, trải giường dây ở giữa song thọ kiên cố xoay đầu về hướng Bắc.”

Bấy giờ, Thế Tôn đến giường dây, hông phải nghiêng xuống đất, đầu xoay về hướng Bắc, hai chân xếp lên nhau, buộc niệm vào tướng ánh sáng. Bấy giờ là giữa đêm, Thế Tôn ở trong Vô dư Niết-bàn giới mà bát-niết-bàn. Sau khi Phật bát-niết-bàn, rừng cây song thọ liền trở hoa, rơi xuống chung quanh cúng dường Thế Tôn. Khi ấy có Tỳ kheo nói kệ:

*Đẹp thay, cây Kiên cố,
Rũ cành nhánh lễ Phật;
Cúng dường hoa vi diệu,*

¹⁷⁹ Đại chánh, kinh 1197. Pāli, S. 6. 15. Parinibbāna. Biệt dịch, No 100(110).

¹⁸⁰ Song thọ Kiên cố 堅固雙樹林. Pāli: Yamaka-sāla, cụm cây sāla mọc đôi. Bản Hán đọc là *sara* (kiên cố).

Đại sư Bát Niết-bàn.

Lúc ấy, Thích Đề-hoàn-nhơn bỗng nói kệ:

*Tất cả hành vô thường,
Chúng là pháp sinh diệt;
Tuy sinh liền đến diệt,
Tịch diệt này an lạc.*

Lúc ấy, Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà, lại nói kệ:

*Mọi sinh vật ở đời,
Sớm muộn phải bỏ thân.
Thánh Đại sư như vậy,
Thế gian không ai bằng.*

Thành tựu lực Như Lai,¹⁸¹

*Làm mắt cho thế gian;
Cuối cùng cũng hoại diệt,
Nhập Vô dư Niết-bàn.*

Tôn giả A-na-luật-đà lại nói kệ tiếp:

*Ngừng thờ ra, thờ vào,
Trụ tâm khéo nhiếp hộ;
Từ sở y mà đến,
Thế gian bát-niết-bàn.*

Sinh tướng sợ hãi lớn ,

*Khiến lông thân người rụng.
Lực, hành, thấy thành tựu,
Đại sư bát-niết-bàn.*

*Tâm kia không giải đãi,
Cũng không vương các ái;*

[325c] *Tâm pháp dần giải thoát,
Như củi hết, lửa tắt.*

Sau khi Như Lai Bát-niết-bàn bảy ngày, Tôn giả A-nan đến chỗ Chi-đề¹⁸² nói kệ:

*Thân báu này, Đại Sư,
Lên đến cõi Phạm thiên;
Thần lực lớn như vậy,*

¹⁸¹ Chỉ mười Lực của Như Lai.

¹⁸² Chi-đề 枝提. Pāli: *cetiya*, tháp miếu.

Nội hoả lại đốt thân.

*Năm trăm lạng quẩn thân,
Đốt cháy tiêu rụi hết.
Một nghìn tấm y mịn,
Y quẩn thân Như Lai.
Chỉ hai tấm không cháy,
Tối thượng và sát thân.*

Khi Tôn giả A-nan nói kệ này rồi, các Tỳ-kheo im lặng thương nhớ.¹⁸³

¹⁸³ Bản Hán, hết quyển 44.

36. TƯƠNG ƯNG TỖ KHEO NI¹

KINH 1099. A-LẠP-TÌ²

[325c16] Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni A-lạp-tì³ ở trong tinh xá chúng Tỳ-kheo-ni tại vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm Tỳ-kheo-ni A-lạp-tì choàng y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cô cất y bát, rửa chân xong, lấy toạ cụ vắt lên vai phải, vào rừng An-đà⁴ toạ thiền.

Khi ấy Ma Ba-tuần nghĩ: “Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp Cô Độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni A-lạp-tì, ở trong tinh xá chúng Tỳ-kheo-ni, tại vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm, cô choàng y ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, cô lấy toạ cụ vắt lên vai phải, vào rừng An-đà toạ thiền. Nay ta hãy đến đó làm khó dễ.” Nó liền biến thành thiếu niên tướng mạo xinh đẹp, đi đến chỗ Tỳ-kheo-ni ấy, nói với Tỳ-kheo-ni rằng:

“A-di muốn đi đâu?”

Tỳ-kheo-ni đáp:

“Hiền giả, tôi đi đến chỗ xa lánh⁵.”

Ma Ba-tuần liền nói kệ:

*Đời không thể ra khỏi,
Xa lánh để làm gì?
Trở về hưởng ngũ dục,*

¹ Tương ưng Tỳ-kheo-ni, gồm các kinh Đại chánh, 1198-1207 (phần đầu quyển 45). *Quốc dịch*, quyển 39, ‘Tụng vii. Kê. 7. Tương ưng Tỳ kheo no.’ Ấn Thuận *Hội biên*, ‘Tụng viii. Tám chúng. 23. Tương ưng Tỳ kheo ni,’ 10 kinh: 1298-1307. *Phật quang*, quyển 45. Tương đương Pāli, S. Bhikkhunīsaṃyutta.

² Đại chánh, quyển 45, kinh 1198. Pāli, S. 5. 1. Āḷavikā. Cf. Theri 57-59. Biệt dịch, No 100(214).

³ A-lạp-tỳ 阿騰毘. No 100@14): Khoáng dã 曠野. Pāli: Āḷavikā bhikkhunī.

⁴ An-đà 安陀林. Pāli: Andhavana.

⁵ Nguyễn Hán: viễn ly xứ 遠離處, chỗ thanh vắng, vắng vẻ không người. No 100(214): nhân tĩnh xứ 閑靜處. Pāli: *viveka*.

Chớ để sau hỏi tiếc.

Khi ấy Tỳ-kheo-ni A-lạp-tì suy nghĩ: “Người này là ai mà muốn khùng bố ta? Là người hay phi nhân? Hay là người gian xảo?” Cô liền nghĩ đây ắt là Ác ma muốn nã loạn ta. Biết rõ rồi, cô liền nói kệ:

*Đời có thể ra khỏi,
Ta tự biết sở đắc.
Này ác ma hèn hạ,
Người không biết đạo kia.*

*Như dao bén tác hại,
Ngũ dục cũng như vậy.
Như thân bị xẻo thịt,
Khổ thú uẩn cũng vậy.*

*Như điều người vừa nói,
Người vui hưởng ngũ dục;
Người đó không thể vui.
Nơi đó đáng sợ hãi.*

*Lìa tất cả hỷ lạc,
Diệt tất cả tối tăm;
Đã tác chúng diệt tận,
An trụ pháp vô lậu.
Ta biết người ác ma,
Hãy nhanh chóng diệt đi.*

Bấy giờ Ma Ba-tuần nghĩ: “Tỳ-kheo-ni A-lạp-tì này đã biết rõ tâm ta.” Rồi buồn bã không vui, nó liền biến mất.

KINH 1100. TÔ-MA⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni Tô-ma⁷ ở trong tinh xá chúng Tỳ-kheo-ni tại vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm Tỳ-kheo-ni Tô-ma choàng y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, cô lấy toạ cụ vắt lên vai phải, vào rừng An-đà toạ thiền.

⁶ Đại chánh, kinh 1199. Pāli, S. 5. 2. Somā. Cf. Therī 60-62. Biệt dịch, No 100(215).

⁷ Tô-ma 蘇摩比丘尼. Pāli: Somā bhikkhunī.

Khi ấy Ma Ba-tuần nghĩ: “Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp Cô Độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Tô-ma, ở trong tinh xá chúng Tỳ-kheo-ni, tại vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm cô choàng y ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, cô lấy toạ cụ vắt lên vai phải, vào rừng An-đà toạ thiền. Nay ta nên đến đó làm khó dễ.” Nó liền biến thành thiếu niên tướng mạo xinh đẹp, đi đến chỗ Tỳ-kheo-ni Tô-ma hỏi rằng:

“A-di muốn đi đâu?”

Đáp:

“Hiền giả, tôi muốn đi đến chỗ xa vắng.”

Ma Ba-tuần liền nói kệ:

[326b] *Trú xứ của Tiên nhơn,
Nơi đó khó đến được;
Trí bằng hai ngón tay,⁸
Chẳng thể đến nơi đó.*

Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Tô-ma tự nghĩ: “Người này là ai mà muốn khủng bố ta? Là người hay phi nhân? Hay là người gian giáo?” Nghĩ vậy rồi, cô liền biết rõ đây là ác ma muốn nhiễu loạn. Cô liền nói kệ:

*Tâm nhập vào chánh thọ,
Thân nữ có làm sao?
Khi trí tuệ phát sinh,
Liền được pháp vô thượng.*

*Ai với tướng nam, nữ,
Mà tâm không dứt trừ,
Người đó nói theo ma,
Người đến đó mà nói.*

*Lìa thoát tất cả khổ,
Diệt tất cả tối tăm;
Đã tác chứng diệt tận,
An trụ pháp vô lậu.
Ta biết người ác ma,*

⁸ Nhị chỉ trí 二指智. Pāli: *dvāṅgulapaññā*, trí tuệ bằng hai ngón tay. Chỉ trí tuệ người nữ. SA. i. 190: *yasmā vā dvīhi aṅgulehi kappāsavaṭṭiṃ gahetvā suttam kantati*, ‘Bởi vì (người nữ) dùng hai ngón tay nắm mép vải rồi khâu chỉ.’

Hãy nhanh chóng diệt đi.

Bấy giờ Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Tỳ-kheo-ni Tô-ma này đã biết rõ tâm ta.” Rồi buồn bã không vui, nó liền biến mất.

KINH 1101. CÙ-ĐÀM-DI⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni Cát-ly-xá Cù-đàm-di¹⁰ ở trong tinh xá chúng Tỳ-kheo-ni. Sáng sớm cô choàng y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, cô lấy toạ cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, kiết già phu toạ, nhập chánh thọ ban ngày, dưới một gốc cây.

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp Cô Độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Cát-ly-xá Cù-đàm-di, ở trong tinh xá chúng Tỳ-kheo-ni, tại vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm cô choàng y ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, cô lấy toạ cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà kiết già phu toạ nhập chánh thọ ban ngày, dưới một gốc cây. Nay ta hãy đến đó làm khó dễ.” Nó liền hoá thành thiếu niên, dung mạo xinh đẹp, đến chỗ Tỳ-kheo-ni Cát-ly-xá Cù-đàm-di, nói kệ:

*Có phải nàng chôn con,
Mặt buồn râu khóc lóc?
[326c] Một mình dưới gốc cây,
Muốn tìm nam tử nào?*

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Cát-ly-xá tự nghĩ: “Là ai mà muốn khùng bỏ ta? Là người hay phi nhân? Hay là người gian xảo?” Nghĩ vậy rồi, cô liền biết rõ đây là ác Ma Ba-tuần đến nhiều loạn ta. Biết là ma rồi, cô liền nói kệ:

*Con cái, cùng biên tế,¹¹
Tất cả đều mất hết.
Đây biên tế nam tử,¹²*

⁹ Đại chánh, kinh 1200. Pāli, S. 5. 3. Gotamī. Biệt dịch, No 100(216).

¹⁰ Cát-ly-xá Cù-đàm-di 吉離舍瞿曇彌. No 100(216): Sùy-xá Kiêu-dàm-di 翹舍憍曇彌. Pāli: Kisāgotamī.

¹¹ Pāli: *accanta*, tận cùng, không còn gì nữa. Bản Hán hiệu là *ananta*: không biên tế.

*Đã vượt tướng nam tử,
Không nã, không lo sầu,
Điều Phật dạy, đã làm;

Lìa tất cả ưu khổ,
Diệt tất cả tối tăm;
Đã tác chứng diệt tận,
An trụ pháp vô lậu.
Ta biết người ác ma,
Hãy nhanh chóng diệt đi.*

Bấy giờ Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Tỳ-kheo-ni Cát-ly-xá Cù-đàm-di đã biết rõ tâm ta.” Rồi ưu sầu khổ não, nó liền biến mất.

KINH 1102. LIÊN HOA SẮC¹³

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni Ưu-bác-la-sắc¹⁴ ở trong tinh xá chúng Tỳ-kheo-ni tại vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm co choàng y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, co lấy toạ cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà ngồi dưới một gốc cây, nhập chánh thọ ban ngày.

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp Cô Độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Ưu-bác-la-sắc, ở trong tinh xá chúng Tỳ-kheo-ni, tại vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm cô choàng y ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, cô lấy toạ cụ vắt lên vai vào rừng An-đà, ngồi dưới một gốc cây, nhập chánh thọ ban ngày. Nay ta hãy đến đó làm khó dễ.” Nó liền hoá thành thiếu niên, dung mạo xinh đẹp, đến chỗ Tỳ-kheo-ni Ưu-bác-la-sắc, nói kệ:

¹² Hán sát nghĩa đen Pāli: *purisā etad antikā*, ‘ Những người đàn ông, đã chắm dứt (đã tận cùng).’

¹³ Đại chánh, kinh 1201. Pāli, S. 5. 5. Upalavaṇṇā. Cf. Therī. 230-233. Biệt dịch, No 100(217).

¹⁴ Ưu-bác-la-sắc 優鉢羅色; Hán thường được biết qua tên Liên Hoa Sắc 蓮華色. Pāli: Upalavaṇṇā.

*Cây sa-la¹⁵ hoa đẹp ,
Nương nghỉ dưới bóng cây;
Một mình không bè bạn,
Không sợ người khác sao?*

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la-sắc tự nghĩ: “Đây là những người nào mà muốn khùng bỏ ta? Là người hay phi nhân? Hay là người gian xảo?” Suy nghĩ như vậy, [327a] liền biết rõ đây ắt là ác ma, muốn nhiều loạn ta chẳng? Cô liền nói kệ:

*Giả sử có trăm nghìn,
Đều là người gian xảo;
Như ác ma các người,
Có đi đến chỗ tôi.
Cũng không động lông tóc,
Không sợ người, ác ma.*

Ma lại nói kệ:

*Nay ta vào bụng cô,
Sẽ ở trong nội tạng.
Hoặc giữa hai lông mày,
Cô không thể thấy ta.*

Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la-sắc lại nói kệ:

*Tâm tôi có sức lớn,¹⁶
Khéo tu tập thân thông;
Đã cắt đứt giây trói,
Không sợ người, ác ma.
Ta nhỏ ba gốc bản¹⁷,
Gốc rễ của kinh sợ;
Trụ vững đất an ổn,
Không hề sợ quân ma.

Lìa tất cả ái hỷ,
Diệt tất cả tối tăm;
Đã tác chứng diệt tận,*

¹⁵ Nguyên bản: kiên cố thọ 堅固樹; cây sa-la (*sāla*); nhưng bản Hán đọc là *sara*: kiên cố. No 100(217): sa-la thọ 娑羅樹.

¹⁶ No 100(217): “Tâm ta đã tự tại.”

¹⁷ Tam cầu (căn) 三垢根, chỉ tham, sân si.

*An trụ pháp vô lậu.
Ta biết người ác ma,
Hãy nhanh chóng diệt đi.*

Bấy giờ Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la-sắc đã biết rõ tâm ta.” Rồi trong lòng ưu sầu, nó liền biến mất.

KINH 1103. THI-LA¹⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni Thi-la¹⁹ ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm Tỳ-kheo-ni choàng y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, cô lấy toạ cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một gốc cây, nhập chánh thọ ban ngày.

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp Cô Độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Thi-la, ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni, trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm cô choàng y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực, Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, cô lấy toạ cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một gốc cây, nhập chánh thọ ban ngày. Nay ta nên đến đó gây chướng nạn.” Nó liền biến thành thiếu niên, dung mạo xinh đẹp, **[327b]**đến trước Tỳ-kheo-ni Thi-la, nói kệ:

*Chúng sanh sanh thế nào?
Ai là người tạo nó?
Chúng sanh khởi chỗ nào?
Và rồi đi về đâu?*

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Thi-la tự nghĩ: “Đây là người nào mà muốn khùng bố ta? Là người hay không phải người? Là người gian xảo?” Nghĩ vậy rồi, cô liền biết rõ đó là ác ma muốn gây chướng nạn. Cô liền nói kệ:

*Người bảo có chúng sanh,
Đó là thấy của Ma.
Chỉ có uẩn trống rỗng,
Không có ai chúng sanh.*

¹⁸ Đại chánh, kinh 1202. Pāli, S. 5. 10. Vajirā. Biệt dịch, No 100(218).

¹⁹ Thi-la 尸羅比丘尼. No 100(218): Thạch Thất Tỳ-kheo-ni 石室比丘尼. Pāli:có lẽ là Selā trong S. 5. 9.

*Nhiều thanh gổ hợp lại,
Đời gọi nó là xe;
Các uẩn do duyên hợp,
Tạm gọi là chúng sanh.*

*Sinh này là khổ sinh,
Trụ cũng là khổ trụ;
Không pháp nào sinh khổ,
Khổ sinh, khổ tự diệt.*

*Xả tất cả ưu khổ,
Diệt tất cả tối tăm;
Đã tác chứng diệt tận,
An trụ pháp vô lậu.
Ta biết người ác ma,
Hãy nhanh chóng diệt đi.*

Bấy giờ, Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Tỳ-kheo-ni Thi-la đã biết rõ tâm ta.’
Trong lòng ưu sầu, nó liền biến mất.

KINH 1104. TÌ-LA²⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni Tì-la²¹ ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm cô choàng y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực; Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, cô lấy toạ cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một gốc cây, nhập chánh thọ ban ngày.

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp Cô Độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Tỳ-la, ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni, trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm cô choàng y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực, Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, cô lấy toạ cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một gốc cây, nhập chánh thọ ban ngày. Nay ta nên đến đó

²⁰ Đại chánh, kinh 1203. Pāli, S. 5. 9. Selā. Biệt dịch, No 100(219).

²¹ Tỳ-la 毘羅比丘尼. No 100(219): Ti-dung 鼻糞. Pāli: có lẽ là Vajirā trong S. 5. 10.

gây chướng nạn.” Nó liền hoá thành thiếu niên, dung mạo xinh đẹp, đến chỗ Tỳ-kheo-ni Tỳ-la, nói kệ:

*Làm sao tạo hình²² này?
Ai là người tạo nó?
Hình này từ đâu đến?
Hình này đi về đâu?*

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Tỳ-la tự nghĩ: “Đây là người nào mà muốn khùng bố ta? Là người hay không phải người? Hay là người gian xảo?” Nghĩ như vậy, cô liền biết rõ ác Ma Ba-tuần muốn làm nhiều loạn. Cô liền nói kệ:

*Hình này không tự tạo,
Cũng không người khác tạo.
Nhân duyên hợp mà sinh,
Duyên tan tức biến diệt.*

*Như đời gieo hạt giống,
Nhờ đất đai mà sinh.
Đủ đất, nước, lửa, gió,
Uân, giới, xứ cũng thế,
Nhân duyên hoà hợp sinh.
Duyên tan thì biến diệt.*

*Xả tất cả ưu khổ,
Diệt tất cả tội tam;
Đã tác chứng diệt tận,
An trụ pháp vô lậu.
Ta biết người ác ma,
Hãy nhanh chóng diệt đi.*

Bấy giờ Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Tỳ-kheo-ni Tỳ-la đã biết rõ tâm ta.” Trong lòng ưu sầu, nó liền biến mất.

KINH 1105. TÌ-XÀ-DA²³

Tôi nghe như vậy:

²² Hán: hình 形. Pāli: *bimba*, hình bóng, ảnh tượng.

²³ Đại chánh, kinh1204. Pāli, S. 5. 4. Vijayā. Cf. Theri. 139-140. Biệt dịch, No 100(220).

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni Tì-xà-da²⁴ ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm cô choàng y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực; Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, cô lấy toạ cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một gốc cây, nhập chánh thọ ban ngày.

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp Cô Độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Tỳ-xà-da, ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni, trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm cô choàng y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực, Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, cô lấy toạ cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một gốc cây, nhập chánh thọ ban ngày. Nay ta nên đến đó gây chướng nạn.’ Liền hoá thành thiếu niên, dung mạo xinh đẹp, đến trước cô, nói kệ:

*Nay cô còn tuổi trẻ,
Tôi cũng còn trẻ tuổi.
Nơi này, cùng chung vui,
Tấu năm thứ âm nhạc,
[328a] Để cùng nhau vui hưởng,
Thiên tư để làm gì?*

Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Tì-xà-da tự nghĩ: ‘Đây là những người nào mà muốn khùng bố ta? Là người hay không phải người? Hay là người gian xảo? Nghĩ vậy rồi, cô biết rõ đây là ác Ma Ba-tuần muốn nhiễu loạn, liền nói kệ:

*Ca múa, các nghệ thuật,
Các thứ cùng vui chơi;
Nay đều cho người hết,
Ta chẳng cần đến chúng.
Với chánh thọ tịch diệt,
Thì ngũ dục Trời, Người;
Tất cả đều cho người,*

²⁴ Tỳ-xà-da 毘闍耶比丘尼, Pāli: Vijayā bhikkhunī.

*Ta cũng không cần chúng.*²⁵

*Xả tất cả hỷ lạc,
Diệt tất cả tối tăm;
Đã tác chúng diệt tận,
An trụ pháp vô lậu.
Ta biết người ác ma,
Hãy nhanh chóng diệt đi.*

Bấy giờ Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Tỳ-kheo-ni Tỳ-xà-da đã biết rõ tâm ta.’ Trong lòng ưu sầu, nó liền biến mất.

KINH 1106. GIÁ-LA²⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni Giá-la²⁷ ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm cô choàng y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực; Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, cô lấy toạ cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một gốc cây, nhập chánh thọ ban ngày.

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp Cô Độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Giá-la, ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni, trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm cô choàng y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực, Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, cô lấy toạ cụ vắt lên vai vào rừng An-đà, ngồi dưới một gốc cây, nhập chánh thọ ban ngày. Nay ta nên đến đó gây chướng nạn.’ Nó liền hoá thành thiếu niên, dung mạo xinh đẹp, đến trước Tỳ-kheo-ni Giá-la, nói kệ:

*Biết thọ sanh là vui,*²⁸
Sanh hưởng thụ ngũ dục.

²⁵ Cf. Pāli: *ye ca rūpūgatā sattā, ye ca arūpaṭṭhāyino; yā ca santā samāpatti, sabbattha vihatō tamo’ ti*, ‘Chúng sinh sinh sắc giới; chúng sinh hành vô sắc; và chánh thọ tịch tĩnh; ở tất cả nơi ấy, bông tối bị tiêu diệt.’

²⁶ Đại chánh, kinh 1205. Pāli, S. 5. 6. Cālā. Biệt dịch, No 100(221).

²⁷ Giá-la 遮羅比丘尼. No 100(221): Chiết-la 折羅. Pāli: Cālā bhikkhunī.

²⁸ Giác thọ sinh vi lạc 覺受生為樂. Bản Pāli: *kim nu jātim na rocesi*, ‘Sao cô không thích sự thọ sinh?’

*Ai đã truyền dạy cô,
Khiến chán lia thọ sinh?*

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Giá-la tự nghĩ: ‘Đây là người nào mà muốn khùng bố ta? [328b] Là người hay không phải người? Hay là người gian xảo, mà đến đây muốn nhiễu loạn. Cô liền nói kệ:

*Có sinh ắt có chết,
Sinh thì chịu các khổ;
Roi vọt, các khổ ão,
Duyên sinh có tất cả.*

*Hãy đoạn tất cả khổ,
Siêu việt hết thay sinh;
Tuệ nhãn quán Thánh đế,
Những gì Mâu-ni nói:*

*Khổ khổ và khổ tập,
Diệt tận lia các khổ;
Tu tập tám Thánh đạo,
An ổn đến Niết-bàn.*

*Pháp Đại sư bình đẳng,
Tôi hâm mộ pháp này;
Vì tôi biết pháp này,
Không thích thọ sinh nữa.*

*Xả tất cả ái hỷ,
Diệt tất cả tối tăm;
Đã tác chứng diệt tận,
An trụ pháp vô lậu.
Ta biết người ác ma,*

Hãy nhanh chóng diệt đi.

Bấy giờ Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Tỳ-kheo-ni Giá-la đã biết rõ tâm ta.’ Trong lòng ưu sầu, nó liền biến mất.

KINH 1107. U`U-BA-GIÁ-LA²⁹

Tôi nghe như vậy:

²⁹ Đại chánh, kinh 1206. Pāli, S. 5. 7. Upacālā. Cf. Their. 197-198, 200-201. Biệt dịch, No 100(222).

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni Ưu-ba-giá-la³⁰ ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm cô choàng y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực; Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, cô lấy toạ cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một gốc cây, nhập chánh thọ ban ngày.

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp Cô Độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Ưu-ba-giá-la, ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni, trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm cô choàng y ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực, Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, cô lấy toạ cụ vắt lên vai vào rừng An-đà, ngồi dưới một gốc cây, nhập chánh thọ ban ngày. Nay ta hãy đến đó gây chướng nạn.’ Nó liền hoá thành thiếu niên, dung mạo xinh đẹp, đến chỗ Tỳ-kheo-ni Ưu-ba-giá-la, nói kệ:

*Trên cõi Tam Thập Tam,
Diệm-ma, Đâu-suất-đà;
[328c]Hoá lạc, Tha tự tại,
Hãy nguyện sinh về đó.*

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Ưu-ba-giá-la tự nghĩ: “Đây là những người nào mà muốn khùng bố ta? Là người hay không phải người? Hay là người gian xảo?” tự nghĩ đã biết rõ đây ắt là ác ma muốn nhiễu loạn, liền nói kệ:

*Trên cõi Tam Thập Tam,
Diệm-ma, Đâu-suất-đà;
Hoá lạc, Tha tự tại,
Trên các cõi trời ấy.
Không lìa hành hữu vi,³¹
Nên bị Ma không chế.
Tất cả các thế gian,
Đều là tự các hành.
Tất cả các thế gian,
Đều là pháp dao động;*

³⁰ Ưu-ba-giá-la 優波遮羅. No 100(223): Ưu-ba-chết-la 優波折羅. Pāli: Upacālā bhikkhunī.

³¹ Bản Pāli: *kāmabandhanabaddhā te*, ‘ chúng bị trôi bởi sợi dây ái dục.’

*Tắt cả các thế gian,
Lửa khổ thường cháy mạnh.
Tắt cả các thế gian,
Đều khởi dậy khỏi bụi.*

*Không động cũng không lay;
Không tập cận phàm phu;
Không rơi vào đường ma;
Ở nơi đó an vui.*

*Xả tất cả ưu khổ,
Diệt tất cả tối tăm;
Đã tác chứng diệt tận,
An trụ pháp vô lậu.
Ta biết người ác ma,
Hãy nhanh chóng diệt đi.*

Bấy giờ Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Tỳ-kheo-ni Ưu-ba-giá-la đã biết rõ tâm ta.’ Trong lòng ưu ssàu, nó liền biến mất.

KINH1108. THI-LỢI-SA-GIÁ-LA³²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-sa-giá-la³³ ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm cô choàng y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực; Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, cô lấy toạ cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà ngồi dưới một gốc cây, nhập chánh thọ ban ngày.

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp Cô Độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-sa-giá-la , ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni, trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm cô choàng y ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực, Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, cô lấy toạ cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà ngồi dưới một gốc cây, nhập chánh thọ ban ngày. Nay ta nên

³² Đại chánh, kinh 1027. Pāli, S. 5. 8. Sīsupacālā. Biệt dịch, No 100(223).

³³ Thi-lợi-sa-giá-la 尸利沙遮羅. No 100(223): Động Đầu 動頭. Pāli: Sīsupacālā bhikkhunī.

đến đó gây chướng nạn.’ Nó liền hoá thành [329a] thiếu niên, dung mạo xinh đẹp, đến chỗ Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-sa-giá-la, nói rằng:

“A-di! Cô thích đạo giáo³⁴ nào?”

Tỳ-kheo-ni đáp:

“Tôi không thích bất cứ đạo giáo nào.”

Lúc ấy, Ma Ba-tuần liền nói kệ:

*Cô theo lời ai dạy,
Cạo tóc làm Sa-môn,
Mình khóac y ca-sa,
Mang hình tướng xuất gia;
Lại không thích đạo nào,
Mà sống ôm ngu si?*

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-sa-giá-la tự nghĩ: ‘Đây là người nào mà muốn khùng bố ta? Là người hay không phải người? Hay là người gian xảo? Nghĩ vậy rồi, cô tự biết rõ là ác Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn, liền nói kệ:

*Các đạo ngoài Pháp này,
Bị trời bới kiến chấp.
Bị các kiến trời rồi,
Thường bị ma khống chế.*

*Thác sinh nhà họ Thích,
Đáng Đại Sư vô tử,
Dẹp trừ các ma oán,
Không bị chúng chế phục.*

*Thanh tịnh thoát tất cả,
Đạo nhãn quan sát khắp;
Trí nhất thiết biết rõ,
Tối thắng là các lậu.*

*Đó la Thấy của ta.
Ta chỉ mộ pháp Ngài.
Ta vào pháp Ngài rồi,
Được viễn ly, tịch diệt.*

Xả tất cả ái hỷ,

³⁴ Pāli: *pāsanda*, đạo giáo, giáo phái. Đây chỉ các giáo phái ngoài Phật giáo.

*Diệt tất cả tội tãm;
Đã tác chứng diệt tận,
An trụ pháp vô lậu.
Ta biết người ác ma,
Hãy nhanh chóng diệt đi.*

Bấy giờ Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-sa-giá-la đã biết rõ tâm ta.’ Trong lòng ưu sầu, nó liền biến mất.

37. TƯƠNG ƯNG BÀ-KỠ-XÁ¹

KINH 1109. TRÌ YẾT-GIÀ²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở bên bờ hồ Yết-già,³ nước Chiêm-bà.

Bấy giờ, là ngày thứ mười lăm của tháng, vào lúc bố-tát, Thế Tôn ngồi trước đại chúng. Khi trăng vừa mới mọc, lúc ấy ở trong chúng có Tôn giả Bà-kỳ-xá,⁴ nghĩ như vậy: “Bấy giờ, ta muốn ở trước Thế Tôn, đọc kệ khen về thí dụ mặt trăng.” Nghĩ vậy xong, Tôn giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, làm lễ Phật rồi chấp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con có điều muốn nói. Bạch Thiện thế, con có điều muốn nói.”

Phật bảo Bà-kỳ-xá:

“Muốn nói thì cứ nói.”

Tôn giả Bà-kỳ-xá liền ở trước Phật nói kệ:

*Như trăng treo hư không ,
Trong sáng không mây che;
Ánh sáng trong vắng vặc,
Chiếu khắp cả mười phương.*

*Như Lai cũng như vậy,
Trí tuệ soi thế gian;
Công đức nổi tiếng thom,
Lan tỏa khắp nơi nơi.*

Khi Tôn giả Bà-kỳ-xá nói kệ xong, các Tỷ-kheo nghe lời Tôn giả nói đều rất hoan hỷ.

¹ Tương ưng Bà-kỳ-xá, gồm các kinh Đại chánh 1208-1221 (nửa sau quyển 45), 993-994 (quyển 36, 2 kinh đầu). *Quốc dịch*, quyển 39, nửa sau, Tụng vii. Kê. 8. Tương ưng Bà-kỳ-xá, 2 phẩm. Ấn Thuận, 24. Tương ưng Bà-kỳ-xá, 16 kinh. Tương đương Pāli 8. Vaṅgīsaṃyutta.

² Đại chánh, kinh 1028. Pāli, S. 8. 11. Gaggārā. Cf. Thera. 1252. Biệt dịch, No 100(224).

³ Yết-già 揭伽. Np 100(224): Kiệt-xà trì 竭闍池. Pāli: Gaggārā pokkhaṇi.

⁴ Bà-kỳ-xá 婆耆舍. No 100(224): bà-kỳ-xa 婆耆奢. Pāli: Vaṅgīsa.

KINH 1110. KIÊU-TRẦN-NHU⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở bên bờ hồ Yết-già, tại nước Chiêm-bà. Bấy giờ, Tôn giả A-nhã Kiêu-trần-như, sống lâu nơi a-luyện-nhã thanh vắng, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, áp mặt lên chân Phật mà nói rằng:

“Lâu quá con không gặp Thế Tôn, Lâu quá con không gặp Thiện thế!”

Khi ấy, Tôn giả Bà-kì-xá đang ở trong chúng hội, nghĩ như vậy: “Bây giờ, ta sẽ đến trước mặt Tôn giả A-nhã Kiêu-trần-như khen ngợi bằng thí dụ Thượng tọa.” Nghĩ vậy xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, làm lễ Phật, rồi chấp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con có điều muốn nói. Bạch Thiện thế, con có điều muốn nói.”

Phật bảo Bà-kì-xá:

“Muốn nói gì thì cứ nói.”

Lúc ấy, Tôn giả Bà-kì-xá liền nói kệ:

Thượng tọa của Thượng tọa,⁶

Tôn giả Kiêu-trần-như;

Đã độ, đã vượt qua,

Được an lạc, chánh thọ.

Sống nơi A-luyện-nhã,

Hàng vui nơi viễn ly;

Đệ tử hàng xứng hợp

Chánh pháp Đại sư dạy.

Tất cả đều tỏ bày,

Chánh thọ, không phóng dật;

Sức đức lớn ba minh,

Trí tha tâm sáng tỏ.

Thượng tọa Kiêu-trần-như,

⁵ Đại chánh, kinh 1029. Pāli, S. 8. 9. Koṇḍañña. Thera. 1246-1248. Biệt dịch, No 100(225).

⁶ Pāli: *Buddhānubuddho so therō*, ‘Ngài là vị Thượng tọa giác ngộ theo sau đức Phật.’

*Hộ tài sản Phật pháp;
Bằng cung kính tặng thượng,
Cúi đầu lễ chân Phật.*

Khi Tôn giả Bà-kì-xá nói kệ xong, các Tỳ-kheo nghe lời Tôn giả nói đều rất hoan hỷ.

KINH 1111. XÁ-LỢI-PHÁT⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở bên bờ hồ Yết-già, tại nước Chiêm-bà. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phát cùng với các Tỳ-kheo hội họp tại nhà cúng dường. [329c] Tôn giả thuyết pháp cho họ, cú-vị đầy đủ, biện tài đơn giản, dễ hiểu, ưa nghe; thông suốt không gián đoạn, hiển bày nghĩa sâu. Các Tỳ-kheo này chuyên thích đến nghe; một lòng lắng nghe, tôn kính ghi nhớ. Lúc ấy, Tôn giả Bà-kì-xá đang ngồi giữa pháp hội, tự nghĩ: ‘Ta sẽ ở trước mặt Tôn giả Xá-lợi-phát nói kệ tán thán.’ Nghĩ vậy xong, liền đứng dậy chấp tay bạch:

“Tôn giả Xá-lợi-phát, tôi có điều muốn xin nói.”

Xá-lợi-phát bảo:

“Tuỳ sở thích mà nói.”

Tôn giả Bà-kì-xá liền nói kệ:

*Khéo nói pháp tóm lược,
Khiến ai cũng hiểu rộng;
Ngài Ưu-bà-đề-xá,⁸
Giữa đại chúng tuyên dương.*

*Đang lúc ngài nói pháp,
Giọng tuyệt vời từ cổ,⁹
Âm thanh thật đáng yêu,
Tiếng thư thả điều hoà.
Ai nghe cũng ưa thích,
Chuyên nhớ không dòi dôi.*

⁷ Đại chánh, kinh 10210. Pāli, S. 8. 10. Sāriputta. Thera. 1231-1233. Biệt dịch, No 100(226).

⁸ Ưu-bà-đề-xá 優婆提舍; No 100(226): Ưu-ba-thất-sử 優波室駛. Pāli: Upatissa, tên của Ngài Xá-lợi-phát.

⁹ Pāli: *sālikāyivā nigghosa*, tiếng phát ra như chim sālī.

Khi Tôn giả Bà-kì-xá những lời này, các Tỳ-kheo nghe những gì Tôn giả nói, đều rất hoan hỷ.

KINH 1112. NA-GIÀ SON¹⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở tại thành Vương Xá, gần núi Na-già¹¹ cùng với năm trăm Tỳ kheo câu hội, đều là bậc A-la-hán các lậu đã diệt tận, việc cần làm đã làm xong, đã lia bỏ các gánh nặng, đã đạt được lợi mình, đoạn trừ các hữu kết, chánh trí, tâm khéo giải thoát.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên quan sát tâm của đại chúng, thấy tất cả đều đã giải thoát tham dục. Khi ấy Tôn giả Bà-kì-xá ở giữa đại chúng, nghĩ như vậy: ‘Bây giờ, ta nên ở trước Thế Tôn và Tỳ-kheo Tăng nói kệ tán thán.’ Nghĩ vậy xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, chắp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con có điều muốn nói. Bạch Thiện thế, con có điều muốn nói.”

Phật bảo Bà-kì-xá:

“Tuỳ sở thích mà nói.”

Lúc ấy, Tôn giả Bà-kì-xá liền nói kệ:

*Vô thượng sĩ, Đạo Sư,
Trụ sườn núi Na-già;
Cùng năm trăm Tỳ-kheo,
Thân kính phụng Đạo Sư.*

*Tôn giả Đại Mục-liên,
Thần thông thấu rõ hết;
Quán sát tâm đại chúng,
Thấy đều lia tham dục.*

*Độ đầy đủ như vậy,
Mâu-ni qua bờ kia,
[330a] Mang thân này sau chót.
Nay con cúi đầu lễ.*

¹⁰ Đại chánh, kinh 1211. Pāli, S. 8. 10. Moggallāna. Thera. 12401251. Biệt dịch, No 100(227).

¹¹ Na-già 那伽. No 100(227): Long sơn 龍山. Bản Pāli: trong hang Đá đen (Kāḷasilā), trên sườn núi Isigili.

Khi Tôn giả Bà-kì-xá những lời này, các Tỳ-kheo nghe những gì Tôn giả nói, đều rất hoan hỷ.

KINH 1113. HOÀI THỌ¹²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá.¹³ Bảy giờ, Phật kiết hạ an cư cùng với năm trăm Tỳ-kheo đều là bậc A-la-hán các lậu đã diệt tận, việc cần làm đã làm xong, đã lia các bỏ gánh nặng, dứt trừ hữu kiết, chánh trí, tâm khéo giải thoát; chỉ trừ một Tỳ-kheo, là Tôn giả A-nan, được Thế Tôn ký thuyết, ngay trong đời hiện tại Tôn giả sẽ đắc vô tri chứng.¹⁴

Bảy giờ, ngày mười lăm,¹⁵ vào giờ tự tứ,¹⁶ Thế Tôn trải toà ngồi trước đại chúng, rồ bảo các Tỳ-kheo:

“Ta là Bà-la-môn đắc Bát-niết-bàn, mang thân sau cùng, làm Đại Y sư, nhổ những gai nhọn. Ta là Bà-la-môn đắc Bát-niết-bàn, mang thân sau cùng, là Vô thượng Y sư, nhổ những gai nhọn. Các Thầy là con, từ miệng Ta sinh ra, từ pháp hoá sinh, được gia tài pháp. Hãy để Ta tự tứ.¹⁷ Chớ để cho thân khẩu ý Ta có điều đáng hiềm trách.”

Lúc ấy Tôn giả Xá-lợi-phất ở giữa đại chúng đứng dậy, sửa lại y phục, đánh lễ chấp tay bạch Phật:

¹² Đại chánh, kinh 1212. Pāli, S. 8. 7. Pavāraṇā. Thera. 1234-1237. Biệt dịch, No 100(228); No 125(32.5); No 26(121); No. 61 ~ 63.

¹³ Bản Pāli: Sāvatthiyaṃ.

¹⁴ Vô tri chứng 無知證. Có lẽ Pāli: *diṭṭheva dhamme aññaṃ sacchikarissati*, sẽ chứng đắc chánh trí ngay trong hiện pháp. Nhưng bản Hán đọc là *aññāna*: vô tri (không biết) thay vì *aññā* (chánh trí, chỉ quả A-la-hán).

¹⁵ Hán dịch: thập ngũ nhật nguyệt (hay nguyệt nhật), để chỉ ngày thứ 15 của nửa tháng. Pāli: *pañjarasa*.

¹⁶ Thực thọ 食受時. Không đoán được từ gốc. Với ý nghĩa tương tự, đoạn dưới Hán dịch là *hoài thọ* 懷受. No 100(228): tự tứ thời đáo 自恣時到, vào lúc tự tứ. Pāli: *pavāraṇā*.

¹⁷ Đương hoài thọ ngã 當懷受我; Hán dịch không rõ nghĩa. Nhưng theo ngữ cảnh, đây là lời tự tứ. No 100(228): ngã kim dục tự tứ 我今欲自恣. Pāli tương đương: *handā dāni, bhikkhave, pavāremi vo; na me kiñci garahatha kāyikaṃ vā vācasikaṃ vā ti*, ‘Nay, này các Tỳ-kheo, Ta mong các người hãy nói lên; chớ để hiềm trách Ta điều gì về thân, và khẩu.’

“Bạch Thế Tôn, Thế Tôn vừa nói rằng: ‘Ta là Bà-la-môn đấng Bát-niết-bàn, mang thân cuối cùng, là Đại Y sư, nhờ những mũi nhọn. Các Thầy là con, sinh ra từ miệng Ta, được hoá sinh từ pháp, được gia tài pháp. Hãy để Ta tự tứ. Chớ để cho thân, khẩu, tâm ý¹⁸ Ta có điều đáng hiềm trách.’

“Bạch Thế Tôn, chúng con không thấy thân, khẩu, và tâm ý của Thế Tôn có điều gì đáng hiềm trách. Vì sao? Thế Tôn, với người không thể điều phục có thể khiến điều phục, người không tịch tĩnh có thể khiến tịch tĩnh, người không an nghỉ¹⁹ có thể khiến an nghỉ, người không bát-niết-bàn có thể khiến Bát-niết-bàn. Như Lai biết đạo, Như Lai nói đạo, Như Lai hướng đạo. Các đệ tử sau đó thành tựu, tùy thuận đạo tôn sùng đạo, vâng theo lời dạy của Đạo Sư. sống đúng như những lời chỉ dạy, chánh hướng hân lạc, chân như thiện pháp. Đối với Thế Tôn con không thấy thân hành, khẩu hành, ý hành có điều gì đáng hiềm trách. Nay đối trước Thế Tôn, xin chỉ cho con các tội được thấy, được nghe, được nghi, hoặc thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách?”

Phật bảo Xá-lợi-phất:

“Ta không thấy Thầy có các tội được thấy, được nghe, được nghi, và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách. **[330b]** Vì sao? Xá-lợi-phất, thầy trì giới, đa văn, thiếu dục, tri túc, tu hạnh viễn ly, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh thọ, trí tuệ nhanh nhạy,²⁰ trí tuệ sáng suốt sắc bén, trí tuệ giải thoát, trí tuệ yêm ly, trí tuệ lớn, trí tuệ rộng, trí tuệ sâu, trí tuệ không ai bằng, thành tựu trí tuệ bảo;²¹ khai thị, chỉ giáo, soi sáng, hoan hỷ; và thường cũng tán thán việc khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, mà vì chúng sanh thuyết pháp chưa từng mỗi một. Thí như Thái tử thứ nhất của Chuyển luân Thánh vương

¹⁸ Trong bản Pāli, chỉ tự tứ những điều liên hệ thân và khẩu, *kāyikaṃ vā vācasikaṃ vā*.

¹⁹ Hán: tô tức, xem cht, kinh...

²⁰ Khen ngợi các trí tuệ của Xá-lợi-phất: tiếp tậ trí tuệ, minh lợi trí tuệ, xuất yếu trí tuệ, yêm ly trí tuệ, đại trí tuệ, quảng trí tuệ, thâm trí tuệ, vô tỷ trí tuệ, trí bảo thành tựu 捷智明智出智厭智慧大智慧廣智慧深智慧無比智慧智寶成就. So sánh Pāli: *paṇḍitapañño, mahāpañño, putthupañño, hāsapañño, javanapañño, tikkhapañño, nibbedhikapañño*.

²¹ Tống Nguyên Minh đọc là *thật*. Ấn Thuận, Quốc dịch, Phật quang đều đọc là *bảo* 寶.

đáng thọ lễ quán đảnh; nhưng chưa quán đảnh mà đang ở vào nghi pháp quán đảnh, như pháp của vua cha, những gì người đã chuyển cũng sẽ theo đó mà chuyển. Nay Thầy cũng như vậy, là trưởng tử của Ta, gần được thọ quán đảnh, nhưng chưa quán đảnh mà đang ở vào nghi pháp. Những gì Ta đã chuyển, Thầy cũng theo đó chuyển, và đạt được vô sở khởi; diệt tận các hữu lậu, tâm khéo giải thoát. Cũng vậy, đối với Thầy, Ta không thấy có các tội được thấy, được nghe, được nghi, và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách.”

Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nếu con không có các tội được thấy, được nghe, được nghi, và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách; vậy thì năm trăm Tỳ-kheo này có không các tội được thấy, được nghe, được nghi, và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách?”

Phật đáp:

“Đối với năm trăm Tỳ-kheo này, Ta cũng không thấy các tội được thấy, được nghe, được nghi, và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách. Vì sao? Vì năm trăm Tỳ-kheo này đều là A-la-hán, các lậu đã diệt tận, những việc cần làm đã làm xong, đã bỏ gánh nặng, đoạn các kết sử, chánh trí, tâm khéo giải thoát. Trừ một Tỳ-kheo, đó là Tôn giả A-nan, Ta ký thuyết cho A-nan đối trong hiện pháp sẽ đắc vô trí chứng. Cho nên, năm trăm Tỳ-kheo, Ta không thấy có các tội được thấy, được nghe, được nghi, và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách.”

Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, năm trăm Tỳ-kheo này đã không có các tội được thấy, được nghe, được nghi, và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách hết. Vậy trong đây có bao nhiêu Tỳ-kheo được tam minh? Có bao nhiêu Tỳ-kheo được câu giải thoát? Có bao nhiêu Tỳ-kheo được tuệ giải thoát?”

Phật bảo Xá-lợi-phất:

“Trong năm trăm Tỳ-kheo này, chín mươi Tỳ-kheo được tam minh; chín mươi Tỳ-kheo được câu giải thoát; những vị còn lại được tuệ giải thoát. Nay Xá-lợi-phất, những Tỳ-kheo này đã lìa khỏi mọi chao động, không có ai là vô ngoài, mà đều là lõi thật cứng chắc.”

Khi ấy Tôn giả Bà-kì-xá ở giữa hội chúng tự nghĩ: “Nay Ta sẽ ở trước Thế Tôn và hội chúng nói kệ tán thán sự tự tứ.” Nghĩ vậy xong, liền từ

chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại [330c] y phục, lễ Phật, gồi phải quỳ sát đất
chấp tay Bạch:

“Bạch Thế Tôn, con có điều muốn nói. Bạch Thiện thế, con có điều
muốn nói.”

Phật bảo Bà-kì-xá:

“Cứ nói theo những gì muốn.”

Lúc ấy, Bà-kì-xá liền nói kệ:

*Ngày mười lăm thanh tịnh,
Chúng kia năm trăm người;
Đoạn trừ tất cả kết,
Đại Tiên diệt tận hữu.*

*Thanh tịnh tập thân cận,
Thanh tịnh rộng giải thoát;
Không còn thọ các hữu,
Sanh tử đã đoạn hẳn.*

*Việc cần làm đã làm,
Tận trừ tất cả lậu;
Mây ngũ cái đã trừ,
Nhỏ rể gai ái dục.*

*Sư tử không sợ hãi,
Xả tất cả hữu dư;
Giết kẻ thù là hữu,
Siêu việt cảnh hữu dư.
Các oán địch hữu lậu,
Thấy đều đã tiếm phục.*

*Giống như Chuyển luân vương,
Bao dung²² các quyền thuộc,
Tâm từ rộng tuyên hoá,
Mọi thần dân vâng theo.*

*Đã hàng phục oán địch,
Làm Đạo Sư vô thượng.*

²² Hán: *hoài thọ*. Cf. No 100(228): “Nhu Chuyển luân vương, với quần thần
vây quanh.”

*Tâm kính tín phụng thờ,
Ba minh, diệt lão, tử;
Là chơn tử của pháp,
Không lo lắng dao động.
Nhỏ sạch gai phiền não.
Kính lễ đấng Nhật Thân.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1114. BÁT LẠC²³

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, tại thành Vương Xá.

Bấy giờ, Tôn giả Ni-câu-luật Tướng²⁴ ở chỗ hoang dã, nơi ở của cầm thú.²⁵ Tôn giả Bà-kì-xá xuất gia chưa lâu mà có những oai nghi như vậy: sống nương vào thành ấp, làng xóm. Sáng sớm, choàng y, ôm bát vào thành ấp, làng xóm đó khát thực, khéo bảo vệ thân mình, giữ gìn các căn môn, nhiếp tâm cột niệm. Ăn xong, trở về trú xứ, cất y bát, rửa chân xong, vào thất tọa thiền, giày lát xả thiền. Không chấp đắm khát thực, nhưng vị kia²⁶ không tùy thời giáo thọ, giáo giới, nên tâm không an lạc, giống như sống trong chỗ thâm sâu, chung quanh bị che kín.

Rồi, Tôn giả Bà-kì-xá suy nghĩ: “Ta không được lợi, khó được, chứ không phải dễ được! Ta không được tùy thời giáo thọ, giáo giới, **[331a]** nên tâm không an lạc, giống như sống trong chỗ thâm sâu, chung quanh bị che kín. Nay ta nên nói kệ tán thán sự nhầm chán của mình.” Nó liền nói kệ:

Đẹp bỏ vui, không vui,

²³ Đại chánh, kinh 1213. Pāli, S. 8. 2. Arati. Thera. 1214-1218. Biệt dịch, No 100(229).

²⁴ Ni-câu-luật Tướng 尼拘律相. Bản Cao-ly đọc là *tướng*. Tống Nguyên Minh đọc là *tường*. Pāli: Nigrodhakappa, Hoà thượng của Vaṅṅīsa.

²⁵ Bản Pāli: Āḷaviyaṃ Āggāḷave cetiye, trong miếu Āggāḷava, ở Āḷavi. Bản Hán hiểu Āḷavi là danh từ chung chứ không phải địa danh.

²⁶ Chỉ Tôn giả Ni-câu-luật Tướng. Trong bản Pāli, đoạn này nói, Nigodhakappa sau khi khát thực về, vào thất, đóng cửa cho đến chiều hôm sau. Vì vậy, Vaṅṅīsa buồn rầu, vì không được Thầy quan tâm giáo giới.

Cùng tất cả giác tham,²⁷
Không gây dựng xòm giềng,²⁸
Ly nhiễm là Tỳ-kheo.

Với sáu giác tâm tưởng,²⁹
Rong ruổi nơi thế gian;
Che dấu ác bất thiện,
Không thể lột bỏ vỏ.

Nơi tâm vui ô uế,
Đó không là Tỳ-kheo.
Trói buộc bởi hữu dư,³⁰
Cùng thấy, nghe, hiểu, biết.

Với người giác ngộ dục,³¹
Nơi kia không còn nhiễm.
Người không nhiễm như vậy,
Đó gọi là Mâu-ni.

Đại địa và hư không,
Các sắc tượng thế gian;
Chúng là pháp biến diệt,
Vắng lặng tự quyết định.

Tu tập lâu pháp khí,
Mà được tam-ma-đề;
Không xúc, không đối nịnh,
Tâm này rất chuyên chú.

Thánh Niết-bàn từ lâu,
Cột niệm đợi thời diệt.³²

²⁷ Tham giác 貪覺. Pāli: *gehasikaṃ vitakkaṃ*, tầm tư thế tục.

²⁸ Hán: ư lân vô sở tác 於鄰無所作. Pāli: *vanathaṃ na kareyya kuhuñca*, không tạo rùng tham ái bất cứ ở đâu.

²⁹ Sáu giác tâm tưởng 六覺心想. So Pāli: *saṭṭhi nissitā savitakkā, puthū janatāya adhammaṃ nivīṭṭā*. y chấp nơi 60 loại tầm cầu, phạm phu bị dính chặt vào phi pháp. Theo số giải, với sáu cảnh, mỗi cảnh có 10 tầm cầu phi pháp.

³⁰ Hữu dư 有餘; đây chỉ hữu dư y, phiền nào làm sở y cho thọ sinh. Pāli: *upadhi janā gadhitāse*, chúng sinh bị trói chặt vào hữu y.

³¹ Pāli: *vinodaya chandam*, đã đoạn dục.

Khi Tôn giả nói kệ tự nhàm chán, xa lìa; tâm tự khai giác đối với những điều không vui, sau khi đã khai giác rồi thì tâm an trụ hoan hỷ.

KINH 1115. THAM DỤC³³

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả A-nan-đà sáng sớm choàng y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực, cùng đồng hành với Tôn giả Bà-kì-xá. Khi ấy Tôn giả Bà-kì-xá thấy một cô gái rất xinh đẹp, tức thì tâm tham dục khởi lên. Tôn giả Bà-kì-xá suy nghĩ: “Hôm nay ta gặp bất lợi, bị khổ, không được vui. Nay ta đã gặp thiếu nữ xinh đẹp này, tâm tham dục sinh khởi. Bấy giờ để sinh tâm yếm ly, ta hãy làm bài kệ.”

Nghĩ vậy rồi liền nói kệ:

*Bị tham dục che khuất,
Hừng hực thiêu tâm ta.
Xin Tôn giả A-nan,
Diệt lửa tham cho tôi.
Vì tâm từ thương xót,
Xin phương tiện dạy tôi.*

Tôn giả A-nan nói kệ đáp:

*Vì tướng kia điên đảo,
Hừng hực thiêu tâm người.
[331b] Dứt bỏ tướng tịnh đẹp,
Nó nuôi lớn tham dục.

Hãy tu quán bất tịnh,
Thường nhất tâm chánh thọ;
Diệt nhanh lửa tham dục,
Chớ để thiêu tâm ta.

Quán sát rõ các hành,
Khổ, không, cùng phi ngã;
Buộc niệm chánh quán thân,*

³² Pāli: *santam padam ajjhagamā muni paṭicca parinibbuto kaṅkhati kālan'ti*, ‘ đã đi đến con đường tịch tĩnh, đáng Mâu-ni y trên Niết-bàn mà chờ mệnh chung.

³³ Đại chánh, kinh 1214. Pāli, S. 8. 4. Ānanda. Biệt dịch, No 100(230); No 125(35.9).

*Tu tập nhiều yếm ly.
Tu tập nơi vô tướng,
Diệt kết sử kiêu mạn;
Đạt được hiện quán mạn,
Rốt ráo tận khổ biên.*

Sau khi Tôn giả A-nan nói những lời này, Bà-kì-xá nghe những gì Tôn giả nói, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1116. XUẤT LY³⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bảy giờ, có gia chủ thỉnh Phật và chúng Tăng về nhà họ thọ thực. Tất cả đều đi đến nhà đó, chỉ có Tôn giả Bà-kì-xá vì gặp ngày trực, ở lại giữ tinh xá, nên để dành phần ăn.

Bảy giờ, có nhiều bà vợ và con gái của gia chủ ra khỏi tụ lạc, đi đến tinh xá. Bà-kì-xá thấy các thiếu nữ có dung mạo xinh đẹp, liền khởi tâm tham dục. Ngay lúc ấy, Tôn giả lại nghĩ: “Hôm nay ta bất lợi, không được lợi, bị khổ, không được vui. Thấy thiếu nữ nhan sắc xinh đẹp kia, liền khởi lòng tham dục. Bây giờ, ta phải làm kệ yếm ly.” Nghĩ xong, liền nói kệ:

*Ta đã được xuất ly,
Xuất gia, sống không nhà;
Tham dục đuổi theo ta,
Như bò nhớ lúa mạ.*

*Phải như con đại tướng,
Sức mạnh cầm cung lớn;
Bắn phá trận trùng điệp,
Một người diệt cả nghìn.*

*Nay từ đấng Nhật Thân,
Trực tiếp nghe giáo thuyết,
Hướng thẳng đạo Niết-bàn,
Tâm quyết trụ an lạc.*

³⁴ Đại chánh, kinh 1215. Pāli, S. 8. 1. Nikkhanta. Thera. 1209-1213. Biệt dịch, No 100(250).

*Không buông lung như vậy,
Trụ chánh thọ tịch diệt;
Đổi tâm ta, không gì
Huyễn hoặc, lừa dối được.*

*Quyết định quán sát rõ,
An trụ nơi chánh pháp.
Dù cho vô số lượng,
Muốn đến mê hoặc ta.
Những ác ma như vậy,
Không thể gặp được ta.*

[331c] Khi Tôn giả Bà-kì-xá nói kệ xong, tâm được an trụ.

KINH 1117. KIÊU MẠN³⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Bà-kì-xá tự cho trí tuệ của mình có khả năng nói hay, rồi đối với những đồng phạm hạnh thông minh khác sinh tâm kiêu mạn. Sau đó liền tự tâm nghĩ: “Ta bất lợi, sẽ không được lợi, bị khổ, không được vui. Ta tự cho mình có trí tuệ, mà đối với những đồng phạm hạnh thông minh khác tỏ khinh mạn. Bấy giờ ta nên nói kệ sinh lòng yếm ly.” Tôn giả liền nói kệ:

*Cù-đàm,³⁶ chớ kiêu mạn,
Trừ mạn sạch không còn;
Chớ khởi giác tưởng mạn,
Chớ thổi lòi sinh hối.*

*Đối người chớ che dấu,³⁷
Mạn hại, rơi địa ngục.³⁸*

³⁵ Đại chánh, kinh 1216. Pāli, S. 8. 3. Pesalā-atimaññanā. Thera. 1219-1222. Biệt dịch, No 100(251).

³⁶ Pāli, Sở giải, đây chỉ đệ tử của Gotama (*gotamāti gotamabuddhasāvakkatā*).

³⁷ Cf. Pāli: *makkhena makkhitā pājā*, chúng sanh được che đậy bởi phú tàng (ngụy thiện).

³⁸ Sát mạn: “bị sát hại bởi mạn. No 100(252: “Tất cả chúng sanh bị gay hại bởi mạn nên đọa địa ngục.” Pāli: *mānahatā nirayaṃ papatanti*, những người hành kiêu mạn đọa địa ngục. *Mānahata*, bị sát hại bởi mạn.

*Chánh thọ để trừ ưu,
Thấy đạo, trụ chánh đạo.
Tâm này được hỷ lạc,
Thấy đạo, tự giữ gìn,
Chớ ý vô ngại biện;
Thanh tịnh trừ chướng cái.
Đoạn trừ tất cả mạn,
Khởi tất cả minh xứ;
Chánh niệm nơi tam minh,
Thần túc, tha tâm trí.*

Khi Tôn giả Bà-kì-xá nói kệ sinh lòng yểm ly rồi, tâm được thanh tịnh.

KINH 1118. BẢN DỤC CUỒNG HOẶC³⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Bà-kì-xá ở giảng đường Lộc Tử Mẫu, vướn phía Đông nước Xá-vệ, một mình tư duy sống không phóng dật, chuyên tu tự nghiệp, chóng được tam minh, tự thân tác chứng. Lúc này, Tôn giả Bà-kì-xá tự nghĩ: ‘Ta một mình ở chỗ vắng tư duy, sống không phóng dật, chuyên tu tự nghiệp, để được tam minh, tự thân tác chứng. Bấy giờ, ta nên nói kệ tán thán tam minh, liền nói kệ:

*Xưa, tâm dục cuồng hoặc,⁴⁰
Đi khắp nhà, khắp xóm;
Du hành, gặp thấy Phật,
Dạy ta pháp thù thắng.
Đáng Cù-đàm thương xót,
Vì ta nói Chánh pháp.
Nghe pháp, được tịnh tín,
Xả phi gia, xuất gia.
Nghe Ngài nói pháp rồi,
An trụ nơi pháp giáo;*

³⁹ Đại chánh, kinh 1217. *Quốc dịch*, phẩm 2. Pāli, S. 8. 12. Vāṅgīsa. Thera. 1253-1262. Biệt dịch, No 100(252).

⁴⁰ Pāli: *kāveyyamattā ... pubbe*, khi xưa, ta đam mê làm thơ.

*Cần tinh tấn buộc niệm,
Bền chí, luôn chịu đựng.
[332a] Nhanh chóng được tam minh,
Đã làm điều Phật dạy.*

*Thế Tôn khéo hiển bày,
Đáng Nhật chúng diễn nói,
Vì chúng sanh mù lòa,
Mở cửa xuất yếu kia.*

*Khổ khổ và nhân khổ,
Khổ diệt hết, tác chúng.
Tám Thánh đạo là khổ,
An lạc đến Niết-bàn;*

*Nghĩa thiện, cú vị thiện,
Phạm hạnh tuyệt vô thượng;
Thế Tôn khéo hiển bày,
Niết-bàn cứu chúng sanh.*

KINH 1119. TỨ PHÁP CÚ⁴¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói bốn pháp cú.⁴² Hãy lắng nghe, và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các người mà giảng nói. Những gì là bốn?

*Pháp Hiền Thánh khéo nói ,
Đây là điều thứ nhất.*

*Ái ngữ chẳng phải không,
Đây là điều thứ hai.*

*Nói thật chẳng hư vọng,
Đây là lời thứ ba;*

Thuyết pháp không nói khác,⁴³

⁴¹ Đại chánh, kinh 1218. Pāli, S. 8. 5. Subhāsītā. Thera. 1227-1230; Sn. 3. 3. Subhāsita-sutta, Biệt dịch, No 100(253).

⁴² Bốn pháp cú 四法句. Pāli: *catūhi aṅgehi samannāgatā vācā subhāsītā*, lời được khéo nói gồm có bốn chỉ.

⁴³ Pāli: *dhamma bhāṇe nādhammaṃ taṃ*, nói pháp chứ không phải phi pháp.

Đây là điều thứ tư.

“Này các Tỳ-kheo, đó gọi là nói bốn cú pháp.”

Khi ấy, Tôn giả Bà-kì-xá ở giữa hội chúng nghĩ thâm: ‘Thế Tôn ở giữa bốn chúng nói bốn cú pháp. Ta phải dùng bốn cách để khen ngợi, xưng tán, và tùy hỷ.’ Tôn giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục lễ Phật, chấp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con có điều muốn nói. Bạch Thiện thế, con có điều muốn nói.”

Phật dạy:

“Tùy theo sở thích mà nói.”

Lúc ấy, Tôn giả Bà-kì-xá liền nói kệ:

*Nếu ai khéo nói pháp,
Vội mình không khổ não;
Cũng không khùng bố người,
Đó gọi là khéo nói.*

*Ai nói lời ái ngữ,
Nói làm người hoan hỷ,
Người không cho là dữ,
Thì đó là ái thuyết.*

*Nói thật, biết cam lộ,⁴⁴
Nói thật, biết vô thượng.
Nói pháp, nói nghĩa thật,
Chỗ chánh sĩ kiến lập.
Nhu pháp Phật đã nói,
Đạo Niết-bàn an ổn;
Diệt trừ tất cả khổ,
Đó gọi khéo nói pháp.*

Phật nói kinh này xong. Các tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1120. NA-GIÀ SƠN TRẮC⁴⁵

[332b] Tôi nghe như vậy:

⁴⁴ Pāli: *saccaṃ ve amatā vācā*, lời nói thật là nói nói (dân đến) bắt từ (cam lộ).

⁴⁵ Đại chánh, kinh 1219. Pāli, S. 8.8. Parosahassa. Thera. 1238-1245. No 100(253).

Một thời đức Phật ở trên sườn núi Na-già, tại thành Vương Xá, cùng với một nghìn Tỳ-kheo đều là bậc A-la-hán, đã diệt tận hữu lậu, việc cần làm đã làm xong, đã lia các gánh nặng, đã được lợi mình, đoạn trừ các hữu kết, chánh trí, tâm khéo giải thoát. Bấy giờ, Tôn giả Bà-kì-xá đang ở giữa nghĩa địa trong rừng Lạnh⁴⁶, tại thành Vương Xá, suy nghĩ rằng: ‘Nay Thế Tôn đang ở trên sườn núi Na-già, tại thành Vương Xá cùng với một nghìn Tỳ-kheo đều là bậc A-la-hán, đã diệt tận hữu lậu, việc cần làm đã làm xong, đã lia các gánh nặng, đã được lợi mình, đoạn trừ các hữu kết, chánh trí, tâm khéo giải thoát. Nay, ta nên đến đó tán thán Thế Tôn và các Tỳ-kheo Tăng.’ Nghĩ vậy xong, Tôn giả Bà-kì-xá liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

*Đấng Đạo Sư vô thượng,
Trên sườn núi Na-già;
Nghìn Tỳ-kheo quyến thuộc,
Phụng sự đức Như Lai.*

*Pháp Đại sư rộng nói,
Đạo Niết-bàn thanh lương;
Chuyên nghe pháp thanh bạch,
Mà đáng Chánh giác nói.*

*Đáng Chánh giác tôn kính,
Ở ngay giữa đại chúng;
Là Đại long đức rợp,
Là Thượng thủ Tiên nhơn.*

*Nổi kín mây công đức,
Mưa khắp chúng Thanh văn.
Con từ nghỉ trưa dậy,
Đến phụng sự Đại sư.
Đệ tử Bà-kì-xá,
Cúi đầu xin đánh lễ.*

“Bạch Thế Tôn, con có điều muốn nói. Bạch Thiện thế, con có điều muốn nói.”

Phật bảo Bà-kì-xá:

⁴⁶ Hàn lâm.

“Tuỳ những gì người nói, đừng suy nghĩ trước.”

Lúc ấy, Bà-kì-xá liền nói kệ:

*Ba-tuần khởi ác mọn,
Ngâm chế khiến diệt ngay.
Thường ngăn chặn các ma,
Khiến tự hiểu biết lỗi.*

*Quán sát mở trời buộc,
Phân biệt pháp thanh bạch;
Sáng soi như nhật nguyệt,
Làm Vua các dị đạo.*

*Chúng ngộ khỏi trí siêu xuất,
Diễn nói pháp đệ nhất.
Ra các dòng phiền não,
Diễn thuyết vô lượng đạo.*

*Xác lập nơi cam lộ,,
Kiến đế, pháp chơn thật;
[332c] Tuỳ thuận đạo như vậy,
Khó gặp Thầy như vậy.*

*Kiến lập đạo cam lộ,
Kiến đế, sùng viễn ly;
Thế Tôn khéo thuyết pháp,
Trừ ám cái cho người.
Thấy rõ đối các pháp,
Theo học để điều phục.*

Tôn giả Bà-kì-xá nói kệ này rồi, các Tỳ-kheo nghe những gì Tôn giả nói, đều rất hoan hỷ.

KINH 1121. BẠT TIÊN⁴⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Lộc Uyển, tại trú xứ các Tiên nhơn, nước Ba-la-nại. Bấy giờ, Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói về pháp tương ưng bốn Thánh đế. Đó là: Đây là Khổ Thánh đế, đây là Khổ tập Thánh đế, đây là Khổ diệt Thánh đế, đây là Khổ diệt đạo tích Thánh đế.

⁴⁷ Đại chánh, kinh 1220. Biệt dịch, No 100(254).

Khi ấy, Tôn giả Bà-kì-xá ở giữa hội chúng tự nghĩ: ‘Nay ta nên đến trước Thế Tôn tán thán về ví dụ nhỏ mũi tên.’ Nghĩ như vậy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, chấp tay bạch Phật:

“Dạ Bạch Thế Tôn, con có điều muốn nói. Bạch Thiện thế, con có điều muốn nói.”

Phật bảo Bà-kì-xá:

“Tuỳ sở thích mà nói.”

Lúc ấy, Tôn giả Bà-kì-xá liền nói kệ:

*Con nay kính lễ Phật,
Thương xót mọi chúng sanh;
Thứ nhất nhỏ tên nhọn,
Biết rõ trị các bệnh.*

*Thầy thuốc Ca-lộ-y,⁴⁸
Thầy thuốc Ba-hầu-la;⁴⁹
Và thầy Chiêm-bà-kỳ,⁵⁰
Thầy Kỳ-bà⁵¹ chữa bệnh.
Hoặc có bệnh hơi khỏi,
Gọi là trị bệnh hay;
Sau đó bệnh phát lại,
Bệnh kéo dài đến chết.*

*Đại y vương, Chánh giác,
Khéo cho thuốc chúng sanh;
Trừ các khổ, rớt ráo,
Không còn thọ các hữu.
Cho đến trăm nghìn thứ,
Na-do-tha số bệnh;
Phật điều chữa trị hết,
Rớt ráo thoát khỏi khổ.*

*Các thầy thuốc nếu hợp,
Con ắt sẽ bảo họ;*

⁴⁸ Ca-lộ-y 迦露醫.

⁴⁹ Ba-hầu-la 波睺羅.

⁵⁰ Chiêm-bà-kỳ 瞻婆耆.

⁵¹ Kỳ-bà 耆婆.

*Được thuốc pháp cam lồ,
Tuỳ sở thích mà uống.
Đệ nhất nhỏ tên nhờn,
Biết rõ các thứ bệnh;
Tôi thượng trong chữa trị,
Con đánh lễ Cù-đàm.*

[333a] Sau khi Tôn giả Bà-kì-xá nói những lời này, các Tỳ-kheo nghe những gì Tôn giả Bà-kì-xá nói, đều rất hoan hỷ.

KINH 1122. NI-CÂU-LUẬT TƯỚNG⁵²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, tại thành Vương Xá. Bấy giờ, Tôn giả Ni-câu-luật Tướng⁵³ ở nơi hoang dã, chỗ ở của cầm thú, bị bệnh thật là nặng. Tôn giả Bà-kì-xá là người nuôi bệnh, chăm sóc, cung phụng. Nhưng Tôn giả Ni-câu-luật Tướng vì bệnh tật nặng quá, nên đã bát-niết-bàn. Khi ấy Tôn giả Bà-kì-xá tự nghĩ: ‘Hòa thượng của ta Niết-bàn là hữu dư Niết-bàn hay là vô dư Niết-bàn? Nay ta nên tìm cầu tướng này.’

Sau khi Tôn giả Bà-kì-xá cúng dường xá-lợi Tôn giả Ni-câu-luật Tướng xong, mang y bát đi về thành Vương Xá. Lần lượt đến thành Vương Xá, cất y bát, rửa chân xong, rồi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

*Nay con lễ Đại sư,
Đấng chánh giác không giảm,⁵⁴
Ở trong hiện pháp này,
Đoạn tất cả lưới nghi.*

*Tỳ-kheo ở khoáng dã,
Mạng chung bát-niết-bàn,
Oai nghi nhiếp các căn,
Đức lớn nêu ở đời,*

⁵² Đại chánh, kinh 1221. Pāli, Thera. 1263-1279; Sn. 2. 12. Vaṅṅisa-sutta (Nigrodhakappa). Biệt dịch, No 100(255).

⁵³ Ni-câu-luật Tướng 尼拘律想. No 100(255): Ni-cù-đà-kiếp-ba 尼瞿陀劫波. Pāli: Nigrodhakappa.

⁵⁴ Bản Cao-ly đọc là *diệt* 滅. TNM: đọc là *giảm*. No 100(255): “Đấng giải tuệ vô lượng.” Sn. tr. 60: *sathāramanopaññā*.

Được Thế Tôn đặt tên,
Gọi Ni-câu-luật Tường.

Nay con hỏi Thế Tôn,
Vì con, nói công đức
Vị bất động giải thoát,
Siêng năng cần phương tiện.

Con là họ Thích-ca,
Đệ tử pháp Thế Tôn;
Ngoài ra còn muốn biết,
Những điều Đạo nhĩn nói.
Chúng con đang ở đây,
Tất cả đều muốn nghe.

Thế Tôn là Đại sư,
Cứu thế gian vô thượng.
Đại Mâu-ni trừ nghi,
Trí tuệ đã đầy đủ.

Đạo nhĩn thân chiếu khắp,
Ánh sáng hiển bốn chúng.
Giống như Thiên-đế Thích,
Sáng chói Tam Thập Tam.

Các tham dục nghi hoặc,
Đều từ vô minh khởi.
Nếu được gặp Như Lai,
Thì diệt mất không còn.

Đạo nhĩn thân Thế Tôn,
Là tối thượng thế gian.
Diệt trừ lỗi chúng sanh,
Như gió thổi bụi bay;

[333b] Tất cả các thế gian,
Bị phiền não che khuất.
Còn lại đều không có,
Mắt sáng như của Phật.

Tuệ quang chiếu khắp cả,
Khiến đồng đại tinh tán.

*Cúi xin đấng Đại trí,
Nên vì chúng ký thuyết.*

*Phát âm thanh vi diệu,
Chúng con một lòng nghe.
Diễn nói lời dịu dàng,
Các thế gian nghe khắp;*

*Giống như nóng, khát, bức,
Tìm kiếm nước mát mẻ.
Nhu Phật, biết không giảm,
Chúng con cũng mong biết.*

Tôn giả Bà-kì-xá lại nói kệ:

*Nay nghe đấng vô thượng,
Ký thuyết công đức kia;
Không uổng tu phạm hạnh,
Con nghe rất hoan hỷ.*

*Nói tùy thuận như thuyết,
Đệ tử thuận Mâu-ni;
Cắt dây dài sinh tử,
Và dây trói hư, huyễn.*

*Vì nhờ gặp Thế Tôn,
Nên đoạn trừ các ái;
Qua khỏi bờ sinh tử,
Không còn thọ các hữu.*

Phật nói kinh này xong. Tôn giả Bà-kì-xá nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ ra về.⁵⁵

KINH 1123. TÁN THƯỢNG TỌA⁵⁶

[259a5] Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có các Thượng tọa Tỳ kheo, sống y chỉ bên cạnh

⁵⁵ Bản Hán, hết quyển 45.

⁵⁶ Đại chánh, quyển 36, kinh 993. *Quốc dịch*, quyển 40, “8. Tương ung Bà-kỳ-xá”, phẩm 2, tiếp theo. Ấn Thuận, “24, Tương ung Bà-kỳ-xá” tiếp theo, kinh 15. *Phật quang*, quyển 46, kinh 1206. Tương đương Pāli, không thấy. Biệt dịch, No 100(256).

Phật như Tôn giả A-nhã Kiều-trần-như, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Ma-ha Mục-kiền-liên, Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nhị Thập Úc Nhĩ, Tôn giả Đà-la-phiêu Ma-la Tử, Tôn giả Bà-na-ca-bà-sa, Tôn giả Da-xá-xá-la-ca-tì-ha-lợi, Tôn giả Phú-lưu-na, Tôn giả Phân-đà-đần-ni-ca. Như các Thượng tọa này, các Thượng tọa Tỳ kheo khác cũng sống y chỉ ở bên Phật.

Lúc đó Tôn giả Bà-kỳ-xá⁵⁷ đang ở tại giảng đường Lộc Tử mẫu trong vườn phía Đông của nước Xá-vệ. Tôn giả Bà-kỳ-xá tự nghĩ: “Hôm nay Thế Tôn đang trú trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ cùng với các Thượng tọa Tỳ kheo sống y chỉ bên cạnh Phật. Nay ta nên đi đến chỗ Thế Tôn, nói kệ khen ngợi từng Thượng tọa Tỳ kheo một.” Suy nghĩ như vậy xong, Bà-kỳ-xá liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, nói kệ:

*Tỳ kheo Tối Thượng tọa ,
Đã đoạn các tham dục;
Vượt khỏi các thế gian,
Tích tụ của tất cả.*

*Trí sâu, ít nói năng,
Dũng mãnh, siêng phương tiện;
Đạo đức sạch sáng ngời:
Con nay cúi đầu lạy.*

*Đáng hàng phục ma oán,
Xa lìa nơi đám đông;
Không bị năm dục trói,
Thường sống trong rừng vắng;
Rõng trong, ít ham muốn:
Con nay cúi đầu lạy.*

*Thẳng tộc Giá-la-diên,
Thiền tư không phóng dật,
Nội tâm vui chánh thọ,
Trong sạch trừ bụi nhơ,
Tuệ biện hiển nghĩa sâu:
Cho nên con cúi lạy.*

⁵⁷ Bà-kỳ-xá 婆耆舍. Pāli: Vaṅṅisa, biện tài đệ nhất.

Đáng đạt thần thông tuệ,
Vượt mọi thứ thần thông;
[259b] Trong sáu thứ thần thông,
Tự tại không sợ hãi;
Là thần thông tối thắng:
Cho nên con cúi lạy.

Chúng sanh nơi năm đường,
Cho đến cõi Phạm thế;
Trời, người tướng ưu liệt,
Trong nghìn đại thiên giới,
Mắt tịnh thiên thấy hết:
Cho nên con cúi lạy.

Sức phương tiện tinh cần,
Đoạn trừ tập khởi ái;
Xé toạc lưới sanh tử,
Tâm thường vui chánh pháp;
Lìa các tướng hy vọng,
Vượt qua bờ bên kia;
Trong sạch, không bụi nhơ:
Cho nên con cúi lạy.

Thoát ly mọi sợ hãi,
Xả tài vật, không dính;
Biết đủ, không nghi hoặc,
Hàng phục giặc ma oán;
Quán niệm thân thanh tịnh:
Cho nên con cúi lạy.

Không có các thế gian,
Rừng gai góc phiền não;
Trừ hẳn kết phược sử,
Đứt nhờn duyên ba cõi;
Tinh luyện diệt các cấu,
Rốt cùng sáng hiện bày;
Nơi rừng lìa khỏi rừng:
Cho nên con cúi lạy.

Đứt giả trá, si, nhuế,

*Điều phục các ái hỷ;
Ra khỏi mọi kiến xứ,
Không cửa nhà nương tựa;
Thanh tịnh không vết nhơ:
Cho nên con cúi lạy.*

*Tâm kia chuyển tự tại,
Kiên cố không khuynh động;
Trí tuệ đại đức lực,
Khuất phục ma khó phục;
Đoạn trừ kết vô minh:
Cho nên con cúi lạy.*

*Đại nhơn, trừ tối tăm,
Đáng Mâu-ni tịch tĩnh,
Chánh pháp không cầu bợn,
Ánh sáng tự hiện chiếu,
Soi khắp mọi thế giới,
Cho nên gọi là Phật.*

*Che mờ mọi ánh sáng
Của địa thân, không thiên,
Thiên tử Tam thập tam,
Cho nên gọi là Phật.*

*Qua sinh tử hữu biên,
Siêu việt vượt mọi loài;
Nhu nhuyễn khéo điều phục,
Chánh giác đệ nhất giác;
[259c] Đoạn tận mọi kết phược,
Hàng phục các ngoại đạo;
Đập tan bợn ma oán,
Đắc Vô thượng Chánh giác;
Lìa trần diệt các cấu:
Cho nên con cúi lạy.*

Khi Tôn giả Bà-kì-xá nói kệ khen ngợi, các Tỳ kheo lắng nghe những lời này, tất cả đều hoan hỷ.

KINH 1124. BÀ-KÌ-XÁ TÁN PHẬT⁵⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Bà-kì-xá đang ở tại giảng đường Lộc Tử mẫu trong vườn phía Đông nước Xá-vệ, bị bệnh nặng nguy khốn. Tôn giả Phú-lân-ni là người chăm sóc bệnh nhân, cung cấp phục vụ.

Khi ấy Tôn giả Bà-kì-xá nói với Tôn giả Phú-lân-ni:

“Thầy hãy đến chỗ Thế Tôn, chuyển lời tôi bạch Thế Tôn rằng: ‘Tôn giả Bà-kì-xá đánh lễ sát chân Thế Tôn, kính thăm hỏi Thế Tôn ít bệnh, ít não, và sống khinh lợi, an vui chăng?’ Lại nói tiếp: Bà-kì-xá ở tại giảng đường Lộc Tử Mẫu trong vườn phía Đông, đang bị bệnh nặng nguy khốn, muốn được gặp Thế Tôn, nhưng không đủ sức để đến chỗ Phật, Lành thay! Thế Tôn, cúi xin mở lòng thương xót đến chỗ của Bà-kì-xá ở giảng đường Lộc Tử mẫu tại vườn phía Đông.”

Tôn giả Phú-lân-ni nhận lời, đi đến Thế Tôn. Sau khi đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, Tôn giả thưa:

“Tôn giả Bà-kì-xá ở giảng đường Lộc Tử Mẫu trong vườn phía Đông bị bệnh nặng nguy khốn, muốn được gặp Thế Tôn nhưng không đủ sức đi đến diện kiến Ngài. Lành thay! Thế Tôn, cúi xin vì thương xót đến chỗ Tôn giả Bà-kì-xá ở giảng đường Lộc Tử mẫu trong vườn phía Đông.”

Thế Tôn im lặng nhận lời. Tôn giả Phú-lân-ni biết Phật đã nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng lên đánh lễ sát chân Phật rồi đi.

Chiều hôm ấy sau khi từ thiền tịnh dậy, Thế Tôn đến Tôn giả Bà-kì-xá. Tôn giả Bà-kì-xá từ xa trông thấy Thế Tôn, muốn vịn giường mà đứng dậy. Thế Tôn thấy Tôn giả Bà-kì-xá tựa giường muốn gượng dậy, liền bảo:

“Bà-kì-xá, chớ nên khinh động.”

Thế Tôn liền ngồi xuống, hỏi Tôn giả Bà-kì-xá:

“Những bệnh khổ của người có bình hoà, dễ chịu đựng không? Sự đau nhức nơi thân tăng hay giảm.” *Nói đây đủ như kinh Diệm-ma-ca ở trước ... cho đến ...* những bệnh khổ của con có cảm giác càng tăng thêm chứ không thuyên giảm.”

⁵⁸ Đại chánh, kinh 994. Biệt dịch, No 100(257).

Phật bảo Bà-kì-xá:

“Bây giờ Ta hỏi ngươi, tùy ý mà trả lời [360a] Ta. Ngươi đã được tâm không nhiễm, không đắm, không nhớ, giải thoát, lìa các điên đảo, phải không?”

Bà-kì-xá bạch Phật:

“Tâm con không nhiễm, không đắm, không nhớ, giải thoát, lìa các điên đảo.”

Phật bảo Bà-kì-xá:

“Làm sao ngươi có được tâm không nhiễm, không đắm, không nhớ, giải thoát, lìa các điên đảo?”

Bà-kì-xá bạch Phật:

“Con đối với sắc quá khứ được nhận thức bởi mắt, tâm không luyến tiếc; đối với sắc vị lai, không mơ tưởng; đối với sắc hiện tại không đắm nhiễm. Con ở nơi sắc quá khứ, vị lai, hiện tại được nhận thức bởi mắt, đã dứt sạch niệm tham dục, ái lạc, vô dục, diệt tận, tịch diệt, tịch tĩnh, viễn ly, giải thoát. Tâm đã giải thoát, cho nên không nhiễm, không đắm, không nhớ, lìa các điên đảo, an trụ chánh thọ. Cũng vậy, với tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Đối với pháp quá khứ được nhận thức bởi ý, tâm không luyến tiếc; đối với sắc vị lai, không mơ tưởng; đối với sắc hiện tại không đắm nhiễm. Trong pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, niệm tham dục, niệm ái lạc không còn nữa, vô dục, diệt tận, tịch diệt, tịch tĩnh, viễn ly, giải thoát. Tâm đã giải thoát, cho nên không nhiễm, không đắm, không nhớ, lìa các điên đảo, an trụ chánh thọ. Xin đức Thế Tôn hôm nay ban cho con điều lợi ích tối hậu, nghe con nói kệ.”

Phật bảo Bà-kì-xá:

“Nên biết đúng lúc.”

Tôn giả Bà-kì-xá ngồi ngay ngắn, buộc niệm ở trước, và nói kệ:

*Nay con ở trước Phật,
Cúi đầu cung kính lạy.
Đáng đã đắc giải thoát,
Trong tất cả mọi pháp.*

*Biết rõ các tướng pháp,
Tin sâu, vui chánh pháp.
Thế Tôn, Đẳng Chánh Giác,
Thế Tôn là Đại Sư.*

Thế Tôn hàng ma oán,
Thế Tôn Đại Mâu-ni;
Diệt trừ tất cả sử,
Tự độ các sanh loại.

Thế Tôn đối thế gian,
Giác tri tất cả pháp.
Thế gian ắt không có
Ai biết pháp hơn Phật.
Ở trong cõi Thiên, Nhơn,
Cũng không ai bằng Phật.

Cho nên hôm nay con,
Lễ bặc Đại Tinh Tấn,
Cúi lễ Tới Thượng Sĩ,
Đã nhỏ gai ái dục.

Đây là lần cuối cùng
Con được thấy Thế Tôn.
Cúi lễ đấng Nhật Chứng,
Đêm nay con niết-bàn.

[260b] Chánh trí buộc chánh niệm,
Nơi thân hư hoại này;
Các dư lực còn lại,
Từ đêm nay diệt hẳn.

Ba cõi không còn nhiễm,
Vào Vô dư Niết-bàn.
Cảm thọ khổ và vui,
Cũng không khổ không vui;
Từ nhân duyên xúc sinh,
Hôm nay ắt đoạn tận.

Khổ thọ và lạc thọ,
Cũng không khổ không vui;
Từ nhân duyên xúc sinh,
Hôm nay đều biến tri.

Hoặc bên trong, bên ngoài,
Các cảm thọ khổ vui;
Không còn chấp thủ thọ,

Chánh trí chánh buộc tâm.
Đoạn đầu, giữa, sau cùng,
Các tụ không chướng ngại.
Các tụ đã đoạn rồi,
Biết rõ ái không còn.

Người thấy rõ chân thật,
Nói chín mươi một kiếp;
Trong ba kiếp không trống,
Có đấng Đại Tiên hơn.
Còn lại trống, vô hộ,
Kiếp chỉ đây kinh sợ;
Nên biết, Đại Tiên hơn,
Lại xuất hiện thế gian,
An ủi các Trời, Người,
Mở mắt, dẹp bụi mờ;
Thức tỉnh các chúng sanh,
Cho biết tất cả khổ:

Khổ khổ và khổ tập,
Tịch diệt, vượt qua khổ;
Tám Thánh đạo hiền Thánh,
An ổn đến Niết-bàn.

Điều thế gian khó được,
Hiện tiền tất đã được;
Đời này, được thân người,
Chánh pháp được diễn nói.

Theo những gì mình muốn,
Trừ bản, cầu thanh tịnh;
Chuyên tu tự lợi mình,
Chớ để luống không quả.
Luống không thời sinh lo,
Gần nơi địa ngục khổ.
Đối chánh pháp được nói,
Không thích, không muốn nhận;
Sẽ ở lâu sinh tử,
Bao giờ dứt luân hồi!
Trường kỳ ôm ưu ão,

Như người buôn mất của.

*Nay con đủ mọi tốt,
Không còn sinh, già, chết.
Luân hồi đã chấm dứt,
Không còn sinh lại nữa.*

[260c] *Dòng nước sông ái, thức,
Từ nay tắt cạn khô.
Đã nhỏ cội rễ uẩn,
Khoen xích không tiếp nối.*

*Phụng sự Đại sư xong,
Việc làm đã hoàn tất,
Gánh nặng đã buông xuống,
Hữu lưu đã đoạn xong;
Không còn thích thọ sinh,
Không còn chết đáng ghét;
Chánh trí, chánh buộc niệm,
Chỉ chờ phút cuối cùng.*

*Voi chúa nhớ rừng hoang,
Sáu mươi thú hùng mạnh,
Một mai thoát gông xiềng,
Thong dong trong rừng núi.*

*Bà-kì-xá cũng vậy,
Miệng Đại sư sinh con;
Chán bỏ lia đồ chúng,
Chánh niệm chờ thời đến.*

*Nay nói với mọi người,
Những ai đến tụ hội;
Nghe kệ tôi sau cùng,
Có nghĩa, được lợi ích.*

*Có sinh ắt có diệt,
Các hành đều vô thường.
Pháp chóng sinh, chóng tử,
Nào đáng nương cậy lâu.*

Nên phải có chí mạnh,

Tình cần cầu phương tiện;
Quán sát có sợ hãi,
Tùy thuận đạo Mâu-ni,
Mau hết khổ ảm này,
Chớ tăng thêm luân chuyển.

Đưa con từ miệng Phật,
Khen nói kệ này xong;
Xin từ biệt đại chúng,
Bà-kì-xá niết-bàn.

Vì tấm lòng từ bi,
Nói kệ vô thương này;
Tôn giả Bà-kì-xá,
Con sinh từ pháp Phật.
Do dũ lòng bi mẫn,
Nói kệ vô thương này;
Sau đó Bát Niết-bàn,
Tất cả nên kinh lễ.

38. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN¹

KINH 1125. A-LUYỆN-NHÃ²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bảy giờ có một thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Ánh sáng từ thân ông chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà. Bảy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Tỳ kheo a-luyện-nhã,³

An trụ nơi vắng vẻ,⁴

Lặng lẽ tu phạm hạnh,

Ăn chỉ một lần ngồi,⁵

[261a] *Do vì nhân duyên gì,*

Nhan sắc được tươi sáng?

Thế Tôn nói kệ đáp:

Không ưu sầu quá khứ;

Không hân cầu vị lai;

Hiện tại tùy sở đắc,

Chánh trí, chuyên chánh niệm.

Do chánh niệm khi ăn,

Nhan sắc thường tươi sáng;

Tâm, tướng ruổi vị lai,

Buồn tiếc theo quá khứ;

Lừa ngu si tự nấu,

¹ Tương ưng chư thiên, gồm các kinh Đại chánh, kinh 995-1022 (quyển 36) , 576-603 (quyển 22), 1267-1318 (quyển 48). Ấn Thuận, “25. Tương ưng Chư Thiên.” 108 kinh: 1324-1431. Tương đương Pāli, S.1. Devatāsamyutta.

² Đại chánh, kinh 995. Quốc dịch, phẩm 1, gồm 9 kinh. Pāli, S.1. 10. Araññe. Biệt dịch, No 100(132).

³ A-luyện-nhã 阿練若. Pāli: *araññaka*, vị (tỳ kheo) sống trong rừng. Một trong 12 đầu đà.

⁴ Hán: không nhân xứ 空閑處. Pāli: *arañña*, a-lan (luyện)-nhã, chỗ rừng vắng, trống vắng.

⁵ Nhất tọa thực 一坐食, chỉ sự ăn một ngày một lần duy nhất trước giờ Ngọ. Một trong 12 hạnh đầu đà. Pāli: *ekāsanam = ekabhataṃ*.

Như mưa đá chét cỏ.

Thiên tử này lại nói kệ:

*Đã lâu rồi mới thấy,
Bà-la-môn Niết-bàn;
Vượt hết thấy sợ hãi,
Thoát ly ân ái đời.⁶*

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ sát chân Phật, rồi biến mất.

KINH 1126. KIÊU MẠN⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bảy giờ có một thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Ánh sáng từ thân ông chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà.

Bảy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Không khéo điều phục tâm,
Khởi dục vọng kiêu mạn;⁸
Chưa từng tu tịch mặc,
Cũng chẳng trụ chánh thọ.⁹
Ở rừng mà phóng dật,
Không qua đến bờ kia.¹⁰*

⁶ S. 1.1. *cirassaṃ vata passāmi brāhmaṇaṃ parinibbutaṃ; appaṭiṭṭhaṃ anāyūhaṃ, tiṇṇaṃ loke visattikaṃ*, “Quả thật, từ lâu tôi mới thấy vị Bà-la-môn tịch diệt; không trụ, không mong cầu, vượt qua chấp trước (=ái dục) trong thế gian.” Sớ giải: Vị thiên thần này chứng kiến Phật Ca-diếp nhập niết-bàn cách đây đã lâu xa, khoảng trung gian không có Phật nào Niết-bàn. Cf. No 100(232): vãng tích dĩ tăng kiến Bà-la-môn niết-bàn 往昔已曾見婆羅門涅槃 見佛 Bà-la-môn (chỉ Phật) niết-bàn đã lâu xa lắm rồi.

⁷ Đại chánh, kinh 996. Pāli, S.1. 9. Mānakāma. Biệt dịch, No 100(133).

⁸ Hán: bất dục khởi kiêu mạn, thiện tự điều kỳ tâm 不欲起憍慢善自調其心; cú pháp đảo trang. Xét nội dung, và đối chiếu Pāli, sắp xếp lại trước khi dịch. Tham khảo Pāli: *na mānakānassa damo idhatthi*, ở đây, dục kiêu mạn không được chế ngự.

⁹ Pāli: *na monaṃ atthi asamāhitassa*, không có Mâu-ni (tịch mặc) đối với tâm không định tĩnh

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Đã dứt bỏ kiêu mạn,
Tâm thường trụ chánh thọ
Trí sáng khéo phân biệt,
Giải thoát tất cả phược.
Một mình nơi rừng vắng,
Tâm này không phóng dật;
Nhanh chóng vượt qua bờ
Kẻ thù tử ma kia.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Đã lâu rồi mới thấy,
Bà-la-môn Niết-bàn;
Vượt hết thảy sợ hãi,
Thoát ly ân ái đời.*

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ sát chân Phật, rồi biến mất.

KINH 1127. CÔNG ĐỨC TĂNG TRƯỞNG¹¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. **[261b]** Bấy giờ có một thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Ánh sáng từ thân ông chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Làm sao được ngày đêm,
Công đức luôn tăng trưởng?
Làm sao sinh cõi trời?
Xin Ngài giải nói rõ.*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Trồng vườn cây ăn quả;
Rừng cây cho bóng mát;*

¹⁰ Pāli: *na maccudheyassa tareyya pāran' ti*, không thể vượt qua bên kia cảnh giới tử thân.

¹¹ Đại chánh, kinh 997. Pāli, S.1.47. Vanaropa. Biệt dịch, No 100(134).

*Câu, thuyền dùng qua sông,
Xây dựng nhà phước đức¹²;
Đào giếng giúp đỡ khát,
Khách xá giúp đỡ hành;
Những công đức như vậy,
Ngày đêm thường tăng trưởng;
Giới đầy đủ như pháp,
Nhờ đó sinh cõi trời.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Đã lâu rồi mới thấy,
Bà-la-môn Niết-bàn;
Vượt hết thấy sợ hãi,
Thoát ly ân ái đời.*

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ sát chân Phật, rồi biến mất.

KINH 1128. CHO GÌ ĐƯỢC SỨC LỚN¹³

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Ánh sáng từ thân ông chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Thí gì được sức lớn?
Thí gì được diệu sắc?
Thí gì được an vui?
Thí gì được mắt sáng?
Tu tập những thí nào,
Gọi là nhất thiết thí?
Nay xin hỏi Thế Tôn,
Xin Ngài phân biệt nói.*

¹² Phúc đức xá 福德舍. Xem *Tứ phần 13* (tr. 654c23); *Thập tụng 12* (tr. 89b27).

Plāi: *āvasathapīṇḍa*.

¹³ Đại chánh, kinh 998. Pāli, S. 1.42. Kimḍada. Biệt dịch, No 100(235).

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Thí ăn được sức lớn.

Thí y được diệu sắc.

Thí xe được an vui.

Thí đèn được mắt sáng.

Lữ quán để tiếp khách,¹⁴

Gọi là nhất thiết thí.

Đem pháp để dạy người,

Đó là thí cam lồ.¹⁵

Thiên tử này lại nói kệ:

[261c] *Đã lâu rồi mới thấy,*

Bà-la-môn Niết-bàn;

Vượt hết thảy sợ hãi,

Thoát ly ân ái đời.

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ sát chân Phật, rồi biến mất.

KINH 1129. HOAN HỖ¹⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử tên là Tất-ti-lê,¹⁷ tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Ánh sáng từ thân ông chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ:

Chư thiên và người đời,

Đều ưa thích thức ăn.

Vậy có các thế gian,

¹⁴ Pāli: *upassaya*, phòng xá, hay phòng trọ.

¹⁵ Pāli: *amatam dado*, cho sự bắt tử.

¹⁶ Đại chánh, kinh 999. Pāli, S.1.43. Anna (thực); S.2.23. Serī . Np 100(136).

¹⁷ Tất-ti-lê 悉鞞梨. Serī devaputto.

*Phước lạc tự theo chăng?*¹⁸

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Tịnh tín tâm huệ thí,
Đời này và đời sau
Người ấy sanh nơi đâu,
Phước báo theo như bóng.
Cho nên bỏ keo kiệt,
Huệ thí không cầu bản;
Thí rồi, tâm hoan hỷ,
Đời này đời khác nhận.*

Thiên tử Tất-bê-lê này bạch Phật:

“Kỳ diệu thay! Thế Tôn khéo nói nghĩa trên:

*Tịnh tín tâm huệ thí,
Đời này và đời sau
Người ấy sanh nơi đâu,
Phước báo theo như bóng.
Cho nên bỏ keo kiệt,
Huệ thí không cầu bản;
Thí rồi, tâm hoan hỷ,
Đời này đời khác nhận*

Thiên tử Tất-tì-lê bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con tự biết, thời quá khứ con đã từng làm quốc vương tên Tất-tì-lê,¹⁹ bố thí, làm phước khắp cả bốn cửa thành. Ở trong thành kia có bốn giao lộ, ở nơi đó vua cũng bố thí làm phước.

“Lúc ấy đệ nhất phu nhon đến nói với con: ‘Đại vương làm phước đức lớn, mà tôi không có sức để tu các phước nghiệp.’

“Khi đó, con nói: ‘Ngoài cửa thành phía Đông, bố thí, làm phước, việc đó đều thuộc về phu nhon.’

“Các Vương tử cũng đến tâu với con: ‘Đại vương làm nhiều công đức, phu nhon cũng vậy. Mà chúng con không có sức để làm các phước

¹⁸ Pāli: *atha ko nāma so yakkho, yaṃ annaṃ nābhinandatī ti*, Có Dạ-xoa tên gì mà không ưa thích đồ ăn? No 100(136): “Trong thế gian không loài nào mà không sanh hỷ đối với thức ăn.”

¹⁹ No 100(136): có vua tên Trì-thọ 遲緩. Pāli: Sirī.

ngiệp. Nay chúng con xin được nương vào Đại vương làm chút công đức.’

[262a] “Khi đó, con đáp: ‘Ngoài cửa thành phía Nam, bố thí, làm phước, việc đó đều thuộc về các con.’

“Bấy giờ có quan đại thần lại đến tâu với con: ‘Ngày nay Đại vương, Phu nhon, cùng Vương tử làm nhiều công đức. Còn hạ thần không có sức làm các phước nghiệp, xin nương vào Đại vương làm chút công đức.’

“Khi đó, con bảo: ‘Ngoài cửa thành phía Tây, bố thí làm phước, việc đó đều thuộc về các ông.’

“Bấy giờ, các tướng sĩ lại đến tâu với con: ‘Ngày nay Đại vương, làm nhiều công đức, Phu nhon, Vương tử, và các Đại thần đều cùng làm, chỉ có chúng hạ thần không có sức để làm phước nghiệp, xin nương vào Đại vương để làm.’

“Khi đó, con đáp: ‘Ngoài cửa thành phía Bắc, bố thí làm phước, việc đó đều thuộc về các ông.’

“Bấy giờ, thứ dân trong nước lại đến tâu với con: ‘Ngày nay Đại vương làm nhiều công đức, Phu nhon, Vương tử, Đại thần, các Tướng sĩ đều cùng làm. Chỉ có chúng tôi không có sức để tu phước, nguyện xin nương vào Đại vương làm chút công đức.’

“Khi đó, con đáp: ‘Trong thành kia, ở đầu bốn giao lộ, bố thí làm phước, việc đó đều thuộc về các người.’

“Bấy giờ, Vua, Phu nhon, Vương tử, Đại thần, Tướng sĩ, thứ dân, mọi người đều bố thí, làm các công đức. Việc huệ thí công đức trước đây của con do đó mà bị gián đoạn. Khi đó những người con đã bảo họ làm phước đều trở về chỗ con, làm lễ con, và tâu con rằng: ‘Đại vương nên biết, những nơi tu phước, Phu nhon, Vương tử, Đại thần, Tướng sĩ, thứ dân, mỗi người đều y cứ chỗ mình mà bố thí, làm phước. Sự bố thí của Đại vương đến do đó mà bị gián đoạn.’

“Khi đó, con đáp: ‘Này Thiện nam! Các nước láng giềng hằng năm nộp tài vật cúng ủng cho ta, phân nửa cho vào kho, còn phân nửa để lại các nước ấy thí ân, làm phước.’

“Người kia vâng theo lệnh vua, đến nước lân cận, gom góp tài vật, phân nửa cho vào kho, phân nửa để lại cho nước đó thí ân, làm phước.

“Trước kia con trường kỳ thí ân, làm phước như vậy, nên luôn luôn được phước báo khả ái, khả niệm, khả ý, thường hưởng được khoái lạc không cùng tận. Do phước nghiệp này cùng với quả phước báo phước, tất cả đều dồn vào nhóm công đức lớn. Ví như năm con sông lớn hợp thành một dòng, đó là sông Hằng, Da-bố-na, Tát-la-do, Y-la-bạt-đê, Ma-hê. Năm con sông này hợp thành một dòng như vậy mà không ai có thể đo lường số lượng trăm, nghìn, vạn, ức đầu hộc nước sông kia. Nước của con sông lớn này trở thành một khối lượng nước lớn. Quả báo của các công đức đã làm của con cũng như vậy, không thể đo lường, [262b] tất cả đều nhập vào nhóm công đức lớn.”

Thiên tử Tát-tì-lê nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ lễ Phật rồi biến mất.

KINH 1130. VIỄN DU²⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bảy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Ánh sáng từ thân ông chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà.

Bảy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Người nào có thể làm
Thiện tri thức viễn du?²¹
Người nào có thể làm
Thiện tri thức tại gia?
Người nào có thể làm
Thiện tri thức thông tài?²²
Người nào có thể làm
Thiện tri thức đời sau?*

Bảy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Người dẫn đầu đoàn buôn:
Thiện tri thức du hành.
Vợ hiền lương trinh chính:*

²⁰ Pāli, S.1.53. Mitta. Biệt dịch, No 100((237).

²¹ Pāli: *pavasato mittam*, bạn trong khi đi đường.

²² Hán: thông tài thiện tri thức 通財善知識. Pāli: *mittam atthajātassa*, bạn hiểu biết công việc, ban khi cần.

*Thiện tri thức tại gia.
Thân tộc gần gũi nhau:
Thiện tri thức thông tài.
Công đức mình tu tập:
Thiện tri thức đời sau.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Đã lâu rồi mới thấy,
Bà-la-môn Niết-bàn;
Vượt hết thấy sợ hãi,
Thoát ly ân ái đời.*

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ sát chân Phật, rồi biến mất.

KINH 1131. XÂM BỨC²³

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Ánh sáng từ thân ông chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Vận tôi đem mạng đi,
Nên khiến người đoản mạng;
Bị sự già bực bách,
Mà không người cứu hộ,
Thấy già, bệnh, chết đó,
Khiến người sợ vô cùng,*

[262c] *Chỉ làm các công đức,
An lạc đến an lạc..*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Vận tôi đem mạng đi,
Nên khiến người đoản mạng;
Bị sự già bực bách,
Mà không người cứu hộ;
Thấy lỗi hữu dư này,*

²³ Đại chánh, kinh 1001. Pāli, S.1. 3. Upaneya; S.2.19. Uttara. Biệt dịch, No 100(138).

*Khiến người sợ vô cùng;
Đoạn tham ái ở đời,
Nhập Niết-bàn vô dư.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Đã lâu rồi mới thấy,
Bà-la-môn Niết-bàn;
Vượt hết thấy sợ hãi,
Thoát ly ân ái đời.*

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ sát chân Phật, rồi biến mất.

KINH 1132. ĐOẠN TRỪ²⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Ánh sáng từ thân ông chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Mấy pháp cần đoạn trừ?
Mấy pháp nên vất bỏ?
Và ở nơi mấy pháp,
Tăng thượng phương tiện tu?
Phải siêu việt mấy tu,²⁵
Tỳ kheo vượt dòng siết?²⁶*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Năm đoạn trừ, năm xả,²⁷
Nơi năm căn tu thêm,²⁸
Vượt lên năm hòa hợp,²⁹
Tỳ kheo qua dòng sâu.*

²⁴ Đại chánh, kinh 1002. Pāli, S.1. 5. Katichinda. Biệt dịch, No 100(140).

²⁵ Pāli: *saṅgātigo*, (người) siêu việt chấp trước, thoát khỏi sự kết buộc.

²⁶ Pāli: *oghatinno*, (người) vượt qua dòng thác (bộc lưu).

²⁷ Đây chỉ đoạn trừ năm triền cái, xả năm dục.

²⁸ Năm căn, chỉ 5 vô lậu căn: tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ.

²⁹ Năm hoà hiệp, chỉ 5 kết: tham, sân, mạn, tật đố, keo kiệt. (xan).

Thiên tử này lại nói kệ:

*Đã lâu rồi mới thấy,
Bà-la-môn Niết-bàn;
Vượt hết thấy sợ hãi,
Thoát ly ân ái đời.*

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ sát chân Phật, rồi biến mất.

KINH 1133. GIÁC MIÊN³⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, [263a] vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Ánh sáng từ thân ông chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Mấy người ngủ khi thức?
Mấy người thức khi ngủ?³¹
Mấy người lấm bụi bản?
Mấy người được thanh tịnh?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Năm người ngủ khi thức.
Năm người thức khi ngủ.
Năm người lấm cấu bản.
Năm người được thanh tịnh.³²*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Đã lâu rồi mới thấy,
Bà-la-môn Niết-bàn;
Vượt hết thấy sợ hãi,
Thoát ly ân ái đời.*

³⁰ Đại chánh, kinh 1003. Pāli, S.1. 6. Jāgara. Biệt dịch, No 100(141).

³¹ Pāli: *kati jāgarataṃ suttaṃ, kati suttesu jāgarā*, bao nhiêu (pháp) người ngủ khi người khác thức? Bao nhiêu (pháp) người thức khi người khác ngủ?

³² No 100(141): Người tri 5 giới, tuy ngủ mà là thức. Người tạo 5 ác, tuy thức mà ngủ. Bị 5 cái che lấp: nhiễm bụi bặm. Có 5 Vô học phần: thanh tịnh ly cấu.

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ sát chân Phật, rồi biến mất.

KINH 1134. HỒ TƯƠNG HOAN HỖ³³

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bảy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Ánh sáng từ thân ông chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà.

Bảy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Mẹ con vui với nhau,
Chủ bò thích bò mình;
Chúng sanh thích hữu dư,
Không ai thích vô dư.*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Mẹ con lo lẫn nhau,
Chủ bò lo bò mình;
Hữu dư, chúng sanh lo,
Vô dư thì không lo.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Đã lâu rồi mới thấy,
Bà-la-môn Niết-bàn;
Vượt hết thủy sợ hãi,
Thoát ly ân ái đời.*

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ sát chân Phật, rồi biến mất.

KINH 1135. NHÂN VẬT³⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bảy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm [363b] đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua

³³ Đại chánh, kinh 1004. *Quốc dịch*, “9. Tương ung Chư thiên, phẩm 2.” Pāli, S.1.12. Nandati. S.4. 8. Nandana. Biệt dịch, No 100(142).

³⁴ Pāli, S.1.6.4. *Vatthu*. Biệt dịch, No 100(231).

một bên. Ánh sáng từ thân ông chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Vật gì là của người ?
Cái gì bạn bậc nhất?
Cái gì để nuôi sống?
Chúng sanh nương nơi nào?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Ruộng, nhà: của chúng sanh.
Vợ hiền: bạn bậc nhất;
Ăn uống để nuôi sống,
Chúng sanh nương vào nghiệp.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Đã lâu rồi mới thấy,
Bà-la-môn Niết-bàn;
Vượt hết thấy sợ hãi,
Thoát ly ân ái đời.*

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ sát chân Phật, rồi biến mất.

KINH 1136. SỞ ÁI³⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Ánh sáng từ thân ông chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Yêu ai hơn yêu con.
Của nào quý hơn bò.
Sáng gì hơn mặt trời.
Tát-la³⁶ không hơn biển.*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Yêu ai bằng yêu mình.

³⁵ Đại chánh, kinh 1006. Pāli, S.1.13. Natthiputtasama. Biệt dịch, No 100(232).

³⁶ Tát-la 薩羅. Pāli: *sara*, chi biển hồ, không lớn hơn biển Đại dương.

*Tiền của nào hơn thóc.
Sáng gì hơn trí tuệ,
Tát-la đâu bằng thấy.³⁷*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Đã lâu rồi mới thấy,
Bà-la-môn Niết-bàn;
Vượt hết thấy sợ hãi,
Thoát ly ân ái đời.*

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ sát chân Phật, rồi biến mất.

KINH 1137. SÁT-LỢI³⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Ánh sáng từ thân ông chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà.

Bấy giờ **[363c]** vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Hai chân, Sát-lợi tôn.
Bốn chân, bò đực³⁹ hơn.
Trẻ đẹp⁴⁰ là vợ nhất,
Quý sinh⁴¹ là con nhất.*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Hai chân, Chánh giác tôn.
Bốn chân, ngựa thuần hơn.
Thuận chồng là vợ hiền,
Lậu tận con quý nhất.⁴²*

³⁷ Pāli: *vutthi ve paramā sarā ti*, mưa là biển hồ tối thượng. Bản Hán, đọc la *điṭṭhi* (thấy, kiến) thay vì *vutthi* (mưa).

³⁸ Pāli, S.1.2.4. *Khattiya*. Biệt dịch, No 100(233).

³⁹ Phong ngữu 犁牛. Pāli: *balivaddo*, bò đực.

⁴⁰ Hán: đồng anh 童英. Pāli: *komarī*, đoàn nữ, thiếu nữ, quý nữ.

⁴¹ Quý sinh 貴生. Pāli: *pubbaja*, sinh trước, con trai trưởng.

⁴² Pāli: *yo ca puttānam assavo'ti*, hiểu thuận là con quý nhất. Bản Hán đọc nhầm *assava* (trung thực, hiểu thuận) thành *asava* rồi hiểu là tinh lược của *anāsava* (vô lậu).

Thiên tử này lại nói kệ:

*Đã lâu rồi mới thấy,
Bà-la-môn Niết-bàn;
Vượt hết thấy sợ hãi,
Thoát ly ân ái đời.*

Vị Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ sát chân Phật, rồi biến mất.

KINH 1138. CHÚNG TỬ⁴³

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Ánh sáng từ thân ông chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Những cái sinh từ đất,
Cái gì là tối thắng?
Từ không rơi rụng xuống,
Cái gì là hơn hết?
Phàm ở nơi cầu thỉnh,⁴⁴
Cái gì là bậc nhất?
Trong tất cả ngôn ngữ,
Biện thuyết nào là nhất?*

Lúc ấy có một Thiên tử đời trước là con nhà nông, nay được sinh lên cõi trời, vì theo tập khí trước nên liền nói kệ đáp lại Thiên tử kia:

*Ngũ cốc từ đất sinh,
Thì đó là tối thắng.
Hạt giống từ không trung,
Rơi xuống đất hơn hết.
Con bò giúp đỡ người,
Chỗ cây nhờ tốt nhất.
Lời nói yêu con cái,*

⁴³ Đại chánh, kinh 1008. *Quốc dịch* phân thành hai kinh: *Chúng tử kinh*, *Thế gian kinh*. Pāli, S.1.7.4. Vuṭṭhi; S.1.70. Loka. Biệt dịch, No 100(234, 235).

⁴⁴ Hán: kỳ thỉnh xứ 祈請處. Pāli: *pavajamānānam*, trong nhưng cái đi lang thang. Hán đọc là *pavāraṇāmānam*?

Đây là lời hay nhất.

Vị Thiên tử vốn nêu câu hỏi bèn hỏi lại vị thiên tử trả lời:

“Tôi không hỏi đến anh, có sao lại nhiều lời khinh tháo vọng nói. Tôi tự nói kệ hỏi Thế Tôn:

*Những cái sanh từ đất,
Cái gì là tối thắng?
Từ không rơi xuống đất,
Cái gì là hơn hết?*

[264a] *Phàm ở nơi cầu thỉnh,
Cái gì là tối thắng?
Trong tất cả ngôn ngữ,
Biện thuyết nào là nhất?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Từ dưới đất vọt lên,
Tam minh là tối thượng.⁴⁵
Từ hư không rơi xuống,
Tam minh cũng bậc nhất.⁴⁶
Chúng đệ tử Hiền Thánh,
Là sư y bậc nhất.⁴⁷
Những gì Như Lai nói,
Là biện thuyết bậc nhất.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Thế gian mấy pháp khởi?⁴⁸
Mấy pháp được thuận theo?⁴⁹
Đòi mấy pháp thủ ái?⁵⁰
Đòi mấy pháp tổn giảm?⁵¹*

Thế Tôn nói kệ đáp:

⁴⁵ Pāli: *vijjā uppatatam seṭṭhā*, minh là tối thượng trong những cái được sản sanh.

⁴⁶ Pāli: *avijjā nipatataṃ varā*, vô minh là bậc nhất trong những cái đọa lạc.

⁴⁷ Hán: sư y 師依. Pāli: *saṅgho pavajamānānaṃ*, Tăng là bậc nhất trong những người thường du hành.

⁴⁸ Pāli: *kismiṃ loko samupamuppanno*, thế gian tập khởi trên cái gì?

⁴⁹ Pāli: *kismiṃ kubhati santhavaṃ*, (thế gian) kết hợp trên cái gì?

⁵⁰ Thủ ái 取愛. Pāli: *kissa loko upādāya*, thế gian y trên (chấp thủ) cái gì?

⁵¹ Pāli: *kismiṃ loko vihaññāti*, thế gian bị cái gì bức khổ?

Đời khởi do sáu pháp.⁵²

Đời thuận hiệp sáu pháp.

Đời, sáu pháp thủ ái

Đời, sáu pháp tổn giảm.

Thiên tử này lại nói kệ:

Đã lâu rồi mới thấy,

Bà-la-môn Niết-bàn;

Vượt hết thấy sợ hãi,

Thoát ly ân ái đời.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ sát chân Phật, rồi biến mất.

KINH 1139. TÂM⁵³

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử, tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Ánh sáng từ thân ông chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

Ai lôi thế gian đi?

Ai câu dẫn thế gian?⁵⁴

Cái gì là một pháp,

Chế ngự nơi thế gian?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Tâm đem thế gian đi,

Tâm câu dẫn thế gian;

Tâm kia là một pháp,

Hay chế ngự thế gian.

Thiên tử này lại nói kệ:

Đã lâu rồi mới thấy,

Bà-la-môn Niết-bàn;

⁵² Sáu pháp chỉ sáu xứ.

⁵³ Pāli, S.1.6 2. Citta. Biện dịch, No 100(236).

⁵⁴ Câu khiên 拘牽. Ấn Thuận đọc là *câu dẫn*. Pāli: kenassu parikkassati, (thế gian) khốn đốn vì cái gì? Bản Hán đọc là *parikassati*, lôi kéo đi.

[264b] *Vượt hết thảy sợ hãi,
Thoát ly ân ái đời.*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ sát chân Phật, rồi biến mất.

KINH 1140. PHU'ỢC⁵⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Cái gì trói thế gian?
Điều phục gì để thoát?⁵⁶
Đoạn trừ những pháp nào,
Gọi là đạt Niết-bàn?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Dục hay trói thế gian,⁵⁷
Điều phục dục, giải thoát;⁵⁸
Người đoạn trừ ái dục,
Nói là đạt Niết-bàn.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Đã lâu rồi mới thấy,
Bà-la-môn Niết-bàn;
Vượt hết thảy sợ hãi,
Thoát ly ân ái đời.*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ sát chân Phật, rồi biến mất.

⁵⁵ Pāli, S.1.64. Saṃyojana. Biệt dịch, No 100(237).

⁵⁶ Pāli: *kimsu tassa vicāraṇaṃ*, cái gì là bước chân của thế gian?

⁵⁷ Pāli: *nandīsaṃyojano loko*, thế gian bị trói buộc bởi hỷ.

⁵⁸ Pāli: *vitakkassa vicāraṇaṃ*, tầm cầu ,à bộ hành của thế gian.

KINH 1141. YẾM⁵⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Cái gì khép thế gian?
Gì bao phủ thế gian?
Gì kết buộc chúng sanh?
Đời dựng trên cái gì?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Suy già khép thế gian,
Chết bao phủ thế gian;
Ái kết buộc chúng sanh,
Pháp dựng đứng thế gian.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Đã lâu rồi mới thấy,
Bà-la-môn Niết-bàn;
Vượt hết thủy sợ hãi,
Thoát ly ân ái đời.*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ sát chân Phật, rồi biến mất.

KINH 1142. VÔ MINH⁶⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Cái gì che thế gian?
Cái gì trói thế gian?⁶¹*

⁵⁹ Đại chánh, kinh 1011. Pāli, S.1.68. Pihita. Biệt dịch, No 100(238).

⁶⁰ Đại chánh, kinh 1012. Không thấy Pāli tương đương. Biệt dịch, No 100 (239).

*Cái gì nhớ chúng sanh?*⁶²

Gì dựng cờ chúng sanh?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Vô minh che thế gian,

Ái ràng buộc chúng sanh;

*Ẩn phủ nhớ chúng sanh,*⁶³

Ngã mạn, cờ chúng sanh.

Thiên tử này lại nói kệ hỏi Phật:

Ai không bị trùm kín?

Ai không bị ái buộc?

Ai ra khỏi ẩn phủ?

Ai không dựng cờ mạn?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Như Lai Đẳng Chánh Giác,

Chánh trí tâm giải thoát;

Không bị vô minh phủ;

Cũng không bị ái buộc;

Vượt ra khỏi ẩn phủ,

Bẻ gãy cờ ngã mạn.

Thiên tử này lại nói kệ:

Đã lâu rồi mới thấy,

Bà-la-môn Niết-bàn;

Vượt hết thấy sợ hãi,

Thoát ly ân ái đời.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ sát chân Phật, rồi biến mất.

KINH 1143. TÍN⁶⁴

Tôi nghe như vậy:

⁶¹ No 100(239): cái gì hòa hiệp có?

⁶² No 100(239): cái gì ô chúng sanh?

⁶³ Ẩn phủ 隱覆: đây hiểu là oán hận (che dấu trong lòng). Nơi khác, phủ, được hiểu là phủ tạng: che dấu tội lỗi, ngụy thiện. Cf, No 100(239): sân ô nhiễm chúng sanh.

⁶⁴ Đại chánh, kinh 1013. *Quốc dịch*, “9, Tương ưng Chư thiên. Phẩm 3.” Pāli, S.1.73. Vitta. Biệt dịch, No 100(240).

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bảy giờ có một Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà.

Bảy giờ vị Thiên tử này nói kệ **[265a]** hỏi Phật:

*Những gì là tà vật,
Mà thượng sỹ sơ hữu?⁶⁵
Làm sao khéo tu tập,
Để đạt đến an vui?
Làm sao trong các vị,
Đạt được vị tối thượng?
Làm sao trong chúng sanh,
Đạt tuổi thọ cao nhất?⁶⁶*

Bảy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Tâm thanh tịnh, tín lạc,
Là của bậc nhất của người.
Nơi chánh pháp tu hành,
Mang lại quả an lạc.
Lời vi diệu chơn thật,
Là vị ngọt tuyệt nhất.
Mạng trí tuệ Hiền thánh,⁶⁷
Là tuổi thọ cao nhất.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Đã lâu rồi mới thấy,
Bà-la-môn Niết-bàn;
Vượt hết thấy sợ hãi,
Thoát ly ân ái đời.*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ sát chân Phật, rồi biến mất.

⁶⁵ Pāli: *kiṃsu vittaṃ purisassa seṭṭham*, trong những gì là tài sản tối thượng của con người?

⁶⁶ Pāli: *kathaṃjīvim jīvitamāhu seṭṭhan'ti*, sống như thế nào là đời sống tối thượng?

⁶⁷ Trí tuệ mạng 智慧命. Pāli: *paññājīvim*, đời sống trí tuệ.

KINH 1144. ĐỆ NHỊ⁶⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bảy giờ có một Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà.

Bảy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Thế nào là Tỳ kheo,
Có bạn đồng với mình?⁶⁹
Thế nào là Tỳ kheo,
Có tùy thuận giáo thọ?⁷⁰
Tỳ kheo ở nơi nào,
Tâm rong chơi thỏa thích?
Thỏa thích nơi đó rồi,
Đoạn trừ các kết phược?⁷¹*

Bảy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Tín, là bạn đồng mình,
Trí tuệ: vị giáo thọ;
Niết-bàn: chốn hỷ lạc,
Tỳ kheo đoạn kết phược.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Đã lâu rồi mới thấy,
Bà-la-môn Niết-bàn;
[265b] Vượt hết thấy sợ hãi,
Thoát ly ân ái đời.*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ sát chân Phật, rồi biến mất.

⁶⁸ Đại chánh, kinh 1014. Pāli, S.1.59. Dutiya. Biệt dịch, No 100(241).

⁶⁹ Đệ nhị 第二; người thứ hai, tức người bạn đồng hành hay sống chung. Pāli: *kimsu dutyā purisassa hoti*, nơi những gì là bạn của con người.

⁷⁰ Pāli: *kimsu cenam pasāsati*, bằng cái gì mà dạy dỗ con người?

⁷¹ Pāli: *kissa cābhirato macco, sabbadukkhā pamuccatī ti*, con người vui thú nơi cái gì mà giải thoát mọi khổ đau?

KINH 1145. TRÌ GIỚI⁷²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Gì là tốt đến già?
Gì là khéo xác lập?
Gì là của báu người?
Cái gì giặc chẳng đoạt?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Chánh giới tốt đến già.
Tịnh tin khéo xác lập.
Trí tuệ, báu của người,
Công đức giặc không đoạt.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Đã lâu rồi mới thấy,
Bà-la-môn Niết-bàn;
Vượt hết thủy sợ hãi,
Thoát ly ân ái đời.*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ sát chân Phật, rồi biến mất.

KINH 1146. CHÚNG SINH (1)⁷³

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Pháp gì sinh chúng sanh?
Những gì dòng ruồi trước?*

⁷² Pāli, S.1.6. Jāra. Biệt dịch, No 100(242).

⁷³ Đại chánh, 1016. Pāli, S.1.56. Jana. Biệt dịch, No 100(243).

*Cái gì khởi sinh tử?
Cái gì không giải thoát?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Ái dục sinh chúng sanh,
Ý dong ruồi trước tiên;
Chúng sanh khởi sinh tử,⁷⁴
Pháp khổ không giải thoát.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Đã lâu rồi mới thấy,
Bà-la-môn Niết-bàn;
Vượt hết thấy sợ hãi,
Thoát ly ân ái đời.*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ sát chân Phật, rồi biến mất.

KINH 1147. CHÚNG SINH (2)⁷⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Pháp gì sinh chúng sanh?
Những gì dong ruồi trước?
Cái gì khởi sinh tử?
Pháp gì chỗ nương cây?*

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ đáp:

*Ái dục sinh chúng sanh,
Ý dong ruồi trước tiên;
Chúng sanh khởi sinh tử,
Nghịệp pháp chỗ nương cây.*

Thiên tử này lại nói kệ:

Đã lâu rồi mới thấy,

⁷⁴ Pāli: *satto saṃsaāram āpādi*, chúng sanh đọa lạc sinh tử.

⁷⁵ Đại chánh, kinh 1017. Pāli, S.1.57. Jana. Biệt dịch, No 100(244).

*Bà-la-môn Niết-bàn;
Vượt hết thủy sợ hãi,
Thoát ly ân ái đời.*

[265c] Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ sát chân Phật, rồi biến mất.

KINH 1148. CHÚNG SINH (3)⁷⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bảy giờ có một Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà.

Bảy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Pháp gì sinh chúng sanh?
Những gì dòng ruồi trước?
Cái gì khởi sinh tử?
Pháp gì đáng sợ nhất?*

Bảy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Ái dục sinh chúng sanh,
Ý dòng ruồi trước tiên;
Chúng sanh khởi sinh tử,
Nghiệp là đáng sợ nhất.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Đã lâu rồi mới thấy,
Bà-la-môn Niết-bàn;
Vượt hết thủy sợ hãi,
Thoát ly ân ái đời.*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ sát chân Phật, **[366a]** rồi biến mất.

KINH 1149. PHI ĐẠO⁷⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bảy giờ có một Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối

⁷⁶ Đại chánh, kinh 1018. Pāli, S.1.55. Jana. Biệt dịch, No 100(245).

⁷⁷ Đại chánh, kinh 1019. Pāli, S.1.58. Uppatha. Biệt dịch, No 100(246).

đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Gì gọi là phi đạo?*⁷⁸

*Cái gì ngày đêm dòi?*⁷⁹

Cái gì bản phạm hạnh?

*Cái gì lụy thế gian?*⁸⁰

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Tham dục là phi đạo,

Tuổi thọ ngày đêm dòi;

Người nữ bản phạm hạnh,

Người nữ lụy thế gian.

Nhiệt hành, tu phạm hạnh,

*Rửa sạch các lỗi nhỏ.*⁸¹

Thiên tử này lại nói kệ:

Đã lâu rồi mới thấy,

Bà-la-môn Niết-bàn;

Vượt hết thấy sợ hãi,

Thoát ly ân ái đời.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ sát chân Phật, rồi biến mất.

KINH 1150. VÔ THUỢNG⁸²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

⁷⁸ Phi đạo 非道. Pāli: *uppatha*, con đường lầm lạc, tà đạo.

⁷⁹ Nhật dạ thiên 日夜遷, có lẽ là tận 盡. Pāli: *rattindivakkhayo*, bị tận diệt ngày đêm.

⁸⁰ Pāli: *kim sinānam anodakam*, sự tắm gì không nước?

⁸¹ Pāli: *tapo ca brahmacariyañca, tam sinānam anodakam*, khổ hạnh và phạm hạnh, là sự tắm không có nước.

⁸² Đại chánh, kinh 1020 Pāli, S.1.61. Nāma. Biệt dịch, No 100(247).

*Pháp gì ánh thế gian?⁸³
Pháp gì là trên hết?
Những gì là một pháp,
Chế ngự khắp chúng sanh?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Danh ngời sáng thế gian,
Danh là nhất trên đời;
Chỉ có một pháp ‘danh,’
Chế ngự cả thế gian.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Đã lâu rồi mới thấy,
Bà-la-môn Niết-bàn;
Vượt hết thấy sợ hãi,
Thoát ly ân ái đời.*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ sát chân Phật, [266b] rồi biến mất.

KINH 1151. KỆ NHÂN⁸⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Pháp gì nhân của kệ?
Kệ lấy gì trang nghiêm?⁸⁵
Kệ này nương nơi đâu?⁸⁶
Thế của kệ là gì?⁸⁷*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Dục⁸⁸ là nhân của kệ,

⁸³ Pāli: *kiṃsu sabbaṃ addhabhavi*, cái gì chinh phục tất cả?

⁸⁴ Đại chánh, kinh 1021. Pāli, S.160. Kavi. Biệt dịch, No 100(248).

⁸⁵ Pāli: *kiṃsu tāsam viyañjanam*, cái gì là tiêu tướng (=văn cú) của chúng?

⁸⁶ Pāli: *kiṃsu sannissitā gāthā*, thi kệ y cái gì?

⁸⁷ Pāli: *kiṃsu gāthānam āsāyo*, cái gì là sở y của kệ?

*Văn tự trang nghiêm kệ;
Danh là chỗ kệ nương,
Tạo tác⁸⁹ là thể kệ.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*L Đã lâu rồi mới thấy,
Bà-la-môn Niết-bàn;
Vượt hết thấy sợ hãi,*

Thoát ly ân ái đời.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ sát chân Phật, rồi biến mất.

KINH 1152. TRI XA THẶNG⁹⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà.

Bấy giờ vị Thiên tử này nói kệ hỏi Phật:

*Làm sao biết xe cộ?
Làm sao lại biết lửa?
Làm sao biết quốc độ?
Làm sao biết được vợ?*

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ đáp:

*Thấy cò lọng biết xe,
Thấy khói thời biết lửa;
Thấy vua biết quốc độ,
Thấy chồng biết được vợ.*

Thiên tử này lại nói kệ:

*Đã lâu rồi mới thấy,
Bà-la-môn Niết-bàn;
Vượt hết thấy sợ hãi,*

⁸⁸ Pāli: *chandam* (trung tính): âm vận; bản Hán hiệu là nam tính (*chando*): dục hay ý muốn.

⁸⁹ Pāli: *kavi*, thi nhân.

⁹⁰ Đại chánh, kinh 1022. Pāli, S.1.72. Ratha. Biệt dịch, No 100(249).

Thoát ly ân ái đời.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ sát chân Phật, [266c] rồi biến mất.

KINH 1153. NAN-ĐÀ LÂM⁹¹

[153c5] Tôi nghe nh vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà.

Vị Thiên tử kia nói kệ bạch Phật:

*Chẳng ở rừng Nan-à,⁹²
Trọn chẳng ợc khoái lạc;
Trong cung tời ao-lợi,
ợc danh xng Thiên ế.*

Thế Tôn nói kệ áp:

*Trẻ con,⁹³ nơi nào biết,
iều A-la-hán nói:
Tất cả hành vô thòng,
ấy là pháp sinh-diệt.
ã sinh rồi lại diệt,
Tịch diệt cả là vui.”*

Bấy giờ, Thiên tử này lại nói kệ:

*Đã lâu rồi mới thấy,
Bà-la-môn Niết-bàn;
Vượt hết thủy sợ hãi,*

Thoát ly ân ái đời.

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ sát chân Phật, rồi biến mất.

⁹¹ Đại chánh, quyển 22, kinh 576. Pāli, S. 1. 11. Nandana. Tham chiếu, Hán: No.100(161); No 125(31.9).

⁹² Nan-đà lâm 難陀林. No 100(161): hoan hỷ viên 歡喜園, vườn Hoan hỷ trên trời Tam thập Tam. Pāli: Nandana.

⁹³ Hán: đồng mông 童蒙. Pāli: *tvam bāle*.

KINH 1154. CÂU TỎA⁹⁴

Tôi nghe nh vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà.

Vị Thiên tử kia nói kệ bạch Phật:

*Bứt tất cả xiềng xích,
Mâu-ni không có nhà;
Sa-môn ham giáo hóa:
Tôi chẳng nói 'Lành thay!*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ áp:

*Tất cả loài chúng sanh,
Thầy cùng ràng buộc nhau;
Nếu là người trí tuệ,
Ai chẳng khỏi thương xót?
Thiện Thệ vì thương xót,
Thường dạy dỗ chúng sanh.*

[154a] *Người thương xót chúng sanh,
Đó là đúng như pháp.”*

Thiên tử kia lại nói bài kệ:

*Đã lâu rồi mới thấy,
Bà-la-môn Niết-bàn;
Vượt hết thầy sợ hãi,
Thoát ly ân ái đời.*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ sát chân Phật, rồi biến mất.

KINH 1155. TÂM QUÝ⁹⁵

Tôi nghe nh vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối

⁹⁴ Đại chánh, kinh 577. Xiềng xích. Pāli, S.12 Sakka. Tham chiếu, No 100(162).

⁹⁵ Đại chánh, kinh 587. S.1.18 Hirī.

đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà.

Vị Thiên tử kia nói kệ bạch Phật:

*Thường tập tâm tâm quý,
Người này luôn luôn có;
Hay xa lìa điều ác,
Như ngựa khôn thấy roi.*

Bấy giờ, Thế Tôn nói bài kệ:

*Thường tập tâm yàm quý,
Người này thật ít có;
Hay xa lìa điều ác,
Như ngựa lành thấy roi.*

Vị Thiên tử kia lại nói bài kệ:

*Đã lâu rồi mới thấy,
Bà-la-môn Niết-bàn;
Vượt hết thấy sợ hãi,
Thoát ly ân ái đời.*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ sát chân Phật, rồi biến mất.

KINH 1156. BÁT TẬP CẬN⁹⁶

Tôi nghe nh vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà.

Vị Thiên tử kia nói kệ bạch Phật:

*Chẳng gần gũi chánh pháp,
Tham đắm các tà kiến;⁹⁷
Ngủ mê chẳng tự biết,
Nhiều kiếp tâm sao ngộ?”*

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ trả lời:

⁹⁶ Đại chánh, kinh 579. S.1..7 Appaṭivīditā. Tham chiếu, N0 100(164).

⁹⁷ Pāli: *yesam dhammā appaṭivīditā, paravādesu nīyare*, “Những ai không hiểu rõ pháp, lạc lối vào các dị thuyết.”

*Chuyên tu nơi chánh pháp,
Xa lìa nghiệp bất thiện;
Là La-hán lậu tận,
San phẳng đời gập ghềnh.”⁹⁸*

Thiên tử kia nói kệ:

[154b] *Đã lâu rồi mới thấy,
Bà-la-môn Niết-bàn;
Vượt hết thấy sợ hãi,
Thoát ly ân ái đời.*

Thiên tử này sau khi Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu lễ sát chân rồi biến mất.

KINH 1157. THIÊN ĐIỀU⁹⁹

Tôi nghe nh vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bảy giờ có một Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà.

Vị Thiên tử kia nói kệ bạch Phật:

*Nhờ pháp, khéo điều phục,
Không đọa các tà kiến;¹⁰⁰
Tuy còn đắm ngủ say,
Có thể tùy thời ngộ.*

Thế Tôn nói kệ áp lại:

*Nếu nhờ pháp điều phục,
Chẳng theo các tà kiến;
Vô tri đã cứu cánh,
Hay vượt đời ân ái.*

Thiên tử kia lại nói kệ:

*Đã lâu rồi mới thấy,
Bà-la-môn Niết-bàn;*

⁹⁸ Pāli: *caranti visame saman'ti*, “Bước đi bằng phẳng trên lối đi gập ghềnh.”

⁹⁹ Đại chánh, kinh 580. S.1..8 Susammutṭhā. Tham chiếu, No 100(165).

¹⁰⁰ Pāli: *yesaṃ dhammā susammutṭhā, paravādesu nīyare*, “những ai mê mờ pháp, lạc lối vào dị thuyết.”

*Vượt hết thấy sợ hãi,
Thoát ly ân ái đời.*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ sát chân Phật, rồi biến mất.

KINH 1158. LA-HÁN¹⁰¹

Tôi nghe nh vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà.

Bấy giờ, vị Thiên tử kia nói kệ bạch Phật:

*Nếu Tỳ-kheo La-hán,
Việc mình đã làm xong;
Diệt trừ tất cả lậu,
Mang thân tối hậu này,
Có thể nói: ‘Có tôi,’
Và nói: ‘Của tôi’ không?¹⁰²*

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ áp:

*Nếu Tỳ-kheo La-hán,
Việc mình đã làm xong;
Các hữu lậu đã sạch,
Mang thân tối hậu này.
Giả sử nói ‘Có tôi’
‘Của tôi’, đều không lỗi.*

[154c] Thiên tử lại nói kệ áp:

*Nếu Tỳ-kheo La-hán,
Việc mình đã làm xong;
Tất cả lậu diệt tận,
Mang thân tối hậu này.
Tâm nương nơi ngã mạn,*

¹⁰¹ Đại chánh, kinh 581. S.1.25 Arham. Tham chiếu, No 100(166).

¹⁰² Pāli: *aham vadāmī’ ti’ pi so vadeyyā’ ti. mamaṃ vadantī’ ti’ pi so vadeyyā’ ti*, “Vị ấy cũng có thể nói: ‘Tôi nói.’ Vị ấy cũng có thể nói: ‘Họ nói (với tôi) là của tôi.’” Vị A-la-hán, tuy chứng vô ngã, nhưng vẫn nói ‘Tôi’ và ‘Của tôi’ theo ngôn ngữ thế gian.

*Mà nói rằng ‘Có tôi’
Và rằng ‘Của tôi’,
Có nói như thế không?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ áp:

*Đã lìa nơi ngã mạn,
Không còn tâm ngã mạn;
Siêu việt tôi, của tôi,
Ta nói là lậu tận.
Đối tôi, của tôi kia,
Tâm trọn chẳng chấp trước;
Hiểu danh tự thế gian,
Bình đẳng giả danh nói.*

Thiên tử kia lại nói kệ:

*Đã lâu rồi mới thấy,
Bà-la-môn Niết-bàn;
Vượt hết thảy sợ hãi,
Thoát ly ân ái đời.*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ sát chân Phật, rồi biến mất.

KINH 1159. LA-HÁN (2)¹⁰³

Tôi nghe nh vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; ánh sáng từ thân chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà.

Bấy giờ, vị Thiên tử kia nói kệ bạch Phật:

*Nếu Tỳ-kheo La-hán,
Lậu tận, tối hậu thân;
Có thể nói: ‘có tôi,’
Và nói: ‘của tôi’ chẳng?”*

Thế Tôn nói kệ áp:

*Nếu Tỳ-kheo La-hán,
Lậu tận, tối hậu thân;*

¹⁰³ Đại chánh, kinh 582. Xem kinh Đại chánh 581 trên.

*Cũng nói là ‘Có tôi’,
Và nói là ‘Của tôi’.*

Thiên tử kia lại nói kệ:

*Nếu Tỳ-kheo La-hán,
Việc mình đã làm xong;
Đã diệt tận các lậu,
Chỉ còn thân sau cùng.
Sao còn nói ‘Có tôi’,
Và nói rằng ‘Của tôi’?*

Thế Tôn nói kệ áp:

[155a]*Nếu Tỳ-kheo La-hán,
Việc mình đã làm xong;
Tất cả lậu diệt tận,
Chỉ còn thân sau cùng,
Nói: ‘Tôi lậu tận’
Cũng chẳng chấp ngã sở;
Hiếu danh tự thế gian,
Bình đẳng giả danh nói.*

Vị Thiên tử ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ sát chân Phật, rồi biến mất.

Kinh 1160. NGUYỆT THIÊN TỬ¹⁰⁴

Tôi nghe nh vậy:

Một thời, Phật ở tại vốn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-à, nóc Xá-vệ.

Bấy giờ có La-hầu A-tu-la vng¹⁰⁵ che Nguyệt thiên tử.¹⁰⁶ Lúc ấy các Nguyệt thiên tử đều sợ hãi, i ến chỗ Phật, cúi đầu ảnh lễ sát chân Phật, rồi ứng lui sang một bên và nói kệ tán thán Phật:

*Nay lễ Tối Thắng Giác,
Giải thoát mọi chướng nạn;
Con nay gặp khổ não,
Thế nên đến qui y.
Chúng con Nguyệt thiên tử,
Qui y đáng Thiện Thế;*

¹⁰⁴ Đại chánh, kinh 583. S. 2. 9 Candima. No 100(167).

¹⁰⁵ La-hầu A-tu-la vương 羅[目+侯]羅阿修羅王. Pāli: Rāhu-asurinda.

¹⁰⁶ Hiện tượng nguyệt thực.

*Phật thương xót thế gian,
Xin cứu thoát Tu-la.*

Thế Tôn liền nói kệ áp:

*Phá tan mọi tăm tối,
Ánh sáng chiếu hư không;
Nay Tỳ-lô-giá-na,¹⁰⁷
Rọi ánh sáng thanh tịnh.
La-lâu tránh hư không,
Phóng bay nhanh như thỏ.
A-tu-la La-hầu,
Vội bỏ trăng trở về;
Toàn thân tuôn mồ hôi,
Kinh hoảng chẳng an ổn;
Thần hôn, chí mê loạn,
Giống như người bệnh nặng.*

Bấy giờ, có A- tu-la tên là Bà-tri¹⁰⁸ thấy A- tu-la La-hầu-la vội vàng bỏ mặt trăng trở về liền nói kệ:

*La-hầu A-tu-la,
Bỏ trăng sao nhanh thế?
Toàn thân tuôn mồ hôi,
Như người bị bệnh nặng.*

A-tu-la La-hầu trả lời bằng bài kệ:

*Cù-đàm thuyết chú kệ;
Nếu không nhanh bỏ trăng.
Đầu vỡ làm bảy mảnh,
Chịu khổ như sắp chết.*

A-tu-la Bà-tri lại nói bài kệ:

[155b] *Phật xuất hiện, hiếm có;
An ổn cho thế gian.
Ngài thuyết kệ khiến cho
La-hầu bỏ mặt trăng.*

Phật nói kinh này rồi, bấy giờ Nguyệt thiên tử sau khi những điều Phật thuyết, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ rồi lui.

¹⁰⁷ Tỳ-lô-giá-na 毘盧遮那. No 100(167): đại quang minh chiếu 大光明照.

¹⁰⁸ Bà-tri 婆稚. No 100(167): Bạt-la-bồ-lô-chiên 跋羅蒲盧旃. Pāli: Vepacitti.

KINH 1161. TỘC BẢN¹⁰⁹

Một thời, Phật ở tại vón Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-à, nóc Xá-vệ. Bảy giờ có một Thiên tử dung nhan tuyệt diệu, vào cuối êm, ến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; thân tỏa hào quang chiếu sáng khắp rừng Kỳ-à, vòn Cấp Cô Độc. Vị Thiên tử kia nói kệ bạch Phật:

*Ngài có bản tộc chăng?
Có tộc nói dối chăng?
Thân thuộc thấy đều không?
Làm sao cởi trói buộc?*¹¹⁰

Thế Tôn trả lời bằng bài kệ:

*Ta không có tộc bản
Cũng không tộc nói dối;
Thân thuộc cắt vĩnh viễn,
Giải thoát mọi ràng buộc.*

Thiên tử lại nói kệ:

*Thế nào là tộc bản?
Thế nào là dòng tộc?
Thế nào là có thân thuộc?
Thế nào là giây trói chắt?*

Bảy giờ, Thế Tôn trả lời bằng bài kệ:

*Mẹ, tộc bản của đời;
Vợ là tộc nói dối;¹¹¹
Có con là thân thuộc;
Ái là giây trói chắt.*

Thiên tử kia lại nói kệ:

*Lành thay, không dòng họ!
Lành thay, không sinh tộc!*

¹⁰⁹ Đại chánh, kinh 584. S.1.19 Kuṭikā. No 100(168).

¹¹⁰ Hán: tộc bản 族本, chuyển sinh tộc 轉生族. Pāli: *kacci te kuṭikā natthi, kacci natthi kulāvaka kacci santānakā natthi, kacci muttosi bandhanā'ti,*” Ngài không có chòi tranh, Ngài không có tổ ấm, Ngài không có con cháu, Ngài thoát mọi ràng buộc.” Bản Hán đọc *kula* (gia tộc) thay vì *kuṭikā*, chòi tranh.

¹¹¹ Pāli: *mātaraṃ kuṭikaṃ brūsi, bhariyaṃ brūsi kulāvakaṃ.* “Ta nói, mẹ là chòi tranh, vợ là tổ ấm.”

*Lành thay, không tương thuộc!
Lành thay, cõi trời buộc!
Đã lâu rồi mới thấy,
Bà-la-môn Niết-bàn;
Vượt hết thầy sợ hãi,
Thoát ly ân ái đời.*

Thiên tử này nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu dâng lễ sát chân Phật rồi biến mất.

KINH 1162. ĐỘC NHẤT TRỤ¹¹²

Tôi nghe nh vậy:

Một thời, Phật ở tại tháp u-la-ê-na [155c] của họ Thích.¹¹³

Bấy giờ Thế Tôn mới cạo râu tóc. Vào cuối êm, Ngài ngồi kiết già, thân ngay, ý chánh, cột niệm ở trước mặt, lấy y trùm lên đầu. Bấy giờ bên tháp u-la-ê-na có thiên thần c ngụ. Ông phóng ánh sáng từ thân, chiếu khắp tinh xá, bạch Phật rằng:

“Sa-môn buồn phải không?”

Phật bảo thiên thần:

“Ta mất gì âu?”

Thiên thần lại hỏi:

“Sa-môn vui phải không?”

Phật bảo thiên thần:

“Ta ọc gì âu?”

Thiên thần lại hỏi:

“Sa-môn không buồn, không vui phải không?”

Phật bảo thiên thần:

“Thật vậy! Thật vậy!”

Bấy giờ thiên thần nói kệ:

*Vì là các phiền não,
Vì chẳng có vui mừng;*

¹¹² Đại chánh, kinh 585. Sống một mình. Pāli, S. 2.18 Kakudha. No 100(169).

¹¹³ Thích thị Ưu-la-ê-na tháp 釋氏優羅提那塔. No 100(169): Thích-súy Curu-la-ti đại-tư tụ lạc 釋翅鳩羅脾大斯聚落. S.2.2.8: Phật ở Sāketa, trong rừng Añjana, chỗ nuôi dê.

*Vì sao sống một mình,
Không bị buồn¹¹⁴ phá hoại?*

Thế Tôn nói kệ áp:

*Giải thoát không ưu não,
Cũng không có hoan hỷ;
Buồn không thể phá hoại,
Nên Ta sống một mình.*

Thiên thần này lại nói kệ:

*Làm sao không ưu não,
Làm sao không hoan hỷ;
Làm sao ngồi một mình,
Không bị buồn phá hoại?"*

Thế Tôn nói kệ áp:

*Phiền não sinh hoan hỷ,
Hoan hỷ sinh phiền não;
Không nào cũng không hỷ,
Thiên thần nên gìn giữ.*

Thiên thần lại nói kệ:

*Lành thay, không phiền não!
Lành thay, không hoan hỷ!
Lành thay, sống một mình
Không bị buồn phá hoại!
Đã lâu rồi mới thấy,
Bà-la-môn Niết-bàn;
Vượt hết thấy sợ hãi,
Thoát ly ân ái đời.*

Thiên thần kia nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu ảnh lễ sát chân Phật rồi biến mất.

KINH 1163. LỢI KIẾM¹¹⁵

Tôi nghe nh vậy:

¹¹⁴ Nguyên Hán: bất lạc 不樂. Pāli: *arati*, không hài lòng, không thích thú, bất bình, bất mãn.

¹¹⁵ Đại chánh, kinh 586. S.1.21 Sattiya. Hán, No 100(170).

Một thời, Phật ở tại vòn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-à, nóc Xá-vệ. Bấy giờ có một Thiên tử dung nhan tuyệt diệu, vào cuối êm, ến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; thân tỏa hào quang chiếu sáng khắp rừng Kỳ-à, vòn Cấp Cô Độc. Vị Thiên tử kia nói kệ bạch Phật: **[155c]**

[156a] *Như gương bén sát hại,
Cũng như lửa cháy đầu;
Đoạn trừ lửa tham dục,
Chánh niệm, cầu xa lìa.*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ áp:

*Thí như gương bén hại,
Cũng như lửa cháy đầu;
Đoạn trừ thân sau rớt,¹¹⁶
Chánh niệm, cầu xa lìa.*

Thiên tử kia lại nói kệ:

*Đã lâu rồi mới thấy,
Bà-la-môn Niết-bàn;
Vượt hết thấy sợ hãi,
Thoát ly ân ái đời.*

Thiên tử này nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu làm lễ sát chân Phật rồi biến mất.

KINH 1164. THIÊN NỮ¹¹⁷

Tôi nghe nh vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử dung nhan tuyệt diệu, vào cuối êm, ến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, từ thân tỏa ánh sáng khắp rừng cây Kỳ-à, vòn Cấp Cô Độc.

Thiên tử ấy nói kệ rằng:

*Các thiên nữ vây quanh,
Như chúng Tỳ-xá-chi;¹¹⁸
Trong rừng rậm si hoặc,*

¹¹⁶ Hậu thân. Pāli: *sakkāyadiṭṭhi*, hữu thân kiến.

¹¹⁷ Đại chánh, kinh 587. S.1.46 Accharā. Hán, No 100(171).

¹¹⁸ Tỳ-xá-chi 毘舍脂. No 100(171): Tỳ-xá-xà 毘舍闍. Pāli: *pisāca*, Tỳ-xá-xà, quý uổng máu.

Do đâu được ra khỏi?

Thế Tôn nói kệ áp:

*Đạo chánh trực bình đẳng,
Phương thoát ly sợ hãi;¹¹⁹
Cỡi chiếc xe tịch mặc,
Che kín bởi pháp tướng.¹²⁰
Tầm quý vòng dây kéo,¹²¹
Chánh niệm là dây buộc;¹²²
Trí tuệ người đánh xe,
Chánh kiến dẫn đường trước.
Cỗ xe màu nhiệm ấy,
Cùng đưa cả nam nữ;
Ra khỏi rừng sanh tử,
Chóng đến nơi an lạc.*

Thiên tử kia lại nói kệ:

*Đã lâu rồi mới thấy,
Bà-la-môn Niết-bàn;
Vượt hết thấy sợ hãi,
Thoát ly ân ái đời.*

Thiên tử kia nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu lễ sát chân Phật rồi biến mất.

KINH 1165. TỨ LUÂN¹²³

Tôi nghe nh vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. **[156b]** Bảy giờ có Thiên tử dung nhan tuyệt diệu, vào cuối êm, ến

¹¹⁹ Pāli: abhayā nāma sā disā, phurbg ấy có tên là Vô úy.

¹²⁰ Pháp tướng 法想. No 100(171): được che phủ bởi thiện giác quán. Pāli: *ratho akūjano nāma, dhammacakkehi samyuto*, cỗ xe tên Vô thanh được gán pháp luân vào.

¹²¹ Hán: trường mi 長縷. No 100(171): câu dẫn 拘鞞. Pāli: *hirī tassa apālambo*, sự hổ thẹn là dây thừng xe.

¹²² Ki lạc 羈絡, sợi dây buộc dầm ngựa. No 100(171): dục tủng 翼從. Pāli: *satyassa parivāraṇaṃ*, chánh niệm là màn che (rèm xe).

¹²³ Đại chánh, kinh 588. Bốn bánh xe. S.1.29 Catucakka.

chỗ Phật, cúi đầu ảnh lễ sát chân Phật, từ thân tỏa ánh sáng khắp rừng cây Kỳ-à, vờn Cấp Cô Độc. Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

*Có bốn bánh,¹²⁴ chín cửa,¹²⁵
Sống đầy đủ tham dục;
Đắm chìm sâu trong bùn,
Voi lớn làm sao ra?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ áp:

*Cắt dây xích ái hỷ,
Tham dục cùng các ác;
Nhỏ gốc rễ ái dục,
Hương thẳng đến nơi kia.*

Thiên tử kia lại nói kệ:

*Đã lâu rồi mới thấy,
Bà-la-môn Niết-bàn;
Vượt hết thấy sợ hãi,
Thoát ly ân ái đời.*

Thiên tử kia nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu ảnh lễ sát chân Phật rồi biến mất.

KINH 1166. ĐẠI PHÚ¹²⁶

Tôi nghe nh vậy:

Một thời ức Phật ở trong vờn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-à, tại nóc Xá-vê. Bấy giờ, có Thiên tử dung nhan tuyệt diệu, vào cuối êm, ến chỗ Phật, cúi đầu ảnh lễ sát chân Phật, từ thân tỏa ánh sáng khắp rừng cây Kỳ-à, vờn Cấp Cô Độc. Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

*Nước Lại-tra-bàn-đề,¹²⁷
Có các khách buôn bán,
Giàu có nhiều của cải,
Tranh nhau mong làm giàu.*

¹²⁴ Đề bản: chuyển 轉. TNM: luận 輪. Pāli: *catucakkam*: bốn bánh xe; Sớ giải: bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi (*iriyāpatho*).

¹²⁵ Pāli: *navadvāram*. Sớ giải: chín lỗ ghè trong người (*navahi vaṇamukhehi*).

¹²⁶ Đại chánh, kinh 589. S. 1. 28. Mahaddhana. No 100(183).

¹²⁷ Lại-tra-bàn-đề 賴吒槃提. No 100(183): Lại-tra 賴吒. Pāli: *raṭṭhavanto*, có quốc độ. Các bản Hán hiểu là danh từ riêng.

*Tìm cách cầu tài lợi,
Như đốt lửa cháy bùng.
Tâm tranh thắng như thề,
Dục tham luôn dong ruổi.
Thế nào để trừ tham,
Hết cần cầu thế gian.*

Thế Tôn nói kệ áp:

*Bỏ tục, sống không nhà,
Vợ con cùng tiền của;
Ly dục, tham, sân, si,
La-hán diệt tận lậu.
Chánh trí tâm giải thoát,
Ái tận dứt phương tiện.¹²⁸*

Thiên tử kia lại nói kệ:

*Đã lâu rồi mới thấy,
Bà-la-môn Niết-bàn;
Vượt hết thấy sợ hãi,
Thoát ly ân ái đời.*

[156c] Thiên tử kia nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu lễ sát chân Phật rồi biến mất.

KINH 1167. GIÁC THỤY MIÊN¹²⁹

Tôi nghe nh vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thời quá khứ tại nóc Câu-tát-la có các nhà buôn với nm trm cỗ xe cùng i mu sống. Họ i qua chỗ hoang mạc, ni ó có bọn cướp nm trm tên, uổi theo sau, lén tìm c hội cướp oạt. Bấy giờ, ni hoang mạc ấy có một thiên thần ang sống ở bên con ờng. Thiên thần ấy nghĩ thầm: “Ta nên i ến nóc Câu-tát-la kia, chỗ các nhà buôn người nóc Câu-tát-la kia ề hỏi nghĩa lý. Nếu họ vui lòng cho Ta ọc hỏi và giải thích, ta sẽ tìm cách khiến họ an ổn, ọc thoát khỏi nạn giặc cướp. Nếu họ không vui lòng với những câu hỏi của ta, ta sẽ bỏ mặc họ, nh những thiên thần

¹²⁸ Pāli: *khīṇāsavā arahanto, te lokasmim amussukā*, các A-la-hán lậu tận không còn tật đồ ở đời.

¹²⁹ Đại chánh, kinh 590. No 100(184).

khác.’ Sau khi suy nghĩ vậy, thiên thần ấy phóng ánh sáng chiếu khắp các cỗ xe của những nhà buôn và nói kệ:

*Ai thức khi người ngủ?
Ai ngủ khi người thức?
Ai hiểu rõ nghĩa này
Xin nói cho tôi biết.*

“Trong các thương nhân ó có một u-bà-tắc tin Phật, tin pháp, tin Tỳ-kheo Tng, nhất tâm hóng về Phật, pháp, Tng, quy y Phật, Pháp, Tng. Người ấy ói với Phật, pháp, Tng không còn nghi, ói với khổ, tập, diệt, ạo không còn nghi, thấy bốn Thánh ế, ắc quả hiện quán thứ nhất. Ông ở trong các thương nhân, cùng kết bạn đồng hành với các thương nhân. u-bà-tắc ấy vào khoảng cuối êm ngồi thẳng tư duy, cột niệm ở tr óc; quán sát thuận nghịch mời hai nhân duyên; nghĩa là, cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi, là duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có sáu nhập xứ, duyên sáu nhập xứ có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có lão, duyên lão có bệnh, tử, u, bi, khổ, não. Nh thế khối lớn thuần khô tập khởi. Nh vậy, vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu nhập diệt, sáu nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão diệt, lão diệt thì bệnh, tử, u, bi, **[157a]** khổ, não diệt. Nh thếkhối lúon thuần khổ diệt.”

u-bà-tắc ấy suy nghĩ xong liền nói kệ:

*Ta ngủ khi người thức,
Ta thức khi người ngủ;
Ta hiểu rõ nghĩa này,
Nói rõ cho người được.*

Thiên thần hỏi u-bà-tắc:

“Thế nào là ngủ mà thức? Thế nào là thức mà ngủ? Làm thế nào để hiểu rõ? Làm thế nào để giải thích?”

u-bà-tắc nói kệ:

*Tham dục và sân nhuế,
Ngu si được lia dục;
A-la-hán-la-hán lậu tận,*

*Chánh trí tâm giải thoát.
Vị ấy là thức tỉnh,
Vớivị ấy, ta ngủ.*

*Chẳng biết nhân sinh khổ,
Và khổ nhân duyên tập;
Vớitất cả khổ này,
Diệt tận không còn sót;
Lại chẳng biết chánh đạo,
Đưa đến nơi hết khổ:
Như thế là đang ngủ.
Vớingười ấy, thức.*

*Như vậy ngủ khi thức.
Như vậy thức khi ngủ.
Tôi biết rõ nghĩa như vậy.
Nay giải thích như vậy.
Thiên thần lại nói kệ:
Lành thay, ngủ khi thức!
Lành thay, thức khi ngủ!
Lành thay, khéo ro nghĩa!
Lành thay, khéo xác giải thích!
Lâu xa nay mới thấy,
Các anh em đến đây.
Nhờ ân lực của người,
Khiến cả bọn thương nhân,
Được thoát khỏi giặc cướp;
Theo đường đ̣ an ổn.*

Nh thế, các Tỳ-kheo ở nớc Câu-tát-la và cả ám thng nhân theo ờng i an ổn, thoát khỏi ni hoang vắng, nguy hiểm.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1168. HẢI CHÂU¹³⁰

Tôi nghe nh vậy:

¹³⁰ Đại chánh, kinh 591. No 100(185).

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.
Bấy giờ Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thời quá khứ, trên một hòn đảo, có một Ưu-bà-tắc ến nhà một nam c sĩ khác, cùng ngồi cực lực chê bai dục nh sau: ‘Cái dục này h vọng, không thật, là pháp h dối, nh huyễn hóa, lừa gạt con nít.’

“Nói xong rồi trở về nhà mình, phóng túng theo ngũ dục. Tại nhà Ưu-bà-tắc này, [157b] có thiên thần ang trú ngụ. Vị thiên thần này nghĩ thắm: ‘Nam c sĩ này không hn gì, chẳng khá gì nhà các Ưu-bà-tắc khác; ngồi giữa ông ngồi cực lực chê bai dục; nào là: ‘Cái dục này giả dối, không thật, là pháp giả dối, lừa gạt con nít.’ Rồi trở về nhà mình lại phóng túng theo nm dục. Bấy giờ có nên giúp ông ta giác ngộ?’ Thiên thần liền nói kệ rằng:

*Giữa đám đông tụ họp,
Chê bai dục vô thường;
Tự chìm trong ái dục,
Như trâu lún bùn sâu.*

*Ta xem trong hội kia,
Các vị Ưu-bà-tắc,
Đa văn hiểu rõ pháp,
Gìn giữ giới thanh tịnh.
Người thấy kia ưa pháp,
Mà nói dục vô thường.*

*Sao tự buông theo dục,
Chẳng đoan dứt tham ái?
Vì sao ham thế gian,
Chứa vợ con quyến thuộc?*

Vị thiên thần ấy khai thị cho Ưu-bà-tắc kia nh thế. Ưu-bà-tắc ó ọc giác ngộ, liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca sa, chí tín, sống không nhà xuất gia học ạo, tinh cần tu tập, dứt sạch hết các pháp hữu lậu, ắc quả A-la-hán-la-hán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

KINH 1169. CẤP CÔ ĐỘC¹³¹

Tôi nghe nh vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ gia chủ Cấp Cô Độc có chút việc ến thành Vương Xá ngủ êm lại ở một nhà trường giả nợ. Ban em nghe thấy gia chủ bảo với vợ con, tôi tớ, ngời giúp việc rằng:

“Các ngời hãy thức dậy, sửa soạn củi lửa, nấu cm, làm bánh, sửa soạn thức n ngon và trang hoàng nhà cửa.”

Trường giả Cấp Cô Độc nghe vậy nghĩ thầm: “Trường giả này hôm nay làm gì ây? Hoặ là gả con gái, hay là cới vợ cho con, hay là mời khách vua, quan?” Suy nghĩ xong, ông hỏi trường giả:

“Ông làm gì? Có phải là gả con gái, hay cới dâu, hoặ mời khách vua quan?”

Trường giả này trả lời ông Cấp Cô Độc:

“Tôi không gả con, không cới dâu, không mời khách vua quan gì cả, mà chỉ muốn thỉnh Phật và Tỳ-kheo Tng ể cúng dường.”

Cha bao giờ trường giả Cấp Cô Độc nghe danh tự Phật, mà nay ọc nghe lòng hết sức vui mừng, toàn thân rợn chân lông, vui [157c] mừng hỏi trường giả kia:

“Thế nào gọi là Phật?”

Trường giả áp:

“Có Sa-môn Cù-àm thuộc dòng Thích-ca, trong dòng họ Thích, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín không nhà, xuất gia học ạo, ắc Vô th ụng Chánh ăng Chánh giác. ó gọi là Phật.”

Trường giả Cấp Cô Độc hỏi:

“Thế nào gọi là Tng?”

Trường giả kia áp:

“Những ngời hoặ thuộc dòng Bà-la-môn, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín, không nhà, theo Phật xuất gia; hoặ ngời thuộc dòng Sát-lợi, Tỳ-xá, Thù-à-la, những ngời thiện nam này cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín, không nhà, theo Phật xuất gia; ó gọi là Tng. Hôm nay tôi thỉnh Phật và hiện tiền Tng thiết lễ cúng dường.”

¹³¹ Đại chánh, kinh 592. S. 10. 8 Sudatta. No 100(186).

Trưởng giả Cấp Cô Độc hỏi trưởng giả kia:

“Hôm nay tôi có thể ến gặp Thế Tôn ọc không?”

Trưởng giả kia áp:

“Ông cứ ở ay. Tôi thỉnh Thế Tôn ến nhà tôi. Ở ay ông sẽ gặp Ngài.”

Bấy giờ, trưởng giả Cấp Cô Độc suốt êm hôm ấy hết lòng nghĩ ến Phật, nhân đó ọc ngủ một giấc ngon. Nhưng trời vẫn cha sáng, ông bỗng thấy tóng sáng, tóng âu trời ã sáng rồi nên ra khỏi nhà, i về phía cửa thành. ến dới cửa thành, êm mới canh hai, cửa thành cha mở. Theo luật nhà vua phải ọi sứ giả từ xa mang lệnh đến mới cho i lại. Qua àu hôm, cửa thành vẫn óng, ến cuối giữa êm mới lại mở cửa cho ngời i lại sớm. Khi trưởng giả Cấp Cô Độc thấy cửa thành mở, nghĩ thẳm: ‘úng là qua êm, trời sáng nên cửa mở.’ Ông theo tóng sáng ra khỏi thành.

ến khi ông ra khỏi cửa thành rồi, tóng sáng liền tắt, trời bỗng trở lại tối tm. Trưởng giả Cấp Cô Độc cảm thấy trong lòng sợ hãi, toàn thân lông dựng ứng. “Có lẽ bị ngời lạ hay ma quỷ, hoặc kẻ gian làm cho ta sợ hãi ay?” Ông vội vàng muốn trở về. Bấy giờ, bên cửa thành có thiên thần ang c ngu, thân tỏa ánh sáng từ cửa thành kia ến nghĩa ịa Hàn lâm, ánh sáng chiếu khắp. Thiên thần bảo trông giả Cấp Cô Độc: “Ông hãy i tới, có thể ọc lợi ích tốt ẹp, ừng trở lui.”

Thiên thần liền nói kệ:

*Ngựa hay cả trăm con,
Vàng ròng đầy trăm cân,
Xe la và xe ngựa,
Mỗi thứ đến trăm cỗ,
Đủ các thứ quý báu,
Đều chất đầy trên đó.
[158a] Do thiện căn đời trước,
Được phước báu như vậy,
Nếu ngời tâm kính trọng,
Hướng Phật đi một bước,
Được phước này nhiều hơn,
So với phước trên kia;
Bằng một phần mười sáu.*

“Thế nên trông giả cứ i tới trước, chớ trở lui. ”

Thiên thần lại nói tiếp kệ:

*Voi chúa tại núi tuyết,
Trang sức bằng vàng ròng,
Thân to, ngà dài lói,
Đem voi này cho người,
Chẳng bằng phước hướng Phật,
Chỉ một phần mười sáu.*

“Thế nên trông giả mau i tới tước, ọc lợi ích lớn, ừng trở lui.”

Thiên thần lại nói kệ:

*Gái nước Kim bồ sa,
Số đến cả trăm người,
Đủ các thứ báu đẹp,
Trang sức đầy châu ngọc,
Đem bố thí tất cả
Cũng chẳng bằng công đức,
Hướng đến Phật một bước,
Bằng một phần mười sáu.*

“Thế nên, trông giả mau i nhanh tới tước, sẽ ọc lợi ích tốt ẹp, ừng trở lui.”

Trông giả Cấp Cô Độc hỏi thiên thần:

“Hiền giả ! Hiền giả là ai?”

Thiên thần áp:

Tôi là Ma-âu-tức-kiện ại-ma-na-bà-tiên,¹³² là người quen của trông giả. ồi với Tôn giả Xá-lợi-phất, ại Mục-kiền-liên tôi khởi lòng tin kính, do công ức này ọc sanh cõi trời, trấn giữ cả thành này. Thế nên tôi bảo Trông giả chỉ nên i tới tước, chớ trở lui. Cứ i tới tước sẽ ọc lợi ích lớn. ừng quay lại.”

Trông giả Cấp Cô Độc suy nghĩ: “ức Phật xuất hiện ở thế gian chẳng phải là việc nhỏ. ọc nghe chánh Pháp chẳng phải là chuyện nhỏ. Bởi thế Thiên thần khuyên ta nên i tới gặp Phật.”

Bấy giờ trông giả Cấp Cô Độc theo ánh sáng kia, i qua nghĩa ịa Hàn Lâm. Cũng úng vào lúc Thế Tôn ra khỏi phòng, i kinh hành ni ất

¹³² Ma-đầu-tức-kiện Đại-ma-na-bà 摩頭息捷大摩那婆先. No 100(186): Thi-bà thiên thần 尸婆天神. S. 10. 8.: Sivaka.

trông. Trông giả từ xa trông thấy Phật rồi, liền tiến tới trước, theo pháp của thế gian cung kính thm hỏi:

“Bạch Thế Tôn, Ngài có ọc an ổn?”

Thế Tôn nói kệ:

*Bà-la-môn niết bàn,
Là luôn luôn an vui.
Chẳng đắm nhiễm ái dục,
Đã vĩnh viễn giải thoát,
Dứt tất cả mong cầu,
Điều phục tâm lừng lẫy,
[158b] Tâm được lặng, dùng bất,
Tâm lặng, ngủ an ổn.*

Thế Tôn dẫn Trông giả Cấp Cô Độc vào trong phòng, ngồi lên chỗ ngồi, thân ngay thẳng, hệ niệm. Khi ấy Thế Tôn vì Trông giả thuyết pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Rồi tuần tự, Thế Tôn nói về các pháp vô thường, khuyên làm việc phước bố thí, tri giới, làm việc ph ớc ể sanh về cõi Trời; nói về vị ngọt của dục, tai hại của dục và sự xuất ly dục. Trông giả nghe pháp, thấy pháp, ắc pháp, thâm nhập pháp, hiểu rõ pháp, dứt hết mọi nghi hoặc, chẳng phải do ngời khác, ọc tin, chẳng phải do ngời khác ọc ộ, vào chánh Pháp luật, tâm ọc không sợ hãi, liền từ chỗ ngời ứng lên, sửa lại y phục ảnh lễ Phật, gúi phải sát ất, chấp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con ã ọc ộ. Bạch Thiện Thệ, con ã ọc ộ. Từ nay ến suốt ời con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tng, ọc làm u-bà-tắc. Xin chứng tri cho con!”

Thế Tôn hỏi Trông giả Cấp Cô Độc:

“Ông tên là gì?”

“Ông tên là gì?”

Trông giả bạch Phật:

“Con tên là Tu-đạt-đa. Vì con thường hay giúp đỡ cho người cô độc khốn khổ nên người đương thời gọi con là Cấp Cô Độc.”

Thế Tôn lại hỏi:

“Ông ở đâu?”

Trông giả bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con ở tại xứ Câu-tát-la, thành Xá-vệ. Xin Thế Tôn đến nước Xá-vệ. Con sẽ suốt đời cúng dường y phục, thức ăn, phòng xá, giường nằm và thuốc men tùy bệnh.”

Phật hỏi trưởng giả:

“Nước Xá-vệ có tinh xá không?”

Trưởng giả bạch Phật:

“Thưa không.”

Phật bảo trưởng giả:

“Ông hãy ở nơi ấy kiến lập tinh xá để các Tỳ-kheo lui tới tạm trú.”

Trưởng giả bạch Phật:

“Con chỉ mong Thế Tôn đến nước Xá-vệ. Con sẽ cất tinh xá, Tăng phòng để các Tỳ-kheo lui tới dừng nghỉ.”

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Trưởng giả biết Thế Tôn im lặng nhận lời, từ chỗ ngồi đứng lên, cúi đầu lễ chân Phật rồi lui ra.

KINH 1170. CẤP-CÔ-ĐỘC¹³³

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, trưởng giả Cấp Cô Độc bị bệnh nặng, từ trần sanh về cung trời Đâu-suất, làm Thiên tử cõi trời này. Ông suy nghĩ rằng: “Ta chẳng nên ở đây lâu. Hãy đến gặp Đức Thế Tôn.” Nghĩ như thế rồi, trong khoảnh khắc như người lực sĩ co duỗi cánh tay, ông biến mất từ trời Đâu-suất, hiện ra trước Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên. Thiên tử Cấp Cô Độc thân tỏa ánh sáng chiếu khắp [158c] rừng Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ, Thiên tử Cấp Cô Độc nói kệ:

*Nơi rừng Kỳ-hoàn này,
Tiên nhân Tăng¹³⁴ trụ đó;
Các Vua¹³⁵ cũng ở đó,
Khiến con càng vui mừng.

Tin sâu nghiệp, tịnh giới,
Trí tuệ, thọ tới thắng;*

¹³³ Đại chánh, kinh 593. S. 2. 20. Anāthapiṇḍika. No 100(187).

¹³⁴ Tiên nhân Tăng 仙人僧, chi Tăng, đệ tử Phật. Pāli: *isisaṅgha*.

¹³⁵ Hán: chư vương 諸王 Pāli: *dharmarāja*, Pháp vương, chi Phật.

*Lấy đó tịnh chúng sanh,¹³⁶
Không dòng họ, tài vật.*

*Xá-lợi-phát đại trí,
Chánh niệm thường tịch tĩnh;
An nhàn tu viễn ly,
Bạn lành người mới học.*

Nói kệ này xong, thiên thần liền biến mất.

Đức Thế Tôn sau đêm ấy, vào trong chúng Tăng trải tọa cụ ngồi trước chúng rồi bảo các Tỷ-kheo:

“Trong đêm này có một Thiên tử dung mạo tuyệt diệu, đi đến chỗ Ta, cúi đầu lễ dưới chân Ta, rồi ngồi lui qua một bên nói kệ:

*Ở rừng Kỳ-hoàn này,
Tiên nhân Tăng trụ đó;
Các Vua cũng ở đó,
Khiến con càng vui mừng.*

*Tin sâu nghiệp tịnh giới,
Trí tuệ, thọ tối thắng;
Lấy đó tịnh chúng sanh,
Không dòng họ, tài vật.*

*Xá-lợi-phát Đại trí,
Chánh niệm thường tịch tĩnh;
An nhàn tu viễn ly,
Bạn lành người mới học.*

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, như con hiểu lời Thế Tôn nói, gia chủ Cấp Cô Độc sanh lên cõi trời kia rồi đến diện kiến Thế Tôn, nhưng gia chủ Cấp Cô Độc kia, đối với Tôn giả Xá-lợi-phát rất mực kính trọng.”

Phật bảo A-nan:

“Này A-nan, đúng thế! Này A-nan, gia chủ Cấp Cô Độc sanh về cõi trời kia rồi đến gặp Ta.”

¹³⁶ Pāli: *kammaṃ vijaṃ ca dhammo ca sīlam jīvitamuttam; etena maccā sujjhanti*: chúng sanh được thanh tịnh bởi nghiệp, minh, pháp, giới và chánh mạng tối thắng. Pāli: *jīvita*, bản Hán hiểu là (tuổi) thọ thay vì là chánh mạng.

Thế Tôn do Tôn giả Xá-lợi-phất nên nói kệ:

*Tất cả trí thế gian,
Chỉ trừ trí Như Lai;
So trí Xá-lợi-phất,
Không bằng phần mười sáu.
Như trí Xá-lợi-phất,
Cùng tất cả trời người;
So với trí Như Lai,
Không bằng phần mười sáu.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1171. THỦ THIÊN TỬ¹³⁷

[159a] Tôi nghe nh vậy:

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại tinh xá Khoáng dã. Bấy giờ có gia chủ Khoáng dã bệnh nặng từ trần, sanh về cõi trời Vô nhiệt. Sau khi sanh về cõi trời ấy, ông nghĩ rằng: ‘Ta không nên ở đây lâu mà không gặp Thế Tôn.’ Nghĩ xong, trong khoảnh khắc, nhanh như người lực sĩ co duỗi cánh tay, ông biến mất từ cõi trời Vô nhiệt, hiện ra trước Phật. Thân thể Thiên tử ấy trụ lại trên mặt đất mà không thể tự đứng, giống như dầu bơ tụ lại trên đất không thể tự đứng. Thân thể của Thiên tử ấy nhỏ nhắn, mềm nhũn, không thể tự đứng dậy được.”

Bấy giờ Thế Tôn bảo Thiên tử:

“Ông nên biến hóa thành thân thô để đứng trên đất.”

Thiên tử liền hóa thành thân thô đứng trên đất. Thiên tử ấy đến đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Thủ thiên tử:

“Này, Thủ thiên tử¹³⁸, những kinh pháp mà ông đã học trước đây khi làm thân người, ở thế gian này, nay còn nhớ chẳng quên chăng?”

Thủ Thiên tử bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, những gì con đã thu nhận đến nay vẫn không quên. Những pháp mà khi làm người ở thế gian, con đã nghe nhưng không

¹³⁷ Đại chánh, kinh 594. Pāli: A.3.125. Hatthaka. Tham chiếu, No100(188).

¹³⁸ Thủ Thiên tử 手天子. Pāli: Hatthaka.

hiểu hết, nay vẫn còn nhớ. Như Thế Tôn khéo nói, Thế Tôn nói rằng: ‘Nếu người được ở nơi an vui, có thể nhớ nghĩ pháp, chứ không phải ở chỗ khô não.’ Lời nói này rất chân thật. Như Thế Tôn ở tại Diêm-phù-đề thuyết pháp cho đủ tất cả các loài và bốn chúng vây quanh. Bốn chúng kia nghe Phật dạy, tất cả đều cung kính vâng làm. Con cũng như vậy, ở trên cõi trời Vô nhiệt vì các Thiên nhân nơi đại hội nói pháp. Các vị trời này đều lãnh thọ tu học.”

Phật bảo Thủ thiên tử:

“Lúc ông ở thế gian, đối với những pháp gì không biết chán đủ mà được sanh về cõi trời Vô nhiệt?”

Thủ thiên tử bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con ở nơi ba pháp không biết chán, nên khi thân hoại, sanh lên cõi trời Vô nhiệt. Những gì là ba pháp? Đó là vì con thấy Phật không biết chán nên khi chết sanh về cõi trời Vô nhiệt. Do con đối với Pháp của Phật không biết chán nên sanh về cõi trời Vô nhiệt. Do cúng dường chúng Tăng không biết chán nên khi chết sanh về cõi trời Vô nhiệt.”

Rồi Thủ Thiên tử nói kệ:

*Thấy Phật không biết chán,
Nghe Pháp cũng không chán;
Cúng dường các chúng Tăng,
Cũng chưa từng biết đủ.
Thọ trì pháp Hiền thánh,
Điều phục tham trước bản;
[159b] Ba pháp không biết đủ,
Nên sanh Vô nhiệt thiên.*

Thủ thiên tử sau khi nghe Phật dạy xong, tùy hỷ hoan hỷ, rồi biến mất..

KINH 1172. ĐÀO SU¹³⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử Vô phiến tướng mạo tuyệt diệu, đi đến chỗ Phật,

¹³⁹ Đại chánh, kinh 595. Thọ gồm. S. 2. 24. Ghaṭṭikara. Tham chiếu, No 100(189).

cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ Thiên tử nói kệ:

*Sanh cõi trời Vô phiền,
Bảy Tỳ-kheo giải thoát;
Tham, sân, nhuế đã hết,
Siêu thoát vượt ân ái.*

*Ai qua khỏi các dòng,
Quân ma chết khó vượt?
Ai dứt cùm ma chết,
Trọn thoát gông phiền nào?¹⁴⁰*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Tôn giả Ưu-ba-ca,¹⁴¹
Cùng Ba-lợi-kiện-trà,¹⁴²
Phất-ca-la-sa-lê,¹⁴³
Bạt-đề,¹⁴⁴ Kiền-đà-điệp.¹⁴⁵
Vớ Bà-huru-nan-đề,¹⁴⁶
Và Bà-tì-sáu-nậu,¹⁴⁷
Tất cả bảy vị này,¹⁴⁸
Đều vượt qua các dòng.
Bứt tuyệt cùm ma chết,
Vượt chỗ khó vượt kia;
Bứt cùm các ma chết,
Siêu việt ách cõi trời.
Nói pháp rất thâm diệu,
Giác ngộ người khó biết;
Khéo hỏi nghĩa sâu xa,*

¹⁴⁰ Phiền nào ách 煩惱輓, đoạn sau, nói là chur Thiên ách 諸天輓 Pāli: *dibbayoga*, gông cùm cõi trời.

¹⁴¹ Ưu-ba-ca 優波迦. Pāli: Upaka.

¹⁴² Ba-lợi-kiện-trà 波羅撻茶. Pāli: Phalagaṇḍa.

¹⁴³ Phất-ca-la-sa-lê 弗迦羅娑梨. Pāli: Pukkusāti.

¹⁴⁴ Bạt-đề 跋提. Pāli: Bhaddiya.

¹⁴⁵ Kiền-đà-điệp 撻陀疊. Pāli: Khaṇḍadeva.

¹⁴⁶ Bà-huru-nan-đề 婆休難提. Pāli: Bāhuraggi.

¹⁴⁷ Bà-tì-sáu-nậu 波毘瘦[少/兔]. Pāli: Piṅgiya.

¹⁴⁸ S.2. 24: bảy vị này sanh lên trời Vô phiền (Aviha).

Hiện nay người là ai?

Thiên tử ấy nói kệ bạch Phật:

*Con là A-na-hàm,
Sanh cõi trời Vô phiền;
Nên biết những điều ấy,
Bảy Tỳ-kheo giải thoát.
Hết tham dục, sân nhuế,
Trọn thoát mọi ân ái.*

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ:

*Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân,
Ý nhập xứ thứ sáu;
Nếu danh kia và sắc,
Được diệt tận không còn.
Biết rõ các pháp này,
Bảy Tỳ-kheo giải thoát;
Tham hữu đều đã hết,
Trọn thoát mọi ân ái.*

[159c] Thiên tử lại nói kệ:

*Thôn Tì-bạt-lăng-già,¹⁴⁹
Con cư ngụ trong ấy;
Tên Nan-đề-bà-la,
Chuyên làm các đồ gốm.
Đệ tử Phật Ca-diếp,
Giữ pháp Ưu-bà-tắc;
Cúng dường bậc cha mẹ,
Ly dục tu phạm hạnh.
Đời đời làm bạn con,
Con cũng bạn các vị;¹⁵⁰
Các Chánh sĩ như vậy,
Đời trước cùng hòa hợp,
Khéo tu nơi thân tâm,
Còn giữ thân cuối này.*

Bấy giờ Thế Tôn lại nói kệ:

¹⁴⁹ Tì-bạt-lăng-già 鞞跋楞伽. Pāli: Vehaliṅga.

¹⁵⁰ Chỉ bảy vị đã nói trên.

*Ông là bậc Hiền sĩ,
Như lời ông đã nói;
Thôn Tì-bạt-lãng-già,
Tên Nan-đề-bà-la.
Đệ tử Phật Ca-diếp,
Thọ pháp Ưu-bà-tắc;
Cúng dường bậc cha mẹ,
Ly dục tu phạm hạnh.
Trước kia bạn của ông,
Ông cũng là bạn họ,
Các Chánh sĩ như vậy,
Đời trước cùng hòa hợp,
Khéo tu thân tâm kia,
Còn giữ thân cuối này.*

Phật nói kinh này xong, Thiên tử nghe lời Phật dạy, tùy hỷ hoan hỷ rồi biến mất.

KINH 1173. THIÊN TỬ (1)¹⁵¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử¹⁵² tướng mạo tuyệt diệu, cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

*Đời này nhiều sợ hãi,
Chúng sanh thường não loạn;
Đã khởi cũng là khổ,
Chưa khởi cũng sẽ khổ.
Có chỗ lìa sợ chẳng?
Mong Bậc Tuệ Nhân nói.*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Ngoại trừ cần hành khổ,
Ngoại trừ trị các căn;
Ngoại trừ xả tất cả,*

¹⁵¹ Đại chánh, kinh 596. Pāli: S.2.17. Subrahmā. Tham chiếu, No 100(181).

¹⁵² Pāli: Thiên tử có tên là Subrahmā.

Không đâu thấy giải thoát.

[160a] Thiên tử kia lại nói kệ:

*Đã lâu mới được thấy
Bà-la-môn niết-bàn;
Vượt qua mọi sợ hãi,
Vĩnh siêu ân ái đời.*

Thiên tử ấy nghe Phật dạy xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

KINH 1174. THIÊN TỬ (2)¹⁵³ [49]

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bảy giờ có Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bảy giờ Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

*Thế nào các chúng sanh,
Được thân tướng tốt đẹp?
Cần tu phương tiện gì,
Được con đường giải thoát?
Chúng sanh trụ pháp gì?
Nên tu tập pháp gì?
Là những chúng sanh nào,
Được chư Thiên cúng dường?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Giữ giới, trí tuệ sáng,
Tự tu tập chánh định;
Chánh trực, tâm buộc niệm,
Tinh cần, ưu tư diệt.
Được trí tuệ bình đẳng,
Tâm kia khéo giải thoát;
Do những nhân duyên này,
Được thân tướng đẹp đẽ.
Thành tựu đạo giải thoát,
Tâm trụ trong đó học;*

¹⁵³ Đại chánh, kinh 597. Tham chiếu, No 100(182).

*Người đủ đức như thế,
Được chư Thiên cúng dường.*

Thiên tử kia lại nói kệ:

*Đã lâu mới được thấy
Bà-la-môn niết-bàn;
Vượt qua mọi sợ hãi,
Vĩnh siêu ân ái đời.*

Thiên tử nghe Phật dạy, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu làm lễ dưới chân Phật, rồi biến mất.

KINH 1175. THỤY MIÊN¹⁵⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

[160b] *Chìm đắm trong ngủ nghỉ,
Ngáp dài, không vui vẻ;
Ẩn no, tìm hồi hộp,
Lười biếng, không siêng năng.
Mười¹⁵⁵ điều che chúng sanh,
Khiến Thánh đạo không hiện.*

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ đáp:

*Tâm chìm đắm ngủ nghỉ,
Ngáp dài, không vui vẻ;
Ẩn no, tìm hồi hộp,
Lười biếng, không siêng năng.
Người tinh cần tu tập,
Hay khai phát Thánh đạo.*

Thiên tử lại nói kệ:

*Đã lâu mới được thấy
Bà-la-môn niết-bàn;*

¹⁵⁴ Đại chánh, kinh 598. Pāli: S.1.16. Niddātaṇḍī. No 100(175).

¹⁵⁵ Nguyên Hán: thập 十. Ẩn Thuận nghi là thất 七. No 100(175): ngũ sự lai phú chướng 五事來覆障.

*Vượt qua mọi sợ hãi,
Vĩnh siêu ân ái đời.*

Thiên tử ấy nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

KINH 1176. KẾT TRIỀN¹⁵⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

*Trói ngoài, không phải trói,
Trói trong trói chúng sanh;
Nay xin hỏi Cù-đàm,
Ai nơi trói lia trói?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Người trí kiến lập giới,
Nội tâm tu trí tuệ;
Tỳ-kheo siêng tu tập,
Nơi trói hay thoát trói.*

Thiên tử kia lại nói kệ:

*Đã lâu mới được thấy
Bà-la-môn niết-bàn;
Vượt qua mọi sợ hãi,
Vĩnh siêu ân ái đời.*

Thiên tử này nghe Phật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

KINH 1177. NAN ĐỘ¹⁵⁷ [53]

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh

¹⁵⁶ Đại chánh, kinh 599. Pāli: S.1.23. Jaṭā. Tham chiếu, No 100(173).

¹⁵⁷ Đại chánh, kinh 600. Pāli: S.1.17. Dukkara. Tham chiếu, No 100(174).

sáng [160c] chiếu khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

*Khó vượt, khó thể nhẫn,
Sa-môn vì không biết;
Khởi nhiều thứ gian nan,
Càng mê muội chìm đắm.
Tâm giác tưởng chi phối,
Thường thường bị chìm đắm;
Sa-môn làm thế nào,
Khéo nhiếp hộ tâm mình?*

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ đáp:

*Như con rùa khôn khéo,
Tự thu mình trong mai;
Tỳ-kheo tập thiền tư,
Khéo nhiếp các giác tưởng.
Tâm kia không chỗ nương,
Không gì làm sợ hãi;
Đó là tự ẩn kín,
Không bị ai phi báng.*

Thiên tử lại nói kệ:

*Đã lâu mới được thấy
Bà-la-môn niết-bàn;
Vượt qua mọi sợ hãi,
Vĩnh siêu ân ái đời.*

Thiên tử này sau khi nghe Phật dạy xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

KINH 1178. TIÊU LƯU¹⁵⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

Tát-la¹⁵⁹ dòng thác nhỏ,

¹⁵⁸ Đại chánh, kinh 601. Pāli: S.1.27. Sarā. Tham chiếu, №100(176).

*Nơi đâu sẽ nghịch dòng?
Con đường tắt sanh tử,
Nơi nào mà chẳng chuyển?
Các khổ lạc thế gian,
Do đâu dứt không còn?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân,
Cùng với ý nhập xứ;
Danh sắc dứt không còn,
Tắt-la ngược dòng nhỏ.
Đường sanh tử không chuyển,
Khổ lạc dứt không còn.*

Thiên tử kia lại nói kệ:

*Đã lâu mới được thấy
Bà-la-môn niết-bàn;
Vượt qua mọi sợ hãi,
Vĩnh siêu ân ái đời.*

[161a] Thiên tử này sau khi nghe Phật dạy xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

KINH 1179. LỘC BÁC¹⁶⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

*Đùi nai Y-ni-da¹⁶¹,
Bậc tôn trong Tiên Nhân;
Ăn ít, không đắm vị,
Thiền tư, thích núi rừng.*

¹⁵⁹ Tắt-la 薩羅. Pāli: *sarā*, dòng nước; chi dòng luân hồi (*samsāra-sarā*). Bản Hán hiểu là tên sông.

¹⁶⁰ Đại chánh, kinh 602. Đùi nai. Pāli: S.1.20. Enijaṅgha. No 100(177).

¹⁶¹ Y-ni-da lộc bác 伊尼耶鹿捩, đùi nai, một tướng tốt của Phật. Đây chỉ Phật. Pāli: Enijaṅghā.

*Nay con kính cúi đầu,
Xin hỏi Đức Cù-đàm;
Làm sao lìa khỏi khổ?
Làm sao giải thoát khổ?
Nay con hỏi giải thoát,
Nơi đâu mà dirt sạch?*

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ đáp:

*Năm dục của thế gian,
Tâm pháp là thứ sáu;
Nơi dục ấy không dục,
Giải thoát tất cả khổ.
Như thế ra khỏi khổ,
Như thế giải thoát khổ;
Ông hỏi về giải thoát,
Chính nơi kia diệt tận.*

Thiên tử kia lại nói kệ:

*Đã lâu mới được thấy
Bà-la-môn niết-bàn;
Vượt qua mọi sợ hãi,
Vĩnh siêu ân ái đời.*

Thiên tử này sau khi nghe Phật dạy xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

KINH 1180. CHƯ' LƯU¹⁶²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, cuối đêm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ Thiên tử ấy nói kệ hỏi Phật:

*Làm sao qua các dòng,¹⁶³
Làm sao qua biển lớn;
Làm sao trừ được khổ,
Làm sao được thanh tịnh?*

¹⁶² Đại chánh, kinh 603. S. 10. 12 Ālavaka.

¹⁶³ Chư lưu. Pāli: oghā, bộc lưu, dòng thác.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Tín tâm vượt các dòng,
Không buông lung qua biển;
Tinh tấn hay trừ khổ,
Trí tuệ được thanh tịnh.
Thiên tử lại nói kệ:
Đã lâu mới được thấy
Bà-la-môn niết-bàn;
Vượt qua mọi sợ hãi,
Vĩnh siêu ân ái đời.*

Thiên tử này sau khi nghe Phật dạy xong, tùy hỷ hoan hỷ, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật rồi biến mất.¹⁶⁴

KINH 1181. SỬ LƯU¹⁶⁵

[348b7] Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử này bạch Phật:

“Thế Tôn, Tỳ-kheo¹⁶⁶, Tỳ-kheo vượt qua dòng xiết chẳng?”

“Thiên tử! Đúng vậy.”

Thiên tử lại hỏi:

“Không chỗ vin duyên, cũng không chỗ trụ, mà vượt qua dòng xiết chẳng?”

Phật bảo:

“Thiên tử! Đúng vậy.”

Thiên tử lại hỏi:

¹⁶⁴ Bản Hán, hết quyển 22.

¹⁶⁵ Đại Chánh, quyển 48, kinh 1267-1293. Ấn Thuận, “Tụng 5; 25. Tương ưng chư Thiên (tiếp theo Đại Chánh quyển 22, kinh 603).” Đại Chánh kinh 1267, tương đương Pāli, S. 1. 1. Ogha. Cf. No 100(180).

¹⁶⁶ Thiên thần này gọi Phật là “Tỳ-kheo”. Bản Hán dư từ Thế Tôn. Pāli: *katham nu tvam, mārisa, oghamatarī?* “Thưa Tôn giả, Ngài làm thế nào vượt qua dòng thác?”

“Không chỗ vin duyên, cũng không chỗ trụ mà vượt qua dòng xiết, ý nghĩa ấy thế nào?”

Phật bảo:

“Này Thiên tử, Ta ôm chặt như vậy, như vậy, tiến thẳng như vậy, như vậy; không bị nước cuốn trôi. Không ôm chặt như vậy, như vậy, không tiến thẳng như vậy, như vậy, thì bị nước cuốn trôi.¹⁶⁷ Thiên tử, như vậy gọi là không chỗ vin duyên, cũng không chỗ trụ mà vượt qua dòng xiết.”

Khi ấy Thiên tử kia nói kệ:

*Đã lâu mới được thấy
Bà-la-môn niết-bàn;
Vượt qua mọi sợ hãi,
Vĩnh siêu ân ái đời.*

Thiên tử kia nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ chân Phật, rồi biến mất.

KINH 1182. GIẢI THOÁT¹⁶⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia bạch Phật:

“Này Tỳ-kheo, biết sự quyết định giải thoát, giải thoát rộng, giải thoát cực rộng¹⁶⁹ của tất cả chúng sanh bị đắm trước, bị tập khởi chằng?”

¹⁶⁷ Pāli: *appatiṭṭhaṃ khvāhaṃ, āvuso, ayūhaṃ oghamataran'ti*, “Ta không đình trú, không thẳng tiến (không cầu), mà vượt qua dòng thác.”

¹⁶⁸ Đại chánh, kinh 1268. Pāli, S.1. 2. Nimokkha. No 100(179).

¹⁶⁹ Pāli: *sattānaṃ nimokkhaṃ pamokkhaṃ vivekaṃ*, “(Biết) sự giải thoát, thẳng giải thoát, viễn ly. Sớ giải, SA. 1.21: *nimokkhanti ādīni maggādināṃ nāmāni; maggena hi sattā kilesabandhanato nimuccati, tasmā maggo sattānaṃ nimokkhoti vutto. phalakkhaṇe pana te kilesabandhanato pamuttā, tasmā phalaṃ sattānaṃ pamokkhoti vuttaṃ; nibbānaṃ patvā sattānaṃ sabbadukkaṃ viviccati, tasmā nibbānaṃ viveko ti vuttaṃ*, “Giải thoát (*nimokkha*, Hán: quyết định giải thoát) là tên gọi đầu tiên của sơ Thánh đạo. Bằng Thánh đạo, các chúng sanh giải thoát khỏi

Phật bảo Thiên tử:

“Ta tất biết sự quyết định giải thoát, giải thoát rộng, giải thoát cực rộng của tất cả chúng sanh bị đấm trước, bị tập khởi.”

Thiên tử bạch Phật:

[348c] “Tỳ-kheo, làm thế nào để biết sự quyết định giải thoát, giải thoát rộng, giải thoát cực rộng của tất cả chúng sanh bị đấm trước, bị tập khởi?”

Phật bảo Thiên tử:

“Ái, hỷ diệt tận, tâm Ta giải thoát. Do tâm đã giải thoát nên biết sự quyết định giải thoát, giải thoát rộng, giải thoát cực rộng của tất cả chúng sanh bị đấm trước, bị tập khởi.”

Khi ấy Thiên tử kia nói kệ:

*Đã lâu mới được thấy
Bà-la-môn niết-bàn;
Vượt qua mọi sợ hãi,
Vĩnh siêu ân ái đời.*

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

KINH 1183. CHIÊN-ĐÀN¹⁷⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử ấy bạch Phật:

*Ai vượt các dòng thác,
Ngày đêm siêng tinh tấn;
Không vin cũng không trụ,
Nhiễm gì mà không dính?¹⁷¹*

sự trói buộc của phiền não; do đó, Thánh đạo được nói là sự giải thoát của chúng sanh. Trong sát-na đắc quả, chúng hoàn toàn giải thoát khỏi các trói buộc của phiền não; do đó, quả chúng là thắng giải thoát của chúng sanh. Sau khi đạt đến Niết-bàn, chúng sanh xa lìa tất cả khổ, do đó, Niết-bàn là sự viễn ly của chúng sanh.”

¹⁷⁰ Đại chánh, kinh 1269. Pāli, S. 2. 15. Candana; No 00(178).

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Tất cả giới đầy đủ,
Trí tuệ, khéo chánh thọ;¹⁷²
Trong tư duy, buộc niệm,
Qua nạn, vượt các dòng.
Nơi dục tưởng không ham,
Nơi sắc kết vượt qua;
Không bám cũng không trụ,
Nơi nhiễm cũng không dính.¹⁷³*

Khi ấy Thiên tử lại nói kệ:

*Đã lâu mới được thấy
Bà-la-môn niết-bàn;
Vượt qua mọi sợ hãi,
Vĩnh siêu ân ái đời.*

Thiên tử kia sau khi nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

KINH 1184. CÂU-CA-NI (1)¹⁷⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Câu-ca-ni là con gái của Quang minh thiên¹⁷⁵, dung sắc tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, đánh lễ chân Phật, ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp Sơn cốc.

Lúc ấy, Thiên nữ Câu-ca-ni nói kệ:

*Tâm kia không tạo ác,
Và thân, miệng; trong đời
[349a]Năm dục đều hư vọng.
Chánh trí, chánh buộc niệm.*

¹⁷¹ Pāli: *ko gambīre na sīdati?* Ai không chìm sâu?

¹⁷² Pāli: *paññavā susamāhito*, bằng trí tuệ mà khéo léo nhập định.

¹⁷³ Pāli: *nandīrāgaparikkhīṇo, gambīre na sīdati*, người đã diệt tận hỷ tham không bị chìm sâu

¹⁷⁴ Đại chánh, kinh 1270. Cf. No 100(269).

¹⁷⁵ Câu-ca-ni, Quang minh thiên nữ 拘迦尼, 光明天女. Đoạn sau, nói là Câu-ca-na-sa. No 100(269): Cầu-ca-ni-sa, Ba-thuần-đề nữ 求迦尼婆, 波純提女. Xem kinh Đại chánh 1273

*Không tập cận các khổ,
Cùng hòa hợp phi nghĩa.*

Phật bảo Thiên nữ:

“Đúng vậy! Đúng vậy!”

*Tâm kia không tạo ác,
Và thân, miệng; trong đời
Năm dục đều hư vọng.
Chánh trí, chánh buộc niệm.
Không tập cận các khổ,
Cùng hòa hợp phi nghĩa.*

Thiên nữ Câu-ca-ni nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

Bấy giờ, Thế Tôn, khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, vào giữa Tăng, trải tọa cụ ngồi trước đại chúng, bảo các Tỳ-kheo:

“Cuối đêm qua, có Thiên nữ Câu-ca-ni, dung sắc tuyệt diệu đến chỗ Ta, đánh lễ sát chân, ngồi lui qua một bên nói kệ:

*Tâm kia không tạo ác,
Và thân, miệng; trong đời
Năm dục đều hư vọng.
Chánh trí, chánh buộc niệm.
Không tập cận các khổ,
Cùng hòa hợp phi nghĩa.*

“Ta liền đáp: ‘Đúng vậy! Đúng vậy!’

*Tâm kia không tạo ác,
Và thân, miệng; trong đời
Năm dục đều hư vọng.
Chánh trí, chánh buộc niệm.
Không tập cận các khổ,
Cùng hòa hợp phi nghĩa.*

“Khi nói những lời này, Thiên nữ Câu-ca-ni nghe những gì Ta nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ sát chân Ta, liền biến mất.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1185. CÂU-CA-NI (2)¹⁷⁶[14]

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tinh xá Sơn cốc, thành Vương xá. Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói với các Tỳ-kheo:

“Nay tôi sẽ nói kinh bốn cú pháp, hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, tôi sẽ vì các thầy mà nói. Thế nào là kinh bốn cú pháp?”

Bấy giờ, Tôn giả A-nan liền nói kệ:

*Tâm kia không tạo ác,
Và thân, miệng; trong đời
Năm dục đều hư vọng.
Chánh trí, chánh buộc niệm.
Không tập cận các khổ,
Cùng hòa hợp phi nghĩa.*

[394b]“Này các Tỳ-kheo, đó gọi là kinh Tứ cú pháp.”

Khi ấy, cách Tôn giả A-nan không xa, có một Bà-la-môn đang dạy các Bà-la-môn thiếu niên đọc tụng kinh. Bấy giờ, Bà-la-môn kia tự nghĩ: ‘Bài kệ mà Sa-môn A-nan đã nói, đối với kinh mà ta đã nói, thì đó là phi nhân¹⁷⁷ nói.’ Bà-la-môn kia liền đến chỗ Phật, sau khi chào hỏi, ủy lạo Thế Tôn xong, ông ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, Sa-môn A-nan đã nói kệ rằng:

*Tâm kia không tạo ác,
Và thân, miệng, trong đời.
Năm dục đều hư vọng.
Chánh trí, chánh buộc niệm.
Không tập cận các khổ,
Cùng hòa hợp phi nghĩa.*

“Những điều được nói như vậy, thật sự đó là lời của phi nhân, không phải của người.”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Bà-la-môn, đó là phi nhân nói không phải người nói.

¹⁷⁶ Đại chánh, 1271. Xem kinh Đại chánh 1270.

¹⁷⁷ Phi nhân, đây chỉ chư Thiên.

“Bấy giờ, có Thiên nữ Câu-ca-ni đến chỗ Ta, đánh lễ sát chân Ta, ngồi lui qua một bên, nói kệ rằng:

*Tâm kia không tạo ác,
Và thân, miệng; trong đời
Năm dục đều hư vọng.
Chánh trí, chánh buộc niệm.
Không tập cận các khổ,
Cùng hòa hợp phi nghĩa.*

“Ta liền trả lời:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Như Thiên nữ đã nói:

*Tâm kia không tạo ác,
Và thân, miệng; trong đời
Năm dục đều hư vọng.
Chánh trí, chánh buộc niệm.
Không tập cận các khổ,
Cùng hòa hợp phi nghĩa.*

“Cho nên Bà-la-môn, nên biết, những điều trong bài kệ này nói là do phi nhân nói, không phải người nói.”

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn kia nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ sát chân Phật, ra về.

KINH 1186. CÂU-CA-NI (3)¹⁷⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tinh xá Sơn cốc, thành Vương xá. Bấy giờ, có Thiên nữ Câu-ca-na-sa¹⁷⁹ là con gái của Quang minh thiên,¹⁸⁰ phát ra ánh chớp lớn sáng rực, quy Phật, quy Pháp, quy Tỳ-kheo Tăng, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ra ánh sáng chiếu khắp Sơn cốc, ở trước Phật, cô liền nói kệ:

*Tâm kia không tạo ác,
Và thân, miệng; trong đời
[394c]Năm dục đều hư vọng,*

¹⁷⁸ Đại chánh, kinh 1273. Pāli, S. 1. 40. Pajjunadhīta (2) (Vân thiên Công chúa); No 100(271).

¹⁷⁹ Câu-ca-na-sa 拘迦那娑. No 100(271): Câu-ca-ni-sa 求迦尼娑. Pāli: Kokanadā.

¹⁸⁰ Quang minh thiên nữ 光明天女. No 10(271): Ba-thuần-đề nữ 波純提女. Pāli: Pajjunnassa dhīā.

*Chánh trí, chánh buộc niệm.
Không tập cận các khổ,
Cùng hòa hợp phi nghĩa.*

Bấy giờ Thế Tôn bảo Thiên nữ:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Như những gì người đã nói:

*Tâm kia không tạo ác,
Và thân, miệng; trong đời
Năm dục đều hư vọng,
Chánh trí, chánh buộc niệm.
Không tập cận các khổ,
Cùng hòa hợp phi nghĩa.”*

Bấy giờ, Thiên nữ Câu-ca-na-sa nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hý, đánh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

Khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, Thế Tôn vào giữa Tăng, trải tọa cụ ngồi trước đại chúng, bảo các Tỳ-kheo:

“Cuối đêm qua, Thiên nữ Câu-ca-na-sa là con gái của Quang minh thiên, đến chỗ Ta, cúi đầu đánh lễ sát chân Ta, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

*Tâm kia không tạo ác,
Và thân, miệng; trong đời
Năm dục đều hư vọng,
Chánh trí, chánh buộc niệm.
Không tập cận các khổ,
Cùng hòa hợp phi nghĩa.*

“Lúc ấy, Ta liền đáp:

“Đúng vậy Thiên nữ! Đúng vậy Thiên nữ! Như những gì người đã nói:

*Tâm kia không tạo ác,
Và thân, miệng; trong đời
Năm dục đều hư vọng,
Chánh trí, chánh buộc niệm.
Không tập cận các khổ,
Cùng hòa hợp phi nghĩa.
Thiên nữ Câu-ca-na,
Ánh chớp sáng rực rỡ;
Kính lễ Phật, Pháp, Tăng,
Nói kệ nghĩa lợi ích.”*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1187. CÂU-CA-NI (4)¹⁸¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tinh xá Sơn cốc, tại thành Vương xá. Bảy giờ, có Câu-ca-na-sa là con gái của Quang minh thiên¹⁸², phóng ra điện chớp, ánh sáng chói lọi, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân kia tỏa ra ánh sáng chiếu khắp Sơn cốc, ở trước Phật, liền nói kệ:

*Con có thể diễn rộng,
Chánh pháp luật Như Lai;
Nhưng nay chỉ nói lược,
Đủ để tỏ lòng con.*

[350a] *Tâm kia không tạo ác,
Và thân, miệng; trong đời
Năm dục đều hư vọng,
Chánh trí, chánh buộc niệm.
Không tập cận các khổ,
Cùng hòa hợp phi nghĩa.*

Thế Tôn bảo Thiên nữ:

“Đúng vậy Thiên nữ! Đúng vậy Thiên nữ! Như lời người đã nói:

*Tâm kia không tạo ác,
Và thân, miệng; trong đời
Năm dục đều hư vọng,
Chánh trí, chánh buộc niệm.
Không tập cận các khổ,
Cùng hòa hợp phi nghĩa.*

Thiên nữ Câu-ca-na-sa nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ, liền biến mất.

¹⁸¹ Đại chánh, kinh 1273. Pāli, S. 1. 40. Pajjunadhīta (2) (Vân thiên Công chúa); No 100(271).

¹⁸² Câu-ca-na-sa thiên nữ, Quang minh chi thiên nữ 拘迦那娑天女, 光明之天女. Pāli: Kokanadā Pajjunassa dhīta, Kokanadā, con gái của Pajjuna (Hồng Liên, hay Vân Thiên công chúa). Pajjuna, thần mưa; có hai người con gái: Kokanadā và Cūla-Kokanadā.

Qua sáng sớm hôm sau, bảy giờ Thế Tôn vào trước Tăng chúng, trải tọa cụ ngồi giữa đại chúng, bảo các Tỳ-kheo:

“Cuối đêm qua, Thiên nữ Câu-ca-na-sa lại đến chỗ Ta, cung kính làm lễ, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

*Con có thể diễn rộng,
Chánh pháp luật Như Lai;
Nhưng nay chỉ nói lược,
Đủ để tỏ lòng con.
Tâm kia không tạo ác,
Và thân, miệng; trong đời
Năm dục đều hư vọng,
Chánh trí, chánh buộc niệm.
Không tập cận các khổ,
Cùng hòa hợp phi nghĩa.*

“Lúc ấy, Ta trả lời:

“Đúng vậy Thiên nữ! Đúng vậy Thiên nữ! Như lời người đã nói:

*Tâm kia không tạo ác,
Và thân, miệng; trong đời
Năm dục đều hư vọng,
Chánh trí, chánh buộc niệm.
Không tập cận các khổ,
Cùng hòa hợp phi nghĩa.*

“Thiên nữ kia nghe những gì Ta nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ sát chân Ta, liền biến mất.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1188. CÂU-CA-NI (5)¹⁸³ [18]

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở bên ao Di-hầu, trong giảng đường Trùng các, nước Tỳ-xá-ly. Bảy giờ, có Thiên nữ Câu-ca-na-sa, Thiên nữ Châu-lô-đà¹⁸⁴ dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ

¹⁸³ Đại chánh, kinh 1274. Pāli, S. 1. 39. Pajjuna-dhītā(1). No 100(272).

¹⁸⁴ Châu-lô-đà 朱盧陀. Pāli: Cūḷa-Kokanadā (Tiểu Hồng Liên), em gái của Kokanadā; xem kinh Đại chánh 1273.

chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ra ánh sáng chiếu khắp cạnh bờ ao Di-hầu. [350b] Thiên nữ Châu-lô-đà nói kệ bạch Phật:

*Đại Sư Đấng Chánh Giác,
Ở nước Tì-xá-li.
Câu-ca-na, Châu-lô,
Xin cung kính đánh lễ.
Xưa con chưa từng nghe,
Chánh pháp luật Mâu-ni;
Nay đích thân được gặp,
Hiện tiền nói chánh pháp.
Nếu đối pháp luật Thánh,
Ác tuệ sanh chán ghét,
Ắt sẽ rơi đường ác,
Chịu các khổ lâu dài.
Nếu đối pháp luật Thánh,
Chánh niệm đủ luật nghi,
Người kia sanh lên Trời,
Được an vui lâu dài.*

Thiên nữ Câu-ca-na-sa lại nói kệ:

*Tâm kia không tạo ác,
Và thân, miệng; trong đời
Năm dục đều hư vọng,
Chánh trí, chánh buộc niệm.
Không tập cận các khổ,
Cùng hòa hợp phi nghĩa.*

Thế Tôn bảo Thiên nữ:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Như những gì các người đã nói:

*Tâm kia không tạo ác,
Và thân, miệng; trong đời
Năm dục đều hư vọng,
Chánh trí, chánh buộc niệm.
Không tập cận các khổ,
Cùng hòa hợp phi nghĩa.*

Các Thiên nữ kia nghe những gì Phật dạy hoan hỷ, tùy hỷ, rồi biến mất.

Qua sáng sớm hôm sau, bấy giờ Thế Tôn vào trong Tăng chúng, trải tọa cụ mà ngồi, bảo các Tỳ-kheo:

“Cuối đêm qua có hai Thiên nữ nhan sắc tuyệt vời, đến chỗ Ta, vì Ta làm lễ, ngồi lui qua một bên, Thiên nữ Châu-lô-đà nói kệ:

*Đại Sư Đẳng Chánh Giác,
Ở nước Tì-xá-li;
Con Câu-ca-na-sa,
Và cùng Châu-lô-đà;
Hai Thiên nữ chúng con,
Đánh lễ sát chân Phật.
Xưa con chưa từng nghe,
Chánh pháp luật Mâu-ni;
Nay mới thấy Chánh giác,
Diễn nói pháp vi diệu.
Nếu đối pháp luật Thánh,
Chán ghét trụ ác tuệ;
Ắt rơi vào đường ác,
Chịu khổ lớn lâu dài.
Nếu đối pháp luật Thánh,
Chánh niệm đủ luật nghi;
[350c]Sanh lên Trời, đường lành,
Được an vui lâu dài.*

Thiên nữ Câu-ca-na-sa lại nói kệ:

*Tâm kia không tạo ác,
Và thân, miệng; trong đời
Năm dục đều hư vọng,
Chánh trí, chánh buộc niệm.
Không tập cận các khổ,
Cùng hòa hợp phi nghĩa.*

Lúc ấy, Ta đáp:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Như những gì người đã nói:

*Tâm kia không tạo ác,
Và thân, miệng; trong đời
Năm dục đều hư vọng,
Chánh trí, chánh buộc niệm.
Không tập cận các khổ,
Cùng hòa hợp phi nghĩa.”*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, phụng hành.

KINH 1189. XÚC¹⁸⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Lúc đó, Thiên tử kia nói kệ:

*Không xúc, không báo xúc*¹⁸⁶,
Có xúc, có báo xúc.
Do vì xúc, báo xúc,
*Không sân, không rời sân.*¹⁸⁷

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Đừng với người không sân,
Chống lại bằng sân hận.
Bậc Chánh sĩ thanh tịnh,
Lìa các phiền não kết,
Với họ khởi tâm ác,
Tâm ác trở lại mình.
Như nghịch gió tung bụi,
*Bụi kia lại dính mình.*¹⁸⁸

Thiên tử kia lại nói kệ:

Đã lâu mới được thấy
Bà-la-môn niết-bàn;

¹⁸⁵ Đại chánh, kinh 1275. S. 1. 22. Phussati; No 100(273).

¹⁸⁶ Pāli: *nāphusataṃ na phussati*, cái phi xúc không xúc. Sớ giải, SA. 1. 48: *kammaṃ aphasantaṃ, vipako na phusati*, nghiệp là phi xúc; dị thực, nó không xúc.

¹⁸⁷ Pāli: *tasmā phusantaṃ phusati, appaduṭṭhapadosinan ti*, vì vậy cái xúc chạm nó xúc chạm người nào gây sự tà ác cho người vô tội. Bản Hán hiệu *padosin* là sự sân hận thay vì là người gây sự tà ác

¹⁸⁸ Xem Pháp cú 125, Pāli: *yo appaduṭṭhassa narassa dussati, suddhassa posassa anaṅgaṇassa, tam eva bālaṃ pacceti pāpaṃ; sukkhuma rajo paṭivātaṃvā khitto*. “Ai gây ác cho người vô tội, người thanh tịnh, không tí vết, ác báo rơi trở lại chính kẻ ngu ấy, như ngược gió tung bụi.”

*Vượt qua mọi sợ hãi,
Vĩnh siêu ân ái đời.*

Thiên tử kia nghe những gì Phật đã nói, hoan hỷ, tùy hỷ cúi đầu lễ sát chân Phật, liền biến mất.

KINH 1190. AN LẠC¹⁸⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Lúc đó, Thiên tử ấy nói kệ:

[351a] *Việc làm người ngu si,
Không hợp với trí tuệ;
Việc ác do mình làm,
Là bạn ác của mình.
Tạo ra nhiều ác hành,
Cuối cùng chịu báo khổ.*

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ đáp:

*Đã tạo nghiệp bất thiện,
Cuối cùng chịu khổ ão;
Tạo nghiệp tuy hoan hỷ,
Thọ báo thì kêu khóc.
Người tạo các nghiệp thiện,
Cuối cùng không khổ ão;
Khi tạo nghiệp hoan hỷ,
Khi thọ báo an vui.*

Khi ấy, Thiên tử kia lại nói kệ:

*Đã lâu mới được thấy
Bà-la-môn niết-bàn;
Vượt qua mọi sợ hãi,
Vĩnh siêu ân ái đời.*

Thiên tử kia nghe những gì Phật đã nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

¹⁸⁹ Đại chánh, kinh 1576. S.2. 22. Khema. No 100(274).

KINH 1191. HIỀM TRÁCH¹⁹⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Lúc đó, Thiên tử kia nói kệ:

*Không thể chỉ nói suông,
Cũng không một mực nghe,
Mà đạt được đạo tịch,
Kiên cố thẳng vượt qua.
Tư duy khéo tịch diệt,
Giải thoát các ma phược.
Làm được mới đáng nói;
Không được, không nên nói.
Người không làm mà nói,
Thì người trí biết sai.
Không làm điều nên làm;
Không làm mà nói làm,
Là đồng với giặc quấy.*

Bấy giờ Thế Tôn bảo Thiên tử:

“Nay ông có điều gì hiềm trách chăng?”¹⁹¹

Thiên tử bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con hối lỗi. Bạch Thiện Thệ, con hối lỗi.”

Bấy giờ, Thế Tôn mỉm cười vui vẻ. Lúc ấy, Thiên tử kia lại nói kệ:

*Nay con xin hối lỗi,
Thế Tôn không nạp thọ;
Trong lòng ôm tâm ác,
Oán hờn mà không bỏ.*

[351b] Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Chỉ nói lời hối lỗi,

¹⁹⁰ Đại chánh, kinh 1577. S. 1. 35. Ujjhānasaññino; No 00(275).

¹⁹¹ Sớ giải của Pāli, SA. 1. 64, các Thiên thần này bất bình về sự thọ dụng bốn duyên của Phật: Phật ca ngợi người sống với y phấn tảo, ngủ dưới gốc cây..., nhưng chính Ngài lại khoác y thượng hạng, sống tại trú xứ như cung điện vua.

*Trong tâm kia không dùng;
Làm sao dứt được oán,
Mà gọi là tu thiện?*

Lúc ấy, Thiên tử kia lại nói kệ:

*Ai không có lỗi kia?
Người nào không có tội?
Ai lại không ngu si?
Ai thường hay kiên cố?*

Thiên tử kia lại nói kệ tiếp:

*Đã lâu mới được thấy
Bà-la-môn niết-bàn;
Vượt qua mọi sợ hãi,
Vĩnh siêu ân ái đời.*

Thiên tử kia nghe những gì Phật đã nói, hoan hỷ, tùy hỷ cúi đầu lễ sát chân Phật, liền biến mất.

KINH 1192. CÙ-CA-LÊ¹⁹²[27]

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Tỳ-kheo Cù-ca-lê¹⁹³ là bè đảng Đề-bà-đạt-đa, đi đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo Cù-ca-lê:

“Này Cù-ca-lê, vì sao đối với phạm hạnh thanh tịnh của Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, ngươi khởi tâm không thanh tịnh, để sẽ phải chịu khổ não lâu dài, không lợi ích.”

Tỳ-kheo Cù-ca-lê bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nay con tin lời Thế Tôn, những điều đó là đúng. Nhưng tâm Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên có ác dục.”

Nói như vậy lần thứ hai, lần thứ ba. Tỳ-kheo Cù-ca-lê thuộc bè đảng Đề-bà-đạt-đa ở chỗ Thế Tôn, trong khi nói lại lần thứ ba, chống đối, không nhận chịu, liền từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi. Sau khi đứng dậy bỏ đi, khắp người ông nổi đầy mụn nhọt giống như trái lật, dần dần to lên như trái đào. Khi ấy Tỳ-kheo Cù-ca-lê đau đớn thống khổ, miệng

¹⁹² Đại chánh, kinh 1278. Sn.3. 10. Kokāliya; No 100(276).

¹⁹³ Cù-ca-lê 瞿迦梨. Pāli: Kokāliya.

kêu lên: ‘Nóng quá! Nóng quá!’ Máu mủ chảy ra, thân hoại mạng chung, sanh vào địa ngục lớn Bát-đàm-ma¹⁹⁴.

Bấy giờ, có ba vị Thiên tử dung mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên. Lúc ấy, một Thiên tử bạch Phật:

“Tỳ-kheo Cù-ca-lê thuộc bè đảng Đề-bà-đạt-đa nay mạng chung.”

Thiên tử thứ hai thưa:

“Chư tôn nên biết, Tỳ-kheo Cù-ca-lê mạng chung rơi vào địa ngục.”

Thiên tử thứ ba liền nói kệ:

[351c] *Con người sanh ở đời,
Búa sanh từ trong miệng,
Trở lại chém thân mình,
Đó do lời nói ác.
Đáng chê lại khen ngợi;
Đáng khen ngợi lại chê.
Tội này sanh nơi miệng,
Chết rơi vào đường ác.
Cờ bạc mất hết của,
Phải quấy là lỗi lớn;
Hủy Phật cùng Thanh văn,
Thì đó là tội lớn.*

Ba vị Thiên tử kia nói kệ này rồi liền biến mất. Qua sáng sớm hôm sau, bấy giờ Thế Tôn đi vào trong Tăng, trải chỗ ngồi, ngồi trước đại chúng, bảo các Tỳ-kheo:

“Cuối đêm qua, có ba vị Thiên tử đến chỗ Ta, đánh lễ sát chân Ta, ngồi lui qua một bên. Thiên tử thứ nhất thưa Ta rằng:

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Cù-ca-lê thuộc bè đảng Đề-bà-đạt-đa nay mạng chung.

“Thiên tử thứ hai nói với chư Thiên khác rằng:

“Tỳ-kheo Cù-ca-lê mạng chung, rơi vào địa ngục.”

“Thiên tử thứ ba liền nói kệ:

*Con người sanh ở đời,
Búa sanh từ trong miệng,*

¹⁹⁴ Bát-đàm-ma 鉢曇摩 . Pāli: Paduma (sen dỏ) tên địa ngục.

*Trở lại chém thân mình,
Đó do lời nói ác.
Đáng chê lại khen ngợi,
Đáng khen ngợi lại chê.
Tội này sanh nơi miệng,
Chết rơi vào đường ác.*

“Sau khi nói kệ này rồi liền biến mất.

“Này các Tỳ-kheo, các ông có muốn nghe kỳ hạn thọ mạng của chúng sanh sanh vào địa ngục A-phù-đà¹⁹⁵ không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nay chính đúng lúc, cúi xin Thế Tôn vì đại chúng nói về kỳ hạn thọ mạng của chúng sanh trong địa ngục A-phù-đà. Các Tỳ-kheo nghe xong sẽ lãnh thọ phụng hành.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà giảng nói. Thí như tại nước Câu-tát-la bốn thặng là một a-la, bốn a-la là một độc-lung-na, mười sáu độc-lung-na là một xà-ma-na, mười sáu xà-ma-na là một ma-ni, hai mươi ma-ni là một khur-lê¹⁹⁶, hai mươi khur-lê là một kho hạt cải đầy trong đó¹⁹⁷. Giả sử, nếu có người, cứ một trăm năm lấy một hạt cải, như vậy cho đến khi hết sạch kho hạt cải đầy kia, thọ mạng của chúng sanh trong địa ngục A-phù-đà vẫn chưa hết. Thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi lần địa ngục A-phù-đà như vậy bằng một thọ mạng của chúng sanh trong địa ngục [352a] Ni-la-phù-đà¹⁹⁸. Thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi lần địa ngục Ni-la-phù-đà bằng thọ mạng của chúng sanh trong địa ngục A-tra-tra¹⁹⁹. Thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi địa ngục A-tra-tra bằng thọ mạng của chúng sanh trong một địa ngục A-ba-ba²⁰⁰. Thọ mạng của

¹⁹⁵ A-phù-đà 阿浮陀. Pāli: abbuda.

¹⁹⁶ Các đơn vị đo lường: A-la 阿羅; độc-lung-na 獨籠那; xà-ma-na 閻摩那; ma-ni 摩尼; khur-lê 佉梨. Pāli: khārika. Số giải, 4 *patthā* = 1 *āḷhaka*; 4 *āḷhaka* = 1 *doṇa*; 4 *doṇa* = 1 *māṇika*; 4 *māṇika* = 1 *khāri*.

¹⁹⁷ Pāli: 20 *khārika* = 1 xe hạt cải (*tilavāha*).

¹⁹⁸ Ni-la-phù-đà 尼羅浮陀. Pāli: Nirabbuda.

¹⁹⁹ A-tra-tra 阿吒吒. Pāli: Aṭṭa.

²⁰⁰ A-ba-ba 阿波波. Pāli: Ababa.

chúng sanh trong hai mươi địa ngục A-ba-ba bằng thọ mạng của chúng sanh trong một địa ngục A-huru-huru²⁰¹. Thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi địa ngục A-huru-huru bằng thọ mạng của chúng sanh trong một địa ngục Ưu-bát-la²⁰². Thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi địa ngục Ưu-bát-la bằng thọ mạng của chúng sanh trong một địa ngục Bát-đàm-ma. Thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi địa ngục Bát-đàm-ma bằng thọ mạng của chúng sanh trong một địa ngục Ma-ha Bát-đàm-ma.

“Này Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Cù-ca-lê mạng chung rơi vào địa ngục Ma-ha Bát-đàm-ma, vì Tỳ-kheo này đối với Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên sanh ác tâm phi báng. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy học như vậy: Ở nơi chỗ tim đèn, mỗi lửa đang cháy kia còn không muốn hủy hoại, huống là hủy hoại chúng sanh có thức.”

Phật bảo các Tỳ-kheo: “Hãy học như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1193. BẠI VONG²⁰³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

Thoái lạc, bị đánh bại

Làm sao mà biết được?

Cúi xin Thế Tôn nói,

Cửa bại vong thế nào?

Thế Tôn nói kệ đáp:

Chỗ thắng dễ biết được,

Chỗ bại biết cũng dễ;

²⁰¹ A-huru-huru 阿休休. Pāli: Ahaha.

²⁰² Ưu-bát-la 優鉢羅. Pāli: Uppalaka.

²⁰³ Đại chánh, kinh 1279. Pāli, Sn.1.6. Parābhava. No 100(277)

*Pháp lạc chỗ thắng xứ,
Hủy pháp là bại vong.
Ưu thích tri thức ác,
Không ưa tri thức thiện;
Sanh oán với bạn lành,
Đó gọi cửa bại vong.
Ưu thích người bất thiện,
Người thiện lại ganh ghét;
Muốn ác, không muốn thiện,
Đó gọi cửa bại vong.
Đấu, cân, lừa dối người,
Đó gọi cửa bại vong.
Đam mê rượu, cờ bạc,
Chơi bời mê nữ sắc;
Tiêu tan hết của cải,
Đó gọi cửa bại vong.
Người nữ không tự giữ,
Bỏ chồng theo người khác;
Người nam tính phóng đảng,
Bỏ vợ theo ngoại sắc.
Những gia đình như vậy,
Đều đọa cửa bại vong.
Vợ già lấy chồng trẻ,
Tâm thương hay ghen ghét;
Ghen ghét nằm không yên,
Đó gọi cửa bại vong.
Chồng già lấy vợ trẻ,
Đọa bại vong cũng vậy.
Thường thích mê ngủ nghỉ,
Bạn bè cùng đi chơi.*

*Biếng lười, ưa sân hận,
Chúng rơi cửa bại vong.*

*Nhiều của kết bạn bè,
Ăn uống không điều độ;
Tiêu tan nhiều của cải,
Chúng rơi cửa bại vong.*

*Ít của nhiều tham dục,
Sanh vào nhà Sát-lị;
Thường mong làm vương giả,
Đó là cửa bại vong.*

*Cầu châu ngọc anh lạc,
Giày da, che tàn lọng;
Trang sức từ keo kiệt,
Đó là cửa bại vong.*

*Nhận thức ăn của người,
Keo kiệt tiếc của mình;
Không đáp ơn cho người,
Đó là cửa bại vong.*

*Sa-môn, Bà-la-môn,
Cung thỉnh vào nhà mình;
Keo lãn không cúng kịp,
Đó là cửa bại vong.*

*Sa-môn, Bà-la-môn,
Thứ lớp đi khát thực;
Quở trách không muốn cho,
Đó là cửa bại vong.*

*Cha mẹ nếu tuổi già,
Không tùy thời phụng dưỡng;
Có của mà không nuôi,
Đó là cửa bại vong.*

*Đối cha mẹ, anh em,
Đánh đuổi và mạ nhục;
Không tôn ti trật tự,
Đó là cửa bại vong.
Đối Phật và đệ tử,
Tại gia cùng xuất gia;
Hủy báng không cung kính,
Đó là cửa bại vong.
Thật chẳng A-la-hán,
Tự xưng A-la-hán;
Đó là giặc thế gian,
Roi vào cửa bại vong.
Đó, bại vong ở đời,
Ta thấy biết nên nói;
[352c]Giống như đường hiểm sợ,
Người trí phải lánh xa.*

Khi ấy Thiên tử kia lại nói kệ:

*Đã lâu mới được thấy
Bà-la-môn niết-bàn;
Vượt qua mọi sợ hãi,
Vĩnh siêu ân ái đời.*

Thiên tử kia sau khi nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

KINH 1194. ĐỒNG TỬ HỖ²⁰⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ:

²⁰⁴ Đại chánh, kinh 1980. Cf. No 100(278).

*Gì xuống cúi, cúi theo,
Gì cất cao, cất theo;
Thế nào trẻ nhỏ chơi,
Như trẻ ném đất nhau?*

Bây giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Ái xuống thì xuống theo,
Ái lên thì lên theo;
Ái đùa với kẻ ngu,
Như trẻ ném đất nhau.*

Bây giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

*Đã lâu mới được thấy
Bà-la-môn niết-bàn;
Vượt qua mọi sợ hãi,
Vĩnh siêu ân ái đời.*

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

KINH 1195. GIÀ Ý²⁰⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bây giờ, có một Thiên tử tướng mạo rất đẹp đẽ, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ:

*Khi nào quyết ngăn chặn,
Ý vọng tưởng không đến;
Khi người ngăn hoàn toàn,
Không còn bị bức bách.²⁰⁶*

Bây giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

²⁰⁵ Đại chánh, kinh 1281. S. 1. 24 Manonivāraṇā; No 100(279).

²⁰⁶ Pāli: *yato yato mano nivāraye, na dukkhameti nam tato tato*, nơi nào ý bị ngăn chặn, nơi ấy đau khổ không đến. No 100(279): Khi hoàn toàn ngăn chặn ý tầm tư, khi ấy không gây ra bụi sanh tử.

*Khi nào quyết ngăn chặn,
Ý vọng tưởng không đến;
Chẳng cần ngăn tất cả,
Chỉ ngăn nghiệp ác kia.²⁰⁷*

[353a] *Khi ngăn ác kia rồi,
Nó không thể bức bách.*

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

*Đã lâu mới được thấy
Bà-la-môn niết-bàn;
Vượt qua mọi sợ hãi,
Vĩnh siêu ân ái đời.*

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

KINH 1196. ĐẮC DANH XƯNG²⁰⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

*Làm sao được tiếng khen?
Làm sao được của nhiều?
Làm sao đức lan rộng?
Làm sao được bạn lành?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Trì giới được tiếng khen,
Bố thí được của nhiều;
Đức chân thật lan khắp,*

²⁰⁷ Pāli: *yato yato ca pāpakam, tato tato mano nivāraye*, nơi nào có sự ác, nơi đó ngăn chặn ý. No 100(279): không nên ngăn chặn hoàn toàn ý tâm tư; chỉ ngăn chặn ác tâm tư.

²⁰⁸ Đại chánh, kinh 1982. No 100(280).

Ân huệ được bạn lành.

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

*Đã lâu mới được thấy
Bà-la-môn niết-bàn;
Vượt qua mọi sợ hãi,
Vĩnh siêu ân ái đời.*

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

KINH 1197. CẦU TÀI²⁰⁹[43]

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

*Người tạo tác thế nào,
Trí tuệ để cầu tài;
Cùng giữ gìn tài sản,
Hoặc hơn, hoặc lại kém?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Bắt đầu học nghề khéo,
Tìm cách gom tài vật;
Được tài vật kia rồi,
Phải nên phân làm bốn.*

[353b] *Một phần tự thọ dụng,*

Hai phần cho kinh doanh;

Phần còn lại cất dấu,

Để phòng khi thiếu thốn.

Người kinh doanh sự nghiệp,

Làm ruộng hay buôn bán;

²⁰⁹ Đại chánh, 1983. D.31. Sīṅgāḷaka. Cf. No 26(135) Kinh Thiện Sanh), No 1(16) Kinh Thiện Sanh), No 100(281).

Chăn bò, dê thêm vốn;
Nhà cửa để kiếm lời,
Tạo phòng ốc giường nằm;
Sáu nhu yếu sinh hoạt,
Phương tiện tạo mọi thứ;
An lạc sống suốt đời.

Khéo tu nghiệp như vậy,
Trí tuệ dùng cầu tài;
Của báu theo đó sanh,
Như các sông về biển.

Tài sản nhiều như vậy,
Như ong gom vị ngọt;
Ngày đêm của tăng dân,
Như kiến dôn đồng mồi.

Không giao của người già,
Không gởi người biên cảnh;
Không tin người gian xảo,
Cùng những người keo kiệt.

Gần gũi người nên việc,
Xa lìa người hỏng việc;
Người thường làm nên việc,
Giống như lửa cháy bùng.

Bạn lành, người quý trọng,
Người cần mật, chân chất,
Đồng cảm như anh em,
Khéo đùm bọc lẫn nhau.

Ở trong vòng quyến thuộc,
Biểu hiện như trâu chúa;
Tùy chỗ cần mọi người,
Phân của cho ăn uống;

*Khi tuổi hết mạng chung,
Sanh về trời hưởng lạc.*

Lúc ấy, Thiên tử kia lại nói kệ:

*Đã lâu mới được thấy
Bà-la-môn niết-bàn;
Vượt qua mọi sợ hãi,
Vĩnh siêu ân ái đời.*

Thiên tử kia nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi biến mất.

KINH 1198. THÔ NGƯU²¹⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thời quá khứ ở Câu-tát-la có một người đánh đàn tên là Thô Ngưu²¹¹, du hành trong nhân gian tại nước Câu-tát-la, dừng nghỉ ở chỗ vắng. Bấy giờ, có sáu Thiên nữ từ cung trời rộng lớn, đến chỗ người đánh đàn Thô Ngưu nước Câu-tát-la, nói với người đánh đàn Thô Ngưu **[353c]** rằng: ‘Thưa Cậu, Cậu hãy vì chúng tôi đánh đàn, chúng tôi sẽ ca múa theo.’”

Người đánh đàn Thô Ngưu nói:

“Được vậy, các chị em! Tôi sẽ vì các chị em mà đánh đàn. Nhưng các chị em hãy nói với tôi, các chị là ai, ở đâu đến đây?”

Thiên nữ nói:

“Cậu cứ khảy đàn đi, chúng tôi sẽ ca múa. Ở trong những lời ca tụng, sẽ tự nói lên nhân duyên chúng tôi từ đâu đến đây.”

Người đánh đàn Thô Ngưu kia liền khảy đàn, còn sáu Thiên nữ kia liền ca múa theo.

Thiên nữ thứ nhất nói kệ ca rằng:

*Nếu người nam, người nữ,
Bồ thí y thắng diêu;
Do nhân duyên thí y,*

²¹⁰ Dạ chánh, kinh 1284. Jā. 243. Guttīla; No 100(282).

²¹¹ Thô Ngưu 羴牛. No 100(282): Câu-ngô-la 俱瑯羅. Pāli: Guttīla.

*Chỗ sanh được thù thắng.
Vật yêu thích đem cho,
Theo ý muốn sanh Thiên;
Nhìn cung điện tôi ở,
Nương hư không mà đi.
Thân trời như khối vàng,
Hơn trong trăm Thiên nữ;
Xem xét phước đức này,
Thứ nhất trong hội hương.*

Thiên nữ thứ hai lại nói kệ:

*Nếu người nam, người nữ,
Bồ thí hương thắng diệu;
Vật yêu mến vừa ý,
Theo ý muốn sanh Thiên.*

*Nhìn cung điện tôi ở,
Nương hư không mà đi;
Thân trời như khối vàng,
Hơn trong trăm Thiên nữ.
Xem xét phước đức này,
Thứ nhất trong hội hương.*

Thiên nữ thứ ba lại nói kệ:

*Nếu người nam, người nữ,
Đem thức ăn bồ thí;
Vật yêu mến vừa ý,
Theo ý muốn sanh Thiên.*

*Nhìn cung điện tôi ở,
Nương hư không mà đi;
Thân trời như khối vàng,
Hơn trong trăm Thiên nữ.
Xem xét phước đức này,
Thứ nhất trong hội hương.*

Thiên nữ thứ tư lại nói kệ:

*Nhớ lại những đời trước,
Từng làm tôi tớ người;
Không trộm, không tham ăn,
Siêng tu, không biếng nhác.
Vừa bụng tự điều thân,
Phân dư giúp người nghèo;*

*Nhìn cung điện tôi ở,
Nương hư không mà đi.*

[354a] *Thân trời như khối vàng,
Hơn trong trăm Thiên nữ;
Xem xét phước đức này,
Là nhất trong cúng dường.*

Thiên nữ thứ năm lại nói kệ:

*Nhớ lại những đời trước,
Từng làm vợ con người;
Bố mẹ chồng hung bạo,
Thường thêm lời thô thiển.
Vẫn giữ lễ làm dâu,
Khiêm tốn và vâng thuận;*

*Nhìn cung điện tôi ở,
Nương hư không mà đi;
Thân trời như khối vàng,
Hơn trong trăm Thiên nữ.
Xem xét phước đức này,
Thứ nhất trong cúng dường.*

Thiên nữ thứ sáu lại nói kệ:

*Xưa từng thấy nẻo đạo,
Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni;
Theo họ nghe chánh pháp,
Một đêm giữ trai giới.*

*Nhìn cung điện tôi ở,
Nương hư không mà đi;
Thân trời như khối vàng,
Hơn trong trăm Thiên nữ.
Xem xét phước đức này,
Thứ nhất trong hội hương.*

Bấy giờ, người đánh đàn Thô Ngu nước Câu-tát-la nói kệ:

*Nay tôi may đến đây,
Trong rừng Câu-tát-la;
Thấy được các Thiên nữ,
Thân trời thật tuyệt vời.
Đã thấy lại được nói,
Phải tu thêm thiện nghiệp;
Nay duyên tu công đức,
Cũng sẽ sanh lên trời.*

Nói những lời này xong, các Thiên nữ liền biến mất.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1199. HÀ PHÁP KHỞI²¹²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

*Pháp gì khởi nên diệt?
Sanh gì phải phòng hộ?²¹³
Pháp gì phải nên lìa?*

²¹² Đại chánh, kinh 1285. S. 1.71. Chetvā; No .00(283)

²¹³ Pāli: *kimsu chetvā sukhaṃ seti, kimsu chetvā na socati*, sát hại trong cái gì để nằm ngủ an lạc? Sát hại trong cái gì để không ưu sầu? No 100(283): “Cái gì khởi lên thì phải diệt nó? Cái gì cần dừng cho sanh?” Xem kinh Đại chánh 1309.

Đẳng quán vui được gì?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

[354b] *Sân nhuế khởi, nên diệt,*

Tham sanh khởi phải phòng;

Vô minh, nên xa lìa,

Đẳng quán vui chân đế.²¹⁴

Dục sanh các phiền não,

Dục là gốc sanh khổ;

Người điều phục phiền não,

Thì điều phục các khổ.

Người điều phục các khổ,

Cũng điều phục phiền não.

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

Đã lâu mới được thấy

Bà-la-môn niết-bàn;

Vượt qua mọi sợ hãi,

Vĩnh siêu ân ái đời.

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

KINH 1200. PHI THẾ GIAN²¹⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

Nếu người hành phóng dật,

Lìa ác tuệ ngu si,

Thiền tư không phóng dật,

Có mau sạch các lậu?

²¹⁴ No 100(283): “Chứng diệt, lạc đệ nhất.”

²¹⁵ Đại chánh, kinh 1286. S. 1.34. Nasanti, 36. Saddhā; No 100(284)

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Các sự việc thế gian
Không phải đều thuộc dục;
Tâm pháp theo giác tướng,
Là dục của con người.²¹⁶
Mọi việc trong Thế gian,
Thường ở tại thế gian²¹⁷;
Trí tuệ tu thiền tư,
Ái dục điều phục hẳn.
Tín là bạn của người,
Không tín, không vượt qua;
Tín, danh xưng mình tăng,
Mạng chung được sanh Thiên.
Đối thân tướng hư không,²¹⁸
Danh sắc không bền chắc;
Người không đắm danh sắc,
Xa lìa đồng tích tụ.
Quán nghĩa chân thật này,
Như giải thoát, thương tưởng.²¹⁹
Do vì trí tuệ này,
Đòi khen ngợi cúng dường.
Đoạn trừ tướng đa tạp,*

²¹⁶ Pāli (S.i. 22): *na santi kāmā manujesu niccā, santīdha kamanīyāni yesu baddho*, các dục trong đời vốn không thường. Ai ở đó có ái lạc, kẻ đó bị trói buộc. No 100(284): “Bản tánh của dục là vô thường. Đoạn diệt nó thì ngộ đạo. Đắm dục sanh hệ phược, mãi mãi không giải thoát.”

²¹⁷ Pāli ibid.: *tiṭṭhanti citrāni tatheva loke*: Những vật đa dạng vẫn tồn tại như vậy trong đời

²¹⁸ No 100(284): “biết thân này là không, vô ngã.”

²¹⁹ No a00(284): “Do đó được giải thoát, nhưng cũng không thấy giải thoát hay không phải giải thoát; vì thương yêu mà làm lợi cho chúng sanh.”

*Thoát khỏi dòng sanh tử;
Vượt qua các dòng rôi,
Đó gọi là Tỳ-kheo.*

[354c] Bảy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:
*Đã lâu mới được thấy
Bà-la-môn niết-bàn;
Vượt qua mọi sợ hãi,
Vĩnh siêu ân ái đời.*

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

KINH 1201. ĐỒNG XÚ²²⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bảy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

*Cùng ở chung người nào,
Lại cùng ai cộng sự;
Biết pháp của những ai,
Là thù thắng không ác?*

Bảy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Cùng sống chung Chánh sĩ,
Cùng Chánh sĩ cộng sự;
Hiểu biết pháp Chánh sĩ,
Là thù thắng không ác.*

Bảy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

*Đã lâu mới được thấy
Bà-la-môn niết-bàn;
Vượt qua mọi sợ hãi,
Vĩnh siêu ân ái đời.*

²²⁰ Đại chánh, kinh 1287. S. 1. 31. Sabbi; No 100(285).

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

KINH 1202. XAN LÃN²²¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bảy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ:

*Keo kiệt sanh trong tâm,
Không thể hành bố thí.
Người minh trí cầu phước,
Mới thường hành bố thí.*

Bảy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Sợ hãi không hành thí,
Thường sợ nên không thí;
Sợ hãi nổi đói khát,
Keo kiệt từ sợ sanh.
Đời này cùng đời khác,
Thường si, sợ đói khát;
[355a] Chết thì không ai theo,
Cô độc không tư lương.
Người ít của, hay thí,
Nhiều của khó cũng xả;
Khó xả mà hay xả,
Thì đó là thí khó.
Người vô tri không biết,
Người trí biết khó biết;
Đúng pháp nuôi vợ con,
Của ít tịnh tâm thí.*

²²¹ Đại chánh, kinh 1288. S. 1.32. Macchari; No 100(286).

*Hội thí²²² trăm nghìn vật,
Phước lợi được từ đó,
So với thí pháp trước,
Không bằng phần mười sáu.
Đánh, trói, hại chúng sanh,
Tài vật được từ đó,
Bố thí an cõi nước,
Đó gọi thí có tội.
So với thí bình đẳng,
Cân lường nào sánh kịp;
Đúng pháp không làm trái,
Được tài vật đem cho;
Khó thí mà hành thí,
Đúng là Hiền thánh thí;
Chỗ trụ thường được phước,
Mạng chung sanh lên trời.*

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

*Đã lâu mới được thấy
Bà-la-môn niết-bàn;
Vượt qua mọi sợ hãi,
Vĩnh siêu ân ái đời.*

Mới thường hành bố thí. Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

KINH 1203. KIM THƯƠNG²²³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong thạch thất, chỗ của quỹ thần Kim-bà-la, nơi núi Kim-bà-la, tại thành Vương xá. Bấy giờ, Thế Tôn vừa bị cây thương vàng²²⁴ đâm chân chưa bao lâu, nên khi cử động thân thể còn

²²² Hán: da (tà) thành hội 耶盛會, đại hội hiến tế sinh vật; từ phiên âm, Pāli: *yañña*.

²²³ Đại chánh, kinh 1289. S. 1.38. Sakalika; No 100 (287).

²²⁴ Hán: Kim thương 金鎗 (槍). No 100(287): bị gai khur-đà-la 佉陀羅刺. Pāli: *sakalikā ya khato hoti*: bị mảnh vụn (dằm cây) đâm.

cảm thấy đau đớn; nhưng Ngài xả tâm chánh trí, chánh niệm, kham nhẫn tự an, không có tướng thoái thất. Khi ấy có tám vị Thiên tử sơn thần núi Kim-bà-la tại thành Vương xá. Ngài bị cây thương vàng đâm chân, cử động thấy đau, nhưng Ngài có thể xả tâm, chánh niệm, chánh trí, kham nhẫn tự an, không có tướng thoái thất. Chúng ta phải đến tán thán trước Ngài.’ Nghĩ rồi, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân, ngồi lui qua một bên.

Vị Thiên thần thứ nhất nói kệ tán thán:

*Sa-môn Cù-đàm,
Sư tử giữa người;
Thân gặp thống khổ,
Kham nhẫn tự an.
Chánh trí chánh niệm,
Không hề thoái thất.*

[355b] Thiên tử thứ hai lại tán thán:

*Bậc Đại sĩ Đại long,
Bậc Đại sĩ Nguru vương;
Đại sĩ phu dũng lược,
Đại sĩ phu ngựa hay.
Đại sĩ phu thượng thủ,
Đại sĩ phu thù thắng.*

Thiên tử thứ ba lại tán thán:

*Sa-môn Cù-đàm này,
Sĩ phu Phân-đà-lợi²²⁵;
Thân bị những thống khổ,
Mà vẫn hành tâm xả.
Trụ chánh trí, chánh niệm,
Kham nhẫn để tự an;
Mà không hề thoái thất.*

Thiên tử thứ tư lại tán thán:

²²⁵ Hoa sen trong loài người.

“Đôi với Sa-môn Cù-đàm, nếu có những gì sĩ phu Phân-đà-lợi nói, mà hiềm trái phản lại, thì nên biết những người đó sẽ bị khổ mãi mãi, không được lợi ích. Chỉ trừ người không biết chân thật.”

Thiên tử thứ năm lại nói kệ:

*Quán định, tam-muội kia,
Khéo trụ nơi chánh thọ;
Giải thoát lìa các trần,
Không hiện cũng không ẩn.
Tâm kia trụ an ổn,
Mà được tâm giải thoát.*

Thiên tử thứ sáu lại nói kệ:

*Dù trải năm trăm năm,
Tụng kinh Bà-la-môn;
Tinh cần tu khổ hạnh,
Không lìa trần giải thoát.
Thì là hàng thấp kém,
Không qua được bờ kia.*

Thiên tử thứ bảy lại nói kệ:

*Vì bị dục bức bách,
Trì giới là trói buộc;
Dù đồng mãnh khổ hạnh,
Trải qua một trăm năm.
Tâm kia không giải thoát,
Không lìa các trần cấu;
Thì là loại thấp kém,
Không qua đến bờ kia.*

Thiên tử thứ tám lại nói kệ:

*Tâm trụ dục kiêu mạn,
Không thể tự điều phục;
Không được định, tam-muội,
Chánh thọ của Mâu-ni.*

[355c] Một mình ở rừng núi,

Tâm kia thường phóng dật;

Với quân ma chết kia,

Không qua được bờ kia.

Sau khi tám Thiên tử sơn thân kia tán thán xong, đánh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

KINH 1204. TÌ-NỮU²²⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ:

Rộng không gì hơn đất,

Sâu không gì qua biển;

Cao không bằng Tu-di,

Đại sĩ không Tỳ-nữu²²⁷.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Rộng không gì hơn ái,

Sâu không gì qua bụng;

Cao không gì bằng kiêu,

Đại sĩ không hơn Phật.

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

Đã lâu mới được thấy

Bà-la-môn niết-bàn;

Vượt qua mọi sợ hãi,

Vĩnh siêu ân ái đời.

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

²²⁶ Đại chánh, kinh 1290. No 100(288)

²²⁷ Tức Thần Viṣṇu, không gì cao cả hơn. No 100(288): Trong các nam tử (=con người), không ai hơn Na-la-diên (Narayāna).

KINH 1205. HỎA BÁT THIÊU²²⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bảy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

*Vật gì lửa không thiêu?
Gì gió không thể thổi?
Nạn lửa thiêu đại địa,
Vật gì không chảy tan?
Vua ác và giặc cướp,
Cường đoạt tài vật người;
Người nam, người nữ nào,
Không bị họ tước đoạt?
Làm sao chứa trên bảo,
Cuối cùng không mất mát?*

Bảy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Phước, lửa không thể thiêu,
Phước, gió không thể thổi;
[356a] Thủy tai hại cõi đất,
Phước, nước không trôi.
Vua ác và giặc cướp,
Cường đoạt của báu người;
Nếu người nam, người nữ,
Có phước không bị cướp.
Kho báu, bảo phước lạc,
Cuối cùng không bị mất.*

Bảy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

Đã lâu mới được thấy

²²⁸ Đại chánh, kinh 1291. No 100 (289).

*Bà-la-môn niết-bàn;
Vượt qua mọi sợ hãi,
Vĩnh siêu ân ái đời.*

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

KINH 1206. TRÌ TƯ LƯƠNG²²⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

*Ai sẽ giữ lương thực?
Vật gì giặc không cướp?
Kẻ nào cướp thì ngăn,
Người nào cướp không ngăn?
Người nào thường đi đến,
Người trí tuệ hỷ lạc?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Người tín giữ tư lương,
Phước đức giặc không cướp.
Giặc cướp đoạt thì ngăn,
Sa-môn đoạt hoan hỷ.
Sa-môn thường đi đến,
Người trí tuệ mừng vui.*

Bấy giờ Thiên tử kia lại nói kệ:

*Đã lâu mới được thấy
Bà-la-môn niết-bàn;
Vượt qua mọi sợ hãi,
Vĩnh siêu ân ái đời.*

²²⁹ Đại chánh, kinh 192. No 100 (290).

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

KINH 1207.²³⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

Tất cả tướng ngã che,

Biết tất cả thế gian;

[356b]*An úy, vui tất cả,*

Cúi xin Thế Tôn nói.

Thế nào là thế gian,

Những gì khó được nhất?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Làm chủ mà nhẫn nhục,

Không của, mà muốn thí;

Gặp khó mà hành pháp,

Phú quý tu viễn ly.

Bốn pháp ấy như vậy,

Thì đó là rất khó.

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

Đã lâu mới được thấy

Bà-la-môn niết-bàn;

Vượt qua mọi sợ hãi,

Vĩnh siêu ân ái đời.

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ sát chân Phật, liền biến mất.²³¹

²³⁰ Đại chánh, kinh 1293. No 100 (292).

²³¹ Bản Hán hết quyển 48.

KINH 1208. SỞ CẦU²³²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

*Sức lớn, vui tự tại,
Mọi sở cầu đều được;
Ai vượt trên vị kia,
Mọi mong cầu thỏa mãn?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Sức lớn, vui tự tại,
Vị kia không sở cầu.
Nếu ai có mong cầu,
Thì khổ chẳng phải lạc.
Tìm cầu đã qua rồi,
Vị kia chỉ có lạc.*

Lúc ấy, Thiên tử kia lại nói kệ:

*Đã lâu mới được thấy
Bà-la-môn niết-bàn;
[356c] Vượt qua mọi sợ hãi,
Vĩnh siêu ân ái đời.*

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

KINH 1209. XA²³³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối

²³² Đại chánh, kinh 1294, quyển 49, Ấn Thuận, 25. Tương ưng Chur thiên tiếp theo. Biệt dịch, No 100(291).

²³³ Đại chánh, kinh 1295. Biệt dịch, No 100(293).

đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

Xe khởi từ chỗ nào?

Ai có thể chuyển xe?

Xe chuyển đến nơi nào?

Cớ sao biến hoại mất?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Xe khởi từ các nghiệp.

Tâm thức chuyển dịch xe.

Tùy nhân mà chuyển đến.

Nhân hoại thì xe mất.

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

Đã lâu mới được thấy

Bà-la-môn niết-bàn;

Vượt qua mọi sợ hãi,

Vĩnh siêu ân ái đời.

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

KINH 1210. SANH TỬ²³⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà. Lúc ấy, Thiên tử kia bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con gái của vua Câu-lâu-đà là Tu-ba-la-đề-sa²³⁵, hôm nay sanh con.”

Phật bảo Thiên tử:

²³⁴ Sanh con. Đại chánh, kinh 1296. Biệt dịch, No 100(294).

²³⁵ Câu-lũ-đà vương nữ Tu-ba-la-đề-sa 拘屢陀王女修波羅提沙. No 100(294): Tu-da-mật-xa-cứ-đà 須多蜜奢鋸陀. Không rõ Pāli.

“Đây là điều không tốt lành, chẳng phải là tốt lành!”

Thiên tử kia liền nói kệ:

*Người sanh con là vui.
Thế gian có con vui.
Cha mẹ tuổi già yếu,
Cần con để phụng dưỡng.
Vì sao Cù-đàm nói,
Sanh con là không tốt?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Nên biết luôn vô thường,
Uẩn trống không, chẳng con.
Sanh con thường bị khổ,
Người ngu nói là vui.
[357a] Cho nên Ta nói rằng,
Sanh con là chẳng tốt;
Không tốt mà như tốt,
Như yêu, chẳng đáng yêu.
Thật khổ, đáng tởn vui,
Bị phóng dật dẫm đạp.*

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

*Đã lâu mới được thấy
Bà-la-môn niết-bàn;
Vượt qua mọi sợ hãi,
Vĩnh siêu ân ái đời.*

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

KINH 1211. SỐ²³⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối

²³⁶ Đại chánh, kinh 1297. Biệt dịch, No 100(295).

đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên;
từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.
Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

Thế nào số được đếm?

Thế nào số không ẩn?

Thế nào số trong số?

Thế nào thuyết ngôn thuyết?²³⁷

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Phật pháp khó đo lường,

Hai dòng không hiển hiện.

Nếu danh và sắc kia,

Diệt tận hết không còn;

Đó là số được đếm.

Số kia không ẩn tàng.

Đó là số trong số,

Đó là thuyết danh số.

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

Đã lâu mới được thấy

Bà-la-môn niết-bàn;

Vượt qua mọi sợ hãi,

Vĩnh siêu ân ái đời.

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ dưới
chân Phật, liền biến mất.

KINH 1212. HÀ VẬT²³⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước
Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối
đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên;

²³⁷ Cf. No 100(295): “Thế nào tự tính toán, không bị phiền não che? Thế nào được
gọi là vĩnh viễn lia các số?”

²³⁸ Biệt dịch, No 100(296).

từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.
Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

Vật gì nặng hơn đất?

Gì cao hơn hư không?

[357b] *Vật gì nhanh hơn gió?*

Vật gì nhiều hơn cỏ?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Giới đức nặng hơn đất.

Mạn cao hơn hư không.

Hồi tưởng nhanh hơn gió.

Tư tưởng nhiều hơn cỏ.

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

Đã lâu mới được thấy

Bà-la-môn niết-bàn;

Vượt qua mọi sợ hãi,

Vĩnh siêu ân ái đời.

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

KINH 1213. HÀ GIỚI²³⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ:

Giới gì, oai nghi gì?

Đức gì, nghiệp là gì?

Người tuệ làm sao trụ?

Làm sao sanh về trời?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

²³⁹ Đại chánh, kinh 1299. Biệt dịch, No 100(297).

Xa lìa việc sát sanh,
Vui trì giới tự phòng;
Không sanh tâm gia hại,
Đó là đường sanh Thiên.
Không lấy của không cho,
Vui nhận của được cho;
Đoạn trừ tâm trộm cướp,
Đó là đường sanh Thiên.
Không phạm vợ người khác;
Xa lìa việc tà dâm;
Bằng lòng vợ riêng mình,
Đó là đường sanh Thiên.
Vì mình hay vì người,
Vì của hay để đũa:
Không nói dối lừa gạt,
Là con đường sanh Thiên.
Đoạn trừ nói hai lưỡi,
Không ly gián bạn người;
Thường nghĩ hòa kia đây,
Là con đường sanh Thiên.
Xa lìa lời thô lỗ,
Lời dịu, không hại người;
Thường nói lời hay tốt,
Là con đường sanh Thiên.
Không nói lời phi giáo,
Không nghĩa, không lợi ích;
[357c]Thường nói lời thuận pháp,
Là con đường sanh Thiên.
Tụ lạc hoặc đất trống,
Thấy lợi, nói của ta:

*Không hành tướng tham này,
Là con đường sanh Thiên.*

*Tâm từ không tướng hại,
Không hại các chúng sanh;
Tâm thường không oán kết,
Là con đường sanh Thiên.*

*Nghiệp khổ và quả báo,
Cả hai đều tịnh tín;
Thọ trì nơi chánh kiến,
Là con đường sanh Thiên.*

*Những thiện pháp như thế,
Mười con đường tịnh nghiệp;
Đều giữ gìn kiên cố,
Là con đường sanh Thiên.*

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

*Đã lâu mới được thấy
Bà-la-môn niết-bàn;
Vượt qua mọi sợ hãi,*

Vĩnh siêu ân ái đời.

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

KINH 1214. NGŨ VỊ²⁴⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thích Đề-hoàn Nhân, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân nói kệ hỏi Phật:

*Pháp gì mạng không biết?
Pháp gì mạng không tỏ?²⁴¹*

²⁴⁰ Đại chánh, kinh 1300. S. 10. 1. Indaka; biệt dịch, No 100(298).

Pháp gì xiềng xích mạng?

*Pháp gì trói buộc mạng?*²⁴²

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Sắc pháp mạng không biết,

Các hành mạng không tỏ;

Thân xiềng xích mạng kia,

Ái trói buộc mạng này.

Thích Đề-hoàn Nhân lại nói kệ:

Sắc chẳng phải là mạng,

*Chư Phật đã từng nói.*²⁴³

Làm sao thuần thực được,

Nơi tạng sâu thẳm kia?

Làm sao trụ khối thịt,

Làm sao biết mạng thân?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Ban đầu ca-la-la,*²⁴⁴

*Từ ca-la sanh bào;*²⁴⁵

[358a] *Từ bào sanh khối thịt,*²⁴⁶

*Khối thịt thành dày cứng.*²⁴⁷

*Thịt dày sanh tứ chi,*²⁴⁸

Và những thứ lông tóc;

²⁴¹ no 100(298): “Vì sao không biết thọ?”

²⁴² Pāli: *kathaṃ nvayaṃ sajjati gabbasmim*, làm sao trú trong thai?

²⁴³ Pāli (S.i. 206): *rūpaṃ na jīvanti vadanti buddhā, kathaṃ nvayaṃ vindatimaṃ sarīraṃ*, “Chư Phật không nói mạng (*jīva*) là sắc, nhưng tại sao mạng có nơi thân này?”

²⁴⁴ Ca-la-la 迦羅邏. Pāli: *kalala*, phôi mới kết.

²⁴⁵ Bào 胞. Pāli: *abudda*, phôi bào

²⁴⁶ Nhục đoạn 肉段. Pāli: *pesi*.

²⁴⁷ Kiên hậu 堅厚. Pāli *ghano*.

²⁴⁸ Chi tiết. Pāli *pasākhā*. Trở lên, 5 giai đoạn trong thai, hán hợi là “thai nội ngũ vị.”

*Các căn tình gồm sắc,
Dần dần thành hình thể.
Nhờ người mẹ ăn uống,
Nuôi lớn bào thai kia.*

Thích Đề-hoàn Nhân sau khi nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

KINH 1215. TRƯỜNG THẮNG²⁴⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bảy giờ, có Thiên tử Trường Thắng²⁵⁰ dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà. Bảy giờ, Thiên tử kia nói kệ:

*Khéo học lời vi diệu,
Gần gũi các Sa-môn;
Một mình không bạn bè,
Chánh tư duy tĩnh mặc.*

Bảy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Khéo học lời vi diệu,
Gần gũi các Sa-môn;
Một mình không bạn bè,
Tịch mặc tĩnh các căn.*

Thiên tử Trường Thắng kia sau khi nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

KINH 1216. THI-TÌ²⁵¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bảy giờ, có Thiên tử Thi-tì²⁵² dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm,

²⁴⁹ Đại chánh, kinh 1301. Biệt dịch, No 100(300).

²⁵⁰ Trường Thắng 長勝. No 100(300), Tồi Thắng trưởng giả 最勝長者.

²⁵¹ Đại chánh, kinh 1302. S. 2. 21. Siva; No 100(301). Tức thần Siva của Ấn độ giáo.

đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

*Nên sống chung với ai?*²⁵³

Cộng sự cùng những ai?

Nên biết những pháp gì,

Càng thù thắng, phi ác?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Với Chánh sĩ cùng ở.*²⁵⁴

Cùng Chánh sĩ cộng sự.

Nên biết pháp Chánh sĩ,

Càng thù thắng, phi ác.

Thiên tử Thi-tì kia sau khi nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ dưới chân Phật, [358b] liền biến mất.

KINH 1217. NGUYỆT TỰ TẠI²⁵⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Nguyệt Tự Tại²⁵⁶ dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thiên tử Nguyệt Tự Tại kia nói kệ:

Kia sẽ đến cứu cánh,

*Như muỗi nương theo cỏ.*²⁵⁷

Nếu được chánh hệ niệm,

*Nhất tâm khéo chánh thọ.*²⁵⁸

²⁵² Thi-tì thiên tử 尸毘天子. Pāli: Sivo devaputto.

²⁵³ Nguyên bản: đồng chí 同止. Bản Thánh: đồng tâm 同心.

²⁵⁴ Pāli: *sabbhireva samāsetha*, hãy ngồi chung với người thiện lương.

²⁵⁵ Đại chánh kinh1 1303. S. 2. 11. Candimasa; No 100(302).

²⁵⁶ Nguyệt Tự Tại thiên tử 月自在天子. Pāli: Candimaso devaputto, chỉ thần mặt trăng.

²⁵⁷ Pāli: *te hi sotthim gamissanti, kacche vāmakase magā*, “họ sẽ đi đến chỗ an ổn, như những con nai trên đồng cỏ không muỗi. Bản Hán hiểu ngược: có muỗi.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Kia sẽ đến bờ kia,
Như cá cắn rách lưới.
Trụ thiên định đầy đủ,
Tâm thường đạt hỷ lạc.*

Thiên tử Nguyệt Tự Tại kia sau khi nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

KINH 1218. VI-NỰU²⁵⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Tỳ-sâu-nữ²⁶⁰ dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thiên tử kia nói kệ:

*Cúng dường Đức Như Lai,
Thường tặng trượng hoan hỷ.
An vui Chánh pháp luật,
Theo học không phóng dật.*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Nếu nói pháp như vậy,
Phòng hộ không phóng dật;
Vì nhờ không phóng dật,
Không bị ma chế ngự.*

Tỳ-sâu-nữ kia sau khi nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

KINH 1219. BAN-XÀ-LA-KIỆN²⁶¹

Tôi nghe như vậy:

²⁵⁸ Pāli: *jhānāni upasampajja, ekodi nipakā satā*, chứng nhập các thiên, chuyên tâm nhất cảnh.

²⁵⁹ Đại chánh, kinh 1304. S. 2. 12. Veṇḍu; No 100(303).

²⁶⁰ ỳ-sâu-nữ 毘瘦紐. Pāli: Veṇḍu devaputto, tức thần Viṣṇu của Ấn độ giáo

²⁶¹ Đại chánh, kinh 1305. S. 2. 7. Pañcālacaṇḍa; No 100(304).

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Ban-xà-la-kiện²⁶² dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ Thiên tử kia [358c] nói kệ:

*Ở ngay chỗ ôn ào,
Bậc hiệt trí giác ngộ;
Giác ngộ bằng thiên giác,
Sức tư duy Mâu-ni.*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Biết rõ pháp náo nhiệt,
Chánh giác được Niết-bàn.
Nếu được chánh hệ niệm,
Nhất tâm khéo chánh thọ.*

Thiên tử Ban-xà-la-kiện kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

KINH 1220. TU-THÂM²⁶³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Tu-thâm²⁶⁴ cùng với năm trăm quyến thuộc, dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

“A-nan, đối với pháp Tôn giả Xá-lợi-phất đã khéo thuyết, tâm ông có hỷ lạc không?”

A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, có vậy. Những người nào không ngu, không si, có trí tuệ, mà ở trong pháp Tôn giả Xá-lợi-phất đã khéo thuyết, tâm lại không hỷ lạc? Vì sao? Vì Tôn giả Xá-lợi-phất trì giới, đa văn, ít muốn,

²⁶² Ban-xà-la-kiện 般闍羅捷. Pāli: Pañcālaçaṇḍa.

²⁶³ S. 2. 29. Susīma; No 100(305).

²⁶⁴ Tu-thâm thiên tử 須深天子. Pāli: Susīmo devaputto. No 100(305)> Tu-thi-ma 須尸摩.

biết đủ, tinh cần viển ly, trụ vững chánh niệm, trí tuệ, chánh thọ, trí tuệ nhanh nhạy, trí tuệ bén nhạy, trí tuệ xuất ly, trí tuệ quyết định, trí tuệ lớn, trí tuệ rộng, trí tuệ sâu, trí tuệ không ai bằng, thành tựu trí bảo²⁶⁵ hay khéo giáo hóa, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ; cũng thường tán thán khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, luôn vì tứ chúng thuyết pháp không mỗi mệ.”

Phật bảo A-nan:

“Đúng thế! Đúng thế! Như những gì ông đã nói, A-nan! Vì những người không ngu, không si, có trí tuệ, nghe Tôn giả Xá-lợi-phất khéo thuyết các thứ pháp, mà ai lại không hỷ lạc! Vì sao? Vì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất trì giới, đa văn, ít muốn, biết đủ, tinh cần chánh niệm, trí tuệ, chánh thọ, trí tuệ siêu việt, trí tuệ nhanh nhạy, trí tuệ bén nhạy, trí tuệ xuất ly, trí tuệ quyết định, trí tuệ lớn, trí tuệ rộng, trí tuệ sâu, trí tuệ không ai bằng, thành tựu trí bảo, hay khéo giáo hóa, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ; cũng thường tán thán việc khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, luôn vì tứ chúng thuyết pháp không mỗi mệ.”

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Đúng vậy!”

Thế Tôn hướng về Tôn giả A-nan [359a] khen ngợi Tôn giả Xá-lợi-phất khéo thuyết pháp như vậy, như vậy. Thiên tử Tu-thâm cùng quyến thuộc trong tâm hoan hỷ, từ thân hào quang càng thêm sáng chói, thanh tịnh như vậy, như vậy. Bấy giờ, Thiên tử Tu-thâm trong tâm hoan hỷ, từ thân phát ra ánh sáng thanh tịnh chiếu sáng, liền nói kệ:

*Xá-lợi-phất đa văn,
Trí sáng tuệ bình đẳng;
Trì giới, khéo điều phục,
Được Niết-bàn vô sanh.*²⁶⁶

²⁶⁵ Tán thán trí tuệ của Xá-lợi-phất: tiệp tậ trí tuệ, lợi trí tuệ, xuất ly trí tuệ, quyết định trí tuệ, đại trí tuệ, quảng trí tuệ, thâm trí tuệ, vô đẳng trí tuệ, trí bảo thành tựu捷疾智慧. 利智慧. 出離智慧. 決定智慧. 大智慧. 廣智慧. 深智慧. 無等智慧. 智寶成就. Pāli: *paṇḍito, mahāpañño, putthupañño, hāsapañño, javanapañño, tikkhapañño, nibbedikapañño*.

²⁶⁶ Nguyên Hán: bất khởi Niết-bàn 不起涅槃.

Thọ trì thân tối hậu,

Hàng phục các ma quân.

Thiên tử Tu Thâm cùng quyến thuộc nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

KINH 1221. XÍCH MÃ²⁶⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Xích Mã²⁶⁸, dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ Thiên tử Xích Mã kia bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, có thể vượt qua biên tế thế giới, đến chỗ không sanh, không già, không chết chăng?”

Phật đáp Xích Mã:

“Không thể vượt qua biên tế thế giới, đến chỗ không sanh, không già, không chết được.”

Thiên tử Xích Mã bạch Phật:

“Kỳ diệu thay, Thế Tôn khéo nói nghĩa này! Như những gì Thế Tôn đã nói: ‘Không thể vượt qua biên tế thế giới, đến chỗ không sanh, không già, không chết được.’ Vì sao? Bạch Thế Tôn, con tự nhớ kiếp trước tên là Xích Mã, làm Tiên nhân ngoại đạo, đắc thần thông, lia các ái dục. Lúc đó, con tự nghĩ: ‘Ta có thần túc nhanh chóng như vậy, giống như kiện sĩ, dùng mũi tên nhọn trong khoảnh khắc bắn xuyên qua bóng cây đa-la, có thể lên một núi Tu-di đến một núi Tu-di, cất bước từ biển Đông đến biển Tây.’ Lúc ấy con tự nghĩ: ‘Nay ta đạt được thần lực nhanh chóng như vậy, hôm nay có thể tìm đến biên tế của thế giới được chăng?’ Nghĩ vậy rồi liền khởi hành, chỉ trừ khi ăn, nghỉ, đại tiểu tiện và giảm bớt ngủ nghỉ, đi mãi đến một trăm năm, cho tới khi mạng chung, rốt cuộc không thể vượt đến biên tế của thế giới, đến nơi không sanh, không già, không chết.”

Phật bảo Xích Mã:

²⁶⁷ S. 2. 26. Rohita; No 100(306).

²⁶⁸ Xích Mã 赤馬 . Pāli: Rohitassa.

“Nay Ta chỉ bằng cái thân một tâm để nói về thế giới, về sự tập khởi của thế giới, về sự diệt tận của thế giới, về con đường đưa đến sự diệt tận của thế giới. Nay Thiên tử Xích Mã, thế giới là gì? Là năm thủ uẩn. Những gì là năm? [359b] Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Đó gọi là thế giới.

“Thế nào là sự tập khởi sắc? Ái đương lai hữu, câu hữu với hỷ tham, ưa thích chỗ này chỗ kia. Đó gọi là sự tập khởi của thế giới.

“Thế nào là sự diệt tận thế giới? Sự diệt tận của ái đương lai hữu, câu hữu với hỷ tham, ưa thích chỗ này chỗ kia; đoạn tận, xả ly không còn sót, vô dục, tịch diệt, tịch tĩnh. Đó gọi là sự diệt tận thế giới.

“Thế nào là con đường đưa đến sự diệt tận thế giới? Tám Thánh đạo: Chánh kiến, chánh trí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận thế giới.

“Nay Xích Mã, biết khổ thế giới, đoạn khổ thế giới; biết sự tập khởi thế giới, đoạn sự tập khởi thế giới; biết sự diệt tận thế giới, chứng sự diệt tận thế giới; biết con đường đưa đến sự diệt tận thế giới, tu con đường đưa đến sự diệt tận thế giới. Nay Xích Mã, nếu Tỳ-kheo nào đối với khổ thế giới, hoặc biết hoặc đoạn; sự tập khởi thế giới, hoặc biết hoặc đoạn; sự diệt tận thế giới, hoặc biết hoặc chứng; con đường đưa đến sự diệt tận thế giới, hoặc biết hoặc tu, thì này Xích Mã, đó gọi là đạt đến biên tế thế giới, qua khỏi ái thế gian.”

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ lập lại:

*Không bao giờ dạo xa,
Mà đến biên thế giới.
Chưa đến biên thế giới,
Trọn không hết biên khổ.
Vì vậy nên Mâu-ni,
Biết biên tế thế giới.
Khéo rõ biên thế giới,
Các phạm hạnh đã lập.
Đối biên thế giới kia,
Bình đẳng mà giác tri;
Đó gọi hạnh Hiền thánh,*

Qua bờ kia thế gian.

Thiên tử Xích Mã nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

KINH 1222. NGOẠI ĐẠO²⁶⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú bên núi Tỳ-phù-la, thành Vương xá, có sáu Thiên tử, vốn là xuất gia ngoại đạo. Một tên là A-tỳ-phù, hai là Tăng thượng A-tỳ-phù, ba là Năng Cầu, bốn là Tỳ-lam-bà, năm là A-câu-tra, sáu là Ca-lam²⁷⁰, đến chỗ Phật.

Thiên tử A-tỳ-phù nói kệ:

*Tỳ-kheo chuyên chú tâm,
Thường tu hạnh yếm ly;
Ở đầu đêm, cuối đêm,
Tư duy khéo tự nhiếp.
Thấy nghe những lời kia,
Không rơi vào địa ngục.*

[359c] Thiên tử Tăng thượng A-tỳ-phù lại nói kệ:

*Yếm ly chỗ đến tối,
Tâm thường tự nhiếp hộ;
Vĩnh viễn lìa thế gian,
Tranh ngôn ngữ, luận pháp.
Theo Đại Sư Như Lai,
Xin thọ pháp Sa-môn;
Khéo nhiếp hộ thế gian,
Không tạo các điều ác.*

Thiên tử Năng Cầu lại nói kệ:

Cắt, chặt, đánh, đập, giết,

²⁶⁹ Đại chánh, kinh 1308. S. 2. 30. Nānātitthiyā. No 100(307).

²⁷⁰ Các Thiên thần: 阿毘浮 . 增上阿毘浮 . 能求 . 毘藍婆 . 阿俱吒 . 迦藍 . No 100(307): Nan Thắng難勝, Tự Tại自在, Hiện Hiện顯現, Quyết Thắng決勝, Thời Khởi時起, Khinh Lộng輕弄. Danh sách Pāli: Asamo, Sahali, Niko, Ākoṭako, Vegabbhari, Māṇavagāmiyo.

*Cúng dường cho Ca-diếp;
Không thấy đó là tội,
Cũng không thấy là phước.²⁷¹*

Thiên tử Tỳ-lam-bà lại nói kệ:

*Tôi nói Ni-kiền kia,
Ngoại đạo Nhã-đề Tử²⁷²;
Xuất gia, hành học đạo,
Luôn tu hạnh khó hành.
Đồ chúng nơi Đại Sư,
Xa lìa lời nói dối.
Con nói người như vậy,
Không xa bậc La-hán.²⁷³*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Con hồ ly gây chết,
Thường đi cùng sư tử,
Suốt ngày, vẫn nhỏ, yếu,
Không thể thành sư tử.
Chúng Đại sư Ni-kiền,
Hu vọng tự xưng tán;
Là nói dối ác tâm,
Cách rất xa La-hán.*

Bấy giờ, Thiên ma Ba-tuần dựa vào Thiên tử A-câu-tra nói kệ:

*Tinh cần bỏ tối tăm,
Thường giữ gìn viễn ly;
Đắm nhiễm sắc vi diệu,
Ham thích cõi Phạm thế.*

²⁷¹ Thuyết vô nghiệp của Phú-la-na Ca-diếp (Oāli: Pūraṇa Kasapa), lôn trong Lục sư Ngoại đạo.

²⁷² Ni-càn Nhã-đề Tử 尼乾若提子.

²⁷³ No 100(307): “Ni-kiền Tử nói, lâu dài tu khổ hạnh, đoạn trừ vọng ngữ, cách La-hán (=Thánh nhân) không xa, được thế gian tôn kính.”

*Ta giáo hóa chúng này,
Để được sanh Phạm thiên.*

Khi ấy Thế Tôn liền nghĩ: ‘Bài kệ mà Thiên tử A-câu-tra đã nói này, là do Thiên ma Ba-tuần thêm sức vào, chứ không phải do tự tâm Thiên tử A-câu-tra kia nói:

*Tinh cần bỏ tối tăm,
Thường giữ gìn viễn ly;
Đắm nhiễm sắc vi diệu,
Ham thích cõi Phạm thế.
Ta giáo hóa chúng này,
Để được sanh Phạm thiên.*

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ:

*Nếu những gì là sắc,
Ở đây hay ở kia;
Hoặc ở trong hư không,
Sáng chiếu rực mỗi khác.
Nên biết tất cả kia,
Không lìa Ma, Ma trói;
Giống như môi lưỡi câu,
Câu cá đang lượn chơi.*

Khi ấy những Thiên tử kia đều nghĩ rằng: ‘Hôm nay Thiên tử A-câu-tra nói kệ, mà Sa-môn Cù-đàm nói là ma nói. Vì sao Sa-môn Cù-đàm nói là ma nói?’

Bấy giờ, Thế Tôn biết những ý nghĩ trong tâm các Thiên tử nên bảo rằng:

“Nay Thiên tử A-câu-tra nói kệ, nhưng chẳng phải tự tâm Thiên tử kia nói mà là do sức của Ma Ba-tuần dựa vào nên mới nói:

*Tinh cần bỏ tối tăm,
Thường giữ gìn viễn ly;
Đắm nhiễm sắc vi diệu,
Ham thích cõi Phạm thế.
Ta giáo hóa chúng này,*

Để được sanh Phạm thiên.

Cho nên, Ta nói kệ:

[360a] *Nếu những gì là sắc,*

Ở đây hay ở kia;

Hoặc ở trong hư không,

Sáng chiếu rọi mỗi khác.

Nên biết tất cả kia,

Không lìa Ma, Ma trói;

Giống như mỗi lưỡi câu,

Câu cá đang lượn chơi.

Khi ấy các Thiên tử lại tự nghĩ: ‘Kỳ diệu thay! Sa-môn Cù-đàm thần lực, oai đức lớn mới có thể thấy được Thiên ma Ba-tuần, còn chúng ta thì không thấy. Chúng ta mỗi người hãy làm kệ tán thán Sa-môn Cù-đàm.’ Liền nói kệ:

Đoạn trừ đối tất cả,

Tướng tham ái hữu thân;

Khiến người khéo giữ này,

Trừ tất cả vọng nghĩ.

Nếu muốn đoạn dục ái,

Nên cúng dường Đại Sư;

Đoạn trừ ba hữu ái,

Phá hoại điều nói dối.

Đối kiến tham đã đoạn,

Nên cúng dường Đại Sư.

Đệ nhất thành Vương xá:

Là núi Tỳ-phú-la;

Tuyết sơn: nhất các núi,

Kim sí: vua loài chim;

Tám phương, trên và dưới,

Tất cả cõi chúng sanh,

Ở trong các Trời, Người:

Tối thượng Đấng Chánh Giác.

[360b] Các Thiên tử nói kệ tán thán Phật rồi và nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

KINH 1223. MA-GIÀ²⁷⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Ma-già²⁷⁵ dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thiên tử Ma-già nói kệ hỏi Phật:

Giết gì được ngủ yên?

Giết gì được hỷ lạc?²⁷⁶

Giết những hạng người nào,

Được Cù-đàm tán thán?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Nếu giết hại sân nhuế,

Giác ngủ được an ổn.

Sự giết hại sân nhuế,

Khiến người được hỷ lạc.

Sân nhuế là rễ độc,

Ta khen người giết được.

Giết sân nhuế kia rồi,

Đêm dài không lo lắng.

Thiên tử Ma-già nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ dưới chân Phật, rồi biến mất.

KINH 1224. DI-KÌ-CA²⁷⁷

Tôi nghe như vậy:

²⁷⁴ Đại chánh, kinh 1309. S. 2. 3. Māgha. No 100(308).

²⁷⁵ Ma-già 摩伽. Pāli: Māgho devaputto. No 100(308): Ma-khur 摩佉.

²⁷⁶ S. 2. 3: *kimsu chetvā sukham seti? kimsu chetvā na socati*, sát hại cái gì thì nằm ngủ yên? Sát hạt cái gì thì không ưu sầu?

²⁷⁷ S. 2. 4. Māgadha. No 100(309).

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Di-kỳ-ca²⁷⁸ dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

*Có mấy loại chiếu sáng,
Luôn chiếu sáng thế gian?
Cúi xin Thế Tôn nói,
Ánh sáng nào tối thượng?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Có ba loại ánh sáng,
Luôn soi sáng thế gian;²⁷⁹
Mặt trời chiếu ban ngày,
Ban đêm ánh trăng rọi.
Ánh đèn chiếu ngày đêm,
Chiếu soi mọi cảnh tượng.
Trên dưới và các phương,
Chúng sanh nhờ soi sáng.
Trong ánh sáng Trời, Người,
Ánh sáng Phật hơn hết.*

[360c]Phật nói kinh này xong. Thiên tử Di-kỳ-ca nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

KINH 1225. ĐÀ-MA-NI²⁸⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Đà-ma-ni²⁸¹ dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên;

²⁷⁸ Di-kỳ-ca 彌耆迦 . Pāli: Māgadho devaputto. No 100(309): Di-khur彌佉.

²⁷⁹ Pāli: *cattāro loke pajjotā, pañcamettha na vijjati*, có bốn loại chiếu sáng trong thế gian. Không có loại thứ năm. No 100(309): thế gian có ba loại chiếu sáng.

²⁸⁰ Đại chánh, kinh 1311. S. 2. 5. Dāmali.No 100(310).

²⁸¹ Đà-ma-ni 陀摩尼. Pāli: Dāmani. No 100(310): Đam-ma-thi 曇摩尸.

từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.
Bấy giờ, Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

*Phận sự Bà-la-môn,
Học hết chớ mỗi mệ.
Đoạn trừ các ái dục,
Không cầu thọ thân sau.*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Bà-la-môn vô sự,
Việc cần làm đã làm;
Chùng nào chưa đến bờ,
Ngày đêm thường siêng quỳ.
Đã đến trụ bờ kia,
Đến bờ, quỳ làm gì?
Đây là Bà-la-môn,
Chuyên tinh thiền lậu tận.
Tất cả các ưu não,
Hùng hực, đã dứt hẳn;
Đó là đến bờ kia,
Niết-bàn vô sở cầu.*

Thiên tử Đà-ma-ni nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

KINH 1226. ĐA-LA-KIÊN-ĐÀ²⁸²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.
Bấy giờ, có Thiên tử Đa-la-kiên-đà²⁸³ dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối
đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên;
từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.
Bấy giờ, Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

Đoạn máy, xả máy pháp,

²⁸² Đại chánh, kinh 1312. S. 1. 5. Katichinda; No 100(311).

²⁸³ Đa-la-kiên-đà 多羅捷陀陀.

*Tu mây pháp tăng thượng,
Vượt qua mây tích tụ²⁸⁴,
Gọi Tỳ-kheo vượt dòng?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Đoạn năm²⁸⁵, xả bỏ năm²⁸⁶,
Tu năm pháp tăng thượng²⁸⁷,
Vượt năm thứ tích tụ²⁸⁸,
Gọi Tỳ-kheo vượt dòng.*

Thiên tử Đa-la-kiện-đà nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

KINH 1227. CA-MA (1)²⁸⁹

[361a] Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Ca-ma²⁹⁰ dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thiên tử Ca-ma bạch Phật:

“Thật khó, bạch Thế Tôn! Thật khó, bạch Thiện thế!”

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Sở học là rất khó:

²⁸⁴ Pāli: *kati saṅgā tigo*, vượt qua bao nhiêu sự kết buộc?

²⁸⁵ Sớ giải Pāli (A.1.24): *pañca chindeti chindanto pañca orambhāgiyasamyojānāni chindeyya*, đoạn năm, là đoạn trừ năm hạ phần kết

²⁸⁶ Sớ giải Pāli, nt: *Pañca jaheti jahanto pañcudham bhāgiyasamyojānāni jaheyya*, xả năm, là xả năm thuận thượng phần kết.

²⁸⁷ Sớ giải Pāli, nt: tu tập năm căn, tín v.v...

²⁸⁸ Sớ giải Pāli, nt: *pañca saṅgātigoti rāgasaṅgo dosasaṅgo mohasaṅgo mānasaṅgo ditṭhisāngo*, năm kết phược: tham kết phược, sân, si, mạn và kiến kết phược

²⁸⁹ S.2. 6. Kāmada; No 100(312).

²⁹⁰ Ca-ma 迦摩. Pāli: Kāmado devaputto. No 100(312): Ca-mặc 迦默.

*Giới, tam-muội đầy đủ;*²⁹¹

Sống viễn ly không nhà,

Vui nhàn cư tịch tĩnh.

Thiên tử Ca-ma bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, tịch mặc thật khó được²⁹².”

Bây giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Được điều học khó được,

Giới, tam-muội đầy đủ;

Ngày đêm thường chuyên tinh,

Tu tập điều thích ý.

Thiên tử Ca-ma bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, tâm chánh thọ khó được²⁹³.”

Bây giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Trụ chánh thọ khó trụ

Các căn, tâm quyết định;

Cắt đứt lưới tử ma,

Bậc Thánh tùy ý tiến.

Thiên tử Ca-ma lại bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đường hiểm rất khó đi.”

Bây giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Đường hiểm khó đi qua,

Thánh bình an vượt qua;

Phàm phu té ở đó,

Chân trên, đầu chúc xuống.

²⁹¹ Pāli: *dukkaram vāpi karonti sekkhā sīlasamāhitā*, bậc hữu học mà y giới là làm điều khó làm. No 100(312): “Điều khó làm đối với bậc hữu học là thành tựu giới và định.”

²⁹² Pāli: *dullabhā bhagavā yadidaṃ tuṭṭhī ti*, thật khó được, là sự tri túc. Bản Hán đọc là *tunhī*, sự im lặng (tịch mặc), thay vì *tuṭṭhi*, sự thoả mãn, tri túc. No 100(312): “Im lặng (mặc tĩnh 默靜) là điều rất khó.”

²⁹³ Pāli: *dussamādahaṃ bhagavā yadidaṃ cittaṃ ti*, tâm thật là khó định tĩnh.

*Hiền thánh thẳng đường đi,
Đường hiểm tự nhiên bình.*²⁹⁴

Phật nói kinh này xong. Thiên tử Ca-ma nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

KINH 1228. CA-MA (2)²⁹⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bảy giờ, có Thiên tử Ca-ma²⁹⁶ dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà. Bảy giờ, Thiên tử kia nói kệ:

*Tham nhuế nhân những gì,
Không vui, lòng dựng đứng?
Sợ hãi từ đâu khởi?
Giác tưởng²⁹⁷ do đâu sanh;
[361b]Giống như Cưu-ma-la²⁹⁸,
Nương tựa vào vú mẹ?²⁹⁹*

Bảy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Ái sanh, lớn từ thân,
Như cây Ni-câu-luật;³⁰⁰*

²⁹⁴ Pāli: *ariyānaṃ samo maggo, ariyā hi visame samā ti*, con đường của Thánh là bằng phẳng. Thánh bình thân trên con đường không bằng phẳng.”

²⁹⁵ Tham chiếu kinh Đại chánh 1324. S. 10. 3. Suciloma; No 100(313)

²⁹⁶ S. 10. 3: dạ-xoa Khara và dạ-xoa Sūciloma (quý lông kim).

²⁹⁷ Giác tưởng 覺想. Pāli: *manovitakka*, sự suy tưởng tầm cầu của tâm.

²⁹⁸ cưu-ma-la 鳩摩羅; Pāli: *kumārakā*, trẻ nhỏ. Bản Hán hiệu là tên người. Xem cht. tiếp theo.

²⁹⁹ No 100(313): “Như hài nhi nắm vú mẹ.” Pāli S. 10.3: *kumārakā dhāṅkam ivossajanti*, như trẻ nhỏ thả chim bồ câu. Trẻ nhỏ buộc chân chim lại, rồi mới thả bay đi. Chim bay lên, phút chốc rơi trở lại. Cũng vậy, ác tâm cầu buông thả tâm khiến khởi lên (Số giải, SA. 1.303).

³⁰⁰ Pāli: *snehajā attasambhūtā, nigrodhasseva khandhajā*, sanh ra từ sự kết dính (= tham ái), khởi lên từ tự ngã, như cây nigrodha sanh ra từ thân cây.

*Khấp nơi bị dính mắc,
Như rừng rậm chẳng chặt.³⁰¹
Nếu biết nguyên nhân kia,
Tĩnh ngộ khiến khai giác;
Qua dòng biển sanh tử,
Không còn thọ thân sau.*

Thiên tử Ca-ma nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

KINH 1229. CHIÊN-ĐÀN (1)³⁰²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bảy giờ, có Thiên tử Chiên-đàn³⁰³, dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà. Bảy giờ, Thiên tử Chiên-đàn kia nói kệ hỏi Phật:

*Nghe Cù-đàm Đại trí,
Tri kiến không chướng ngại:
Trụ chỗ nào, học gì,
Không gặp ác đời khác?*

Bảy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Nhiếp trì thân, miệng, ý,
Không tạo ba pháp ác;
Sống tại nhà của mình,
Rộng họp nhiều khách khứa.
Tín, bố thí tài, pháp,
Dùng pháp lập tất cả.
Trụ kia, học pháp kia,*

³⁰¹ Pāli ibid.: *puṭhū visattā kāmesu, māluvāva vitatā vane*, phàm phu bị dính mắc trong các dục vọng, như dây leo bò lan khắp rừng.

³⁰² S. 2. 14. Nandana; No 100(314).

³⁰³ Chiên-đàn thiên tử 栴檀天子. Xem kinh Đại chánh 1316. Pāli: Nandana-devaputta. Bản Hán đọc là Candana.

Không còn sợ đời khác.

Phật nói kinh này xong, Thiên tử Chiên-đàn nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

KINH 1230. CHIÊN-ĐÀN (2)³⁰⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bảy giờ, có Thiên tử Chiên-đàn³⁰⁵ dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà. Bảy giờ, Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

*Ai vượt qua các dòng,
Ngày đêm siêng không lười?
Không vin, không chỗ trụ,
Làm sao không đắm chìm?*

Bảy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Tất cả giới đầy đủ,
Trí tuệ khéo chánh thọ;
Trong chánh niệm tư duy,
Vượt qua dòng khó vượt.
Không nhiễm tướng dục này,
Vượt qua sắc ái kia;
Tham, hỷ đều đã hết,
Không vào chỗ khó dò.³⁰⁶*

Thiên tử Chiên-đàn kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

KINH 1231. CA-DIỆP (1)³⁰⁷

Tôi nghe như vậy:

³⁰⁴ Đại chánh, kinh 1316. S. 2. 15. Candana; No 100(315).

³⁰⁵ Xem [cht.72](#) trên. Pāli: Candana.

³⁰⁶ Pāli: *so gambīre na sīdati*, người ấy không chìm chỗ nước sâu

³⁰⁷ Đại chánh, kinh 1317. S. 2. 1, 2. Kassapa (1, 2). No 100(316-317).

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Ca-diếp³⁰⁸ dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thiên tử Ca-diếp kia bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nay con sẽ nói về Tỳ-kheo và công đức Tỳ-kheo.”

Phật bảo:

“Tùy Thiên tử cứ nói!”

Bấy giờ, Thiên tử Ca-diếp nói kệ:

*Tỳ-kheo tu chánh niệm,
Tâm³⁰⁹ kia khéo giải thoát;
Ngày đêm thường siêng cầu,
Công đức diệt³¹⁰ các hữu.
Biết rõ nơi thế gian,
Diệt trừ tất cả hữu;
Tỳ-kheo được vô ưu,
Tâm không còn nhiễm trước.*

“Bạch Thế Tôn, đó gọi là Tỳ-kheo. Đó gọi là công đức Tỳ-kheo.”

Phật bảo Ca-diếp:

“Lành thay! Lành thay! Đúng như những gì ông nói!”

Thiên tử Ca-diếp nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi biến mất.

KINH 1232. CA-DIỆP (2)³¹¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Ca-diếp dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân

³⁰⁸ Ca-diếp thiên tử 迦葉天子. Pāli: Kassapo devaputto.

³⁰⁹ Thân 身; bản Thánh: tâm 心. No 100(316): “tâm được thiện giải thoát.”

³¹⁰ Đê bản: hoại 壞. Bản Thánh: hoại 懷.

³¹¹ Đại chánh, kinh 1318. Xem kinh Đại chánh 1317. No 100(318).

tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thiên tử Ca-diếp kia bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con sẽ nói về Tỳ-kheo và những gì Tỳ-kheo nói.”

Phật bảo Thiên tử Ca-diếp:

“Tùy theo sở thích mà nói.”

Bấy giờ, Thiên tử Ca-diếp kia liền nói kệ:

*Tỳ-kheo giữ chánh niệm,
Tâm kia khéo giải thoát;
Ngày đêm thường siêng cầu,
Mong là được trần cấu.
Biết rõ ràng thế gian,
Ở đời, lia trần cấu;
[362a] Tỳ-kheo không ưu tư,
Tâm không bị nhiễm trước.*

“Bạch Thế Tôn, đó gọi là Tỳ-kheo, đó gọi là những gì Tỳ-kheo nói!”

Phật bảo Ca-diếp:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như những gì ông đã nói!

Thiên tử Ca-diếp nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

39. TƯƠNG ƯNG DẠ-XOA³¹²

KINH 1233. KHUẬT-MA³¹³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật trú tại nước Ma-kiệt-đà, du hành trong nhân gian. Vào buổi chiều hôm, cùng với năm trăm Tỳ-kheo nghỉ đêm nơi trú xứ

³¹² Tương ưng Dạ-xoa, gồm các kinh Đại chánh 1319-1324 (phần cuối quyển 49 và phần đầu quyển 50). Ấn Thuận Hội biên, Tung V. Bát chúng; 26. Tương ưng dạ-xoa. Tương đương Pāli S. 10. Yakkhasamyutta.

³¹³ Đại chánh, kinh 1319. Pāli: S. 10. 4. Mañibhadda. No 100(318).

quỷ Dạ-xoa Khuất-ma³¹⁴. Bấy giờ, quỷ Dạ-xoa Khuất-ma³¹⁵ đi đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, quỷ Dạ-xoa bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, hôm nay thỉnh Thế Tôn và đại chúng nghỉ đêm nơi này.”

Thế Tôn im lặng nhận lời mời. Quỷ Dạ-xoa Khuất-ma biết Thế Tôn đã im lặng nhận lời mời rồi, liền hóa ra năm trăm tòa lâu các; phòng xá, giường nằm, ghé ngồi, màn, nệm, gối. Mỗi thứ năm trăm cái đầy đủ, tất cả đều do biến hóa mà thành; rồi lại hóa ra năm trăm ngọn đèn sáng trung không có khói tỏa. Sau khi hóa xong, nó đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, ân cần thỉnh Thế Tôn vào phòng và mời các Tỳ-kheo lần lượt nhận phòng ốc cùng ngoại cụ. Sau khi công việc đã xong xuôi, nó trở lại chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, nói kệ:

*Hiền đức có chánh niệm,
Hiền đức luôn chánh niệm;
Chánh niệm ngủ an ổn,
Đời này cùng đời khác.
Hiền đức có chánh niệm,
Hiền đức luôn chánh niệm;
Chánh niệm ngủ an ổn,
Tâm kia thường dùng lặng.
Hiền đức có chánh niệm,
Hiền đức luôn chánh niệm;
Chánh niệm ngủ an ổn,*

*Xả, hàng phục quân khác.
Hiền đức có chánh niệm,
Hiền đức luôn chánh niệm;
Không giết không sai giết,
Không phục, không bảo phục.*

³¹⁴ Khuất-ma Dạ-xoa quỷ trú xứ 屈摩夜叉鬼住處. Pāli, S. 10. 4 (i.208): tại trú xứ của Dạ-xoa Mañbhadda, trong tháp Mañimālīka. No 100(318): trong cung của Dạ-xoa Quật-mặc 崛默夜叉.

³¹⁵ Khuất-ma dạ xoa quỷ 屈摩夜叉鬼. Pāli ibid.: Mañbhadda, quỷ bảo hộ những người lữ hành. No 100(318): Quật-mặc dạ-xoa 崛默夜叉.

*Lòng từ đối tất cả,
Lòng không ôm oán kết.*

Bấy giờ, Thế Tôn bảo quỷ Dạ-xoa Khuất-ma:

“Đúng vậy, đúng vậy! Như những gì ông nói!”

Sau khi quỷ Dạ-xoa Khuất-ma nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ dưới chân Phật, trở về chỗ mình ở.

KINH 1234. MA-CU'U-LA³¹⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại núi Ma-cru-la³¹⁷, Tôn giả [362b] Na-già-ba-la³¹⁸ làm thị giả. Bấy giờ đêm tối, trời mưa nhỏ, có chớp lóe, Thế Tôn ra khỏi phòng, đi kinh hành nơi đất trống. Lúc ấy, Thiên đế Thích tự nghĩ: ‘Hôm nay Thế Tôn ở tại núi Ma-cru-la, Tôn giả Na-già-ba-la gần gũi hầu hạ cung dưỡng. Đêm tối, trời mưa nhỏ, có chớp lóe, Thế Tôn ra khỏi phòng, đi kinh hành nơi đất trống. Ta sẽ hóa ra ngôi nhà sàn bằng pha-lê, rồi bung ngôi nhà sàn ấy, theo Phật kinh hành.’ Nghĩ vậy xong, liền hóa ra ngôi nhà sàn bằng pha lê, mang đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi theo Phật đi kinh hành.

Bấy giờ, dân chúng nước Ma-kiệt-đề, nếu khi nào có bé trai, bé gái khóc đêm, họ đem quỷ Ma-cru-la³¹⁹ ra để dọa, chúng liền ngưng khóc. Theo pháp đệ tử gần gũi hầu hạ cung dưỡng, chờ thầy an giấc thiên rồi sau đó mới đi ngủ. Bấy giờ, Thế Tôn vì Đế Thích nên ban đêm đi kinh hành lâu. Bấy giờ, Tôn giả Na-già-ba-la tự nghĩ: ‘Đêm nay Thế Tôn đi kinh hành lâu quá, ta phải giả dạng làm quỷ Ma-cru-la để khùng bố Ngài.’ Khi ấy Tỳ-kheo Na-già-ba-la liền mặc ngược câu-chấp³²⁰, để mặt có lông dài ra ngoài, đến đứng chặn đầu đường đi kinh hành của Thế Tôn, bạch Phật:

³¹⁶ Cf. Udāna 1. 7. Pāṭalī; No 100(319). Tham chiếu, Luật *Từ Phần*, ba-dật-đề 55. No 100(319).

³¹⁷ Ma-cru-la sơn 摩鳩羅山. 100(319): Bạch sơn 白山.

³¹⁸ Na-già-ba-la 那伽波羅. No 100(319): 象護. Pāli: Nāgapāla, nhưng không tìm thấy tên này trong các tài liệu Pāli.

³¹⁹ Ma-cru-la quỷ 摩鳩羅鬼. No 100(319): Bạc-câu-la quỷ 薄俱羅鬼. Pāli: Bakkula, con quỷ có tiếng kêu dễ sợ, Ud 1.7.

³²⁰ Câu-chấp 俱執; Pāli: *kojava*, chấn bằng lông dê.

“Quý Ma-curu-la đến! Quý Ma-curu-la đến!”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo Na-già-ba-la:

“Này Na-già-ba-la, ngươi là người ngu si, định dùng hình tướng quý Ma-curu-la khùng bố Phật ư? Không thể làm lay động một lông tóc của Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đã xa lìa khùng bố từ lâu!”

Khi ấy Thiên đế Thích bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, trong Chánh pháp luật của Thế Tôn cũng lại có hạng người này sao?”

Phật bảo:

“Này Kiều-thi-ca, trong ngôi nhà cực kỳ rộng rãi to lớn của Cù-đàm, những người này vào đời vị lai cũng sẽ đắc pháp thanh tịnh.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Nếu Bà-la-môn nào,
Nơi pháp tự sở đắc,
Đến được bờ bên kia;
Dù một Tỳ-xá-già³²¹,
Cùng với Ma-curu-la³²²,
Đều vượt qua hết thấy.*

*Hoặc Bà-la-môn nào,
Nơi pháp tự mình hành,
Biết tất cả các thọ,
Quán sát đều đã diệt.
Hoặc Bà-la-môn nào,
Tự mình qua bờ kia,
Hết thấy các nhân duyên,
Thấy đều đã diệt tận.*

³²¹ Tỳ-xá-già 毘舍遮. Pāli: *pisāca*.

³²² Pāli, Ud.1.7: *atha etaṃ pisācañca pakkulañcattivattati*, ở đây vị ấy đã vượt qua quỷ Pisāca và tiếng kêu “pakkula”. Quý Ajakalāpaka muốn dọa Phật nên phát ra âm thanh để sợ “*akkulapakkula*.”

[362c] *Hoặc Bà-la-môn nào,*

Tự mình qua bờ kia,

Tất cả các nhân ngã,

Thấy đều đã diệt tận.

Hoặc Bà-la-môn nào,

Tự mình qua bờ kia,

Nơi sanh, già, bệnh, chết,

Thấy đều đã vượt qua.

Phật nói kinh này xong, Thiên đế Thích nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ Phật, liền biến mất.

KINH 1235. TẮT-LĂNG-GIÀ QUỶ³²³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-la-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật-đà ở nước Ma-kiệt-đề du hành trong nhân gian, đến nghỉ đêm tại trú xứ mẹ của quỷ con Tắt-lăng-già³²⁴. Bấy giờ, vào cuối đêm, Tôn giả A-na-luật-đà thức dậy, ngồi ngay thẳng tụng các đoạn kinh Ưu-đà-na³²⁵, Ba-la-diên-na³²⁶, Kiến chân đế³²⁷, Thượng tọa sở thuyết kệ³²⁸, Tỳ-kheo-ni sở thuyết kệ³²⁹, Thi-lộ kệ³³⁰, Nghĩa phẩm³³¹, Mâu-ni kệ³³², Tu-đà-la; tất cả đều tụng hết.

³²³ Đại chánh, kinh 1321. S.10. 6. Piyaṅkara. No 100(32).

³²⁴ Tắt-lăng-già quỷ tử mẫu 畢陵伽鬼子母. No 100(320): Tân-già-la 實伽羅. Pāli: Piyaṅkaramātā, mẹ của quỷ con Piyaṅkara.

³²⁵ Ưu-đà-na 憂陀那; Pāli: Udāna, Vô vấn tự thuyết hay Kệ cảm hứng, các kinh thuộc Tiểu bộ Khuddaka-nikāya.

³²⁶ Ba-la-diên-na 波羅延那. Pāli: Pārāyana-vagga (phẩm Đáo bi ngạn), phẩm thứ 5 trong Suttanipāta, thuộc Tiểu bộ Khuddaka-Nikāya.

³²⁷ Kiến chân đế 見真諦.

³²⁸ Thượng tọa sở thuyết kệ 上座所說偈. Pāli: Thera-gāthā, Trưởng lão kệ, sách thứ 8 thuộc Tiểu bộ Khuddaka-nikāya.

³²⁹ Tỳ-kheo-ni sở thuyết kệ 比丘尼所說偈. Pāli: Theri-gāthā; sách thứ 9, thuộc Khuddaka-nikāya.

³³⁰ Thi-lộ kệ 尸路偈, kệ *śloka* (skt.).

³³¹ Nghĩa phẩm 義品. Pāli: Atṭhaka-vagga, phẩm thứ tư của Suttanipāta.

Bây giờ quý con Tất-lăng-già khóc đêm, quý mẹ Tất-lăng-ca nói bài kệ cho con nghe để dỗ nó nín:

*Này Tất-lăng-ca con,
Nay, con không được khóc;
Hãy nghe Tỳ-kheo kia
Đọc tụng kệ Pháp cú.
Nếu ai biết Pháp cú,
Tự mình hộ trì giới,
Xa lìa sự sát sanh,
Nói thật, không nói dối,
Tự bỏ điều phi nghĩa,
Giải thoát đường quý thân.³³³*

Sau khi quý mẹ Tất-lăng-ca nói kệ, quý con Tất-lăng-già nín khóc.

KINH 1236. PHÚ-NA-BÀ-TẦU³³⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại nước Ma-kiệt-đề du hành trong nhân gian cùng với đại chúng, đến nghỉ đêm tại trụ xứ mẹ của quý con Phú-na-bà-tầu³³⁵. Bây giờ, Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói pháp tương ưng bốn Thánh đế: Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế.

Khi ấy, quý mẹ Phú-na-bà-tầu có con là quý con Phú-na-bà-tầu cùng quý nữ Uất-đa-la³³⁶. Hai con quý nhỏ này khóc đêm. Quý mẹ Phú-na-bà-tầu nói kệ dạy hai đứa con trai và gái của nó:

*Này Phú-na-bà-tầu,
Uất-đa-la, Đừng khóc!*

³³² Mâu-ni kệ 牟尼偈. Pāli: Muni-gāthā, tức Muni-sutta, trong Suttanipāta 1. 12, các kệ 207-221.

³³³ Pāli: *pisāca-yoni*, sanh đạo loài quỷ

³³⁴ Đại chánh, kinh 1322. S. 10. 7. Punabbasu. No 100(321).

³³⁵ Phú-na-bà-tầu quý từ mẫu 富那婆藪鬼子母. Pāli: Punabbasumātā, mẹ của quý con Punabbasa. No 100(321): Phú-na-bà-tu dạ-xoa mẫu 富那婆修夜叉母.

³³⁶ Uất-đa-la 鬱多羅. Pāli: Uttarā. No 100(321): Ưu-đát-la 優怛羅.

[363a] *Đẻ mẹ được lắng nghe,
Như Lai đang thuyết pháp.*

*Cha mẹ không thể nào,
Khiến con giải thoát khổ.
Nghe Như Lai thuyết pháp,
Giải thoát được khổ này.
Người đời theo ái dục,
Bị các khổ bức bách.
Như Lai vì thuyết pháp,
Khiến hủy diệt sanh tử.
Nay mẹ muốn nghe pháp,
Các con nên im lặng.”*

*Khi ấy Uát-đa-la,
Và Phú-na-bà-tâu.
Đều vâng lời mẹ chúng,
Im lặng mà lắng nghe.*

*“Lời mẹ nói hay thay,
Con cũng thích nghe pháp.
Thế Tôn chánh giác này,
Ở Thắng sơn Ma-kiệt;
Vì các loài chúng sanh,
Diễn nói pháp vượt khổ.
Nói khổ cùng nhân khổ,
Khổ diệt, đạo diệt khổ;
Từ bốn Thánh đế này,
An ổn đến Niết-bàn.
Vậy mẹ hãy lắng nghe,
Những pháp Thế Tôn thuyết.”*

Khi ấy quý mẹ Phú-na-bà-tâu liền nói kệ:

*“Lạ thay, con trí tuệ,
Khéo hay chịu tâm ta.
Con Phú-na-bà-tầu,
Khéo khen Phật Đạo Sư.
Con Phú-na-bà-tầu,
Cùng con Uất-đa-la;
Nên sanh lòng tùy hỷ,
Ta đã thấy Thánh đế.”*

Sau khi, quý mẹ Phá-na-bà-tầu nói kệ xong, quý con trai và con gái, tùy hỷ im lặng.

KINH 1237. MA-NI-GIÁ-LA³³⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại nước Ma-kiệt-đê, du hành trong nhân gian cùng với đại chúng, đến nghỉ đêm tại trú xứ của quý Ma-ni-giá-la³³⁸. Bấy giờ, quý Ma-ni-giá-la hội các quý thần, tập hợp lại một chỗ. Khi ấy có một người nữ đem hương hoa trang sức và đồ ăn thức uống đến chỗ ở quý thần Ma-ni-giá-la kia. Người nữ này từ xa trông thấy Thế Tôn ngồi tại trú xứ quý Ma-ni-giá-la; thấy rồi tự nghĩ: ‘Nay ta đang thấy quý thần Ma-ni-giá-la’, liền nói kệ:

Lành thay, Ma-ni-giá!

Ở nước Ma-già-đà;

[363b] *Dân nước Ma-già-đà,*

Cầu gì đều như nguyện.

Làm sao ở đời này,

Thường được sống an lạc;

Còn đời sau thế nào,

Mà được sanh Thiên lạc?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

³³⁷ Đại chánh, kinh 1323. Biệt dịch, No 100(322).

³³⁸ Ma-ni-giá-la quý 摩尼遮羅鬼. No 100(322): Ma-ni hành dạ xoa 摩尼行夜叉.

Pāli: Mānica-yakkha, Cf. D.iii. 205. Theo các bản Hán: Mānicara.

*Chớ buông lung, kiêu mạn;
Cần gì quý Ma-ni?
Nếu tự sửa việc làm,
Thì được sanh Thiên lạc.*

Khi ấy người nữ kia tự nghĩ: ‘Đây không phải là quý Ma-ni-giá-la mà là Sa-môn Cù-đàm.’ Biết như vậy rồi, cô liền đem hương hoa trang sức cúng dường Thế Tôn, đánh lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

*Đường nào đến an lạc,
Phải tu những hành gì;
Đời này thường an ổn,
Đời sau sanh Thiên lạc?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Khéo điều tâm, bố thí,
Thích giữ gìn các căn;
Chánh kiến tu hạnh hiền,
Gần gũi với Sa-môn.
Tự sống bằng chánh mạng,
Đời khác sanh Thiên lạc;
Đâu cần Tam thập tam,
Lưới khổ của chư Thiên.
Chỉ cần nhất tâm kia,
Đoạn trừ nơi ái dục.
Ta sẽ nói lìa cấu,
Pháp cam lộ khéo nghe.*

Người nữ ấy nghe Phật thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ; những pháp như bố thí, trì giới, phước báo sanh Thiên, vị ngọt của dục, tai hại của dục, phiền não, thanh tịnh, xuất yếu, viển ly, công đức phước lợi, tiếp tục diễn nói pháp Phật thanh tịnh. Giống như tấm vải trắng sạch dễ nhuộm màu, người nữ kia cũng vậy, ngay trên chỗ ngồi đắc bình đẳng hiện quán³³⁹: Khổ, Tập, Diệt, Đạo đối với

³³⁹ Nguyên Hán: Bình đẳng quán 平等觀. Đây chỉ hiện quán 現觀.

bốn Thánh đế. Lúc đó, người nữ này đắc pháp, thấy pháp, biết pháp và nhập pháp, vượt qua các nghi hoặc, không do người khác, đối với Chánh pháp luật được vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, chấp tay bạch Phật:

“Con đã được độ, bạch Thế Tôn! Con đã được độ, bạch Thiện Thệ! Từ hôm nay cho đến suốt đời quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo Tăng.”

Sau khi người nữ ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, lễ Phật rồi ra về.

KINH 1238. CHÂM MAO QUỶ³⁴⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại nước Ma-kiệt-đề, du hành trong nhân gian, [363c] đến nghỉ đêm tại trú xứ quỷ Châm Mao³⁴¹. Bấy giờ, quỷ Châm Mao hội họp hết các quỷ thần lại một chỗ. Lúc đó có Viêm quỷ³⁴², thấy Thế Tôn nghỉ đêm tại trú xứ quỷ Châm Mao. Thấy rồi, nó liền đến chỗ quỷ Châm Mao nói với quỷ Châm Mao:

“Thưa thôn chủ, nay ông được nhiều may mắn. Hiện tại Đức Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đang nghỉ tại nhà ông.”

Quỷ Châm Mao nói:

“Bây giờ, thử xem có đúng là Như Lai hay chẳng phải!”

Khi ấy, quỷ Châm Mao sau khi cùng các quỷ thần hội họp, trở về ngôi nhà của mình. Nó co mình lại xông tới Phật. Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền tránh người. Ba lần nó co mình lại xông tới Phật như vậy, Đức Phật cũng ba lần tránh người. Khi ấy, quỷ Châm Mao hỏi:

“Sa-môn sợ ư?”

Phật bảo:

“Này thôn chủ, Ta không sợ! Nhưng người có ác xúc.”³⁴³

Quỷ Châm Mao nói:

³⁴⁰ Đại chánh, kinh 1324. S. 1o. 3. No 100(323).

³⁴¹ Châm Mao quỷ 針毛鬼. No 100(323): Tiễn Mao dạ xoa 箭毛夜叉. Pāli: Sūciloma, quỷ có lông như kim.

³⁴² Viêm quỷ 炎鬼. No 100(323): Chích dạ xoa 炙夜叉. Pāli: Kharo yakkho.

³⁴³ Pāli: *te samphasso pāpako ti*, “xúc chạm với người là điều tai ác.”

“Bây giờ, tôi có vài điều để hỏi. Mong vì tôi mà trả lời. Nếu có thể làm tôi vui thì tốt. Còn nếu không thể làm tôi vui thì tôi sẽ hủy hoại tâm ông, phá vỡ ngực ông, làm cho máu nóng của ông từ mặt vọt ra, nắm hai tay ông ném qua bờ bên kia sông Hằng.”

Phật bảo quỷ Châm Mao:

“Thôn chủ, Ta không thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên thần, Người đời nào, có thể hủy hoại tâm của Như Lai, Đẳng Chánh Giác, có thể phá vỡ ngực Ta, có thể làm cho máu nóng từ mặt vọt ra, nắm hai tay của Ta ném qua bờ bên kia sông Hằng. Nay, ông cứ hỏi đi, Ta sẽ vì ông mà nói, khiến cho ông được hoan hỷ.”

Bấy giờ, quỷ Châm Mao nói kệ hỏi Phật:

*Hết thấy tâm tham, nhuế,
Lấy gì để làm nhân?
Không vui, lông dựng đứng,
Sợ hãi từ đâu sanh?
Ý niệm các giác tướng,
Khởi lên từ chỗ nào;
Giống như trẻ mới sanh,
Nương nhờ vào vú mẹ?³⁴⁴*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Ái sanh, lớn từ thân,
Như cây Ni-câu-luật;
Chằng chịt câu móc nhau,
Như dây leo rừng rậm.³⁴⁵
Nếu biết những nhân kia,
Sẽ khiến quỷ giác ngộ;
Vượt dòng biển sanh tử,
Không còn tái sanh nữa.*

³⁴⁴ Xem kinh Đại chánh 1314.

³⁴⁵ Xem kinh Đại chánh 1314.

Bấy giờ, quở Châm Mao nghe Phật nói kệ, tâm được vui vẻ, sám hối Phật và xin thọ trì tam quy.

Phật nói kinh này xong, quở Châm Mao nghe những gì [364a] Phật nói, hoan hỷ, phụng hành.³⁴⁶

KINH 1239. QUỶ ÁM³⁴⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có con trai của Ưu-bà-di³⁴⁸ thọ trai tám chi³⁴⁹, sau đó phạm giới, liền bị quở thần ám. Lúc ấy, Ưu-bà-di liền nói kệ:

*Ngày mười bốn, mười lăm,
Mồng tám mỗi phần tháng³⁵⁰;
Tháng điềm hiện thần thông³⁵¹,
Tám chi khéo chánh thọ.
Nơi trai giới thọ trì,
Không bị quở thần ám.
Xưa tôi hỏi mấy lần,
Thế Tôn nói điều này.*

Lúc ấy, Quỷ kia liền nói kệ:

*Ngày mười bốn, mười lăm,
Và mồng tám mỗi tháng;
Ứng tháng thần tức tốt,
Tu tám chi chánh thọ.*

³⁴⁶ Bản Hán, hết quyển 49.

³⁴⁷ Đại Chánh, quyển 50, kinh 1325. Pāli: S. 10. 5. Sānu, No 100 (324).

³⁴⁸ Ưu-bà-di từ 優婆夷子. Pāli: *aññatarissa upāsikāya sānu nāma putto*, con trai của một ưu-bà-di họ tên là Sānu.

³⁴⁹ Bát chi trai 八支齋

³⁵⁰ Chỉ mỗi nửa tháng.

³⁵¹ Thần thông nguyệt 神通月. Tháng thần biến 神變月; Pāli: *pāṭihāriyapakkha*, các tháng Giêng, tháng Năm và tháng Chín, bốn Thiên vương hiện thần thông đi quan sát nhân gian. Xem kinh Đại chánh 1117.

*Sống trai giới thanh tịnh,
Khéo giữ gìn giới đức;
Không bị quỷ trêu đùa,
Lành thay, nghe từ Phật.
Theo những lời bà nói,
Ta sẽ thả con bà.*

*Ai có nghiệp chậm hoãn,³⁵²
Nhiễm ô hành khổ hạnh,
Phạm hạnh không thanh tịnh,
Trọn không được quả lớn.*

*Thí như nhỏ cỏ may³⁵³,
Nắm lỏng thì hại tay;
Sa-môn hành ác xúc,
Tất sẽ đọa địa ngục.*

*Thí như nhỏ cỏ may,
Nắm chặt không hại tay;
Sa-môn khéo nhiếp trì,
Tất đến Bát-niết-bàn.*

Khi ấy, Quỷ thần kia liền thả con Ưu-bà-di này ra. Bấy giờ, Ưu-bà-di nói kệ dạy con:

*Nay con hãy nghe mẹ,
Nhắc lời quỷ thần nói.
[364b] Nếu có nghiệp chậm hoãn,
Nhiễm ô tu khổ hạnh,
Phạm hạnh không thanh tịnh,
Thì không được quả lớn.*

³⁵² Hán: mạn hoãn nghiệp 慢緩業. No 100(324): trì hoãn nghiệp 遲緩業. Có lẽ chỉ sự trì giới long lẻo. Xem thí dụ cỏ may hay cầm dao tiếp theo.

³⁵³ Đề bản: gian thảo 菅草. TNM: gian thảo 葦草. No 100(324): “Thọ giới như cầm dao, lỏng hay chặt đều dễ bị thương.”

*Thí như nhỏ cỏ may,
Năm lông thì hại tay.
Sa-môn khởi ác xúc,
Tất sẽ đọa địa ngục;
Như nắm chặt cỏ may,
Tất tay mình không hại.
Sa-môn khéo giữ gìn,
Tất đắc Bát-niết-bàn.*

Khi ấy, con Ưu-bà-di tinh ngộ như vậy rồi, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà, nhưng tâm không được vui, trở về nhà mình. Người mẹ từ xa thấy con liền nói kệ:

*Lánh tục mà xuất gia,
Tại sao trở về làng?
Nhà cháy, cửa kéo ra,
Sao ném vào lửa lại?*

Tỳ-kheo con Ưu-bà-di kia nói kệ đáp:

*Chỉ nghĩ mẹ mạng chung,
Còn mắt không gặp nhau;
Nên trở về thăm viếng,
Sao thấy con không vui?*

Lúc ấy, người mẹ Ưu-bà-di nói kệ đáp:

*Bỏ dục mà xuất gia,
Trở về muốn thụ hưởng;
Cho nên mẹ lo buồn,
Sợ bị Ma lung lạc.*

Sau khi Ưu-bà-di đã giác ngộ con mình như vậy, như vậy rồi, người con trở lại chỗ thanh vắng, tinh cần tư duy, đoạn trừ tất cả phiền não kết buộc, chứng đắc quả A-la-hán.

KINH 1240. A-LẠP QUỶ³⁵⁴

Tôi nghe như vậy:

³⁵⁴ Đại chánh, kinh 1326. S. 10. 12. Āḷavaṃ; No 100(325).

Một thời, Đức Phật ở tại nước Ma-kiệt-đề, du hành trong nhân gian, đến nghỉ đêm tại trú xứ của quý A-lạp³⁵⁵. Bấy giờ, quý A-lạp tập hội các quý thân. Lúc đó có quý Kiệt-đàm³⁵⁶ thấy Thế Tôn nghỉ đêm tại trú xứ của quý A-lạp, nó liền đi đến chỗ quý A-lạp, nói với quý A-lạp: “Này thôn chủ, ông được lợi lớn. Như Lai đã nghỉ đêm tại trú xứ ông.”

Quý A-lạp nói:

“Hôm nay có người sống ở tại nhà tôi sao? Bấy giờ phải làm cho rõ, là Như Lai hay chẳng phải là Như Lai.”

Quý A-lạp sau khi cùng các quý thân tụ tập xong, trở lại nhà mình, nó bảo Đức Thế Tôn:

“Sa-môn, đi ra!”

Thế Tôn, vì là nhà người, liền đi ra khỏi nhà.

Quý A-lạp lại nói:

“Sa-môn, đi vào!”

[364c] Đức Phật liền vào lại, vì muốn diệt kiêu mạn kia. Diễn ra ba lần như vậy. Đến lần thứ tư, quý A-lạp lại nói với Thế Tôn:

“Sa-môn, đi ra.”

Bấy giờ, Thế Tôn nói với quý A-lạp:

“Thôn chủ, đã ba lần mời rồi, bây giờ Ta không ra nữa.”

Quý A-lạp nói:

“Bây giờ, tôi hỏi Sa-môn. Sa-môn hãy trả lời tôi, làm cho tôi hoan hỷ thì tốt. Nếu không thể làm cho tôi hoan hỷ, tôi sẽ hủy hoại tâm của ông, làm vỡ ngực ông, làm cho máu nóng của ông từ đó vọt ra, nắm hai tay ông ném qua bờ bên kia sông Hằng.”

Thế Tôn bảo:

“Thôn chủ, Ta chưa từng thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên thần, Người đời nào mà có thể hủy hoại tâm Ta, làm vỡ

³⁵⁵ A-lạp quý 阿騰鬼. No 100(325): Khoáng dã dạ xoa 曠野夜叉. Pāli: *ālavako yakkho*.

³⁵⁶ Kiệt-đàm quý 竭曇鬼. No 100(325): Lô Câu 驢駒. Theo Hán dịch, Pāli có thể là Kharo (lừa con). Xem kinh Đại chánh 1324.

ngực Ta, làm cho máu nóng của Ta từ đó vọt ra, nắm hai tay ném qua bên kia bờ sông Hằng. Song, thôn chủ, nay ông cứ hỏi, Ta sẽ vì ông mà nói, khiến cho tâm ông được hoan hỷ.”

Khi ấy, quỷ A-lạp nói kệ hỏi Phật:

*Nói những gì gọi là,
Vật tối thắng của người³⁵⁷?
Thực hành những pháp gì,
Được quả báo an lạc?
Những gì là vị ngon?
Thọ mạng nào hơn cá³⁵⁸?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Trong các vật của người,
Tịnh tín là tối thắng.
Hành pháp được quả vui.
Vị giải thoát tối thượng.
Trí tuệ trừ già, chết,
Là thọ mạng bậc nhất.*

Quỷ A-lạp lại nói kệ:

*Làm sao được nổi danh,
... Như kệ đã nói ở trên.³⁵⁹*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Trì giới lừng danh tiếng,
... Như kệ đã nói ở trên.*

Khi ấy, quỷ A-lạp nói kệ:

*Mấy pháp khởi thế gian?
Mấy pháp tùy thuận nhau?*

³⁵⁷ Thắng sĩ phu sự vật 勝士夫事物. No 100(325): “Trong tất cả tài bảo, cái gì tối thắng?” Pāli: *kiṃsūḍha vittam purissa seṭṭham*, “Trong đời này, tài sản quý nhất của con người là gì?”

³⁵⁸ Vân hà thọ trung thắng 云何壽中勝. Pāli: *katham jīvaṃ jīvatamāhu seṭṭhan'ti*, “Sanh mạng nào cao thượng nhất trong các sanh mạng?”

³⁵⁹ Xem kinh Đại chánh 1282.

*Đời mấy pháp chấp thủ?
Đời mấy pháp tồn giảm?*³⁶⁰

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Đời sáu pháp nguyên khởi.
Sáu pháp tùy thuận nhau.
Đời sáu pháp chấp thủ.
Đời sáu pháp tồn giảm.*

Quỷ A-lạp nói kệ hỏi Phật:

[365a] *Ai hay qua các dòng,
Ngày đêm siêng phương tiện?
Không vin, không chỗ trụ,
Ai hay không đắm chìm?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Tất cả giới đầy đủ,
Trí tuệ khéo chánh thọ.
Trong chánh niệm tư duy,
Hay qua dòng khó qua.
Không ưa nơi ngũ dục,
Cũng vượt qua sắc ái;
Không vin, không chỗ trụ,
Ấy không bị đắm chìm.*

Quỷ A-lạp nói kệ hỏi Phật:

*Dùng pháp gì qua dòng?
Làm sao qua biển lớn?
Làm sao xa lìa khổ?
Làm sao được thanh tịnh?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

Dùng tín vượt qua dòng.

³⁶⁰ Xem kinh Đại chánh 1329.

*Không phóng dật qua biển.
Tinh tấn hay trừ khổ.
Nhờ tuệ được thanh tịnh.
Người nên hỏi điều khác,
Pháp Phạm chí, Sa-môn;
Pháp nào không sai lầm,
Chân đế, thí, điều phục³⁶¹.*

Quý A-lạp lại nói kệ hỏi Phật:

*Phiền gì hỏi chuyện khác,
Pháp Phạm chí, Sa-môn;
Tức nói người tối thắng,
Vì hiển đức pháp lớn.
Nơi Kiệt-đàm-ma³⁶² kia,
Thường phải báo ân này;
Bảo tôi: Đẳng Chánh Giác,
Bậc Vô Thượng Ngự Sư.
Tôi đi liền hôm nay,
Thôn nọ đến thôn kia;
Hầu hạ Đẳng Chánh Giác,
Để nghe Ngài nói pháp.*

Quý A-lạp sau khi nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ, rồi ra về.

KINH 1241. THỨC-CA-LA³⁶³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni Thức-ca-la³⁶⁴ ở trong chúng Tỳ-kheo-ni tại

³⁶¹ Tức sự thật, bổ thí và sự tự chế ngự. Pāli: *saccā, dāmmā, cāgā*.

³⁶² Kiệt-đàm-ma 竭曇摩, phiên âm khác của Khara, xem cht. trên

³⁶³ Đại chánh, kinh 1327. S. 10. 9-10. Sikkā; No 100(327).

³⁶⁴ Thức-ca-la 叔迦羅. Pāli: Sikkā bhikkhunī .No 100(327: Bạch Tịnh 白淨.

vườn vua, được mọi người thành Vương xá cung kính cúng dường như A-la-hán.

Một hôm, nhân ngày cát tinh³⁶⁵, dân chúng thành Vương xá tụ tập đại hội vui vẻ, nên ngày đó bỏ sót, không cúng dường. Lúc đó có một quý thần vì kính trọng Tỳ-kheo-ni ấy nên vào trong đường làng thành Vương xá, đến từng nhà nói kệ:

[365b] *Nhân dân thành Vương xá,*

Say sưa, ngủ mê mệt,

Không siêng cúng dường kia,

Tỳ-kheo-ni Thúc-ca.

Nhờ khéo tu các căn,

Tên gọi Thúc-ca-la;

Khéo nói pháp ly cấu,

Nơi Niết-bàn thanh lương.

Thuận nghe những lời ấy,

Suốt ngày vui không chán.

Nương trí tuệ nghe pháp,

Được qua dòng sanh tử.

Như thương nhân đi biển,

Nương vào sức Mã vương³⁶⁶.

Khi ấy có một vị Ưu-bà-tắc đem y cúng Tỳ-kheo-ni Thúc-ca-la; lại có một vị Ưu-bà-tắc đem thức ăn cúng dường. Lúc ấy, vị quý thần kia liền nói kệ:

Ưu-bà-tắc trí tuệ,

Được phước lợi rất nhiều;

Cúng y Thúc-ca-la,

Nên lìa các phiền não.

Ưu-bà-tắc trí tuệ,

³⁶⁵ Cát tinh nhật 吉星日. No 100(327): Lễ hội sao Câu-mật-dầu 俱蜜頭星會. Pāli: *komudī*, ngày rằm tháng Kattika, hay Ca-đề, tháng cuối mùa mưa.

³⁶⁶ Mã vương 馬王. Pāli: Valāhaka, ngựa thần của Chuyển luân vương.

Được phước lợi rất nhiều;

Vì cúng ăn Ca-la,

Nên lìa sự tích tụ.

Vị quỷ thần kia sau khi nói kệ xong, liền biến mất.

KINH 1242. TỖ-LA³⁶⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni Tỳ-la³⁶⁸ ở trong chúng Tỳ-kheo-ni tại vườn vua, thành Vương xá. Nhân ngày cát tinh³⁶⁹ dân chúng thành Vương xá tụ tập đại hội, nên ngày đó Tỳ-kheo-ni Tỳ-la không có người cúng dường. Lúc đó, có quỷ thần kính trọng Tỳ-kheo-ni Tỳ-la nên đi vào trong các đường làng hay đầu ngã tư đường, thành Vương xá, nói kệ:

Nhân dân thành Vương xá,

Say sưa ngủ mê mệt;

Tỳ-kheo-ni Tỳ-la,

Không người nào cúng dường.

Tỳ-kheo-ni Tỳ-la,

Dõng mãnh tu các căn;

Khéo nói pháp lìa cầu,

Pháp Niết-bàn thanh lương.

Tùy thuận điều được nói,

Suốt ngày vui không chán.

Nương trí tuệ nghe pháp,

Được qua dòng sanh tử.

Khi ấy, có một Ưu-bà-tắc đem y đến cúng Tỳ-kheo-ni Tỳ-la; lại có một Ưu-bà-tắc đem đồ ăn đến cúng dường. Khi ấy, vị quỷ thần kia liền nói kệ:

[365c] *Ưu-bà-tắc trí tuệ,*

³⁶⁷ Đại chánh, kinh 1328. S.10. 11. Vīrā; No 100(336).

³⁶⁸ Tỳ-la 毘羅. Pāli: Vīrā (bản Miến: Cīrā). No 100(326): Tỳ-tương 毘漿 (phụ chú: tiếng nước Tần nói là *hùng* 秦地).

³⁶⁹ Xem kinh Đại chánh 1327 trên

Nay được phước lợi nhiều;

Vì cúng y Tỳ-la,

Nên đoan được phiền não.

Ưu-bà-tắc trí tuệ,

Nay được phước lợi nhiều;

Vì cúng ăn Tỳ-la,

Nên lia các hòa hiệp.

Vị quỷ thần kia sau khi nói kệ xong, liền biến mất.

KINH 1243. HÊ-MA-BA-ĐÊ³⁷⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Thiên thần Sa-đa-kì-lị³⁷¹ và Thiên thần Hê-ma-ba-đê³⁷² cùng phát lời thề: ‘Nếu trong cung mình có vật báu xuất hiện, thì phải nói với nhau. Nếu không nói, mang tội vi ước.’

Lúc ấy, trong cung Thiên thần Hê-ma-ba-đê có xuất hiện vật báu chưa từng có là hoa ba-đàm-ma³⁷³. Hoa có nghìn cánh, lớn như bánh xe, cọng báu màu vàng. Lúc ấy Thiên thần Hê-ma-ba-đê sai người đến báo Sa-đa-kì-lị:

“Thưa thôn chủ, hôm nay trong cung chúng tôi bỗng xuất hiện một vật báu chưa từng có là hoa ba-đàm-ma. Hoa có nghìn cánh, lớn như bánh xe, cọng báu màu vàng, mời đến xem qua.”

Thiên thần Sa-đa-kì-lị liền sai người đến nhà Thiên thần Hê-ma-ba-đê nói rằng:

“Thưa thôn chủ, ba-đàm-ma trăm nghìn cánh ấy mà làm gì! Hôm nay trong cung chúng tôi có xuất hiện hoa ba-đàm-ma vĩ đại, của báu chưa từng có, tức là Đức Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự

³⁷⁰ Đại chánh, kinh 1329. Sn. 1. 9. Hemavata; No 100(328).

³⁷¹ Sa-đa-kỳ-lợi Thiên thần 娑多耆利天神. Pāli: Sātāgira. No 100(328): Thất Nhạc (= Satta-giri).

³⁷² Hê-ma-ba-đê Thiên thần 醯魔波低天神. No 100(328): Tuyết Sơn (= Himavati).

³⁷³ Ba-đàm-ma hoa 波曇摩華. Pāli: Paduma (sen đỏ). No 100(328): hoa sen nghìn cánh 千葉蓮花.

Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Thôn chủ có thể đến phụng sự cúng dường.”

Bấy giờ, Thiên thần Hê-ma-ba-đê liền cùng với năm trăm quyến thuộc đến chỗ Thiên thần Sa-đa-kì-lị nói kệ hỏi:

*Ngày rằm là thời tốt,
Ban đêm gặp hội vui;
Nên nói thọ trai gì,
Thọ từ La-hán nào?³⁷⁴*

Sa-đa-kì-lị nói kệ đáp:

*Hôm nay Phật Thế Tôn,
Tại thắng quốc Ma-kiệt,
Trụ tại thành Vương xá,
Vườn Trúc, Ca-lan-đà.
Diễn nói pháp vi diệu,
Diệt trừ khổ chúng sanh.
Khổ khổ và khổ tập,
Khổ diệt tận tác chứng;
Tám Thánh đạo thoát khổ,
An ổn đến Niết-bàn.
Nên đến để cúng dường,
Thế Tôn, La-hán tôi.*

[366a]Hê-ma-ba-đê nói kệ hỏi:

*Ngài có tâm nguyện vui,
Cứu giúp chúng sanh không?
Ngài với yêu, không yêu,
Tâm tưởng bình đẳng không?³⁷⁵*

³⁷⁴ Ân Thuận đọc là: *tùng hà La-hán thọ*, “thọ từ La-hán nào? No 100(328): “Ai là La-hán của ông?”

³⁷⁵ Nguyên Hán: thọ 受, nên sửa lại là ái 愛. No 100(328): ư ái bất ái giác 於愛不愛覺. Pāli: *kacci iṭṭhe anīṭṭhe ca, sankappassa vasīkatā?* Tâm tư vị ấy có tự tại nơi cái đáng yêu và không đáng yêu không?

Sa-đa-kì-lị nói kệ đáp:

*Ngài tâm từ, nguyện diệu,
Độ tất cả chúng sanh.
Vớ những yêu, không yêu,
Tâm tướng thường bình đẳng.*

Hê-ma-ba-đê nói kệ hỏi:

*Bậc cụ túc minh đạt,
Thành tựu chánh hành chưa?³⁷⁶
Các lậu diệt sạch hẳn,
Không tái sanh nữa ư?*

Sa-đa-kì-lị nói kệ đáp:

*Minh đạt khéo đầy đủ,
Đã thành tựu chánh hành;
Các lậu đã dứt hẳn,
Không tái sanh đời sau.*

Hê-ma-ba-đê nói kệ hỏi:

*Mâu-ni ý hành mãn,
Cùng nghiệp thân, miệng chẳng?
Minh hạnh đều đầy đủ,
Đúng pháp tán thán chẳng?*

Sa-đa-kì-lị nói kệ đáp:

*Tâm Mâu-ni đầy đủ,
Cùng nghiệp thân, miệng đầy;
Minh hạnh đều đầy đủ,
Đúng pháp mà tán thán.*

Hê-ma-ba-đê nói kệ hỏi:

*Xa lìa hại sanh mạng,
Không cho không lấy chẳng?
Có xa lìa phóng dăng,*

³⁷⁶ Pāli: *kacci vijāya sampanno, kacci samsuddhacaro*, “Đã thành tựu minh tuệ chưa? Sớ hành thanh tịnh chẳng?”

Không rời thiên tư chẳng?

Sa-đa-kì-lị nói kệ đáp:

*Thường không hại chúng sanh,
Không cho, không lấy càn;
Xa lìa nơi phóng đãng,
Ngày đêm thường thiên tư.*

Hê-ma-ba-đê nói kệ hỏi:

*Không ưa ngũ dục chẳng?
Tâm không trước loạn chẳng?
Có pháp nhãn thanh tịnh,
Diệt hẳn ngu si chẳng?*

Sa-đa-kì-lị nói kệ đáp:

*Tâm thường không ưa dục,
Tâm cũng không trước động;
[366b]Pháp nhãn Phật thanh tịnh,
Ngu si hết không còn.*

Hê-ma-ba-đê nói kệ hỏi:

*Chí thành không vọng ngữ,
Không nói lời thô chẳng?
Không nói lời ly gián,
Chỉ nói chân thành chẳng?*

Sa-đa-kì-lị nói kệ đáp:

*Chí thành không vọng ngữ,
Cũng không nói lời thô;
Không ly gián người khác,
Thường nói lời như pháp.*

Hê-ma-ba-đê nói kệ hỏi:

*Gìn giữ giới thanh tịnh,
Chánh niệm vắng lặng chẳng?
Đầy đủ pháp giải thoát,
Như Lai đại trí chẳng?*

Sa-đa-kì-lị nói kệ đáp:

*Tịnh giới đều đầy đủ,
Chánh niệm thường tịch tĩnh;
Thành tựu pháp giải thoát,
Đắc đại trí Như Lai.*

Hê-ma-ba-đê nói kệ hỏi:

*Minh đạt đều đầy đủ,
Chánh hạnh đã thanh tịnh;
Sở hữu các lậu hết,
Không còn tái sanh nữa?*

Sa-đa-kì-lị nói kệ đáp:

*Minh đạt đều đầy đủ,
Chánh hạnh đã thanh tịnh;
Tất cả các lậu hết,
Không còn tái sanh nữa.*

Hê-ma-ba-đê nói kệ hỏi:

*Mâu-ni đủ thiện tâm,
Cùng nghiệp đạo thân, miệng;
Minh hạnh đều đầy đủ,
Nên tán thán pháp này?*

Sa-đa-kì-lị nói kệ đáp:

*Mâu-ni đủ thiện tâm,
Cùng nghiệp đạo thân, miệng;
Minh hạnh đều đầy đủ,
Nơi pháp này tán thán.*

Hê-ma-ba-đê nói kệ hỏi:

*Đùi nai Y-ni-diên³⁷⁷,
Thắng tướng của Tiên nhân;
Ít ăn, xả thân tham,*

³⁷⁷ Y-ni-diên lộc 伊尼延鹿. Pāli: *enī*, sơn dương, có đùi (*jaṅghā*) thon dài, rất đẹp; một tướng của Phật (*enijaṅgham*). Đây chỉ Phật.

Chỗ Mâu-ni rừng thiên.

Nay ông hãy cùng đi,

Kính lễ Cù-đàm kia.³⁷⁸

[366c] Lúc ấy, Sa-đa-ki-lị và Hê-ma-ba-đê, có trăm nghìn quyến thuộc quý thần vây quanh, vội vàng đi đến chỗ Phật, đánh lễ cúng dường; sửa lại y phục, trích vai bên hữu, chấp tay kính lễ và nói kệ:

Đùi nai Y-ni-diên,

Thắng tướng của Tiên nhân;

Ít ăn, không tham đắm,

Mâu-ni ưa rừng thiên.

Hôm nay chúng con đến,

Thỉnh vấn Đức Cù-đàm.

Sư tử đi một mình,

Đại long không sợ hãi.

Nên nay đến thỉnh vấn.

Xin Mâu-ni quyết nghị:

Thế nào ra được khổ?

Làm sao giải thoát khổ?

Xin Ngài nói giải thoát,

Khổ diệt ở chỗ nào?

Thế Tôn nói kệ đáp:

Năm diệu dục ở đời,

Và thứ sáu là ý³⁷⁹;

Nơi dục kia không tham,

Giải thoát tất cả khổ.

Ra khỏi khổ như vậy.

Giải thoát khổ như vậy.

Nay đáp điều ông hỏi,

Khổ từ đây mà diệt.

³⁷⁸ Bài kệ này cũng thay nơi kinh Đại chánh 602 trên.

³⁷⁹ Xem kinh Đại chánh 602.

Sa-đa-kì-lị và Hê-ma-ba-đê lại nói kệ hỏi:

*Suối từ đâu quay lại,
Đường dữ sao không chuyển?³⁸⁰
Mọi khổ lạc thế gian,
Ở đâu mà diệt hết?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân,
Cùng với ý nhập xứ;
Nơi kia danh và sắc,
Vĩnh viễn không còn gì.
Nơi đó suối quay về,
Đó đường ác không chuyển.
Đối với khổ lạc kia,
Diệt hết không còn gì.*

Sa-đa-kì-lị và Hê-ma-ba-đê lại nói kệ:

*Thế gian mấy pháp khởi,
Mấy pháp đời hòa hợp;
Đời mấy pháp chấp thủ,
Mấy pháp khiến đời diệt?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Sáu pháp khởi thế gian,
Sáu pháp hòa hợp đời;
Sáu pháp chấp thủ đời,
Sáu pháp tổn giảm đời.*

[367a] Sa-đa-kì-lị và Hê-ma-ba-đê lại nói kệ hỏi:

*Làm sao qua các dòng,
Ngày đêm siêng phương tiện,
Không vin, không chỗ trụ,
Mà không chìm vực sâu?*

³⁸⁰ No 100(328): “Làm sao dòng suối chảy ngược lại? Nơi đâu không chỗ đứng?”

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Tất cả giới đầy đủ,
Trí tuệ khéo chánh thọ;
Như tư duy buộc niệm,
Thì qua được vực sâu.
Không ưa các dục tưởng,
Cũng vượt sắc trời buộc;
Không vin, không chỗ trụ,
Không chìm nơi vực sâu.*

Sa-đa-kì-lị và Hê-ma-ba-đê lại nói kệ hỏi:

*Pháp gì qua các dòng?
Làm sao vượt biển lớn?
Làm sao rời khỏi khổ?
Làm sao được thanh tịnh?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Chánh tín, qua các dòng.
Không phóng dật, vượt biển.
Tinh tấn hay dứt khổ,
Trí tuệ được thanh tịnh.*

Thế Tôn lại nói kệ tiếp:

*Ông có thể hỏi khác,
Pháp Phạm chí Sa-môn;
Chân thật, thí, điều phục,
Ngoài đây không pháp nào?³⁸¹*

Hê-ma-ba-đê lại nói kệ:

*Cần gì hỏi chỗ khác,
Pháp Phạm chí, Sa-môn?
Hôm nay Đại Tinh Tấn,
Đã khéo léo dẫn khai.*

³⁸¹ Xem kinh Đại chánh 1326 trên.

*Nay con nên báo đáp,
Ơn Sa-đa-kì-lị,
Hướng dẫn đến Ngự Sư,
Bảo với chúng con rằng:
Con nên đến thôn xóm,
Theo Phật đến mọi nhà;
Thừa sự, lễ, cúng dường,
Theo Phật nghe chánh pháp.
Trăm nghìn quý thần này,
Đều chấp tay cung kính;
Tất cả quy y Phật,
Bậc Đại Sư Mâu-ni.
Đáng danh xưng Vô Thượng,
Ắt thấy nghĩa chân thật;
Thành tựu trí tuệ lớn,
Với đức không nhiễm trước.
Người trí nên quan sát,
Cứu giúp kẻ thế gian;
[367b]Được dấu đạo Hiền thánh,
Đó là Đại Tiên Nhân.*

Phật nói kinh này xong. Sa-đa-kì-lị và Hê-ma-ba-đê cùng các quyến thuộc năm trăm quý thần nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ lễ Phật, rồi ra về.

KINH 1244. ƯU-BA-GIÀ-TRA³⁸²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Mục-kiền-liên đang trú trong núi Kỳ-xà-quật. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất mới cạo râu tóc, có

³⁸² Đại chánh, kinh 1330. Pāli: Ud. 4. 4. Juṇha (Yakkhapahāra); No 100(329).

con quỷ Già-tra và Ưu-ba-già-tra³⁸³ đi ngang qua. Quỷ Ưu-ba-già-tra thấy Tôn giả Xá-lợi-phất mới cạo râu tóc, bèn nói với quỷ Già-tra:

“Bây giờ tôi sẽ đến đánh đầu của Sa-môn kia.”

Quỷ Già-tra nói:

“Ưu-ba-già-tra, anh chớ nói vậy! Sa-môn này có thần lực, đức độ lớn. Anh chớ làm vậy, nếu không sẽ chịu khổ lâu dài, không được lợi ích.” Ba lần nói như vậy, mà quỷ Ưu-ba-già-tra sau ba lần can gián vẫn không nghe lời quỷ Già-tra. Nó liền dùng tay đánh đầu Tôn giả Xá-lợi-phất, đánh xong, rồi tự kêu lên rằng:

“Già-tra, tôi bị thiếu! Già-tra, tôi bị luộc!” Kêu lên ba lần rồi, liền bị vùi vào trong đất, đọa xuống địa ngục A-tỳ.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nghe tiếng động do con quỷ đánh Tôn giả Xá-lợi-phất, liền đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Thế nào, Tôn giả, có thể chịu được sự đau đớn đó không?”

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời:

“Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, tuy có đau đớn, nhưng ý có thể chịu đựng, không đến nỗi đau quá.”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Kỳ diệu thay, Tôn giả Xá-lợi-phất! Thật là thần lực, đức độ lớn. Con quỷ này nếu dùng tay đánh núi Kỳ-xà-quật, sẽ khiến núi nát ra như cám, huống là đánh vào người mà không đau đớn?”

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

“Thật ra là tôi không đau đớn lắm!”

Khi Tôn giả Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên cùng úy lạo nhau như vậy, Đức Thế Tôn dùng thiên nhĩ nghe những lời này. Nghe xong, liền nói kệ:

Tâm kia như đá cứng,

³⁸³ Già-tra, Ưu-ba-già-tra quỷ 伽吒 優波伽吒鬼. No 100(329): Hại, Phục Hại 害復害. Pāli: *dve yakkhā sahāyakā*, hai con quỷ dạ-xoa, bạn của nhau, không nói tên. Theo các bản Hán, Pāli có thể là Ghata, Upaghata, nhưng không thấy trong các tài liệu Pāli.

*Trụ vững không lay động;
Đã lia tâm nhiễm trước,
Người sân không trả lại.
Nếu tu tâm như vậy,
Sao có nỗi đờn đau!*

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

40. TƯƠNG ƯNG LÂM¹

KINH 1245. CHÚNG ĐA²

[367c] Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bảy giờ, có nhiều Tỳ-kheo ở nước Câu-tát-la du hành trong nhân gian, kết hạ an cư trong một khu rừng. Trong rừng này có Thiên thần ở, biết đến ngày mười lăm các Tỳ-kheo nhận tuổi³, nên rất lấy làm buồn bã. Có vị Thiên thần khác nói với vị Thiên thần kia:

“Cớ sao anh sanh ra buồn rầu khổ não? Anh nên hoan hỷ, vì các Tỳ-kheo trì giới thanh tịnh, hôm nay nhận tuổi.”

Thiên thần trong rừng đáp:

“Tôi biết các Tỳ-kheo hôm nay mãn hạ, nhưng không giống ngoại đạo không xấu hổ⁴ nhận tuổi. Những Tỳ-kheo tinh tấn nhận tuổi, là sáng hôm sau ôm bát đi đến nơi khác, rừng này sẽ vắng vẻ.”

Sau khi các Tỳ-kheo đi rồi, Thiên thần trong rừng nói kệ:

*Nay tâm tôi không vui,
Chỉ thấy rừng trống vắng.
Tâm thanh tịnh thuyết pháp,
Các Tỳ-kheo đã vắng,
Đệ tử Đấng Cù-đàm,
Nay đang đến xứ nào?*

Khi ấy, có Thiên tử khác nói kệ:

*Người đến Ma-già-đà,
Người đến Câu-tát-la;*

¹ Tương ưng lâm, gồm các kinh Đại chánh 1331-1362 (nửa sau quyển 50). Ấn Thuận, “Tụng V. Bát chúng. 27. Tương ưng lâm.” Phần lớn tương đương Pāli: S.9. Vanasamvutta.

² Đại chánh, kinh 1331, Pāli: S.9.4. Sambahula (Cārika); No 100(351).

³ Nguyên Hán: thọ tuế 受歲, hết mùa an cư, Tỳ-kheo nhận tuổi hạ. Pāli: *vasamvuttha*.

⁴ Vô tu ngoại đạo 無羞外道, ngoại đạo không biết xấu hổ; thường chỉ các nhóm Ca-cưu-đà Ca-chiên-diên (Pāli: Kakudha-Kaccāyana), Ni-kiền Tử (Pāli: Nigantha) và những nhóm lõa hình khác. Ở đây, Ud. 9.4, chỉ các nhóm Cārika, các ngoại đạo du hành.

*Hoặc đến Kim cương địa⁵,
Mọi nơi, tu viễn ly.
Giống như cầm thú hoang,
Tùy sở thích dạo chơi.*

KINH 1246. THỤY MIÊN⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có các Tỳ-kheo ở nước Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, kết hạ an cư trong một khu rừng. Ban ngày thì nhập chánh thọ,⁷ thân thể mệt mỏi, còn đêm đến thì ngủ. Lúc đó, trong rừng kia có Thiên thần trú ngụ, tự nghĩ: ‘Đây không phải là pháp Tỳ-kheo. Ở trong rừng vắng, ban ngày nhập chánh thọ, ban đêm lại ham ngủ nghỉ. Bấy giờ ta sẽ đến thức tỉnh vị ấy.’ Thiên thần đến trước Tỳ-kheo nói kệ:

*Tỳ-kheo! Thầy tỉnh dậy!
Vì sao ham ngủ nghỉ?
Ngủ nghỉ có lợi gì?
Khi bệnh sao không ngủ?
Khi gai nhọn đâm thân,
Làm sao ngủ nghỉ được?
Ngài vốn xả, không nhà,
Ý muốn đi xuất gia.
Nên như ý muốn xưa,
Cầu tăng tiến ngày đêm;
Chớ rơi vào mê ngủ,
Khiến tâm không tự tại.*

[368a] *Dục vô thường, biến đổi,*

⁵ Kim cương địa 金剛地. No 100(351): Tỳ-xá-ly quốc 毘舍離國. Pāli: Vajjibhūmi, lãnh thổ của người Vajji mà thủ phủ là Vesali, Tỳ-xá-li). Bản Hán đọc là Vajirabhūmi.

⁶ Đại chánh, kinh 1332. S. 9. 2. Upaṭṭhāna; No 100(352).

⁷ Tức ngủ ngày.

Say mê nơi người ngu.
Người khác đều bị trói,
Nay ngài đã cởi trói,
Chánh tín mà xuất gia,
Vì sao ham ngủ nghỉ?
Đã điều phục tham dục,
Tâm kia được giải thoát.
Trí thắng diệu đầy đủ,
Xuất gia, sao ham ngủ?
Cần tinh tấn chánh thọ,
Thường tu sức kiên cố.
Chuyên cầu Bát-niết-bàn,
Tại sao mà ham ngủ?
Khởi minh, đoạn vô minh,
Diệt tận các hữu lậu.
Điều phục thân sau cùng,
Tại sao ham ngủ nghỉ?

Khi vị Thiên thần kia nói kệ, Tỳ-kheo này nghe xong, chuyên tinh tu duy đắc A-la-hán.

KINH 1247. VIỄN LY⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở trong rừng Câu-tát-la, nhập chánh thọ ban ngày, tâm khởi giác bất thiện, nương vào ác tham. Lúc đó, trong rừng này có vị Thiên thần đang trú ngụ, tự nghĩ: ‘Đây không phải là pháp Tỳ-kheo, ở trong rừng nhập chánh thọ ban ngày, tâm khởi giác bất thiện⁹, nương vào ác tham. Bấy giờ ta nên đến làm tỉnh ngộ vị ấy.’ Thiên thần kia liền nói kệ:

Tâm kia muốn viễn ly,

⁸ Đại chánh, kinh 133. S. 9. 1. Viveka; No 100(353).

⁹ Bất thiện giác 不善覺, tức bất thiện tầm 不善尋, tư duy tầm cầu bất thiện.

Cư ngụ nơi rừng vắng,
Phóng tâm theo ngoại duyên,
Dong ruổi theo loạn tướng.
Chế ngự tâm mê đời,
Luôn vui tâm giải thoát.
Nên xả tâm không vui,
Chấp thọ, sống an lạc¹⁰.
Tư duy không chánh niệm¹¹,
Chớ chấp ngã, ngã sở;
Như để bụi dính đầu,
Nếu dính rất khó phủi¹².
Chớ đắm nhiễm lạc dục,
Tâm bị dục vẫn đục;
Như Thích quân¹³ cỡi voi,
Ruổi nhanh, giữ sạch bụi.
Tỳ-kheo đối tự thân,
Chánh niệm, trừ bụi bản;
Bụi, ấy là tham dục,
Chẳng phải bụi thế gian.
Người trí tuệ sáng suốt,
Phải tỏ bụi bản kia;
Nơi pháp luật Như Lai,

¹⁰ No 100(353): “Ông hãy xả bỏ tâm không hoan hỷ, mà an tâm hoan hỷ với pháp này.” Pāli: *aratim pajahāsi sato, bhāvasi sataṃ taṃ sārāyāmaṣe*, “ông chánh niệm, trừ bỏ sự bất mãn, chúng tôi ca ngợi ông là thiện nhân”.

¹¹ Tư phi ư chánh niệm 思非於正念.

¹² Pāli: *pātālarajo hi duttaro, mā taṃ kāmarajo avāhasi*, “bụi trần địa ngục thật khó trừ; ông chớ mang theo bụi trần ái dục.”

¹³ hích quân 釋君; chi Thiên đế Thích? Pāli: *sākuṇo yathā paṃsukunthito, vidhumaṃ pātayati sitaṃ rajam*, “như con chim vùi mình trong cát, rùng mình, bụi rơi hết”.
Bản Hán đọc: *sakkanāga...?*

Giữ tâm, chớ buông lung.

[386b] *Bụi bấn là sân nhuế,*

Chẳng phải bụi thế gian;

Người trí tuệ sáng suốt,

Phải tỏ trần cấu kia.

Nơi pháp luật Như Lai,

Giữ tâm, chớ buông lung.

Bụi bấn là ngu si,

Chẳng phải bụi thế gian.

Người trí tuệ sáng suốt,

Phải xả trần cấu kia;

Nơi pháp luật Như Lai,

Giữ tâm không buông lung.

Sau khi Thiên thần kia nói kệ rồi, Tỳ-kheo này nghe những gì vị kia đã nói, chuyên tinh tư duy, trừ bỏ phiền não, đắc A-la-hán.

KINH 1248. BÁT CHÁNH TƯ DUY¹⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la du hành trong nhân gian, dừng nghỉ trong một khu rừng, nhập chánh thọ ban ngày, khởi tư duy bất chính¹⁵. Lúc đó có một Thiên thần đang ở trong rừng này, tự nghĩ: ‘Đây không phải là pháp Tỳ-kheo, ở trong rừng nhập chánh thọ ban ngày mà khởi tư duy bất chính. Bấy giờ ta nên đến dùng phương tiện khéo làm tỉnh ngộ vị ấy.’ Thiên thần kia nói kệ:

Sao tư duy bất chính,

Bị giác quán nuốt chửng?

Nên bỏ niệm bất chính,

Chuyên tu nơi chánh thọ.

¹⁴ Đại chánh, kinh 1334. S. 9. 11. Ayoniso; No 100(354).

¹⁵ Pāli: *pāpake akusale vittake vitakketi*, tâm cầu nơi ác bất thiện tâm.

Tôn trọng Phật, Pháp, Tăng,

Và tự giữ tịnh giới.

Luôn sanh tâm tùy hỷ,

Hỷ lạc càng tăng tiến.

Nhờ tâm hoan hỷ đó,

Cứu cánh, thoát khổ nhanh.

Sau khi Thiên thần kia nói kệ khuyến khích rồi, Tỳ-kheo này chuyên tinh tư duy, tận trừ các phiền não, đắc A-la-hán.

KINH 1249. GIỮA TRƯA¹⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la du hành trong nhân gian, ở trong một khu rừng, nhập chánh thọ ban ngày, vào lúc giữa trưa. Tỳ-kheo kia sanh tâm không vui, nói kệ:

Nơi đây trời đứng bóng,

Chim chóc đều lặng thinh;

Hoang vắng chợt có tiếng,

Làm tâm ta sợ hãi.

Lúc ấy, Thiên thần ở trong rừng kia nói kệ:

Hôm nay trời đứng bóng,

Chim chóc đều lặng thinh;

[368c]*Hoang vắng chợt có tiếng,*

Vì tâm ông không vui.

Hãy xả tâm không vui,

Chuyên vui tu chánh thọ.

Sau khi Thiên thần kia nói kệ làm cho Tỳ-kheo này tỉnh ngộ rồi, Tỳ-kheo này chuyên tinh tư duy, trừ bỏ phiền não, đắc A-la-hán.

KINH 1250. A-NA-LUẬT¹⁷

Tôi nghe như vậy:

¹⁶ Đại chánh, kinh 1335. S. 9. 12. Majjhantika; No 100(355).

¹⁷ Đại chánh, kinh 1336. S. 9. 6. Anuruddha; No 100(356).

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật-đà ở nước Câu-tát-la du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng. Bấy giờ có Thiên thần tên là Xà-lân-ni¹⁸ là thiện tri thức trước kia của Tôn giả A-na-luật, đến chỗ Tôn giả A-na-luật. Sau khi đến chỗ A-na-luật rồi nói kệ:

*Nay ngài hãy phát nguyện,
Nguyện sanh về chốn cũ;
Lên trời Tam thập tam,
Vui ngũ dục đầy đủ.
Hàng trăm thứ âm nhạc,
Thường dùng để tự vui;
Mỗi khi đến giờ ngủ,
Âm nhạc báo thức giấc.
Hàng chư Thiên ngọc nữ,
Hầu hai bên ngày đêm.*

Tôn giả A-na-luật nói kệ đáp:

*Hàng chư Thiên ngọc nữ,
Chúng là khối khổ lớn.
Vì tưởng điên đảo kia,
Bị trói hữu thân kiến.
Người cầu sanh nơi đó,
Đấy cũng là khổ lớn.
Xà-lân-ni, nên biết,
Ta không nguyện sanh kia.
Sanh tử đã hết hẳn,
Không còn tái sanh nữa.*

Sau khi Tôn giả A-na-luật nói những lời này, Thiên tử Xà-lân-ni nghe những gì Tôn giả A-na-luật nói, hoan hỷ, tùy hỷ liền biến mất.

¹⁸ Xà-lân-ni thiên tử 閻鄰尼天子. Pāli: devatā Jālinī. No 100(356): Vợ cũ của A-na-luật, đã tái sinh lên trời.

KINH 1251. TỤNG KINH¹⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng, siêng tụng kinh, siêng giảng thuyết, tinh tấn tư duy, đắc quả A-la-hán. Sau khi chứng quả rồi, không còn siêng tụng kinh, giảng thuyết nữa. Khi ấy có vị Thiên thần đang ở trong rừng đó, nói kệ:

*Tỳ-kheo! Ngài trước kia,
Ngày đêm siêng tụng tập;
Luôn vì các Tỳ-kheo,
Cùng luận nghĩa quyết định,
[369a] Nay, ngài đổi pháp cú,
Im lặng không mở lời;
Không vì các Tỳ-kheo,
Cùng luận nghĩa quyết định.*

ỳ-kheo kia nói kệ đáp:

*Xưa, vì chưa ly dục,
Tâm thương ưa pháp cú.
Nay, vì đã ly dục,
Việc tụng thuyết đã xong.
Trước, biết đạo đã đủ,
Thấy, nghe đạo làm gì?
Các thấy, nghe thế gian,
Bằng chánh trí²⁰ buông hết.*

Sau khi Thiên thần nghe những gì Tỳ-kheo nói, hoan hỷ, tùy hỷ, liền biến mất.

¹⁹ Đại chánh, kinh 1337. S. 9. 10. Sajjhāya; No 100(357).

²⁰ Đề bản: bất tri 不知. TNM: bất như 不如. Cf. Pāli: *yam kiñci diṭṭham vā sutam vā mutam vā, aññāya nikkhepanamāhu santo*, bất cứ những gì được thấy, nghe, biết, đều bằng chánh trí mà xả hết. Trong bản Hán, *aññāya* (bằng chánh trí), được hiểu là *aññāya*: vô tri.

KINH 1252. BÁT-ĐÀM-MA²¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng. Tỳ-kheo này bị bệnh mắt, vâng lời thầy thuốc dạy phải ngửi hoa bát-đàm-ma. Sau khi Tỳ-kheo kia nhận lời dạy của thầy rồi, liền đến bờ ao hoa bát-đàm-ma, ngồi theo chiều gió bên bờ ao và theo gió mà ngửi hương. Khi đó có vị Thiên thần chủ hồ này nói với Tỳ-kheo:

“Vì sao ngài trộm hoa? Ngài nay là giặc trộm hương!”

Bấy giờ, Tỳ-kheo nói kệ đáp:

*Không phá cũng không đoạt,
Đứng xa ngửi hương bay.
Tại sao nay ông nói,
Ta là giặc trộm hương?*

Lúc ấy, Thiên thần nói kệ:

*Không xin mà tự lấy,
Thế gian gọi là giặc.
Ông, nay người không cho,
Mà tự đến ngửi lấy;
Thì thế gian gọi là,
Giặc trộm hương thật sự.*

Lúc đó có một người nhỏ ngõ sen kia, vác củ đi. Bấy giờ Tỳ-kheo nói kệ cho Thiên thần kia:

*Hiện tại, như người kia,
Bẻ gãy phân-đà-lợi,
Nhỏ rẽ vác củ đi,
Mới là người gian xảo.
Vì sao ông không ngăn,
Mà nói ta trộm hương?*

Thiên thần kia nói kệ đáp:

²¹ Đại chánh, kinh 1338. S. 9. 14. Padumapuppha; No 100(358).

Người gian xảo cuồng loạn,
Giống như áo nhũ mầu;
Đủ thiếu gì nói thêm!²²
Nên mới nói cùng ngài.

[369b] Ca-sa, không thấy bản,
Áo đen, mực chẳng dơ.

Người hung ác gian xảo,
Thế gian không nói tới.

Chân ruồi dơ lụa trắng;
Kẻ sáng, thấy vết nhỏ.

Như mực dính hạt châu,
Tuy nhỏ nhưng thấy hết.

Thường theo kia cầu tịnh,
Không kết, lìa phiền não,

Ác tuy như lông tóc,
Người thấy như thái sơn.

Tỳ-kheo kia lại nói kệ:

Nói hay thay! Hay thay!

Dùng nghĩa an ủi tôi.

Ông hãy thường vì tôi,

Luôn luôn nói kệ này.

Thiên thần kia lại nói kệ:

Tôi chẳng phải nô lệ

Ngài mua, hay người cho;

Làm sao luôn theo ngài,

²² No 100(358): “Như bà mẹ cho con bú, mặc chiếc áo đen, tuy bị dính nước giải, cũng chẳng thấy xấu hổ gì”. Pāli: *ākiṇṇaluddo puriso, dhāticelaṃvā makkhito, tasmim me vacanam natthi*, hạng người hung bạo, dơ bẩn như chiếc áo của bà vú; tôi không nói đến hạng người ấy.

Lúc nào cũng nhắc nhở?

Nay ngài nên tự biết,

Mọi việc lợi ích kia.

Sau khi Thiên thần kia nói rồi, Tỳ-kheo này nghe những gì người ấy nói, hoan hỷ, tùy hỷ từ chỗ ngồi đứng dậy ra về, một mình nơi chỗ thanh vắng, chuyên tinh tư duy, đoạn các phiền não, đắc A-la-hán.

KINH 1253. THỢ SĂN²³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Tôn giả Thập Lực Ca-diếp²⁴ đang ở trong hang Tiên nhân²⁵, thành Vương xá. Lúc đó, có người thợ săn tên là Xích Chi,²⁶ cách Tôn giả Thập Lực Ca-diếp không xa, giăng lưới bắt nai. Bấy giờ, Tôn giả Thập Lực Ca-diếp vì thương xót người thợ săn kia nên thuyết pháp. Nhưng lúc đó người thợ săn kia không hiểu những gì ngài nói. Tôn giả Thập Lực Ca-diếp bèn dùng thần lực làm lửa cháy đầu ngón tay, nhưng ông vẫn không hiểu. Bấy giờ, Thiên thần đang ở trong hang Tiên nhân, nói kệ:

Thợ săn trong núi sâu,

Ít trí, mù không mắt.

Sao nói không đúng thời,

Đức mỏng, không tuệ biện?

Đã nghe cũng không hiểu,

Trong sáng cũng không thấy;

Đối mọi pháp thiện thắng,

Ngu si chẳng thể tỏ.

Dù đốt mười ngón tay,

Chúng trợn không kiến đế.

²³ Đại chánh, kinh 1339. S. 9. 3. Kassapagotta; No 100(359).

²⁴ Thập Lực Ca-diếp 十力迦葉. Pāli: Kassapagotta.

²⁵ Tiên nhân quật 仙人窟. No 100(359): Thê-ni quật 逐泥窟.

²⁶ Xích Chi 尺只. No 100(358): Liên-ca 連迦.

Sau khi Thiên thần nói kệ này xong, Tôn giả Thập Lục Ca-diếp ngồi [369c] im lặng.

KINH 1254. KIÊU-MÂU-NI²⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Tôn giả Kim Cang Tử²⁸ ở một nơi trong rừng, tại ấp Ba-liên-phát²⁹. Lúc đó dân chúng ấp Ba-liên-phát qua bốn tháng mùa hạ, mở đại hội Kiêu-mâu-ni³⁰. Bấy giờ, Tôn giả Kim Cang Tử nghe dân chúng mở đại hội, sanh tâm không vui, nói kệ:

*Một mình ở rừng vắng,
Giống cây khô bị bỏ.
Mùa hạ cuối tháng tư,
Thế gian ưa trang nghiêm.
Xem khắp các thế gian,
Không ai khổ hơn ta.*

Khi ấy vị Thiên thần ở trong rừng liền nói kệ:

*Một mình ở rừng vắng,
Giống cây khô bị bỏ.
Làm trời Tam thập tam,
Tâm thường mong an vui.
Giống như trong địa ngục,
Mong tưởng sanh cõi người.*

Lúc đó Kim Cang Tử được vị Thiên thần khuyến khích rồi, chuyên tinh tư duy, đoạn các phiền não, đắc A-la-hán.

²⁷ Đại chánh, kinh 1340. Pāli, S.9. 9. Vajjiputta; No 100(360).

²⁸ Kim Cang Tử 金剛子. No 100(360): Bạt-kỳ tử. Pāli: Vajjiputta. Bản Hán đọc là Vajiraputta.

²⁹ Ba-liên-phát 巴連弗.

³⁰ Kiêu-mâu-ni đại hội 憍牟尼大會. No 100(36): Câu-mật-dề đại hội 拘蜜提大會. Pāli: Komudī; đại hội ngày trăng tròn tháng Kattika, tháng cuối mùa mưa. S. 9. 9: *sabbaracāro*, dạ hành đại hội, lễ hội suốt đêm.

KINH 1255. CHỈ TRÌ GIỚI³¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng, vì chỉ thích trì giới, nên công đức không thể tăng tiến lên được. Lúc đó vị Thiên thần trong rừng tự nghĩ: ‘Đây không phải là pháp Tỳ-kheo trụ ở trong rừng, vì chỉ thích trì giới, nên công đức không thể tăng tiến lên được. Nay ta phải dùng phương tiện làm tình ngộ vị ấy.’ Liền nói kệ:

*Chẳng phải chỉ trì giới,
Cùng tu tập đa văn;
Độc tĩnh thiền tam-muội,
Nhàn cư tu viễn ly.
Tỳ-kheo thiên khinh an,
Trọn không hết lậu được.
Vui chánh giác bình đẳng,
Xa lìa bợn phàm phu.*

Tỳ-kheo được Thiên thần khuyên tinh tấn, chuyên tinh tư duy, đoạn các phiền não, đắc A-la-hán.

KINH 1256. NA-CA-ĐẠT-ĐA³²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tôn giả Na-ca-đạt-đa³³ ở nước Câu-tát-la du hành trong nhân gian, [370a] nghỉ lại trong một khu rừng. Lúc ấy, có người tại gia xuất gia, thường gần gũi nhau³⁴. Thiên thần ở trong rừng kia tự nghĩ: ‘Đây không phải là pháp Tỳ-kheo ở trong rừng, người xuất gia và tại gia cùng nhau thân cận, nay ta phải đến dùng phương tiện cảnh tỉnh.’ Thiên thần liền nói kệ:

Tỳ-kheo sớm ra đi,

³¹ Đại chánh, kinh 1341. Biệt dịch, No 100(361).

³² Đại chánh, kinh 1342. S. 9. 7. Nāgadatta; No 100(362).

³³ Na-ca-đạt-đa 那迦達多. No 100(362): Long Dữ 龍與. Pāli: Nāgadatta.

³⁴ No 100(362): “ham mê pháp tại gia; sáng sớm vào xóm; chiều tối mới trở về”.

*Gần tới trở về rừng.
Đạo tục gần gũi nhau,
Khổ vui cùng chia sẻ.
E buông thói tục gia,
Để cho ma lung lạc.*

Khi Tỳ-kheo Na-ca-đạt-đa được Thiên thần kia nhắc nhở như vậy rồi, chuyên tinh tư duy như vậy như vậy, đoạn các phiền não, đắc A-la-hán.

KINH 1257. PHÓNG TÚNG³⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có các Tỳ-kheo ở Câu-tát-la du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng, nói năng cười giỡn suốt ngày, tâm tán loạn không định được, buông thả các căn, chạy theo sáu cảnh. Lúc ấy Thiên thần ở trong rừng này thấy những Tỳ-kheo này không thu nhiếp oai nghi, tâm không vui, bèn nói kệ:

*Trước đây chúng đệ tử
Chánh mạng của Cù-đàm,
Tâm vô thường³⁶, khát thực,
Vô thường, dùng giường chõng.
Quán thế gian vô thường,
Nên cứu cánh thoát khổ.
Nay có chúng khó nuôi,
Sống ở chỗ Sa-môn.
Xin ăn uống mọi nơi,
Đạo khắp hết mọi nhà;
Mong của mà xuất gia,
Không phải nguyện Sa-môn.
Tăng-già-lê lét phết,*

³⁵ Đại chánh, kinh 1343. S. 9. 13. Pākatindriya (Sambahulā bhikkhū); No 100(363).

³⁶ Vô thường tâm 無常心; tâm quán vô thường. No 100(363): thường tư duy vô thường 常思於無常.

Như trâu già kéo đuôi.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nói với Thiên thần:

“Ông chán ghét chúng tôi chăng?”

Thiên thần kia lại nói kệ:

*Không chỉ tên dòng họ,
Không nêu đích danh ai,
Mà nói chung chúng này,
Nêu rõ điều bất thiện.
Tướng lậu hoặc mới bày,
Phương tiện chỉ lỗi lầm.
Ai siêng năng tu tập,
Tôi quy y kính lễ.*

Sau khi được Thiên thần nhắc nhở rồi, các Tỳ-kheo kia đều chuyên tinh tư duy, đoạn các [370b] phiền não, đắc A-la-hán.

KINH 1258. GIA PHỤ³⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng. Lúc ấy, Tỳ-kheo kia đùa giỡn với vợ con của gia chủ, bị mang tiếng xấu. Tỳ-kheo tự nghĩ: ‘Nay ta hỏng mất, mang tiếng xấu chung đặng vợ con người. Nay ta muốn tự sát ở trong rừng này.’

Lúc ấy Thiên thần ở trong rừng kia tự nghĩ: ‘Không tốt, hỏng mất rồi! Tỳ-kheo này không hư hỏng, không lỗi lầm, mà muốn tự sát ở trong rừng. Bây giờ, ta hãy đến đó tìm cách khai ngộ.’

Lúc ấy, Thiên thần kia hóa thân thành con gái của gia chủ, nói với Tỳ-kheo rằng: ‘Nơi các đường làng, giữa các ngã tư đường, mọi người đều đồn tiếng xấu về tôi và ngài rằng đã gần gũi nhau, làm những việc bất chính. Vốn đã mang tiếng xấu rồi, bây giờ ông có thể hoàn tục để cùng nhau hưởng lạc.’

Tỳ-kheo đáp:

³⁷ Đại chánh, kinh 1344. S. 9. 8. Ogāḷho (Kulagharanī): No 100(364).

‘Nơi các đường làng, giữa các ngã tư đường, mọi người đều đồn tiếng xấu về tôi và các cô đã cùng gằn gũ nhau, làm những việc bất chính. Hôm nay tôi chỉ còn tự sát.’

Lúc ấy, Thiên thần kia liền hiện lại thân Trời, nói kệ:

*Tuy mang nhiều tiếng xấu,
Người khổ hạnh nên nhẫn;
Không vì khổ, tự hại,
Cũng không nên sanh phiền.
Nghe tiếng mà sợ hãi,
Ấy là thú trong rừng;
Là chúng sanh khinh tháo,
Không thành pháp xuất gia.
Nhân giả nên nhẫn nại,
Không vướng vào tiếng xấu;
Giữ tâm, trụ vững chắc,
Đó là pháp xuất gia.
Không vì người ta nói,
Mà mình thành giặc cướp;
Cũng không vì người nói,
Mà mình đắc A-la-hán.
Nhu ngài đã tự biết,
Chư Thiên cũng biết vậy.*

Sau khi được Thiên thần kia khai ngộ rồi, chuyên tinh tu duy, đoạn trừ các phiền não, đắc A-la-hán.

KINH 1259. KIẾN-ĐA³⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tôn giả Tỳ-kheo Kiến-đa³⁹, ở Câu-tát-la du hành

³⁸ Đại chánh, kinh 135.

³⁹ Kiến-đa 見多.

trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng, trì y phần tảo. Lúc đó, Phạm thiên vương cùng với bảy trăm vị trời Phạm thiên [370c] cõi cung điện⁴⁰ của họ đến chỗ Tôn giả Tỳ-kheo Kiến-đa, cung kính lễ bái. Lúc ấy có Thiên thần ở trong rừng ấy nói kệ:

*Thấy kia các căn lặng,
Cảm đến, thiện cúng dường;
Đạt ba minh đầy đủ,
Được pháp không lay động.
Độ tất cả phương tiện,
Y phần tảo, ít việc.
Bảy trăm vị Phạm thiên,
Nương cung điện đến đây.
Thấy sanh tử hữu biên,
Lẽ vị vượt bờ hữu.*

Sau khi Thiên thần kia nói kệ tán thán Tỳ-kheo Kiến-đa xong, liền biến mất.

KINH 1260. THỤY MIÊN⁴¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng. Lúc này, thân thể Tỳ-kheo ấy mỗi mệt, ban đêm đến ngủ say. Lúc đó, có Thiên thần ở trong rừng này đến nhắc nhở, liền nói kệ:

*Hãy tỉnh dậy Tỳ-kheo!
Vì sao lại ngủ mê?
Ngủ nghỉ có nghĩa gì?
Tu thiền chớ ngủ nghỉ.*

Tỳ-kheo kia nói kệ đáp:

*Không khứng, nên làm sao?
Lười biếng ít phương tiện;*

⁴⁰ Cung điện, đây được hiểu là cỗ xe trời. Pāli: *vimāna*.

⁴¹ Đại chánh, kinh 1346.

*Duyên hết, thân thể suy,
Nên đêm đến ngủ mê.*

Thiên thần kia lại nói kệ:

*Ông cần nên giữ gìn,
Vật có tiếng, kêu lớn;
Ông đã được tu nhân,
Chớ để cho thoái thất.*

Tỳ-kheo kia nói kệ đáp:

*Tôi sẽ theo lời ông,
Tinh cần tu phương tiện;
Không vì mê ngủ kia,
Luôn bao phủ tâm mình.*

Sau khi Thiên thần kia cảnh tỉnh Tỳ-kheo này như vậy như vậy, thì Tỳ-kheo ấy chuyên tinh phương tiện, đoạn các phiền não, đắc A-la-hán.

Thiên thần lại nói kệ:

*Ông hãy tự thức tỉnh,
Chuyên tinh cần phương tiện;
Không bị bọn quân ma,
Bắt ông phải ngủ nghỉ.*

Tỳ-kheo kia nói kệ đáp:

[371a] *Từ nay đến bảy đêm,
Thường ngồi chánh tư duy;
Thân này sanh hỷ lạc,
Không điều gì thiếu sót.
Đầu đêm quán túc mệnh,
Giữa đêm thiên nhãn tịnh;
Cuối đêm trừ vô minh.
Thấy khổ vui chúng sanh.
Hình loại thượng trung hạ,
Biết nhân duyên nghiệp gì,*

*Mà thọ quả báo này.
Nếu những gì người tạo,
Tự thấy điều đã làm;
Thiện, tự thấy là thiện;
Ác tự thấy là ác.*

Thiên thần kia lại nói kệ:

*Tôi biết trước tất cả,
Mười bốn người Tỳ-kheo;
Đều là Tu-đà-hoàn,
Thấy được thiên chánh thọ.
Đi đến trong rừng này,
Sẽ đắc A-la-hán.
Thấy ông chỉ giải đãi,
Nằm ngửa ham ngủ nghỉ.
Chớ sống như phàm phu,
Nên phương tiện giác ngộ.*

Tỳ-kheo lại nói kệ:

*Lành thay, này Thiên thần!
Dùng nghĩa an ủi tôi;
Chỉ thành đến khai ngộ,
Khiến tôi diệt tận lậu.*

Thiên thần kia lại nói kệ:

*Tỳ-kheo nên như vậy,
Tín, xuất gia, không nhà;
Ôm ngu mà xuất gia,
Chóng được kiến thanh tịnh.
Nay tôi hộ trì ông,
Trọn cả một đời này;
Khi nào ông ốm đau,
Tôi sẽ cúng thuốc hay.*

Thiên thần kia nói kệ xong, liền biến mất.

KINH 1261. TỬU BÌNH⁴²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đang ở nước Câu-tát-la du hành trong nhân gian, nghỉ lại bên mé ruộng của một tụ lạc. Sáng sớm, Tôn giả Xá-lợi-phất đắp y ôm bát vào làng khát thực. Lúc đó có một Ni-kiền Tử uống rượu say cuồng, cầm bình rượu từ tụ lạc ra, thấy Tôn giả Xá-lợi-phất, bèn nói kệ:

[371b] *Mỡ, gạo ướp thân tôi,*

Cầm một bình mỡ gạo;

Núi, đất và cỏ cây,

Thấy chúng toàn màu vàng.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất tự nghĩ: ‘Những tiếng dữ này được nói ra trong bài kệ, là do vật dữ kia, ta há không thể dùng kệ đáp sao?’ Lúc này, Tôn giả Xá-lợi-phất liền nói kệ:

Được ướp vị vô tướng,

Cầm bình Không tam-muội;

Núi, đất và cỏ cây,

Thấy chúng như đờm giải.

KINH 1262. DÃ CAN⁴³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng, tuy đã đắc tha tâm trí nhưng phiền não vẫn còn. Cách rừng không xa có cái giếng. Có dã can uống nước, cổ bị mắc kẹt trong cái gàu. Lúc đó dã can kia tìm đủ cách để thoát và tự nghĩ: ‘Trời sắp muốn sáng rồi, người nông dân nếu ra, sẽ khùng bỏ ta. Ngươi, cái gàu múc nước, làm ta sợ đã lâu, hãy để cho ta thoát ra.’ Lúc đó, Tỳ-kheo kia biết được tâm niệm con dã can này, liền nói kệ:

Mặt trời tuệ Phật chiếu,

⁴² Đại chánh, kinh 1347. Bình rượu.

⁴³ Đại chánh, kinh 1348.

Lìa rừng nói pháp Không;

Từ lâu tâm sợ ngã,

Nay nên buông xả đi.

Sau khi Tỳ-kheo tự nhắc nhở mình rồi, tất cả phiền não sạch hết, đắc A-la-hán.

KINH 1263. ƯU-LÂU ĐIỀU⁴⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại nước Câu-tát-la du hành trong nhân gian, nghỉ lại ở trong một khu rừng. Bấy giờ, có một Thiên thần nương ở rừng này, thấy dấu chân đi của Phật, cúi xuống xem kỹ, liền nhớ đến Phật. Lúc đó có con chim ưu-lâu⁴⁵ đứng giữa đường, muốn bước lên dấu chân Phật. Bấy giờ, Thiên thần kia liền nói kệ:

Này, người, chim ưu-lâu,

Mắt tròn đậu trên cây;

Chớ xóa vết Như Lai,

Hủy cảnh ta nhớ Phật.

Thiên thần nói kệ xong, im lặng niệm Phật.

KINH 1264. BA-TRA-LỊ HOA⁴⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại nước Câu-tát-la du hành trong nhân gian, ở trong một khu rừng; dừng nghỉ dưới gốc cây ba-tra-lị⁴⁷. Khi ấy có Thiên thần ở trong rừng này, liền nói kệ:

Hôm nay gió chợt khởi,

Thổi cây ba-tra-lị;

[371c]*Hoa tra-lị rơi đây,*

Cúng dường Đức Như Lai.

Thiên thần nói kệ xong, im lặng.

⁴⁴ Đại chánh, kinh 1349.

⁴⁵ Ưu-lâu 優樓. Pāli: *ulūka*, một loại cú.

⁴⁶ Đại chánh, kinh 1350.

⁴⁷ Ba-tra-lị 波吒利. Pāli: *pātali*, tên một loại cây. Phật Tì-bà-thi thành Phật dưới gốc cây này.

KINH 1265. KHỔNG TƯỚC⁴⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ, có các Tỳ-kheo đang trú bên sườn núi Chi-đề⁴⁹, là những Tỳ-kheo a-luyện-nhã, trì y phần tảo, thường hành khát thực. Lúc đó Sơn thần trú ở núi này, nói kệ:

Mình công như gấm thêu,

Ở núi Tì-đề-hê⁵⁰;

Thỉnh thoảng hát tiếng hay,

Nhắc Tỳ-kheo khát thực.

Mình công như gấm thêu,

Ở núi Tì-đề-hê;

Thỉnh thoảng hát tiếng hay,

Nhắc vị trì phần tảo.

Mình công như gấm thêu,

Ở núi Tì-đề-hê;

Thỉnh thoảng hát tiếng hay,

Nhắc vị ngồi dưới cây.

Thiên thần nói kệ xong, im lặng.

KINH 1266. DOANH SỰ⁵¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ, có các Tỳ-kheo ở núi Chi-đề, tất cả đều tu hạnh A-luyện-nhã, trì y phần tảo, thường hành khát thực. Bấy giờ, bờ sông Na-sa-khu-đa[79] bị lở, làm chết ba vị Tỳ-kheo doanh sự[80]. Lúc ấy, Thiên thần núi Chi-đề nói kệ:

⁴⁸ Đại chánh, kinh 1351.

⁴⁹ Chi-đề sơn 支提山. Pāli: Cetiya, tên núi, cũng gọi là Vedisa; xem cht. tiếp theo.

⁵⁰ Tì-đề-hê 鞞提醯. Pāli: Vedisagiri, tên núi, cũng gọi là Cetiya, cách Pāṭaliputta khoảng năm mươi do-tuần.

⁵¹ Đại chánh, kinh 1352.

*A-lan-nhã, khát thực,
Cẩn thận chớ xây dựng.
Không thấy sông Khur-đa,
Bờ bên chột sạt lở,
Đề chết người xây dựng,
Ba Tỳ-kheo doanh sự?
Tỳ-kheo trì phán tảo,
Cẩn thận chớ xây dựng.
Không thấy sông Khur-đa,
Bờ bên chột sạt lở,
Đề chết người xây dựng,
Ba Tỳ-kheo doanh sự?
Tỳ-kheo nương gốc cây,
Cẩn thận chớ xây dựng.
Không thấy sông Khur-đa,
Bờ bên chột sạt lở.
Đề chết người xây dựng,
Ba Tỳ-kheo doanh sự?*

Thiên thần kia nói kệ xong, im lặng.

KINH 1267. TẦN-ĐÀ SƠN⁵²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. **[372a]** Bấy giờ, có Tỳ-kheo sống trong núi Tần-đà⁵³. Lúc ấy rừng trên núi chột bốc lửa lớn, cả núi cháy rực. Lúc đó có người thế tục nói kệ:

*Nay núi Tần-đà này,
Lửa cháy suốt dữ dội;*

Thieu rụi rừng trúc kia,

⁵² Đại chánh, kinh 1353.

⁵³ Tần-đà sơn 頻陀山.

Đốt cả hoa⁵⁴[82], trái trúc.

Lúc ấy Tỳ-kheo kia tự nghĩ: ‘Nay, người thế tục này có thể nói kệ này, sao ta không nói kệ để đáp?’ Liên nói kệ:

*Tất cả hữu cháy rực,
Không tuệ nào dập tắt;
Thieu đốt các thọ dục,
Cũng đốt khổ bất tác.*

Tỳ-kheo kia nói kệ xong, im lặng.

KINH 1268. TÙY LƯU⁵⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở bên cạnh sông Hằng, trụ trong một khu rừng. Khi ấy có một cô gái thiện gia, thường bị bố mẹ chồng trách mắng, nên đến bên bờ sông Hằng, nói kệ:

*Sông Hằng, nay ta muốn,
Theo dòng trôi ra biển;
Không còn để cô cậu,
Thương xuyên phải hiềm trách.*

Khi Tỳ-kheo kia thấy cô gái thiện gia này, nghe nói kệ như vậy, liền tự nghĩ: ‘Cô gái này còn có thể nói kệ, nay tại sao ta không nói kệ đáp?’ Liên nói kệ:

*Tịnh tín, nay ta muốn
Theo vào sông tám Thánh;
Trôi xuôi đến Niết-bàn,
Không gặp ma lung lạc.*

Tỳ-kheo kia nói kệ xong, im lặng.

KINH 1269. MINH NGUYỆT⁵⁶

Tôi nghe như vậy:

⁵⁴ Đề bản: uyển 苑. Bản Tổng, Ấn Thuận đọc là hoa 花

⁵⁵ Đại chánh, kinh 1354.

⁵⁶ Đại chánh, kinh 1355.

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng. Cách rừng không xa, có ruộng trồng dưa. Đêm đó có kẻ trộm đến trộm dưa, thấy mặt trăng sắp mọc, nói kệ:

Trăng sáng, người chớ hiện,

Đợi ta hái dưa này.

Ta đem dưa đi rồi,

Mặc người hiện hay không.

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia tự nghĩ: ‘Kẻ trộm dưa còn có thể nói kệ, chẳng lẽ ta không thể nói kệ đáp trả sao?’ Liền nói kệ:

[372b] *Ác ma, người chớ hiện,*

Chờ ta đoạn phiền não;

Đoạn phiền não kia rồi,

Mặc người hiện hay không.

Tỳ-kheo kia nói kệ xong, im lặng.

KINH 1270. PHAN⁵⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, sống trong một khu rừng. Lúc đó có một Sa-di nói kệ:

Thế nào gọi là thường?

Khất thực tức là thường.

Thế nào là vô thường?

Tăng ăn là vô thường.

Thế nào gọi là thắng?

Chỉ phước Nhân-đà-la.

Thế nào gọi là công?

Cong, chỉ thấy mọc cau.

⁵⁷ Đại chánh, kinh 1356.

Tỳ-kheo kia tự nghĩ: ‘Sa-di kia còn có thể nói kệ như vậy, nay sao ta không nói kệ mà đáp.’ Liền nói kệ:

*Thế nào gọi là thường?
Thường tức là Niết-bàn.
Thế nào là vô thường?
Chỉ các pháp hữu vi.
Thế nào gọi là thắng?
Chính là tám Thánh đạo;
Thế nào gọi là cong?
Cong là lối mòn ác.*

Tỳ-kheo kia nói kệ xong, ngồi im lặng.

]

KINH 1271. NGŨA ÂU⁵⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bảy giờ, có đệ tử Xá-lợi-phất, uống thuốc xong, muốn tìm cháo ăn. Lúc đó Tôn giả Xá-lợi-phất đến nhà thợ gốm để xin cái chậu sành. Khi đó thợ gốm kia nói kệ:

*Thế nào được nổi tiếng,
Mà không thí một đồng?
Thế nào thắng thật đức,
Của cải không bị giảm?*

Tôn giả Xá-lợi-phất nói kệ đáp:

*Như người không ăn thịt,
Mà đem thịt cho họ.
Những người tu phạm hạnh,
Mà đem nữ sắc cho.
Người không ngồi giường cao,
Mà đem giường cao cho.
Với người sắp đi kia,*

⁵⁸ Đại chánh, kinh 137.

Mà cho chỗ nghỉ ngơi.
Giúp đỡ cho như vậy,
Thì của cải không giảm,
[372c]Mà lại được tiếng khen,
Và không tốn một tiền,
Thật đức danh tiếng vang,
Của cải không giảm sút.

Người thợ gốm kia lại nói kệ:

Thưa ngài Xá-lợi-phất,
Đã nói điều thật hay;
Xin cúng ngài trăm bát,
Không dư, cũng không được.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói kệ:

Trời Tam thập tam kia,
Diệm-ma, Đâu-suất-đà,
Hóa lạc, các Trời, Người,
Cùng Tha hóa Tự tại,
Được bát sành, nhờ tín,
Mà người không sanh tín.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói kệ xong, im lặng đi ra khỏi nhà thợ gốm.

KINH 1272. BÀN SỸ PHU⁵⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bảy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, sống trong một khu rừng. Lúc đó có một người nghèo ở bên cạnh rừng, tự suy nghĩ hy vọng như vậy mà nói kệ:

Nếu được một đầu heo,
Một bình đầy rượu ngon;
Đựng đầy trong một chậu,

⁵⁹ Đại chánh, kinh 1358.

Người luôn luôn đem cho.

Nếu mà được như vậy,

Sẽ còn lo lắng gì?

Lúc ấy Tỳ-kheo kia tự nghĩ: ‘Người nghèo này còn có thể nói kệ, nay sao ta không nói.’ Liên nói kệ:

Nếu được Phật, Pháp, Tăng,

Tỳ-kheo khéo thuyết pháp;

Ta không bệnh, nghe luôn,

Không sợ các ma oán.

Tỳ-kheo kia nói kệ này xong, ngồi im lặng⁶⁰.

KINH 1273. KIẾP-BÓI⁶¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, sống trong một khu rừng. Tỳ-kheo kia tự nghĩ như vậy: ‘Nếu được kiếp-bói tốt, dài bảy khuỷu tay, rộng hai khuỷu tay để may cái y xong, ta vui tu thiện pháp.’

Lúc đó có vị Thiên thần nương ở trong rừng này tự nghĩ: ‘Đây không phải là pháp Tỳ-kheo, ở trong rừng mà tư duy hy vọng y tốt.’ Khi ấy Thiên thần hóa thành một bộ xương, [373a] múa trước Tỳ-kheo kia và nói kệ:

Tỳ-kheo nghĩ kiếp-bói,

Bảy khuỷu rộng sáu thước;

Ngày thì tưởng như vậy,

Đêm tư duy cái gì?

Tỳ-kheo kia lòng kinh hãi, thân sợ run, nói kệ:

Thôi! Thôi! Không cần vải,

Nay khóac y phần tảo;

Ngày thấy bộ xương múa,

Đêm lại thấy gì đây?

⁶⁰ Đề bản: trụ 住. Bản khác: khứ 去

⁶¹ Đại chánh, kinh 159.

Sau một phen tâm kinh sợ, Tỳ-kheo kia liền chánh tư duy, chuyên tinh tu tập, đoạn các phiền não, đắc A-la-hán.

KINH 1274. THÂM NÊ⁶²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng, đắc A-la-hán, các lậu đã diệt tận, việc cần làm đã làm xong, đã trút gánh nặng, đoạn trừ các hữu kết, chánh trí, tâm khéo giải thoát. Khi đó có một người nữ, trong đêm tối, trời mưa lâm râm, sấm chớp lóe sáng, đi ngang qua; cô đang đi đến người đàn ông khác. Cô bị té trong bùn sâu, vòng xuyên bị gãy, chuỗi hoa rơi vãi. Lúc bấy giờ, cô gái kia nói kệ:

*Đầu tóc đều xổ tung,
Chuỗi hoa rơi bùn sâu;
Vòng xuyên đã gãy khúc,
Chàng đang đắm nơi đâu?*

Khi ấy Tỳ-kheo kia tự nghĩ: ‘Cô con gái còn có thể nói kệ, sao ta không thể nói kệ để đáp lại?’

*Phiền não đều đã dứt;
Qua vũng bùn sanh tử;
Trói buộc thầy rơi vãi,
Mùi phương tôn, thấy ta.*

Tỳ-kheo kia nói kệ xong, im lặng.

KINH 1275. BÊN BỜ SÔNG⁶³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng, bên bờ sông. Lúc đó có đôi vợ chồng theo nhau qua sông, đứng lại ở bên bờ, gãy đàn, đùa giỡn, rồi nói kệ:

Thương yêu mà buông lung,

⁶² Đại chánh, kinh 1360.

⁶³ Đại chánh, kinh 1361.

*Tiêu dao khoáng rừng xanh;
Nước chảy, chảy lại trong,
Tiếng đàn thật hòa mỹ.
Mùa xuân thỏa thích chơi,
Khoái lạc còn gì hơn?*

Lúc đó Tỳ-kheo ấy tự nghĩ: ‘Người kia còn có thể nói kệ, sao ta không thể nói kệ đáp?’

*Thọ trì giới thanh tịnh,
Mến yêu Đấng Chánh Giác;
Tắm gội ba giải thoát,
Khéo dùng rất mát trong.
Nhập đạo đủ trang nghiêm,
Khoái lạc nào hơn đây?*

Tỳ-kheo kia nói kệ xong, im lặng.

KINH 1276. CẤP ĐIỀU⁶⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng. Lúc đó có Thiên thần thấy những con chim bồ câu, liền nói kệ:

*Bồ câu, hãy tích tụ,
Mè, gạo, lật vân vân,
Ở ngọn cây trên núi,
Làm hang tổ trên cao.
Nếu gặp khi trời mưa,
Yên tâm ăn uống ngủ.*

Lúc ấy Tỳ-kheo kia tự nghĩ: ‘Kia cũng giác ngộ ta.’ Liền nói kệ:

*Phàm phu chứa pháp lành,
Cung kính nơi Tam bảo;
Khi thân hoại mạng chung,*

⁶⁴ Đại chánh, kinh 1362.

Tinh thân, tâm an lạc.

Tỳ-kheo nói kệ xong, liền tỉnh ngộ, chuyên tâm tư duy, dứt trừ các phiền não, đắc A-la-hán.⁶⁵

TỤNG VIII. NHƯ LAI SỞ THUYẾT

41. TƯƠNG ƯNG ĐẠI CA-DIỆP⁶⁶

KINH 1277. NGUYỆT DỤ⁶⁷

[299c6] Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá.⁶⁸

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Hãy sống như mặt trăng; khi đi vào nhà người khác với tâm quý, khiêm hạ, kiểm thúc tâm, thúc liễm thân hình như người mới học. Như người mắt sáng khi lội vực sâu, lên đỉnh núi, kiểm thúc tâm, thúc liễm thân hình và chậm rãi tiến tới trước.

“Tỳ-kheo cũng vậy, sống như mặt trăng; khi đi vào nhà người khác với tâm quý, khiêm hạ, kiểm thúc tâm, thúc liễm thân hình như người mới học.

“Tỳ-kheo Ca-diếp sống như mặt trăng; khi đi vào nhà người khác với tâm quý, khiêm hạ không cao mạn, kiểm thúc tâm, thúc liễm thân hình như người mới học. Như người mắt sáng lội vực sâu, lên đỉnh núi, chế ngự tâm, thúc liễm thân, xem xét kỹ rồi mới tiến.”

Phật nói với các Tỳ-kheo:

“Ý các người thế nào? Tỳ-kheo phải như thế nào mới vào nhà người?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

⁶⁵ Bản hán, hết quyển 50.

⁶⁶ Tương ưng Đại Ca-diếp, gồm các kinh Đại chánh 905-906 (đầu quyển 32), 1136-1144 (quyển 41). Ấn Thuận *Hội biên*, Tụng VII. Như lai sở thuyết, “41. Tương ưng Đại Ca-diếp.”- *Quốc dịch* quyển 45, Tụng 8. Như lai, “1. Tương ưng Đại Ca-diếp.” Tương đương Pāli, S. 16. Kassapasamyuttam.

⁶⁷ Đại chánh, quyển 41 (nửa quyển sau), kinh 1136 Pāli, S. 16. 3. Candūpama. Biệt dịch, No 100(111).

⁶⁸ Bản Đại chánh: *Xá-vệ quốc Ca-lan-đà Trúc viên*, có sự nhầm lẫn.

“Bạch Thế Tôn! Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là chỗ nương tựa của pháp. Cúi xin Thế Tôn nói rộng, các Tỳ-kheo sau khi nghe sẽ nhận lãnh phụng hành.”

Phật nói với Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe, và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các Thầy giảng nói.

“Tỳ-kheo ở nhà người mà tâm không bị dính, không bị trói, không tham đắm dục lạc;⁶⁹ đối với cái lợi mà người khác có, công đức mà người khác làm, hoan hỷ như là của chính mình, không sinh ra tư tưởng ganh tị; cũng không tự đề cao mình, hạ thấp người. Tỳ-kheo như vậy mới nên vào nhà người.”

Bấy giờ, Thế Tôn đưa tay sờ vào hư không, rồi hỏi các Tỳ-kheo:

“Nay tay này của Ta có bị dính, bị trói, bị nhiễm bởi hư không chăng?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Phật nói với Tỳ-kheo:

“Pháp của Tỳ-kheo thường như vậy. Với tâm không bị dính, không bị trói, và không bị nhiễm khi vào nhà người. Chỉ có Tỳ-kheo Ca-diếp là với tâm không bị dính, không bị trói, và không bị nhiễm khi vào nhà người. Đối với cái lợi mà người khác có, công đức mà người khác làm, hoan hỷ như là của chính mình, không sinh ra tư tưởng ganh tị; cũng không tự đề cao mình, hạ thấp người, chỉ có Tỳ-kheo Ca-diếp như vậy mới nên vào nhà người.”

Bấy giờ, Thế Tôn lại đưa tay sờ vào hư không, rồi hỏi các tỳ-kheo:

[300a]”Ý các người thế nào? Nay tay này của Ta có bị dính, bị trói, bị nhiễm bởi hư không chăng?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Phật nói với Tỳ-kheo:

⁶⁹ Pāli: *seyyathāpi ayam ākāse pāṇi na...cittam na sajjati na gayhati na bajjati*, cũng như cánh tay này trong hư không, tâm không bị dính mắc, không bị nắm giữ, không bị cột trói.

“Chỉ Tỳ-kheo Ca-diếp luôn luôn là như vậy. Với tâm không bị dính, không bị trói, và không bị nhiễm khi vào nhà người.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo, như thế nào mới đáng là thuyết pháp thanh tịnh?”

Các tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn! Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là nơi nương tựa của pháp. Cúi xin Thế Tôn nói rộng, chúng con sau khi nghe sẽ nhận lãnh phụng hành.”

Phật nói với Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các người mà giảng nói.

“Tỳ-kheo thuyết pháp cho người mà khởi tâm như vậy: ‘Ta thuyết pháp cho những người mà sau khi người đó đã có tâm tịnh tín làm gốc đối, ta sẽ được cúng dường y phục, ngọc cụ, chăn nệm và thuốc men.’ Thuyết như vậy, gọi là thuyết pháp không thanh tịnh.

“Hoặc có Tỳ-kheo thuyết pháp cho người, khởi nghĩ như vậy: ‘Chánh pháp luật được Thế Tôn hiển hiện, lia các nhiệt não, không đợi thời tiết, ngay nơi hiện thân này,⁷⁰ duyên nơi tự tâm mà giác tri, hướng thẳng Niết-bàn. Nhưng chúng sanh thì đắm chìm trong già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Những chúng sanh như vậy nếu nghe được chánh pháp sẽ được làm cho ích lợi, an lạc lâu dài. Do nhân duyên chánh pháp này, bằng tâm từ, tâm bi, tâm thương xót, và tâm muốn chánh pháp được trụ thế lâu dài mà thuyết cho người,’ Đó gọi là thuyết pháp thanh tịnh.

“Chỉ có Tỳ-kheo Ca-diếp mới có tâm thanh tịnh như vậy mà vì người thuyết pháp; rằng ‘Chánh pháp luật của Như Lai, ... *cho đến* vì tâm muốn làm chánh pháp được trụ thế lâu dài mà vì người thuyết pháp.’

“Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy học như vậy, thuyết pháp như vậy: Chánh pháp luật của Như Lai, ... *cho đến* tâm muốn khiến cho chánh pháp được thường trụ lâu dài mà vì người thuyết pháp.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

⁷⁰ Tức thờ hiện thân 即此現身; Hán dịch không thống nhất. Xem các kinh Đại chánh, 550, 554, 1238, ...

KINH 1278. THÍ DỮ⁷¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo muốn vào nhà người mà khởi nghĩ như vậy: ‘Người kia sẽ bố thí cho ta, chứ không phải không bố thí; bố thí ngay lập tức chứ không bố thí lần hồi; bố thí nhiều chứ không bố thí ít; bố thí vật ngon chứ không bố thí vật dở; bố thí nhanh chứ không bố thí chậm.’ Với tâm như vậy mà đến nhà người, nếu người ta không bố thí, ... *cho đến* bố thí chậm, tâm của Tỳ-kheo này sẽ bị khuấy nhục. Vì lý do này nên tâm của Tỳ-kheo ấy thối thất, tự sinh chướng ngại.

“Hoặc có Tỳ-kheo muốn vào nhà người mà khởi nghĩ như vậy: ‘Người xuất gia đến nhà người, là do đâu được [300b] bố thí chứ không phải không được bố thí, bố thí lập tức chứ không phải bố thí lần hồi, bố thí nhiều chứ không phải bố thí ít, bố thí vật ngon chứ không phải bố thí dở, bố thí nhanh chứ không phải bố thí chậm?’ Nghĩ như vậy mới đến nhà người. Nếu người ta không bố thí, ... *cho đến* bố thí chậm, tâm của Tỳ-kheo này không bị khuấy nhục, cũng không bị thối thất, không sinh chướng ngại.

“Chỉ có Tỳ-kheo Ca-diếp nghĩ như vậy khi đến nhà người. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy học như vậy, nghĩ như vậy khi vào nhà người: Người xuất gia khi đến nhà người, do đâu được bố thí chứ không phải không được bố thí, ... *cho đến* bố thí nhanh chứ không phải bố thí chậm?”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1279. THẮNG⁷²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Ca-diếp ở trong giảng đường Lộc Tử Mẫu vườn phía Đông nước Xá-vệ. Buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy,

⁷¹ Đại chánh, kinh 1137. Pāli, S. 16. 4. Kulūpakam. Biệt dịch, No 100(112).

⁷² Đại chánh, kinh 1138. Pāli, S. 16. 6. Ovādo.

Tôn giả đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy Thế Tôn nói với Tôn giả Ma-ha Ca-diếp:

“Thầy nên thuyết pháp, giáo giới, giáo thọ cho các Tỳ-kheo. Vì sao? Vì Ta thường thuyết pháp giáo giới, giáo thọ cho các Tỳ-kheo. Thầy cũng nên như vậy.”

Tôn giả Ma-ha ca-diếp bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nay rất khó giáo thọ các Tỳ-kheo. Hoặc có Tỳ-kheo không chịu nghe nói.”

Phật nói với Ma-ha Ca-diếp:

“Vì lý do gì Thầy nói như vậy?”

Ma-ha Ca-diếp bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con thấy có hai Tỳ-kheo, một tên là Bàn-trù⁷³ đệ tử của A-nan, hai tên là A-phù-tì⁷⁴ đệ tử của Ma-ha Mục-kiền-liên. Hai người này tranh luận về đa văn. Họ nói với nhau, ‘Người đến đây cùng nhau bàn luận, để xem ai có sở tri nhiều, và sở tri ai hơn.’”

Khi ấy, Tôn giả A-nan đứng sau Phật đang cầm quạt hầu, nói với Tôn giả Ma-ha Ca-diếp:

“Hãy thôi, Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp! Hãy nhẫn, Tôn giả Ca-diếp! Những Tỳ-kheo thiếu niên này trí tuệ kém, trí tuệ xấu.”

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nói với Tôn giả A-nan:

“Thầy hãy im lặng, chớ khiến ta ở giữa Tăng hỏi việc Thầy.”⁷⁵

Tôn giả A-nan liền im lặng.

Bây giờ, đức Phật nói với một Tỳ-kheo, “Người hãy đến chỗ Tỳ-kheo Bàn-trù và A-phù-tì nói rằng: ‘Đại Sư cho gọi các người.’”

Tỳ-kheo này liền vâng lời, đến chỗ Tỳ-kheo A-phù-tì và Tỳ-kheo Bàn-trù nói rằng:

“Đại Sư cho các người.”

Tỳ-kheo Bàn-trù và A-phù-tì vâng theo lời dạy, cả hai liền đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân, ngồi xuống một bên.

⁷³ Bàn-trù 槃稠. Pāli: Bhaṇḍa.

⁷⁴ A-phù-tì 阿浮毘. Abhiñjika.

⁷⁵ Cf. Pāli, S. ii. 216: *mā te saṅgho uttari upaparikkhi*, đừng để Tăng thăm ông về sự kiện này.

Bấy giờ, Thế Tôn hỏi hai Tỳ-kheo:

“Có thực, hai người đã cùng nhau tranh luận, và nói: ‘Người đến đây cùng nhau bàn luận để xem ai có sở tri nhiều, và sở tri ai hơn.’?”

Hai Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Thật có.”

Phật nói với hai Tỳ-kheo:

“Các người đem những pháp của Ta dạy như Tu-đa-la, Kỳ-dạ, Già-đà, Ưu-đa-na, Ni-đà-na, A-bà-đà-na, Y-đế-nhật-đa-già, Xà-đà-già, Tỳ-phú-la, A-phù-đà-đạt-ma, Ưu-ba-đề-xá để tranh luận nhau, và nói với nhau, ‘Người đến đây cùng nhau tranh luận để xem ai có sở tri nhiều, và sở tri ai hơn’ phải không?”

Hai Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Không phải vậy.”

Phật nói với hai Tỳ-kheo:

“Các người không đem những gì Ta đã nói trong Tu-đa-la, ... *cho đến* Ưu-ba-đề-xá để tự điều phục, tự đình chỉ và tự cầu Niết-bàn sao?”

Hai Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn! Đúng vậy.”

Phật nói với hai Tỳ-kheo:

“Các người là những người ngu si! Sao các người đã biết những gì Ta dạy trong Tu-đa-la, ... *cho đến* Ưu-ba-đề-xá rồi, lại cùng nhau tranh luận thử ai có sở tri nhiều, và sở tri ai hơn?”

Lúc này, hai Tỳ-kheo trước Phật lễ sát chân, cùng bạch Phật:

“Chúng con xin sám hối Thế Tôn! Xin sám hối Thiện thế! Chúng con ngu si bất thiện, không phân biệt, nên tranh luận nhau.”

Phật nói với hai Tỳ-kheo:

“Các người đã thực biết tội, sám hối lỗi ngu si, bất thiện, không biết phân biệt mà lại cùng tranh luận. Nay đã tự biết tội, tự thấy tội, tự biết hối lỗi, giới luật nghi sẽ phát sinh ở đời vị lai. Nay Ta vì thương xót các người mà nhận sự sám hối, để cho thiện pháp các người tăng trưởng không bao giờ thôi giảm. Vì sao? Vì nếu có người tự biết tội, tự thấy tội, tự biết hối lỗi, giới luật nghi sẽ phát sinh ở đời vị lai, không bao giờ thôi giảm.”

Hai Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

KINH 1280. VÔ TÍN⁷⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bảy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp ở trong giảng đường Lộc Từ Mầu tại vườn phía Đông nước Xá-vệ. Buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy, Tôn giả đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân, rồi ngồi xuống một bên. Phật nói với Ca-diếp:

“Thầy nên giáo thọ, giáo giới cho các Tỳ-kheo. Hãy vì các Tỳ-kheo mà thuyết pháp, giáo giới, giáo thọ. Vì sao? Vì Ta thường thuyết pháp giáo giới, giáo thọ cho các Tỳ-kheo. Thầy cũng nên như vậy.”

Tôn giả Ma-ha ca-diếp bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo bây giờ [301a] khó có thể vì họ thuyết pháp. Nếu có thuyết pháp, sẽ có Tỳ-kheo không nhẫn, không hoan hỷ.”

Phật nói với Ca-diếp:

“Vì lý do gì Thầy nói như vậy?”

Ma-ha Ca-diếp bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, hoặc có Tỳ-kheo không có tâm kính đối với thiện pháp, nếu nghe thuyết pháp, họ có thể thối chuyển. Hoặc người ác trí tuệ, không có trí tuệ, tinh tấn, và tâm quý, không có trí tuệ đối với thiện pháp; người ấy nghe thuyết pháp, có thể thối thất. Hoặc có người tham dục, sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi hoặc, thân hành thô bạo, phần hận, thất niệm, bất định, vô trí; người ấy nếu nghe thuyết pháp thì cũng thối thất. Bạch Thế Tôn, những hạng người xấu như vậy, khiến tâm họ an trụ ở thiện pháp còn không thể, huống lại tăng tiến. Nên biết, nơi hạng người này thiện pháp càng ngày càng thối thất, không thể tăng trưởng.

“Bạch Thế Tôn, nếu người nào, đối với thiện pháp, có tín thanh tịnh; người ấy không thối thất. Đối với thiện pháp có trí tuệ, tinh tấn, và tâm quý, người ấy không thối thất. Người không tham, không nhuế, không thùy miên, không trạo hối, không nghi hoặc, sẽ không thối thất. Người mà thân hành không thô bạo, tâm không ô nhiễm, không phần,

⁷⁶ Đại chánh, kinh 1139. Pāli, S. 16. 7. Ovādo. Biệt dịch, No 100(114).

không hận, định tâm, chánh niệm, trí tuệ, người ấy không thối thất. Người như vậy, đối với các thiện pháp, càng ngày càng tăng trưởng, hướng chi tâm lại an trú. Người này ngày đêm thường cầu thăng tiến, không bao giờ thối thất.”

Phật nói với Ca-diếp:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Người nào đối với các thiện pháp mà không có tín thì bị thối thất.” *Cũng như Ca-diếp lần lượt nói đầy đủ.*

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ rồi ra về.

KINH 1281. PHẬT CĂN BẢN⁷⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp ở trong giảng đường Lộc Từ Mẫu tại vườn phía Đông nước Xá-vệ. Buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy, Tôn giả đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy Thế Tôn nói với Tôn giả Ma-ha Ca-diếp:

“Thầy nên giáo thọ, giáo giới cho các Tỳ-kheo. Hãy vì các Tỳ-kheo mà thuyết pháp, giáo giới, giáo thọ. Vì sao? Vì Ta thường thuyết pháp giáo giới, giáo thọ cho các Tỳ-kheo. Thầy cũng nên như vậy.”

Tôn giả Ma-ha ca-diếp bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo bây giờ khó có thể vì họ thuyết pháp. Có các Tỳ-kheo nghe thuyết pháp sẽ không nhẫn, không haon hỷ.”

Phật nói với Ca-diếp:

“Vì lý do gì Thầy nói như vậy?”

Ma-ha Ca-diếp bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là chỗ nương tựa của pháp. [301b] Cúi xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo thuyết pháp, các Tỳ-kheo sau khi nghe sẽ lãnh thọ phụng hành.”

Phật nói với Ca-diếp:

“Hãy lắng nghe, và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các Thầy mà giảng nói.”

Phật nói với Ca-diếp:

⁷⁷ Đại chánh, kinh 1140. Pāli, S. 16. 8. *Ovādo*. Biệt dịch, No 100(115).

“Ngày xưa, Tỳ-kheo a-luyện-nhã sống ở chỗ a-luyện-nhã, khen ngợi pháp a-luyện-nhã. Tỳ-kheo khát thực⁷⁸ thì khen ngợi về công đức khát thực. Tỳ-kheo y phần tảo thì khen ngợi về công đức mặc y phần tảo. Tỳ-kheo thiếu dục tri túc, tu hạnh viễn ly, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh định, trí tuệ lậu tận, tự thân tác chứng, theo sở hành của họ mà khen ngợi, xưng tụng. Nay Ca-diếp, Tỳ-kheo a-luyện-nhã thì khen ngợi pháp a-luyện-nhã, ... *cho đến* Tỳ-kheo lậu tận, khen ngợi lậu tận tự thân tác chứng. Nếu gặp những vị như vậy thì nên tiếp chuyện, tùy nghi thăm hỏi, chào đón: ‘Ngài tên gì? Đệ tử của ai?’ Nhưng chỗ ngồi mời ngồi và tán thán sự hiền thiện của họ, như pháp sở hành của họ, có nghĩa Sa-môn, có sở dục Sa-môn, khen ngợi như vậy. Bấy giờ, nếu họ cùng ở hay cùng đi thì liền quyết định, tùy thuận sở hành của họ, không bao lâu cũng sẽ đồng với sở kiến và sở dục của họ.”

Phật nói với Ca-diếp:

“Nếu Tỳ-kheo tuổi trẻ gặp Tỳ-kheo a-luyện-nhã kia đến thì tán thán pháp a-luyện-nhã, ... *cho đến* Tỳ-kheo lậu tận, tự thân tác chứng. Tỳ-kheo tuổi trẻ này nên đứng dậy nghinh tiếp, cung kính lễ bái, thưa hỏi, ... *cho đến* cùng ở với họ, không bao lâu chính mình sẽ được nghĩa lợi, được hữu ích. Người nào cung kính như vậy, sẽ được lợi ích an lạc lâu dài.”

Phật nói với Ca-diếp:

“Hiện nay, Tỳ-kheo tuổi trẻ thấy vị kia đến, biết đó là đại đức, có tri kiến có thể chiêu cảm được mọi thứ tài vật như y phục, chăn nệm, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men, nên cùng tiếp chuyện với họ, cung kính hỏi thăm, chào đón, rằng: ‘Ngài tên gì? Là đệ tử của ai?’ Và tán thán phước đức của họ để có thể chiêu cảm được lợi lớn như y phục, chăn nệm, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men. Hoặc cùng gần gũi vị ấy cũng sẽ được đầy đủ mọi thứ y phục, chăn nệm, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men. Hoặc lại có Tỳ-kheo-niên thiếu, thấy vị kia đến, biết đó là đại đức, đại trí, có thể chiêu cảm được mọi thứ tài lợi như y phục, chăn nệm, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men, nên vội vàng đứng dậy nghinh đón, cung kính chào hỏi: “Quý

⁷⁸ Tức tỳ kheo chỉ sống bằng hạnh khát thực; trong 12 hạnh đầu đà. Tiếp theo, là một số hạnh đầu-đà được nhắc đến.

thay Ngài đến đây, bậc đại đức, đại trí!’ Như thế để có thể chiêu cảm lợi lớn về y phục, chăn nệm, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men. Nay Ca-diếp, những Tỳ-kheo-niên thiếu như vậy sẽ lâu dài bị đau khổ, phi nghĩa, không có lợi.

“Như vậy, Ca-diếp, những Tỳ-kheo đó là tai hoạn của sa-môn, là sự đắm chìm của phạm hạnh, là chướng ngại lớn, là pháp ác bất thiện, là cái hại của phiền não, trở lại thọ các hữu, [301c] chịu khổ báo sinh tử thiêu đốt trong đời vị lai đưa đến sinh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Cho nên, Ca-diếp! phải tu học như vậy: Hãy xưng danh tán thán những vị a-luyện-nhã sống ở a-luyện-nhã; xưng danh tán thán vị mặc y phần tảo khát thực, thiếu dục tri túc, tu hạnh viễn ly, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh định, chánh trí lậu tận, tự thân tác chứng.”

Phật nói kinh này xong. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ làm lễ ra về.

KINH 1282. NIÊN KỶ⁷⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp ở tại giảng đường Lộc Tử Mẫu trong vườn phía Đông nước Xá-vệ. Buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy, Tôn giả đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân, rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy, Thế Tôn nói với Ma-ha Ca-diếp:

“Thầy nay đã già, các căn suy yếu, mà y phần tảo thì nặng. Y của Ta nhẹ tốt.⁸⁰ Nay Thầy có thể ở trong chúng mặc y nhẹ hoại sắc do cư sỹ cúng.”

Ca-diếp bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con đã lâu dài tập hạnh a-luyện-mhã, tán thán hạnh a-luyện-nhã, mặc y phần tảo, khát thực.”

Phật nói với Ca-diếp:

⁷⁹ Đại chánh, kinh 1141. Tuổi quá già. Pāli, S.16. 5. Jīṇaṃ. Biệt dịch, No 100(116); No 125(41.5).

⁸⁰ Cf. S. ii. 220: Lần đầu tiên gặp Phật, Ca-diếp khoác chiếc tăng-già-lê rất quý; rồi xin đòi lấy y thô xấu của Phật.

“Thầy quán sát có bao nhiêu nghĩa mà tập hạnh a-luyện-nhã, tán thán pháp a-luyện-nhã; mặc y phần tảo, khát thực, tán thán pháp mặc y phần tảo, khát thực?”

Ca-diếp bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con quán sát thấy có hai nghĩa: hiện tại được nghĩa sống an lạc, và đời vị lai, làm gương cho chúng sanh. Vì chúng sanh đời vị lai sẽ nghĩ như vậy: ‘Thượng tọa quá khứ có sáu thần thông, xuất gia lâu ngày, phạm hạnh thuần thực, được Thế Tôn khen ngợi, và được những vị đồng phạm hạnh trí tuệ phụng sự. Vị ấy lâu dài tập hạnh a-luyện-nhã, tán thán pháp a-luyện-nhã; mặc y phần tảo, khát thực, tán thán pháp mặc y phần tảo, khát thực.’ Nếu ai nghe được điều này, tâm họ sẽ thanh tịnh và tùy hỷ, lúc nào cũng được an lạc và lợi ích.”

Phật nói với Ca-diếp:

“Lành thay! Lành thay, Ca-diếp! Thầy là người trong lâu dài đem lại nhiều lợi ích, an lạc cho chúng sanh, thương xót thế gian, và an lạc trời, người.”

Phật nói với Ca-diếp:

“Nếu có người nào hủy báng pháp đầu đà,⁸¹ tức là hủy báng Ta. Nếu có người nào tán thán pháp đầu đà, tức là tán thán Ta. Vì sao? Vì pháp đầu đà là pháp Ta luôn luôn xưng danh và tán thán. Cho nên, Ca-diếp, người a-luyện-nhã, nên tán thán A-luyện-nhã; người mặc y phần tảo, khát thực, nên tán thán pháp mặc y phần tảo khát thực.”

Phật nói kinh này xong. Ma-ha Ca-diếp sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ ra về.

KINH 1283. TỆ NẠP Y⁸²

[302a] Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp sống lâu nơi trú xứ sàng tọa a-luyện-nhã,⁸³ râu tóc ra dài, mặc y rách vá, đến chỗ Phật.

⁸¹ Đầu-đà pháp 頭陀法. Pāli: dhutaṅga.

⁸² Đại chánh, kinh 1142. Áo mảnh tòi tệ. Pāli, S. 16. 9. Jhānābhiññā. Biệt dịch, No 100(117).

⁸³ Hán: a-luyện-nhã sàng tọa xứ 阿練若床坐處.

Lúc đó Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô số đại chúng vây quanh. Bấy giờ, các Tỳ-kheo thấy Ma-ha Ca-diếp từ xa đi lại, và sau khi thấy Tôn giả Ma-ha Ca-diếp rồi, họ khởi tâm khinh mạn rằng:

“Tỳ-kheo này là ai mà y phục tồi tàn; đến đây mà dung nghi không có; đến đây mà y phục bộ dạng?”⁸⁴

Khi đó Thế Tôn biết được tâm niệm của các Tỳ-kheo, nói với Ma-ha Ca-diếp:

“Đến đây! Ca-diếp! Hãy ngồi nơi phân nửa chỗ ngồi này. Nay Ta muốn biết, ai xuất gia trước. Thầy ư? Ta ư?”

Các Tỳ-kheo sinh lòng sợ hãi, chân lông dựng đứng lên, nói với nhau:

“Lạ thay, Tôn giả! Tôn giả ấy là Ma-ha Ca-diếp có đức độ lớn, thần lực lớn, là đệ tử của Đại Sư, được mời ngồi nửa tòa.”

Khi ấy Tôn giả Ma-ha Ca-diếp chấp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn! Phật là Thầy con. Con là đệ tử.”⁸⁵

Phật nói với Ca-diếp:

“Thật vậy! Thật vậy! Ta là Đại Sư. Ông là đệ tử. Bấy giờ ông hãy ngồi xuống, trên chỗ ngồi đã dọn sẵn.”

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi xuống một bên.

Bấy giờ Thế Tôn muốn cảnh tỉnh các Tỳ-kheo nên đem những công đức rộng lớn thù thắng của Ca-diếp đã sở đắc như mình, vì đại chúng hiện tiền mà nói với các Tỳ-kheo:

“Ta đã ly dục, pháp ác bất thiện, có tầm có tứ, thành tựu và trụ sơ thiên, hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc ngày đêm. Ma-ha Ca-diếp cũng lại như Ta, ly dục, pháp ác bất thiện, cho đến thành tựu và trụ sơ thiên, hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc ngày đêm.

“Ta muốn thành tựu và an trụ nhị thiên, tam thiên, tứ thiên, hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc ngày đêm. Ma-ha Ca-diếp cũng lại như vậy, ... cho đến thành tựu và an trụ tứ thiên, hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc ngày đêm.

⁸⁴ Y phục dương dương 衣服佯佯; bản TNM: bàng dương, y phục phát phơ.

⁸⁵ Cf. S. ii. 220: *sattā me, bhante, bhagavā, sāvako ham asmi*, “Thưa Đại đức, Thế Tôn là Thầy của tôi. Tôi là đệ tử.” Câu nói khi Ca-diếp lần đầu trông thấy Phật. Bằng câu này, theo các Luật tạng, Ma-ha Ca-diếp đắc giới cụ túc, thành tỳ-kheo.

“Ta tùy theo sở dục mà thành tựu và an trụ từ, bi, hỷ, xả, không vô biên xứ, thức vô biên xứ, vô sở hữu nhập xứ, phi tưởng phi phi tưởng xứ, thân thông hiện các cảnh giới, có trí thiên nhĩ, tha tâm, túc mạng, trí sinh tử, và trí lậu tận, hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc ngày đêm. Tỳ-kheo Đại Ca-diếp cũng lại như vậy, ... cho đến thành tựu và an trụ trí lậu tận hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc ngày đêm.”

Sau khi đức Thế Tôn ở giữa vô số đại chúng, tán thán công đức thắng diệu rộng lớn của Tôn giả Ma-ha Ca-diếp như mình rồi, [302b] các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1284. TẦNG VI⁸⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bảy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và Tôn giả A-nan đang ở trong núi Kỳ-xà-quật. Tôn giả A-nan đi đến chỗ Tôn giả Ca-diếp nói rằng:

“Hôm nay chúng ta hãy cùng ra khỏi núi Kỳ-xà-quật, vào thành Vương Xá khát thực.”

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp im lặng bằng lòng. Hai Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và A-nan khoác y, ôm bát vào thành Vương Xá khát thực. Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Ma-ha Ca-diếp:

“Trời còn quá sớm, chúng ta tạm ghé qua tinh xá Tỳ-kheo-ni.”

Hai vị liền ghé qua. Bảy giờ, các Tỳ-kheo-ni trông thấy Tôn giả Ca-diếp và Tôn giả A-nan từ xa đi lại, vội vàng trải sàng tòa mời ngồi. Các Tỳ-kheo-ni đánh lễ sát chân Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và Tôn giả A-nan, rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp vì các Tỳ-kheo-ni bằng nhiều cách thuyết pháp, chỉ bày, soi sáng, và làm cho vui vẻ. Sau khi Tôn giả chỉ bày, soi sáng, và làm chi vui vẻ xong, lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Thâu-la Nan-đà⁸⁷ không hoan hỷ, nói ra những ác ngôn như vậy:

⁸⁶ Đại chánh, kinh 1143. Pāli, S. 16. 10. Upassayaṃ. Biệt dịch, No 100(118).

⁸⁷ Thâu-la Nan-đà 偷羅難陀. Pāli: *Thullanandā*.

“Sao A-lê Ma-ha Ca-diếp⁸⁸ lại thuyết pháp cho Tỳ-kheo-ni trước mặt A-lê A-nan Tì-đề-a-mâu-ni? ⁸⁹ Giống như người buôn bán kim lại đem kim bán cho người làm kim? A-lê Ma-ha Ca-diếp cũng lại như vậy. Sao lại thuyết pháp cho các Tỳ-kheo-ni trước mặt A-lê A-nan Tì-đề-a-mâu-ni?”

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp sau khi nghe Tỳ-kheo-ni Thâu-la Nan-đà với tâm không hoan hỷ mà miệng thốt ra những ác ngôn, liền nói với Tôn giả A-nan:

“Người có thấy Tỳ-kheo-ni Thâu-la Nan-đà với tâm không hoan hỷ mà miệng thốt ra những ác ngôn? Thế nào, A-nan, Ta là người buôn kim, bán kim trước mặt người làm kim là người chẳng?”

Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Ma-ha Ca-diếp:

“Thôi, hãy nhìn! Đó là mù già ngu si,⁹⁰ thiếu trí tuệ, chưa từng tu tập!”

“Này A-nan, người chẳng đã từng nghe Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, ở giữa đại chúng nói kinh ‘Nguyệt dụ,’ để giáo giới, giáo thọ, rằng ‘Tỳ-kheo, hãy sống như mặt trăng, thường như người mới học’... (*chi tiết như trên*)⁹¹? Đó là nói A-nan sống như mặt trăng, thường như người mới học chẳng?”

Tôn giả A-nan thưa:

“Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, Không phải.”

“A-nan, người có nghe Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, **[302c]** nói rằng ‘Tỳ-kheo, hãy sống như mặt trăng, thường như người mới học. Duy chỉ có Ma-ha Ca-diếp.’ Phải vậy chẳng?”

A-nan đáp:

“Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp! Đúng vậy.”

“A-nan, người có từng được Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, ở giữa vô lượng đại chúng, mời đến ngồi

⁸⁸ A-lê 阿梨, phiên âm từ Skt. *ārya* (Thánh giả), tương đương Pāli: *ayya*, kinh ngữ, người dưới xưng hô với người trên, không nhất thiết chỉ quả vị chứng đắc.

⁸⁹ A-nan Tì-đề-a-mâu-ni 阿難鞞提訶牟尼. Pāli: *Ānanda Vedehamuni*; Sớ giải: *vedehimūnino ti paṇḍitamūnino*, vị ỷ sĩ Vedehi, nghĩa là vị ỷ sĩ quảng đại tuệ.

⁹⁰ Hán; ngu si lão ấu 愚癡老嫗. Pāli: *bālo mātugāmo ti*, ngu si là người nữ!

⁹¹ Xem kinh Đại chánh 1136.

chung chẳng? Lại nữa, Thế Tôn có tán thán đức độ rộng lớn người bằng Ngài không? A-nan đã ly dục, lìa pháp ác bất thiện, ... cho đến được Ngài tán thán lậu tận thông chẳng?”

Đáp:

“Thưa Tôn giả Ca-diếp, chưa!”

“Như vậy, này A-nan, Thế Tôn Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, ở giữa vô lượng đại chúng, miệng tự nói: ‘Hãy đến đây, Ma-ha Ca-diếp! Mời Thầy ngồi nửa tòa.’ Lại, ở giữa đại chúng có khen ngợi công đức rộng lớn của Ma-ha Ca-diếp bằng Phật; đã lìa dục, lìa pháp ác bất thiện ... cho đến lậu tận không?”

A-nan đáp:

“Đúng vậy, Thưa Tôn giả Đại Ca-diếp.”

Khi ấy Tôn giả Ma-ha Ca-diếp ở giữa chúng Tỳ-kheo-ni rống lên tiếng rống sư tử.

KINH 1285. CHÚNG GIẢM THIỂU⁹²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và Tôn giả A-nan ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành Vương Xá, sau khi Thế Tôn Niết-bàn chưa bao lâu.

Bấy giờ, gặp lúc mất mùa, đói kém, nên đi khát thực rất khó được. Lúc ấy có nhiều Tỳ-kheo tuổi trẻ đi theo Tôn giả A-nan, không khéo nhiếp hộ các căn, ăn uống không biết lượng, nên không thể từ đầu đêm đến cuối đêm tinh cần thiền định tư duy, chỉ ưa đắm vào ngủ nghỉ, thường cầu lợi lộc ở đời. Họ du hành nhân gian đến Nam Thiên trúc,⁹³ có ba mươi Tỳ-kheo tuổi trẻ xả giới hoàn tục, chỉ còn lại mấy chú trẻ nhỏ.⁹⁴ Lúc ấy, Tôn giả A-nan du hành ở nước Nam sơn,⁹⁵ vì thấy đồ chúng còn ít nên trở lại Vương Xá.⁹⁶ Tôn giả cất y bát, rửa chân xong, đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, cúi đầu lễ sát chân Tôn

⁹² Đại chánh, kinh 1144. Pāli, S. 16. 11. Cīvaram. Biệt dịch, No 100(119).

⁹³ Nam Thiên trúc 南天竺. Đây chỉ địa phương phía nam Ma-kiệt-đà, không phải Nam Ấn.

⁹⁴ Hán: đồng tử 童子. Pāli: *kumārabhūtā*, con nít.

⁹⁵ Nam sơn quốc thổ 南山國土. *Dakḥiṇagiri*, tên tiểu quốc ở phía nam Vương xá.

⁹⁶ S 16. 11: A-nan dẫn số đông Tỳ-kheo trẻ du hành Nam sơn. Sau đó họ xả giới chỉ còn khoảng 30 người.

giả, ngồi xuống một bên. Lúc ấy, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp hỏi Tôn giả A-nan:

“Thầy từ đâu đến mà đồ chúng quá ít?”

A-nan đáp:

“Từ nước Nam sơn, du hành trong nhơn gian, có ba mươi Tỳ kheo tuổi trẻ xả giới hoàn tục, đồ chúng giảm, nay còn lại phần nhiều là các trẻ nhỏ.”

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nói với A-nan rằng:

“Có bao nhiêu phước lợi mà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Tri giả, Kiến giả, chế giới cho phép ba người trở lên cùng ăn chung?”⁹⁷

A-nan đáp:

“Vì hai việc. Những gì là hai? Một là nhà nghèo ít của. Hai là những người ác lập bạn đảng phá hoại nhau.⁹⁸ [303a] Chớ để những người ác mang danh là chúng, sống ở trong Tăng làm chướng ngại đại chúng, phân làm hai phe hiềm khích tranh đấu lẫn nhau.”

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nói với A-nan:

“Thầy biết nghĩa này, vì sao vào lúc đói kém lại cùng nhiều đệ tử niên thiếu du hành nước Nam sơn, làm cho ba mươi người xả giới hoàn tục, đồ chúng tổn giảm chỉ còn lại đa số là các trẻ nhỏ? A-nan, đồ chúng của Thầy giảm xuống như vậy, Thầy chỉ là trẻ con, vì không biết trừ lượng.”

A-nan thưa:

“Thế nào, đầu tôi đã hai thứ tóc mà vẫn còn gọi tôi là trẻ con sao, bạch Tôn giả Ma-ha Ca-diếp?”

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nói:

⁹⁷ Hán dịch đoạn này không rõ nghĩa. Pāli: *tikabhajana*, một bữa ăn chỉ ba người (trở xuống). Luật tỳ kheo gọi là “Biệt chúng thừc” *Từ phân*, ba-dật-đề 33, *Ngũ phân*, ba-dật-đề 32, *Tăng-kỳ*, ba-dật-đề 40; Pāli, pācittiya 32: *gaṇabhajana*. Bốn tỳ kheo trở lên thành một nhóm, tách ra khỏi Tăng, cùng đi khát thực chung và cùng ăn chung tại một nhà thí chủ, gọi là biệt chúng thực.

⁹⁸ Nguyên do Đề-bà-đạt-đa tụ thành nhóm, cùng khát thực và ăn chung, cấu kết phá hòa hiệp Tăng, nên Phật quy điều luật này. Xem các Luật dẫn thượng.

“Vào thời buổi đói kém, mà Thầy cùng nhiều đệ tử tuổi trẻ du hành trong nhân gian, lại để cho ba mươi người xả giới hoàn tục, chỉ còn lại các trẻ nhỏ. Đồ chúng giảm dần, không biết trừ lượng, mà nói là chúng kỳ cụ⁹⁹ bị tan vỡ. Chúng của A-nan đã tan hết. Này A-nan! Thầy là trẻ con, vì không biết trừ lượng.”

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Đê-xá¹⁰⁰ nghe Tôn giả Ca-diếp dùng từ ‘trẻ con’ để quở trách Tôn giả A-nan Tì-đề-ha-mâu-ni. Nghe vậy, cô không hài lòng, bèn thốt ra những lời không tốt: “Sao A-lê Ma-ha Ca-diếp, vốn là gốc ngoại đạo, mà lại dám dùng từ ‘trẻ con’ để quở trách A-lê A-nan Tì-đề-ha-mâu-ni, khiến cho cái danh trẻ con lan ra.”

Tôn giả Ca-diếp bằng thiên nhĩ nghe được những ác ngôn thốt ra từ miệng Tỳ-kheo-ni Đê-xá khi lòng không hoan hỷ. Sau khi nghe vậy, Tôn giả nói với A-nan rằng:

“Thầy có thấy Tỳ-kheo-ni Đê-xá, tâm không hoan hỷ, miệng thốt ra những lời nói ác: ‘Ma-ha Ca-diếp gốc từ ngoại đạo mà dám quở trách A-lê A-nan Tì-đề-ha-mâu-ni, khiến cho cái danh trẻ con lan ra?’”

Tôn giả A-nan đáp:

“Xin thôi, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp! Hãy nhịn, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp! Đó là mụ già ngu si, không có trí tuệ tánh.”

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nói với A-nan:

“Từ khi ta xuất gia đến nay, chưa từng biết ai khác là Thầy, ngoài Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác ra. Khi chưa xuất gia, ta thường suy nghĩ đến sinh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Biết là tại gia thì công việc bận rộn, nhiều phiền não; nếu xuất gia sống không nhà. Người thế tục thì khó sống đời sống không nhà, một mực trong sạch, suốt đời thuần nhất thanh tịnh tràn đầy, phạm hạnh thanh bạch. Nên ta đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín, xuất gia học đạo, không nhà; đem y quý, trị giá trăm ngàn lượng vàng cắt nhỏ từng mảnh may thành tăng-già-lê. Nếu trong thế gian có ai là **[303b]** A-la-hán, ta sẽ đi theo xuất gia. Sau khi xuất gia rồi, ta gặp Thế Tôn, thân ngồi ngay thẳng, tướng tốt kỳ lạ, các căn tịch tĩnh vắng lặng không gì bằng, giống như núi vàng, ở khoảng giữa tụ lạc Na-la¹⁰¹ tại thành Vương Xá và tháp Đa

⁹⁹ Hán: túc sỹ chúng 宿士眾.

¹⁰⁰ Đê-xá 低舍. Pāli: Thullanandā (Thullatissā).

¹⁰¹ Na-la 那羅聚落. Pāli: *Nalanda*.

tử.¹⁰² Khi ta thấy rồi, tự nghĩ: ‘Đây là Thầy ta. Đây là Thế Tôn. Đây là A-la-hán, đây là Đẳng Chánh Giác.’ Lúc ấy, ta nhất tâm chấp tay kính lễ bạch Phật:

“ - Ngài là Đại Sư con. Con là đệ tử!”

Phật nói với ta rằng:

“Thật vậy, Ca-diếp! Ta là Thầy của ông. Ông là đệ tử. Nay Ca-diếp, nay ông đã thành tựu tâm thanh tịnh chân thật, Ông là người đáng cung kính. Người không biết, nói biết, không thấy, nói thấy; người thật không phải A-la-hán, mà nhận là A-la-hán; người không phải Đẳng Chánh Giác mà nói là Đẳng Chánh Giác, tự nhiên thân họ sẽ bị nát thành bảy mảnh. Nay Ca-diếp, nay Ta biết, nên nói biết; thấy, nên nói thấy; thật A-la-hán nói A-la-hán; thật Đẳng Chánh Giác nói Đẳng Chánh Giác. Nay Ca-diếp, nay Ta có nhân duyên vì Thanh văn thuyết pháp, không phải không có nhân duyên; có y cứ không phải không y cứ, có thần lực không phải không thần lực. Cho nên, nay Ca-diếp, nếu muốn nghe pháp phải học như vậy: Nếu vì nghĩa lợi, vì hữu ích, muốn nghe pháp, phải một lòng cung kính tôn trọng, chuyên tâm lắng nghe và tự nghĩ rằng: Đối với sự sinh diệt của năm uẩn, sự tập khởi, sự diệt tận của lục sáu xứ, ta phải chánh quán. Đối với bốn niệm xứ, phải chánh niệm lạc trụ; tu tập bảy giác chi, tám giải thoát, tự thân tác chứng; lúc nào cũng nghĩ thân này chưa từng đoạn tuyệt, xa lìa sự không tầm quý. Đối với phạm hạnh và đạo đức của Đại Sư, thường giữ tâm tầm quý. Hãy học tập như vậy.

“Bấy giờ, Thế Tôn vì ta mà thuyết pháp: khai thị, chỉ giáo, soi sáng làm cho ta hoan hỷ. Sau khi khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho ta hoan hỷ rồi, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy đi, ta cũng đi theo về trụ xứ. Ta lấy cái y giá trị trăm ngàn lượng vàng cắt may thành tăng-già-lê kia, gấp bốn làm tòa ngồi. Bấy giờ, Thế Tôn biết ta chí tâm cầu đạo. Ta trải y ra làm tọa cụ thỉnh Phật ngồi. Thế Tôn ngồi xuống, lấy tay sờ y, khen rằng:

“Ca-diếp, y này nhẹ, mịn, mềm mại.”

Lúc ấy, Ta thưa:

“Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Y này nhẹ mịn, mềm mại. Cúi xin Thế Tôn nhận y này của con.”

¹⁰² Đa tử tháp 多子塔. Pāli: *Bahuputta-cetiya*.

Phật nói với Ca-diếp:

“Thầy nên nhận y phần tảo của Ta. Ta sẽ nhận y tăng-già-lê của Thầy.”

Phật liền tự tay trao y phần tảo trao cho ta. Ta liền dâng tăng-già-lê cho Phật. Rồi lần lượt giáo thọ như vậy, trong vòng tám ngày, ta đã học pháp lãnh thọ nơi khát thực, cho đến ngày thứ chín, ta đạt đến vô học. Nay A-nan, nếu có ai hỏi rằng: ‘Ai là pháp tử của Thế Tôn, từ miệng Phật sinh, từ pháp hóa sinh, được giao phó gia tài Phật pháp, và các thiền giải thoát, tam-muội chánh thọ?’ Thì nên đáp, đó là ta. Như vậy là nói chân chánh.

“Giống như người con trưởng thứ nhất của Chuyển luân Thánh vương, sẽ bằng phép quán đánh mà ngồi lên vương vị, hưởng thụ ngũ dục của vua, không phải dùng phương tiện khổ, tự nhiên hưởng được. Ta cũng như vậy, là pháp tử của Phật, từ miệng Phật sinh, từ pháp hóa sinh, đắc pháp và pháp tài khác như thiền định, giải thoát, tam-muội chánh thọ, không phải dùng phương tiện khổ, mà tự nhiên được.

“Thí như voi báu của Chuyển luân Thánh vương cao bảy, tám khủ tay mà một lá đa-la có thể che rợp. Cũng vậy, sáu thần thông trí thành tựu của ta có thể che rợp. Nếu đối với cảnh giới thần thông và trí chứng, có người nào nghi hoặc, ta có thể vì họ phân biệt, ký thuyết về thiên nhĩ, tha tâm thông, túc mạng trí, sinh tử trí, lậu tận, tác chứng trí thông. Nếu có người nào nghi hoặc, ta có thể vì họ phân biệt, ký thuyết, khiến họ được quyết định.”

Tôn giả A-nan thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Bạch Tôn giả Ma-ha Ca-diếp! Như voi báu của Chuyển luân Thánh vương cao bảy, tám khủ tay mà muốn dùng một lá đa-la có thể che rợp. Cũng vậy, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp! Sáu thần thông trí có thể che rợp. Nếu có người nào nghi hoặc về cảnh giới thần thông, tác chứng trí ... cho đến lậu tận, tác chứng trí, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp có thể vì họ ký thuyết khiến họ được quyết định. Đối với Tôn giả Ma-ha Ca-diếp tôi luôn luôn kính tín tôn trọng. Vì có thần lực đức độ lớn như vậy.”

Tôn giả Đại Ca-diếp sau khi nói những điều này, Tôn giả A-nan nghe những gì Ngài nói, hoan hỷ thọ trì.¹⁰³

¹⁰³ Bản Hán, hết quyển 41.

KINH 1286. NGOẠI ĐẠO¹⁰⁴

[219b4]Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bảy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, và Tôn giả Xá-lợi-phất ở trong núi Kỳ-xà-quật. Bảy giờ có nhiều chúng xuất gia ngoại đạo đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất. Sau khi cùng Tôn giả thăm hỏi nhau, họ ngồi xuống một bên nói với Tôn giả Xá-lợi-phất rằng:¹⁰⁵

“Thế nào Xá-lợi-phất, Như Lai đời sau có sinh tử không?”¹⁰⁶

Xá-lợi-phất nói:

“Này các Ngoại đạo, Thế Tôn nói rằng: Điều này không ký thuyết.”¹⁰⁷

Lại hỏi:

“Thế nào Xá-lợi-phất, Như Lai không có sinh tử đời sau phải chăng?”

Xá-lợi-phất đáp rằng:

“Này các Ngoại đạo, Thế Tôn nói rằng: Điều này không ký thuyết.”

Lại hỏi:

“Xá-lợi-phất, Như Lai vừa có sinh tử đời sau, vừa không có sinh tử đời sau chăng?”

Xá-lợi-phất đáp rằng:

“Thế Tôn nói rằng: Điều này không ký thuyết.”

Lại hỏi:

“Xá-lợi-phất, Như Lai vừa chẳng phải có sinh tử đời sau, vừa chẳng phải không có sinh tử đời sau chăng?”

Xá-lợi-phất đáp rằng:

“Này các Ngoại đạo, Thế Tôn nói rằng: Điều này không ký thuyết.”

Các xuất gia ngoại đạo lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Thế nào, những điều chúng tôi hỏi, Như Lai có sinh tử đời sau; không có sinh tử đời sau; vừa có đời sau, vừa không có đời sau; vừa chẳng phải có đời sau, vừa chẳng phải không có đời sau. Tất cả đều

¹⁰⁴ Đại chánh, quyển 31, kinh 905. Pāli, S. 16.12. Paraṃmarañam.

¹⁰⁵ Bản Pāli, Xá-lợi-phất hỏi Ca-diếp. Xem tiếp đoạn dưới.

¹⁰⁶ Pāli: *hoti tathāgato paraṃ marañā*, Như lai có tồn tại sau khi chết?

¹⁰⁷ Hán: vô ký 無記. Pāli: *avyākata*.

đáp, Thế Tôn nói rằng: ‘Điều này không ký thuyết.’ Tại sao là một Thượng tọa mà như ngu, như si, không khéo, không biết, như trẻ thơ không có trí tự tánh?¹⁰⁸ Sau khi nói xong những lời này, từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

Lúc ấy, Tôn giả Ma-ha [226b] Ca-diếp, và Tôn giả Xá-lợi-Phất ở cách nhau không xa, cả hai ban ngày ngồi thiền tư dưới bóng cây. Tôn giả Xá-lợi-phất sau khi biết các xuất gia ngoại đạo đã đi rồi, bèn đi đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, cùng nhau thăm hỏi khích lệ, rồi ngồi qua một bên, đem những việc bàn luận vừa rồi cùng các xuất gia ngoại đạo thưa lại đầy đủ cho Tôn giả Ma-ha Ca-diếp:

“Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, do nhân gì, duyên gì mà Thế Tôn không ký thuyết đời sau có sinh tử; đời sau không có sinh tử; đời sau vừa có đời sau vừa không; chẳng phải có chẳng phải không sinh tử?”

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nói với Xá-lợi-phất rằng:

“Nếu nói Như Lai đời sau có sinh tử, đó là sắc. Nếu nói Như Lai đời sau không có sinh tử, đó là có sắc. Nếu nói Như Lai đời sau vừa có sinh tử, đời sau vừa không có sinh tử, đó là sắc. Nếu nói Như Lai đời sau chẳng phải có, đời sau chẳng phải không sinh tử, đó là sắc. Vì Như Lai đã diệt tận sắc, tâm khéo giải thoát, nên nói với có sinh tử đời sau, đây là điều không đúng; hoặc đời sau không sinh tử; hoặc đời sau vừa có, đời sau vừa không; hay đời sau chẳng phải có, đời sau chẳng phải không sinh tử, điều này cũng không đúng. Vì Như Lai đã diệt tận sắc, tâm khéo giải thoát sâu xa, rộng lớn vô lượng, vô số, Niết-bàn vắng lặng.¹⁰⁹

“Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu nói Như Lai có sinh tử đời sau, đó là thọ, là tướng, là hành, là thức, là động, là tư lự, là hư dối, là hữu vi, là ái, ... cho đến, chẳng phải có chẳng phải không có sinh tử¹¹⁰ đời sau cũng nói như vậy. Vì Như Lai, đã diệt tận ái, tâm khéo giải thoát, nên nói có sinh tử đời sau là không đúng; hoặc không đời sau; hoặc đời sau

¹⁰⁸ Hán: vô tự tánh trí 無自性智.

¹⁰⁹ Pāli (S. ii. 223), Ca-diếp trả lời: vì điều ấy không liên hệ đến mục đích, không thuộc phạm hạnh căn bản, không dẫn đến yếm ly, không dẫn đến ly tham, diệt tận, tịch tĩnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

¹¹⁰ Đề bản không có hai chữ *sanh tử*. Vì đây là cú nghĩa thứ tư của vấn đề, nên theo các nghĩa trước mà thêm cho đủ ý.

vừa có, đời sau vừa không; hay chẳng phải có, chẳng phải không đời sau, cũng không đúng. Vì Như Lai, đã diệt tận ái, nên tâm khéo giải thoát sâu xa, rộng lớn vô lượng, vô số, Niết-bàn vắng lặng.

“Tôn giả Xá-lợi-phất, do nhân như vậy, duyên như vậy, cho nên có người hỏi Thế Tôn: ‘Như Lai hoặc có hoặc không, hoặc vừa có vừa không, chẳng phải có chẳng phải không sinh tử đời sau.’ Thế Tôn đã không ký thuyết.”

Sau khi hai vị Chánh sỹ cùng bàn luận với nhau xong, cả hai trở về chỗ của mình.

KINH 1287. PHÁP TƯƠNG HOẠI¹¹¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-diếp đang ở tại giảng đường Lộc Tử Mẫu, vườn phía đông nước Xá-vệ. Vào buổi xế chiều, sau khi từ thiền tịnh tỉnh giấc, Tôn giả đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, do nhân gì, duyên gì, trước đây Thế Tôn ít chế cấm giới cho các Thanh văn, mà lúc ấy nhiều Tỳ-kheo tâm lại ưa thích học tập; [226c] còn ngày nay thì chế nhiều cấm giới, mà các Tỳ-kheo lại ít thích học tập?”

Phật nói với:

“Đúng vậy, Ca-diếp! Vì mạng trước, phiền não trước, kiếp trước, chúng sanh trước, kiến trước,¹¹² và pháp thiện của chúng sanh bị sút giảm, nên Đại Sư vì các Thanh văn chế ra nhiều cấm giới, nhưng họ lại ít thích học tập!

“Này Ca-diếp, thí như lúc kiếp sắp chuyển hoại, tuy vật báu thật chưa diệt mất, nhưng vật báu nguy tạo tương tự lại xuất hiện ở thế gian. Khi vật báu nguy tạo đã xuất hiện, vật báu thật sẽ mất. Cũng vậy, Ca-diếp, Chánh pháp¹¹³ Như Lai lúc sắp muốn diệt, lại có tượng pháp tương

¹¹¹ Đại chánh, kinh 906. Chánh pháp sắp diệt. Pāli, S. 16.13. Saddhammapaṭirūpakam (tượng pháp). Tham chiếu Hán, No 100(121).

¹¹² Gọi là ngũ trước ác thế 五濁惡世, bản Pāli không có.

¹¹³ Chánh pháp 正法. Pāli: *saddhamma*.

tự¹¹⁴ sanh ra. Khi tượng pháp tương tự đã xuất hiện ở thế gian rồi, Chánh pháp sẽ bị diệt.

“Thí như trong biển cả, nếu thuyền chở nhiều trân nói với, chắc sẽ nhanh chóng bị đắm chìm. Chánh pháp Như Lai không như vậy, mà sẽ bị tiêu diệt từ từ. Chánh pháp của Như Lai không bị đất làm hoại, không bị nước, lửa, gió làm hoại đi. Cho đến lúc chúng sanh ác xuất hiện ở thế gian, thích làm các điều ác, muốn làm các điều ác, thành tựu các điều ác; phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp; phi luật nói là luật; bằng pháp tương tự mà cú vị thịnh hành. Bấy giờ Chánh pháp Như Lai mới chìm mất.

“Này Ca-diếp! Có năm nhân duyên có khả năng làm cho Chánh pháp Như Lai chìm mất. Những gì là năm? Tỳ-kheo đối với Đại Sư mà không kính, không trọng, không thành ý phụng Đối với Đại Sư không kính, không trọng, không thành ý phụng sự, nhưng vẫn nương tựa để sống. Đối với pháp, hoặc học giới, hoặc giáo giới tùy thuận, hay các phạm hạnh được Đại Sư khen ngợi cũng không kính, không trọng, không thành ý phụng sự vẫn sống y chỉ.¹¹⁵ Này Ca-diếp đó gọi là năm nhân duyên làm cho Chánh pháp Như Lai biến mất nơi đây.

“Này Ca-diếp, có năm nhân duyên khiến cho pháp luật của Như Lai không chìm, không mất, không suy giảm. Những gì là năm? Đó là, Tỳ-kheo đối với Đại Sư mà cung kính, tôn trọng, thành ý phụng sự, sống y chỉ; đối với Pháp, hoặc học giới, hoặc giáo giới tùy thuận, hay phạm hạnh được Đại Sư khen ngợi cũng cung kính, tôn trọng, thành ý phụng sự, sống y chỉ. Này Ca-diếp, đó là năm nhân duyên làm cho pháp luật Như Lai không chìm, không mất, không sút giảm. Cho nên, này Ca-diếp, hãy học, như vậy: ‘Đối với Đại Sư nên tu cung kính, tôn trọng, thành ý phụng sự, sống y chỉ; đối với pháp, hoặc học giới, hoặc giáo giới tùy thuận, hay các phạm hạnh mà được Đại Sư khen ngợi, cung kính, tôn trọng, thành ý phụng sự, sống y chỉ.’”

¹¹⁴ Hán: tương tự tượng pháp 相似像法. Pāli: *saddhammapatirūpaka*, tương tự chánh pháp.

¹¹⁵ Bản Pāli: *pañca okkamaniyā... sathari agāravā viharanti appatissā, dhamme agāravā... saṅghe agāravā... sikkhāya agāravā... samādhismiṃ agāravā...*, năm sự thoái hóa: chúng không tôn trọng Đạo sư, sống không tùy thuận; không tôn trọng Pháp, không tôn trọng Tăng, không tôn trọng học giới, không tôn trọng chánh định.

Sau khi Phật nói kinh này xong, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, hoan hỷ tùy
hỷ làm **[227a]** lễ mà lui.

42. TƯƠNG ƯNG TỰ LẠC CHỦ¹

KINH 1288. GIÁ-LA-CHÂU-LA²

[227a2] Tôi nghe như vậy:

Một thói, Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bảy giờ có thôn trưởng Giá-la-châu-la-na³ đi đến chỗ Phật. Sau khi chào hỏi úy lạo xong, ông ngồi xuống một bên, bạch Phật rằng:

“Thưa Cù-đàm, tôi nghe các vị kỳ cựu trong hàng ca vũ kịch⁴ ngày xưa nói như vậy: ‘Nếu các con hát ở trước mọi người, ca múa, diễn hài, trình diễn các thứ ca kỹ, làm cho mọi người vui cười hoan lạc; và nhờ nghiệp duyên này, nên sau khi thân hoại mạng chung sinh lên cõi trời Hoan hỷ.’⁵ Còn ở trong pháp Cù-đàm này thì nói như thế nào?”

Phật nói với thôn trưởng:

“Thôi, chớ nên hỏi nghĩa này.”

Ba lần như vậy, nhưng ông vẫn hỏi thỉnh không thôi.

Phật nói với thôn trưởng:

“Nay Ta hỏi ông, cứ tùy theo ý ông mà đáp. Xưa kia ở nơi thôn này chúng sanh không lia tham dục, bị sự ràng buộc của tham dục buộc; không lia sân nhuế, bị sự ràng buộc của sân nhuế buộc; không lia ngu si, bị sự ràng buộc của ngu si buộc. Những con hát kia ở trước mọi người trình diễn ca múa, kỹ nhạc, và diễn hài làm cho mọi vui cười hoan lạc. Vậy này thôn trưởng, ngay những người vui cười hoan lạc kia, há không phải đang làm tăng trưởng sự trói buộc của tham dục, sân nhuế, và si mê đó sao?”

Thôn trưởng bạch Phật rằng:

¹ Đại chánh, quyển 32, kinh số 907-916 (trừ 2 kinh đầu 905-906). Ấn Thuận *Hội biên*, “42. Tương ưng Tự lạc chủ” gồm 10 kinh. Phần lớn tương đương Pāli, S. 42 *Gāmanisaṃyutta*. Xem thêm cht. 1 “1. Tương ưng Đại Ca-diếp.”

² Đại chánh, kinh 907. Pāli, S. 42.2. Puṭo. Tham chiếu, No 100(122).

³ Giá-la-châu-la-na tự lạc chủ 遮羅周羅那羅聚落主. No 100(122): kỹ nhân chủ tên Động Phát 伎人主動髮. Pāli:phường trưởng phường ca vũ (*naṭagāmaṇi*) tên là Tālapuṭa.

⁴ Hán: ca vũ hý tiểu kỳ niên túc sỹ 歌舞戲笑耆年宿士. Pāli: *ācariyāpācariyā nātā*, sư tổ của các ca kỹ.

⁵ Hoan hỷ thiên 歡喜天; No 100(122): Quang chiếu thiên 光照天. Pāli: Pahāsā devā.

“Đúng vậy, thưa Cù-đàm.”

“Này thôn trưởng, thí như có người dùng giấy trói ngược, rồi có người trong một thời gian dài với ác tâm muốn làm cho người này chẳng đạt được ý nghĩa lợi ích, không được an ổn, không được an lạc, nên thường dùng nước nhỏ lên trên sợi dây trói. Người há không bị trói càng lúc càng xiết chặt hơn sao?”

Thôn trưởng nói:

“Đúng vậy, thưa Cù-đàm.”

Phật nói với:

“Này thôn trưởng, xưa kia chúng sanh cũng lại như vậy. Không xa lia sự trói buộc của tham dục, sân nhuế, và si; duyên vào những cuộc giải trí vui cười, hoan lạc, làm tăng thêm sự trói buộc ấy.”

Thôn trưởng nói:

“Thật vậy, thưa Cù-đàm, những con hát này đã làm cho mọi người vui cười hoan lạc, nhưng càng làm tăng thêm sự trói buộc cho tham dục, sân nhuế, và si mê mà thôi. Vì nhân duyên này mà khi thân hoại mạng chung được sinh về đường thiện, điều này không thể có được.”

Phật nói với thôn trưởng:

“Nếu nói với các con hát xưa kia có thể làm cho mọi người vui cười, hoan lạc, và vì nhờ nghiệp duyên này mà sinh về cõi trời Hoan hỷ, đây là tà kiến. Nếu người nào là tà kiến, có thể sinh về hai đường: hoặc là đường địa ngục, hoặc là đường súc sanh.”

Lúc nghe nói những lời này, thôn trưởng Giá-la-châu-la-na-la buồn thương rơi lệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với thôn trưởng:

“Cho nên, trước đây ba [227b] lần hỏi, Ta không đáp, và nói với thôn trưởng thôi, chớ hỏi nghĩa này.”

Thôn trưởng bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, tôi không vì những lời nói của Cù-đàm mà thương khóc rơi lệ. Tôi tự mình nghĩ, tại sao từ trước đến giờ mình lại để cho những sở kiến ngu si, không minh bạch, không lương thiện của bọn nghệ sỹ kia lừa dối rằng: ‘Nếu các con hát ở trước mọi người, ca múa,... cho đến được sinh về cõi trời Hoan hỷ.’ Bấy giờ, tôi lại nghĩ, làm sao các nghệ sỹ ca múa, diễn kịch có thể sinh về cõi trời Hoan hỷ được?”

“Thưa Cù-đàm, từ nay tôi xin từ bỏ cái nghề nghề sỹ ác bất thiện kia, xin nương về Phật, nương về pháp, nương về Tăng Tỳ-kheo.”

Phật dạy:

“Lành thay, thôn trưởng! Đây là điều chân thật.”

Thôn trưởng Giá-la-châu-la-na-la sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, đánh lễ sát chân Phật, rồi vui vẻ ra về.

KINH 1289. CHIẾN ĐẤU HOẠT⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thói, Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bấy giờ có vị thôn trưởng sống về nghề chiến đấu,⁷ đi đến chỗ Phật cung kính thăm hỏi, sau khi thăm hỏi xong, ngồi xuống một bên, bạch Phật rằng:

“Thưa Cù-đàm, tôi nghe các vị tôn túc kỳ cựu sống về nghề chiến đấu ngày xưa nói như vậy: ‘Nếu sống về nghề chiến đấu, mình mặc giáp dày, tay cầm binh khí sắc bén, dẫn đầu tướng sỹ, và có khả năng cùng phương tiện bẻ gãy mọi âm mưu oán địch; nhờ vào nghiệp báo này, mà sinh về cõi trời Tiễn hàng phục.’⁸ Còn ở trong pháp của Cù-đàm, nghĩa này như thế nào?”

Phật nói với vị thôn trưởng sống về chiến đấu:

“Thôi, chớ nên hỏi nghĩa này.”

Ba lần hỏi lại như vậy, ba lần Phật cũng bảo thôi, nhưng ông vẫn cứ hỏi không thôi.

Phật nói với thôn trưởng:

“Bây giờ, Ta hỏi ông, cứ tùy theo ý ông mà trả lời.

“Này thôn trưởng, theo ý ông thì sao, nếu sống về nghề chiến đấu, mình mặc giáp dày, tay cầm binh khí sắc bén, dẫn đầu tướng sỹ, và có khả năng cùng phương tiện bẻ gãy mọi âm mưu oán địch, người này

⁶ Đại chánh, kinh 908. Sống bằng nghề chiến đấu, tức chiến sỹ. Pāli, S. 42.3 Yodhājīvo.

⁷ Chiến đấu hoạt tụ lạc chủ 戰鬥活聚落主. No 100(123): thiện đấu tướng 善鬥將. Pāli: yodhājīvagāmaṇi, người cầm đầu phường võ.

⁸ Tiễn hàng phục thiên 箭降伏天. No 100(123): Tiễn trang nghiêm thiên 箭莊嚴天. Pāli: sarañjitā (sarājitā) devā.

trước đó há không khởi lên tâm làm thương tổn, sát hại; muốn bắt trời, xiềng xích, đâm chém, sát hại đối với kẻ khác sao?”

Thôn trưởng bạch Phật:

“Đúng vậy, Bạch Thế Tôn!”

Phật nói với thôn trưởng:

“Sống làm nghề chiến đấu phạm ba thứ ác tà: Hoặc về thân, hoặc miệng, hoặc ý. Vì nhân duyên ba thứ ác tà này, mà sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sinh về cõi trời Tiễn hàng phục thuộc đường thiện, điều này không thể xảy ra.”

Phật nói với thôn trưởng:

“Các vị tôn túc kỳ cựu sống về nghề chiến đấu ngày xưa thấy như vậy, nói như vậy: ‘Nếu sống về nghề chiến đấu, mình mặc giáp trụ, tay cầm binh khí sắc bén, xông lên trước đối địch, và có khả năng cùng phương tiện bẻ gãy mọi âm mưu oán địch, nhờ vào nhân duyên này này, mà sinh về cõi trời Tiễn hàng phục.’ Thì đây là tà kiến. Người tà kiến chắc chắn sẽ sinh về hai đường: hoặc là đường địa ngục, hoặc là đường súc sanh.”

[227c] Lúc nghe nói những lời này, thôn trưởng này buồn thương rơi lệ. Phật nói với thôn trưởng:

“Vì nghĩa này, nên trước đây ba lần Ta nói với thôn trưởng thôi đi, mà không nói cho ông nghe.”

Thôn trưởng bạch Phật:

“Tôi không vì những lời nói của Cù-đàm mà thương khóc rơi lệ, mà mình tự nghĩ, các vị tôn túc kỳ cựu sống về nghề chiến đấu ngày xưa ngu si, bất thiện, không minh bạch, sống lâu dài trong sự lừa dối, nói rằng: ‘Nếu sống về nghề chiến đấu, mình mặc giáp trụ, tay cầm binh khí sắc bén, xông lên trước đối địch,... cho đến được sinh về cõi trời Tiễn hàng phục.’ Cho nên tôi thương khóc rơi lệ. Bây giờ, tôi lại nghĩ rằng các vị sống về chiến đấu, và do nhân duyên ác nghiệp, mà sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sinh về cõi trời Tiễn hàng phục, điều đó không thể xảy ra được?

“Thưa Cù-đàm, từ nay tôi xin từ bỏ các nghiệp ác, xin nương về Phật, nương về pháp, nương về Tăng Tỳ-kheo.”

Phật nói với thôn trưởng:

“Đây là điều chân thật.”

Thôn trưởng sống về chiến đấu sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ rồi lui.

KINH 1290. ĐIỀU MÃ ⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thói, Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bấy giờ có thôn trưởng luyện ngựa¹⁰ đi đến chỗ Phật cung kính thăm hỏi, rồi ngồi xuống một bên.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với thôn trưởng luyện ngựa:¹¹

“Người luyện ngựa có bao nhiêu cách?”

Thôn trưởng đáp rằng:

“Thưa Cù-đàm, có ba cách. Những gì là ba? Một là mềm mỏng, hai là cứng rắn, ba là vừa mềm mỏng vừa cứng rắn.”

Phật nói với thôn trưởng:

“Nếu dùng ba cách này mà vẫn không điều khiển được ngựa nữa, phải làm sao?”

Thôn trưởng nói:

“Thì phải giết nó.”

Thôn trưởng bạch Phật rằng:

“Thưa Cù-đàm, Bậc Điều Ngự Trượng Phu phải dùng bao nhiêu pháp để điều ngự con người¹² ấy?”

Phật nói với thôn trưởng:

“Ta cũng dùng ba pháp để điều ngự con người. Những gì là ba? Một là mềm mỏng, hai là cứng rắn, ba là vừa mềm mỏng vừa cứng rắn.”

Thôn trưởng bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, nếu dùng ba pháp mà không điều phục được con người cần điều ngự thì phải làm như thế nào?”

⁹ Huấn luyện ngựa. Pāli, S. 42.5 Assa (Haya).

¹⁰ Điều mã tụ lạc chủ 調馬聚落主. No 100(124): thiện điều mã sư 善調馬師. Pāli: assāroho gāmaṇi.

¹¹ Bản Pāli, người huấn luyện ngựa hỏi Phật với nội dung như các ca kỹ, chiến sỹ trong các kinh trên.

¹² Nguyên Hán: điều ngự trượng phu. Pāli: *purisadamma*.

Phật nói với thôn trưởng:

“Nếu dùng ba pháp mà vẫn không điều phục được, phải giết con người đó. Vì sao? Vì không để cho pháp của Ta bị khuất nhục.”

Trưởng thôn luyện ngựa bạch Phật rằng:

“Trong pháp của Cù-đàm, sát sinh là bất tịnh. Vậy trong pháp của Cù-đàm là không cho sát hại. Nhưng hôm nay Cù-đàm lại nói rằng; ‘Người nào không thể điều phục được, cần phải giết?’”

Phật nói với thôn trưởng:

“Như những lời ông đã nói, trong pháp của Như Lai, sát sinh là bất tịnh. Như Lai không thể sát hại. Nay thôn trưởng, nhưng khi Ta dùng ba pháp để điều ngự [228a] con người, mà con người ấy không điều phục được, Ta sẽ không nói đến nữa, không dạy dỗ, không giáo giới nữa. Nay thôn trưởng, Như Lai khi điều ngự con người, mà không nói đến người đó nữa, không giáo thọ, không giáo giới cho nữa, đó há không phải là sát hại sao?”

Thôn trưởng luyện ngựa bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, nếu khi điều ngự con người, mà không nói đến người đó nữa, không giáo thọ, không giáo giới cho nữa, thật sự đã sát hại người đó rồi. Cho nên từ nay tôi xin từ bỏ nghiệp ác, xin nương về Phật, nương về Pháp, nương về Tăng Tỳ-kheo.”

Phật nói với thôn trưởng:

“Đây là điều chân thật.”

Phật nói kinh này xong. Thôn trưởng luyện ngựa sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ mà lui.

KINH 1291. HUNG ÁC¹³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bấy giờ có một thôn trưởng Hung Ác¹⁴ đi đến chỗ Phật đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật rằng:

¹³ Đại chánh, kinh 910. Pāli, S. 42.1 Caṇḍo.

¹⁴ Hung ác tụ lạc chủ 兇惡聚落主. No 100(125): tụ lạc chủ tên Ác Tánh 聚落主。惡性. Pāli: Caṇḍo gāmiṇi. Sớ giải: một thôn chủ tên là Caṇḍo.

“Vì không tu pháp gì, nên sinh sân nhuế đối với người khác; do sinh sân nhuế, nên miệng nói lời ác; người ta vì vậy mà gọi nó là Ác Tánh?”¹⁵

Phật nói với thôn trưởng:

“Vì không tu chánh kiến nên sinh ra sân nhuế đối với người khác. Do sinh ra sân nhuế nên miệng nói ra lời ác. Người ta vì vậy mà gọi nó là Ác Tánh. Vì không tu chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, nên sanh ra sân nhuế đối với người khác. Do sinh ra sân nhuế, nên miệng nói ra lời ác. Người ta vì vậy gọi nó là Ác Tánh.”

Lại hỏi Thế Tôn:

“Phải tu tập pháp gì để không sinh sân nhuế đối với người khác. Do không sinh sân nhuế, nên miệng nói ra lời thiện; người ta vì vậy đặt tên là Hiền Thiện?”¹⁶

Phật nói với thôn trưởng:

“Vì tu chánh kiến, nên không sinh sân nhuế đối với người khác; do không sinh sân nhuế, nên miệng nói ra lời thiện, người ta vì vậy đặt tên là Hiền Thiện. Vì tu tập chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, nên không sinh sân đối với người khác. Do không sinh sân nhuế nên miệng nói ra lời thiện, người ta vì vậy đặt tên là Hiền Thiện.”

Thôn trưởng Hung Ác bạch Phật:

“Kỳ thay Thế Tôn, Ngài khéo nói những lời này. Vì tôi không tu chánh kiến, nên sinh ra sân nhuế đối với người khác. Do sinh ra sân nhuế, nên miệng nói ra lời ác. Người ta vì tôi mà đặt tên là Ác Tánh. Vì tôi không tu chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, nên sinh ra sân nhuế đối với người khác. Do đã sinh ra sân nhuế, nên miệng nói ra lời ác. Người ta vì vậy mà gọi tôi là Ác Tánh. Cho nên **[228b]** từ nay tôi sẽ từ bỏ sân nhuế thô bạo.”

Phật nói với thôn trưởng:

“Đây là điều chân thật.”

¹⁵ Ác tánh 惡性. Pāli: *caṇḍo*. hung dữ, bạo ác.

¹⁶ Hiền Thiện 賢善. No 100(125): Nhẫn Thiện 忍善. Pāli: *sorata*, nhu hòa.

Sau Một thối, Phật nói kinh này xong, thôn trưởng hung ác, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ mà lui.

KINH 1292. MA-NI CHÂU KẾ ¹⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thối, Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bảy giờ có thôn trưởng Ma-ni Châu-kế,¹⁸ đi đến chỗ Phật đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, trước đây quốc vương có tập họp các đại thần, cùng nhau bàn luận rằng: ‘Thế nào, Tỳ-kheo Sa-môn Thích tử tự mình nhận và cất chứa vàng bạc của báu, là tịnh hay bất tịnh?’¹⁹ Trong các đại thần có người nói: ‘Sa-môn Thích tử được phép tự mình nhận và cất chứa vàng bạc của báu.’ Lại có vị nói: ‘Không được phép tự mình nhận và cất chứa vàng bạc của báu.’

“Bạch Thế Tôn, vị nói Sa-môn Thích tử được phép tự nhận và cất chứa vàng bạc của báu, là do nghe từ Phật hay là tự ý họ nói ra? Họ nói ra những lời này là tùy thuận pháp hay là không tùy thuận, là lời nói chân thật hay là lời nói hư vọng? Những lời nói như vậy không bị rơi vào chỗ đáng bị chỉ trích chăng?”

Phật nói với thôn trưởng:

“Đó là những lời nói chẳng phải chân thật, chẳng phải pháp, chẳng phải tùy thuận, đáng bị chỉ trích. Vì sao? Vì Sa-môn Thích tử mà tự mình nhận và cất chứa vàng bạc của báu, là bất thanh tịnh. Cho nên, nếu người nào tự nhận và cất chứa vàng bạc của báu cho mình, chẳng phải là pháp Sa-môn, chẳng phải pháp của dòng Thích tử.”

Thôn trưởng bạch Phật rằng:

“Kỳ thay, Thế Tôn, Sa-môn Thích tử mình nhận và chứa vàng bạc của báu, là chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải pháp của dòng Thích tử. Đây là lời nói chân thật.

¹⁷ Đại chánh, kinh 911. Pāli, S. 42.10 Mañicūla.

¹⁸ Ma-ni châu kế tự lạc chủ 摩尼珠髻聚落主. No 100(126): Như Ý Châu Đánh Kế 如意珠頂髻. Pāli: Mañicūlaka

¹⁹ Tịnh, bất tịnh. Pāli: *kappati, na kappati*, hợp thức hay không hợp thức? (được phép hay không được phép?).

“Bạch Thế Tôn, vị nói lời này làm tăng trưởng thắng diệu. Con cũng nói như vậy: ‘Sa-môn Thích tử không được tự mình nhận và cất chứa vàng bạc của báu.’”

Phật nói với thôn trưởng:

“Nếu Sa-môn Thích tử mà nhận và cất chứa vàng bạc, trân báu cho là thanh tịnh, năm dục công đức ắt phải thanh tịnh!”

Thôn trưởng Ma-ni Châu-kế, sau khi nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ làm lễ mà lui.

Đức Thế Tôn, sau khi biết thôn trưởng Ma-ni Châu-kế đi rồi, nói với Tôn giả A-nan:

“Những Tỳ-kheo hiện đang trú trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, hãy gọi tập họp tất cả tại nhà ăn.”

Tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy, đi khắp vườn Trúc, Ca-lan-đà, thông báo cho các Tỳ-kheo hiện còn đang ở đây, tập trung đến nhà ăn. Khi các Tỳ-kheo đã tập trung rồi, Tôn giả đến bạch Thế Tôn:

“Các Tỳ-kheo đã [228c] tập họp tại nhà ăn rồi. Xin Thế Tôn biết thời.”

Bấy giờ, Thế Tôn đi đến nhà ăn ngồi trước đại chúng, và nói với các Tỳ-kheo:

“Hôm nay có thôn trưởng Ma-ni Châu-kế đi đến chỗ Ta, nói như vậy: ‘Trước đây quốc vương có tập họp các đại thần, cùng nhau bàn luận rằng: Sa-môn Thích tử tự mình nhận và cất chứa vàng bạc của báu, có phải là thanh tịnh không? Trong đó có vị nói là thanh tịnh, có vị nói là không thanh tịnh. Vậy nay xin hỏi Thế Tôn, vị nói thanh tịnh là được nghe từ Phật nói hay tự mình nói dối.’ *Như đã nói đầy đủ ở trên. Thôn trưởng Ma-ni Châu-kế, sau khi nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ làm lễ mà lui.*

“Này các Tỳ-kheo, trong khi quốc vương, đại thần cùng nhau hội họp bàn luận, thôn trưởng Ma-ni Châu-kế này nói như sư tử rống ở trước mọi người là: ‘Sa-môn Thích tử không được phép tự mình nhận và cất chứa vàng bạc, của báu.’”

“Này các Tỳ-kheo, từ hôm nay các người cần cây thì xin cây, cần cỏ thì xin cỏ, cần xe thì xin xe, cần người giúp việc thì xin người giúp việc. Cần thận chớ nên vì mình mà nhận lấy vàng bạc, và các thứ vật báu.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 1293. VƯƠNG ĐÁNH²⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở bên ao Yết-già²¹ tại nước Chiêm-bà. Bấy giờ có thôn trưởng Vương Đánh²² đi đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên. Bấy giờ, Thế Tôn nói với thôn trưởng Vương Đánh:

“Hiện nay chúng sanh chạy theo hai khuynh hướng. Những gì là hai? Một là thích đắm vào năm dục, thuộc dạng phàm phu, thấp kém, hèn hạ²³ Hai là tự làm khổ mình một cách sai lầm không có bất cứ ý nghĩa lợi ích nào!

“Này thôn trưởng, có ba hạng người thích hưởng thụ dục lạc, thuộc hàng phàm phu, người thường, thấp kém, hèn hạ. Cũng có ba hạng người tự làm khổ mình một cách sai lầm không có bất cứ ý nghĩa lợi ích nào,

“Này thôn trưởng, những gì là ba hạng người thích hưởng thụ dục lạc, thuộc hàng phàm phu, người thường, thấp kém, hèn hạ? Có kẻ hưởng thụ dục lạc bằng cách gom chứa tài vật một cách phi pháp, không mang lại an vui cho chính mình, cũng chẳng phụng dưỡng cha mẹ, cung cấp đầy đủ cho anh em, vợ con, kẻ ở, bà con quyến thuộc, bạn bè thân thuộc; cũng không tùy thời cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, để cầu quả báo an lạc nơi tốt đẹp, mong đời sau sinh lên cõi trời. Đó gọi là hạng người thứ nhất hưởng thụ dục lạc ở thế gian.

“Lại nữa, này thôn trưởng, có kẻ hưởng thụ dục lạc bằng cách đúng pháp chứ không phải phi pháp, gom chứa tài vật để tự cung cấp mọi sự vui sướng cho chính mình, phụng dưỡng cho cha mẹ, và cung cấp đầy đủ cho anh em, vợ con, kẻ làm, bà con quyến thuộc, bạn bè quen biết; nhưng không tùy thời cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn,

²⁰ Đại chánh, kinh 912. No 100(127). Pāli, S. 42.12 Rāsiyo.

²¹ Yết-già tri 揭伽池. No 100(127): Kiệt thành Kì tri ngạn 竭城祇池岸.

²² Vương Đánh tụ lạc chủ 王頂聚落主. No 100(127): Vương Đánh Phát 王頂髮. Pāli: Rāsiyo gāmiṇi.

²³ Hán:ti hạ điền xá 卑下田舍, nghĩa đen: thấp kém, thuộc về ruộng vườn. Tương đương Pāli: *hīno gammo*.

[229a] để cầu quả báo an lạc nơi tốt đẹp, mong đời sau sinh lên cõi trời. Đó gọi là hạng người thứ hai hưởng thụ dục lạc.

“Lại nữa, này thôn trưởng, có kẻ hưởng thụ dục lạc bằng cách đúng pháp tìm cầu tài vật chứ không phi pháp, để tự cung cấp mọi sự vui sướng cho chính mình, cung phụng cho cha mẹ, và cung cấp đầy đủ cho anh em, vợ con, kẻ ở, bà con quyến thuộc, bạn bè quen biết, cũng tùy thời cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, để cầu quả báo an lạc nơi tốt đẹp, mong đời sau sinh lên cõi trời, đó gọi là hạng người thứ ba hưởng thụ dục lạc.

“Này thôn trưởng, Ta không nói một chiều rằng mọi hưởng thụ dục lạc đều như bằng nhau, mà Ta nói trong những người hưởng thụ dục lạc có người thuộc hạng thấp kém, có người thuộc hạng trung bình, có người thuộc hạng hơn người.

“Thế nào là hạng thấp kém hưởng thụ dục lạc? Là loại lạm chiếm bất hợp pháp,... *cho đến* chẳng cầu quả báo an lạc nơi tốt đẹp, mong đời sau sinh lên cõi trời. Ta gọi đó là hạng thấp kém hưởng thụ dục lạc.

“Thế nào là hạng trung bình hưởng thụ dục lạc? Là loại người hưởng thụ dục lạc bằng cách đúng pháp chứ không phải phi pháp mà tìm cầu tài vật... *cho đến* chẳng mong đời sau sinh lên cõi trời. Ta gọi đó là hạng trung bình thứ hai hưởng thụ dục lạc.

“Thế nào là hạng hơn người, Ta nói hơn người, trong hưởng thụ dục lạc? Là loại người đúng pháp tìm cầu tài vật,... *cho đến* đời sau sinh lên cõi trời. Ta gọi đó là hạng hơn người thứ ba hưởng thụ dục lạc.

“Thế nào là ba hạng người tự làm khổ chính mình? Đó là khổ phi pháp, bất chính, phi nghĩa lợi, vô ích. Có một hạng người tự làm khổ bằng cách sống khắc khổ. Ban đầu mới phạm giới, ô nhiễm giới, họ tu đủ cách khổ hạnh, nỗ lực tinh tấn trụ ở một chỗ, nhưng trong đời hiện tại họ chẳng thể xa lìa được nhiệt não bức bách, chẳng được pháp hơn người, chẳng trụ vào được an lạc, tri kiến thắng diệu. Này thôn trưởng, đó gọi là hạng người thứ nhất tự làm khổ mình bằng cách sống khắc khổ.

“Lại nữa, tự làm khổ bằng cách sống khắc khổ. Ban đầu chẳng phạm giới, chẳng ô nhiễm giới, nhưng tu đủ cách khổ hạnh cũng chẳng nhờ vậy mà ngay trong hiện tại xa lìa được nhiệt não bức bách, chẳng được pháp hơn người, chẳng trụ vào được an lạc, tri kiến thắng diệu.

Đó gọi là hạng người thứ hai tự làm khổ mình bằng cách sống khắc khổ.

“Lại nữa, tự làm khổ bằng cách sống khắc khổ. Ban đầu chẳng phạm giới, chẳng ô nhiễm giới, nhưng tu đủ cách khổ hạnh tinh tấn, mà ngay trong hiện tại chỉ chút ít²⁴ xa lìa được nhiệt não bức bách, được pháp hơn người, trụ vào an lạc, tri kiến thắng diệu. Đó gọi là hạng người thứ ba tự làm khổ mình bằng cách sống khắc khổ.

“Này thôn trưởng, Ta không nói tất cả những người tự mình làm khổ bằng cách sống khắc khổ đều giống nhau, mà Ta đã nói trong những kẻ tự làm khổ, có người thuộc hạng thấp kém, có người thuộc hạng trung bình, có người thuộc hạng hơn người.

“Thế nào là tự làm khổ thuộc hạng thua kém? Tự làm khổ, ban đầu mới phạm giới, [229b] mới làm ô nhiễm giới,... *cho đến* chẳng được tri kiến thắng diệu, trụ an lạc. Ta nói đó là tự làm khổ thuộc hạng thấp kém.

“Thế nào là tự làm khổ thuộc hạng trung bình? Tự làm khổ, ban đầu chẳng phạm giới, chẳng ô nhiễm giới,... *cho đến* chẳng được tri kiến thắng diệu, trụ vào an lạc, Ta gọi đó là tự làm khổ thuộc hạng trung.

“Thế nào là tự làm khổ thuộc hạng hơn người? Tự làm khổ, bằng cách sống khắc khổ, ban đầu chẳng phạm giới, chẳng ô nhiễm giới,... *cho đến* được chút ít tri kiến thắng diệu, trụ an lạc. Ta gọi đó là tự làm khổ thuộc hạng hơn người.

“Này thôn trưởng, đó là ba hạng người tự làm khổ mình. Sự khổ này phi pháp, không chân chánh, không nghĩa lợi, không hữu ích gì.

“Này thôn trưởng, có đạo lộ, có sự thực hành đưa²⁵ đến ba hạng phương tiện tùy thuộc hưởng thụ dục lạc, của hàng phàm phu dung thường, thấp kém hèn hạ; đưa đến phương tiện tự làm khổ chính mình;

²⁴ Nguyên bản: bất đắc 不得, trùng với loài tự khổ thứ hai. Theo văn ý, nên sửa lại là thiếu đắc 小得, *có thể đạt được một ít*. Bản Pāli, có ba hạng khổ hạnh, sống khắc khổ (*tapassī lūkhajīvī*): 1. Tự hành khổ nhưng không chứng thiện pháp, không đắc pháp thượng nhân, không nhập Thánh trí thù thắng. 2. Tự hành khổ, chứng pháp thiện, nhưng không đắc pháp thượng nhân và Thánh trí. 3. Tự hành khổ, chứng pháp thiện, đắc pháp thượng nhân và Thánh trí thù thắng.

²⁵ Bản Cao ly: bất 不, chẳng đưa đến. Tống-Nguyên-Minh: thị 是: đưa đến.

mà sự khổ này phi pháp, không chân chánh, không nghĩa lợi, không hữu ích gì.

“Thế nào là đạo lộ, sự thực hành đưa đến phương tiện hưởng thọ dục lạc, tự làm khổ chính mình?

“Này thôn trưởng, do bị dục tham làm chướng ngại, hoặc tự muốn hại, hoặc muốn hại kẻ khác, hoặc muốn hại cả hai, hiện tại và đời sau mắc tội báo này, tâm luôn lo khổ. Vì bị sân nhuế, ngu si làm chướng ngại, hoặc tự muốn hại, hoặc muốn hại kẻ khác, hoặc muốn hại cả hai, hiện tại và đời sau mắc tội báo này, tâm luôn lo khổ. Nếu xa lìa chướng ngại của dục tham, không muốn phương tiện tự hại, hại người, hại cả hai, hiện tại, đời sau khỏi mắc tội báo này, khiến tâm, tâm pháp luôn luôn thọ hỷ lạc. Cũng vậy nếu xa lìa chướng ngại của sân nhuế, ngu si, không muốn phương tiện tự hại, hại người, hại cả hai, hiện tại, đời sau khỏi mắc tội báo này, khiến tâm, tâm pháp luôn luôn hưởng hỷ lạc. Ở trong ngay hiện tại xa lìa nhiệt não bức bách, không cần đợi thời tiết, gần gũi Niết-bàn, mà ngay trong thân này thể duyên tự mình mà giác tri.

“Này thôn trưởng, như pháp hiện tại này vĩnh viễn xa lìa nhiệt não bức bách, không cần đợi thời tiết, gần gũi Niết-bàn, mà ngay trong thân này duyên tự mình giác tri, đó là tám chi Thánh đạo: Chánh kiến,... cho đến chánh định.”

Khi đức Thế Tôn nói pháp này, thôn trưởng Vương Đảnh xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh. Thôn trưởng Vương Đảnh sau khi thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, thâm nhập vào pháp, thoát nghi không nhờ người khác, ở trong Chánh pháp luật mà được vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục chấp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nay con đã được độ, xin nương về Phật, nương về Pháp, nương về Tăng Tỳ-kheo. [229c] Từ nay đến hết đời con xin làm Ưu-bà-tắc”

Sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ mà lui.

KINH 1294. KIỆT ĐÀM²⁶

Tôi nghe như vậy:

²⁶ Đại chánh kinh 913. S. 42.11 Bhadra. Tham chiếu, Hán, No 100 (128).

Một thói, Phật du hành giữa những người Lục sỹ,²⁷ đến ở rừng Anh vũ Diêm-phù,²⁸ trú xứ của Uất-tì-la. Bấy giờ có thôn chủ Kiệt-đàm²⁹ nghe tin Sa-môn Cù-đàm du hành giữ những người Lục sỹ, đến ở rừng Anh vũ Diêm-phù, trú xứ của Uất-tì-la. Ngài nói về sự tập khởi của khổ và sự tiêu diệt của khổ hiện tại.³⁰ Ông nghĩ, ‘Ta nên đến chỗ Sa-môn Cù-đàm kia. Nếu ta đến thì chắc Sa-môn Cù-đàm sẽ vì ta mà nói về sự tập khởi của khổ, và sự tiêu diệt của khổ hiện tại.’ Sau đó ông liền đến thôn Uất-tì-la và đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, tôi nghe Thế Tôn thường vì người nói về sự tập khởi của khổ và sự tiêu diệt của khổ hiện tại. Lành thay! Thế Tôn vì tôi nói về sự tập khởi của khổ và sự tiêu diệt của khổ hiện tại.”

Phật nói với thôn trưởng:

“Nếu Ta nói về sự tập khởi của khổ, và sự tiêu diệt thuộc khổ quá khứ; ông có thể hoài nghi điều đó, hoặc tin hoặc không tin, đồng ý hoặc không đồng ý, vừa ý hay không vừa ý, hoặc thích hay chẳng thích: Nay ông có khổ chăng? Nếu Ta nói về khổ vị lai, ông có thể hoài nghi điều đó, hoặc tin hoặc không tin, đồng ý hoặc không đồng ý, vừa ý hay không vừa ý, hoặc thích hay chẳng thích: Nay ông có khổ chăng? Nay Ta sẽ nói về sự tập khởi của khổ, và sự tiêu diệt của khổ hiện tại.

“Này thôn trưởng, tất cả những khổ phát sanh mà chúng sanh có, thầy đều do dục làm gốc: dục phát sinh, dục tập khởi, dục hiện khởi, dục làm nhân, dục làm duyên mà khổ phát sinh.”

Thôn trưởng bạch Phật:

²⁷ Lục sỹ nhân gian 力士人間. No 100(128): Mạt-lao thôn ấp 末牢村邑. Pāli: Mallesu, giữa những người nước Malla.

²⁸ Uất-tì-la trú xứ Anh vũ diêm phù lâm 鬱鞞羅聚落鸚鵡閻浮林. No 100(128): tụ lạc Ưu-lâu-tần-loa 優樓頻螺聚落; rừng Anh vũ diêm vô quả 鸚鵡閻無果林. Pāli: Uruvelakappa, một thị trấn của người Malla.

²⁹ Yết-đàm tụ lạc chủ 竭曇聚落主 (Cao ly: kiệt竭; Minh: yết揭.) Pāli: Bhadro gāmiṇi.

³⁰ Hiện pháp khổ tập khổ một 現法苦集苦沒. Pāli: *dukkhassa samudayañca atthaṅgamañca*.

“Thế Tôn nói pháp quá sơ lược, không phân biệt rộng rãi, nên tôi có chỗ không hiểu. Lành thay, Thế Tôn! Xin trình bày đầy đủ hơn cho chúng tôi được hiểu.”

Phật nói với thôn trưởng:

“Bây giờ Ta hỏi ông, cứ theo ý ông mà đáp. Nay thôn trưởng, ý ông thế nào, nếu chúng sanh ở thôn Uất-tì-la này hoặc bị trói, hoặc bị đánh, hoặc bị khiển trách, hoặc bị giết, tâm ông có khởi buồn thương khổ não không?”

Thôn trưởng bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, cũng không nhất thiết là vậy! Nếu mọi người sống ở thôn Uất-tì-la này đối với họ mà tôi có dục, có tham, có ái, có niệm, không thân cận nhau; gặp khi họ hoặc bị trói, hoặc bị đánh, hoặc bị trách, hoặc bị giết, tôi sẽ cảm thấy buồn thương khổ não. Còn nếu những người kia đối với họ mà tôi không có dục, không có tham, không có ái, không có niệm, không thân cận gũi nhau; khi gặp họ bị trói, đánh, trách, giết, làm sao tôi có thể sinh lòng buồn thương khổ não được?”

Phật nói với thôn trưởng:

[230a] “Cho nên, ông phải biết, mọi cái khổ của chúng sanh được phát sinh, tất cả chúng đều do từ dục làm gốc: dục phát sinh, dục tập khởi, dục hiện khởi, dục là nhân, dục là duyên mà sinh ra các thứ khổ.

“Này thôn trưởng, ý ông thế nào? Nếu ông cùng cha mẹ nuôi³¹ mà không gặp³² nhau, có sinh lòng tham dục thương nhớ không?”

Thôn trưởng nói:

“Bạch Thế Tôn, không!”

“Này thôn trưởng, ý ông thế nào? Nếu hoặc thấy, hoặc nghe cha mẹ nuôi, ông có sinh lòng dục thương nhớ không?”

Thôn trưởng nói:

“Bạch Thế Tôn, có vậy!”

Lại hỏi:

³¹ Hán: y phụ mẫu 依父母; nghĩa không rõ. Ngô Từ Pháp sư giải, y phụ mẫu: chỉ người con; sau khi sinh được đưa cho người khác nuôi. Bản Pāli, Bhadra có người con trai tên Ciravāsi. Phật hỏi: “Ông và mẹ của Ciravāsi nếu chưa thấy nhau...?”

³² Có thể hiểu, chưa hề biết nhau.

“Này thôn trưởng, ý ông thế nào? Nếu cha mẹ nuôi kia bị vô thường biến khác ông có sinh lòng buồn thương khổ não không?”

Thôn trưởng nói:

“Bạch Thế Tôn, có vậy! Nếu cha mẹ nuôi bị vô thường biến khác, tôi sẽ khổ đến gần chết được, đâu phải chỉ buồn thương khổ não!”

Phật nói với thôn trưởng:

“Cho nên ông phải biết, nếu các chúng sanh có được cái khổ phát sinh, tất cả đều do ái dục làm gốc: dục phát sinh, dục tập khởi, dục nổi dậy, dục là nhân, dục là duyên mà sinh ra các thứ khổ.”

Thôn trưởng nói:

“Kỳ thay! Thế Tôn đã khéo nói thí dụ về cha mẹ nuôi như vậy. Tôi có cha mẹ nuôi, nhưng sống tại nơi khác.³³ Hằng ngày tôi sai người thăm hỏi, vấn an sức khỏe thế nào. Khi họ đi chưa về tôi đã lấy làm lo lắng khổ sở, hưởng chi là lại bị vô thường mà không lo lắng khổ đau sao được!”

Phật nói với thôn trưởng:

“Cho nên, Ta nói mọi lo khổ của chúng sanh, tất cả đều do dục làm gốc rễ: dục phát sinh, dục tập khởi, dục hiện khởi, dục là nhân, dục là duyên mà sinh ra lo khổ.”

Phật nói với thôn trưởng tiếp:

“Nếu có bốn ái niệm, mà bị vô thường biến khác, sẽ phát sinh ra bốn ưu khổ. Nếu có một hoặc hai, ba ái niệm bị vô thường biến khác, sẽ phát sinh một hoặc hai, ba ưu khổ.

“Này thôn trưởng, nếu tất cả đều không có ái niệm thì sẽ không có trần lao ưu khổ.”

Rồi Thế Tôn nói kệ rằng:

*Nếu không có ái niệm thế gian,
Thì không lo trần lao ưu khổ;
Tiêu diệt hết tất cả ưu khổ,
Giống như hoa sen không dính nước.*

Trong khi Phật nói pháp này, thôn trưởng Kiệt-đàm xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh, thấy pháp, đắc pháp, thâm nhập vào pháp, thoát khỏi mọi nghi hoặc, không nhờ vào người khác, không do người khác

³³ Bản Pāli: có con trai tên là **Ciravāsi** sống tại một nơi khác.

độ, được vô sở úy ở trong chánh pháp luật; từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, chắp tay bạch Phật:

“Con đã được độ, đã siêu việt, bạch Thế Tôn! Từ hôm nay con xin nương về Phật, nương về Pháp, nương về Tăng Tỳ-kheo; suốt đời con làm Ưu-bà-tất. Xin Ngài nhớ nghĩ gia hộ con.”

Phật nói kinh này [230b] xong. Thôn trưởng Kiệt-đàm sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ làm lễ mà lui.

KINH 1295. ĐAO SƯ THỊ³⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thói, Phật cùng với một nghìn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo, một nghìn vị Ưu-bà-tất, và năm trăm người xin đồ ăn dư,³⁵ du hành trong nhơn gian; đi khắp từ thành này sang thành nọ, từ thôn này sang thôn khác, đến trong vườn Hảo y Yêm-la, thôn Na-la,³⁶ nước Ma-kiệt-đề. Bấy giờ có thôn trưởng đệ tử của Ni-kiền tên là Đao Sư Thị³⁷ đi đến chỗ Ni-kiền, lễ sát chân Ni-kiền, rồi ngồi xuống một bên. Lúc ấy Ni-kiền nói với thôn trưởng Đao Sư Thị:

“Ông có thể dùng ‘Tật-lê luận’³⁸ bàn luận cùng với Sa-môn Cù-đàm, để làm cho Sa-môn Cù-đàm nói cũng không được, không muốn nói cũng không được, được chăng?”

Thôn trưởng thưa:

“Thưa Thầy, thế nào là luận thuyết ‘Tật-lê luận’ có thể làm cho Sa-môn Cù-đàm muốn nói cũng không được, mà không muốn nói cũng không được?”

Ni-kiền nói với thôn trưởng rằng:

³⁴ Đại chánh, kinh 914. Pāli, S. 42.9 Kulam. Cf. No 100(129).

³⁵ Pāli: tại Nālandā lúc đó đang có nạn. Thường có một số đồng người hành khát, joặc tu sỹ các phái khác, đi theo Phật và Chúng Tỳ kheo xin đồ ăn còn dư thừa.

³⁶ Na-la tụ lạc Hảo y am-la viên 那羅聚落好衣菴羅園. No 100(129): Na-la-kiền-đà thành Mại điệp viên lâm 那羅健陀城賣豐園林. Pāli: Nālandāya, Pāvarikambavana.

³⁷ Đao Sư Thị 刀師氏. No 100(129): Bế Khẩu Tánh 閉口姓. Pāli: Asibandhakaputta.

³⁸ Tật lê luận 瘞[卍/梨]論, nghĩa theo Hán văn, tật lê là loại cỏ gai, trái nó nhiều gai, khi bằm vào người thì rất khó gỡ. Pāli: *ubhatokoṭṭika pañha*, câu hỏi có hai đầu nhọn.

“Ông hãy đến chỗ Sa-môn Cù-đàm hỏi như vậy: ‘Cù-đàm lúc nào cũng mong ước khiến cho mọi người tăng trưởng đầy đủ phước-lợi. Ngài thường có mong ước như vậy, và nói như vậy phải không?’ Nếu trả lời cho ông là không, ông nên hỏi rằng: ‘Vậy, Sa-môn Cù-đàm có khác gì với kẻ phàm ngu si?’ Nếu trả lời là ‘Có mong ước, và có nói.’ Ông nên hỏi lại rằng: ‘Nếu Sa-môn Cù-đàm đã có mong ước và có nói như thế, vậy tại sao người dân hiện đang mất mùa đói kém, mà Ngài còn du hành trong nhơn gian dẫn theo một nghìn hai trăm năm mươi chúng Tỳ-kheo, một nghìn vị Ưu-bà-tắc, và năm trăm người ăn xin đi từ thành này sang thành nọ, từ thôn này sang thôn khác, làm hao tổn của cải người dân, giống như mưa lớn, mưa đá, chỉ có làm tổn hại chứ chẳng thêm được lợi ích nào! Những lời nói của Cù-đàm trước sau mâu thuẫn nhau, không giống nhau, không gần giống nhau, không phù hợp nhau, khác nhau.’ Thôn trưởng, như vậy, đó gọi là ‘Tật-lê luận’ sẽ làm cho Sa-môn Cù-đàm muốn nói cũng không được, không muốn nói cũng không được.”

Bấy giờ, thôn trưởng Đao Su Thị vâng lời dạy nói với của Ni-kiền, đi đến chỗ Phật, cung kính chào hỏi. Sau khi cung kính chào hỏi xong, ông ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, có phải lúc nào Ngài cũng mong ước khiến cho mọi người tăng trưởng phước-lợi không?”

Phật nói với thôn trưởng:

“Lúc nào Như Lai cũng mong ước khiến cho mọi người tăng trưởng phước-lợi và, cũng thường nói như vậy.”

Thôn trưởng nói:

“Nếu như vậy, tại sao, thưa Cù-đàm, trong khi những người dân đang bị mất mùa đói kém, mà Ngài còn đi khát thực trong nhơn gian, dẫn theo đông đảo đại chúng,... *cho đến* trước sau mâu thuẫn nhau, không giống nhau?”

[230c] Phật nói với thôn trưởng:

“Ta nhớ chín mươi một kiếp từ trước đến nay, không thấy một người nào, mà bố thí cho Tỳ-kheo lại bị cạn kiệt, hay bị tổn giảm cả. Nay thôn trưởng, ông nhìn xem hiện nay có người giàu sang, nhiều tiền của, quyền thuộc đông đảo, tôi tớ đầy nhà; nên biết, nhà ấy lâu dài ư

thích bố thí, chân thật tịch chưa,³⁹ nên được phước lợi này. Nay thôn trưởng, có tám nguyên nhân khiến cho phước lợi người tổn giảm không tăng. Những gì là tám? Đó là bị vua bức hiếp, bị giặc cướp lấy, bị lửa đốt cháy, bị nước cuốn trôi, bị tiêu hao vì dẫu cất, bị kẻ nợ không trả, bị kẻ oán ghét tàn phá, bị hoang phí bởi con hư. Đó là tám nguyên nhân khiến cho tiền của khó tích tụ. Nay thôn trưởng, Ta nói vô thường là nguyên nhân thứ chín. Như vậy, nay thôn trưởng, ông đã bỏ đi chín nhân, chín duyên trên mà nói Sa-môn Cù-đàm phá hoại nhà người. Nếu ông không bỏ những lời nói ác, không bỏ ác kiến, cũng như gươm ném xuống nước, khi thân hoại mạng chung, ông sẽ sinh vào trong địa ngục.”

Bấy giờ, thôn trưởng Đào Sư Thị lòng đâm ra sợ hãi, toàn thân lông dựng đứng lên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, hiện tại con đã hối lỗi rồi. Vì con như ngu như si, bất thiện, không hiểu biết, nên đối với Cù-đàm con đã nói ra những lời dối trá hư vọng không thành thật.”

Sau khi nghe những gì Phật dạy, thôn trưởng Đào Sư Thị hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

KINH 1296. ĐÀO SƯ THỊ (2)⁴⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thói, Phật ở trong vườn Hảo Y Yêm-la, tại thôn Na-la. Bấy giờ có thôn trưởng Đào Sư Thị, trước đây là đệ tử củ Ni-kiền, đi đến chỗ Ni-kiền lễ sát chân Ni-kiền, rồi ngồi xuống một bên. Bấy giờ, Ni-kiền nói với thôn trưởng:

“Ông có thể dùng ‘Tật-lê luận’ bàn luận cùng với Sa-môn Cù-đàm, để làm cho Sa-môn Cù-đàm nói cũng không được, không muốn nói cũng không được, được chăng?”

Thôn trưởng thưa Ni-kiền:

“Thưa Thầy. thế nào là luận thuyết ‘Tật-lê luận’ có thể làm cho Sa-môn Cù-đàm muốn nói cũng không được, mà không muốn nói cũng không được?”

³⁹ Hán: chân thật tịch chỉ 真實寂止. Tham chiếu Pāli: *saccasammbhūtāni* (tài sản ấy) được phát sanh một cách chân thật.

⁴⁰ Đại chánh, kinh 915. Pāli, S. 42.7 Desanā. Cf. No 100 (130).

Ni-kiền nói với thôn trưởng:

“Ông hãy đến chỗ Sa-môn Cù-đàm nói như vậy: ‘Cù-đàm không luôn luôn muốn an ủi tất cả chúng sanh, và khen ngợi ai an ủi tất cả chúng sanh phải không?’ Nếu nói là không, ông nên nói rằng: ‘Vậy, Cù-đàm có khác gì với kẻ phàm ngu si?’ Nếu trả lời là thường muốn an ủi tất cả chúng sanh, và khen ngợi ai an ủi tất cả chúng sanh, ông nên hỏi lại rằng: ‘Nếu muốn an ủi tất cả chúng sanh, vậy thì vì sao chỉ nói pháp cho một hạng người này mà không nói pháp cho một hạng người kia?’ Hỏi như vậy, đó gọi là ‘Tật-lê luận’ sẽ làm cho Sa-môn [231a] Cù-đàm muốn nói cũng không được, không muốn nói cũng không được.”

Bấy giờ, thôn trưởng Đào Sư Thị được sự khuyến khích của Ni-kiền rồi, đi đến chỗ Phật cung kính chào hỏi. Sau khi cung kính chào hỏi xong, ông ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, Ngài há không thường muốn an ủi tất cả chúng sanh, và khen ngợi nói lời an ủi tất cả chúng sanh?”

Phật nói với thôn trưởng:

“Lúc nào Như Lai cũng thương xót, an ủi tất cả chúng sanh, và lúc nào cũng khen ngợi nói lời an ủi tất cả chúng sanh.”

Thôn trưởng bạch Phật rằng:

“Nếu như vậy, tại sao Như Lai chỉ nói pháp cho một hạng người này, mà không nói pháp cho một hạng người kia?”

Phật nói với thôn trưởng:

“Bây giờ, Ta hỏi ông, ông cứ tùy ý mà đáp cho Ta.

“Này thôn trưởng, thí như có ba loại ruộng: loại ruộng thứ nhất thì màu mỡ, phì nhiêu; loại ruộng thứ hai thì trung bình; loại ruộng thứ ba thì cằn cỗi.

“Thế nào thôn trưởng, người chủ của những đám ruộng kia, trước tiên họ cày bừa, gieo giống vào đám ruộng nào?”

Thôn trưởng nói:

“Thưa Cù-đàm, trước tiên là phải cày bừa, gieo giống xuống đám ruộng màu mỡ phì nhiêu nhất.”

“Này thôn trưởng, kể đến lại phải cày bừa, gieo giống xuống đám ruộng nào?”

Thôn trưởng nói:

“Thưa Cù-đàm, kể đến cày bừa gieo giống xuống đám ruộng trung bình.”

Phật nói với thôn trưởng:

“Kể đến lại phải cày bừa gieo giống xuống đám ruộng nào?”

Thôn trưởng thưa:

“Kể đến cày bừa, gieo giống xuống đám ruộng cằn cỗi xấu nhất.”

Phật nói với thôn trưởng:

“Vì sao như vậy?”

Thôn trưởng thưa:

“Vì họ không muốn bỏ phế ruộng chỉ giữ lại giống mà thôi!”

Phật nói với thôn trưởng:

“Ta cũng như vậy. Như đám ruộng màu mỡ, phì nhiêu kia, các Tỳ-kheo Tỳ-kheo-ni của Ta lại cũng như vậy. Ta thường vì họ mà giảng nói Chánh pháp, lúc đầu, khoảng giữa, và sau cùng đều thiện, nghĩa thiện, vị thiện, thanh tịnh thuần nhất, phạm hạnh thanh bạch, khai thị rõ ràng. Sau khi họ nghe pháp rồi, nương vào nhà của Ta, đảo của Ta, sự che chở của Ta, bóng mát của Ta, đường hướng của Ta, lúc nào cũng dùng tịnh nhãn nhìn theo Ta mà sống, và tự nghĩ như vậy: ‘Những pháp mà Phật đã nói ra, ta đều thọ trì, luôn luôn đem lại cho ta ý nghĩa lợi ích, và sống an ổn an vui.’”

“Này thôn trưởng, như đám ruộng trung bình kia, các đệ tử Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di của Ta cũng lại như vậy. Ta cũng vì họ giảng nói Chánh pháp ban đầu, khoảng giữa, sau cùng đều thiện, nghĩa thiện, vị thiện, thanh tịnh thuần nhất, phạm hạnh thanh bạch, khai thị rõ ràng. Sau khi họ nghe pháp xong, nương vào nhà của Ta, đảo của Ta, sự che chở của Ta, bóng mát của ta, đường hướng của Ta, mà lúc nào cũng dùng tịnh nhãn nhìn theo Ta mà sống, và nghĩ như vậy: ‘Những pháp Thế Tôn đã nói ra Ta đều thọ trì luôn luôn đem lại cho ta ý nghĩa lợi ích, sống an ổn, an lạc.’”

“Này thôn trưởng, như đám ruộng xấu nhất của nhà nông kia, **[231b]** cũng vậy Ta vì các dị học ngoại đạo Ni-kiền tử, cũng vì họ mà nói pháp, pháp ban đầu, khoảng giữa, sau cùng đều thiện, nghĩa thiện, vị thiện, thanh tịnh thuần nhất, phạm hạnh thanh bạch, khai thị rõ ràng. Song đối với những người ít nghe pháp, Ta cũng vì họ mà nói, và những người nghe pháp nhiều Ta cũng vì họ mà nói. Nhưng trong số

những người này, đối với việc khéo nói pháp của Ta, đạt được một câu pháp mà biết được ý nghĩa của nó, cũng lại nhờ nghĩa lợi này mà sống an ổn an lạc mãi mãi.”

Bấy giờ, thôn trưởng bạch Phật:

“Thật là kỳ, Thế Tôn! Ngài đã khéo nói thí dụ về ba loại ruộng như vậy.”

Phật nói với thôn trưởng:

“Ông hãy lắng nghe Ta cho thí dụ khác. Như một người có ba loại đồ vật đựng nước: loại thứ nhất thì không bị thủng, không bị hư, cũng không bị thấm rỉ; loại thứ hai tuy không bị thủng, không bị hư, nhưng bị thấm rỉ; loại thứ ba thì vừa bị thủng, vừa bị hư, lại vừa bị thấm rỉ nữa.

“Thế nào, thôn trưởng, trong ba loại đồ đó người kia sẽ chọn loại nào để đựng nước sạch?”

Thôn trưởng nói:

“Thưa Cù-đàm, trước hết là nên dùng loại không bị thủng, không bị hư, không bị thấm rỉ để đựng nước.”

Phật nói với thôn trưởng:

“Tiếp đến lại nên dùng loại nào để đựng nước?”

Thôn trưởng nói:

“Thưa Cù-đàm, kể đến nên đem loại không bị thủng, không bị hư, nhưng bị thấm rỉ để đựng nước.”

Phật nói với thôn trưởng:

“Hai loại kia đã đầy rồi, sau cùng lại dùng loại nào để đựng nước?”

Thôn trưởng nói:

“Sau cùng phải dùng loại vừa bị thủng, bị hư, bị thấm rỉ để đựng nước thôi. Vì sao? Vì chỉ tạm thời dùng vào việc nhỏ trong chốc lát.”

Phật nói với thôn trưởng:

“Giống như loại đồ của người kia không bị thủng, không bị hư, không bị thấm rỉ, các đệ tử Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni của Ta lại cũng như vậy. Ta thường vì họ giảng nói Chánh pháp,... *cho đến* luôn luôn vì nghĩa lợi, mà sống an ổn an vui.

“Giống như loại đồ thứ hai tuy không bị thủng, không bị hư, nhưng lại bị thấm rỉ, các đệ tử Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di của Ta lại cũng như vậy. Ta

thường vì họ giảng nói Chánh pháp,... *cho đến* luôn luôn vì nghĩa lợi, mà sống an ổn an vui.

“Giống như loại đồ thứ ba vừa bị thủng, bị hư, bị thấm rỉ, các đệ tử di học ngoại đạo của Ni-kiền lại cũng như vậy. Ta thường vì họ giảng nói Chánh pháp, ban đầu, khoảng giữa, sau cùng đều thiện, nghĩa thiện, vị thiện, hoàn toàn thanh tịnh thuần nhất, phạm hạnh thanh bạch, khai thị rõ ràng, dù nhiều hay ít Ta cũng vì họ mà nói. Nếu đối với một câu nói pháp của Ta mà họ biết được nghĩa của nó, cũng được sống an ổn, an vui lâu dài.”

Lúc thôn trưởng Đào Sư Thị nghe những gì Phật nói, tâm sợ hãi vô cùng, lông toàn thân dựng đứng lên, liền đến trước Phật lễ sát chân, sám hối những lỗi lầm:

“Bạch Thế Tôn, con như [231c] ngu, như si, bất thiện, không hiểu biết; đối với Thế Tôn con đã nói những lời lừa dối hư trá không chân thật.”

Sau khi nghe những gì Phật dạy, thôn trưởng Đào Sư Thị hoan hỷ tùy hỷ làm lễ mà lui.

KINH 1297. ĐÀO SƯ THỊ (3)⁴¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Hảo y Yêm-la tại thôn Na-la. Bấy giờ có thôn trưởng Đào Sư Thị đệ tử của Ni-kiền đi đến chỗ Phật đánh lễ sát chân, rồi ngồi xuống một bên. Lúc ấy Thế Tôn nói với thôn trưởng:

“Ông muốn bàn luận về những vấn đề gì? Ni-kiền Nhã-đề Tử đã nói những gì?”

Thôn trưởng nói:

“Ni-kiền Nhã-đề Tử nói: Người sát sinh, tất cả đều đọa vào trong địa ngục, vì hành nhiều, nên sẽ dẫn đến nơi đó. Cũng vậy, trộm cắp, tà dâm, nói dối cũng đều đọa vào trong địa ngục, vì sống thường xuyên với nó, nên nó sẽ dẫn đến nơi đó.”⁴²

Phật nói với thôn trưởng:

⁴¹ Đại chánh, kinh 916. Pāli, S. 42.8. Saṅkha. Cf. Hán, No 100(131).

⁴² Hán: đa tập hành giả tương vãng sah bĩ. Pāli (S.iv. 317): *sambahulam sambahulañca vi harati, tena tena nīyati*, sống thường xuyên, thường xuyên với cái đó, nó bị cái đó lôi kéo đi.

“Nếu như Ni-kiền Nhã-đề Tử nói: Người sát sinh, tất cả đều đọa vào trong địa ngục, vì hành nhiều, nên sẽ dẫn đến nơi đó, nếu vậy thì sẽ không có chúng sanh đọa vào trong địa ngục! Nay thôn trưởng, ý ông thế nào, những chúng sanh nào, bất cứ lúc nào cũng có tâm sát sinh? Lúc nào họ lại có tâm không sát sinh,... *cho đến* lúc nào có tâm nói dối, lúc nào có tâm không nói dối?”

Thôn trưởng bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, trong ngày đêm, con người ít khi có tâm sát sinh,... *cho đến* ít khi có tâm nói dối, mà phần nhiều là không có tâm sát sinh,... *cho đến* nói dối.”

Phật nói với thôn trưởng:

“Nếu như vậy, há chẳng phải không có người đọa vào trong địa ngục sao? Như những gì Ni-kiền Nhã-đề Tử nói: Người sát sinh, tất cả đều đọa vào trong địa ngục, vì hành nhiều, nên sẽ dẫn đến nơi đó,... *cho đến* nói dối cũng lại như vậy.”

“Này thôn trưởng, bậc Đại Sư kia xuất hiện ở thế gian, bằng giác tướng suy lường, nhập vào trình độ giác tướng⁴³ mà an trú; ở nơi địa vị phạm phu tự đặt những điều được nói, suy lường theo ý riêng, rồi nói pháp cho các đệ tử như vậy: ‘Ai sát sinh, tất cả đều đọa vào trong địa ngục, vì đã sống thường xuyên với nó nên nó sẽ dẫn đến nơi đó,... *cho đến* nói dối cũng lại như vậy.’ Các đệ tử của vị ấy, nếu tin vào những lời nói ấy, cho rằng: ‘Đại Sư của ta biết những gì cần biết, thấy những gì cần thấy, nói như vậy cho các đệ tử: ‘Nếu ai sát sinh thì tất cả đều đọa vào trong địa ngục, vì đã sống thường xuyên với nó nên nó sẽ dẫn đến nơi đó.’ Ta vốn có tâm sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối nên sẽ bị đọa vào trong địa ngục.’ Vì mắc vào tri kiến như vậy,... *cho đến* không bỏ được tri kiến này, nên chẳng chán cái nghiệp kia, chẳng biết hối cải nó; và đối với đời vị lai [232a] cũng chẳng bỏ được sát sinh,... *cho đến* chẳng bỏ được nói dối. Tâm giải thoát⁴⁴ của họ không đầy đủ, tuệ giải thoát cũng không đầy đủ. Do tâm giải thoát đã không đầy đủ, tuệ giải thoát đã không đầy đủ, nên đó là tà kiến hủy báng Hiền Thánh. Do nhân duyên tà kiến, nên sau khi thân hoại mạng chung sẽ sinh vào trong đường dữ địa ngục.

⁴³ Hán: giác tướng địa 覺想地.

⁴⁴ Ý giải thoát 意解脫, tức tâm giải thoát. Pāli: *cetovimutti*.

“Nhu vậy, này thôn trưởng, có nhân, có duyên chúng sanh bị phiền não;⁴⁵ có nhân, có duyên nghiệp của chúng sanh bị phiền não.

“Này thôn trưởng, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh giác, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sỹ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở đời, thường vì chúng sanh mà quở trách việc sát sinh, khen ngợi việc không sát sinh; quở trách việc trộm cắp, tà dâm, nói dối, mà khen ngợi việc không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, và thường đem pháp này giáo hóa, nhắc nhở lại các bậc Thanh văn làm cho tin ưa, niệm tưởng rằng: ‘Đại Sư của ta biết rõ những điều cần biết, thấy những điều cần thấy, nên quở trách việc sát sinh, khen ngợi việc không sát sinh,... *cho đến* quở trách việc nói dối, khen ngợi việc không nói dối. Từ trước tới nay, vì ta ngu si không có trí tuệ nên có tâm sát sinh, do đó nên nay ta tự ăn năn trách mình.’ Tuy không thể làm cho những nghiệp kia không sinh khởi nữa, nhưng nhờ vào sự ăn năn tự trách này, mà đời vị lai xa lìa được sát sinh,... *cho đến* xa lìa được trộm cắp, tà dâm, nói dối, và cũng được chân chánh tâm giải thoát đầy đủ, tuệ giải thoát đầy đủ. Khi tâm giải thoát, tuệ giải thoát đã đầy đủ rồi, sẽ không còn hủy báng Hiền Thánh nữa, và thành tựu được chánh kiến. Do chánh kiến nên được sinh về đường lành ở cõi trời.

“Nhu vậy, này thôn trưởng, có nhân, có duyên nghiệp của chúng sanh phiền não hay thanh tịnh.

“Này thôn trưởng, Thánh đệ tử đa văn kia phải học như vậy: ‘Tùy thời ngày đêm mà quán sát biết có tâm sát sinh khởi ít, và biết có tâm không sát sinh khởi nhiều. Nếu có tâm sát sinh, sẽ ăn năn tự trách mình là chẳng đúng, bất thiện. Nếu không có tâm sát sinh, sẽ không có sự oán thù, tâm sinh tùy hỷ. Do tùy hỷ, hoan hỷ sanh. Do hoan hỷ sanh, tâm khinh an. Do tâm khinh an, tâm cảm thọ lạc. Do cảm thọ lạc, tâm định. Do tâm định, tâm của vị Thánh đệ tử câu hữu với từ, không còn oán hận, không còn ganh ghét, không còn sân nhuế, rộng lớn vô cùng, bao trùm cả một phương, an trụ chánh thọ. Từ hai phương, ba phương cho đến bốn phương, bốn bên trên, dưới khắp cả thế gian tâm đều câu hữu với từ, không còn oán hận, không còn ganh ghét, không còn sân nhuế, rộng lớn vô cùng, nếu khéo tu tập đầy khắp các phương, sẽ an trụ chánh thọ đầy đủ.’”

⁴⁵ Hán: phiền não 煩惱, ở đây được hiểu là ô nhiễm.

Bấy giờ, Thế Tôn dùng móng tay quẹt một tí đất rồi nói với thôn trưởng Đào Sư Thị [232b] rằng:

“Thế nào thôn trưởng, đất trong móng tay Ta là nhiều hay đất đại địa nhiều?”

Thôn trưởng bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, đất trong móng tay rất là ít so với đất đại địa thì vô lượng vô số.”

Phật nói với thôn trưởng:

“Như đất đã quẹt ở trên là quá ít so với số đất đại địa thì vô lượng. Cũng vậy, đối với người tu tập tâm câu hữu với từ, tu tập nhiều, các nghiệp có số lượng như đất đã quẹt ở trên, không thể mang đi, không thể khiến trụ. Cũng vậy, nếu dùng tâm bi để đối trị với trộm cắp, dùng tâm hỷ để đối trị với tà dâm, dùng tâm xả để đối trị với nói dối, sẽ không so sánh được.”

Trong khi Phật nói những lời này, thôn trưởng Đào Sư Thị, xa lìa trần cấu, đắc pháp nhãn tịnh. Thôn trưởng thấy pháp, đắc pháp, hiểu pháp, biết pháp, thâm nhập pháp, xa lìa các nghi hoặc, không do người khác, không theo người khác, được vô sở úy ở trong Chánh pháp luật. Từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, quỳ gối bên hữu sát đất, chắp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con đã được độ! Bạch Thế Tôn, con đã siêu việt! Bạch Thế Tôn, hôm nay con xin nương về Phật, nương về Pháp, nương về Tăng Tỳ-kheo, suốt đời con xin làm Ưu-bà-tất. Thí như người muốn tìm đèn sáng, lấy đuôi ngựa làm tìm đèn, muốn thổi cho lửa bùng lên, nhưng cuối cùng không được sáng, cũng chỉ tự làm mệt mình chứ đèn thì không bao giờ sáng. Con cũng như vậy, muốn tìm minh trí nơi các Ni-kiền Tử ngu si, mà gần gũi với ngu si, hòa hợp với ngu si, phụng sự một cách ngu si, cũng chỉ tự làm khổ mệt mình, chứ không bao giờ được minh trí. Cho nên, hôm nay lần thứ hai con xin nương về Phật, nương về Pháp, nương về Tăng Tỳ-kheo. Từ nay trở đi, đối với Ni-kiền Tử ngu si, bất thiện, không hiểu biết kia ít tín, ít kính, ít quý mến, ít nhớ nghĩ, nay xa lìa họ. Thế nên, hôm nay lần thứ ba con xin nương về Phật, nương về Pháp, nương về Tăng Tỳ-kheo, nguyện suốt đời làm Ưu-bà-tất, tự làm sạch tâm mình.”

Thôn trưởng Đào Sư Thị sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ mà lui.

43. TƯƠNG ƯNG MÃ¹

KINH 1298. TAM CHỦNG ĐIỀU MÃ²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bảy giờ đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Thế gian có ba loại ngựa để điều phục.³ Những gì là ba? Có loại thì nhanh nhạy hoàn toàn, nhưng sắc không hoàn toàn, hình thể không đầy đủ; có loại ngựa thì sắc hoàn toàn, nhanh nhạy hoàn toàn, nhưng hình thể không đầy đủ; có loại ngựa thì nhanh nhạy hoàn toàn, sắc hoàn toàn, và hình thể đầy đủ. Cũng vậy, có ba hạng hạng người điều phục được. Những gì là ba? Có hạng người [232c] bén nhạy hoàn toàn, nhưng sắc không hoàn toàn, hình thể không đầy đủ; có hạng người bén nhạy hoàn toàn, sắc hoàn toàn, nhưng hình thể không đầy đủ; có hạng người bén nhạy hoàn toàn, sắc hoàn toàn, và hình thể cũng đầy đủ.

“Này Tỳ-kheo, thế nào là hạng người bén nhạy hoàn toàn, nhưng sắc không toàn vẹn, hình thể không đầy đủ, không điều phục được? Hạng người biết như thật rằng ‘Đây là Khổ,’ ‘Đây là Khổ tập,’ ‘Đây là Khổ diệt,’ ‘Đây là Khổ diệt đạo.’ Quán như vậy mà đoạn tận ba kết: thân kiến, giới thủ, và nghi. Đoạn tận ba kết này, chứng đắc Tu-đà-hoàn, không còn bị rơi vào pháp đường dữ, quyết định hướng đến Chánh giác; chỉ còn bảy lần qua lại trời người, rốt ráo thoát khổ. Đó gọi là bén nhạy hoàn toàn. Thế nào là sắc không đầy đủ? Nếu có ai hỏi người ấy về Luận, Luật mà người ấy không thể dùng lời nói, ý nghĩa đầy đủ để theo đó thứ tự trình bày đầy đủ, đó gọi là sắc không đầy đủ. Thế nào là hình thể không đầy đủ? Người ấy chẳng có đức lớn, tiếng tăm, để cảm báo đến những thứ như: y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men. Đó gọi là người bén nhạy hoàn toàn, nhưng sắc không đầy đủ, và hình thể không đầy đủ.

¹ Tương ung mã, gồm các kinh Đại chánh 917 (cuối quyển 32)-926 (đầu quyển 33).

² Đại chánh, kinh 917. Ba cạc huấn luyện ngựa. Pāli, A. 3.137. Assakhaḷuṅka. Cf. No 100(143).

³ Điều mã 調馬; No 100(143): bắt điều chi mã, ngựa chưa được huấn luyện. Pāli: assakhaḷuṅka.

“Thế nào gọi là hạng người bén nhạy hoàn toàn, sắc đầy đủ, nhưng hình thể không đầy đủ? Hạng người biết như thật rằng ‘Đây là Khổ,’ ‘Đây là Khổ tập,’ ‘Đây là Khổ diệt,’ ‘Đây là Khổ diệt đạo.’... *cho đến* rốt ráo thoát khổ, đó gọi là bén nhạy hoàn toàn. Thế nào là sắc đầy đủ? Nếu có người hỏi người ấy về Luận, Luật... *cho đến* có thể vì họ mà giải nói, đó gọi là sắc đầy đủ. Thế nào gọi là hình thể không đầy đủ? Người ấy chẳng có đức lớn, tiếng tăm, nên không thể cảm báo đến y phục, đồ ăn thức uống, ngọc cụ, thuốc men, đó gọi là người bén nhạy hoàn toàn, sắc đầy đủ, nhưng hình thể không đầy đủ.

“Thế nào là hạng người bén nhạy hoàn toàn, sắc đầy đủ, hình thể đầy đủ? Hạng người biết như thật rằng ‘Đây là Khổ,’ ‘Đây là Khổ tập,’ ‘Đây là Khổ diệt,’ ‘Đây là Khổ diệt đạo.’... *cho đến* rốt ráo thoát khổ, đó gọi là nhạy bén hoàn toàn. Thế nào là sắc đầy đủ? Nếu có ai hỏi người ấy về Luận, Luật,... *cho đến* có thể giải nói, đó gọi là sắc đầy đủ. Những gì là hình thể đầy đủ? Người ấy có đức lớn, tiếng tăm,... *cho đến* đồ ngọc cụ, thuốc men, đó gọi là hình thể đầy đủ. Đó gọi là hạng người bén nhạy hoàn toàn, sắc đầy đủ, hình thể đầy đủ.”

Sau khi Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1299. THUẬN LƯƠNG MÃ ⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thói, Phật ở trong vườn Trúc Ca-lan-đà, thành Vương Xá. [233a] Bấy giờ đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Thế gian có ba loại ngựa tốt. Những gì là ba? Có loại ngựa nhanh nhạy đầy đủ, nhưng sắc chẳng đầy đủ, hình thể chẳng đầy đủ; có loại ngựa nhanh nhạy đầy đủ, sắc đầy đủ, nhưng hình thể không đầy đủ; có loại ngựa nhanh nhạy đầy đủ, sắc đầy đủ, hình thể đầy đủ. Ở trong Chánh pháp luật cũng có ba hàng thiện nam. Những gì là ba? Có hàng thiện nam nhanh nhạy đầy đủ, nhưng sắc thì không đầy đủ, hình thể chẳng đầy đủ; có hàng thiện nam nhanh nhạy đầy đủ, sắc đầy đủ, nhưng hình thể không đầy đủ; có hàng thiện nam nhanh nhạy đầy đủ, sắc đầy đủ, hình thể đầy đủ.

“Thế nào là hàng thiện nam nhanh nhạy đầy đủ, nhưng sắc không đầy đủ, hình thể không đầy đủ? Là hàng thiện nam biết như thật Khổ

⁴ Đại chánh kinh 918 Pāli, A. 3.138 Assadassa. Cf. No 100(144).

Thánh đế, biết như thật sự Tập khởi khổ Thánh đế, biết như thật sự Diệt tận khổ Thánh đế, biết như thật Con đường đưa đến sự diệt tận khổ Thánh đế. Khi đã biết như vậy, đã thấy như vậy rồi, đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, đó là: thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục, và sân nhuế. Sau khi đã đoạn được Năm hạ phần kiết sử này rồi, đạt được sanh bát-niết-bàn, chứng A-na-hàm, không sinh trở lại cõi đời này nữa. Đó gọi là hàng thiện nam nhanh nhạy đầy đủ. Thế nào là sắc không đầy đủ? Nếu có ai hỏi người ấy về Luận, Luật mà người ấy không có khả năng hiểu rõ hình thức cũng như ý nghĩa của nó để theo đó lần lượt quyết định giải nói, đó gọi là sắc không đầy đủ. Thế nào là hình thể không đầy đủ? Người ấy chẳng có tiếng tăm, đức lớn, để có khả năng cảm báo tài lợi, cúng dường, y phục, đồ ăn thức uống, thuốc men tùy bệnh. Đó gọi là hàng thiện nam nhanh nhạy đầy đủ, nhưng sắc chẳng đầy đủ, hình thể chẳng đầy đủ.

“Thế nào là nhanh nhạy đầy đủ, sắc đầy đủ, nhưng hình thể chẳng đầy đủ? Là hàng thiện nam biết như thật Khổ Thánh đế này,... *cho đến* đạt được sanh bát-niết-bàn, chứng A-na-hàm, không sinh trở lại đời này nữa, đó gọi là nhanh nhạy đầy đủ. Thế nào là sắc đầy đủ? Nếu có ai hỏi người ấy về Luận, Luật, người ấy có khả năng đem văn nghĩa lần lượt tùy thuận quyết định mà giải nói Đó gọi là sắc đầy đủ. Thế nào là hình thể chẳng đầy đủ? Người ấy chẳng có tiếng tăm, đức lớn, mà có khả năng cảm hóa tài lợi, cúng dường, y phục, đồ ăn thức uống, thuốc men tùy bệnh, đó gọi là thiện nam nhanh nhạy đầy đủ, sắc đầy đủ, nhưng hình thể chẳng đầy đủ.

“Thế nào là thiện nam nhanh nhạy đầy đủ, sắc đầy đủ, hình thể đầy đủ? Là hàng thiện nam biết như thật về Khổ Thánh đế này,... *cho đến* chứng đạt Sanh bát-niết-bàn A-na-hàm, không còn sinh trở lại cõi đời này nữa, đó gọi là nhanh **[233b]** nhạy đầy đủ. Thế nào là sắc đầy đủ? Nếu có ai hỏi người ấy về Luận, Luật,... *cho đến* mà vì họ giải nói, đó gọi là sắc đầy đủ. Thế nào là hình thể đầy đủ? Người ấy có tiếng tăm, đức lớn, có khả năng cảm báo tài lợi,... *cho đến* các loại thuốc men, đó gọi là hình thể đầy đủ, đó cũng gọi là hàng thiện nam nhanh nhạy đầy đủ, sắc đầy đủ, hình thể đầy đủ.”

Phật dạy kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.⁵

⁵ Bản hán, hết quyển 32.

KINH 1300. LƯƠNG MÃ⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Thế gian có ba loại ngựa hay. Những gì là ba? Có loại ngựa có đủ sự nhanh nhẹn, nhưng chẳng có đủ sắc, chẳng có đủ hình thể. Có loại ngựa có đủ nhanh nhẹn, có đủ sắc, nhưng chẳng có đủ hình thể. Có loại ngựa có đủ nhanh nhẹn, có đủ sắc, cũng có đủ hình thể. Cũng vậy, ở trong Pháp Luật này có ba hàng thiện nam. Những gì là ba? Có hàng thiện nam có đủ nhanh nhẹn, nhưng chẳng có đủ sắc, chẳng có đủ hình thể. Có hàng thiện nam có đủ nhanh nhẹn, có đủ sắc, nhưng chẳng có đủ hình thể. Có hàng thiện nam có đủ nhanh nhẹn, có đủ sắc, có đủ hình thể.

“Thế nào là hàng thiện nam có đủ nhanh nhẹn, nhưng chẳng có đủ sắc, chẳng có đủ hình thể? Là hàng thiện nam biết như thật ‘Đây là Khổ Thánh đế,’ biết như thật ‘Đây là Khổ tập Thánh đế,’ biết như thật ‘Đây là Khổ diệt Thánh đế,’ biết như thật ‘Đây là Khổ diệt đạo Thánh đế.’ Biết như vậy, đã thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, tâm giải thoát vô minh lậu, biết rằng ‘Ta, sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh đời sau nữa.’ Đó gọi là có đủ nhanh nhẹn. Thế nào là chẳng có đủ sắc? Nếu có ai hỏi người ấy về Luận, Luật,... *cho đến* không thể vì người mà giải nói, đó gọi là chẳng có đủ sắc. **[233c]** Thế nào là chẳng có đủ hình thể? Người ấy chẳng có tiếng tăm, đức lớn,... *cho đến* chẳng cảm được thuốc men các loại. Đó gọi là chẳng có đủ hình thể, hay đó cũng gọi là thiện nam có đủ nhanh nhẹn, nhưng chẳng có đủ sắc, chẳng có đủ hình thể.

“Thế nào là hàng thiện nam có đủ nhanh nhẹn, có đủ sắc, nhưng chẳng có đủ hình thể? Là hàng thiện nam biết như thật ‘Đây là Khổ Thánh đế,... *cho đến* không còn tái sinh đời sau nữa, Đó gọi là có đủ nhanh nhẹn. Thế nào là có đủ sắc? Nếu có ai hỏi người ấy về Luận, Luật,... *cho đến* có thể vì họ quyết định giải nói. Đó gọi là có đủ sắc. Thế nào là chẳng có đủ hình thể? Người ấy chẳng có tiếng tăm, đức lớn,... *cho*

⁶ Đại chánh, kinh 919. Pāli, A. 3.139 Assakhaluṅka.No 100(145).

đến không thể cảm được thuốc men các loại. Đó gọi là hàng thiện nam có đủ nhanh nhẹn, có đủ sắc, nhưng chẳng có đủ hình thể.

“Thế nào là hàng thiện nam có đủ nhanh nhẹn, có đủ sắc, cũng có đủ hình thể? Là hàng thiện nam biết như thật ‘Đây là Khổ Thánh đế’,... *cho đến* không còn tái sinh đời sau nữa. Đó gọi là có đủ nhanh nhẹn. Thế nào là sắc có đủ? Là hàng thiện nam nếu có ai hỏi về Luật, Luật,... *cho đến* có thể vì họ quyết định giải nói. Đó gọi là có đủ sắc. Thế nào là có đủ hình thể? Là hàng thiện nam có tiếng tăm, đức lớn,... *cho đến* thể cảm hóa thuốc men các loại. Đó gọi có đủ hình thể, hay đó gọi là hàng thiện nam có đủ nhanh nhẹn, có đủ sắc, có đủ hình thể.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1301. TAM LƯƠNG MÃ⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Thế gian có ba loại ngựa tốt được vua dùng để kéo xe. Những gì là ba? Loại ngựa tốt có đủ sắc, có đủ lực, có đủ nhanh nhẹn. Cũng vậy, ở Chánh Pháp Luật cũng có ba hàng thiện nam, là nơi thế gian phụng sự, cúng dường cung kính, là ruộng phước trên hết. Những gì là ba? Là hàng thiện nam có đủ sắc, có đủ lực, có đủ nhanh nhẹn.

“Thế nào là có đủ sắc? Là hàng thiện nam sống an trụ luật nghi tịnh giới Ba-la-đề-mộc-xoa, có đầy đủ oai nghi hành xử, thấy tội vi tế thường phát sanh lòng sợ hãi, thọ trì học giới. Đó gọi là có đủ sắc. Thế nào là có đủ lực? Là đối với pháp ác bất thiện đã sinh khiến đoạn diệt, phát khởi ý dục, tinh cần phương tiện, nhiếp thọ tăng trưởng. Đối với pháp ác bất thiện chưa sinh không cho sinh khởi, phát khởi ý dục, tinh cần phương tiện, nhiếp thọ [234a] tăng trưởng. Đối với pháp thiện chưa sinh khiến sinh khởi, phát khởi ý dục, tinh cần phương tiện, nhiếp thọ tăng trưởng. Đối với pháp thiện đã sinh, an trụ không cho mất, phát khởi ý dục, tinh cần phương tiện, nhiếp thọ tăng trưởng. Đó gọi là có đủ lực. Thế nào là có đủ nhanh nhẹn? Là biết như thật ‘Đây là Khổ Thánh đế,’... *cho đến* đạt được A-la-hán, không còn tái sinh

⁷Đại chánh, kinh 920. Pāli, A. 3. 94-96 Ājānīya. Cf. No 100(146).

đời sau nữa, đó gọi là có đủ nhanh nhẹn, hay gọi là hàng thiện nam có đủ sắc, có đủ lực, có đủ nhanh nhẹn.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1302. TỨ NĂNG⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Ngựa tốt thế gian có đủ bốn năng lực,⁹ nên biết chúng được vua dùng để kéo xe. Những gì là bốn? Đó là khôn ngoan,¹⁰ nhanh nhẹn, kham năng, thuần tánh.¹¹ Cũng vậy, hàng thiện nam thành tựu bốn đức, được thế gian tôn trọng, phụng sự cúng dường, là đám ruộng phước trên hết. Những gì là bốn? Là thiện nam thành tựu giới thân vô học, định thân vô học, tuệ thân vô học, và giải thoát thân vô học.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1303. TIÊN ẢNH¹²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, Vương Xá. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Thế gian có bốn loại ngựa tốt. Có loại ngựa tốt đóng vào xe làm xe thăng bằng, nhìn thấy bóng roi chạy nhanh, biết cách nhìn những động tác người điều khiển, nhanh chậm, phải trái theo ý người điều khiển. Đây Tỳ-kheo, đó là cái đức thứ nhất của con ngựa tốt thế gian.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, thế gian có loại ngựa tốt không thể nhìn bóng roi mà tự sợ hãi, nhưng nếu dùng roi gây chạm vào lông đuôi của nó, có thể làm cho nó sợ hãi chạy nhanh, tùy theo ý của người điều khiển mà

⁸ Đại chánh, kinh 921. Pāli, A. 4.256-257 (ii. 250). Ājānīya. Cf. No 100(147).

⁹ Đề bản: năng 能. Tống-Nguyên-Minh: chủng 種. Pāli: *rañño bhaddo assājāniyo*, ngựa tốt khôn ngoan của vua.

¹⁰ Hán: hiền thiện 賢善. Pāli: *bhaddo*; xem **cht. 9** trên.

¹¹ Bốn yếu tố, theo Pāli: *vaṇṇasampanno, balasampanno, javasampanno, ārohapariṇāhasampanno*: có sắc, có lực, có sự nhanh nhẹn, có thân hình cao lớn.

¹² Đại chánh, kinh 922. Bóng roi. Pāli, A. 4.113 Patoda. Cf. No 100(148).

chạy nhanh hay chậm, bên phải hay bên trái. Đó gọi là loại ngựa tốt thứ hai thể gian.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, hoặc thể gian có loại ngựa tốt không thể nhìn bóng roi hay để chạm vào lông da mới có thể theo ý người, mà phải dùng đến roi gậy đánh nhẹ vào da thịt, mới có thể sợ hãi chạy, theo ý người điều khiển, chạy nhanh hay chậm, bên phải hay bên trái. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là ngựa tốt thứ ba.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, thể gian có loại ngựa tốt không thể nhìn bóng roi, và chạm vào lông da, hay đánh nhẹ vào da thịt, mà phải dùng dùi sắt đâm vào thân, xuyên suốt qua da, đả thương xương cốt, khi đó ngựa mới kinh hãi kéo xe, trên đường chậm hay nhanh, phải hay trái theo ý người điều khiển. Đó gọi là loại ngựa tốt thứ tư của thể gian.

“Cũng vậy, trong Chánh [234b] Pháp Luật cũng có bốn hàng thiện nam. Những gì là bốn? Hàng thiện nam khi nghe những người nam người nữ chòm xóm láng giềng khác bị tật bệnh khốn khổ cho đến sắp chết; nghe vậy liền phát sanh lòng sợ hãi với chánh tư duy, như con ngựa tốt kia chỉ cần nhìn bóng roi là điều khiển nó được. Đó gọi là hàng thiện nam thứ nhất ở trong Chánh Pháp Luật có khả năng tự điều phục.

“Lại nữa, có hàng thiện nam không do nghe những người nam người nữ chòm xóm láng giềng khác bị khổ vì lão bệnh tử sanh lòng sợ hãi với chánh tư duy, nhưng phải thấy những người nam người nữ chòm xóm láng giềng khác bị khổ vì lão bệnh tử thì mới sanh lòng sợ hãi với chánh tư duy, như con ngựa tốt kia cần chạm vào lông đuôi của nó, có thể nhanh chóng điều phục theo ý người điều khiển. Đó gọi là hàng thiện nam thứ hai ở trong Chánh Pháp Luật có khả năng tự điều phục.

“Lại nữa, có hàng thiện nam không do nghe, thấy những người nam người nữ chòm xóm láng giềng khác bị khổ vì lão bệnh tử mà sanh lòng sợ hãi với chánh tư duy; nhưng vì thấy thành ấp chòm xóm có những người quen biết, thân thuộc bị khổ vì lão bệnh tử nên sanh lòng sợ hãi với chánh tư duy. Như con ngựa tốt kia, phải bị roi chạm vào da thịt, sau đó mới chịu theo ý điều phục người điều khiển, đó gọi là hàng thiện nam ở trong chánh pháp luật có thể tự điều phục.

“Lại nữa, có hàng thiện nam không do nghe thấy những người nam người nữ chòm xóm láng giềng khác, và những người thân thuộc bị khổ vì lão bệnh tử nên sanh lòng sợ hãi với chánh tư duy; nhưng chính tự thân bị

khổ vì lão bệnh tử mới sanh lòng nhàm tởm sợ hãi với chánh tư duy. Như con ngựa tốt kia, phải bị đâm vào da thịt thấu xương cốt, sau đó mới chịu theo ý điều phục của người điều khiển, đó gọi là hàng thiện nam thứ tư ở trong Thánh Pháp Luật có thể tự điều phục.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1304. CHỈ THI¹³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn trúc Ca-lan-đà, tại thành Vương Xá. Bấy giờ, có người luyện ngựa tên là Chi-thi¹⁴ đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật rằng:

“Con coi thế gian thật là đánh khinh miệt, giống như bày dê. Thế Tôn! Chỉ có con mới có khả năng điều phục ngựa điên, ngựa hoang, ngựa dữ. Con có phương pháp, chỉ cần trong giây lát là có thể khiến cho những chứng tật của chúng hiện ra, và tùy theo tật đó mà có cách điều phục.”

Phật nói với chủ tỵ lạc luyện ngựa:

“Ông có bao nhiêu cách để điều phục ngựa?”

Người luyện ngựa bạch Phật:

“Có ba cách để điều phục ngựa dữ. Những gì là ba? Một là mềm dịu, hai là thô cứng, ba là vừa mềm dịu vừa thô cứng.”

Phật nói với chủ tỵ lạc:

“Ông [234c] dùng ba phương cách này để điều phục ngựa, nếu không điều phục được, nên làm thế nào.”

Người luyện ngựa bạch Phật:

“Nếu không điều phục được, nên giết nó. Vì sao? Vì chó để nó làm nhục mình.”

Người luyện ngựa lại bạch Phật:

“Thế Tôn là bậc Vô thượng Điều ngự Trượng phu.¹⁵ Ngài đã dùng bao nhiêu phương pháp để điều ngự trượng phu?”

¹³ Đại chánh, kinh 923. Pāli, A. 4.111 Kesi.

¹⁴ Điều mã sư Chi-thi 調馬師只尸. Pāli: Kesi assadammasārathi.

Phật nói với chủ tỳ lệ:

“Ta cũng dùng ba cách để điều phục con người.¹⁵ Những gì là ba? Một là một mực mềm dịu, hai là một mực thô cứng, ba là vừa mềm dịu vừa thô cứng.”

Phật nói với tiếp chủ tỳ lệ:

“Một mực mềm dịu là, như nói rằng, ‘Đây là thiện hành của thân; đây là quả báo của thân thiện hành. Đây là thiện hành của miệng, ý; đây là quả báo của miệng, ý thiện hành. Đây gọi là trời. Đây gọi là người. Đây gọi là sự hóa sanh nơi cõi thiện. Đây gọi là Niết-bàn.’ Đó gọi là một mực mềm dẻo.

“Một mực thô cứng là như nói, ‘Đây là ác hành của thân; đây là quả báo của thân ác hành. Đây là ác hành của miệng, ý; đây là quả báo của miệng, ý các hành. Đây gọi là địa ngục. Đây gọi là ngã quỷ. Đây gọi là súc sanh. Đây gọi là ác thú. Đây gọi là đọa ác thú’ Đó là sự giáo hóa thô cứng của Như Lai.

“Vừa mềm dịu vừa thô cứng là có lúc nói thiện hành của thân; có lúc nói quả báo của thiện hành của thân. Có lúc nói thiện hành của miệng, ý; có lúc nói quả báo của thiện hành của miệng, ý. Có lúc nói ác hành của thân; có lúc nói quả báo của ác hành của thân. Có lúc nói ác hành của miệng, ý; Có lúc nói quả báo của ác hành của miệng, ý. Như vậy gọi là trời, như vậy gọi là người, như vậy gọi là đường dữ, như vậy gọi là Niết-bàn; như vậy gọi là địa ngục, như vậy gọi là súc sanh, ngã quỷ, như vậy gọi là đường dữ, như vậy gọi là đọa đường dữ.’ Đó gọi là sự giáo hóa vừa mềm dịu vừa thô cứng của Như Lai.”

Người luyện ngựa bạch Phật:

“Thế Tôn, nếu dùng ba phương pháp này để điều phục chúng sanh; nhưng nếu không điều phục được thì phải như thế nào?”

Phật nói với chủ tỳ lệ:

“Cũng phải giết họ đi. Vì sao? Vì không nên để họ làm nhục Ta.”

Người luyện ngựa bạch Phật:

¹⁵ Vô thượng điều ngự trượng phu 無上調御丈夫. Pāli: *amuttaro purisadammasārathi*, vị huấn luyện người không còn ai hơn. Một trong 10 hiệu của Phật.

¹⁶ Nguyên Hán: trượng phu 丈夫. Pāli: *purisa*, con người (đàn ông).

“Trong pháp của Thế Tôn, sát sanh là không thanh tịnh. Trong pháp của Thế Tôn cũng không cho sát sanh, mà nay lại nói với giết; vậy ý nghĩa của nó thế nào?”

Thế Tôn nói với chủ tỵ lạc:

“Đúng vậy, đúng vậy! Trong pháp của Như Lai sát sanh là không thanh tịnh; trong pháp của Như Lai cũng không cho sát sanh. Nhưng trong pháp của Như Lai, nếu dùng ba phương pháp để giáo dục, mà vẫn không điều phục được, Ta sẽ không nói đến họ, không dạy, không nhắc nữa. Chủ tỵ lạc, ý ông thế nào? Trong pháp Như Lai, không nói đến họ, [235a] không dạy, không nhắc nữa, há không phải là giết sao?”

Người luyện ngựa bạch Phật:

“Thật vậy, thưa Thế Tôn! Không nói đến họ, vĩnh viễn không dạy, không nhắc nữa, đích thị họ đã chết rồi! Vì vậy cho nên, từ ngày hôm nay tôi lìa các nghiệp ác bất thiện.”

Phật nói với chủ tỵ lạc:

“Lành thay những lời này!”

Người chủ tỵ lạc luyện ngựa Chí-thi sau khi nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, lễ sát chân rồi lui.

KINH 1305. HỮU QUÁ¹⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Ngựa thế gian có tám cách thái.¹⁸ Những gì là tám? Khi ngựa dữ kéo xe, chân sau đá người, chân trước quỳ xuống đất, đầu lúc lắc, cắn người. Đó gọi là cách thái thứ nhất của ngựa thế gian. Lại nữa, khi ngựa dữ kéo xe, cúi đầu xuống làm rung ách. Đó gọi là cách thái thứ hai của ngựa dữ thế gian. Lại nữa, khi ngựa dữ thế gian kéo xe, nó xuống lề đường mà đi, hoặc làm cho xe nghiêng khiến cho xe bị lật. Đó gọi là cách thái thứ ba. Lại nữa, khi ngựa dữ thế gian kéo xe, nó ngẩng đầu lên mà chạy. Đó gọi là cách thái thứ tư của ngựa dữ thế gian. Lại nữa, khi ngựa dữ thế gian kéo xe, mới bị ít roi gậy, nó hoặc

¹⁷ Đại chánh, kinh 924. Pāli, A. 8.14 Assakhaluṅka. Cf. No 100(149).

¹⁸ Mã bát thái 馬八態. Pāli: *aṭṭha assakhaṅku*, tám loại ngựa bất kham.

làm cho đứt dây cương, hay bứt dầm, chạy ngang chạy dọc. Đó gọi là cách thái thứ năm. Lại nữa, khi ngựa dữ thế gian kéo xe, nó giơ hai chân trước lên làm như người đứng. Đó là cách thái thứ sáu. Lại nữa, khi ngựa dữ thế gian kéo xe, phải dùng roi gây mới chịu đứng yên, không động. Đó là cách thái thứ bảy. Lại nữa, khi ngựa dữ thế gian kéo xe, bốn chân chụm lại, phục sát đất không chịu đứng lên. Đó gọi là cách thái thứ tám.

“Con người dữ¹⁹ của thế gian cũng vậy, ở trong Chánh Pháp Luật có tám điều lỗi. Những gì là tám? Hoặc Tỳ-kheo khi bị các đồng phạm hạnh cử tội bằng thấy, nghe, nghi; người kia sân giận, chỉ trích trở lại người cử tội rằng: ‘Thầy ngu si, không biết, bất thiện, người ta vừa cử tội Thầy, sao Thầy lại cử tội tôi?’ Như con ngựa dữ kia hai chân sau chõ lúi, hai chân trước quy xuống đất, làm đứt cương, gãy ách. Đây gọi là lỗi thứ nhất của con người trong Chánh Pháp Luật.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các đồng phạm hạnh cử tội bằng thấy, nghe, nghi; liền trở lại cử tội người kia, giống như ngựa dữ cứng cổ làm gãy ách. Đây gọi là lỗi thứ hai của con người trong Chánh Pháp Luật.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các đồng phạm hạnh cử tội bằng thấy, nghe, nghi; nhưng không dùng lời đứng đắn đáp lại, mà nói sang chuyện khác, hay không nhẫn, sân nhuế, **[235b]** kiêu mạn, che dấu, hiềm hận, làm những chuyện vô lý, như ngựa dữ kia không đi đường thẳng làm cho xe lật úp. Đây gọi là lỗi thứ ba của con người trong Chánh Pháp Luật.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các đồng phạm hạnh cử tội bằng thấy, nghe, nghi, khiến cho người kia nhớ lại, nhưng lại nói rằng: ‘Tôi chẳng nhớ.’ Ngang ngạnh không phục, như ngựa dữ kia bước thụt lùi. Đây gọi là lỗi thứ tư của con người trong Chánh Pháp Luật.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khi các đồng phạm hạnh cử tội bằng thấy, nghe, nghi; họ khinh miệt, không kể gì đến người khác, cũng không kể gì đến chúng Tăng, tùy ý ôm y bát bỏ đi, như ngựa dữ kia bị ăn roi gây, bỏ chạy dọc ngang. Đây gọi là lỗi thứ năm của con người trong Chánh Pháp Luật.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các đồng phạm hạnh cử tội bằng thấy, nghe, nghi; họ ngồi trên giường cao tranh luận quanh co với các Thượng tọa,

¹⁹ Ác trọng phu 惡丈夫. Pāli: *purisakhaṇṅka*, con người bất kham.

như ngựa dữ kia đứng hai chân như người. Đây gọi là lỗi thứ sáu của con người trong Chánh Pháp Luật.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các đồng phạm hạnh cử tội bằng thấy, nghe, nghi; họ im lặng không đáp, để xúc não đại chúng, như ngựa dữ kia bị roi gây vẫn trơ trơ không động. Đây gọi là lỗi thứ bảy của con người trong Chánh Pháp Luật.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các đồng phạm hạnh cử tội bằng thấy, nghe, nghi; người bị cử tội liền xả giới, tự sinh thối thất, đến trước cửa chùa nói rằng: ‘Ông mặc nhiên mà sống hoan hỷ khoái lạc. Tôi tự xả giới lui về.’ Như con ngựa dữ kia bốn chân chụm lại, phục sát đất không động. Đây gọi là lỗi thứ tám của con người trong Chánh Pháp Luật. Đó gọi là Tỳ-kheo đối trong Chánh Pháp Luật có tám điều lỗi lầm của con người.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1306. BÁT CHỦNG ĐỨC²⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bảy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Ngựa tốt ở thế gian thành tựu được tám đức, theo ý muốn của người theo đường rộng hẹp mà đi. Những gì là tám? Sinh nơi quê hương của giống ngựa tốt.²¹ Đó là đức thứ nhất của ngựa tốt.

“Lại nữa, thể tánh ôn hòa, không làm người kinh sợ.²² Đó là đức thứ hai của ngựa tốt.

“Lại nữa, ngựa tốt không lựa chọn đồ ăn thức uống. Đó là đức thứ ba của ngựa tốt.

“Lại nữa, ngựa tốt ghê tởm chỗ bẩn không sạch, chọn đất sạch để nằm. Đó là đức thứ tư của ngựa tốt.

²⁰ Đại chánh, kinh 924. Pāli, A. 8.13 Ājañña. Cf. No 100(150).

²¹ Lương mã hương 良馬鄉. Pāli: *ubhato sujāto hoti mātito ca pitito ca*, thuần chủng, cả cha và mẹ đều thuộc giống tốt.

²² Hán: bất kinh khủng nhân 不驚恐人. Pāli: *na ca aññe asse ubbejetā*, không làm các ngựa khác sợ.

“Lại nữa, ngựa tốt luôn thể hiện tính tình thái độ nhạy cảm trước người huấn luyện,²³ mã sư [235c] sẽ luyện tập cho nó bỏ những thái độ này. Đó là đức thứ năm của ngựa tốt.

“Lại nữa, ngựa tốt khi đã đóng vào xe, nó không để ý những con ngựa khác nữa; tùy cỗ xe nặng nhẹ mà tận dụng sức lực của mình. Đó là đức thứ sáu của ngựa tốt.

“Lại nữa, ngựa tốt thường theo đường chánh, không đi lạc đường. Đó là đức thứ bảy của ngựa tốt.

“Lại nữa, ngựa tốt dù bị bệnh, hoặc già yếu vẫn gắng sức kéo xe không chán, không mệt. Đó là đức thứ tám của ngựa tốt.

“Cũng vậy, con người²⁴ trong Chánh Pháp Luật cũng thành tựu được tám đức, nên biết đó là bậc Hiền sỹ.²⁵ Những gì là tám? Bậc Hiền sỹ an trụ chính giới, luật nghi Ba-la-đề-mộc-xoa, có đủ oai nghi hành xử; thấy tội vi tế thường sinh lòng sợ hãi, giữ gìn học giới. Đó là đức thứ nhất của trượng phu trong Chánh Pháp Luật.

“Lại nữa, Hiền sỹ tính tự hiện thiện, khéo điều phục, khéo an trụ, chẳng làm phiền, không làm sợ hãi đồng phạm hạnh. Đó là đức thứ hai của Hiền sỹ.

“Lại nữa, Hiền sỹ đi khát thực theo thứ lớp, tùy theo những gì nhận được, dù ngon hay dở, tâm mình vẫn bình đẳng không hiềm, không đắm trước. Đó là đức thứ ba của Hiền sỹ.

“Lại nữa, Hiền sỹ sanh tâm yếm ly các nghiệp ác nơi thân, miệng, ý, các pháp ác bất thiện, cùng các phiền não, chúng dẫn đến thọ nhận các báo khổ nhiệt não nhiều lần; đối với sự sinh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não trong đời vị lai lại càng yếm ly. Đó là đức thứ tư của Hiền sỹ.

“Lại nữa, Hiền sỹ nếu có những lỗi lầm, gian trá, bất thật gì đối với Sa-môn nhanh chóng trình lên Đại sư và thiện tri thức. Đại sư thuyết pháp chắc chắn sẽ trừ dứt. Đó là đức thứ năm của vị Hiền sỹ.

²³ Pāli: *yāni kho panassa honti sātheyyāni kūṭeyyāni jimheyyāni vaṅkeyyanī tāni yathābhūtaṃ sārathissa āvikattā hoti*, nếu có những tính giáo hoạt, man trá, quanh co, tà vạy; thấy đều hiện rõ một cách trung thực cho người huấn luyện

²⁴ Hán: trượng phu 丈夫, con người, hay người đàn ông. Bản Pāli nói **bhikkhu**.

²⁵ Hán: hiền sỹ phu 賢士夫, chỉ con người hiền thiện (Pāli: *bhaddo puriso*).

“Lại nữa, Hiền sỹ có bản tâm cầu học, suy nghĩ như vậy: ‘Giả sử người khác có học hay không học, ta cũng phải học.’ Đó là đức thứ sáu của Hiền sỹ.

“Lại nữa, Hiền sỹ thực hành tám chi Chánh đạo, chẳng thực hành phi đạo. Đó là đức thứ bảy của Hiền sỹ.

“Lại nữa, Hiền sỹ suốt đời nỗ lực tinh cần, không chán, không mệt. Đó là đức thứ tám của trượng phu.

“Hiền sỹ thành tựu tám đức như vậy, tùy thuộc vào sự thực hành của mình mà có thể tiến triển nhanh chóng.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1307. SẴN-ĐÀ CA-CHIÊN-DIÊN²⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong tinh xá Thâm cốc tại làng Na-lê.²⁷ Bảy giờ Thế Tôn nói với Sằn-đà Ca-chiên-diên:²⁸

“Nên tu thiền chơn thật, chớ tập thiền ngang ngạnh.²⁹ Như ngựa ngang ngạnh, cột nơi cạnh máng cỏ chuồng ngựa, [236a] nó không nghĩ, ‘Ta nên làm gì? Ta không nên làm gì?’ mà chỉ nghĩ đến thóc và cỏ. Cũng vậy, con người kia³⁰ tập hành quen với tham dục quẩn chặt,³¹ cho nên, vị kia bằng tâm tham dục mà tư duy, đối với đạo xuất ly không biết như thật,³² tâm thường rong duỗi, tùy theo tham dục quẩn chặt mà cầu chánh thọ. Nó tập hành quen với sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi

²⁶ Đại chánh, kinh 926. Pāli, A. 11.10 Sandha (Sekha). Hán, No 100(151).

²⁷ Na-lê tụ lạc Thâm cốc tinh xá 那梨聚落深谷精舍. Pāli: trong ngôi nhà ngồi (*giñjakāvasathe*) ở Nātika.

²⁸ Sằn-đà Ca-chiên-diên 洗陀迦旃延. Pāli: Sandha.

²⁹ Hán: chân thật thiền, cường lương thiền 真實禪強良禪. Pāli: *ājāniyajjhāyitam*, *khaluñkajjhāyitam*, tu thiền của con ngựa thuần, tu thiền của con ngựa chướng.

³⁰ Hán: trượng phu, chỉ con người theo ngghĩa thông thường.

³¹ Hán: u tham dục triền đa sở tu tập 於貪欲纏多所修習. Pāli: *kāmarāga-pariyuṭṭhitena cetasā viharati*, sống với tâm tư bị quẩn chặt bởi tham dục.

³² Pāli: *uppanassa kāmarāgassa nissaraṇaṃ yathābhūtaṃ nappājānati*, nó không biết như thật sự xuất ly đối với tham dục đã sanh.

quán chặt, cho nên, đối với đạo xuất ly không biết như thật; với tâm bị trùm kín bởi nghi³³ mà tư duy để cầu chánh thọ.

“Này Sần-đà, nếu thật là ngựa thuần giống,³⁴ khi cột nơi cạnh máng cỏ chuồng ngựa, nó chẳng nghĩ đến cỏ, nước, mà chỉ nghĩ đến việc kéo xe. Cũng vậy, người mà không an trụ với niệm tưởng tham dục quán chặt, đối với sự xuất ly biết như thật; không với tham dục quán chặt mà cầu chánh thọ; cũng không bị quán chặt bởi sân nhuế, thụy miên, trạo hối, nghi, mà thường xuyên an trụ xuất ly; biết như thật về các sự quán chặt của sân nhuế, thụy miên, trạo hối, nghi; không với nghi triền mà cầu chánh thọ.

“Như vậy, Sần-đà, Tỳ-kheo thiền như vậy không y cứ vào đất mà tu thiền, không y cứ vào nước, gió, lửa, không, thức, vô sở hữu, phi tướng phi phi tưởng mà tu thiền; không y cứ vào thế giới này, không y cứ vào thế giới khác, không phải mặt trời, mặt trăng, không phải thấy, nghe, cảm, biết, không phải đắc, không phải cầu, không phải tùy thuận tầm, không phải tùy thuận tứ³⁵ mà tu thiền. Này Sần-đà, Tỳ-kheo tu hiền như vậy thì những thiên chủ Y-thấp-ba-la,³⁶ Ba-xà-ba-đề³⁷ đều cung kính, chấp tay, cúi đầu, làm lễ mà nói kệ tán thán:

*Nam mô Đại sỹ phu!*³⁸

Nam mô Đại sỹ phu!

Vì tôi không thể biết,

Ngài nương đâu mà thiền!”

Bấy giờ, Tôn giả Bạt-ca-lợi đang đứng sau Phật cảm quạt hầu Phật. Bạt-lợi-ca liền bạch Phật:

“Thế Tôn, Tỳ-kheo làm sao nhập thiền mà không y cứ vào đất, nước, lửa, gió.... *cho đến* giác quán mà tu Thiền định? Làm sao Tỳ-kheo tu Thiền được những thiên chủ Y-thấp-ba-la, Ba-xà-ba-đề chấp tay, cung kính, cúi đầu, làm lễ và nói kệ tán thán:

³³ Nghi cái tâm 疑蓋心.

³⁴ Hán: chân sanh mã 真生馬.

³⁵ Hán: tùy giác, tùy quán 隨覺隨觀.

³⁶ Y-thấp-bà-la 伊濕波羅. Pāli: Issara (Skt. Íśvara).

³⁷ Ba-xà-ba-đề 波闍波提. Pāli: Pajāpati.

³⁸ Pāli: *namo te purisājañña, namo te purisuttama*, Kính lễ con người hiền thiện!
Kính lễ con người siêu việt!

Nam mô Đại sỹ phu!
Nam mô Đại sỹ phu!
Vì tôi không thể biết,
Ngài nương đâu mà Thiên!”

Phật nói với Tỳ-kheo Ba-lợi-ca:

“Tỳ-kheo, đối với địa tướng có thể điều phục địa tướng,³⁹ đối với thủy, hỏa, phong tướng, không vô biên xứ tướng, thức vô biên xứ tướng, vô sở hữu xứ tướng, phi tướng phi phi tướng xứ tướng; thế giới này, thế giới khác, mặt trời, mặt trăng, thấy, nghe, [236b] cảm, biết; hoặc đắc, hoặc cầu, hoặc tầm, hoặc tứ, đều điều phục các tướng kia.

“Này Bạt-ca-lợi, Tỳ-kheo tu thiền như vậy, không y cứ vào đất, nước, lửa, gió... cho đến không y cứ vào tầm, tứ để tu thiền. Này Bạt-lợi-ca, Tỳ-kheo tu Thiền như vậy, các thiên chủ Y-thấp-bà-la, Ba-xà-ba-đề đều cung kính, chấp tay, cúi đầu làm lễ và nói kệ tán thán:

Nam mô Đại sỹ phu!
Nam mô Đại sỹ phu!
Vì tôi không thể biết,
Ngài nương đâu mà Thiên!”

Khi nghe Phật nói kinh này, Tỳ-kheo Sần-đà Ca-chiên-diên xa lia trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Tỳ-kheo Bạt-lợi-ca không còn khởi các lậu, tâm được giải thoát.

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Bạt-ca-lợi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

³⁹ Pāli: *paṭhaviyaṃ paṭhavisaññā vibhūtā hoti*; vì *vibhūta* có hai nghĩa: *phi hữu*, và *minh nhiên*, nên câu Pāli có thể hiểu theo hai cách ngược nhau. Nhưng vì *paṭhaviyaṃ* ở cách số sáu, nên cần hiểu như bản Hán: ở nơi đất không có tướng về đất.

44. TƯƠNG ƯNG MA-HA-NAM¹

KINH 1308. ƯU-BÀ-TẮC²

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, nước Ca-tỳ-la-vệ.³ Bấy giờ có người họ Thích là Ma-ha-nam⁴ đi đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc?”⁵

Phật nói với Ma-ha-nam:

“Có đủ tướng người nam, sống tại gia sống trong sạch, tu tập thanh bạch, và nói rằng: ‘Nay, suốt đời con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, làm Ưu-bà-tắc. Xin chứng tri cho con!’ Đó gọi là Ưu-bà-tắc.”

Ma-ha-nam bạch Phật:

“Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc có đầy đủ tín?”⁶

Phật nói với Ma-ha-nam:

“Ưu-bà-tắc có chánh tín đối với Như Lai, gốc rễ bền chặt, khó lay chuyển, mà các Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm, và người thế gian không ai có thể phá hoại được. Ma-ha-nam, đó gọi là Ưu-bà-tắc có đầy đủ tín.”

Ma-ha-nam bạch Phật:

“Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-trắc có giới có đủ?”⁷

Phật nói với Ma-ha-nam:

“Ưu-bà-tắc lìa bỏ sát sinh, không cho mà lấy, tà dâm, nói dối, uống rượu, không vui thích làm những điều này nữa. Ma-ha-nam, đó gọi là Ưu-bà-tắc có giới đầy đủ.”

¹ Tương ưng Ma-ha-nam, gồm các kinh Đại chánh, kinh số 927-936 (giữa quyển 33). Ấn Thuận *Hội biên*, “44. Tương ưng Ma-ha-nam.” *Quốc dịch*, quyển 46 tiếp, “4. Tương ưng Ma-ha-nam”.

² Đại chánh, kinh 927. Pāli, S. 55.37 Mahānāma. Cf. No 100(152).

³ Pāli: Sakkesu viharati kapilavatthusmiṃ nigrodhārāme.

⁴ Pāli: Sakko Mahānāmo.

⁵ Ưu-bà-tắc 優婆塞. Pāli: *upāsaka*.

⁶ Hán: tín cụ túc 信具足, cũng nói là tín thành tựu. Pāli: *saddhāsampanno*.

⁷ Giới cụ túc 戒具足. Pāli: *sīlasampanno*.

Ma-ha-nam bạch Phật:

“Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc có nghe đầy đủ?”⁸

Phật nói với Ma-ha-nam:

“Ưu-bà-tắc có nghe đầy đủ là, sau khi nghe, có thể ghi nhớ, có thể tích tập. Những gì Phật nói khoảng đầu, khoảng giữa, không cuối đều thiện, thiện nghĩa, thiện vị, thuần nhất thanh tịnh, phạm hạnh trong sạch, người ấy đều có khả năng thọ trì, đó gọi là Ưu-bà-tắc có nghe, có đủ.”

Ma-ha-nam bạch [236c] Phật:

“Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc có thí xả đầy đủ?”⁹

Phật nói với Ma-ha-nam:

“Ưu-bà-tắc có thí xả đầy đủ là, khi bị trói buộc bởi caun bản của xan tham, tâm lìa cấu baw bản của xan tham, sống tại gia¹⁰ mà tu bố thí giải thoát,¹¹ tinh cần bố thí, thường hành bố thí, ưa xả tài vật, bố thí bình đẳng. Ma-ha-nam. Đó gọi là Ưu-bà-tắc có xả đầy đủ.”

Ma-ha-nam bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc có trí tuệ đầy đủ?”

Phật nói với Ma-ha-nam:

“Ưu-bà-tắc có trí tuệ đầy đủ là, biết như thật rằng ‘Đây là Khổ,’ ‘Đây là Khổ tập,’ ‘Đây là Khổ diệt,’ ‘Đây là Khổ diệt đạo.’ Ma-ha-nam, đó gọi là Ưu-bà-tắc có trí tuệ có đủ.”

Ma-ha-nam họ Thích sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ rồi lui.

KINH 1309. THÂM DIỆU CÔNG ĐỨC¹²

Tôi nghe như vậy:

⁸ Văn cụ túc 聞具足. Pali không đề cập.

⁹ Xả cụ túc 捨具足, đây chỉ thí xả hay huệ xả. Pāli: *cāgasampanno*.

¹⁰ Trụ ư phi gia 住於非家, có lẽ bản Hán nhằm *agāra* (nhà) và *anagāra* (không nhà). Pāli, thành cú: *vigatamalamaccherena cetasā agāraṃ ajjhāvasati*, sống tại gia với tâm gột trừ cấu bản của bốn xên.

¹¹ Tu giải thoát thi. Pāli: *muttacāgo*, thí xả với tâm buông bỏ.

¹² Đại chánh, kinh 928. Pāli, S. 55.49 **Mahānāma**. Cf. **No 100 (153)**.

Một thời đức Phật ở trong vườn Câu-ni-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ có người họ Thích là Ma-ha-nam cùng với năm trăm Ưu-bà-tắc đi đến chỗ Phật đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc?”

Phật đáp:

“Ưu-bắc-tắc là người sống trong sạch tại gia... *cho đến* suốt đời quy y Tam bảo, làm Ưu-bà-tắc. Xin chứng tri cho con.”

Ma-ha-nam bạch Phật:

“Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc Tu-đà-hoàn?”¹³

Phật nói với Ma-ha-nam:

“Ưu-bà-tắc Tu-đà-hoàn là vị mà ba kết sử thân kiến, giới thủ, và nghi, đã đoạn tận, đã biến tri. Ma-ha-nam, đó gọi là Ưu-bà-tắc Tu-đà-hoàn.”

Ma-ha-nam bạch Phật:

“Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc Tu-đà-hàm?”

Phật nói với Ma-ha-nam:

“Ưu-bà-tắc Tu-đà-hàm là vị mà ba kết sử đã đoạn tận, đã biến tri; tham dục và sân nhuế đã mỏng. Ma-ha-nam, đó gọi là Ưu-bà-tắc Tu-đà-hàm.”

Ma-ha-nam bạch Phật:

“Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc A-na-hàm?”

Phật nói với Ma-ha-nam:

“Ưu-bà-tắc A-na-hàm là vị mà năm hạ phần kết sử tức thân kiến, giới cầm thủ, nghi, tham dục, và sân nhuế, đã đoạn tận, đã biến tri. Ma-ha-nam, đó gọi là Ưu-bà-tắc A-na-hàm.”¹⁴

Bấy giờ, Ma-ha-nam quay nhìn năm trăm Ưu-bà-tắc, nói rằng:

“Kỳ diệu thay các vị Ưu-bà-tắc, sống tại gia thanh bạch, lại được công đức sâu xa như vậy!”

Ưu-bà-tắc Ma-ha-nam sau nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ rồi lui.

¹³ Bản Pāli: thành tựu bốn chứng tịnh hay bất hoại tịnh.

¹⁴ Không đề cập A-la-hán. Trong kinh này, tại gia không thể chứng.

KINH 1310. NHẤT THIẾT SỰ¹⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, nước Ca-tỳ-la-vệ. [237a] Bấy giờ, có người họ Thích là Ma-ha-nam đi đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc?”

Phật nói với Ma-ha-nam:

“Ưu-bà-tắc là người sống tại gia trong sạch,... *cho đến* suốt đời quy y Tam bảo, làm Ưu-bà-tắc. Xin chứng tri cho con.”

Ma-ha-nam bạch Phật:

“Thế Tôn, sao là làm thành mãn tất cả sự của Ưu-bà-tắc?”

Phật nói với Ma-ha-nam:

“Ưu-bà-tắc có tín, nhưng không giữ giới, đó là không đầy đủ, mà hãy nỗ lực tinh cần, có đủ tịnh giới. Có đủ tín và giới, nhưng không bố thí thì cũng chưa đủ. Vì chưa đủ nên phải nỗ lực tinh cần, tu tập bố thí để làm được đủ. Tín, giới và thí đã đầy đủ, nhưng nếu không tùy thời đến Sa-môn để lắng nghe, lãnh thọ chánh pháp, vẫn chưa đủ. Vì chưa đủ cho nên phải nỗ lực tinh cần, tùy thời đến chùa tháp, gặp các Sa-môn, nhưng không chuyên tâm lắng nghe lãnh thọ chánh pháp, vẫn chưa đủ. Tín, giới, thí và nghe tu tập đã đầy, nhưng nghe rồi mà không ghi giữ, vẫn chưa có đủ. Vì không đủ nên phải nỗ lực tinh cần, tùy thời đến Sa-môn, chuyên tâm lắng nghe pháp, nghe rồi thì phải khéo ghi giữ. Nếu không thể quán sát nghĩa lý sâu xa của các pháp, đó chưa phải là đủ. Vì không chưa đầy đủ nên phải nỗ lực tinh cần hơn, làm cho có đủ. Tín, giới, bố thí, nghe, nghe rồi thì khéo ghi giữ, ghi giữ rồi quán sát nghĩa lý sâu xa, mà không tùy thuận để biết hướng đến pháp tùy pháp, đó vẫn chưa là đầy đủ. Vì chưa đầy đủ nên phải nỗ lực tinh cần. Tín, giới, bố thí, nghe, ghi giữ, quán sát, hiểu rõ nghĩa lý sâu xa, và tùy thuận thực hành pháp tùy pháp. Ma-ha-nam, đó gọi là có đủ tất cả sự của Ưu-bà-tắc.”

Ma-ha-nam bạch Phật:

“Thế Tôn, sao là Ưu-bà-tắc hay tự an ủy mình,¹⁶ chẳng an ủy người khác?”¹⁷

¹⁵ Đại chánh, kinh 929. Pāli, A. 8.25 Mahānāma.

Phật nói với Ma-ha-nam:

“Ưu-bà-tắc có thể tự mình đứng vững trong giới nhưng không thể khiến cho người đứng vững trong chánh giới; tự mình giữ tịnh giới, nhưng không thể khiến cho người khác giữ giới đầy đủ; tự mình làm việc bố thí, nhưng không thể xác lập bố thí nơi người khác; tự mình đi chùa tháp, đến gặp các sa-môn, nhưng không thể khuyên người khác đi chùa tháp, đến gặp Sa-môn; tự mình chuyên nghe pháp, nhưng không thể khuyên người thích nghe chánh pháp; nghe chánh pháp rồi tự mình thọ trì, nhưng không thể khiến người khác thọ trì chánh pháp; tự mình có thể quán sát nghĩa lý sâu xa, nhưng không thể khuyên người quán sát nghĩa lý sâu xa; tự mình biết pháp sâu xa có thể tùy thuận thực hành pháp tùy pháp, nhưng không thể khuyên người khiến họ tùy thuận thực hành pháp tùy pháp.

Này Ma-ha-nam, [237b] người thành tựu tám pháp như vậy, gọi là Ưu-bà-tắc có thể tự an ủi, nhưng không thể an ủi người khác.”

Ma-ha-nam bạch Phật:

“Thế Tôn, Ưu-bà-tắc thành tựu bao nhiêu pháp để tự an úy và giúp người được an úy?”

Phật nói với ma-ha-nam:

“Nếu Ưu-bà-tắc nào thành tựu mười sáu pháp, gọi là Ưu-bà-tắc tự an úy và giúp người được an úy.”

“Những gì là mười sáu pháp?”

“Này Ma-ha-nam, Ưu-bà-tắc đủ có chánh tín, và cũng xác lập chánh tín cho người khác; tự mình giữ tịnh giới, cũng xác lập tịnh giới cho người khác; tự mình hành bố thí và khuyên bảo người hành bố thí; tự mình đến chùa tháp gặp các Sa-môn, cũng khuyên bảo người khác đến gặp các Sa-môn; tự mình chuyên cần nghe pháp, cũng khuyên bảo người nghe; tự mình thọ trì pháp và dạy người khác thọ trì; tự mình quán sát nghĩa khuyên bảo người quán sát; tự mình biết nghĩa lý sâu xa tùy thuận tu, hành pháp tùy pháp, cũng lại khuyên bảo người hiểu rõ nghĩa lý sâu xa, tùy thuận tu hành pháp tùy pháp. Này Ma-ha-nam, người nào thành tựu mười sáu pháp như vậy, gọi là Ưu-bà-tắc có thể tự an úy và làm người khác được an úy.

¹⁶ Hán: tự an úy 自安慰. Pāli: *attahitāya paṭipanno*, thực hành vì mục đích tự lợi.

¹⁷ Hán: an úy tha 安慰他. Pāli: *parahitāya*.

“Này Ma-ha-nam, Ưu-bà-tắc thành tựu mười sáu pháp như vậy, tất cả mọi người trong các chúng Bà-la-môn, chúng Sát-lị, chúng Trưởng giả, chúng Sa-môn, đều đến chỗ họ. Ở trong các chúng này, oai đức của họ sáng chói. Giống như mặt trời, ánh sáng chiếu soi cả sáng, trưa, chiều. Cũng vậy, Ưu-bà-tắc nào thành tựu mười sáu pháp, oai đức họ cũng tỏ rạng cả đầu, giữa và cuối. Như vậy, này Ma-ha-nam, Ưu-bà-tắc nào thành tựu mười sáu pháp, đó là một điều mà thế gian khó thành tựu được.”

Phật nói kinh này xong, Ma-ha-nam họ Thích sau nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ rồi lui.

KINH 1311. TỰ KHỦNG¹⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, nước Ca-tỳ-la-vệ. Bảy giờ, Ma-ha-nam họ Thích đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Thế Tôn, nước Ca-tỳ-la-vệ này đang an ổn thịnh vượng, nhân dân phát đạt. Mỗi khi con ra vào, người vật theo hai bên, nào voi điên, người điên, xe điên, thường cùng đi với chúng. Con tự sợ là mình phải cùng sống, cùng chết với bọn điên cuồng này mà quên mất niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tỳ-kheo Tăng. Con tự nghĩ, sau khi mạng chung sẽ sinh vào nơi nào?”

Phật nói với Ma-ha-nam:

“Đừng sợ hãi! Đừng sợ hãi! Sau khi mạng chung ông sẽ không sinh đường dữ, cũng không chết dữ. Thí như cây lớn thuận xuống, nghiêng xuống, chúi xuống, nếu chặt gốc rễ, [237c] sẽ ngã về nơi nào?”

Ma-ha-nam bạch Phật:

“Nó thuận xuống, nghiêng xuống, chúi xuống.”

Phật nói với Ma-ha-nam:

“Ma-ha-nam cũng như vậy, khi mạng chung không sanh đường dữ, cũng không chết dữ. Vì sao? Vì ông đã lâu dài tu tập niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tỳ-kheo Tăng, nên sau khi mạng chung, thân này bị hỏa thiêu, hay bỏ ngoài nghĩa địa, bị gió tấp, nắng thiêu lâu ngày thành tro bụi, nhưng vì tâm ý thức đã lâu dài từ trước được huân tập bởi chánh

¹⁸ Đại chánh, kinh 930. Tự kinh sợ. Pāli, S. 55. 21-22 Mahānāma.

tín, bởi tịnh giới, bồ thí, đa văn, trí tuệ, nên thần thức sẽ hướng lên cõi an lạc, đời sau sanh về cõi trời.”

Sau khi Ma-ha-nam nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ rồi lui.

KINH 1312. TU TẬP TRỤ¹⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, Ma-ha-nam họ Thích đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Thế Tôn, Tỳ-kheo còn ở nơi học địa mà cầu lên Niết-bàn an ổn chưa được, bạch Thế Tôn, người ấy nên tu tập thế nào, tu tập thường xuyên, để ở trong Pháp Luật này được đoạn tận các lậu, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự tri tự tác chứng, biết rằng: ‘Ta, sự sinh đã dứt, Phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau.’?”²⁰

Phật nói với Ma-ha-nam:

“Tỳ-kheo còn nơi học địa mà cầu lên Niết-bàn an ổn chưa được, Tỳ-kheo ấy lúc bấy giờ, nên tu sáu niệm... *cho đến* lên được Niết-bàn. Thí như người đói khát, thân thể ốm yếu, khi được thức ăn ngon, thân thể trở nên mập mạp. Cũng vậy, Tỳ-kheo trụ nơi học địa, cầu con đường lên Niết-bàn an ổn chưa được, nên tu sáu tùy niệm... *cho đến* chóng đắc Niết-bàn an ổn.

“Những gì là sáu niệm?

“Đối với Phật sự, Thánh đệ tử niệm tưởng: Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Thánh đệ tử lúc nhớ nghĩ như vậy không khởi tham dục triền, không khởi tâm sân nhuế, ngu si, tâm chánh trực, đạt nghĩa Như Lai, và được chánh

¹⁹ Đại chánh, kinh 931. Pāli, A. 6.10 Mahānāma. Cf. No 100 (156).

²⁰ Bản Pāli: *ariyasāvako āgataphalo viññātasāsano so katamena vihārena bahulaṃ viharati*, Thánh đệ tử đã đắc quả, đã thiếu biết giáo pháp, sống thường xuyên với sự an trụ nào?

pháp của Như Lai.²¹ Đối với chánh pháp Như Lai, đối với Như Lai đạt được tâm tùy hỷ. Do tâm tùy hỷ nên hoan hỷ. Do tâm hoan hỷ nên thân khinh an. Do thân khinh an nên được cảm giác lạc. Do được cảm giác lạc nên tâm được định. Do tâm đã định nên vị Thánh đệ tử này dù ở giữa những chúng sanh hung hiểm mà²² không bị các chướng ngại, được vào dòng nước pháp... *cho đến* Niết-bàn.

“Lại nữa, đối với Pháp sự, Thánh [238a] đệ tử niệm tưởng: Pháp Luật của Thế Tôn, ngay trong hiện tại này, có thể lia nhiệt não sanh tử, không đợi thời tiết, thông đạt hiện pháp, duyên tự mình mà giác tri; Thánh đệ tử niệm Pháp như vậy thì không khởi tham dục, sân nhuế, ngu si... *cho đến* ý nhớ nghĩ pháp được huân tập, thăng tiến Niết-bàn.

“Lại nữa, đối với Tăng sự, Thánh đệ tử niệm tưởng: Đệ tử Thế Tôn là những vị thiện hướng, chánh hướng, trực hướng, thành thật hướng,²³ hành pháp tùy pháp, có hướng Tu-đà-hoàn, đắc Tu-đà-hoàn; hướng Tu-đà-hàm, đắc Tu-đà-hàm, hướng A-na-hàm, đắc A-na-hàm, hướng A-la-hán, đắc A-la-hán, là bốn đôi tám bậc Hiền thánh. Đó gọi là đệ tử Tỳ-kheo Tăng, tịnh giới có đủ, tam-muôi có đủ, trí tuệ có đủ, giải thoát có đủ, giải thoát tri kiến có đủ của Thế Tôn; đáng được tôn nghinh, thừa sự cúng dường, là ruộng phước tốt. Thánh đệ tử khi niệm tưởng Tăng sự như vậy thì không khởi tham dục, sân nhuế, ngu si... *cho đến* niệm tưởng Tăng được huân tập, thăng tiến Niết-bàn.

“Lại nữa, đối với tịnh giới sự, Thánh đệ tử tự niệm tưởng: giới không hoại, giới không khuyết, giới không nhờn, giới không tạp, giới không bị nô lệ,²⁴ giới được khéo hộ trì, giới được người sáng suốt ca ngợi, giới được người trí không nhầm chán. Thánh đệ tử khi niệm tưởng giới

²¹ Kỳ tâm chánh trực, đắc Như lai nghĩa, đắc Như Lai chánh pháp 其心正直, 得如來義得如來正法. Pāli, thành cú: *ujugatacitto labhati atthavedam labhati dhammacedam*, tâm chsinh trực, vị ấy đạt được minh triết của nghĩa nghĩa, đạt được minh triết của pháp.

²² Pāli: *savyāpajjāya pajāya avyāpajjo viharati*, sống không hiểm hận đối với người hiểm hận.

²³ Hán: thiện hướng, chánh hướng, trực hướng, thành hướng 善向, 正向, 直向, 誠向. Pāli: *supa ipanno* (diệu hành), *ujupa ipanno* (chất trực hành), *ñāyapaæipanno* (như lý hành), *samīcīpa ipanno* (hòa kính hành).

²⁴ Bất thù tha giới 不他取戒: “không bị người khác lấy đi.” Pāli: *bhujissa*, tự do, chỉ người nô được giải phóng; đây chỉ giới của người tự do, không bị áp đặt cưỡng chế.

như vậy, không khởi tham dục, sân nhuế, ngu si... *cho đến* niệm tưởng giới được huân tập, thăng tiến Niết-bàn.

“Lại nữa, đối với bố thí sự, Thánh đệ tử tự niệm tưởng: Ta được lợi lộc tốt, giữa những chúng sanh cấu bần vì xan tham mà ta lia được tâm cấu bần can tham, sống tại gia²⁵ mà thực hành bố thí giải thoát, thường tự tay bố thí; thích pháp hành xả, bố thí bình đẳng có đủ. Lúc Thánh đệ tử niệm tuong bố thí như vậy, không khởi tham dục, sân nhuế, ngu si,... *cho đến* niệm tưởng bố thí được huân tập, thăng tiến Niết-bàn.

“Lại nữa, đối với chư Thiên, Thánh đệ tử niệm tưởng: Có Tứ đại thiên vương, Tam thập tam thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất-đà thiên, Hóa lạc thiên, Tha hóa tự tại thiên. Nếu người nào có lòng chánh tín, khi mệnh chung ở đây sẽ sinh lên các cõi trời kia. Ta cũng thực hành chánh tín này. Vị kia có tịnh giới, thí, vãn, xả, tuệ, đến khi mệnh chung ở đây thì sinh lên cõi trời kia. Nay ta cũng thực hành giới, thí, vãn, xả, tuệ này. Thánh đệ tử niệm tưởng thiên như vậy thì không khởi tham dục, sân nhuế, ngu si; tâm chánh trực duyên đến (nhớ nghĩ) chư thiên. Thánh đệ tử kia do trực tâm như vậy mà đạt được pháp lợi, nghĩa lợi sau xa, và được tùy hỷ lợi ích của chư thiên. Do tùy hỷ nên sanh hoan hỷ. Do hoan hỷ nên thân khinh an. Do thân khinh **[238b]** an nên được cảm giác lạc. Do được cảm giác lạc nên tâm được định. Do tâm định nên vị Thánh đệ tử này dù ở giữa những chúng sanh hung hiểm cũng không bị các chướng ngại, được vào dòng nước pháp. Vì niệm tưởng chư Thiên được huân tập, nên thăng tiến Niết-bàn.

“Này Ma-ha-nam Tỳ-kheo còn ở học địa, muốn cầu lên Niết-bàn an lạc, mà tu tập thường xuyên như vậy, sẽ chóng được Niết-bàn, ở trong Chánh Pháp Luật các lậu nhanh chóng đoạn tận, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự tri tự tác chứng, tự biết rằng ‘Ta, sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã lập, nhưng việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’”

Ma-ha-nam sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ rồi lui.

²⁵ Xem kinh Đạ chánh 927 trên.

KINH 1313. THẬP NHẤT²⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, nước Ca-tỳ-la-vệ. Bảy giờ có nhiều Tỳ-kheo tụ tập tại nhà ăn, vá y cho Thế Tôn. Lúc ấy Ma-ha-nam họ Thích nghe các Tỳ-kheo tụ tập tại nhà ăn vá y cho Thế Tôn nói rằng: ‘Không bao lâu, sau ba tháng an cư, khi vá y xong, Thế Tôn sẽ khóac y, mang bát du hành trong nhân gian.’ Sau khi nghe vậy, Ma-ha-nam đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Thế Tôn, cả người con bất an, bốn phương mờ mịt; pháp đã nghe đều quên hết. Vì con nghe các Tỳ-kheo tụ tập tại nhà ăn, vá y cho Thế Tôn, nói rằng: ‘Không bao lâu, sau ba tháng an cư, khi vá y xong, Thế Tôn sẽ khóac y, mang bát du hành trong nhân gian.’ Cho nên nay con suy nghĩ: ‘Lúc nào mới gặp lại được Thế Tôn và các Tỳ-kheo quen biết?’”

Phật nói với Ma-ha-nam:

“Ngươi dù có gặp, hay chẳng gặp Như Lai, và có gặp, hay chẳng gặp các Tỳ-kheo quen biết, ngươi chỉ cần niệm tưởng năm pháp và tinh cần tu tập. Nay Ma-ha-nam, hãy lấy chánh tín làm chủ, chứ không phải là không chánh tín; hãy lấy giới có đủ, đạ văn có đủ, thí có đủ, tuệ có đủ làm gốc, chứ không phải là không trí tuệ.

“Cũng vậy, Ma-ha-nam, căn cứ vào năm pháp này, tu sáu niệm xứ. Những gì là sáu? Ma-ha-nam, niệm Như Lai, nên niệm như vậy: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh đẳng Chánh giác... *cho đến* Phật, Thế Tôn. Nên niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, niệm thiên sự... *cho đến* tự thực hành, đạt trí tuệ.

“Cũng vậy, Ma-ha-nam, Thánh đệ tử thành tựu mười một pháp thì sự học trọn không bại hoại, có khả năng tri kiến, có khả năng quyết định, trụ cửa cam lộ, gần vị giải thoát, chứ không thể tất cả [238c] cùng lúc chóng đắ cam lộ Niết-bàn. Ví như gà ấp trứng, năm hoặc mười trứng, tùy thời ấp nghỉ, thương yêu bảo vệ chăm sóc; cho dù khoảng giữa lại bỏ bê, cũng còn có thể dùng móng hoặc mỏ để mổ vỡ trứng cho gà con chui ra. Vì sao? Vì gà mẹ lúc ban đầu đã biết tùy thời ấp ủ hay nghỉ ngơi, khéo thương yêu nói với vệ. Cũng vậy, Thánh đệ tử thành

²⁶ Đại chánh, kinh 932. Pāli, A. 11.12 Mahānāma.

tự mười một pháp, là trụ nơi sự học trọn không bại hoại... không thể tất cả cùng lúc chóng đắc cam lộ Niết-bàn.”

Phật nói kinh này xong, Ma-ha-nam đọ Thích nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ rồi lui.

KINH 1314. THẬP NHỊ²⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ có nhiều Tỳ-kheo tụ tập tại nhà ăn để vá y cho Thế Tôn. Lúc ấy Ma-ha-nam họ Thích nghe các Tỳ-kheo tụ tập tại nhà ăn, vá y cho Thế Tôn nói rằng: ‘Không bao lâu, sau ba tháng an cư khi vá y xong, Thế Tôn sẽ khoác y, mang bát du hành trong nhân gian.’ Sau khi nghe, Ma-ha-nam đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Thế Tôn! Cả người con bất an, bốn phương mờ mịt; trước đây những pháp đã nghe bây giờ bỗng quên hết, vì con nghe các Tỳ-kheo tụ tập tại nhà ăn, vá y cho Thế Tôn,... *cho đến* du hành trong nhân gian. Con suy nghĩ: ‘Lúc nào mới gặp lại được Thế Tôn và các Tỳ-kheo quen biết?’”

Phật nói với ma-ha-nam:

“Người dù có gặp hay chẳng gặp Như Lai, và có gặp, hay chẳng gặp các Tỳ-kheo quen biết, người lúc nào cũng vẫn phải siêng năng tu sáu pháp. Những gì là sáu pháp? Chánh tín là gốc; giới, thí, vãng, xả²⁸, tuệ là căn bản, chứ không phải không trí tuệ. Cho nên, Ma-ha-nam, cần cứ vào sáu pháp này mà nỗ lực tu tập tăng thượng sáu tùy niệm: từ niệm Như Lai sự... *cho đến* niệm Thiên. Thành tựu được mười hai niệm này, Thánh đệ tử đó sẽ giảm bớt các điều ác, không còn tăng trưởng, và bị tiêu diệt không khởi nữa; lia trần cấu, không tăng trần cấu; lia bỏ không bám giữ. Không bám giữ nên không dính mắc; vì không dính mắc nên tự chứng Niết-bàn, tự biết rằng ‘Ta, sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’”

²⁷ Đại chánh, kinh 933. Pāli, A. 11.13 Mahānāma.

²⁸ Để bản chép nhầm *không* 空.

Phật nói kinh này xong, Ma-ha-nam họ Thích nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ rồi lui.

KINH 1315. GIẢI THOÁT²⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, nước Ca-tỳ-la-vệ. [239a] Bấy giờ, Ma-ha-nam họ Thích đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Theo như những gì Phật đã dạy, con hiểu: Nhờ chánh định³⁰ nên giải thoát, không thể không có chánh định. Thế nào, bạch Thế Tôn, có phải đạt chánh định trước, sau mới giải thoát, hay là giải thoát trước rồi sau mới đạt chánh định? Hay chánh định và giải thoát không trước không sau, cả hai sinh cùng lúc?”

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng. Ma-ha-nam ba lần hỏi như vậy, nhưng Phật vẫn im lặng. Lúc ấy, Tôn giả A-nan đang đứng sau Phật, cầm quạt hầu Phật. A-nan nghĩ: ‘Ma-ha-nam họ Thích đem nghĩa lý sâu xa hỏi Thế Tôn, nhưng Thế Tôn vừa khỏi bệnh chưa lâu, bây giờ ta nên nói sang chuyện khác để tiếp lời ông.’

“Này Ma-ha-nam, bậc hữu học cũng có giới, bậc vô học cũng có giới; bậc hữu học có tam-muội, bậc vô học cũng có tam-muội; bậc hữu học có tuệ, bậc vô học cũng có tuệ; bậc hữu học có giải thoát, bậc vô học cũng có giải thoát.”

Ma-ha-na m hỏi Tôn giả A-nan:

“Thế nào là giới của bậc hữu học? Thế nào là giới của bậc vô học? Thế nào là tam-muội của bậc hữu học? Thế nào là tam-muội của bậc vô học? Thế nào là tuệ của bậc hữu học? Thế nào là tuệ của bậc vô học? Thế nào là giải thoát của bậc hữu học? Thế nào là giải thoát của bậc vô học?”

Tôn giả A-nan nói với Ma-ha-nam:

“Vị Thánh đệ tử này an trụ nơi giới Ba-la-đề-mộc-xoa, luật nghi, oai nghi, hành xứ; thọ trì học giới; khi đã thọ trì học giới thành tựu rồi, ly dục, pháp ác bất thiện... *cho đến* chứng và an trụ tứ thiền. Khi đã có đủ

²⁹ Đại chánh, kinh 934. Pāli, A. 3.73 Sakka.

³⁰ Nguyên Hán: chánh thọ 正受, được hiểu là chánh định, tức do tập trung. Pāli: *samhitassa nāṇam*, người được chánh định thì có chánh trí.

tam-muội như vậy rồi, biết như thật ‘Đây là Thánh đế Khổ,’ biết như thật ‘Đây là Thánh đế Khổ tập,’ biết như thật ‘Đây là Thánh đế Khổ diệt,’ biết như thật ‘Đây là Thánh đế Khổ diệt đạo.’ Biết như vậy, thấy như vậy rồi, năm hạ phần kết là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục, sân nhuế, được đoạn tận, được biến tri. Khi năm hạ phần kết này đã đoạn trừ rồi, vị ấy sinh lên cõi kia, đấng Niết-bàn A-na-hàm, không sinh trở lại trong cõi này nữa. Ngay lúc ấy vị ấy thành tựu giới hữu học, tam-muội hữu học, tuệ hữu học, giải thoát hữu học.

“Lại một lúc khác, các hữu lậu diệt tận, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri tự tác chứng, tự biết rằng ‘Ta, sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’ Lúc bấy giờ, vị ấy thành tựu vô học giới, vô học tam-muội, vô học tuệ, vô học giải thoát.

“Ma-ha-nam, đó [239b] là những gì Thế Tôn nói về học giới, học tam-muội, học tuệ, học giải thoát của bậc hữu học; vô học giới, vô học tam-muội, vô học tuệ, vô học giải thoát của bậc vô học là như vậy.”

Ma-ha-nam họ Thích sau khi nghe những gì Tôn giả A-nan nói, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy lễ Phật rồi lui.

Bấy giờ, Thế Tôn biết Ma-ha-nam vừa đi chưa lâu, nói với Tôn giả A-nan:

“Họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ có thể cùng các Tỳ-kheo bàn luận nghĩa lý sâu xa chăng?”

A-nan bạch Phật:

“Thế Tôn, vâng, họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ có thể cùng bàn luận nghĩa lý sâu xa với các Tỳ-kheo.”

Phật nói với A-nan:

“Những người họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ sẽ nhanh chóng được lợi tốt, bằng tuệ nhãn của Hiền Thánh có thể thâm nhập vào pháp Phật sâu xa.”

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1316. SA-ĐÀ³¹

Tôi nghe như vậy:

³¹ Đại chánh, kinh 935. Pāli, S. 55.23 Godhā. Cf. No 100 (159).

Một thời đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ có họ Thích, tên Sa-đà,³² nói với Ma-ha-nam:

“Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn thành tựu bao nhiêu pháp?”

Ma-ha-nam đáp:

“Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn thành tựu bốn pháp. Những gì là bốn? Là đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng có tín thanh tịnh bất hoại, và thành tựu Thánh giới. Đó gọi là Tu-đà-hoàn thành tựu bốn pháp.”

Sa-đà nói với Ma-ha-nam:

“Tôn giả chớ nói, chớ bảo rằng: ‘Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn thành tựu bốn pháp.’ Nhưng vị Tu-đà-hoàn đó chỉ thành tựu ba pháp. Những gì là ba? Đối với Phật, đối với pháp, đối với Tăng có tín thanh tịnh bất hoại. Như vậy, Tu-đà-hoàn thành tựu ba pháp.” Ba lần nói như vậy.

Ma-ha-nam họ Thích, không thể khiến cho Sa-đà chấp nhận bốn pháp. Sa-đà họ Thích cũng không thể khiến cho Ma-ha-nam chấp nhận ba pháp. Cả hai cùng đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, Ma-ha-nam họ Thích, bạch Phật:

“Thế Tôn, Sa-đà họ Thích lại chỗ con, hỏi con: ‘Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn thành tựu bao nhiêu pháp?’ Con liền đáp: ‘Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn thành tựu bốn pháp. Những gì là bốn? Đó là đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng, có tín thanh tịnh bất hoại và thành tựu Thánh giới.’ Tu-đà-hoàn thành tựu bốn pháp như vậy. Sa-đà họ Thích nói: ‘Ma-ha-nam họ Thích chớ [239c] nói rằng: Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn thành tựu bốn pháp; mà Tu-đà-hoàn thành tựu chỉ ba pháp. Những gì là ba? Đó là đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng có tín thanh tịnh bất hoại. Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn thành tựu ba pháp như vậy.’ Nói ba lần như vậy.

“Con không thể khiến cho Sa-đà họ Thích chấp nhận bốn pháp, và Sa-đà cũng không thể làm cho con chấp nhận ba pháp. Cho nên cả hai đến chỗ Thế Tôn. Nay xin hỏi Thế Tôn, Tu-đà-hoàn thành tựu bao nhiêu pháp?”

Bấy giờ, Sa-đà họ Thích từ chỗ ngồi đứng lên lễ Phật, và chấp tay bạch Phật:

³² Thích thị Sa-đà 釋氏沙陀. Pāli: sakko godhā.

“Thế Tôn, nếu có những pháp tương tự như vậy xảy ra, mà một bên là Thế Tôn, một bên là Tỳ-kheo Tăng, con sẽ theo Thế Tôn, không theo Tỳ-kheo Tăng. Hoặc có những tương tự như vậy xảy ra, mà một bên là Thế Tôn, một bên là chúng Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, hoặc trời, hoặc Ma, Phạm, hoặc sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, người thế gian, con cũng chỉ theo Thế Tôn, không theo các chúng khác.”

Bấy giờ, Thế Tôn nói với Ma-ha-nam:

“Theo Ma-ha-nam, Sa-đà họ Thích lý luận như vậy, còn người thì thế nào?”

Ma-ha-nam bạch Phật:

“Thế Tôn, Sa-đà họ Thích lý luận như vậy, con còn biết nói sao đây, mà con chỉ còn nói tốt, nói chân thật thôi.”

Phật nói với Ma-ha-nam:

“Cho nên phải biết Tu-đà-hoàn thành tựu bốn pháp: là đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng có tín thanh tịnh bất hoại và thành tựu Thánh giới, và nên thọ trì như vậy.”

Ma-ha-nam họ Thích sau khi nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ rồi lui.

KINH 1317. BÁCH THỦ³³

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ những người họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ tụ tập tại nhà cúng dường bàn luận, hỏi:

“Ma-ha-nam, thế nào là lời thọ ký tối hậu? Bách Thủ họ Thích³⁴ mệnh chung, Thế Tôn thọ ký người này đắc Tu-đà-hoàn, không rơi vào pháp đường dữ, nhất định hưởng thẳng Chánh giác, còn bảy lần qua lại trời, người, cứu cánh thoát khổ. Nhưng Bách Thủ họ Thích phạm giới uống rượu mà Thế Tôn lại thọ ký người này đắc Tu-đà-hoàn... *cho đến* cứu cánh thoát khổ. Nay Ma-ha-nam, Ông nên đến hỏi Phật rồi như những gì Phật dạy, chúng ta sẽ vâng theo.”

³³ Đại chánh, kinh 936. Pāli, S. 55.24 Sarakāni. Cf. No 100 (160).

³⁴ Bách Thủ Thích thị 百手釋氏. Pāli: Sarakāni (Saraṇāni). Đọc theo Hán: Satakara hay Satakarī.

Khi ấy Ma-ha-nam đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật [240a] rằng:

“Thế Tôn, chúng con, những người họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ tụ tập tại nhà cúng dường bàn luận như vậy: ‘Ma-ha-nam, thế nào là lời nói thọ ký tối hậu? Trong đó Bách Thủ họ Thích mệnh chung, Thế Tôn thọ ký đắc quả Tu-đà-hoàn... *cho đến* cứu cánh thoát khổ. Nay Ông nên đến hỏi lại Thế Tôn, như những gì Thế Tôn dạy chúng ta sẽ vâng theo.’ Bây giờ con xin hỏi Phật, cúi xin giải thích cho.”

Phật nói với Ma-ha-nam:

“Thánh đệ tử nói: ‘Đại Sư Thiện Thệ! Đại Sư Thiện Thệ!’ Miệng nói Thiện Thệ mà tâm chánh niệm, chánh kiến, tất nhiên thâm nhập Thiện Thệ. Thánh đệ tử nói: ‘Chánh pháp luật! Chánh Pháp Luật!’ Miệng nói Chánh Pháp Luật, mà phát tâm chánh niệm, chánh kiến, tất nhiên thâm nhập Chánh Pháp. Thánh đệ tử nói: ‘Thiện hướng Tăng! Thiện hướng Tăng!’ Miệng nói Thiện hướng, mà phát tâm chánh niệm, chánh kiến thì tất nhiên nhập Thiện hướng. Như vậy, này Ma-ha-nam, Thánh đệ tử đối với Phật một lòng tịnh tín, đối với Pháp, Tăng một lòng tịnh tín, đối với pháp có lợi trí, xuất trí, quyết định trí, tám giải thoát thành tựu, thân tác chứng, bằng trí tuệ mà thấy hữu lậu đã đoạn, đã biến tri. Như vậy, Thánh đệ tử không hướng vào địa ngục, nga quỷ, súc sanh, chẳng đọa đường dữ, nói là A-la-hán Câu giải thoát.³⁵

“Lại nữa, Ma-ha-nam, Thánh đệ tử tuyệt đối có tín tâm thanh tịnh đối với Phật... *cho đến* trí tuệ quyết định, không đạt được bát giải thoát, thân tác chứng, thành tựu an trụ, nhưng vị ấy thấy, biết hữu lậu đã đoạn. Đó gọi là Thánh đệ tử không đọa vào đường dữ,... *cho đến* tuệ giải thoát.

“Lại nữa, Ma-ha-nam, Thánh đệ tử tuyệt đối có tín tâm thanh tịnh đối với Phật... *cho đến* trí tuệ quyết định, tuy đã được tám giải thoát, thân tác chứng, an trụ có đủ, nhưng không thấy hữu lậu đoạn. Đó gọi là Thánh đệ tử không đọa vào đường dữ,... *cho đến* Thân chứng.

“Lại nữa, Ma-ha-nam, Thánh đệ tử tuyệt đối có tín tâm thanh tịnh đối với Phật... *cho đến* trí tuệ quyết định, không được tám giải thoát, thân tác chứng, thành tựu an trụ, nhưng thấy biết như thật đối với Chánh

³⁵ A-la-hán câu giải thoát 阿羅漢俱解脫, hay câu phần giải thoát; A-la-hán chứng diệt tận định. Bản Pāli không có chi tiết này.

Pháp Luật. Đó gọi là Thánh đệ tử không đọa vào đường dữ,... *cho đến* Kiến đạo.

“Lại nữa, Ma-ha-nam, Thánh đệ tử tuyệt đối có tín tâm thanh tịnh đối với Phật... *cho đến* đến trí tuệ quyết định, tuy có thấy biết như thật đối Chánh Pháp Luật, nhưng chẳng được Kiến đạo. Đó gọi là Thánh đệ tử không đọa vào đường dữ,... *cho đến* Tín giải thoát.

“Lại nữa, Ma-ha-nam, Thánh đệ tử tin vào ngôn thuyết thanh tịnh của Phật,³⁶ tin vào ngôn thuyết thanh tịnh của Pháp, của Tăng, đối với năm pháp làm tăng trưởng trí tuệ, quán sát kỹ lưỡng, lãnh thọ [240b], đó là tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ. Đó gọi là Thánh đệ tử không đọa vào đường dữ,... *cho đến* Tùy pháp hành.

“Lại nữa, Ma-ha-nam, Thánh đệ tử tin nơi ngôn thuyết thanh tịnh của Phật, tin nơi ngôn thuyết thanh của Pháp, của Tăng,... *cho đến* năm pháp, ít trí tuệ, quán sát kỹ lưỡng, lãnh thọ; đó là tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ. Đó gọi là Thánh đệ tử không đọa vào đường dữ,... *cho đến* Tùy tín hành.

“Ma-ha-nam, cây kiên cố³⁷ này mà có thể hiểu nghĩa của những gì Ta đã nói thì thật không có việc này. Nếu nó có thể hiểu thì Ta cũng thọ ký, huông chi Bách Thủ hộ Thích mà Ta không thọ ký đắc Tu-đà-hoàn.

“Này Ma-ha-nam, Bách Thủ hộ Thích lúc sắp chết, nhờ thọ trì tịnh giới, bỏ uống rượu nên sau khi mạng chung Ta ký thuyết ông đắc Tu-đà-hoàn,... *cho đến* cứu cánh thoát khổ.”

Ma-ha-nam hộ Thích nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ rồi lui.

³⁶ Nhưng vị này chưa thành tựu bốn chứng tịnh.

³⁷ Kiên cố thọ 堅固樹, chỉ cây ni-câu-luật (loại); Pāli: *nigrodha*.

45. TƯƠNG ƯNG VÔ THỦY¹

KINH 1318. HUYẾT²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại giảng đường Trùng các, bên ao Di hầu, nước Tỳ-xá-ly. Bảy giờ có bốn mươi Tỳ-kheo³ ở làng Ba-lê-gia,⁴ tất cả đều tu hạnh a-lan-nhã với y phần tảo và đi khát thực,⁵ còn ở địa vị hữu học, chưa ly dục. Họ cùng đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên.

Bảy giờ, Thế Tôn nghĩ thầm: ‘Bốn mươi Tỳ-kheo này đang ở làng Ba-lê-gia, đều tu hạnh a-lan-nhã với y phần tảo và đi khát thực, còn ở địa vị hữu học, chưa ly dục. Hôm nay Ta nên thuyết pháp cho họ để ngay đời này họ chẳng khởi các lậu, tâm được giải thoát.’ Thế Tôn nói với bốn mươi Tỳ-kheo ở làng Ba-lê-gia:

“Chúng sanh vô thủy sinh tử, bị vô minh che lấp, ái buộc cổ, mãi mãi xoay vần sinh tử, chẳng biết biên tế nguyên thủy của khổ.⁶

“Này các Tỳ-kheo, các người nghĩ thế nào? Nước sông Hằng cuộn cuộn chảy vào biển lớn, trong khoảng ấy nước sông Hằng nhiều? Hay là, các người từ trước đến nay bị xoay vần trong sinh tử, thân thể bị phá hoại, máu tuôn chảy nhiều?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Theo chúng con hiểu ý nghĩa của lời Phật nói, chúng con đã trôi lăn trong sinh tử quá lâu, thân chúng con bị phá hoại, máu chảy [240c] rất nhiều, nhiều gấp trăm ngàn vạn lần nước sông Hằng.”

¹ Tương ưng vô thủy, gồm các kinh Đại chánh, kinh số 937-956, phần sau quyển 33 và một phần đầu quyển 34. Ấn Thuận *Hội biên*, “45. Tương ưng Vô thủy”. Tương đương Pāli, S. 15. Anamataggasamyutta.

² Đại chánh, kinh 937. Pāli, S. 15.13. *Tiṃsamattā*.

³ S. 15. 13: *tiṃsamttā bhikkhū*, chỉ có 30 tỳ-kheo.

⁴ Ba-lê-da tụ lạc 波梨耶聚落. Pāli: Pāveyyakā.

⁵ A-luyện-nhã, phần tảo y, khát thực 阿練若行, 糞掃衣, 乞食, hành trì 3 trong 12 hạnh đầu đà: chỉ sống trong rừng, chỉ khoác y phần tảo, và chỉ khát thực (không nhận lời mời). Pāli: *araññakā paṃsukūlikā piṇḍapātikā*.

⁶ Pāli: *anamataggoyaṃ saṃsāro, pubbā koṭi na paññāyati*, sự luân chuyển này là vô thủy, không biết được giới hạn tối sơ của nó.

Phật nói với các Tỳ-kheo:

“Hãy bỏ qua nước sông Hằng. Cho đến, nước trong bốn biển lớn là nhiều, hay là các người trôi lăn trong sinh tử, thân xác bị phá hoại, máu tuôn chảy là nhiều?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Như chúng con hiểu ý nghĩa của lời Thế Tôn nói, chúng con đã trôi lăn trong sinh tử, thân bị phá hoại, máu tuôn chảy rất nhiều, nhiều hơn cả nước bốn biển lớn.”

Phật nói với các Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Các người mãi luân chuyển sinh tử, máu trong thân thể tuôn chảy rất nhiều, hơn cả nước sông Hằng và nước bốn biển lớn. Vì sao? Vì các người đã từng sinh trong loài voi, hoặc bị cắt tai, mũi, đầu, đuôi, bốn chân, máu huyết vô lượng. Hoặc mang thân ngựa, thân lạc đà, thân trâu, chó, thân các loài cầm thú bị cắt đứt tai, mũi, đầu, chân, toàn thân, máu tuôn chảy vô lượng. Các người đã từng bị giặc cướp, bị người sát hại, cắt đứt đầu, chân, tai, mũi, toàn thân bị phân ly, máu tuôn chảy vô lượng. Các người đã từng chịu thân hoại mệnh chung bỏ trong nghĩa địa, máu huyết tanh nồng, tuôn chảy số lượng không lường. Hoặc đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, rồi thân hoại mệnh chung, máu huyết tuôn chảy cũng vô lượng.”

Phật nói với các Tỳ-kheo:

“Sắc là thường hay vô thường?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, vô thường.”

Phật nói với các Tỳ-kheo:

“Vô thường là khổ chăng?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Là khổ.”

Phật nói với:

“Nếu vô thường, khổ, là pháp biến dịch, Thánh đệ tử có thể ở trong ấy thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn. không.”

Đôi với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế.

Phật nói với:

“Những gì là sắc hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần, tất cả đều chẳng phải ngã, chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau, biết như thật như vậy. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Thánh đệ tử quán sát như thế đối với sắc sinh chán lia, đối thọ, tưởng, hành, thức sinh chán lia, đã chán lia nên chẳng ưa thích, vì chẳng ưa thích nên giải thoát, giải thoát tri kiến, tự biết rằng ‘Sự sinh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn thọ thân sau.’”

Phật nói pháp này, bốn mươi Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1319. LỆ⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng cây Kỳ-đà trong vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh từ vô thủy sinh tử cho đến nay, cứ mãi xoay vần, không biết được biên tế nguyên thủy của khổ.

“Các Tỳ-kheo, ý các người nghĩ thế nào? Nước sông Hằng... nước trong bốn biển lớn là nhiều hay là nước mắt của các người tuôn ra trong vòng sinh tử luân hồi là nhiều?”

Các Tỳ-kheo [241a] bạch Phật:

“Như chúng con hiểu ý nghĩa của lời Phật nói, nước mắt của chúng con tuôn rơi trong vòng sinh tử luân hồi rất nhiều, nhiều hơn cả nước sông Hằng và nước bốn biển lớn.”

Phật nói với các Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Nước mắt của các người tuôn rơi trong vòng sinh tử luân hồi rất nhiều, chứ không phải nước sông Hằng và nước bốn biển. Vì sao? Vì các người đã từng bị mất cha mẹ, anh em, chị em, thân thuộc, người quen; bị mất mát tiền của, nước mắt tuôn rơi cho những sự mất mát đó rất nhiều vô lượng. Các người cứ mãi bị ném ra nghĩa địa, máu tanh chảy ra, rồi sinh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

⁷ Đại chánh, kinh 938. Nước mắt. Pāli. S. 15.3 Assu.

“Này các Tỳ-kheo, các người từ vô thủy sinh tử luân hồi, máu và nước mắt trong thân rất nhiều, nhiều vô lượng.

“Này các Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường?”

các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, vô thường.

“Nếu vô thường thì đó là khổ chăng?”

“Bạch Thế Tôn! Khổ.

“Nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch, đa văn Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như thế.

“Này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử biết như thế, thấy như thế... đối với sắc giải thoát, đối với thọ, tưởng, hành, thức, giải thoát, giải thoát sinh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1320. MÃU NHỮ⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh từ vô thủy sinh tử, bị vô minh che lấp, ái trói cổ, cứ mãi luân chuyển, chẳng biết biên tế của khổ.”

Phật nói với các Tỳ-kheo:

“Các Tỳ-kheo, ý các người nghĩ thế nào? Nước sông Hằng và nước trong bốn biển lớn là nhiều hay là sữa mẹ mà các người uống mãi trong luân chuyển sinh tử là nhiều?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Như chúng con hiểu ý nghĩa lời Phật nói, sữa mẹ mà chúng con đã uống trong vòng sinh tử còn nhiều hơn nước sông Hằng và nước bốn biển lớn.”

⁸ Đại chánh, kinh 939. Sữa mẹ. Pāli, S. 15.4 Khīraṃ.

Phật nói với các Tỳ-kheo:

“Lành thay! lành thay! Sữa mẹ mà các người đã uống trong vòng sinh tử còn nhiều hơn nước sông Hằng và nước bốn biển lớn. Vì sao? Các người đã từng hoặc sinh trong loài voi, uống sữa mẹ vô lượng, vô số; hoặc sinh làm lạc đà, ngựa, trâu, lừa v.v... các loài cầm thú uống sữa mẹ vô lượng vô số. Các người đã từng bỏ thân nơi [241b] gò mả, máu mủ cũng tuôn chảy vô lượng; hoặc đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, máu tủy tuôn chảy cũng như vậy.

“Này các Tỳ-kheo, các người sanh tử từ vô thủy đến nay, chẳng biết biên tế của khổ.

“Này các Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường?”

“Bạch Thế Tôn, vô thường.”

“... Thánh đệ tử đối với năm thọ ẩm quán sát chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở, đối với tất cả pháp thế gian không có gì để chấp thủ. Do không thủ nên không dính mắc; việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau.”

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.⁹

KINH 1321. THẢO MỘC¹⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh tử vô thủy sinh tử luân chuyển mãi, mà không biết biên tế tối sơ của khổ. Các Tỳ-kheo, y các người thế nào? Tất cả mọi loại cỏ cây trên mặt đất này, nếu xé ra làm thẻ bằng bốn ngón tay dùng để đếm cha mẹ của các người đã trải qua sinh tử luân hồi, số thẻ tre đã hết, nhưng số cha mẹ các người vẫn còn không hết.

“Này các Tỳ-kheo, từ vô thủy sinh tử luân chuyển mãi như vậy, mà không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên, các Tỳ-kheo, nên học như vậy: ‘Hãy siêng năng tinh tấn, đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.’”

⁹ Bản Hán, hết quyển 33.

¹⁰ Đại chánh, quyển 34, kinh 940. Tương đương Pāli, S. 15. 1. Tīṇakattṭham. Hán, No 100(336).

Phật nói kinh này xong, các Tỳ kheo nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1322. THỔ HOÀN LIỆP¹¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Chúng sanh từ vô thủy sinh tử luân chuyển mãi, mà không biết biên tế tối sơ của khổ. Thế nào, các Tỳ kheo, nếu đem hết bùn đất nơi đại địa này vo lại thành viên như trái bà-la¹² để đếm cha mẹ của các người đã trải qua sinh tử luân hồi, số viên đất đã hết, nhưng số cha mẹ các người vẫn còn không hết.

“Này các Tỳ kheo, từ vô thủy sinh tử luân chuyển mãi như vậy, mà không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên, các Tỳ kheo, hãy học như vậy: ‘Hãy siêng năng tinh tấn, đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ kheo nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1323. AN LẠC¹³

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Chúng sanh từ vô thủy sinh tử luân chuyển mãi, mà không biết biên tế tối sơ của khổ. Các Tỳ kheo, các người thấy các chúng sanh hưởng thụ khoái lạc an ổn, nên nghĩ rằng: ‘Chúng ta lâu dài ở trong sanh tử luân hồi, cũng đã từng hưởng thụ khoái lạc kia, thú vui kia vô lượng.’

“Này các Tỳ kheo, từ vô thủy sinh tử luân chuyển mãi như vậy, mà không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên, các Tỳ kheo, hãy học như vậy: ‘Hãy siêng năng tinh tấn, đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.’”

¹¹ Đại chánh, kinh 941. Hòn đất. Pāli: 15.2 Pathavī. Hán: No100(336).

¹² Bà-la quả 婆羅果. No 100(336): “như hạt đậu.” Pāli: *kollāthimatta*, như hạt quả táo.

¹³ Đại chánh, kinh 942. Pāli: S.15.12. Sukhitaṃ. Hán, No 100(335).

Phật nói kinh này xong, các Tỳ kheo nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1324. KHỔ NÃO¹⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Chúng sanh từ vô thủy sinh tử luân chuyển mãi, mà không biết biên tế tối sơ của khổ. Các Tỳ kheo, nếu thấy các chúng sinh chịu các khổ não, nên nghĩ rằng: ‘Ta từ vô thủy sinh tử luân hồi mãi cho đến nay, cũng đã từng chịu khổ như vậy, đến số vô lượng.’”

“Này các Tỳ kheo, từ vô thủy sinh tử luân chuyển mãi như vậy, mà không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên, các Tỳ kheo, hãy học như vậy: ‘Hãy siêng năng tinh tấn, đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ kheo nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành

KINH 1325. KHỦNG BỐ¹⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Chúng sanh từ vô thủy sinh tử luân chuyển mãi, mà không biết biên tế tối sơ của khổ. Này các Tỳ kheo, các người thấy các chúng sinh mà sanh lòng sợ hãi, dựng đứng chân lông; nên nghĩ rằng: ‘Quá khú chúng ta chắc chắn đã từng sát sinh, đã từng làm tổn thương, đã từng làm hại, đã từng làm ác tri thức, lâu dài ở trong sanh tử luân hồi vô thủy, không biết biên tế tối sơ của khổ.’”

“Các Tỳ kheo, hãy học như vậy: hãy đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ kheo nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

¹⁴ Đại chánh, kinh 943. Pāli: S.15,11. Duggatam. Hán Biệt dịch, No 100(336).

¹⁵ Đại chánh, kinh 944. Pāli: tham chiếu các kinh trên. Hán, No 100(337).

KINH 1326. ÁI NIỆM¹⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Chúng sanh từ vô thi sinh tử luân chuyển mãi, mà không biết biên tế tối sơ của khổ. Các Tỳ kheo, nếu thấy chúng sinh mà [342a] khởi ái niệm hoan hỷ, nên nghĩ rằng: ‘Chúng sanh như vậy, trong đời quá khứ chắc chắn đã từng là cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, thầy bạn, tri thức của chúng ta, cứ mãi lâu dài luân chuyển sinh tử như vậy, không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên, các Tỳ kheo, hãy học như vậy: ‘Hãy nỗ lực tinh cần, đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ kheo nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành

KINH 1327. HẰNG HẰG¹⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Bà-la-môn đi đến chỗ Phật, cung kính thăm hỏi. Sau khi chào hỏi xong, ông ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, đời vị lai sẽ có bao nhiêu đức Phật?”

Phật nói với Bà-la-môn:

“Phật đời vị lai có vô lượng như số cát sông Hằng.”

Bấy giờ, Bà-la-môn nghĩ rằng:

“Các đấng Chánh đẳng Chánh giác đời vị lai sẽ có vô lượng như số cát sông Hằng, ta sẽ theo các Ngài tu phạm hạnh.”

Bà-la-môn sau khi đã nghe những gì đức Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. Trên đường về, Bà-la-môn vừa đi vừa nghĩ: “Hôm nay ta chỉ hỏi Sa-môn Cù-đàm về chư Phật đời vị lai chứ chưa hỏi chư Phật quá khứ.” Ông liền trở lại, hỏi Thế Tôn:

“Thế nào, thưa Cù-đàm, đời quá khứ có bao nhiêu đức Phật?”

Phật nói với Bà-la-môn:

“Phật đời quá khứ cũng có vô lượng như số cát sông Hằng.”

¹⁶ Đại chánh, kinh 945. Pāli: 15. 14-19. Mātā, v.v. Hán, No 100(338).

¹⁷ Pāli: S.15.8. *Gaṅgā*. Hán, N0 100(339).

Lúc ấy Bà-la-môn liền nghĩ: “Chư Phật Thế Tôn trong đời quá khứ cũng có vô lượng như số cát sông Hằng, mà ta chưa từng thân cận. Giả sử vô lượng các đấng Chánh đẳng Chánh giác trong đời vị lai như số cát sông Hằng, ta rồi cũng sẽ không thân cận vui vậy. Trong hiện tại, ta nên ở chỗ Sa-môn Cù-đàm tu hành phạm hạnh.” Nhân đó, ông chấp tay bạch Phật:

“Nguyện xin Thế Tôn cho phép con xuất gia tu phạm hạnh trong Chánh Pháp Luật.”

Phật nói với Bà-la-môn:

“Chấp thuận cho ông xuất gia tu phạm hạnh, được làm Tỳ kheo trong Chánh Pháp Luật.”

Bấy giờ, Bà-la-môn liền được xuất gia thọ cụ túc. Sau khi xuất gia, một mình ở nơi thanh vắng tư duy về mục đích mà thiện gia nam tử chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà,... *cho đến* đắc A-la-hán.

KINH 1328. LỤY CỐT¹⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở núi Tì-phú-la, thành Vương Xá.¹⁹ Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Một người,²⁰ sinh tử luân hồi [342b] trong một kiếp, mà xương trắng chông chát nếu không bị mục nát, sẽ như núi Tì-phú-la. Thánh đệ tử biết như thật Thánh đế Khổ này, biết như thật về sự tập khởi của Khổ này, biết như thật về sự diệt tận của Khổ này, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt Khổ này, sau khi vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, đoạn trừ ba kết: thân kiến, giới thủ, và nghi. Đoạn trừ được ba kết này, đắc Tu-đà-hoàn, không rơi vào pháp đường dữ, quyết định hướng thẳng Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại trời người, cứu cánh thoát khổ.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Một người, trong một kiếp,
Chông chát xương cốt khô,*

¹⁸ Đại chánh, kinh 947. Đồng xương nọ. Pāli: S.15.10 Puggala (con người). Hán, No 100(340), 101(11), 150A(30).

¹⁹ Núi Tì-phú-la 毘富羅山. Pāli: Veppulla-pabbata.

²⁰ Pāli: *ekapuggalassa*, đối với một con người.

*Đề lâu không mục nát,
Như núi Tì-phú-la.*

*Nếu các Thánh đệ tử,
Chánh trí thấy chân đế;
Khổ cùng nguyên nhân khổ,
Lìa khổ được tịch diệt.*

*Tu tập tám Chánh đạo,
Hướng thẳng đến Niết-bàn;
Chỉ còn trải bảy lần ,
Qua lại sanh trời người.
Sạch hết tất cả kết,
Giải thoát bờ mé khổ.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1329. THÀNH TRÌ²¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Chúng sinh từ vô thủy sinh tử, mãi luân chuyển, không biết biên tế tối sơ của khổ.”

Bấy giờ, có một Tỳ kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trích áo vai phải, đánh lễ đức Phật, quỳ gối sát đất, chấp tay bạch Phật:

“Thế Tôn, kiếp dài lâu như thế nào?”

Phật nói với Tỳ kheo:

“Ta có thể vì người mà nói, nhưng người khó mà biết được!”

Tỳ kheo bạch Phật:

“Ngài có thể nói thí dụ không?”

Phật nói với:

“Có thể được. Đây Tỳ kheo, thí như thành trì bằng sắt, vuông vức một do tuần, từ trên xuống dưới cũng như vậy, bên trong chứa đầy hạt cải. Cứ một trăm năm, có người lấy đi một hạt cải. Số hạt cải kia có thể

²¹ Đại chánh, kinh 948. *Quốc dịch* phẩm 2. Pāli: S.15. 6. Sāsapā. Hán, No 100(341), No 125(52.3).

hết, nhưng kiếp vẫn còn chưa hết. Cũng vậy, Tỳ kheo, kiếp kia dài lâu như vậy. Kiếp dài cả trăm, nghìn, vạn, ức, khổ lớn nối tiếp nhau, mà xương trắng chất thành gò, máu mủ chảy thành sông, trong các đường dữ địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Tỳ kheo, đó gọi là từ vô thủy sinh tử mãi luân hồi, không biết biên tế của khổ. Cho nên, Tỳ kheo, hãy học như vậy: ‘Đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1330. NÚI²²

[342c]Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Chúng sinh từ vô thủy sinh tử, mãi luân chuyển, không biết biên tế tối sơ của khổ.”

Bấy giờ, có một Tỳ kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trích áo vai phải, đánh lễ đức Phật, quỳ gối sát đất, chắp tay bạch Phật:

“Thế Tôn, kiếp dài lâu như thế nào?”

Phật nói với Tỳ kheo:

“Ta có thể vì người mà nói, nhưng người khó biết được!”

Tỳ kheo bạch Phật:

“Thế Tôn có thể nói thí dụ không?”

Phật nói với:

“Có thể được. Nay Tỳ kheo, thí như núi đá lớn không bị vỡ, không bị lở sụt, vuông vức một do tuần. Nếu có người nào dùng mảnh lụa ca-thi kiếp-bối,²³ cứ một trăm năm phủi qua một lần; phủi không ngừng nghỉ. Núi đá mòn hết, nhưng kiếp vẫn còn chưa hết. Nay Tỳ kheo, kiếp kia dài lâu như vậy, cả đến trăm, nghìn, vạn, ức kiếp chịu các khổ não... *cho đến* các Tỳ kheo, hãy học như vậy: ‘Đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

²² Pāli: S.15.5. *Pabbata*. Hán, No 100(342).

²³ Ca-thi kiếp-bối 迦尸劫貝. Pāli: *Kāsika vattha*, vải sản xuất ở nước Kāsi.

KIMH 1331. QUÁ KHỨ²⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Chúng sinh từ vô thủy sinh tử, mãi luân hồi, không biết nguồn gốc khổ.”

Lúc ấy, có một Tỳ kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trích áo vai phải, đánh lễ đức Phật, quỳ gối sát đất, chấp tay bạch Phật:

“Thế Tôn, auá khứ có bao nhiêu kiếp?”

Phật nói với Tỳ kheo:

“Ta có thể vì ngươi mà nói, nhưng ngươi khó mà biết được!”

Tỳ kheo bạch Phật:

“Thế Tôn có thể nói thí dụ không?”

Phật nói với:

“Có thể được. Nay Tỳ kheo, thí như có người sống tới trăm tuổi. Buổi sáng nhớ lại ba trăm nghìn kiếp. Buổi trưa nhớ lại ba trăm nghìn kiếp. Buổi chiều nhớ lại ba trăm nghìn kiếp. Ngày nào cũng nhớ nghĩ đến số kiếp như vậy, cho đến trăm tuổi mạng chung, cũng không thể nhớ được biên tế của số kiếp. Tỳ kheo, nên biết, vô lượng số kiếp quá khứ như vậy. Vô lượng số kiếp quá khứ, lâu dài chịu khổ, xương chất thành núi, máu mủ chảy thành sông, trong các đường dữ địa ngục, súc sanh, ngã quỷ. Cũng vậy, Tỳ kheo, từ vô thủy sinh tử mãi luân hồi, không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên Tỳ kheo, hãy học như vậy: ‘Đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1332. VÔ HỮU NHẤT XỨ²⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

²⁴ Pāli, S.15.7. Sāvaka (các đệ tử). Cf. No 100(343).

²⁵ Đại chánh, kinh 951. Không có một chỗ nào. Hán biêt dịch, No 100(344). Pāli, không thấy tương đương.

“Chúng sinh từ vô thí sinh tử, mãi luân hồi, không biết biên tế tối sơ của khổ. Không có một nơi nào mà không sinh không chết. Như vậy, từ vô thí sinh tử mãi mãi không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên, Tỳ kheo, hãy học như vậy: ‘Đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1333. VÔ BÁT NHÁT XỨ²⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Chúng sinh từ vô thí sinh tử, mãi luân hồi, không biết biên tế tối sơ của khổ. Không có một nơi nào mà không có cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, thân thích, sư trưởng. Cũng vậy, Tỳ kheo, từ vô thí sinh tử mãi mãi luân hồi không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên, Tỳ kheo, hãy học như vậy: ‘Đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành

KINH 1334. BONG BÓNG NƯỚC MƯA²⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Chúng sinh từ vô thí sinh tử, mãi luân hồi, không biết biên tế sơ của khổ. Thí như trời mưa lớn, bong bóng nước chọt sanh chọt diệt. Cũng vậy, chúng sinh bị vô minh che lấp, ái cột cổ mình, từ vô thí sinh tử, nên sự sinh, sự chết mãi mãi luân hồi, không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên, Tỳ kheo, hãy học như vậy: ‘Đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.’”

²⁶ Đại chánh, kinh 952. Không một nơi nào mà không. Pāli, S.15.14-19. Mātā, v.v. Cf. No 100(345)

²⁷ Pāli, tham chiếu, S.22.95. Phenam (bong bong), S. 48.50. Saddha (tín). Cf. No 100(346).

Phật nói kinh này xong, các Tỳ kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành

KINH 1335. CƠN MƯA TRÚT²⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Chúng sinh từ vô thủy sinh tử, mãi luân hồi, không biết biên tế tối sơ của khổ. Thí như trời mưa lớn tầm tã khắp nơi, cả Đông, Tây, Nam, Bắc không nơi nào là không mưa. Cũng vậy, phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, vô lượng quốc độ qua kiếp thành, kiếp hoại, giống như cơn mưa lớn, giọt mưa khắp nơi trong thiên hạ, không nơi nào là không mưa. Cũng vậy, từ vô thủy sinh tử luân hồi mãi mãi, không biết biên tế tối sơ của khổ.

“Thí như ném gậy lên không trung, hoặc đầu rơi xuống đất, hoặc là đuôi rơi xuống đất, hoặc quăng gựa rơi xuống đất. Cũng vậy, [243b] từ vô thủy sinh tử luân hồi mãi mãi, hoặc đọa vào địa ngục, hoặc đọa vào súc sanh, hoặc đọa vào ngạ quỷ. Sinh tử vô thủy như vậy, luân chuyển mãi mãi. Cho nên Tỳ kheo, hãy học như vậy: ‘Đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1336. NGŨ TIẾT LUÂN²⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Chúng sinh từ vô thủy sinh tử, luân hồi mãi mãi, không biết biên tế tối sơ của khổ. Nay Tỳ kheo, thí như, có người lăn bánh xe năm tiết; bánh xe luôn luôn quay lăn không nghỉ. Cũng vậy, chúng sinh lăn bánh xe vào năm đường, hoặc rơi vào đường địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, cùng đường trời người, luôn luôn cũng quay lăn không dừng. Cũng vậy, vô

²⁸ Đại chánh, kinh 953. Quốc dịch gồm hai kinh: 1344. Đại vũ hồng chú 大雨洪澍; 1315. Trịch trượng 擲杖 (ném gậy). Pāli, S.15.9. Daḍḍa (cây gậy).

²⁹ Đại chánh, kinh 955. Bánh xe 5 tiết (căm). Pāli, không thấy tương đương. Biệt dịch, No 99(432), No 100(349).

thử sinh tử luân hồi mãi mãi, không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên Tỳ kheo, hãy học như vậy: ‘Đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1337. TÌ-PHÚ-LA³⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở bên núi Tì-phú-la, tại thành Vương Xá. Bấy giờ Thế tôn nói với các Tỳ kheo:

“Tất cả hành vô thường, tất cả hành không hằng hữu, không an định, là pháp biến dịch. Các Tỳ kheo, đối tất cả hành hãy sinh yếm ly, cầu an lạc giải thoát.

“Các Tỳ kheo, vào thời quá khứ núi Tì-phú-la này gọi là núi Trường Trúc.³¹ Chỗ dân chúng ở chung quanh núi gọi là ấp Đê-di-la.³² Người ấp Đê-di-la sống bốn vạn tuổi. Người ấp Đê-di-la lên đỉnh núi này, bốn ngày mới trở về. Đương thời có Phật Ca-la-ca-tôn-đê³³ Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng chánh giác, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sỹ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật, Thế Tôn, xuất hiện thế gian, thuyết pháp giáo hóa; pháp ấy, khoảng đầu, khoảng giữa, sau cùng đều thiện, nghĩa thiện, vị thiện, thuần đầy thanh tịnh, phạm hạnh thanh bạch, mở bày hiển thị. Hiện tại tên núi Trường Trúc cũng mất, dân chúng ấp Đê-di-la cũng không còn, đức Phật Như Lai kia cũng đã vào Bát-niết-bàn. Tỳ kheo, nên biết, tất cả các hành đều vô thường, không hằng hữu, không an định, là pháp biến dịch, đối tất cả hành, hãy tu tập yếm ly, ly dục, giải thoát.

“Các Tỳ kheo, vào thời quá khứ, núi Tì-phú-la này gọi là Bằng-ca.³⁴ Lúc ấy chỗ người dân cư trú chung quanh núi gọi là ấp A-tì-ca³⁵. Tuổi thọ người dân lúc ấy là ba vạn tuổi. Người A-tì-ca lên đỉnh [243c] núi này trong vòng ba ngày mới trở về lại. Đương thời có Phật Câu-na-

³⁰ Đại chánh, kinh 956. Pli, S. 15.20. Vepullapbbatam. Biệt dịch, No 100(350).

³¹ Trường Trúc 長竹山. Pāli: Pācīnavamsa (đông trúc).

³² Đê-di-la ấp 低彌羅邑. Pāli: Tivara.

³³ Ca-la-ca-tôn-đê 迦羅迦孫提: Phật Câu-lưu-tôn. Pāli: Kakusandho.

³⁴ Bằng-ca 朋迦. Pāli: Vaṅkaka.

³⁵ A-tì-ca 阿毘迦. Pāli: Rohitassa (ngựa đỏ). xem [cht. 37](#) dưới.

hàm Mâu-ni Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng chánh giác, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sỹ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật, Thế Tôn, xuất hiện ở đời, diễn nói kinh pháp, khoảng đầu, khoảng giữa, chận sau đều thiện, nghĩa thiện, vị thiện, thuần đầy thanh tịnh, phạm hạnh thanh bạch, mở bày, hiển thị. Các tỳ kheo, tên núi Bằng-ca kia đã mất từ lâu. Dân ấp A-tì-ca từ lâu cũng không còn. Phật Thế tôn kia cũng vào Bát-niết-bàn. Như vậy, Tỳ kheo, tất cả các hành đều vô thường, không hằng hữu, không an định, là pháp biến dịch. Tỳ kheo các người, hãy tu tập yếm ly, cầu vui giải thoát.

“Các Tỳ kheo, vào thời quá khứ, núi Tì-phú-la này tên là Tú-ba-la-thủ.³⁶ Chỗ nhân dân cư ngụ quanh núi gọi là ấp Xích mã.³⁷ Tuổi thọ người dân là hai vạn tuổi. Người dân ở đây lên đỉnh núi này trong vòng hai ngày mới về lại được. Đương thời có Phật Ca-diếp Như Lai, Ứng Cúng.... *cho đến* xuất hiện ở đời, diễn nói kinh pháp, khoảng đầu, khoảng giữa, khoảng sau đều thiện; nghĩa thiện, vị thiện, thuần đầy thanh tịnh, phạm hạnh thanh bạch, mở bày, hiển thị. Tỳ kheo, nên biết, tên núi Ba-la-thủ đã mất từ lâu. dân ấp Xích Mã từ lâu cũng không còn. Phật Thế tôn kia cũng vào Bát-niết-bàn. Như vậy, Tỳ kheo, tất cả các hành đều vô thường, không hằng hữu, không an định, là pháp biến dịch. Cho nên Tỳ kheo, hãy tu tập yếm ly, ly dục, giải thoát.

“Các Tỳ kheo, ngày nay núi này tên là Tì-phú-la. Chỗ có dân chúng cư ngụ chung quanh núi, gọi là nước Ma-kiết-đề. Tuổi thọ của những người dân này là trăm tuổi. Nếu khéo tự điều hòa thì có được trăm tuổi. Người Ma-kiết-đề lên đỉnh núi này chỉ trong chốc lát là trở về. Nay Ta ở nơi này được thành Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng chánh giác,... *cho đến* Phật, Thế Tôn, diễn nói chánh pháp, giáo hóa khiến được Niết-bàn tịch diệt, chánh đạo, thiện thế giác tri.

“Tỳ kheo, nên biết, tên núi Tì-phú-la này cũng sẽ tiêu ma, người Ma-kiết-đề cũng sẽ diệt vong. Chẳng còn bao lâu, Như Lai sẽ vào Bát-niết-bàn.

“Như vậy, Tỳ kheo, tTất cả các hành đều vô thường, không hằng hữu, không an định, là pháp biến dịch. Cho nên, Tỳ kheo, hãy tu tập yếm ly, ly dục, giải thoát.”

³⁶ Tú-ba-la-thủ 宿波羅首. Pāli: Supassa.

³⁷ Xích mã 赤馬. Pāli: Suppiya.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Thủa xưa núi Trường Trúc,
Tên ấp Đê-di-ca.*

[244a] *Tiếp là núi Bằng-ca,
Tụ lạc A-tỳ-la.*

*Núi Tú-ba-la-thủ,
Tên tụ lạc Xích mã.*

*Nay núi Tì-phú-la,
Tên nước Ma-kiệt-đà.*

*Tên núi đều hoại diệt,
Dân chúng cũng không còn.*

*Chư Phật Bát-niết-bàn,
Đã có gì cũng mất.*

*Tất cả hành vô thường,
Chúng là pháp sinh diệt.*

*Có sinh thì có diệt,
Chỉ tịch diệt là vui.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ
phụng hành.

46. TƯƠNG ƯNG BÀ-SA¹

KINH 1338. THÂN MẠNG²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bấy giờ có người xuất gia họ Bà-sa,³ đến chỗ Phật, chấp tay chào hỏi. Chào hỏi xong, ông ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm! C, con có điều muốn hỏi. Ngài có rảnh để trả lời cho không?”

Phật nói với Bà-sa xuất gia:

“Tùy những gì Ông hỏi, Ta sẽ vì Ông mà nói.”

Bà-sa xuất gia bạch Phật:

“Thế nào, thưa Cù-đàm, có phải mệnh tức là thân không?”

Phật nói với Bà-sa xuất gia:

“Mệnh tức là thân, điều này không xác định⁴.”

“Thế nào, thưa Cù-đàm, có phải là mệnh khác thân khác không?”

Phật nói với Bà-sa xuất gia:

“Mệnh khác thân khác, điều này cũng không xác định.”

Bà-sa xuất gia bạch Phật:

“Thế nào, thưa Cù-đàm, tôi hỏi ‘Mệnh tức thân?’ thì được trả lời, ‘Không xác định.’ Hỏi, ‘Mệnh khác thân khác?’ Cũng được trả lời: ‘Không xác định.’

“Sa-môn Cù-đàm, y theo những pháp gì⁵ mà khi đệ tử mệnh chung liền được xác định rằng: ‘Người này sinh chỗ kia. Người kia sinh chỗ

¹ Tương ưng Bà-sa, gồm các kinh Đại chánh, kinh 957-964 (giữa quyển 34). *Quốc dịch*, tụng viii. Như lai tụng, Tương ưng 6. Bà-sa chủng. Ấn Thuận *Hội biên*, tương ưng 46: Bà-sa xuất gia. Tương đương Pāli, một phần các kinh thuộc S. 33. Vacchagottasamyutta.

² Đại chánh, kinh 957. Pāli, tham chiếu S. 44.9. Kutūhalasālā (luận nghị đường). Biệt dịch, No 100(190).

³ Bà-sa chủng xuất gia 婆蹉種出家. Pāli: Vacchagottaparibbājaka, xuất gia ngoại đạo thuộc chủng tộc Vaccha.

⁴ Hán: vô ký 無記. Pāli: *avyākata*.

⁵ Bản Cao-ly: *hà đẳng kỳ* 何等奇. Bản Phật quang sửa lại: *hà đẳng pháp* 何等法.

nọ.’ Các đệ tử kia, khi ở nơi này mệnh chung xả thân, liền nương theo ý sinh thân,⁶ sinh vào nơi khác. Ngay lúc đó, chẳng phải là mệnh khác, thân khác sao?”

Phật nói với Bà-sa:

“Đây là nói về hữu dư, chứ không nói vô dư.”⁷

Bà-sa bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, thế nào là hữu dư, chứ không nói vô dư?”

Phật nói với Bà-sa:

“Thí như lửa, có hữu dư⁸ thì có thể cháy, chứ không phải không có hữu dư.”

Bà-sa bạch Phật:

“Tôi thấy có lửa không có hữu dư mà cũng cháy.”

Phật nói với Bà-sa:

“Ông thấy lửa thế nào không có hữu dư mà cũng cháy?”

Bà-sa bạch Phật:

“Thí như một đồng lửa lớn bị gió lốc thổi qua, làm lửa bốc lên không trung. Đó há không phải là lửa vô dư⁹ sao?”

Phật nói với Bà-sa:

“Lửa được gió thổi bốc lên tức là hữu dư, chứ chẳng phải vô dư.”

Bà-sa bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, lửa bay trong không, sao gọi là hữu dư?”

Phật nói với Bà-sa:

“Lửa bay [244b] trong không trung nương gió mà trụ, nương gió mà cháy. Vì nương vào gió nên nói là hữu dư¹⁰.”

⁶ Ý sinh thân 意生身, hay ý thành thân, Pāli: *manomaya-kāyā*, thân được tác thành bởi ý; một loại hóa sanh.

⁷ Hữu dư 有餘; Pāli: *upādiśa*, tàn dư của hữu y. Niết-bàn với sự tồn tại của ngũ uẩn chưa tan rã gọi là hữu dư y niết-bàn (*saupādiśesa-nibbāna*). Niết-bàn với sự xả bỏ hoàn toàn ngũ uẩn gọi là vô dư (y) niết-bàn (*anupādiśesa-nibbāna*).

⁸ Hữu dư, đây được hiểu là nhiên liệu.

⁹ Vô dư, đây chỉ lửa không nhiên liệu.

¹⁰ Hữu dư, *upādiśa*, đây được hiểu là sở y.

Bà-sa bạch Phật:

“Chúng sinh mạng chung ở nơi này, nương ý sinh thân, vãng sinh nơi khác, tại sao nói là hữu dư?”

Phật nói với Bà-sa:

“Chúng sinh mạng chung ở nơi này, nương ý sinh thân, sinh nơi khác. Ngay lúc ấy, nhân vì ái mà thủ, nhân vì ái mà trụ, nên nói là hữu dư¹¹.”

Bà-sa bạch Phật:

“Chúng sanh vì ái lạc nên hữu dư, vì nhiễm đắm nên hữu dư. Chỉ có Thế Tôn mới đạt vô dư này mà thành Đẳng Chánh Giác.

“Thưa Sa-môn Cù-đàm, thế gian nhiều duyên sự, xin phép được cáo từ!”

Phật nói với Bà-sa:

“Ông tự biết đúng lúc.”

Bà-sa xuất gia nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, ra về.

KINH 1339. MỤC-KIÊN-LIÊN¹²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiên-liên cũng ở nơi đây. Lúc ấy, có người xuất gia dòng họ Bà-sa, đến chỗ Tôn giả Đại Mục-kiên-liên, cùng Tôn giả gặp nhau, thăm hỏi khích lệ nhau, rồi ngồi xuống một bên, thưa Tôn giả Đại Mục-kiên-liên:

“Tôi có việc muốn hỏi. Tôn giả có rảnh thì giờ để trả lời cho không?”

Mục-kiên-liên đáp lời Bà-sa:

“Tùy những gì ông muốn hỏi, nếu biết tôi sẽ trả lời.”

Lúc ấy, Bà-sa xuất gia hỏi Tôn giả Mục-kiên-liên:

“Nhân gì, duyên gì mà các Sa-môn, Bà-la-môn khác, có người đến hỏi: ‘Thế nào, Như Lai sau khi chết có còn, không còn; Như Lai sau khi chết vừa có, vừa không; Như Lai sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không có?’ Họ đều tùy theo đó mà đáp. Còn Sa-môn Cù-

¹¹ Ở đây hữu dư đồng nghĩa với chấp thủ.

¹² Đại chánh, kinh 958. Pāli, S.44.7. Moggalāna (Āyatana). Biệt dịch, No 100(191).

đàm, nếu có người đến hỏi: ‘Nhu Lai sau khi chết có còn, không còn; Nhu Lai sau khi chết vừa có, vừa không; Nhu Lai sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không có?’ mà lại không xác định?”

Mục-kiền-liên nói với Bà-sa:

“Các Sa-môn, Bà-la-môn khác vì không biết như thật đối với sắc, sự tập khởi sắc, sự diệt tận sắc, vị ngọt của sắc, sự tai hại của sắc, sự xuất ly sắc, nên đối với việc Nhu Lai sau chết có còn, sanh ra chấp trước; hay sau khi chết Nhu Lai không còn, Nhu Lai sau khi chết vừa có, vừa không, Nhu Lai sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không có, ở đó sinh khởi chấp trước. Do không biết như thật đối với thọ, tưởng, hành, thức,... sự tập khởi của thức, sự diệt tận của thức, vị ngọt của thức, sự tai hại của thức, sự xuất ly thức. Vì không biết như thật nên đối với việc Nhu Lai sau khi chết có còn thì sanh ra chấp trước; sau khi chết không còn, sau khi chết vừa có vừa không, sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không có, sanh ra chấp trước. Còn Nhu Lai, biết như thật sắc, biết như thật sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, vị ngọt của sắc, sự tai hại của sắc, sự xuất ly sắc. Vì biết như thật nên đối với việc Nhu Lai [244c] sau khi chết có còn, không chấp trước; hay sau khi chết không còn, sau khi chết vừa có vừa không có, sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không có, không sanh chấp trước. Biết như thật đối với thọ, tưởng, hành, thức,... biết như thật đối với sự tập khởi của thức, sự diệt tận của thức, vị ngọt của thức, sự tai hại của thức, sự xuất ly thức. Vì biết như thật nên đối với việc Nhu Lai sau khi chết có còn, không đúng; hay sau khi chết không còn, sau khi chết vừa có vừa không có, sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không có, cũng không đúng. Vì Nhu Lai là sâu xa, rộng lớn, vô lượng, vô số, nhưng tất cả đều tịch diệt.

“Này Bà-sa, do nhân như vậy, duyên như vậy, các Sa-môn, Bà-la-môn khác khi có người đến hỏi: ‘Nhu Lai sau khi chết có còn, sau khi chết không còn, sau khi chết vừa có vừa không; sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không có,’ thì vì họ mà ký thuyết. Cũng vì nhân như vậy, duyên như vậy, đối Nhu Lai, nếu có người nào đến hỏi: ‘Nhu Lai sau khi chết có còn, sau khi chết không còn, sau khi chết vừa có vừa không có; sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không có,’ Phật không vì họ mà ký thuyết.”

Bà-sa xuất gia sau khi nghe những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

KINH 1340. KỶ TAI¹³

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở tại vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bấy giờ có người xuất gia dòng Bà-sa đến chỗ Phật, chấp tay thăm hỏi. Sau khi thăm hỏi xong, ông ngồi xuống một bên, bạch Phật rằng:

“Thưa Cù-đàm, nhân gì, duyên gì mà các Sa-môn, Bà-la-môn khác, nếu có người đến hỏi...” *Nói đầy đủ như trên.*

Bấy giờ, Bà-sa xuất gia vui vẻ nói rằng:

“Lạ thay! thưa Cù-đàm! Giữa Đại Sư và đệ tử, nghĩa đồng nghĩa, cú đồng cú, vị đồng vị, cho đến đồng đệ nhất nghĩa. Thưa Cù-đàm, hôm nay con có đến chỗ Đại Mục-kiền-liên, dùng nghĩa như vậy, cú như vậy, vị như vậy mà hỏi Tôn giả. Tôn giả cũng dùng nghĩa như vậy, cú như vậy, vị như vậy mà trả lời cho con, như những gì mà Cù-đàm nói hôm nay. Cho nên thưa Cù-đàm, thật là kỳ đặc, giữa Đại Sư và đệ tử, nghĩa đồng nghĩa, cú đồng cú, vị đồng vị, cho đến đồng đệ nhất nghĩa.”

Bấy giờ, Bà-sa xuất gia có nhân duyên đến tụ lạc Na-lê.¹⁴ Sau khi lo liệu mọi việc đã xong, ông đến chỗ Tôn giả Sần-đà Ca-chiên-diên,¹⁵ cùng nhau thăm hỏi. Sau khi thăm hỏi xong, ông ngồi xuống một bên, rồi hỏi Sần-đà Ca-chiên-diên:

“Nhân gì, duyên gì mà Sa-môn Cù-đàm, nếu có người đến hỏi: ‘Nhu Lai sau khi chết có còn, hay sau khi chết không còn; sau khi chết vừa có, vừa không có; sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không có,’ thì không vì họ mà ký thuyết?”

Sần-đà Ca-chiên-diên nói với Bà-sa xuất gia:

¹³ Đại chánh, kinh 959. *Quốc dịch* chia làm hai kinh: “Kỳ tai”, và “Tiên-na Ca-chiên-diên.” Ấn Thuận cũng chia làm hai. Pāli, S.44.11. Sabhiyo. Biệt dịch, No 100(192, 193).

¹⁴ tụ lạc Na-lê 那梨聚落. Pāli: Nātike Giṅjakāvasatte.

¹⁵ Sần-đà Ca-chiên-diên 說陀迦旃延. Pāli: Sabhiyo Kaccāno.

“Bây giờ tôi hỏi [245a] ông, cứ theo ý mà trả lời tôi. Ý ông thế nào? Hoặc nhân ấy, hoặc duyên ấy, mà các hành được quan niệm¹⁶ rằng: đây là sắc, đây là vô sắc, đây là tưởng, đây là phi tưởng, đây là phi tưởng phi phi tưởng. Hoặc nhân kia, duyên kia, hành kia, hành diệt không còn, vĩnh viễn diệt rồi, Như Lai đối với họ có ký thuyết rằng: ‘Sau khi chết có, hay sau khi chết không có; sau khi chết vừa có, vừa không; sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không có,’ không?”¹⁷

Bà-sa xuất gia trả lời Sần-đà Ca-chiên-diên:

“Hoặc nhân ấy, hoặc duyên ấy, mà các hành được thi thiết¹⁸ rằng: đây là sắc, đây là vô sắc, đây là tưởng, đây là phi tưởng, đây là phi tưởng phi phi tưởng. Hoặc nhân kia, duyên kia, hành kia, hành diệt không còn; thì làm sao Cù-đàm đối với họ mà ký thuyết: ‘Như Lai, sau khi chết có còn, sau khi chết không còn; sau khi chết vừa có, vừa không; sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không có.’?”

Sần-đà Ca-chiên-diên nói với Bà-sa xuất gia:

“Cho nên, vì nhân này, vì duyên này mà có người hỏi Như Lai: ‘Như Lai, sau khi chết có còn, sau khi chết không còn; sau khi chết vừa có, vừa không; sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không có,’ Như Lai không vì họ mà ký thuyết.”

Bà-sa xuất gia hỏi Tiên-đà Ca-chiên-diên:

“Ngài làm đệ tử Sa-môn Cù-đàm đã bao lâu rồi như vậy?”

Sần-đà Ca-chiên-diên đáp:

“Tôi xuất gia tu phạm hạnh trong Chánh Pháp Luật, mới hơn ba năm.”

Bà-sa xuất gia nói:

¹⁶ Bản Cao-ly: hành thân thi thiết. Bản Minh: chúng thi thiết chư hành . Ấn Thuận *Hội biên, Phật quang* và *Quốc dịch* đều sửa theo bản Minh. Tham chiếu Pāli: “Có nhân này, có duyên này, để tuyên bố (=thi thiết) rằng: đây là sắc, đây là vô sắc...”

¹⁷ Tham chiếu Pāli: so ca hetu, *so ca paccayo sabbena sabbaṃ sabbathā sabbaṃ aparisesaṃ nirujjheyya, kena naṃ paññāpanāya rūpī ti vā āupī ti vā...* “Nếu nhân ấy, duyên ấy hoàn toàn diệt tận, vĩnh viễn diệt tận, do cái gì mà nói (=thi thiết): đây là sắc, đây là vô sắc...”

¹⁸ Bản Cao-ly: hành thân thi . Bản Minh: chúng thi thiết chư hành . Ấn Thuận *Hội biên, Phật quang* và *Quốc dịch* đều sửa theo bản Minh. Tham chiếu Pāli: “Có nhân này, có duyên này, để tuyên bố (=thi thiết) rằng: đây là sắc, đây là vô sắc...”

“Sần-đà Ca-chiên-diên, nhanh thay, ngài đợc điều thiện lợi! Mới xuất gia chỉ một thời gian ngắn mà đã đạt đợc luật nghi về thân, miệng như vậy, và lại đợc trí tuệ biện tài như vậy.”

Bà-sa xuất gia sau khi nghe những gì Sần-đà Ca-chiên-diên nói, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

KINH 1341. KỶ ĐẶC¹⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở tại vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bảy giờ có xuất gia họ Bà-sa, đến chỗ Phật, chấp tay thăm hỏi. Sau khi thăm hỏi xong, ông ngồi xuống một bên, bạch Phật rằng:

“Thưa Cù-đàm! C, con có điều muốn hỏi. Ngài có rảnh giờ để giải đáp cho không?”

Phật nói với Bà-sa xuất gia:

“Tùy theo những gì ông muốn hỏi, Ta sẽ vì ông mà nói.”

Bà-sa xuất gia bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, do nhân gì, duyên gì, mà có người đến hỏi: ‘Nhu Lai, sau khi chết có còn, sau khi chết không còn, sau khi chết vừa có vừa không, sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không có,’ Ngài không vì họ ký thuyết?”

Phật nói với Bà-sa xuất gia:

“...” *Nhu những gì Sần-đà Ca-chiên-diên đã nói rộng ở trên,...* cho đến “sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không có.”

Bà-sa xuất gia bạch Phật:

“Lạ thay! thưa Cù-đàm! Giữa Đại Sư và đệ tử, nghĩa đồng nghĩa, cú đồng cú, **[245b]** vị đồng vị, cho đến đồng đệ nhất nghĩa. Thưa Cù-đàm, con có chút duyên sự đến tụ lạc Na-lị-già để lo liệu công việc đã xong, tạm ghé qua chỗ Sa-môn Ca-chiên-diên, đem nghĩa như vậy, cú như vậy, vị như vậy hỏi Sa-môn Ca-chiên-diên. Tôn giả cũng dùng nghĩa như vậy, cú như vậy, vị như vậy để trả lời những gì con hỏi, như những gì Sa-môn Cù-đàm nói hôm nay. Cho nên biết, thật là kỳ đặc! Giữa Thầy và đệ tử nghĩa cú vị cả hai đều đồng.”

¹⁹ Đại chánh, kinh 950. Pāli, S.44.8 Vaccho (Bhandham). Biệt dịch No 100 (194).

Bà-sa xuất gia sau khi nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

KINH 1342. HỮU NGÃ²⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở tại vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bấy giờ có xuất gia họ Bà-sa, đến chỗ Phật, chấp tay thăm hỏi. Sau khi thăm hỏi xong, ông ngồi xuống một bên, bạch Phật rằng:

“Thế nào, thưa Cù-đàm, có ngã không?”

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng không đáp. Ba lần hỏi như vậy, Thế Tôn cũng ba lần không đáp.

Lúc ấy, Bà-sa xuất gia thàm nghĩ: “Ta đã ba lần hỏi Sa-môn Cù-đàm, mà không thấy trả lời. Thôi, ta nên trở về.”

Lúc bấy giờ Tôn giả A-nan, đang cầm quạt đứng hầu sau Phật. Tôn giả A-nan liền bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Bà-sa xuất gia kia ba lần hỏi, vì sao Thế Tôn không đáp? Há không làm tăng ác tà kiến cho Bà-sa xuất gia kia, rằng Sa-môn không khả năng để giải đáp những gì được hỏi?”

Phật nói với A-nan:

“Nếu Ta đáp là có ngã, sẽ làm tăng tà kiến có từ trước của người kia. Nếu đáp rằng không ngã, mà trước kia người người ấy đã hoài nghi, nay há không tăng thêm nghi hoặc, rằng trước ta hiện hữu, mà từ nay sẽ đoạn diệt. Nếu từ trước đến nay, ta hiện hữu, đó là thường kiến; mà từ nay lại đoạn diệt, đó là đoạn kiến. Như Lai lìa hai bên, thuyết pháp ở giữa. Nghĩa là: ‘Cái này có, nên cái kia có; cái này khởi nên cái kia sinh. Đó là, duyên vô minh nên có hành... cho đến sinh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, não, khổ diệt.’”

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

²⁰ Đại chánh, kinh 961. Pāli, S.44.10. Ānando. Biệt dịch, No 100(195).

KINH 1343. KIẾN²¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở tại vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bấy giờ có xuất gia họ Bà-sa, đến chỗ Phật, cùng nhau thăm hỏi, thăm hỏi xong, ngồi xuống một bên, bạch Phật rằng:

“Thưa Cù-đàm, thế nào, Cù-đàm có thấy như vậy, có nói như vậy: Thế gian thường, đây là chân thật, ngoài ra là hư vọng?”

Phật nói với Bà-sa xuất gia:

“Ta không quan điểm như vậy, không nói như vậy: Thế gian thường, đó là chân thật, [245c] ngoài ra là hư vọng.”

“Thế nào, thưa Cù-đàm, có thấy như vậy, có nói như vậy: Thế gian vô thường; vừa thường, vừa vô thường; chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; có biên, không biên; vừa biên, vừa vô biên; chẳng phải biên, chẳng phải vô biên; mạng tức là thân; mạng khác, thân khác; Như Lai sau khi chết có còn, sau khi chết không còn; sau khi chết vừa có vừa không; sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không?”

Phật nói với Bà-sa xuất gia:

“Ta không thấy quan điểm như vậy, không nói như vậy:... *cho đến* sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không.”

Lúc ấy, Bà-sa xuất gia bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, những kiến giải này có những sai lầm nào, mà đối với tất cả những kiến giải này Ngài không ký thuyết?”

Phật nói với Bà-sa xuất gia:

“Nếu quan điểm như vậy: ‘Thế gian thường, đó là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng,’ thì đây là kiến giải điên đảo, là kiến giải do quán sát, là kiến giải động dao, là kiến giải cấu nhiễm, là kiến giải kết sử, là khổ, là ngại, là não, là nhiệt, bị kiến kết trói buộc; phạm phu ngu si không học ở đời vị lai sẽ chịu sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, não, khổ.

“Này Bà-sa xuất gia, nếu thấy quan điểm như vậy: ‘Thế gian vô thường; vừa thường, vừa vô thường; chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; có biên, không có biên; vừa biên, vừa vô biên; chẳng phải có biên, chẳng phải không biên; là mạng là thân; mạng khác thân

²¹ Đại chánh, kinh 962. Pāli, M. 72. Aggivacchagotta-suttanta. Biệt dịch, No 100(196).

khác; Như Lai, sau khi chết có còn, sau khi chết không còn; sau khi chết vừa có vừa không; sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không’, đó là đảo kiến, ... *cho đến* ưu, bi, não, khổ.”

Bà-sa xuất gia bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, sở kiến của Ngài thế nào?”

Phật nói với Bà-sa xuất gia:

“Như Lai đoạn trừ mọi sở kiến. Nay Bà-sa xuất gia, nhưng Như Lai thấy, là thấy rằng ‘Đây là Khổ Thánh đế; Đây là Khổ tập Thánh đế, sự diệt tận của Khổ diệt Thánh đế, Đây là Khổ diệt đạo Thánh đế.’ Sau khi biết như vậy, thấy như vậy rồi, đối với tất cả kiến, tất cả thọ, tất cả sinh, tất cả kiến chấp về ngã, ngã sở, ngã mạn kết sử, thấy đều khiến cho đoạn diệt, tịch tịnh, thanh lương, chơn thật. Đối với Tỳ kheo giải thoát tất cả như vậy, sinh không đúng, không sinh cũng không đúng.”

Bà-sa bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, vì sao nói, sinh không đúng?”

Phật nói với Bà-sa:

“Bây giờ, Ta hỏi ông, cứ tùy ý mà trả lời cho Ta. Nay Bà-sa, giống như có người đốt lửa ở trước ông. Ông có thấy lửa cháy không? Ngay đó dập tắt lửa ở trước ông, ông có thấy lửa tắt không?”

Bà-sa bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, tôi thấy như vậy.”

Phật nói với Bà-sa:

“Nếu có [246a] người hỏi ông, ‘Lửa vừa cháy đó, nay ở chỗ nào? Nó đi về phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Bắc?’ Nếu được hỏi như vậy, ông sẽ nói thế nào?”

Bà-sa bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, nếu có người nào đến hỏi như vậy, con sẽ trả lời như vậy: ‘Nếu có ai đốt lửa ở trước tôi, nhờ nhân duyên củi, cỏ, nên lửa cháy. Nếu không thêm củi, lửa tắt vĩnh viễn không sinh khởi trở lại được. Nói nó đi về phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, là không đúng.’”

Phật nói với Bà-sa:

“Ta cũng nói như vậy: ‘Sắc đã đoạn, đã biết; thọ, tưởng, hành, thức đã đoạn, đã biết. Đoạn tận gốc rễ của nó như chặt đứt ngọn cây đa-la không thể sinh lại được; đối với đời vị lai không thể sinh khởi trở lại nữa. Nếu bảo, nó đi đến phương Đông, phương Nam, Tây, Bắc, điều đó không đúng. Vì điều đó sâu xa, rộng lớn, vô lượng, vô số, vĩnh viễn tịch diệt.’”

Bà-sa bạch Phật:

“Con sẽ nói thí dụ.”

Phật nói với Bà-sa:

“Ông tự biết đúng lúc.”

Bà-sa bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, thí như gần thành thị hay làng xóm, có một vùng đất màu mỡ, mọc lên một khu rừng kiên cố²². Có một cây kiên cố to lớn. Nó sinh trưởng đã trải qua hàng nghìn năm. Lâu ngày, cành lá rơi rụng; vỏ cây khô mục; chỉ còn gốc cây đứng trơ trọi. Cũng vậy, thưa Cù-đàm, Pháp Luật của Như Lai lia bỏ những thứ cành nhánh cọng lá, chỉ còn trơ gốc không, đứng một mình như cây kiên cố.”

Bấy giờ, Bà-sa xuất gia nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

KINH 1344. VÔ TRI²³

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở tại vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bấy giờ có xuất gia họ Bà-sa, đến chỗ Phật, cùng Thế Tôn thăm hỏi. Sau khi chào hỏi khích lệ xong, ông ngồi xuống một bên, bạch Phật rằng:

“Thưa Cù-đàm, người kia do không biết cái gì mà quan điểm như vậy, nói như vậy: Thế gian thường, đây là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng. Thế gian vô thường; thế gian vừa thường vừa vô thường; thế gian chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; thế gian hữu biên; thế gian vô biên; thế gian vừa hữu biên vừa vô biên; thế gian chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên; mạng tức là thân; mạng khác, thân khác; Như Lai, sau khi chết có còn, sau khi chết không còn; sau khi chết vừa có, vừa không; sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không?”

²² Kiên cố thọ, tức cây ni-câu-loại, loại cây đa.

²³ Đại chánh, kinh 863. Pāli, S.33.1-5 Aññāṇa. Biệt dịch, No 100(197).

Phật nói với Bà-sa:

“Vì đối với sắc mà không biết, nên thấy như vậy, nói như vậy: Thế gian thường, đây là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng.... *cho đến* sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không. Vì đối với thọ, tưởng, hành, thức mà không biết nên thấy như vậy, nói như vậy: Thế gian thường, đây là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng.... *cho đến* sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không.”

Bà-sa bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, do biết pháp gì mà không quan điểm như vậy, không nói như vậy: Thế gian thường, đây là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng.... *cho đến cho đến* sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không?”

Phật nói với Bà-sa:

“Do biết sắc, nên không quan điểm như vậy, không nói như vậy: Thế gian thường, đây là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng.... *cho đến* sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không. Do biết thọ, tưởng, hành, thức, nên không quan điểm như vậy, không nói như vậy: Thế gian thường, đây là chân thật, [246b] ngoài ra đều là hư vọng.... *cho đến* sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không.”

Cũng như không biết, và biết, nên không thấy, và thấy như vậy. *Cũng vậy*, không nhận thức, có nhận thức; không đoạn, đoạn; không quán, quán; không sát, sát; không giác, giác.²⁴

Phật nói kinh này xong, Bà-sa xuất gia nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

KINH 1345. XUẤT GIA²⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở tại vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bảy giờ có xuất gia họ Bà-sa, đi đến chỗ Phật, cùng Thế Tôn thăm hỏi. Sau khi chào hỏi khích kệ xong, ông ngồi xuống một bên, bạch Phật rằng:

²⁴ Nghĩa là, như khinh trên, thay các từ “biết/không biết” bằng các từ tương ứng.

²⁵ Đại chánh, kinh 964. Pāli, M.73. MahāVacchagottasuttanta. Biệt dịch, No 100(198).

“Thưa Cù-đàm, con có điều muốn hỏi. Ngài có rảnh thì giờ giải đáp cho không?”

Bấy giờ Thế Tôn ngồi im lặng. Bà-sa xuất gia hỏi hai, ba lần, Phật cũng hai, ba lần ngồi im lặng. Lúc ấy, Bà-sa xuất gia bạch Phật:

“Con cùng Cù-đàm thầy đều tùy thuận nhau. Hôm nay con có điều muốn hỏi, sao Ngài lại im lặng?”

Bấy giờ, Thế Tôn nghĩ rằng: “Bà-sa xuất gia này lúc nào cũng chất trực, không đối trá. Những gì muốn hỏi hôm nay đều từ không biết, chứ không phải cố ý nhiều loạn. Ta nay, nên dùng A-tì-đàm, Luật để nạp thọ ông ta.” Nghĩ xong, Phật nói với Bà-sa xuất gia:

“Tùy những gì ông hỏi, Ta sẽ vì ông mà giải đáp.”

Bà-sa bạch Phật:

“Thế nào, thưa Cù-đàm, có pháp thiện, pháp bất thiện²⁶ không?”

Phật đáp:

“ Có.”

Bà-sa bạch Phật:

“Xin Ngài vì con mà nói về pháp thiện, pháp bất thiện, khiến cho con được hiểu.”

Phật nói với Bà-sa:

“Hôm nay, Ta sẽ vì ông mà nói lược về pháp thiện và pháp bất thiện. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ.

Này Bà-sa, tham dục là pháp bất thiện. Điều phục được tham dục, là pháp thiện. Sân nhuế, ngu si là pháp bất thiện. Điều phục được sân nhuế ngu si là pháp thiện. Sát sinh là pháp bất thiện. Lìa sát sinh, là pháp thiện. Trộm cắp, tà dâm, nói dối, hai lưỡi, ác khẩu, phù phiếm, tham nhuế, tà kiến là **[246c]** pháp bất thiện. Không trộm cắp... *cho đến* chánh kiến, đó là pháp thiện. Đó là, này Bà-sa, hôm nay Ta đã nói ba thứ pháp thiện, và ba thứ pháp bất thiện. Cũng vậy, khi Thánh đệ tử biết như thật ba thứ pháp thiện và ba thứ pháp bất thiện; biết như thật mười loại pháp thiện và mười loại pháp bất thiện, đối với tham dục được diệt tận không còn sót. Khi sân nhuế, ngu si, được diệt tận

²⁶ Bản Cao-ly không có “pháp bất thiện.” Ấn Thuận theo TNM thêm vào. M 73: *sādhū me bhavaṃ gotama saṃkhitena kusālakusaṃ desetu*, lành thay, mong tôn giả Gotama nói một cách tóm tắt cho tôi thiện và bất thiện.

không còn. tất cả pháp hữu lậu đều diệt tận, vô lậu tâm giải thoát, huệ giải thoát, ngay trong đời này tự biết tác chứng: Ta, sự sinh đã hết, Phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.”

Bà-sa bạch Phật:

“Có Tỳ kheo nào đối với Pháp Luật này đoạn tận hữu lậu, vô lậu tâm giải thoát,... *cho đến* không còn tái sinh đời sau nữa không?”

Phật nói với Bà-sa:

“Không những chỉ có một, hai, ba, mà cho đến năm trăm; có rất nhiều Tỳ kheo, ở trong Pháp Luật này đã dứt sạch các hữu lậu,... *cho đến* không tái sinh đời sau nữa.”

Bà-sa bạch Phật:

“Hãy bỏ qua Tỳ kheo. Có một Tỳ kheo ni nào ở trong Pháp Luật này mà dứt sạch các hữu lậu,... *cho đến* không tái sinh đời sau nữa không?”

Phật nói với Bà-sa:

“Không những một, hai, ba Tỳ kheo ni mà cho đến năm trăm, có rất nhiều Tỳ kheo ni, ở trong Pháp Luật này đã hết các hữu,... *cho đến* không tái sinh đời sau nữa.”

Bà-sa bạch Phật:

“Xin bỏ qua Tỳ kheo ni. Có một Ưu-bà-tắc nào tu các phạm hạnh, ở trong Pháp Luật này đã thoát khỏi hồ nghi không?”

Phật nói với Bà-sa:

“Không những chỉ có một, hai, ba, mà cho đến năm trăm Ưu-bà-tắc, cho đến có rất nhiều Ưu-bà-tắc, tu các phạm hạnh, ở trong Pháp Luật này, đã đoạn năm hạ phần kết, được thành A-na-hàm không tái sinh lại cõi này nữa.”

Bà-sa bạch Phật:

“Xin bỏ qua Ưu-bà-tắc. Có một Ưu-bà-di nào, ở trong Pháp Luật này tu các phạm hạnh; đối với Pháp Luật này đã thoát khỏi hồ nghi không?”

Phật nói với Bà-sa:

“Không những chỉ có một, hai, ba, mà cho đến năm trăm Ưu-bà-di, cho đến có rất nhiều Ưu-bà-di, ở trong Pháp Luật này, đã đoạn năm hạ phần kết, hóa sinh đấng A-na-hàm không tái sinh lại cõi này nữa.”²⁷

Bà-áa bạch Phật:

“Xin hãy bỏ qua Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di tu phạm hạnh. Có Ưu-bà-tắc nào hưởng thọ ngũ dục, mà ở trong Pháp Luật này thoát khỏi hồ nghi không?”

Phật nói với Bà-sa:

“Không những chỉ có một, hai, ba, mà cho đến năm trăm, cho đến có rất nhiều Ưu-bà-tắc, có gia đình vợ con, trang sức hương hoa, nuôi dưỡng nô tỳ, [347a] mà ở trong Pháp Luật này đã đoạn trừ ba kết; tham, nhuế, si đã mỏng, đấng Tu-đà-hàm, chỉ còn một lần qua lại, cứu cánh thoát khổ.”

Bà-sa bạch Phật:

“Xin bỏ qua Ưu-bà-tắc. Có một Ưu-bà-di nào hưởng thọ ngũ dục mà ở trong Pháp Luật này thoát khỏi hồ nghi không?”

Phật nói với Bà-sa:

“Không những một, hai, ba mà cho đến năm trăm, cho đến rất nhiều Ưu-bà-di ở tại gia, nuôi nấng con cái, hưởng thụ ngũ dục, trang điểm hoa thơm mà ở trong Pháp Luật này đã đoạn tận ba kết, đấng Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào pháp đường dữ, quyết định hướng thẳng Chánh giác, chỉ còn qua lại bảy lần sinh trong trời người, cứu cánh thoát khổ.”

Bà-sa bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, như Sa-môn Cù-đàm đã thành Đẳng Chánh Giác. Nếu Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di tu phạm hạnh; Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di hưởng thụ ngũ dục, mà không được công đức như vậy, không đầy đủ.²⁷ Nhưng vì Sa-môn Cù-đàm thành Đẳng Chánh Giác; Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di tu phạm hạnh, cùng Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di hưởng thụ ngũ dục, do thành tựu những công đức như vậy, nên đó là sự đầy đủ. Thưa Cù-đàm, bây giờ con sẽ nói thí dụ.”

Phật nói với Bà-sa:

“Ông cứ tùy ý mà nói.”

²⁷ Nghĩa là, pháp của Phật chưa hoàn hảo.

Bà-sa bạch Phật:

“Nhu trời mưa to, nước chảy xuống thành giòng. Pháp Luật của Cù-đàm lại cũng như vậy. Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, hoặc nam, hoặc nữ, tất cả đều theo giòng hướng đến Niết-bàn, chuyển đến Niết-bàn. Kỳ lạ thay! Phật, Pháp, Tăng, bình đẳng pháp và luật.²⁸ Nếu những xuất gia ngoại đạo khác đến chỗ Cù-đàm, ở trong Chánh Pháp Luật muốn cầu xuất gia thọ cụ túc thì phải mất bao nhiêu thời gian mới cho phép xuất gia?”

Phật nói với Bà-sa:

“Nếu những xuất gia ngoại đạo khác muốn cầu xuất gia thọ cụ túc ở trong Chánh Pháp Luật, phải qua bốn tháng ở bên Hòa thượng thọ y chỉ mà an trụ. Nhưng điều này chỉ vì người mà tạm bày ra giới hạn mà thôi²⁹.”

Bà-sa bạch Phật:

“Nếu những xuất gia ngoại đạo muốn đến cầu xuất gia thọ cụ túc ở trong Chánh Pháp Luật, được phép ở bên Hòa thượng nhận lãnh y chỉ, và nếu đủ bốn tháng thì cho phép xuất gia. Vậy, nay con có thể ở bên Hòa thượng bốn tháng thọ y chỉ. Nếu ở trong Chánh Pháp Luật mà được xuất gia thọ cụ túc, con sẽ xuất gia thọ cụ túc tu trì Phạm hạnh ở trong pháp Cù-đàm.”

Phật nói với Bà-sa:

“Trước đây Ta không nói là tạm vì người mà bày ra giới hạn sao?”

Bà-sa [347b] bạch Phật:

“Đúng vậy, thưa Cù-đàm!”

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Các người nên độ Bà-sa này xuất gia thọ cụ túc ở trong Chánh Pháp Luật.”

Xuất gia dòng họ Bà-sa liền được phép xuất gia thọ cụ túc thành Tỳ kheo ở trong Chánh Pháp Luật,... *cho đến* trong nửa tháng những gì cần học, cần biết, cần phân biệt, cần thấy, cần đắc, cần hiểu rõ, cần

²⁸ Hán dịch không rõ nghĩa. Trong bản Pāli, đoạn này là lời Vacchagotta xin Quy y Phật, Pháp, Tăng.

²⁹ Pāli: do sự sai biệt về tâm tính của mỗi người.

chứng, ông đều biết, đều phân biệt, đều thấy, đều đắc, đều hiểu rõ, đều chứng Chánh pháp của Như Lai.

Tôn giả Bà-sa tự nghĩ: “Nay ta đã học những gì cần biết, cần phân biệt, cần thấy, cần đắc, cần hiểu rõ, cần chứng, tất cả những điều đó ta đều biết, đều phân biệt, đều thấy, đều đắc, đều hiểu rõ, đều chứng. Bây giờ, ta nên đến gặp Thế Tôn.”

Ngay lúc ấy, Bà-sa đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi đứng sang một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn! N, những gì cần học con cần biết, cần phân biệt, cần thấy, cần đắc, cần hiểu rõ, cần chứng, con đều biết, đều phân biệt, đều thấy, đều đắc, đều hiểu rõ, đều chứng chánh pháp của Thế Tôn. Xin Thế Tôn vì con mà thuyết pháp, sau khi con nghe rồi, sẽ ở một mình nơi vắng vẻ chuyên tinh tư duy, sống không buông lung, tư duy về lý do người thiện nam cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo,... *cho đến* tự biết không còn tái sinh đối sau nữa.”

Phật nói với Bà-sa:

“Có hai pháp tu tập, tu tập thường xuyên, đó là chỉ và quán. Tu tập, tu tập nhiều hai pháp này, sẽ biết được quả báo của các giới, hiểu rõ các giới; biết các giới loại sai biệt, hiểu rõ các giới sai biệt. Tỳ kheo, như vậy muốn cầu ly dục, pháp ác bất thiện,... *cho đến* thành tựu, trụ đệ tứ thiên; an trụ từ, bi, hỷ xả, không vô biên xứ, thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ, phi tướng phi phi tướng xứ; khiến ba kết của ta diệt tận, đắc Tu-đà-hoàn; với ba kết đã tận diệt, tham, nhuế, si mỏng, đắc Tu-đà-hàm; với năm hạ phần kết đã diệt tận, đắc A-na-hàm; với các thứ cảnh giới thần thông, thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm trí, túc mạng trí, sinh tử trí, lậu tận trí, tất cả đều đạt được. Cho nên, Tỳ kheo, hãy tu hai pháp, tu tập, tu tập nhiều. Nhờ tu tập hai pháp, nên biết các thứ giới,... *cho đến* lậu tận.”

Tôn giả Bà-sa sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ làm lễ mà lui.

Bấy giờ, Tôn giả Bà-sa ở một mình nơi vắng vẻ chuyên tinh tư duy, sống không buông lung, ... *cho đến* tự biết không còn tái sinh đối sau nữa.

Lúc ấy có nhiều Tỳ kheo phượng tiện trang nghiêm muốn đến cung kính cúng dường Thế Tôn. Bấy giờ, Tôn giả Bà-sa hỏi [347c] các Tỳ kheo:

“Có phải các thầy phương tiện trang nghiêm muốn đến cung kính cúng dường Thế Tôn không?”

Các Tỳ kheo đáp:

“ Vâng.”

Bà-sa nói các Tỳ kheo:

“Tôn giả cho tôi gửi lời kính lễ thăm hỏi Thế Tôn: ‘Thế Tôn sống nhẹ nhàng, ít bệnh, ít nã, an lạc không?’ Và bạch: ‘Tỳ kheo Bà-sa bạch Thế Tôn rằng: Con đã cúng dường, phụng sự Thế Tôn đầy đủ, khiến Thế Tôn hài lòng, chứ không phải không hài lòng. Những gì mà đệ tử của Đại Sư cần làm, con đã làm xong. Đã cúng dường Đại Sư, khiến Thế Tôn hài lòng, chứ không phải không hài lòng.’”

Bấy giờ, các Tỳ kheo đến chỗ Phật đánh lễ sát chân, ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Tôn giả Bà-sa kính đê đầu kính lễ sát chân Thế Tôn,... *cho đến* hài lòng chứ không phải không hài lòng.”

Phật nói với các Tỳ kheo:

“Chư Thiên đã nói trước cho Ta rồi, nay các người lại nói. Như Lai đã thành tựu tri kiến đệ nhất, cũng như Tỳ kheo Bà-sa có đức lực như vậy.”

Bấy giờ Thế Tôn vì Tỳ kheo Bà-sa kia mà nói thọ ký bậc nhất.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

47. TƯƠNG ƯNG NGOẠI ĐẠO¹²⁴⁸

KINH 1346. UẤT-ĐÊ-CA¹²⁴⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bấy giờ có xuất gia ngoại đạo tên là Uất-đê-ca¹²⁵⁰ đi đến chỗ Phật, cùng Thế Tôn chào hỏi, an úy xong, ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, thế nào, Cù-đàm, thế gian hữu biên chăng?”

Phật nói với Uất-đê-ca:

“Điều này không xác định.”

Uất-đê-ca bạch Phật:

“Thế nào Cù-đàm, thế gian vô biên chăng? Vừa hữu biên vừa vô biên chăng? Chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên chăng?”

Phật nói với Uất-đê-ca:

“Điều này không xác định.”

Uất-đê-ca bạch Phật:

“Thế nào Cù-đàm, tôi hỏi, ‘Thế gian hữu biên chăng?’ Được trả lời, ‘Không xác định.’ Tôi hỏi, ‘Thế gian vô biên chăng? Thế gian vừa hữu biên vừa vô biên chăng? Chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên chăng?’ Được trả lời, ‘Không xác định.’ Thưa Cù-đàm, vậy những pháp nào có thể được xác định.”

Phật nói với Uất-đê-ca:

“Là bậc Tri giả, Trí giả, Ta vì các đệ tử mà xác định đạo, để cho chân chánh diệt tận khổ, rốt ráo biên tế khổ.”

Uất-đê-ca bạch Phật:

“Như thế nào Cù-đàm vì các đệ tử mà xác định đạo, để cho chân chánh diệt tận khổ, rốt ráo biên tế khổ. Tất cả thế gian, hay chỉ vì một phần ít, từ đạo này mà xuất?”

Bấy giờ Thế Tôn im lặng không đáp. Qua hai, ba lần hỏi, Phật cũng hai, ba lần im lặng không đáp.

Lúc ấy, Tôn gia A-nan đang cầm quạt đứng hầu sau Phật. Tôn giả nói với [348a] xuất gia ngoại đạo Uất-đê-ca:

“Ban đầu ông đã hỏi nghĩa này. Nay lại hỏi theo cách nói khác, cho nên Thế Tôn không ký thuyết. Nay Uất-đê-ca, nay tôi sẽ vì ông mà nói thí dụ. Phạm người trí mà nghe thí dụ thì sẽ hiểu. Ví như quốc vương có thành lũy bao quanh bốn bề kiên cố; đường giao thông bằng phẳng, và chỉ có một cửa. Người đứng giữ cửa lại là một người thông minh, sáng

¹²⁴⁸ Tương ưng ngoại đạo, gồm các kinh Đại chánh, kinh 965-079 (nửa sau quyển 34 và phần đầu quyển 35).

Hội biên, “47. Ngoại đạo Xuất gia tương ưng.”

¹²⁴⁹ Đại chánh, kinh 965. Pāli, A.10.95. Uttiya. Biệt dịch, No 100(199).

¹²⁵⁰ Uất-đê-ca 鬱低迦. Pāli: Uttiya.

suốt, thường khéo đoán xét. Bên ngoài có người đến, nếu người đáng vào thì cho phép vào; người không đáng vào thì không cho phép. Khấp chu vi vòng thành, muốn tìm cửa thứ hai cũng không thể được. Ngay đến lỗ ra vào của chó mèo cũng không, huống chi là cửa thứ hai! Người giữ cửa thành kia cũng không cần biết rõ người vào kẻ ra là ai, nhưng người này biết tất cả mọi người ra hay vào chỉ từ cửa này, chứ không phải nơi nào khác. Cũng vậy, Thế Tôn tuy không dụng tâm để biết rõ tất cả chúng sanh thế gian, hay chỉ một phần ít, từ con đường này xuất. Nhưng biết chúng sanh hết khổ, cứu cánh biên tế khổ, tất cả đều từ đạo này mà xuất.”

Sau khi xuất gia ngoại Uất-đê-ca nghe những gì Phật nói, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

KINH 1347. PHÚ-LÂN-NI¹²⁵¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bấy giờ có Tôn giả Phú-lân-ni,¹²⁵² ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành Vương Xá. Lúc ấy có các xuất gia ngoại đạo đi đến chỗ Tôn giả Phú-lân-ni, cùng nhau thăm hỏi khích lệ, rồi ngồi xuống một bên, hỏi Tôn giả Phú-lân-ni:

“Tôi nghe Sa-môn Cù-đàm chủ trương đoạn diệt, phá hoại sự hữu. Có truyền dạy như vậy chẳng? Nay xin hỏi Tôn giả Phú-lân-ni, có đúng như vậy không?”

Phú-lân-ni nói với các xuất gia ngoại đạo:

“Tôi không biết điều đó. Không có trường hợp Thế Tôn dạy chúng sinh đoạn diệt, phá hoại hữu, khiến trở thành vô sở hữu. Theo tôi hiểu như vậy: ‘Thế Tôn dạy có những chúng sanh chấp có ngã, ngã mạn, tà mạn. Thế Tôn đã dạy, khiến họ đoạn diệt những thứ đó.’”

Lúc ấy, các xuất gia ngoại đạo nghe những gì Tôn giả Phú-lân-ni nói, không hài lòng. Họ bèn chỉ trích, rồi ra về. Sau khi các ngoại đạo đi rồi, Tôn giả Phú-lân-ni đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân, ngồi xuống một bên, đem những điều các xuất gia ngoại đạo đã nói, bạch đầy đủ lên Thế Tôn:

“Bạch Thế Tôn, con đã đáp lại những điều ngoại đạo nói như vậy, là không mắc vào tội hủy báng Thế Tôn chẳng? Là nói đúng pháp, nói như những gì Phật dạy, nói như pháp, nói tùy thuận pháp, [348b] không bị các nhà luận nghĩa hiềm trách đó chẳng?”

Phật nói với Phú-lân-ni:

“Như những gì người đã nói, không hủy báng Như Lai, không mất thứ tự, như Ta ký thuyết; nói pháp như pháp, nói tùy thuận pháp, không bị các nhà luận nghị hiềm trách. Vì sao? Nay Phú-lân-ni, vì trước tiên, các chúng sanh đã có ngã mạn, tà mạn; tà mạn bức bách, tà mạn tập khởi, không hiện quán tà mạn,¹²⁵³ rồi loạn như ruột chó, như vòng móc

¹²⁵¹ Đại chánh, kinh 966. Pāli, A.10.83. Puṇṇiya. Skt. Pūrṇika (Pichel). Biệt dịch No 100(200).

¹²⁵² Phú-lân-ni 富鄰尼. Pāli: Puṇṇiya.

¹²⁵³ Nguyên Hán: tà mạn bất đẳng vô gián.

sắt, như cỏ rôi, qua lại rong ruổi đời này sang đời khác, đời khác sang đời này, rong ruổi tới lui không thể lìa xa.

“Này Phú-lân-ni, tất cả chúng sanh đối với tà mạn, nếu ai vĩnh viễn diệt tận không còn sót, tất cả những chúng sanh đó lúc nào cũng an ổn, khoái lạc.”

Phật nói kinh này xong, Tỳ kheo Phú-lân-ni nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1348. CÂU-CA-NA¹²⁵⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bấy giờ Tôn giả A-nan-đà sáng sớm đến bờ sông Thấp-bổ,¹²⁵⁵ cỡi y để bên bờ, xuống nước rửa tay chân, rồi trở lên bờkhóac một y, lau chùi thân thể. Lúc ấy cũng có xuất gia ngoại đạo tên Câu-ca-na¹²⁵⁶ đến bên sông. Tôn giả A-nan-đà nghe tiếng đi, liền ho đánh tiếng. Câu-ca-na xuất gia ngoại đạo nghe có tiếng người, nên hỏi:

“Ai đấy?”

Tôn giả A-nan-đà đáp:

“Sa-môn.”

Câu-ca-na xuất gia ngoại đạo nói:

“Sa-môn nào?”

Tôn giả A-nan-đà đáp:

“Sa-môn họ Thích.”

Câu-ca-na xuất gia ngoại đạo nói:

“Tôi có điều muốn hỏi. Tôn giả có rảnh giờ để giải đáp cho không?”

Tôn giả A-nan-đà đáp:

“Tùy ý cứ hỏi, nếu biết thì tôi sẽ đáp.”

Câu-ca-na hỏi:

“Thế nào A-nan-đà, Như Lai sau khi chết có còn chẳng?”

A-nan-đà đáp:

“Thế Tôn đã nói, điều này không xác định.”

Lại hỏi:

“Như Lai sau khi chết không còn chẳng? Sau khi chết vừa có vừa không chẳng? Chẳng phải có, chẳng phải không chẳng?”

A-nan-đà đáp:

“Thế Tôn đã noi, điều này không xác định.”

¹²⁵⁴ Đại chánh, kinh 967. āli, A.10.96. Kokanada. Biệt dịch, No 100(201).

¹²⁵⁵ Thấp-bổ 楊補河. Pāli: Tappodā.

¹²⁵⁶ Câu-ca-na 俱迦那. Pāli: Kokananda.

Ngoại đạo Câu-ca-na nói:

“Thế nào, thưa Tôn giả A-nan-đà, khi tôi hỏi, ‘N hư Lai sau khi chết còn chăng?’ Ngài đáp: ‘Không xác định.’ Khi tôi hỏi: ‘Sau khi chết không còn, sau khi chết vừa còn vừa không còn, sau khi chết chẳng phải còn, chẳng phải không còn chăng.’ Ngài đáp: ‘Không xác định.’ Thế nào, A-nan-đà, có phải vì không biết, không thấy chăng?”

A-nan-đà đáp:

“Chẳng phải không biết, chẳng phải không thấy, mà là biết tất cả, thấy tất cả.”

Lại hỏi Tôn giả A-nan-đà:

“Biết gì? Thấy gì?”

A-nan-đà đáp:

“Thấy chỗ có thể thấy, thấy chỗ sinh khởi, thấy chỗ đoạn tận triền phược. Đó là biết, [348c] đó là thấy. Ta biết như vậy, thấy như vậy, sao nói là không biết, không thấy?”

Câu-ca-na ngoại đạo lại hỏi:

“Tôn giả tên gì?”

Tôn giả A-nan-đà đáp:

“Tôi tên là A-nan-đà.”

Câu ca-na ngoại đạo nói:

“Lạ thay! Đệ tử của Đại Sư mà ta được cùng luận nghị. Nếu ta biết Tôn giả này là Tôn giả A-nan-đà thì tôi đã không dám mở lời hỏi.”

Nói những lời này xong, ông liền bỏ đi.

KINH 1349. CẤP CÔ ĐỘC¹²⁵⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ trưởng giả Cấp Cô Độc ngày nào cũng đến viếng thăm Thế Tôn, đánh lễ và phục vụ. Gia chủ tự nghĩ: ‘Ta đến quá sớm. Thế Tôn và các Tỳ kheo còn đang tọa thiền, tư duy. Thôi, ta nên đi qua trú xứ của các ngoại đạo.’ Gia chủ đi vào tinh xá ngoại đạo, cùng họ chào đón, thăm hỏi khách lễ, rồi ngồi xuống một bên. Lúc ấy ngoại đạo kia hỏi:

“Gia chủ, Ông thấy Sa-môn Cù-đàm thấy thế nào, thấy những gì?”

Gia chủ đáp:

“Tôi cũng không biết Thế Tôn thấy thế nào, và Thế Tôn thấy những gì.”

Các ngoại đạo nói:

“Ông hãy nói cái thấy của chúng Tăng. Chúng Tăng thấy như thế nào, chúng tăng thấy những gì?”¹²⁵⁸

Gia chủ đáp:

“Tôi cũng chẳng biết thế nào là cái thấy của chúng Tăng, chúng tăng thấy những gì.”

¹²⁵⁷ Đại chánh, kinh 968. Pāli, A.10.93. Dīṭṭhi. Skt. Dṛṣṭi (Pichel). Biệt dịch, No 100(202)

¹²⁵⁸ Pāli: kimdīṭṭhikā bhikkhū ti, “Các tỳ kheo có quan điểm gì?”

Ngoại đạo lại hỏi Gia chủ:

“Nay hãy nói cái thấy của chính Ông? Cái thấy của chính Ông là gì?”

Gia chủ đáp:

“Các Ông mỗi người hãy tự nói chỗ thấy của mình, rồi tôi sẽ nói chỗ thấy của tôi cũng không khó.”

Khi đó có một ngoại đạo nói như vậy:

“Gia chủ, tôi thấy tất cả thế gian là thường, đó là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng.”

Lại có người nói:

“Gia chủ, tôi thấy tất cả thế gian là vô thường, đó là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng.”

Lại có người nói:

“Gia chủ, thế gian vừa thường vừa vô thường, đó là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng.”

Lại có người nói:

“Thế gian phi thường phi vô thường, đó là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng.”

Lại có người nói:

“Thế gian hữu biên, đó là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng.”

Lại có người nói:

“Thế gian vô biên, đó là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng.”

Lại có người nói:

“Thế gian vừa hữu biên vừa vô biên.”

Lại có người nói:

“Thế gian chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên.”

Lại có người nói:

“Mạng tức là thân.”

Lại có người nói:

“Mạng khác thân khác.”

Lại có người nói:

“Như Lai sau khi chết là còn.”

Lại có người nói:

“Như Lai sau khi chết là không còn.”

Lại có người nói:

“Như Lai sau khi chết vừa có vừa không.”

Lại có người nói:

“Như Lai **[349a]** sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không, đó là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng.”

Các ngoại đạo nói với Gia chủ:

“Chúng tôi mỗi người đều trình bày sở kiến của mình, vậy Ông nên nói sở kiến của Ông.”

Gia chủ đáp:

“Sở kiến của tôi là, với những gì là tồn tại, là hữu vi, tư lương, duyên khởi.¹²⁵⁹ Nếu thật sự là pháp hữu vi do tư lương, duyên khởi thì chúng là vô thường; mà vô thường là khổ. Biết như vậy rồi, đối với tất cả sở kiến đều vô sở đắc. Như sở kiến của các ông cho thế gian là thường, đó là chơn thật, ngoài ra là hư vọng. Sở kiến này nếu là tồn tại, nó là hữu vi do tư lương duyên khởi. Nếu là tồn tại, hữu vi, do tư lương duyên khởi thì nó vô thường, mà vô thường là khổ. Cho nên các ông thân cận với cái khổ, chỉ chịu khổ, sống mãi trong khổ, chìm sâu vào trong khổ.

“Cũng vậy, các ông cho rằng: ‘Thế gian là vô thường, đó là chơn thật, ngoài ra đều là hư vọng.’ Chúng có lỗi như vậy. Hay: ‘Thế gian thường vô thường, phi thường, phi vô thường, thế gian hữu biên, thế gian vô biên, thế gian hữu biên vô biên, thế gian phi hữu biên phi vô biên; mạng tức là thân, mạng khác thân khác; Như Lai sau khi chết có, Như Lai sau khi chết không, Như Lai sau khi chết vừa có vừa không, Như Lai sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không, đó là chơn thật, ngoài ra đều là hư vọng.’ Đều nói như trên.”

Có một ngoại đạo nói với Gia chủ Cấp Cô Độc:

“Như những gì Ông đã nói: ‘Nếu có sở kiến gì, đó là tồn tại hữu vi do tư lương duyên khởi, đó là pháp vô thường.’ Nếu vô thường là khổ. Vậy sở kiến của Gia chủ cũng thân cận khổ, chịu khổ, sống khổ, vào sâu trong khổ.”

Gia chủ đáp:

“Trước kia tôi chẳng đã nói: ‘Sở kiến thật sự là pháp hữu vi, do tư lương duyên khởi, thay đều vô thường, mà vô thường là khổ. Khi đã biết khổ rồi, ta đối với sở kiến ấy vô sở đắc’ đó sao?”

Các ngoại đạo nói:

“Đúng như thế! Thưa Gia chủ!”

Bấy giờ Gia chủ Cấp Cô Độc sau khi ở nơi tịnh xá ngoại đạo khuất phục dị luận, kiến lập chánh luận, ở trong chúng ngoại đạo rống lên tiếng rống sư tử, ông đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân, ngồi xuống một bên, đem cuộc đàm luận với ngoại đạo thuật lại hết lên Thế Tôn.

Phật nói với Gia chủ Cấp Cô Độc:

“Lành thay! lành thay! Hãy nên tùy lúc hàng phục các ngoại đạo ngu si mà kiến lập chánh luận.”

Phật nói kinh này xong. Trưởng giả Cấp Cô Độc sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ đánh lễ mà lui.

¹²⁵⁹ Hán: chân thật hữu vi tư lương duyên khởi. Tham chiếu Pāli: *yam kiñci bhūtaṃ saṅkhatam cetayitam paticcasamuppānam..*, “Phàm cái gì là thật vật, được tạo thành bởi tâm tư, sinh khởi do duyên.” Lưu ý, từ Pāli bhūta, thật vật, cái tồn tại, trong bản Hán dịch là *chân thật*.

KINH 1350. TRƯỜNG TRẢO¹²⁶⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bấy giờ có tu sỹ ngoại đạo là Trường Trảo¹²⁶¹ đến chỗ Phật, cùng Thế Tôn chào hỏi an úy xong, ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, tôi không chấp nhận mọi sở kiến.”¹²⁶²

Phật nói với:

“Này Hỏa chủng,¹²⁶³ Ông nói không chấp nhận mọi sở kiến, vậy sở kiến này cũng chẳng chấp nhận luôn chăng?”

Trường Trảo ngoại đạo nói:

“Đã nói không chấp nhận mọi sở kiến thì cái sở kiến này cũng không chấp nhận.”

Phật nói với Hỏa Chủng:

“Biết như vậy, thấy như vậy thì sở kiến này đã đoạn, đã xả, đã lìa, các sở kiến khác không còn tương tục, không khởi, không sinh. Này Hỏa chủng, nhiều người có cùng sở kiến như Ông. Nhiều người cũng thấy như vậy, nói như vậy, Ông cùng với họ giống nhau. Này Hỏa chủng, nếu Sa-môn, bà-la-môn nào xả bỏ các kiến chấp kia, các kiến chấp khác không khởi, hàng Sa-môn, Bà-la-môn này rất ít có ở thế gian.

“Này Hỏa chủng, y cứ vào ba loại kiến. Những gì là ba? Có người thấy như vậy, nói như vậy: ‘Tôi chấp nhận tất cả.’ Lại có người thấy như vậy, nói như vậy: ‘Tôi không chấp nhận tất cả.’ Lại có người thấy như vậy, nói như vậy: ‘Tôi chấp nhận một phần, không chấp nhận một phần.’

“Này Hỏa Chủng, nếu chủ trương chấp nhận tất cả, kiến chấp này cùng sinh với tham, chẳng phải không tham; cùng sinh với nhuế, chẳng phải không nhuế; cùng sinh với si, chẳng phải không si; ràng buộc, chẳng lìa ràng buộc; phiền não, chẳng thanh tịnh; ái lạc, chấp thủ, nhiễm trước sinh. Hay nếu có kiến chấp như vậy: ‘Ta không chấp nhận tất cả’, kiến chấp này chẳng cùng sinh với tham, chẳng cùng sinh với nhuế, chẳng cùng sinh với si; thanh tịnh, không phiền não; lìa ràng buộc, chẳng ràng buộc; không ái lạc, không chấp thủ, không nhiễm trước sinh.

“Này Hỏa Chủng, hay nếu có kiến chấp như vậy: ‘Ta chấp nhận một phần, không chấp nhận một phần.’ Vậy nếu chấp nhận thì câu hữu với tham, ... *cho đến* sinh nhiễm trước; còn nếu không chấp nhận thì ly tham... *cho đến* không sinh nhiễm trước.

“Đa văn Thánh đệ tử kia hãy học: ‘Nếu ta thấy như vậy, nói như vậy: ‘Ta chấp nhận tất cả,’ thì sẽ bị hai hạng người chê trách và cất vấn. Những gì là hai? Là người không chấp

¹²⁶⁰ Đại chánh, kinh 969. Móng tay dài. Pāli, Dīghanakha-suttanta. Skt. Dīrghāṅkha (Pichel). Biệt dịch, No 100(203)

¹²⁶¹ Trường Trảo 長爪. Pāli: Dīghanakha, tu sỹ để móng tay dài.

¹²⁶² Nhất thiết kiến bất nhẫn 一切見不忍. Các bản TNM không có chữ *kiến*. Pāli: *sabbaṃ me na khamati*, “Tôi không công nhận tất cả.” Phát biểu của chủ nghĩa hoài nghi, không tin bất cứ điều gì.

¹²⁶³ Hỏa chủng 火種. Pāli: *Aggivessana*.

nhận tất cả, và người một phần chấp nhận, một phần không chấp nhận. Họ sẽ bị hai hạng người này chê trách. Vì bị chê trách nên bị cật vấn. Vì bị cật vấn nên bị hại. Kiến chấp kia vì bị chê trách, bị cật vấn, bị phá hại nên họ xả bỏ kiến chấp đó, còn những kiến chấp khác thì không còn sinh trở lại. Cũng vậy, đoạn kiến, xả kiến, ly kiến, các kiến khác, không còn tương tục, không khởi, không sinh.

“Đa văn Thánh đệ tử kia hãy học như vậy: ‘Nếu ta thấy như vậy, nói như vậy: ‘Tất cả không chấp nhận,’ thì sẽ bị hai hạng người chê trách và hai hạng người cật vấn. Những gì là hai? Là người chấp nhận tất cả, và người một phần chấp nhận, một phần không chấp nhận. Hai hạng người chê trách và cật vấn như vậy, ‘... *cho đến* không tương tục, không khởi, không sinh.’”

“Đa văn Thánh đệ tử kia hãy học như vậy: ‘Nếu ta thấy như vậy, nói như vậy: ‘Ta một phần chấp nhận, một phần không chấp nhận,’ thì sẽ bị hai hạng người chê trách, hai hạng người cật vấn. Những gì là hai? Là người chấp nhận tất cả, và không chấp nhận tất cả.’ Hai trường hợp bị trách như vậy, ‘... *cho đến* không tương tục, không khởi, không sinh.’”

“Lại nữa, Hỏa Chung, thân có sắc gồm bốn đại thô kệch như vậy, Thánh đệ tử nên quán vô thường, quán sinh diệt, quán ly dục, quán diệt tận, quán xả. Nếu Thánh đệ tử sống mà luôn quán vô thường, quán sinh diệt, quán ly dục, quán diệt tận, quán xả, sống đối thân kia sự tham dục thuộc về thân, sự nhớ tưởng về thân, cảm thọ về thân, sự nhiệm về thân, sự đắm trước về thân vĩnh viễn diệt trừ không còn.

“Này Hỏa Chung, có ba thứ cảm thọ. Đó là khổ thọ, lạc thọ, và không khổ không lạc thọ. Ba thứ cảm thọ này cần có nhân gì, tập gì, sinh gì, chuyển gì? Ba cảm thọ này cần có xúc là nhân, do xúc tập, xúc sinh, xúc chuyển. Mỗi mỗi xúc tập khởi, thọ tập khởi; mỗi mỗi xúc diệt tận, thọ diệt tận; vắng lặng, trong mát, vĩnh viễn hết sạch. Người kia đối với ba thọ này, biết rõ khổ, biết rõ lạc, biết rõ không khổ không lạc; biết như thật mỗi mỗi thọ hoặc tập khởi, hoặc diệt tận, hoặc vị ngọt, hoặc tai hại, hoặc xuất ly. Khi đã biết như thật rồi, đối những thọ ấy liền quán sát vô thường, quán sinh diệt, quán ly dục, quán diệt tận, quán xả bỏ. Người ấy ngay nơi toàn thân mình biết như thật các cảm thọ, nơi toàn phần sinh mạng mình biết như thật các cảm thọ. Nếu người ấy sau khi thân hoại, mạng chung, ngay lúc ấy các thọ hoàn toàn chấm dứt, không còn gì nữa. Bấy giờ, người ấy nghĩ rằng: ‘Lúc biết rõ cảm thọ lạc thì thân mình cũng hoại, lúc biết rõ cảm thọ khổ, thân mình cũng hoại, ngay lúc biết rõ cảm thọ chẳng lạc chẳng khổ, thân mình cũng hoại, thấy đều thoát khổ. Đối với cái cảm thọ lạc kia lia ràng buộc, chẳng ràng buộc; đối với cái cảm thọ khổ kia lia ràng buộc, chẳng ràng buộc; đối với cái cảm thọ chẳng lạc chẳng khổ kia, lia ràng buộc, chẳng bị ràng buộc. Lia ràng buộc gì? Lia tham dục, sân nhuế, ngu si; lia sinh, già, bệnh, chết, ưu, bi, não, khổ.’ Ta nói những điều này gọi là lia khổ.”

Vào lúc bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất vừa mới thọ giới cụ túc nửa tháng, Tôn giả đang cầm quạt đứng sau hậu Phật. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất tự nghĩ: ‘Thế Tôn đã khen ngợi nói, ở nơi pháp này, pháp kia mà đoạn dục, ly dục, diệt tận dục, xả dục.’ Tôn giả Xá-lợi-phất tức thì đối với từng pháp này quán sát vô thường, quán **[350a]** sinh diệt, quán ly dục, quán diệt tận, quán xả bỏ, không khởi các lậu, tâm được giải thoát.

Bấy giờ, xuất gia ngoại đạo Trường Trảo xa lia trần cẩu, đắc pháp nhãn tịnh. Ông thấy pháp, đắc pháp, giác ngộ pháp, thâm nhập pháp, thoát khỏi các nghi hoặc, không do người khác độ, vào trong Chánh Pháp Luật, được vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đánh lễ Phật, và chấp tay bạch Phật:

“Con xin được xuất gia thọ giới cụ túc ở trong chánh pháp luật, ở trong pháp tu các Phạm hạnh.”

Phật nói với xuất gia ngoại đạo Trường Trảo:

“Ông được xuất gia thọ cụ túc trở thành Tỳ kheo, ở trong Chánh Pháp Luật.”

Được xuất gia trở thành Thiện lai Tỳ kheo. Ông suy nghĩ lý do người thiện nam cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà... *cho đến* tâm thiện giải thoát đắc A-la-hán.

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Trường Trảo nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1351. XÁ-LA-BỘ¹²⁶⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bấy giờ có xuất gia ngoại đạo tên là Xá-la-bộ¹²⁶⁵ ở bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà,¹²⁶⁶ giữa đò chúng của mình, tự tuyên bố như vậy: “Pháp của Sa-môn họ Thích, ta biết hết. Trước đây ta đã biết Pháp Luật kia nhưng buông bỏ hết.”

Bấy giờ có nhiều Tỳ-kheo sáng sớm khoác y ôm bát vào thành Vương Xá khát thực, nghe ngoại đạo tên Xá-la-bộ ở bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà, giữa đò chúng mình tuyên bố như vậy: “Pháp của Sa-môn họ Thích, ta biết hết. Trước đây ta đã biết Pháp Luật kia nhưng buông bỏ hết.” Sau khi nghe những lời này, khát thực rồi họ trở về tinh xá, cắt y bát, rửa chân xong, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sáng nay chúng con khoác y, mang bát vào thành Vương Xá khát thực, [250b] nghe xuất gia ngoại đạo tên là Xá-la-bộ ở bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà, giữa đò chúng của mình tuyên bố như vậy: ‘Pháp của Sa-môn họ Thích, ta biết hết. Trước đây ta đã biết Pháp Luật kia nhưng buông bỏ hết.’ Lành thay! Cúi xin Thế Tôn vì thương xót Xá-la-bộ, mà đích thân đến bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà.”

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Vào buổi chiều sau khi từ thiên tịnh dậy, Phật đi đến chỗ Xá-la-bộ bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà. Xuất gia ngoại đạo Xá-la-bộ từ xa trông thấy Thế Tôn đến, lo sửa soạn chỗ ngồi, thỉnh Phật ngồi. Sau khi Thế Tôn an tọa, Ngài nói với Xá-la-bộ:

“Ông có thật nói như vậy: ‘Pháp của Sa-môn họ Thích, ta biết hết. Sau khi đã biết hết rồi,ta buông bỏ hết’ không?”

Lúc ấy, Xá-la-bộ im lặng không đáp.

¹²⁶⁴ Đại chánh, kinh 970. Pāli, A.3.64. Sarabha. Biệt dịch, No 100(204).

¹²⁶⁵ Xá-la-bộ 舍羅步. Pāli: Sarabha.

¹²⁶⁶ Tu-ma-kiệt-đà tri 須摩竭陀池. Cf. A.3.64: nguyên là Tỳ-kheo, xả giới theo ngoại đạo chưa bao lâu.

Phật bảo Xá-la-bộ:

“Ông hãy nói đi. Vì sao im lặng? Nếu sự hiểu biết của ông đầy đủ thì Ta sẽ tùy hỷ. Nếu sự hiểu biết của ông chưa đầy đủ, Ta sẽ giúp cho ông đầy đủ.”

Xá-la-bộ vẫn im lặng. Nói như vậy hai, ba lần, nhưng cả ba lần ông cũng vẫn giữ im lặng. Lúc ấy, Xá-la-bộ có một đệ tử phạm hạnh, bạch Xá-la-bộ rằng:

“Thưa Thầy, lý ra Thầy nên đi đến Sa-môn Cù-đàm trình bày tri kiến của mình. Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đã tự đến đây, vì sao Thầy không nói? Sa-môn Cù-đàm lại nói với Thầy: Nếu đầy đủ thì Ngài sẽ tùy hỷ; nếu không đầy đủ Ngài sẽ giúp cho đầy đủ. Vì sao Thầy im lặng mà không nói?”

Khi người đệ tử phạm hạnh khuyên, Ông vẫn lặng thinh. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Xá-la-bộ:

“Nếu có người nói: ‘Sa-môn Cù-đàm không phải là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác.’ Ta khéo can gián, khéo cật vấn. Khi được khéo can gián, khéo cật vấn, người kia nói lảng qua những việc khác; hoặc phẫn nộ, kiêu mạn, che dấu, phẫn hận, chống đối, không chấp nhận, không có cách gì tỏ bày; hoặc im lặng xấu hổ cúi đầu, âm thầm tự nghĩ, tự xét; như Xá-la-bộ hôm nay.

„Hoặc lại có người nói như vậy: ‘Sa-môn Cù-đàm không có¹²⁶⁷ Chánh Pháp Luật.’ Ta khéo can gián, khéo cật vấn. Người kia cũng ngồi im như Ông hôm nay.

“Hay lại có người nói: ‘Đệ tử¹²⁶⁸ của Sa-môn Cù-đàm không phải là bậc thiện hướng.¹²⁶⁹ Ta sẽ khéo can gián, khéo cật vấn. Người kia cũng ngồi im như Ông hôm nay.”

Bấy giờ, Thế Tôn ở bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà rống lên tiếng rống sư tử, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi. Lúc ấy, đệ tử phạm hạnh của Xá-la-bộ nói với Xá-la-bộ:

“Giống như trâu [250c] bị cắt đi hai cái sừng, nhốt vào trong chuồng trâu trống, nó quỳ xuống đất rống to. Thầy cũng như vậy, ở trong chúng không có đệ tử của Sa-môn Cù-đàm thì làm sư tử rống.

“Giống như người con gái muốn nói giọng đàn ông, nhưng khi phát ra tiếng, vẫn là tiếng đàn bà. Thầy cũng như vậy, ở trong chúng không có đệ tử của Sa-môn Cù-đàm thì làm sư tử rống.

“Giống như con dã can muốn kêu tiếng sư tử¹²⁷⁰, nhưng khi phát ra tiếng thì vẫn là tiếng dã can. Thầy cũng như vậy, lúc không có Sa-môn Cù-đàm thì Thầy ở giữa chúng đệ tử của mình muốn làm sư tử rống.”

Sau khi đệ tử phạm hạnh của Xá-la-bộ ở trước Xá-la-bộ nói ra những lời trách cứ, hủy báng rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

¹²⁶⁷ Bản Hán: *phi...vô ...*, phủ định kép. Dư chữ *vô*, lược bỏ.

¹²⁶⁸ Bản Hán: *thanh văn*.

¹²⁶⁹ Thiện hướng 善向, hay *chánh hành*, người đang hướng thẳng đến giải thoát.

¹²⁷⁰ Trong nguyên bản: hồ thanh 狐聲.

KINH 1352. THƯỢNG TỌA¹²⁷¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bấy giờ, bên bờ ao Tu-ma-kiệt-đà trong thành Vương Xá, có xuất gia ngoại đạo tên là Thượng Tọa¹²⁷² đang ở cạnh hồ này. Ông ở trong chúng của mình tuyên bố như vậy: “Tôi nói một bài kệ, nếu ai có thể đáp được, tôi sẽ theo vị ấy tu hành phạm hạnh.”

Sáng sớm hôm ấy, có nhiều Tỳ-kheo khoác y, ôm bát vào thành Vương Xá khát thực, nghe có xuất gia ngoại đạo tên là Thượng Tọa ở cạnh bờ ao Tu-ma-kiệt-đà; vị này ở trong chúng của mình tuyên bố như vậy: “Tôi nói một bài kệ, nếu ai có thể đáp được, tôi sẽ theo vị ấy tu hành phạm hạnh.” Các Tỳ-kheo khát thực xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong đến chỗ Phật, đánh lễ sát chn Phật, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sáng sớm các Tỳ-kheo chúng con vào thành khát thực, nghe xuất gia ngoại đạo tên là Thượng Tọa ở cạnh bờ ao Tu-ma-kiệt-đà, giữa đồ chúng của mình tuyên bố như vậy: ‘Tôi nói một bài kệ, nếu ai đáp được, tôi sẽ theo vị ấy tu hành phạm hạnh.’ Cúi xin Thế Tôn vì thương xót nên đích thân đến ông ấy.”

Thế Tôn im lặng nhận lời. Buổi chiều hôm đó sau khi từ thiền tịnh dậy, Phật đi đến bờ ao Tu-ma-kiệt-đà. Khi xuất gia ngoại đạo Thượng Tọa từ xa trông thấy Thế Tôn, liền trái chỗ ngồi, thỉnh Phật an tọa. Thế Tôn ngồi xong, nói với xuất gia ngoại đạo Thượng Tọa rằng:

“Có thật ông đã nói những lời như vậy: ‘Tôi nói một bài kệ, nếu ai đáp được, tôi sẽ theo vị ấy tu hành phạm hạnh’ chăng? Bây giờ ông hãy nói kệ, Ta có thể đáp lại.”

Lúc ấy, ngoại đạo kia chất giường giây¹²⁷³ lên thành chỗ ngồi cao, tự mình lên đó ngồi, và nói kệ:

[251a] *Tỳ-kheo sống đúng pháp,
Không khùng bố chúng sanh,
Ý lặng, hành xả ly,
Trì giới thuận đình chỉ.*

Bấy giờ, Thế Tôn biết rõ tâm ngoại đạo Thượng Tọa này, Ngài liền nói kệ:

*Nếu Ông tự hành theo
Những gì kệ ông nói;
Đối với ông, Ta sẽ
Xem như người hiền thiện.
Xét những gì ông nói,
Nói, làm không tương ưng.
Người giữ gìn tịnh giới:
Tĩnh lặng, tự điều phục;
Chớ khùng bố chúng sanh;*

¹²⁷¹ Đại chánh, kinh 971. Biệt dịch, No 100(205).

¹²⁷² Thượng Tọa 名上坐. Skt. *Parivrājaka-Sthavira*.

¹²⁷³ Hán: *thằng sàng* 繩床.

*Ý tĩnh lặng, xa lìa.
Thuận điều phục, tĩnh lặng;
Tâm, miệng, thân lìa ác.
Khéo nhiếp nơi trụ xứ,
Không để cho phóng dật:
Đây gọi là tùy thuận,
Điều phục và tĩnh lặng.*

Khi ấy, xuất gia ngoại đạo Thượng Tòà tự nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.” Ông liền từ trên chỗ ngồi bước xuống, chấp tay bạch Phật:

“Nay con có thể xuất gia thọ cụ túc, trở thành pháp Tỳ-kheo, ở nơi Chánh pháp Luật được chăng?”

Phật bảo xuất gia ngoại đạo Thượng Tòà:

“Nay ông có thể xuất gia thọ cụ túc, trở thành Tỳ-kheo ở trong Chánh Pháp Luật.”

Sau khi xuất gia ngoại đạo Thượng Tòà đã xuất gia và trở thành Tỳ-kheo rồi, tự suy nghĩ về lý do khiến cho người thiện nam cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà, ... *cho đến* tâm thiện giải thoát, đắc A-la-hán.

KINH 1353. TAM ĐẾ¹²⁷⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bấy giờ có nhiều tu sỹ Ba-la-môn ở cạnh ao Tu-ma-kiệt-đà, tập họp lại một chỗ bàn luận như vậy: “Đây là chân lý của Bà-la-môn!¹²⁷⁵ Đây là chân lý của Ba-la-môn!”

Bấy giờ Thế Tôn biết tâm niệm của các xuất gia Bà-la-môn kia, Ngài đi đến bờ ao Tu-ma-kiệt-đà. Lúc ấy, các xuất gia bà-la-môn từ xa trông thấy đức Phật đang đến, liền sửa soạn chỗ ngồi cho Phật, thỉnh Phật an tọa. Phật ngồi vào chỗ ngồi xong, nói với các xuất gia Bà-la-môn:

“Các Ông tụ tập ở bờ ao Tu-ma-kiệt-đà này để bàn luận những gì?”

Xuất gia Bà-la-môn bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, số đông các tu sỹ Bà-la-môn chúng tôi tập họp nơi đây bàn luận như vậy: Đây là chân lý của Bà-la-môn! **[251b]** Đây là chân lý của Ba-la-môn!”

Phật bảo các xuất gia Bà-la-môn:

“Có ba chân lý của Bà-la-môn¹²⁷⁶ mà Ta đã tự mình giác ngộ, thành Đẳng Chánh Giác, lại vì người diễn nói. Xuất gia Bà-la-môn các Ông nói như vậy: ‘Không hại tất cả chúng sanh.’ Đó là chân lý của Bà-la-môn, chẳng phải hư dối. Đối với chân lý đó, họ không hệ

¹²⁷⁴ Đại chánh, kinh 972. Ba sự thực. Pāli, A. 4.185. *Brāhmaṇasacca*. Biệt dịch, No 100(206), No 125(26.8).

¹²⁷⁵ Bà-la-môn chân đế 婆羅門真諦.

¹²⁷⁶ A 4. 185: *cattārimāni brāhmaṇasaccāni*, đây là bốn chân lý của Bà-la-môn.

lụy để nói với nhau rằng: ‘Ta hơn, rằng ta bằng, rằng ta kém.’¹²⁷⁷ Nhưng đối với tất cả thế gian biểu hiện lòng từ, đó gọi là chân lý thứ nhất của Bà-la-môn, mà Ta đã tự giác ngộ, thành Đẳng Chánh Giác, và vì người diễn nói.

“Lại nữa, Bà-la-môn nói như vậy: ‘Những gì là pháp tập khởi¹²⁷⁸ đều là diệt pháp.’ Đó là chân lý, chẳng phải là hư vọng. ... *cho đến* đối với chân đế này chẳng chấp trước, và đối với tất cả thế gian mà quán sát sinh diệt. Đó gọi là chân lý thứ hai của Bà-la-môn.

“Lại nữa, Bà-la-môn nói vậy: ‘Không có ta bất cứ ở đâu, bất cứ sự gì, hoàn toàn không có gì. Không có ta bất cứ ở đâu, bất cứ sự gì, hoàn toàn không có gì.’¹²⁷⁹ Đó là chân lý, chẳng phải hư vọng, như trước đã nói, ... *cho đến* đối với chân lý kia không bị trói buộc, và đối với tất cả thế gian vô ngã như nhau. Đó gọi là chân lý thứ ba của Bà-la-môn, Ta đã tự giác ngộ, thành Đẳng Chánh Giác, và vì người diễn nói.”

Bấy giờ các xuất gia Bà-la-môn đều ngồi im lặng. Thế Tôn nghĩ rằng: “Hôm nay Ta soi sáng sự ngu si của họ, tiêu diệt điều ác của họ, nhưng hiện tại trong chúng này không có một người có khả năng tự suy xét, muốn tạo nhân duyên để ở trong pháp của Sa-môn Cù-đàm tu hành phạm hạnh!”

Ngài đã biết như vậy rồi, nên từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

KINH 1354. CHIÊN-ĐÀ¹²⁸⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cù-sư-la, tại nước Câu-diêm-di. Bấy giờ Tôn giả A-nan cũng ở đó.

Lúc ấy có xuất gia ngoại đạo tên là Chiên-đà¹²⁸¹ đi đến chỗ Tôn giả A-nan, cùng thăm hỏi khích lệ nhau xong, ngồi xuống một bên. Ông hỏi Tôn giả A-nan:

“Vì lý do gì Tôn giả xuất gia tu phạm hạnh ở nơi Sa-môn Cù-đàm?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Vì muốn đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si, nên tôi xuất gia tu phạm hạnh ở nơi Sa-môn Cù-đàm.”

¹²⁷⁷ Bản Hán, văn cú đảo trang khiến dễ lẫn lộn phủ định với khẳng định. Cf Pāli ibid.: *so tena na samaṇo ti maññati, ... na seyyoham asmīti maññati, na sadisoḥam asmīti maññati... api ca yadeva tattha saccaṃ anuddayāya anukampāya paṭipanno hoti*: vị ấy vì vậy không nghĩ rằng mình là sa-môn... không nghĩ rằng ta hơn, ta bằng... Lại nữa do nhận thức chính xác chân lý ở đây mà vị ấy thực hành lòng thương yêu, thương xót đối với các chúng sinh.

¹²⁷⁸ Tập pháp 集法. Pāli, gồm hai chân đế: *sabbe kāmā aniccā... sabbe bhavā aniccā...*, tất cả dục là vô thường... tất cả hữu là vô thường.

¹²⁷⁹ Hán: *Vô ngã xứ sở cập sự đô vô sở hữu. Vô ngã xứ sở cập sự đô vô sở hữu* 無我處及事都無所有. Cf. Pāli ibid.: *nāham kvacani kassaci kiñcana tasmim na ca mama kvacani katthaci kiñcanatathī ti*: “Ta không là ai, của bất cứ ai, là bất cứ cái gì. Trong đó, không có bất cứ ai, bất cứ ở đâu, bất cứ cái gì, là của ta.”

¹²⁸⁰ Đại chánh, kinh 973. Pāli, M.76. *Sandaka-suttanta*. Biệt dịch, No 100(207).

¹²⁸¹ Chiên-đà 梅陀. Pāli: ngoại đạo xuất gia Sandaka sống trong hang Pilakkha.

Chiên-đà lại hỏi:

“Vị ấy có thể nói về sự đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si chăng?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Tôi cũng có thể nói về sự đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si.”

Chiên-đà lại hỏi:

“Ngài thấy tham dục, sân nhuế, ngu si có những sai lầm, tai hại gì mà nói đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si?”

A-nan đáp:

“Vì sự nhiễm trước tham dục, [251c] làm che mờ tâm nên hoặc tự hại mình, hoặc hại người, hoặc hại cả hai, hiện tại mắc tội, đời sau mắc tội, hiện tại, đời sau cả hai đều mắc tội; tâm người ấy lúc nào cũng cảm thấy buồn khổ. Nếu khi bị sân nhuế che mờ, ngu si che mờ thì nó tự hại mình, hại người, mình người đều hại ... *cho đến* lúc nào cũng có cảm giác buồn khổ.

“Lại nữa, tham dục là sự mù quáng, là không có mắt, là không có trí, làm tuệ lực sút kém, làm chướng ngại, không phải là minh, chẳng phải Đẳng giác, chẳng chuyển hướng đến Niết-bàn. Sân nhuế, ngu si cũng lại như vậy. Tôi thấy tham dục, sân nhuế, ngu si có những sai lầm tai hại như vậy nên nói phải đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si.”

Chiên-đà lại hỏi:

“Ngài thấy đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si có phước lợi gì mà nói đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si?”

A-nan đáp:

“Đoạn tham dục rồi thì không tự hại, cũng không hại người, cũng không hại cả hai. Hiện tại không mắc tội, đời sau không mắc tội; hiện tại, đời sau đều không mắc tội, tâm pháp lúc nào cũng cảm thấy hoan hỷ, an lạc. Sân nhuế, ngu si cũng như vậy, trong hiện tại lúc nào cũng xa lìa nhiệt não, không đợi thời tiết, chúng đặc ngay trong hiện tại, duyên nơi chính mình mà thấy biết. Do những công đức lợi ích như vậy, nên tôi nói cần đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si.”

Chiên-đà lại hỏi Tôn giả A-nan:

“Có đạo, có đạo tích nào, mà tu tập, tu tập thường xuyên thì có thể đoạn được tham dục, sân nhuế, ngu si không?”

A-nan đáp:

“Có. Đó là Thánh đạo tám chi: Chánh kiến ... cho đến chánh định.”

Ngoại đạo Chiên-đà thưa Tôn giả A-nan:

“Đây là đạo hiền thiện vậy thay! Là tích hiền thiện vậy thay! Nếu tu tập, tu tập nhiều thì sẽ có khả năng đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si.”

Ngoại đạo Chiên-đà sau khi nghe Tôn giả A-nan nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

KINH 1355. BỔ-LŨ-ĐỀ-CA (1)¹²⁸²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bảy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy, Thế Tôn vì Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết nhiều pháp, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ xong, đức Phật im lặng. Tôn giả Xá-lợi-phất sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ cúi đầu đánh lễ sát chân mà đi.

Lúc ấy, có xuất gia ngoại đạo tên Bồ-lũ-đề-ca¹²⁸³ trên đường đi ngược lại. Ông hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Ngài từ đâu lại?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Này Hòa Chúng, [252a] tôi từ chỗ Thế Tôn, nghe Đại Sư nói pháp, dạy dỗ, rồi tới đây.”

Bồ-lũ-đề-ca hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Đến nay vẫn còn chưa dứt sữa, vẫn theo Đại Sư nghe thuyết pháp, thọ lãnh pháp chẳng?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Này Hòa Chúng, tôi không dứt sữa, mà vẫn ở nơi Đại Sư nghe thuyết pháp, thọ lãnh pháp.”

Bồ-lũ-đề-ca nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Tôi đã lia sữa từ lâu, xả bỏ những gì thầy đã truyền dạy.”

Xá-lợi-phất nói:

“Pháp của Ông là pháp luật được diễn thuyết một cách tệ hại, được giác ngộ một cách tệ hại; chẳng phải là pháp xuất ly, chẳng phải là đạo chánh giác, là pháp hư hoại, chẳng phải pháp đáng để khen ngợi, chẳng phải pháp đáng để y chỉ.

“Lại nữa, vị thầy kia không phải là bậc Đẳng Chánh Giác, cho nên ông nhanh chóng lia bỏ sữa, lia bỏ giáo pháp của thầy. Ví như con bò sữa, cộc cần hung dữ, dịch sữa lại ít. Nghe con bú sữa xong vội vã bỏ đi. Cũng vậy, pháp luật như vậy được diễn thuyết một cách tệ hại, được giác ngộ một cách tệ hại; chẳng phải là pháp xuất ly, chẳng phải là đạo chánh giác, là pháp hư hoại, chẳng phải pháp đáng để khen ngợi, chẳng phải pháp đáng để y chỉ.

“Lại nữa, vị thầy ấy không phải là bậc Đẳng Chánh Giác, cho nên Ông nhanh chóng lia bỏ giáo pháp của thầy ông đã dạy. Pháp mà tôi có là Chánh Pháp Luật, là thiện giác, là xuất ly, là đạo chánh giác, chẳng hoại, đáng để khen ngợi, đáng để y chỉ.

“Lại nữa, Đại Sư của tôi là bậc Đẳng Chánh Giác, cho nên từ lâu tôi được uống dòng sữa của Ngài, được nghe Đại Sư dạy dỗ chánh pháp. Ví như con bò sữa không cộc cần hung

¹²⁸² Đại chánh, kinh 973. Biệt dịch, No 100(208).

¹²⁸³ Bồ-lũ-đề-ca 補縷低迦.

dữ, lại có nhiều dịch sữa. Nghe con của nó uống sữa lâu mà không chán. Pháp của tôi cũng vậy, là Chánh Pháp Luật ... *cho đến* từ lâu tôi đã được nghe và lãnh thọ giáo pháp.”

Khi ấy, Bồ-lũ-đê-ca nói với Xá-lợi-phất:

“Tôn giả chóng được thiện lợi nơi Chánh Pháp Luật ... *cho đến* từ lâu đã được nghe và lãnh thọ giáo pháp.”

Xuất gia ngoại đạo Bồ-lũ-đê-ca nghe những gì Xá-lợi-phất nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ, lên đường mà đi.

KINH 1356. BỒ-LŨ-ĐÊ-CA (2)¹²⁸⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ xuất gia ngoại đạo Bồ-lũ-đê-ca đi đến chỗ Phật. Sau khi cùng Thế Tôn chào hỏi an úy xong, ông ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, hôm trước có nhiều xuất gia ngoại đạo Sa-môn, Bà-la-môn tập họp ở giảng đường Vị tăng hữu¹²⁸⁵ bàn luận như vậy: ‘Trí tuệ của Sa-môn Cù-đàm như cái nhà trống,¹²⁸⁶ không thể ở giữa chỗ đông người kiến lập luận nghị: Điều này nên, điều này không nên; điều này hợp, điều này không hợp. Như con bò đui đi ngoài bờ ruộng không vào trong ruộng. Sa-môn Cù-đàm cũng lại như vậy, không có điều gì [252b] nên, không nên; không có điều gì hợp, không hợp.’ ”

Phật bảo Bồ-lũ-đê-ca:

“Sự bàn luận của các ngoại đạo này nói ‘nên hay không nên; hợp hay không hợp’, trong chánh Pháp Luật như trò đùa của trẻ con. Ví như người tám, chín mươi tuổi, tóc bạc, răng rụng, làm trò đùa như trẻ con, dùng đất bùn nặn ra các thứ hình voi, ngựa. Mọi người đều nói: ‘Đây là bé con già tuổi.’ Cũng vậy, này Hỏa Chung, các thứ luận thuyết cho rằng: ‘Nên không nên, hợp không hợp’ đối với Thánh Pháp Luật như trò đùa của trẻ con. Nhưng ở trong đó không có gì cho Tỳ-kheo cần nỗ lực cả.”

Bồ-lũ-đê-ca bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, ở nơi nào có điều mà Tỳ-kheo cần nỗ lực?”

Phật bảo ngoại đạo:

“Cái gì không thanh tịnh khiến cho thanh tịnh; đó là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực. Không điều phục khiến họ điều phục; đó là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực. Không định khiến cho họ được chánh định; đó là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực. Không giải thoát khiến họ được giải thoát; đó là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực. Không đoạn khiến cho đoạn, không biến tri khiến cho biến tri, không tu khiến cho tu, không đắc khiến cho đắc; đó là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực.

¹²⁸⁴ Đại chánh, kinh 975. Biệt dịch, No 100(209).

¹²⁸⁵ Giảng đường Vị tăng hữu 未曾有講堂.

¹²⁸⁶ Cf. No 1(8): không xá tuệ 空舍慧; D 25: *suññāgārahatā samaṇassa gotamassa paññā*, trí tuệ của Sa-môn Gotama bị hủy hoại như ngôi nhà trống (bị hủy hoại vì sống ở chỗ hoang vắng).

“Thế nào là không thanh tịnh khiến thanh tịnh? Giới chưa thanh tịnh làm cho giới thanh tịnh. Thế nào là chưa điều phục làm cho điều phục? Các căn mắt, các căn tai, mũi, lưỡi, thân, ý chưa điều phục khiến điều phục đầy đủ; đó gọi là không điều phục khiến họ điều phục. Thế nào là không định khiến họ được chánh định? Tâm không chánh định khiến cho được chánh định. Thế nào là không giải thoát khiến được giải thoát? Tâm không giải thoát tham dục, sân nhuế, ngu si khiến được giải thoát. Thế nào là không đoạn khiến đoạn? Vô minh, hữu ái không đoạn khiến đoạn. Thế nào là không biến tri khiến biến tri? Đối với danh sắc không biến tri khiến biến tri. Thế nào là không tu khiến cho tu? Đối với chỉ quán không tu khiến tu. Thế nào là không đắc khiến đắc? Đối Niết-bàn chưa đắc khiến đắc. Đây gọi là chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực.”

Bồ-lũ-đề-ca bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, đây là mục đích mà Tỳ-kheo cần nỗ lực; đây là sự kiên cố mà chỗ Tỳ-kheo cần nỗ lực; tức là tận trừ các hữu lậu.”

Sau khi nghe những gì Phật dạy, xuất gia ngoại đạo Bồ-lũ-đề-ca hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

KINH 1357. THI-BÀ (1)¹²⁸⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bấy giờ có xuất gia ngoại đạo tên là Thi-bà¹²⁸⁸ đến chỗ Phật. Sau khi cùng Thế Tôn chào đón thăm hỏi an úy, ông ngồi xuống một bên, bạch [252c] Phật:

“Thưa Cù-đàm, thế nào là học? Gọi là học, vậy thế nào là học?”

Phật bảo Thi-bà:

“Học những gì hãy học, nên gọi là học.”

Thi-bà bạch Phật:

“Học những gì?”

Phật bảo Thi-bà:

“Tùy thời học tăng thượng giới, học tăng thượng tâm, học tăng thượng tuệ.”

Thi-bà bạch Phật:

“Tỳ-kheo A-la-hán mà các lậu đã tận, những việc làm đã xong, đã trút bỏ các gánh nặng, chóng được tự lợi, tận trừ những kết sử của hữu, bằng chánh trí mà khéo giải thoát, bấy giờ vị ấy lại còn phải học những gì nữa?”

Phật bảo Thi-bà:

“Nếu Tỳ-kheo A-la-hán mà các lậu đã tận ... *cho đến* chánh trí khéo giải thoát, lúc bấy giờ giác tri tham dục vĩnh viễn sạch hết không còn, giác tri sân nhuế, ngu si vĩnh viễn sạch hết không còn, nên không còn tạo lại các điều ác, lúc nào cũng thực hành các điều lành. Thi-bà, đó gọi là học những gì cần học.”

¹²⁸⁷ Đại chánh, kinh 976. Pāli, xem cht. kinh 977 dưới. Biệt dịch, No 100(210).

¹²⁸⁸ Thi-bà 尸婆. Xem cht. kinh Đại chánh 977.

Xuất gia ngoại đạo Thi-bà sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

KINH 1358. THI-BÀ (2)¹²⁸⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bấy giờ xuất gia ngoại đạo Thi-bà¹²⁹⁰ đi đến chỗ Phật. Sau khi cùng Thế Tôn thăm hỏi an úy xong, ông ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, có một số xuất gia Bà-la-môn quan điểm như vậy, nói như vậy: ‘Tất cả những gì được giác tri bởi con người, tất cả những thứ ấy đều là nhân đã được tạo tác từ trước.¹²⁹¹ Tu các khổ hạnh khiến cho các nghiệp quá khứ sạch hết, không còn tạo ra nghiệp mới, đoạn các nhân duyên, không còn các lậu trong đời vị lai. Vì các lậu đã hết nên nghiệp hết. Vì nghiệp hết nên hết khổ. Khổ hết nên rốt ráo biên tế của khổ.’ Ở đây quan điểm của Cù-đàm là như thế nào?”

Phật bảo Thi-bà:

“Sa-môn, Ba-la-môn kia thật sự nói một cách mơ hồ, không suy xét, không cân nhắc, ngu si, không khéo léo, không biện biệt. Vì sao? Hoặc khổ khởi lên do gió mà chúng sanh giác tri, hoặc khởi do đờm, hoặc khởi từ nước dãi, hoặc khởi từ đặng phần,¹²⁹² hoặc do tự hại, hoặc do kẻ khác hại, hoặc do thời tiết khí hậu. Người tự hại kia, hoặc nhổ tóc, hoặc nhổ râu, hoặc thường đứng giong tay, hoặc ngồi xồm trên đất, hoặc nằm giữa tro đất, hoặc nằm trên chông gai, hoặc nằm trên cái chày, hoặc nằm trên ván, hoặc nằm trên đất trét phân trâu, hoặc nằm trong nước, hoặc một ngày tắm rửa ba lần, hoặc đứng một chân, thân xoay chuyển theo mặt trời. Họ siêng năng thực hành mọi thứ khổ như vậy. Nay Thi-bà, đó gọi là tự hại. Còn khổ do hay kẻ khác hại là, hoặc bị người khác dùng tay, đá, dao, gậy, các thứ hại thân. Đó gọi là kẻ khác làm hại.

“Nay Thi-bà, **[253a]** hoặc bị thời tiết làm hại, như mùa đông thì thật lạnh, mùa xuân thì thật nóng, mùa hạ vừa nóng vừa lạnh. Đó là bị thời tiết hại. Những điều này thật có ở thế gian, chẳng phải hư vọng. Nay Thi-bà, thế gian có những thực tế này như bị gió làm hại ... *cho đến* bị thời tiết, khí hậu làm hại. Chúng sanh kia giác tri như thật. Ông cũng tự có những tai họa này: gió, đờm, nước dãi, thời tiết làm hại, ... *cho đến* biết thời tiết làm hại như vậy, được giác tri như thật như vậy.

“Nay Thi-bà, Sa-môn, Bà-la-môn nào nói rằng: tất cả những gì người ta tri giác được đều là nhân đã được tạo từ trước, đó là bỏ việc thực tế ở thế gian mà nói theo sự nhận thấy hư vọng của chính mình.

¹²⁸⁹ Đại chánh, kinh 977. Pāli, S. 36. 21. *Sīvako*. Biệt dịch, No 100(211).

¹²⁹⁰ Thi-bà Thi-bà 尸婆. Pāli: *MoḷiyaSīvaka paribbājaka*, tu sỹ bện tóc Sīvaka.

¹²⁹¹ Pāli: *yaṃ kiñcāyaṃ purisapuggalo paṭiamaṇvedeti sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā sabbaṃ taṃ pubbekatahetū'ti*: Bất cứ lạc thọ gì, khổ thọ gì, hay phi khổ phi lạc thọ gì, mà con người cảm thọ, tất cả đều là nhân được tạo tác từ trước.

¹²⁹² *Đặng phần khởi*, khởi lên do các yếu tố kể trên hợp lại.

“Này Thi-bà, có năm nhân năm duyên sinh tâm ưu khổ. Những gì là năm? Nhân bởi tham dục triền phược, duyên bởi tham dục triền phược mà sinh tâm pháp ưu khổ. Nhân bởi sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi triền phược; duyên bởi sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi triền phược sinh tâm pháp ưu khổ. Này Thi-bà, đó là năm nhân, năm duyên sanh tâm ưu khổ?”

“Này Thi-bà, có năm nhân, năm duyên không sanh tâm ưu khổ. Những gì là năm? Nhân tham dục trói buộc, duyên tham dục trói buộc sinh tâm ưu khổ; lia tham dục trói buộc, không khởi tâm ưu khổ. Đây gọi là năm nhân, năm duyên không khởi tâm ưu khổ, ngay hiện tại không bị thiêu đốt, không đợi thời tiết, thông suốt những gì được thấy, duyên nơi chính mình mà giác tri.

“Này Thi-bà, lại có pháp hiện tại không bị thiêu đốt, không đợi thời tiết, đó là tám chi Thánh đạo, chánh kiến ... *cho đến* chánh định.”

Lúc nói pháp này, xuất gia ngoại đạo Thi-bà xa lia trần cấu, đắc pháp nhãn thanh tịnh. Thi-bà thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, thâm nhập pháp, lia hồ nghi, không do người khác, vào trong chánh Pháp luật, đắc vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, chấp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, hôm nay con có thể xuất gia, thọ cụ túc, trở thành Tỳ-kheo ở trong chánh Pháp Luật chẳng?”

Phật bảo Thi-bà:

“Nay người được xuất gia...” *Nói như trên, ... cho đến* tâm thiện giải thoát, đắc A-la-hán.

KINH 1359. THƯƠNG CHỦ¹²⁹³

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Hảo-y am-la¹²⁹⁴ tại thôn Na-la. Bấy giờ tại thôn Na-la có Thương Chủ¹²⁹⁵ xuất gia ngoại đạo, đã một trăm hai mươi tuổi, các căn suy yếu, được các trưởng giả, Bà-la-môn, cư sỹ thôn Na-la tôn trọng, cúng dường như bậc A-la-hán.

Thương Chủ [253b] xuất gia ngoại đạo kia trước đây có một người thân, mệnh chung sinh về cõi trời. Ông ở cõi trời kia nhìn thấy Thương Chủ xuất gia ngoại đạo, nghĩ rằng: “Ta muốn muốn đến bảo Thương Chủ xuất gia ngoại đạo đến chỗ Thế Tôn, tu hành phạm hạnh. Sợ ông ta không nghe theo lời ta. Nay ta nên đến đó, bằng ý luận¹²⁹⁶ khiến cho hỏi.”

Sau đó vị trời này hiện thân xuống thôn Na-la, đi đến chỗ Thương Chủ xuất gia ngoại đạo kia và nói kệ rằng:

*Sao là ác tri thức,
Hiện tướng thiện tri thức?
Sao là thiện tri thức,*

¹²⁹³ Đại chánh, kinh 978. Biệt dịch, No 100(212).

¹²⁹⁴ Na-la tụ lạc Hảo-y am-la viên 那羅聚落好衣菴羅園.

¹²⁹⁵ Thương chủ 商主. No 100(212): Na-lị-bà-lực 那利婆力. Pāli: *Nālivanika* ?

¹²⁹⁶ Ý luận 意論. No 100(212): tâm trung mặc niệm 心中默念.

*Đồng một thể như mình?
Vi sao cầu đoan trì?
Làm sao lia thiêu đốt?*

“Này Tiên nhân, nếu ông đem ý luận này hỏi những người kia, ai có thể giải rõ, nói nghĩa kia và đáp được cho ông thì ông nên theo người ấy xuất gia tu phạm hạnh.”

Thương Chủ xuất gia ngoại đạo nhận những lời mách bảo của vị trời nọ, bèn đi đến chỗ Phú-la-na Ca-diếp, đem ý của bài kệ này hỏi Phú-lan-na Ca-diếp. Phú-lan-na Ca-diếp còn không thể hiểu được huông chi là có thể đáp lại.

Sau đó Thương chủ xuất gia ngoại đạo đi đến chỗ Mạt-ca-lê-cù-xá-lợi Tử, San-xà-gia-tỳ-la-chi Tử, A-kỳ-đa-chi-xá-khâm-ba-la, Ca-la-câu-đà Ca-chiên-diên, Ni-càn-đà-nhã-đề Tử, đều đem ý của bài kệ này để hỏi, tất cả đều không thể đáp.

Khi đó Thương chủ xuất gia ngoại đạo nghĩ rằng: “Ta đem ý luận bài kệ này hỏi các bậc thầy xuất gia, tất cả đều không đáp được. Nay ta lại muốn cầu xuất gia, hiện tại ta tự có tiền của, chẳng bằng trở về nhà hưởng thụ ngũ dục.” Lại suy nghĩ: “Nay ta hãy đến Sa-môn Cù-đàm. Nhưng các vị người Sa-môn, Bà-la-môn kỳ cựu như Phú-la-na Ca-diếp v.v... đều không thể đáp, mà Sa-môn Cù-đàm xuất gia tuổi trẻ, sao có thể thấu tỏ được. Nhưng ta nghe bậc tiên túc nói: ‘Chớ khinh người xuất gia tuổi trẻ mới học. Hoặc có Sa-môn xuất gia tuổi trẻ oai đức lớn.’ Hôm nay ta sẽ đến Sa-môn Cù-đàm, đem ý luận tâm niệm này để hỏi.”

Bấy giờ, Thế Tôn biết được tâm niệm của Thương chủ kia, liền nói kệ:

*Sao là ác tri thức,
Hiện tướng là thiện hữu?
[253c] Trong tâm thật xấu, tòm,
Miệng nói: tôi đồng tâm;
Việc làm không vui chung.
Biết đó không phải bạn.*

*Miệng nói lời yêu mến,
Tâm chẳng thật tương ưng,
Việc làm cũng không đồng.
Bậc tuệ nên giác tri,
Đây là ác tri thức.*

*Cùng ta đồng một thể,
Sao là thiện tri thức?
Cùng ta đồng một thể,
Chẳng phải thiện hữu kia:
Buông lung không chế ngự,
Bại hoại, ôm nghi hoặc.*

*Suy xét tìm manh mối,
An nơi thiện tri thức,
Như con trong lòng cha,
Không phải kẻ bên ngoài:*

*Đó là thiện tri thức.
Vì sao cầu đoạn tận?
Sinh vào nơi hoan hỷ,
Trong mát, đáng khen ngợi,
Tu tập quả phước lợi,
Trọn tinh lạng, mát mẻ,
Cho nên cầu đoạn tận.

Thế nào là thiêu đốt?
Vị tịch tĩnh vắng lặng,
Biết vị viễn ly kia,
Viễn ly ác thiêu đốt,
Ném được vị pháp hỷ,
Tịch diệt lửa dục,
Đó gọi là thiêu đốt.*

Bấy giờ, Thương Chủ xuất gia ngoại đạo tự nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm niệm của ta.” Ông liền bạch Phật:

“Nay con có được xuất gia tu phạm hạnh, thọ giới cụ túc, trở thành Tỳ-kheo ở trong chánh Pháp Luật của Sa-môn Cù-đàm chăng?”

Phật bảo Thương Chủ xuất gia ngoại đạo:

“Nay Ông có thể được xuất gia tu phạm hạnh, thọ giới cụ túc, trở thành Tỳ-kheo ở trong chánh Pháp Luật.”

Sau khi được xuất gia như vậy rồi ông tư duy ... *cho đến* tâm thiên giải thoát, đắc quả A-la-hán.

KINH 1360. TU-BẠT-ĐÀ-LA¹²⁹⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong rừng Sa-la Song thọ, sinh địa của dòng họ Lục sỹ, nước Câu-di-na-kiệt.¹²⁹⁸ Bấy giờ Thế Tôn sắp Niết-bàn, Ngài bảo Tôn giả A-nan:

“Hãy treo giường dây giữa hai cây Sa-la đầu hướng về Bắc. Trong đêm nay Như Lai sẽ ở trong Vô dư Niết-bàn giới mà nhập bát-niết-bàn.”

Khi ấy Tôn giả A-nan vâng lời dạy treo giường dây giữa hai cây Sa-la đầu hướng về Bắc. Xong rồi, Tôn giả đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, đứng lui qua một bên, **[254a]** bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con đã treo giường dây giữa hai cây song thọ, đầu hướng về Bắc.”

¹²⁹⁷ Đại chánh, kinh 979. Xem Trường, No 1(2), phần III. Cf. D.16 *Mahāparinibbānasuttanta* (ii. 149ff: *Subhaddaparibbājakavatthu*). Biệt dịch, No 100(213), No 100(110).

¹²⁹⁸ Câu-di-na-kiệt quốc Lục sỹ sinh xứ Kiên cố song thọ lâm 俱夷那竭國力士生處堅固 雙樹林. Pāli: *Kusinārā upavattanaṃ Mallānaṃ sālavanaṃ*.

Bấy giờ, Thế Tôn đến giữa hai cây nằm trên giường dây đầu quay về hướng Bắc, nghiêng bên hông phải, hai chân chồng lên nhau, buộc niệm vào ánh sáng, chánh niệm, chánh trí.

Lúc ấy, trong nước Câu-di-na-kiệt có xuất gia ngoại đạo tên là Tu-bạt-đà-la,¹²⁹⁹ tuổi thọ một trăm hai mươi, tuổi già, căn yếu, được người nước Câu-di-na-kiệt cung kính cúng dường như A-la-hán. Xuất gia Tu-bạt-đà-la kia nghe Thế Tôn đêm nay sẽ ở trong Vô dư Niết-bàn giới mà bát-niết-bàn, nhưng ông nghĩ, “Ta có điều hoài nghi, vẫn sống với hy vọng. Sa-môn Cù-đàm còn đủ sức có thể khai ngộ cho ta. Hôm nay ta nên đến chỗ Sa-môn Cù-đàm thưa hỏi điều hoài nghi của mình.” Ông liền ra khỏi Câu-di-na-kiệt, đi đến chỗ Thế Tôn. Trong lúc đó Tôn giả A-nan đang đi kinh hành ngoài cổng vườn. Tu-bạt-đà-la nói với Tôn giả A-nan:

“Tôi nghe nói đêm nay Sa-môn Cù-đàm sẽ ở trong Vô dư Niết-bàn giới mà bát-niết-bàn. Tôi có điều hoài nghi, vẫn sống với hy vọng. Sa-môn Cù-đàm còn đủ sức có thể khiến cho tôi giác ngộ. Nếu như A-nan không ngại khó nhọc, vì tôi đến thưa lại với Cù-đàm, xin dành chút ít thì giờ rảnh để giải đáp cho những thắc mắc của tôi.”

A-nan đáp:

“Thế Tôn đang rất mệt mỏi như vậy, chớ nên làm bức Thế Tôn!”

Qua ba lần Tu-bạt-đà-la nài nỉ, Tôn giả A-nan cũng ba lần từ chối. Tu-bạt-đà-la nói:

“Tôi nghe các bậc xuất gia lão túc Đại sư thừa xưa nói rằng, lâu lắm mới có Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian này như hoa Ưu-đàm-bát. Nhưng hiện tại trong đêm nay Như Lai sẽ trong Vô dư Niết-bàn giới mà bát-niết-bàn. Đối với pháp, hôm nay tôi có chút nghi, vẫn sống với tín tâm, vì Sa-môn Cù-đàm còn đủ sức có thể làm cho tôi giác ngộ. Nếu A-nan không ngại khó nhọc, vì tôi mà thưa với Sa-môn Cù-đàm.”

A-nan lại đáp:

“Này Tu-bạt-đà-la! Hôm nay Thế Tôn quá mệt mỏi, chớ nên bức Thế Tôn.”

Bấy giờ, Thế Tôn bằng thiên nhĩ nghe những lời qua lại giữa A-nan và Tu-bạt-đà-la, liền bảo Tôn giả A-nan:

“Đừng ngăn xuất gia ngoại đạo Tu-bạt-đà-la. Hãy để cho vào hỏi những điều nghi của ông ấy. Vì sao? Vì đây là lần cuối cùng luận nghị với xuất gia ngoại đạo, và đây là vị Thiện lai Tỷ kheo Thanh văn chứng đắc sau cùng. Đó là Tu-bạt-đà-la.”

Bấy giờ Tu-bạt-đà-la nghe Thế Tôn vì ông khai mở căn lành, vui mừng vô hạn, đến chỗ Thế Tôn cùng Thế Tôn chào đón, thăm hỏi an úy, [264b] rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, phạm nhập xứ của thế gian, tức là sáu vị Tông sư như Phú-lan-na Ca-diếp, v.v., mỗi người tự lập tông như vậy: ‘Đây là sa-môn! Đây là Sa-môn!’ Thế nào, thưa Cù-đàm! Có đúng là mỗi một phái đều có tông này chăng?”

Bấy giờ Thế Tôn liền vì Tu-bạt-đà-la nói kệ:

*Ta từ hai mươi chín,
Xuất gia tu thiện đạo;*

¹²⁹⁹ Tu-bạt-đà-la 須跋陀羅. Pāli: *Subhadda*.

*Thành đạo tới ngày nay,
Trải qua năm mươi năm.
Tam muội, minh, hạnh đủ,
Thường tu tập tịnh giới:
Lìa chút đạo phần này,
Ngoài đây không Sa-môn.*

Phật bảo Tu-bạt-đà-la:

“Ở trong chánh Pháp Luật, ai không được tám chánh đạo, cũng không được sơ quả Sa-môn, cũng không được đệ nhị, đệ tam, đệ tứ quả Sa-môn. Nay Tu-bạt-đà-la, ở trong chánh Pháp Luật này, ai được tám chánh đạo thì được sơ quả Sa-môn, được đệ nhị, đệ tam, đệ tứ quả Sa-môn. Ngoài đây ra, ngoại đạo không có Sa-môn. Ở đây các thầy ngoại đạo kia, chỉ Sa-môn, Bà-la-môn suông mà thôi. Cho nên nay Ta ở trong chúng, rống lên tiếng rống sư tử.”

Khi Phật nói pháp này, xuất gia ngoại đạo Tu-bạt-đà-la lia xa trần cấu, được pháp nhãn tịnh. Khi ấy Tu-bạt-đà-la thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, nhập pháp, vượt qua các hồ nghi, được tín tâm không do người khác, không nhờ người độ, trong chánh Pháp Luật đắc vô sở úy. Từ chỗ ngồi đứng lên, ông sửa lại y phục, gối phải sát đất, bạch Tôn giả A-nan:

“Tôn giả được thiện lợi, Tôn giả có được Đại sư, được làm đệ tử Đại sư, được mưa pháp của Đại sư rưới lên đỉnh đầu. Ngày nay nếu tôi được xuất gia thọ giới cụ túc làm Tỳ kheo ở trong chánh Pháp Luật, cũng sẽ được lợi ích như vậy.”

Lúc ấy, Tôn giả A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, xuất gia ngoại đạo Tu-bạt-đà-la nay cầu xin xuất gia thọ giới cụ túc, làm Tỳ-kheo ở trong chánh Pháp Luật.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tu-bạt-đà-la:

“Hãy đến đây, Tỳ-kheo, tu hành phạm hạnh.”

Ngay lúc ấy Tôn giả Tu-bạt-đà-la liền được xuất gia thọ giới cụ túc, trở thành Tỳ-kheo. Từ đó tư duy như vậy ... *cho đến* tâm thiện giải thoát, đắc A-la-hán. Khi Tôn giả Tu-bạt-đà-la đắc A-la-hán, được an lạc giải thoát, đã giác tri, tự nghĩ: “Ta không nữa nhìn Phật bát-niết-bàn. Ta sẽ bát-niết-bàn trước.” Khi ấy, Tôn giả Tu-bạt-đà-la bát-niết-bàn trước, sau đó Thế Tôn mới bát-niết-bàn.